

CHARLES P. ROLAND

CHERRY  
CHERRY

hoa kỳ



VĂN HÓA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

nhasach  
phuongnam.com

**Nội chiến Hoa Kỳ**

**Charles P. Roland**

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

# Table of Contents

## NỘI CHIẾN HOA KỲ

### LỜI TỰA

1. Bước ngoặt chính trường
2. Kế sách vũ trang
3. Lệnh tổng động viên và các chiến dịch mở màn
4. Những vị tướng nổi bật và chiến tranh leo thang
5. Chính phủ Liên bang, bộ máy hành chính và tiến trình giải phóng nô lệ
6. Chính phủ Liên minh và bộ máy hành chính miền Nam
7. Sự cân bằng chiến thuật
8. Dòng chiến sự đổi chiều
9. Thí thố tài năng dành sự ưu tiên của châu Âu
10. Thắng lợi quân sự và thành công chính trị
11. Miền Bắc hồi sinh
12. Miền Nam bị phong tỏa
13. Chiến thắng của Liên bang
14. Nhận xét về các nhân vật chủ chốt và các biện pháp thời chiến

## LỜI TỰA

Cách nay hơn một thế kỷ, người Mỹ phải chịu hậu quả của một cuộc chiến tranh “huynh đệ tương tàn” gây tổn thất to lớn. Cuộc chiến này tái hiện lại hầu như toàn bộ chủ nghĩa anh hùng và đức hy sinh, sự tàn bạo và nỗi kinh hoàng của cuộc chiến giữa người Hy Lạp với người dân thành Troy xưa kia. Sau nội chiến Hoa Kỳ, chiến thắng của Liên bang miền Bắc đã mãi mãi thay đổi tiến trình lịch sử của nước Mỹ, và như vậy cũng thay đổi tiến trình lịch sử nhân loại.

Tác phẩm Nội chiến Hoa Kỳ súc tích nhưng dễ hiểu theo lối văn kể chuyện. Chuyện kể về cuộc chiến tranh “máu chảy ruột mềm” của người Mỹ. Sách không chỉ phân tích nghiên cứu về xu thế nguyên nhân và hệ quả hoặc những bài học xương máu rút ra từ cuộc chiến, mà nó còn kể về diễn tiến cuộc chiến tranh cục bộ này. Sách nhấn mạnh chủ yếu vào hành động quân sự, một thành tố giúp phân biệt chiến tranh với tất cả các hoạt động khác của con người. Nó đề cập đến nhiều vấn đề chính trong sự phát triển của chính trị, kinh tế, ngoại giao, xã hội và văn hóa của thời kỳ ấy, sách cho thấy diễn tiến mọi mặt đã tác động đến tiến trình xung đột như thế nào.

Tổng thống Lincoln nổi lên như một nhà lãnh đạo chiến tranh kiệt xuất. Điều này thể hiện ở đức tính kiên trì theo đuổi mục đích của ông: gìn giữ Liên bang Hoa Kỳ, không chấp nhận chính quyền miền Nam li khai. Đồng thời ông vẫn rất linh hoạt trong việc chấp nhận mục tiêu của cuộc chiến là giải phóng chế độ nô lệ. Sách không quên vạch ra những hệ quả không mấy tốt đẹp của chiến tranh luôn đi kèm với tình trạng xâm chiếm, phá hủy và xâu xé lẫn nhau từng một thời “như nấm sau mưa” ở miền Nam nước Mỹ.

Cuối cùng, sách mang lại cho độc giả sự nhẹ nhõm khi đánh giá những hậu quả bao quát của cuộc chiến này. Liên bang Hoa Kỳ đã được gìn giữ trọn vẹn với những lý tưởng về tự do, công bằng, và một chính phủ dân chủ được Lincoln trình bày trong bài phát biểu nổi tiếng nhất của ông: Diễn văn Gettysburg. Câu chuyện về nội chiến Hoa Kỳ là một thiên sử thi của dân tộc Mỹ.

# 1. Bước ngoặt chính trường

Một quang cảnh đầy kịch tính bắt đầu tại Nghị viện Hoa Kỳ. Hôm đó là ngày 29/01/1850. Thượng nghị sĩ đáng kính, đảng viên đảng Whig, ngài Henry Clay bang Kentucky đang trên bục diễn thuyết. Cả khán phòng im lặng lắng nghe. Nổi tiếng là một bậc thầy về nghệ thuật hòa giải chính trị. Thượng nghị sĩ Clay vừa trở lại nghị viện sau khi nghỉ ngơi khá lâu. Ông hy vọng tìm được một giải pháp tạm làm lắng dịu những cảm xúc ray rứt nảy sinh trước thực tại của miền Bắc và miền Nam, đồng thời đưa đất nước trở lại cảnh thanh bình.

Bế tắc nảy sinh từ những bất đồng về xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị vẫn tiếp tục không có lối thoát. Những bất đồng trong việc diễn giải hiến pháp và tính hợp pháp của ngân hàng Hoa Kỳ, những khoản chi tiêu của chính phủ Liên bang và một loại thuế bảo hộ đã gây căng thẳng đáng sợ giữa miền Bắc và miền Nam. Nhưng vấn đề gây căng thẳng lớn nhất và dai dẳng nhất vẫn là vấn đề sở hữu nô lệ. Chiếm hữu nô lệ là một thể chế đã hình thành và gây căng thẳng giữa hai miền. Bản thân vấn đề chiếm hữu nô lệ đã thực sự là một yếu tố gây tranh cãi và phần nộ cả về mặt cảm xúc lẫn đạo đức.

Thỏa ước chính trị lớn đầu tiên về vấn đề này (theo sau việc áp dụng hiến pháp Hoa Kỳ) là Thỏa ước Missouri. Thỏa ước ra đời năm 1820 sau một cuộc tranh cãi gay gắt tại hạ viện. Ngoài việc công nhận bang Missouri là bang có quyền chấp nhận thể chế chiếm hữu nô lệ là hợp pháp, và bang Maine là bang tự do để giữ thế cân bằng, theo thỏa ước này, chế độ tiếm hữu nô lệ bị cấm tại các miền đất thuộc Liên bang ở miền Bắc giới tuyến. Còn miền Nam giới tuyến cho phép chế độ nô lệ được tồn tại.

Sự bất đồng về tính pháp lý của thỏa ước này đã làm dấy nên nỗi sợ hãi sâu xa trong lòng không ít chính trị gia nước Mỹ. Từ nơi nghỉ dưỡng tại Monticello, cựu Tổng thống Thomas Jefferson, người Virginia đã viết: “Vấn đề quan trọng này như một hồi chuông báo cháy ngay giữa đêm khuya, đã làm thức tỉnh và dấy lên trong tôi nỗi kinh hoàng. Tôi cho đó là một hồi chuông báo tử của chính quyền Liên bang. Biên giới về địa lý ăn liền với một nguyên tắc đáng chú ý cả về mặt đạo đức lẫn chính trị sẽ không bao giờ bị xóa mờ. Mỗi một kích thích mới sẽ làm cho lằn ranh chia cắt ấy ngày càng thêm sâu hơn”. Ông còn nói thêm: rất có khả năng miền Nam, một ngày nào đó, sẽ buộc phải viện tới kế li khai và phát động một cuộc chiến tranh tự vệ.

Cựu Tổng thống Jefferson không phải là người duy nhất báo trước viễn cảnh đáng buồn ấy. Với một quan điểm khác với vị Tổng thống nói trên, Bộ trưởng Bộ quốc phòng và tương lai sẽ là Tổng thống của Hoa Kỳ, ông John Quincy Adams người Massachusetts đã viết bằng tâm huyết trong nhật ký rằng: ông tin sự hi sinh để bảo vệ cho sự nghiệp giải phóng nô lệ là một hành động cao cả. Cân nhắc giữa cái giá phải trả cho một cuộc nội chiến và những hành động cần thiết nhằm giải phóng chế độ nô lệ. Ông viết “thật vinh quang làm sao nếu đó là kết quả của vấn đề. Có thể Chúa trời sẽ phán xét tôi nhưng tôi không dám nói rằng một đất nước không còn chế độ nô lệ không đáng được mong ước”.

Trong vòng ba thập kỷ sau khi hiệp ước Missouri được thông qua, miền Bắc và miền Nam ngày càng trở nên xa cách hơn. Miền Nam thành lãnh địa của cây bông. Có khoảng 3,2 triệu nô lệ da đen làm việc trong những đồn điền ấy. Lượng vốn đầu tư vào số nô lệ da đen này lên tới 1,5 tỷ đô la Mỹ. Những chủ đồn điền lớn đều thuộc tầng lớp “có máu mặt” trong các lãnh vực chính trị, xã hội và kinh tế miền Nam. Các thành phố miền Nam, nếu so với tiêu chuẩn của miền Bắc, có phần nhỏ hơn. Nơi đây là quê hương của nhiều nhà chuyên môn, chủ ngân hàng, các tay buôn nô lệ và chủ nô giàu có. Họ liên kết chặt chẽ cả về mặt xã hội lẫn chính trị với những chủ đồn điền lớn. Các thành phố cũng có một lực lượng đông đảo các chủ tiệm buôn, thợ thủ công lành nghề, và giới lao động bình dân. Nhưng đa số dân miền Nam là người da trắng sinh sống bằng nghề chăn nuôi gia súc hay như những nông dân độc lập.

Mặc dù khoảng 3/4 dân số da trắng ở miền Nam không hề có nô lệ, nhưng người da trắng ở miền Nam nói chung ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ. Quan điểm này có ảnh hưởng sâu rộng. Tham vọng của đại đa số người dân nơi đây là thành chủ đồn điền và được sở hữu nô lệ. Tuy nhiên, phần lớn quan điểm này xuất phát từ lí lẽ chủ đạo: người da trắng, xét về mặt chủng tộc, có quyền tối thượng. Họ lo sợ giải phóng nô lệ sẽ gây ra cảnh bạo lực lan tràn. Xã hội bị lay chuyển tới tận gốc rễ. Chế độ dân chủ về chính trị ảnh hưởng lên phần lớn các bang ở miền Nam như ở bất cứ nơi nào khác: quyền bầu cử thuộc về đàn ông trưởng thành da trắng. Giới học giả ngày nay vấp phải những thách thức lớn lao khi trung thành với quan điểm phổ biến một thời: các tầng lớp da trắng miền Nam đã từng bị chi phối bởi giới chủ đồn điền giàu có và sở hữu nhiều nô lệ. Thời ấy, ai cũng đồng tình rằng: ở miền Nam, da đen là nô lệ, da trắng là ông chủ. Hầu hết dân da trắng miền Nam đều hiểu rằng: dân chủ bình đẳng tức là: người da trắng có quyền có nô lệ là người da đen.

Miền Bắc phát triển toàn diện thành cộng đồng năng động với nhiều hoạt động đa dạng: sản xuất, thương mại, hoạt động ngân hàng, canh tác trồng trọt, có nhân công lao động tự do và các thành phố lớn phát triển nhanh chóng. Tầng lớp chi phối miền Bắc về mặt xã hội và kinh tế bao gồm các thương gia, chủ nhà máy, chủ ngân hàng và giới chuyên môn. Một nửa dân số miền Bắc là nông dân. Phần còn lại là chủ tiệm, thương gia, thợ máy và công nhân làm việc trong các nhà máy.

Chế độ chiếm hữu nô lệ đã bị cấm tại các bang miền Bắc. Đã có thời những bang này công nhận chế độ chiếm hữu nô lệ. Rồi vì nhiều lý do khác nhau, dân cư miền Bắc cùng đồng loạt phản đối thể chế dã man này. Trước hết, sự chống đối xuất hiện từ một lời lên án về mặt đạo đức cho rằng: chế độ chiếm hữu nô lệ, về bản chất, là sai trái. Đó là niềm tin xuất phát từ những ngày đầu người da trắng mới đặt chân lên châu Mỹ. Niềm tin ấy được cộng đồng người Quaker ủng hộ kiên định. Nhưng mãi đến giữa thế kỷ XIX, nó mới được lan truyền rộng rãi trong đa số dân chúng miền Bắc.

Xét về mặt kinh tế, sở dĩ người miền Bắc kiên quyết bài nô lệ là vì họ sợ sự cạnh tranh về giá nhân công của nô lệ và ý thức được rằng công ăn việc làm sẽ bị coi rẻ (vì có chế độ nô lệ). Cuối cùng và cũng là một nghịch lý, yếu tố phân biệt chủng tộc đã

góp phần không nhỏ vào quan điểm sống của người miền Bắc. Ác cảm với chế độ chiếm hữu nô lệ thường đi đôi với thuyết phân biệt chủng tộc. Về cơ bản, hai tình trạng này giống nhau. Vấn đề phân biệt chủng tộc đã trở nên căng thẳng. Nó chi phối cảm xúc của người miền Nam về các chủng tộc khác màu da. Rất nhiều người miền Bắc phản đối sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ một phần vì họ phản đối sự có mặt của người da đen trên đất Mỹ.

Trong suốt thập niên ba mươi và bốn mươi của thế kỷ XIX, miền Bắc đã chứng kiến sự náo động trong việc cải cách xã hội và cả cuộc sống của giới tri thức lẫn tôn giáo. Có nhiều phong trào nổ ra nhằm đấu tranh cho sự công bằng, quyền của phụ nữ, phong trào đòi bình đẳng giới, đòi cải thiện cách đối xử với những bệnh nhân trong các bệnh viện tâm thần và tiến tới cải thiện sâu rộng xã hội thông qua giáo dục và các hoạt động tôn giáo nhằm thay đổi môi trường sống của con người. Nhưng một phong trào mang tính cách mạng nhất vẫn là cuộc thánh chiến chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ. Ông William Lloyd Garrison người Boston là một phát ngôn viên đầy kinh nghiệm trong vấn đề này. Cuộc thánh chiến phát triển và làm thức tỉnh các cảm xúc văn hóa đạo đức, đồng thời lôi kéo được sự quan tâm về mặt kinh tế và xã hội tại miền Bắc.

Người miền Nam phản đối hầu hết các cuộc cải cách, bêu rếu chúng và cho rằng chúng chỉ là những học thuyết sáo rỗng. Càng lúc, miền Nam càng sa vào đường lối bảo thủ trong suy nghĩ. Miền Nam đặc biệt khước từ phong trào bãi nô. Họ bắt đầu coi chủ nghĩa nô lệ là tốt, lương thiện thay vì coi là một tội lỗi. Tôn giáo chính thống (luôn trích dẫn kinh thánh để biện hộ cho chế độ chiếm hữu nô lệ) đã trở thành một thành trì vững chắc che chở cho các nền văn hóa miền Nam. Đáng ngại thay, hai tôn giáo lớn ở Mỹ là Baptist và Methodist, đã chia rẽ thành nhiều chi nhánh rạch ròi giữa miền Bắc và miền Nam. Giáo hội trưởng lão chia thành hai trường phái mang những tư tưởng về mặt xã hội và thần học khác biệt nhau một trời một vực.

Chế độ chiếm hữu nô lệ là một trong những vấn đề nổi trội và gây nhiều bức xúc tại các sự kiện chia rẽ về tôn giáo. Nhưng sự chia rẽ về tôn giáo này thực chất là dấu hiệu cho thấy mối bất hòa ngày càng lớn giữa quan điểm thần học của cả hai miền. Đức cha James H. Thornwell, một nhà thần học hàng đầu và là một trí thức của miền Nam cũ, đã so sánh quan điểm của hai miền như là một trận chiến quyết liệt giữa cái thiện và cái ác, cả về mặt tâm linh, văn hóa và xã hội: “Hai phe trong cuộc xung đột này không chỉ là những chủ nô và người chủ trương bãi nô. Kẻ vô thần, các nhà xã hội học, người cộng sản, các thầy tu dòng Dominic ủng hộ chế độ cộng hòa đứng về một phe. Những người của chế độ tự do ôn hòa ở phe kia. Nói cách khác, thế giới là bãi chiến trường. Người cơ đốc giáo và kẻ vô thần là chiến binh. Tiến trình phát triển của nhân loại đang lâm nguy”.

Vào năm 1850, khi Nghị sĩ Clay đọc diễn văn tại thượng viện, nỗi bất hòa cục bộ đã bùng phát một cách nguy hiểm khi bàn tới vấn đề mở rộng lãnh thổ có chiếm hữu nô lệ đến phần đất được người Mexico nhượng lại. Đó là một khu vực rộng lớn, về mặt chính trị chưa được tổ chức chặt chẽ, mới được người Mỹ tiếp nhận sau cuộc

chiến với Mexico (1846 - 1848). Sau này, nó sẽ trở thành một hoặc nhiều phần trong sáu bang của miền Tây Nam nước Mỹ. Thành viên của thượng viện chia thành bốn nhóm mang quan điểm đối lập về vấn đề này. Quan điểm cực hữu của người miền Bắc đã được thể hiện rõ trong bản Wilmot Proviso, một biện pháp được đệ trình nhưng đã bị bác bỏ trong chiến tranh. Điều khoản này cho rằng cần phải cấm chế độ nô lệ phát triển ở bất cứ vùng đất nào thu được từ những cuộc chiến. Đảng viên đảng Whig, thượng nghị sĩ Willam H. Seward của New York là một người ủng hộ nhiệt tình quan điểm này. Quan điểm cực đoan miền Nam khăng khăng ủng hộ nguyên tắc được nghị sĩ thuộc đảng Dân chủ, ông John C. Calhoun người miền Nam Carolina nêu ra: đòi quyền bảo hộ của chính quyền Liên bang với các chủ nô và tài sản của họ ở bất cứ lãnh địa nào.

Hai bên cùng lôi kéo một nhóm trung lập. Những người tin vào một thể chế dân làm chủ, với dẫn dắt của một thượng nghị sĩ thuộc đảng Dân chủ (ông Stephen A. Douglas của bang Illinois, Chủ tịch ủy ban phụ trách về các miền lãnh thổ của thượng viện) kêu gọi hạ viện không can thiệp. Hãy để người định cư tại các vùng lãnh thổ đó tự quyết định họ có nên công nhận tính hợp pháp của chế độ nô lệ ở từng địa phương hay không. Cuối cùng, phải kể đến những người mong đợi hiệp ước Missouri sẽ được phổ biến đến cả khu vực Thái Bình Dương. Thượng nghị sĩ thuộc đảng Dân chủ Jefferson Davis bang Mississippi là người ủng hộ hàng đầu cho đề xuất này.

Không một người Mỹ nào nghi ngờ về tính nghiêm trọng của thời điểm này. Năm trước, ông Calhoun đã soạn thảo một bản tuyên ngôn thúc giục các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ hãy liên kết lại với nhau về mặt chính trị để chống lại các lực lượng bãi nô đang ngày càng phát triển ở miền Bắc. Theo lệnh ông, một cuộc họp gồm các đại biểu đến từ các bang chấp nhận chế độ chiếm hữu nô lệ đã được tổ chức vào mùa hè năm ấy tại Nashville. Hội nghị không có một thỏa thuận chấp nhận vấn đề “nô lệ trên lãnh thổ có được từ cuộc chiến tranh Mỹ - Mexico”. Rõ ràng, hội nghị Nashville sẽ chấp nhận biện pháp cuối cùng trong quyền hợp pháp của các bang do ông Calhoun là tác giả: đó là biện pháp ly khai.

Trong đề nghị của mình, Thượng nghị sĩ Clay trình bày một vấn đề gây tranh cãi từ mọi phía. Ông kêu gọi mọi người thừa nhận: 1) California là một bang tự do bởi dân số của nó đã quá đông do phong trào đổ xô tìm vàng xuất hiện vào năm 1849. California có diện tích rộng lớn đã chấp thuận thể chế ngăn chặn sự phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ. 2) Phần còn lại của vùng đất chiếm được sau chiến tranh Mexico và Mỹ là Utah và New Mexico sẽ được tổ chức thành vùng lãnh thổ không có “Bất cứ sự hạn chế hoặc điều kiện nào về vấn đề chiếm hữu nô lệ”. 3) Mỗi bất hòa giữa Texas và New Mexico sẽ được giải quyết theo hướng có lợi cho New Mexico, nhưng kèm theo là sự đền bù cho bang Texas bằng việc mua lại các trái phiếu của chính quyền bang này. 4) Hủy bỏ buôn bán và vận chuyển nô lệ giữa các bang nhưng không hủy bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ trong khu vực của Columbia. 5) Một điều luật có liên quan đến nô lệ bỏ trốn có hiệu lực sâu rộng buộc nhà chức trách địa phương



và các bang phải hỗ trợ cảnh sát Liên bang trong việc bắt giữ và giao trả nô lệ đào tẩu ở bất cứ nơi đâu trên nước Mỹ.

Ông Clay đã sử dụng mọi kỹ năng thuyết phục hữu hiệu trong bài diễn văn mang tính chất lịch sử này. Gần cuối bài diễn văn, ông giơ cao một mảnh vỡ được cho rằng lấy từ quan tài của Tổng thống George Washington, như một di vật của cây thánh giá và hô hào mọi người trong khán phòng thiết lập ngay các biện pháp cần thiết để bảo toàn nền cộng hòa mà tổng thống Washington xưa kia đã phải vất vả biết bao mới kiến tạo nên.

Ngày 05 và 06 tháng 02, ông Clausewitz một lần nữa lại xuất hiện trên bục diễn giả tại nghị viện để đưa ra lời kêu gọi làm xúc động đến tận tâm can của người nghe. Lần này những dữ kiện của ông đều nhằm hỗ trợ cho những đề xuất ông đã đệ trình nghị viện trước đây. Ông cầu xin lòng nhân từ và tinh thần thỏa hiệp của các bên. Ông bộc lộ nhiều bức xúc của dân Mỹ trong việc phản đối chế độ nô lệ. Họ cho rằng chế độ nô lệ không thể phát triển rầm rộ tại miền Tây Nam nước Mỹ bởi vì đất đai và khí hậu ở đây không phù hợp để thiết lập các đồn điền trồng trọt. Ông tiên đoán vô cùng chuẩn xác rằng: mọi hành động gây bất hòa sẽ dẫn đến một cuộc nội chiến đẫm máu. Ông kết thúc bài diễn văn với một lời khẩn nài rằng: các thượng nghị sĩ “hãy nghiêm túc suy nghĩ và dừng lại ngay bên bờ vực dốc đứng trước khi thực hiện bước nhảy thảm họa và kinh hoàng xuống vực thẳm phía dưới”.

Triết lý sâu xa và kỹ năng hùng biện chính trị nổi bật, thể hiện trong nhiều bài diễn văn của thượng nghị sĩ Clay và hai chính trị gia đáng kính khác của diễn đàn thượng viện Mỹ (Calhoun và Daniel Webster). Trong số họ, người kế tiếp gây ấn tượng mạnh mẽ sau Thượng nghị sĩ Clay là Calhoun. Khi mới tham gia làng chính trị, ông là người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt tình. Nhưng giờ đây, sau hai thập kỷ, ông đã trở thành nhà bảo vệ chủ nghĩa cực bộ và ủng hộ miền Nam. Ông Calhoun có học thức uyên bác và kiên định theo đuổi mục đích. Ông từ lâu đã tìm kiếm phương cách dung hòa lợi ích quốc gia và lợi ích của miền Nam bằng cách kết hợp nhiều ý tưởng về chủng tộc, kinh tế, chính trị thành một lý thuyết giai tầng xã hội nhằm bảo vệ quan điểm của người miền Nam và thể chế sở hữu nô lệ ở vùng này.

Ông cho là bất hòa giữa hai miền xuất phát từ sự mất cân bằng giữa miền Bắc chiếm đa phần dân số và lãnh thổ, còn miền Nam chiếm thiểu số và từ những hành động thiên vị của chính phủ Liên bang. Cũng giống như ông Clay, ông Calhoun tiên đoán sẽ có ly khai xảy ra trừ khi, những biện pháp thích hợp được áp dụng để khôi phục sự cân bằng.

Điều ông Calhoun nghĩ nhưng không nói thẳng là: hãy thiết lập một thể chế có hai phần chính đồng thời tồn tại. Thể chế này được mô tả như một sự phân chia quyền lực chính trị “Để trao cho khu vực hiện đang yếu hơn một quyền phủ quyết động thái của chính phủ”, đặc biệt là, thông qua việc thiết lập thể chế hai Tổng thống, mỗi Tổng thống điều hành và đại diện cho một khu vực của đất nước và đều có quyền phủ quyết các đạo luật của hạ viện.

Ba ngày sau, mùng 07 tháng 03, Thượng nghị sĩ Wester xuất hiện. Ông Wester đã thay đổi: từ một người theo chủ nghĩa cục bộ thuộc miền New England của những ngày đầu lập quốc lên vị trí một phát ngôn viên có quyền tối thượng của các nhân vật cấp cao trong chính phủ Liên bang. Nếu ông Calhoun nổi tiếng và có máu mặt trong mọi lãnh vực xã hội, kinh tế, chính trị của miền Nam nhờ theo chủ nghĩa cục bộ, Wester nổi tiếng là một công dân New England đáng kính về mặt xã hội, kinh tế và chính trị nhờ quan điểm dân tộc chủ nghĩa.

Dù trước đây ghét cay ghét đắng chế độ chiếm hữu nô lệ và chống đối sự bành trướng của nó, giờ thì ông Webster đã chấp nhận nó (điều này khiến chính phủ Liên bang ở miền Bắc lo sợ). Chính kiến của ông rõ ràng mang tính chất hòa giải. Ông nói: “không phải với tư cách một người dân Massachusetts, không phải với tư cách là một người miền Bắc mà với tư cách là một người Mỹ”. Ông đòi hỏi, và yêu cầu những đồng nghiệp miền Bắc hãy kiên nhẫn trong nỗ lực ban hành điều khoản Wilmot. Đồng thời ông cũng tin chế độ chiếm hữu nô lệ đã phát triển đến giới hạn của nó về mặt địa lý. Nhưng ông cảnh báo những đồng nghiệp miền Nam rằng việc li khai trong hòa bình là không thể. Ông thúc giục toàn quốc chấp nhận những đề xuất thỏa hiệp đã được đưa ra. Bài diễn văn này được người ta nhớ đến như một bài diễn văn hay nhất của Thượng nghị sĩ Wester.

Hạ viện chấp nhận những lời đề nghị nhưng không phải do áp lực trực tiếp những lời khẩn nài từ Chay và Wester. Cuối cùng vào mùa thu năm ấy, nhờ tài lãnh đạo của Thượng nghị sĩ Douglas, nghị viện đã phê chuẩn nhiều biện pháp cho tình thế hiện tại. Đồng thời, với hỗ trợ của người phát ngôn của hạ viện theo đảng Dân chủ, ông Howell Cobb thuộc bang Georgia, hạ viện đã chấp nhận sự thỉnh cầu. Trong cả hai trường hợp, chiến thắng có được đều nhờ sự liên kết của các hạ nghị sĩ từ cả hai đảng Whig và đảng Dân chủ của hai miền đất nước.

Không có nhà lập pháp nào hành động theo một động cơ thuần túy là lòng yêu nước. Hoàn toàn có lý do để tin rằng ý chí của các chính trị gia của hạ viện đã bị ảnh hưởng bởi những tay đầu cơ trái phiếu của Texas. Những trái phiếu này nếu không được quỹ của Liên bang mua lại sẽ chỉ là đồng giấy lộn. Thậm chí số phận của con người cũng liên quan tới bản thỏa hiệp này. Trong mùa xuân và mùa hè năm ấy, hai trong số những người thường mạnh mẽ lên tiếng phản đối thỏa ước đã qua đời. Một là Tổng thống Zachary Taylor, một chủ nô nhưng lại là một người miền Nam theo chủ nghĩa dân tộc. Ông tin rằng vấn đề chiếm hữu nô lệ tại vùng đất giành được của Mexico là một sự đối trá và ông coi toàn bộ cuộc tranh cãi này như một biểu hiện của một thủ đoạn chính trị. Người thứ hai là Calhoun. Ông qua đời trước Taylor. Theo người ta kể lại, lời trăng trối cuối cùng của ông là một lời than vãn đầy tuyệt vọng: “Ôi miền Nam, miền Nam đáng thương!”.

Sau khi Thỏa ước 1850 được thông qua, cả quốc gia thở phào nhẹ nhõm. Họ tưởng đâu đó là lúc chấm dứt mối bất hòa bắt đầu từ chế độ chiếm hữu nô lệ. Tổng thống Millard Fillmore, người kế nhiệm ông Taylor đã ủng hộ nhiệt thành bản thỏa

hiệp này. Ông gọi đó là “Cách dàn xếp cực kỳ đúng đắn” của vấn đề chiếm hữu nô lệ tại Mỹ.

Cuộc họp tại Nashville đã không thể khơi mào một phong trào li khai như những kẻ hiếu chiến miền Nam hy vọng. Các bang miền Nam chỉ thông qua một thỏa ước đặc biệt chú trọng đến các quy ước bầu cử các bang. Nhưng họ cũng cảnh báo rõ ràng rằng bất cứ động thái nào nhằm phá hoại thỏa thuận này cũng sẽ dẫn tới li khai.

Cuộc tranh cử Tổng thống năm 1852 cũng cho thấy cả quốc gia đã tán thành hiệp ước nói trên. Dù cả hai đảng lớn đều tán thành thỏa ước này nhưng người thuộc đảng Whig là tướng Winfield Scott thuộc bang Virginia (cũng là ứng viên của bang này tranh cử Tổng thống) chỉ tán thành nửa vời. Hầu như họ chỉ mặc nhận thỏa ước này mà thôi. Những người theo đảng Dân chủ tán thành với thái độ kiên định. Bằng cách đề cử ông Franklin Pierce thuộc bang New Hampshire, một “ứng cử viên nhu nhược” (một cụm từ người miền Bắc dùng để chế nhạo một người miền Bắc gấn bó và dành nhiều tình cảm cho miền Nam), họ khiến đảng này thiên vị miền Nam rất nhiều. Phe phái thứ ba tham gia tranh cử là đảng Free Soil. Đảng này nhiệt tình với phong trào cấm chế độ nô lệ bành trướng hơn nữa. Cương lĩnh của họ rõ ràng là lên án bản thỏa ước. Họ chỉ trích bất cứ sự bành trướng nào của chế độ chiếm hữu nô lệ, coi đó là tội lỗi. Với số đông thành viên đảng Whig li gián khỏi đảng mình, đảng Dân chủ đã đắc cử.

Nhưng có một sự bất đồng ngầm ngấm và đáng lo ngại đang lan tỏa dưới bề ngoài chấp nhận bản thỏa ước. Hai phát ngôn viên của hạ viện bộc lộ điểm bất đồng này là các thượng nghị sĩ William H. Seward và Jefferson Davis. Ông Seward lên án: thỏa ước chính trị với bất kỳ hình thức nào về bản chất đều là “xấu xa và sai trái”. Ông đặc biệt công kích Thỏa ước 1850, coi đó là sự vi phạm tinh thần hiến pháp. Ông còn nói thêm rằng thậm chí hiến pháp có thể được hiểu như là thừa nhận chế độ nô lệ thì vẫn có “một luật pháp cao hơn nữa” (luật của lương tâm) cho thấy việc thực hành chế độ chiếm hữu nô lệ cần phải được ngăn cấm trong những vùng lãnh thổ thuộc miền Tây nước Mỹ. Ông Davis, thúc giục sự phát triển của vùng lãnh thổ áp dụng các điều khoản của hiệp ước Missouri, lập luận rằng: chế độ chiếm hữu nô lệ thực ra có thể phát triển rực rỡ tại vùng đất giành được từ tay người Mexico. Ông chỉ trích Thỏa ước 1850, coi đó là đại diện của chiến thắng thuộc người miền Bắc. Ông nói: miền Bắc mới chính là kẻ đi theo con đường chia rẽ và binh biến.

Rất nhiều người miền Bắc, đặc biệt là người bang New England, không bao giờ thực tâm chấp nhận Thỏa ước 1850. Chủ trương bài nô chỉ trích thỏa ước này một cách công khai, ông Wester khiến trách sự không khoan nhượng của đồng bào mình. Ông nói: “Bang Massachusetts có thể chinh phục bất cứ ai từ bỏ thành kiến nhưng chính nó lại dung dưỡng cho thành kiến của mình. Vấn đề chính là liệu bang này có từ bỏ chính những thành kiến của mình được hay không”. Ông gán tội phản quốc với bất cứ sự vi phạm nào của thỏa hiệp. Ông đã đi quá xa khi nói rằng: nếu các bang miền Bắc sẵn lòng từ chối tuân thủ hiệp ước này, hạ viện sẽ không thể có kế sách chữa trị thích đáng cho mỗi bất hòa hiện nay. Các bang miền Nam sẽ “không còn bị

ràng buộc phải tuân thủ hiệp ước này nữa”. Rõ ràng đây là một lời biện minh gián tiếp cho động thái li khai. Đã từ rất lâu ông là thần tượng của dân chúng vùng New England. Giờ đây ông đang là mục tiêu chỉ trích của rất nhiều nhân vật đại diện cho quyền lợi của bang này.

Hầu như chỉ trong một sớm một chiều, “thỏa ước cuối cùng và không thể bãi bỏ” đã tan thành mây khói. Điều khoản gây phẫn nộ nhiều nhất của bản thỏa ước này (là điều khoản dành cho nô lệ bỏ trốn) đã đụng chạm đến nhiều người dân miền Bắc. Trong khi, với nhiều công dân Mỹ, vấn đề chiếm hữu nô lệ tại vùng đất giành lại từ tay người Mexico dường như quá xa xôi, như chuyện xảy ra ở tận vùng Siberia nào đó, thì điều khoản bắt buộc phải thi hành có liên quan tới nô lệ bỏ trốn đã thường xuyên gây ra cảnh ruồng bỏ những kẻ chạy trốn trên đường phố miền Bắc. Nhiều đám đông tụ tập tại khắp các con đường trong nhiều thành phố ngăn cản sự dẫn độ nô lệ bị trốn bị bắt. Nổi cộm nhất là vụ Anthony Burns tại Boston (1854). Tại Boston, một đám đông cư dân quá khích đã tấn công lính canh, giết một người trong số họ và vô cùng tức tối khi Anthony Burns bị đưa lên tàu hướng về Virginia. Những sự kiện như vậy càng làm tăng thêm lòng thù hận xuất phát từ chủ nghĩa cục bộ.

Tiểu thuyết Túp Lều Bác Tom của Harriet Beecher Stowe xuất bản năm 1852 càng như đổ thêm dầu vào lửa. Với đa phần dân miền Bắc, trước khi có tiểu thuyết này, chiếm hữu nô lệ là một tội ác trừu tượng mơ hồ. Nó có thể so sánh với tục đa thê ở miền Utah xa xôi hẻo lánh. Trường đoạn của tiểu thuyết kể về một cô gái nô lệ Elisa ãm theo đứa con nhỏ chạy trốn khỏi những kẻ săn đuổi cô ngay giữa mùa đông bằng cách nhảy trên những tảng băng nổi trên dòng sông Ohio. Hoặc trường đoạn bác Tom tốt bụng và thánh thiện đã bị đánh cho tới chết theo lệnh của gã Simon Legree tàn ác, đã cho thấy bức chân dung đẫm máu của chế độ nô lệ và khía cạnh gây phẫn nộ và mất nhân tính bị che giấu của thể chế này. Dù dưới dạng chuyện phát hành nhiều kỳ hay sách bán chạy nhất hay được dựng thành kịch, thông điệp của tiểu thuyết đã thành mỗi day dứt in đậm vào ý thức và lương tâm của nhân dân toàn nước Mỹ. Tại miền Bắc nó như một lời lột tả chính xác một chế độ đáng ghê tởm và đáng lên án: chế độ chiếm hữu nô lệ. Tại miền Nam, nó như một lời phỉ báng ghê gớm vào bản chất của người dân trong vùng. Sau này Tổng thống Lincoln đã hoan nghênh tác giả. Ông coi bà là “Người phụ nữ bé nhỏ đã mở màn một cuộc chiến vĩ đại”.

Một triệu chứng cho thấy tính thiếu sức thuyết phục của Thỏa ước 1850 được biểu hiện trong bức tranh chính trị hỗn loạn thời ấy. Ông Calhoun, trong bài diễn văn cuối cùng tại thượng viện, nói rằng: các đảng phái chính trị Mỹ, dù là đảng Dân chủ hay đảng Whig, chính là sợi dây cuối cùng ràng buộc miền Bắc và miền Nam. Nếu những mối ràng buộc này đứt lìa, quốc gia sẽ rơi vào cảnh chia cắt. Một trong những mối ràng buộc ấy (đảng Whig) đã sụp đổ. Điều này xuất phát từ những hoàn cảnh có liên quan tới huyết tộc phức tạp. Nỗi lo lắng về vấn đề sở hữu nô lệ phần nào gây nên hậu quả này: Nó khiến sự sụp đổ của đảng Whig đến sớm hơn. Thêm vào đó, một trong những sự kiện nổi bật nhất giai đoạn này là sự di cư của hàng triệu người châu

Âu bắt đầu từ cuối thập niên 40 của thế kỷ XIX. Trong đó tín đồ Thiên Chúa giáo người Ireland chiếm đại đa số phần đông dân di cư này tham gia hoạt động chính trị và trở thành thành viên của đảng Dân chủ.

Sự xuất hiện của số đông tín đồ Thiên Chúa giáo trong lòng một cộng đồng dân cư hầu hết theo đạo tin lành đã khuấy lên nỗi sợ hãi sâu xa về một mối đe dọa đối với thể chế cộng hòa và tạo ra làn sóng chống đối người nhập cư mà thực chất là chống đối các tín đồ Thiên Chúa giáo. Vào đầu năm 1845, việc hình thành đảng Native American (Dân Mỹ gốc) cho thấy rõ ràng cảm xúc này đã ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị. Thành viên của đảng này còn mang tên Know-Nothing (Không biết gì) bởi họ chọn cách ngấm ngầm để biểu thị niềm tin của mình. Gắn gũi và liên quan chặt chẽ với thái độ chống đối người nhập cư là một phong trào cấm đoán hoặc “chủ hòa mạnh mẽ” đang tìm kiếm cách đạt tới mục tiêu của mình thông qua các hành động chính trị. Đảng mới này nhanh chóng giành được sức mạnh vì phản ứng với làn sóng người nhập cư ngày một dâng cao tại Mỹ.

Đảng phái mới này đã thu hút nhiều thành viên từ cả hai miền đất nước và từ các đảng lớn tại Mỹ. Nhưng sự xâm nhập mạnh mẽ nhất của nó xuất hiện tại đảng Whig nhánh miền Bắc vì hầu hết người mới đều định cư tại miền Bắc. Dù thành viên đảng Know-Nothing không có ứng viên tranh cử Tổng thống năm 1852, nhưng chỉ trong vòng hai năm, họ đã chứng tỏ một sức mạnh nổi bật tại các kỳ tranh cử hạ viện lần thống đốc bang trong khắp miền Bắc.

Trong lúc đó chủ nghĩa địa phương bắt đầu thách thức chủ nghĩa chống người cơ đốc giáo. Đồng thời, nhiều vấn đề khác liên quan đến người nhập cư đã được coi là mối đe dọa đối với thể chế cộng hòa. Nhiều người miền Bắc lúc này tin có một âm mưu tăng cường thể mạnh nô lệ để chi phối chính phủ, bành trướng chế độ chiếm hữu nô lệ trên khắp nước Mỹ, phá hủy hệ thống kinh tế miền Bắc với các cơ hội rộng mở và chế độ tự do dành cho người lao động, thay thế hệ thống này bằng một quan điểm của giới quý tộc chặt chẽ và trì trệ. Mặc dù không có bất cứ bằng chứng nào về một âm mưu như vậy, ngoại trừ sự tồn tại của một nhóm người quan tâm đến chính trị và kinh tế của miền Nam, niềm tin này không có gì là lạ lắm. Giờ đây nó đã nhận được sự quảng cáo rùm beng và có sức thuyết phục mạnh mẽ dưới hình thức một điều luật của hạ viện, công khai khơi mào cuộc tranh cãi về vấn đề sở hữu nô lệ tại các miền lãnh thổ của chính phủ Liên bang. Điều luật này đã nhen nhóm lại cuộc tranh cãi gây bất hòa tưởng như đã được giải quyết bằng hai thỏa ước lịch sử: Thỏa ước Missouri và Thỏa ước 1850.

Cuộc tranh cãi được khơi dậy lần này bao gồm phần đất đai chưa được tổ chức về mặt chính trị có được sau khi ký thỏa thuận buôn bán đất đai Louisiana. Vùng này trải dài từ ranh giới bang Missouri và Arizona tới tận đỉnh của dãy Rocky Muntain. Vùng đất này trước kia được coi là không thích hợp với những người định cư da trắng. Đây là vùng hoang mạc rộng lớn của Mỹ, giờ đang nằm trong tay của những dân định cư đến từ Oregon và California. Nằm ở phía Bắc ranh giới được xác định

bởi hiệp ước Missouri, vùng này không cho phép sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ.

Những nhà lãnh đạo miền Nam lo lắng bởi sự mất cân bằng giữa hai vùng miền xuất phát từ sự chấp nhận bang California và cả sự chấp nhận có thể xảy ra đối với nhiều bang tự do khác. Họ nỗ lực tìm kiếm cách khôi phục lại sự cân bằng bằng cách làm tăng số các bang được công nhận quyền sở hữu nô lệ. Một trong những cách để làm như vậy là gán những vùng đất đang được mở rộng về phía Tây vào miền Nam, và coi chúng như loại đất đai phù hợp với việc thành lập đồn điền sản xuất nông sản. Hầu hết người miền Nam đều ủng hộ những nỗ lực ngoại giao và cả xâm chiếm bằng vũ trang nhằm chiếm Cuba và nhiều vùng đất khác thuộc Trung Mỹ. Không chỉ đe dọa mối hòa hiếu cần phải có của quốc gia, các lãnh đạo miền Nam cũng tìm kiếm nhiều phương cách nhằm bành trướng chế độ chiếm hữu nô lệ tại những vùng đất nằm bên ngoài tầm ảnh hưởng của hiệp ước mua bán Louisiana.

Năm 1854, họ tìm được một cơ hội nhằm thực hiện mục đích của mình khi Thượng nghị sĩ Douglas của bang Illinois, với tư cách là Chủ tịch ủy ban lãnh thổ, thông qua một dự luật sát nhập khu vực này với vùng lãnh thổ Nebraska, để đẩy nhanh tiến trình xây dựng đường sắt dọc theo một con đường từ miền Bắc cho tới bờ biển Thái Bình Dương. Chỉ với sự hủy bỏ đường ranh giới theo thỏa ước Missouri và kèm theo nhiều nhượng bộ khác ông đã có thể giành được sự hỗ trợ của người miền Nam. Một cách lưỡng lự, ông thêm sự hủy bỏ ấy vào dự luật của mình cùng với điều khoản thành lập hai vùng lãnh thổ mới (Kansas và Nebraska) thay vì chỉ một mà thôi. Người miền Nam coi đây là một thỏa thuận to lớn nhất: vùng đất tận cùng miền Nam là Kansas sẽ trở thành một bang được thừa nhận tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ. Nebraska sẽ là bang tự do được đa số hạ nghị sĩ miền Nam tán thành, điều luật này đã nhận đủ số phiếu của thành viên đảng Dân chủ người miền Bắc. Bị Bộ trưởng Bộ chiến tranh Jefferson Davis thúc giục, Tổng thống Pierce đã ký dự luật này, biến nó thành một phần của pháp luật hiện hành.

Ông Douglas đã tiên đoán rằng: Dự luật Kansas - Nebraska sẽ làm dấy lên một cơn bão táp khủng khiếp. Thực ra nói vậy còn nhẹ. Nó chính là nguyên nhân hình thành một đảng phái chính trị miền Bắc mới cực kỳ hùng mạnh: đảng Cộng hòa. Mục đích chính của đảng này là ngăn chặn sự bành trướng hơn của chế độ chiếm hữu nô lệ. Nòng cốt của đảng này trước hết là những người thuộc đảng Whig và đảng Dân chủ chống lại sự thiết lập bang Nebraska, cộng thêm nhiều cựu thành viên đảng Free Soil. Một nhóm hạ nghị sĩ chống đối dự luật Nebraska lập tức thảo một bài diễn văn gồm rất nhiều câu chữ mang tính bạo động và nói lên nỗi bức xúc của những người chống lại dự luật này. Theo Thượng nghị sĩ Burnside, nó là “một sự vi phạm nghiêm trọng một lời thề thiêng liêng”, “một sự phản bội đầy tội lỗi những điều luật quan trọng” là một phần của “một âm mưu hung bạo” nhằm biến mọi vùng lãnh thổ của Liên bang thành một vùng lãnh thổ duy nhất tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ chuyên quyền.

Chỉ những người thuộc đảng Cộng hòa không thôi không thể ngay lập tức có được sức mạnh chiến thắng tại các bang miền Bắc. Những nghiên cứu mới đây chỉ ra rằng: lúc đầu đảng Know-Nothing mạnh hơn nhiều. Trong cuộc bầu cử hạ viện vào năm 1854, cử tri chia thành rất nhiều nhóm, bao gồm các đảng Nhân Dân, Liên Hiệp, Cộng Hòa, Dân Mỹ gốc, Đảng Whig, và Đảng Dân Chủ. Nhưng dù dưới bất cứ tên nào, hầu hết cử tri miền Bắc kiên định chống lại dự luật Nchraska - Kansas. Họ cũng đủ mạnh để bầu được đa số ghế trong hạ viện Hoa Kỳ giành sẵn cho những nhân vật chống lại dự luật Nebraska.

Đảng Whig là nạn nhân trực tiếp và đau đớn nhất của những sự chuyển đổi to lớn xuất hiện trong các vòng bầu cử ở cả hai miền Bắc-Nam. Với số lượng lớn đảng viên đảng Whig ở miền Bắc gia nhập đảng Cộng hòa và số lượng lớn đảng viên đảng Whig miền Nam gia nhập đảng Dân chủ, và rất nhiều đảng viên đảng Whig của cả hai miền Bắc-Nam tham gia vào đảng Know-Nothing, đảng Whig đã bị xóa sổ hoàn toàn. Ở thời điểm đó thật bất ngờ đảng Dân Mỹ gốc chẳng bao lâu đã biến mất sau khi tồn tại ở miền Bắc như một đường dẫn quan trọng từ những đảng khác để đến với đảng Cộng hòa. Vấn đề chế độ nô lệ gây bất hòa cục bộ tại các vùng lãnh thổ miền Tây đã che đậy học thuyết cho rằng: công dân sinh ra ở địa phương nổi trội hơn dân nhập cư, thuyết chống đối người cơ đốc giáo và thái độ ôn hòa trong lời kêu gọi tới cử tri miền Bắc. Đảng viên đảng Cộng hòa (với tư cách cha đẻ của vấn đề gây bất hòa cục bộ này) đã nổi lên như một đối thủ chính của đảng Dân chủ tại miền Bắc và như vậy là đối thủ chính của đảng Dân chủ trên khắp đất Mỹ.

Tình huống vùng lãnh thổ Kansas làm đảng Cộng hòa thêm kỳ vọng. Học thuyết của Douglas về chủ quyền của nhân dân đã được thử nghiệm khi nhiều nông dân không sở hữu nô lệ bắt đầu đổ xô đến vùng Kansas từ những bang thuộc miền Trung-Tây. Từ bang Missouri và khắp mọi nơi, một vài chủ nô cũng mang theo nô lệ đến vùng Kansas. Trong cuộc thi thố nhằm giành quyền kiểm soát chính trị ở địa phương, những cử tri bất hợp pháp bên ngoài vùng lãnh thổ này đã đến Kansas vào ngày bầu cử để hỗ trợ cho cả hai phe. Nhưng đa số người tán thành chế độ nô lệ đến từ vùng đất gần Missouri sống dọc biên giới là lưu manh. Rất nhiều người trong số họ còn trang bị cả súng ống. Các nhóm ủng hộ và chống đối chế độ nô lệ ở khắp nơi lôi kéo nhiều người dân định cư tại vùng này theo phe mình và cung cấp cho họ sự hỗ trợ về tài chính và nhiều phương tiện khác. Một trong những nhóm bài nô đáng chú ý (công ty hỗ trợ người di cư của bang New England) đã bị cáo buộc gửi đi rất nhiều những "Beecher's Bible" (Kinh thánh của Beecher). Súng trường được xếp đầy trong những hộp bên ngoài ghi là kinh thánh. Henry Ward Beecher là nhà thuyết giáo nổi tiếng New York, anh ruột của tác giả cuốn Túp lều bác Tom.

Kansas là một vùng hỗn loạn cả về mặt xã hội lẫn chính trị. Cử tri tán thành chế độ nô lệ bỏ phiếu cho một thể chế lập pháp ủng hộ chế độ nô lệ trong vùng và chiếm hữu nô lệ đã nhanh chóng trở thành thể chế hợp pháp tại Kansas. Những người dân bài nô phản ứng bằng cách bầu ra đại biểu được nhóm họp trong cuộc họp Topeka và chấp thuận một hiến pháp coi chế độ nô lệ là trái với luật pháp. Cử tri theo chủ

trương bài nô sau đó bầu ra một thống đốc, một thể chế lập pháp và một hạ viện, đòi bang Kansas là một bang tự do. Tổng thống Pierce lên án phong trào chủ trương thành lập bang tự do. Ông coi đó là một phong trào bất hợp pháp đồng thời ngầm hỗ trợ cho cơ quan luật pháp ủng hộ chế độ nô lệ trong vùng.

Chuyện gì đến tất phải đến. Bạo lực bùng phát giữa hai phe đối lập. Mùa xuân năm 1855, một đám đông khoảng hàng trăm người ủng hộ chế độ nô lệ, hành động như một nhóm có vũ trang, ruồng bỏ và đuổi bắt những người ủng hộ chế độ bài nô tại Lawrence. Không có cư dân nào thiệt mạng. Không bao lâu sau các hoạt động trả đũa thi nhau xuất hiện khi John Brown, một cư dân từ bang Ohio và là một kẻ theo chủ nghĩa bài nô cuồng tín, biết về cuộc tấn công ở Lawrence. Ông ta cùng một nhóm, trong đó có cả bốn con trai của mình trả thù bằng cách giết năm cư dân ủng hộ chế độ nô lệ dọc theo nhánh sông Pottawatomie. Có thể nói nội chiến đã gần kề.

Sự kiện đẫm máu ở Kansas đã xuất hiện trên khắp các mặt báo của Mỹ, đặc biệt là sau sự xuất hiện vào tháng 05 năm 1856 của sự vụ đầy bạo lực diễn ra ngay tại nghị viện Hoa Kỳ có liên quan đến vùng đất này. Thượng nghị sĩ thuộc đảng Cộng hòa Charles Sumner, người thuộc bang Massachusetts, đọc diễn văn kịch liệt phản đối chế độ chiếm hữu nô lệ. Khi nhắc đến vấn đề Kansas, ông nói thượng nghị sĩ Andrew P. Butler của miền Nam Carolina là một “Don Quixote” chọn cho mình một ả nhân tình “là con điếm chiếm hữu nô lệ”. Hạ nghị sĩ miền Nam Carolina Preston Brooks, bà con của thượng nghị sĩ Butler, coi đây là lời chỉ trích xúc phạm với người họ hàng mình. Ông thẳng thừng trả đũa bằng cách tấn công Sumner bằng cây gậy chống, đánh ông này tới bất tỉnh trên bàn làm việc. Ngay lập tức ông Brooks thành người hùng của miền Nam. Người ta gởi cho ông nhiều cây gậy chống khác có khắc những câu đề tặng khuyến khích ông hãy sử dụng chúng với mục đích tương tự. Khi ông này hết nhiệm kỳ ở hạ viện, họ đã nhất trí bỏ phiếu cho ông và Brooks tái đắc cử. Sumner phải mất ba năm chạy thầy chạy thuốc ở khắp nơi mới hồi phục sức khỏe hoàn toàn. Trong lúc đó, bang Massachusetts bỏ trống chiếc ghế của ông ở nghị viện như một lời chứng thực rành rành cho chính kiến chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ của họ.

Cuộc bầu cử Tổng thống năm 1856 cho thấy sự lớn mạnh nhanh chóng của đảng Cộng hòa. ứng viên của đảng này, John C. Fremont, một cựu sĩ quan quân đội hay khoa trương. Ông này được biết đến với cái tên “người mở đường” vì nhiều hoạt động trước đây trong cuộc khai phá miền Tây nước Mỹ. Cương lĩnh của đảng này là chỉ trích chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ đa thê, coi đó là di chứng của sự man rợ. Một khẩu hiệu khác của đảng Cộng hòa cũng thường được nhắc đến trong những bài diễn văn và trên mặt báo của đảng này: chống đối những vấn đề nhạy cảm liên quan tới sắc tộc.

Đảng Cộng hòa đã không giành về cho mình ghế Tổng thống 1856. Họ chỉ dựa vào cử tri miền Bắc để chống lại đảng Dân chủ. Trong số ứng viên miền Bắc còn nhiều người tiếp tục ủng hộ đảng Whig và đảng Know-Nothing. Cả hai đảng này trước đây đều ủng hộ Tổng thống Fillmore. Sức mạnh của đảng Know-Nothing đã lụn bại, đặc biệt là sau khi những thành viên bảo thủ trong đảng phản đối nỗ lực



nhằm bác bỏ Điều luật Nebraska-Kansas. Thế nhưng ông Fillmore vẫn còn đủ hấp dẫn thu hút nhiều cử tri các bang miền Bắc và khiến họ quay lưng lại với Fremont.

Đảng Dân chủ một lần nữa thành công trong việc thực hiện chiến lược bổ nhiệm một người miền Bắc thân thiện với miền Nam vào ghế Tổng thống. Lần này chính là James Buchanan của bang Pennsylvania. Những thành viên đảng Whig người miền Nam và thành viên đảng Know-Nothing giành được khá nhiều phiếu. Nhưng Buchanan đã thắng đa số phiếu ở tất cả các bang hiện hữu chế độ nô lệ (ngoại trừ bang Maryland nghiêng về Fillmore) cộng với đủ số bang miền Bắc để giành được đa phần số phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống. Đáng chú ý là, nếu tính cả quốc gia, số phiếu của ông ta là không đủ (45%). Đồng thời, ông ta mất rất nhiều phiếu của cử tri miền Bắc. Đảng Cộng hòa sẽ hy vọng nhiều hơn với kỳ tranh cử Tổng thống 1860. Cuộc bầu chọn Buchanan là một chiến thắng sớm nở tối tàn của miền Nam. Hậu quả của nó ngày càng làm mối bất hòa giữa hai miền Nam Bắc thêm trầm trọng.

Ông Buchanan vừa bước chân vào Nhà trắng, Pháp viện tối cao Hoa Kỳ đã quyết định khoét sâu thêm mối bất hòa vốn đã rất tồi tệ. Trong vụ Dred Scott, một nô lệ bị chủ là một sĩ quan quân đội mang tới bang tự do Illinois, sau đó lại đưa hẳn tới vùng lãnh thổ Wisconsin, một phần của vùng lãnh thổ tuân thủ hiệp ước mua bán Louisiana. Ở đây chế độ chiếm hữu nô lệ bị cấm. Sau đó, Scott lại bị mang trở lại một bang công nhận chế độ chiếm hữu nô lệ: Missouri. Lúc này, hẳn kêu tới tòa án để đòi tự do. Hẳn lập luận rằng: hẳn đã được tự do khi là một cư dân của bang tự do và trên vùng lãnh thổ tự do theo hiến pháp của Liên bang. Các tòa án ở các bang này đã phản bác lập luận này. Cuối cùng sự việc đã được đệ trình lên Pháp viện tối cao theo đơn kháng cáo.

Hy vọng sẽ dẹp yên vấn đề chiếm hữu nô lệ bằng sắc lệnh của tòa án, và được khích lệ bởi Tổng thống Buchanan mới được nhậm chức, vào tháng 03 năm 1857 với số phiếu 7/2, Pháp viện tối cao đã chối từ không cho Scott quyền được tự do với lý lẽ: chỉ tạm trú trên một bang hoặc một vùng lãnh thổ tự do sẽ không được công nhận là cư dân tự do. Phán quyết của quan tòa Roger Taney còn có thể được suy rộng rằng: không một nô lệ hay người da đen tự do nào được trở thành công dân của Mỹ. Vào thời điểm đó, sự việc này càng gây thêm tình trạng hỗn loạn. Phán quyết của ông Taney cùng với sự chuẩn y của năm chánh án đồng nghĩa với kết luận rằng: lằn ranh giới theo thỏa ước Missouri là không hợp pháp. Sở dĩ như vậy vì điều luật này của hạ viện đã vi phạm một điều khoản chính đáng bằng cách lấy đi của chủ nô phần tài sản thuộc sở hữu của họ là nô lệ. Vì lý do đó, hạ viện không có quyền hợp pháp để cấm chế độ chiếm hữu nô lệ ở bất cứ vùng lãnh thổ nào của Liên bang. Đáng nói là, quyết định này, theo sự suy diễn rộng ra của nó, đã cấm các cơ quan lập pháp trên các bang tại Mỹ không được ban bố lệnh cấm đoán việc chiếm hữu nô lệ bởi vì những cơ quan này vẫn dưới sự giám sát trực tiếp của hạ viện. Một phần của quyết định này được áp dụng cho các vùng lãnh thổ bác bỏ nguyên lý cơ bản của đảng Cộng hòa. Nó kích động mọi công dân Mỹ (bất kể đảng nào) chống đối việc bành trướng của chế độ chiếm hữu nô lệ. Taney và bốn thành viên khác của Pháp viện tối cao chiếm đa số

phiếu áp đảo trong vụ Dred Scott đều xuất thân từ những bang có tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ. Và phán quyết của họ đã bị chỉ trích gay gắt tại miền Bắc. Người ta coi đó là lời tuyên bố chính thức ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ. Một nhân vật hoạt động trong lãnh vực chính trị đang lên như điều gặp gió xuất thân tại bang Illinois, ông Abraham Lincoln, tiên đoán phán quyết kế tiếp của Pháp viện tối cao sẽ là: bất kỳ một bang trên nước Mỹ sẽ không thể coi chế độ chiếm hữu nô lệ là vi phạm luật pháp ngay trong vùng biên giới của chính mình. Mặt khác, hầu hết người miền Nam hoan nghênh quyết định này. Họ coi đó là một chiến thắng về mặt luật pháp chống lại những kẻ cuồng tín có ý đồ bãi nô và giới chính trị gia của miền Bắc. Cuối cùng, việc phán quyết này đã mang lại hậu quả ngược với những gì người ủng hộ nó mong đợi. Chính nó đã là một bước kế tiếp trên bậc thang dẫn tới sự li khai của miền Nam và góp phần vào cuộc nội chiến sau này.

Bối cảnh tại Kansas cũng có chiều hướng phát triển tương tự. Tình thế tiến thoái lưỡng nan ở đây cũng không được giải quyết mặc dù có sự chỉ đạo của sáu thống đốc tại các cơ quan hành chính. Bị gây áp lực bởi phán quyết từ vụ Fred Scott, Tổng thống Buchanan sử dụng tầm ảnh hưởng của ông trong một nỗ lực nhằm giành được sự chấp thuận của người dân công nhận bang Kansas là bang tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ, mặc dù hầu hết cư dân ở đây đều chống đối lại chế độ dã man này.

Năm 1857, một cuộc họp của các đại biểu ủng hộ chế độ chiếm hữu nô lệ đã được tổ chức tại thị trấn Lecompton. Hội nghị thảo một bản hiến pháp có lời lẽ quanh co dài dòng cho phép chế độ chiếm hữu nô lệ tồn tại, dù nó có được cử tri chấp thuận hay không. Mặc dù bản hiến pháp này cuối cùng đã bị đa số dân chúng bác bỏ, Tổng thống Buchanan đã thúc giục hạ viện phải chuẩn y nó. Các nhà làm luật từ chối chuẩn y. Ông Buchanan đã ủng hộ một biện pháp thỏa hiệp, gọi là Điều luật Anh quốc, rằng: miễn là dân chúng Kansas bỏ phiếu thông qua hiến pháp Lecompton, ông sẽ cho vùng lãnh thổ này một khoảng trợ cấp hào phóng dưới hình thức đất đai của Liên bang như một điều kiện trao đổi. Các cử tri từ chối con mồi ấy và một lần nữa bác bỏ bản hiến pháp này.

Mãi cho tới năm 1861, Kansas vẫn chưa công nhận là một bang chính thức. Chỉ sau năm 1861 tình hình mới thay đổi, sau khi rất nhiều thành viên miền Nam rút ra khỏi Quốc hội. Sau đó vùng lãnh thổ này đã được công nhận là một bang tự do. Trong tâm trí của những người ủng hộ chế độ bãi nô, tình hình hỗn độn ở Kansas đã cho thấy một bằng chứng nữa về sự tồn tại của một âm mưu phô trương thân thể của chế độ chiếm hữu nô lệ đã tồn tại ở Mỹ.

Mỗi bất đồng và phần nộ sâu sắc đối với quyết định của vụ Fred Scott, và mối chia rẽ từ việc phân định bang Kansas là nguyên nhân khơi mào một trong những vụ xung đột chính trị nổi cộm nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, một thượng nghị sĩ đảng Dân chủ rất có quyền thế là ông Douglas thuộc bang Illinois đã phát động cuộc vận động tái tranh cử. Đối thủ của ông chính là Abraham Lincoln.

Lincoln sinh ra trong một gia đình nhà nông ở Kentucky. Lớn lên ở bang Indiana. Khi trưởng thành, ông chuyển đến bang Illinois. Từ đó trở đi, bang này đã trở thành quê hương của ông. Dù không được theo nhiều trường lớp chính quy nhưng với kinh nghiệm thực tiễn ít ai bì kịp trong việc đồng áng và nhiều việc vặt khác. Ông đã tự trang bị cho mình một vốn kiến thức đáng kể để trưởng thành, và đã trở thành một trong những luật sư xuất sắc của bang ông. Ông cũng là tấm gương của một chính trị gia năng động dù có vốn tri thức khiêm tốn. Ông rất cao (1m93) và gầy. Thân hình với những đường nét thô kệch nhưng cực kỳ mạnh mẽ. Ông nổi tiếng vì tài ăn nói có duyên và óc xét đoán khôn ngoan. Hơn nữa ông còn có khả năng kết hợp hai tài năng nói trên thành những câu chuyện ngụ ngôn chất phác. Bạn thân của ông thường là người bang Kentucky hoặc trước kia là cư dân của bang này. Gia đình của họ cũng như gia đình của Lincoln đều sống ở Illinois. Vợ ông, tên là Mary Todd, xuất thân từ một gia đình sở hữu nô lệ giàu có ở Lexington, thủ phủ bang Kentucky. Thần tượng chính trị của Lincoln là ông Henry Clay.

Ông Lincoln thấm nhuần chủ nghĩa dân tộc và cương lĩnh của đảng Dân chủ trong thời kỳ nước Mỹ đang tiến dần về phía Tây. Dù không theo tôn giáo nào, tôn giáo vẫn ảnh hưởng sâu rộng đến ông. Đặc biệt, ông rất chăm đọc Kinh thánh. Chính vì thế, ông hoàn toàn tin tưởng rằng: chiếm hữu nô lệ vừa là tội ác vừa là tai ương về mặt chính trị và xã hội. Suốt bốn nhiệm kỳ liền, ông đại diện cho đảng Whig tại cơ quan lập pháp bang Illinois. Có một nhiệm kỳ ông phục vụ trong Hạ viện Hoa Kỳ. Đó là lúc ông được người ta nhớ đến nhiều nhất bởi ông phản đối sự tham gia của Mỹ vào cuộc chiến Mexico vì ông tin đó chính là hành động khởi đầu cho một tiến trình tiến tới mục đích giành thêm nhiều đất đai nhằm dung túng chế độ chiếm hữu nô lệ. Lincoln sớm gia nhập đảng Cộng hòa mới được thành lập. Lúc này, ông thách thức ông Douglas trong một loạt các cuộc tranh cãi về những vấn đề lớn của thời ấy. Đặc biệt là các vấn đề về chế độ chiếm hữu nô lệ tại các vùng lãnh thổ thuộc Liên bang. Ông Douglas chấp nhận lời thách thức. Từ cuối mùa hè và mùa thu năm 1858, hai ông liên tục diễn thuyết ở bang này. Nội dung các bài diễn văn lặp đi lặp lại các vấn đề lớn trước những đám đông khán thính giả đầy nhiệt huyết. Toàn nước Mỹ bấy giờ và cả bang Illinois đều lắng nghe tiếng nói của hai ông.

Về mặt uy tín và kinh nghiệm chính trị, ông Douglas trội hơn. Ông là “người khổng lồ” trong chính trường Illinois. Đồng thời, ông cũng là người phát ngôn chính cho vấn đề nổi cộm là chiếm hữu nô lệ. Ông tin tưởng vững chắc vào quyền tự chủ của dân chúng. Tuy nhiên, phán quyết từ vụ Dred Scott lại được đông đảo quần chúng hiểu rằng: nó đã xóa bỏ lý tưởng nhân dân làm chủ, bằng cách coi bất cứ điều luật cấm đoán sở hữu nô lệ trên các miền lãnh thổ thuộc Liên bang đều là bất hợp pháp. Ông Douglas buộc tội ông Lincoln có ý định quấy rối thể chế nô lệ tại miền Nam, khơi mào binh biến giữa hai miền. Đồng thời ông còn nói ông Lincoln ủng hộ quyền bình đẳng về mặt xã hội và chính trị của mọi sắc tộc. Thời ấy một lời ủng hộ như vậy là đi ngược lại với luật pháp của bang Illinois cũng như không thể có được sự đồng tình của đa số công dân Mỹ. Ông Douglas nói: “Chương trình của ông Lincoln

sẽ khiến cho bang Illinois này bị nuốt chửng bởi làn sóng người da đen được trao trả tự do đến từ Missouri và từ mọi nơi trên đất Mỹ”.

Ông Lincoln có một vị trí khiêm tốn trước các cử tri. Ông không phải người bài nô đồng thời cũng không phải (theo lời của ông) là một người tin vào quyền bình đẳng về mặt chính trị và xã hội cho người da đen. Bị đối thủ gây áp lực, ông nói thêm rằng: ông, cũng như bất kỳ ai, rất mong được thấy tộc người da trắng vẫn giữ nguyên quyền thống trị tại xã hội Mỹ. Ông sẽ không đụng chạm đến vấn đề sở hữu nô lệ trừ khi nó vẫn còn là hợp pháp. Nhưng ông không thể không chống đối lại sự bành trướng hơn nữa của thể chế này. Ngay từ những ngày này, ông đã phát biểu một câu sau này người dân Mỹ nhớ mãi: “Một ngôi nhà bị chia năm xẻ bảy sẽ không thể đứng vững. Tôi tin rằng chính phủ này không thể khoác lên mình vẻ ngoài vĩnh viễn một nửa công nhận chế độ chiếm hữu nô lệ một nửa thì không”. Ông đã cho những người ủng hộ mình niềm hy vọng: việc cấm chế độ nô lệ tại những nơi nó đang nhem nhe bành trướng sẽ là con đường dẫn tới sự xóa bỏ hoàn toàn chế độ này, khi có sự thuận lợi về cả ba mặt: “thiên thời địa lợi, nhân hòa”.

Có lẽ giai đoạn lịch sử đầy kịch tính nhất của một loạt những cuộc đọ sức xảy ra tại thị trấn Freeport. Tại đây ông Lincoln hỏi ông Douglas một câu khiến ông này rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: “Liệu người dân thuộc lãnh thổ Hoa Kỳ, theo bất cứ cách nào phù hợp với luật pháp, có thể loại trừ chế độ chiếm hữu nô lệ ra khỏi ranh giới địa lý trước khi hình thành hiến pháp của một bang hay không?” Nếu Douglas trả lời có ông ta đã bác bỏ phán quyết từ vụ Dred Scott và chủ động tuyệt giao với nhiều cử tri ở Illinois và hầu hết công dân miền Bắc đang ủng hộ ông. Nếu Douglas trả lời không, ông sẽ chính thức nói lời tuyệt giao với những người còn lại. Vì quá tỏ ra lạnh lợi nên chính ông đã bị kẹt trong cái bẫy do câu hỏi này đưa ra. Thực ra câu hỏi này đã được đặt ra cho ông và cũng đã được ông trả lời trong những dịp có ít người chứng kiến hơn. Ông trả lời rằng: bởi vì chế độ chiếm hữu nô lệ có thể chỉ được tồn tại khi nào luật pháp địa phương hỗ trợ và bảo hộ cho nó. Thế nên, nếu đa phần đều muốn như vậy, dân chúng trong vùng lãnh thổ toàn Liên bang có thể bác bỏ nó bằng cách không ban hành một điều luật nào có liên quan tới nó. Học thuyết tại Freeport của ông Douglas đã làm hài lòng những người ủng hộ ông tại bang Illinois. Ông đã tái đắc cử vào Thượng viện Hoa Kỳ. Nhưng những lý lẽ của ông Lincoln đã giúp chính ông vững vàng hơn trên con đường tiến tới chiếc ghế Tổng thống Hoa Kỳ hai năm sau đó.

Cuối thập niên 50 của thế kỷ XIX, nhiều người miền Nam nỗ lực lập lại đường dây buôn bán nô lệ từ châu Phi. Việc này làm trầm trọng thêm mối bất hòa giữa hai miền Nam-Bắc. Một cuộc họp của giới thương mại miền Nam đã được tổ chức tại Vicksburg, Mississippi. Họ bỏ phiếu ủng hộ cho nghị quyết bác bỏ điều luật của Liên bang cấm nhập khẩu nô lệ. Một chủ báo nổi tiếng, ông De J.D.B. De Bow của bang New Orleans, trở thành chủ tịch của một tổ chức được thành lập chỉ để bác bỏ quy chế này của Liên bang. Sau này, những động thái ấy không mang lại kết quả gì. Bởi lẽ những người trong cuộc họp kia không đại diện cho mong muốn của đa phần dân

miền Nam nhưng họ cũng đã xác định và làm tăng thêm mối lo sợ của người miền Bắc: chủ nô miền Nam đã quyết định bành trướng chế độ chiếm hữu nô lệ trên khắp lãnh thổ Hoa Kỳ.

Sự bất hòa giữa hai miền Nam-Bắc trở nên ngày một cụ thể hơn. Nó ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống người dân Mỹ trong suốt thập kỷ ấy. Đầu năm 1854, với một giai đoạn đầy bạo lực có sự góp phần của cuộc trao trả một nô lệ bỏ trốn là Anthony Burns và sự thông qua của điều luật Kansas-Nebraska, nhiều bang miền Bắc đã bổ sung những điều luật tự do cá nhân mới chặt chẽ hơn, nhằm vô hiệu hóa điều khoản áp dụng đối với nô lệ bỏ trốn có trong Thỏa ước 1850. Pháp viện tối cao của bang Wisconsin tuyên bố điều khoản này của hạ viện làm không hợp với hiến pháp. Rồi thì Pháp viện tối cao Mỹ 1859 đã bác bỏ lời tuyên bố của tòa án Wisconsin. Cả nước Mỹ chứng kiến một sự việc nổi cộm: miền Nam với điều luật ủng hộ cách bang đã bác bỏ quyền lực của giới lãnh đạo Liên bang để bảo vệ cho một hiến pháp “độc nhất vô nhị” của nó. Còn người theo dân tộc chủ nghĩa miền Bắc lại bác bỏ quyền của các bang nhằm công kích thể chế chiếm hữu nô lệ ở miền Nam.

Giới học giả ngày nay tiết lộ rằng: do sợ mất thời gian, sợ hao phí tiền của, và thiếu kiên định trong việc bắt lại nô lệ chạy trốn theo điều luật áp dụng đối với nô lệ bỏ trốn, chỉ có vài chủ nô nỗ lực đuổi theo và bắt lại nô lệ của mình đã đào tẩu. Nỗ lực của người miền Bắc nhằm bãi bỏ điều luật này đã làm dấy lên tình trạng thù địch giữa hai miền: trong tâm trí người miền Bắc, điều luật này như một bằng chứng của một tội ác đáng ghê tởm. Trong tâm trí người miền Nam, điều luật này là biểu trưng cho tính chất hai mặt của người miền Bắc trong việc từ chối thực thi những điều khoản thiêng liêng của một Thỏa ước Quan trọng.

Sự thù nghịch giữa hai miền đã lên tới mức không thể kiềm chế được. Mọi khía cạnh của xã hội miền Nam đều nhúc nhối bởi sự công kích của những người bài nô. Họ mô tả: giới chính trị gia miền Nam là thể chế chính trị đầu sỏ và đầy những mưu đồ đen tối; Tôn giáo của người miền Nam là báng bổ; Nền giáo dục của miền Nam là trò hề; Đời sống gia đình người miền Nam bị coi là đồi bại; Tính cách người miền Nam là bãi lầy của sự thoái hóa, trụy lạc nhất từng tồn tại với loài người. Ralph Waldo Emerson ở Massachusetts, là một nhà văn và nhà thuyết giảng nổi tiếng nhất ở Mỹ thời ấy, nói: “Tôi không biết làm thế nào một cộng đồng man rợ chỉ mới thấy được ánh sáng văn minh lại có thể được hiến pháp công nhận là một bang. Theo tôi, phải tống khứ ngay chủ nghĩa chiếm hữu nô lệ khỏi quốc gia mình. Nếu không, ta đang vứt bỏ sự tự do của chính mình. Làm gì còn bình đẳng trên đời khi vẫn còn tồn tại bang tự do và bang công nhận chế độ chiếm hữu nô lệ. Tại bang tự do, con người được sống với giáo dục, lao động có kỹ năng, nghệ thuật, với những mối quan tâm về lâu về dài, với những mối ràng buộc gia đình thiêng liêng, với danh dự và công bằng. Còn trong bang có chế độ sở hữu nô lệ, cuộc sống là một cơn sốt khủng khiếp. Con người là cầm thú, chỉ biết sống với những thỏa mãn tầm thường, những suy nghĩ thiển cận, và luôn luôn bị kích động”. Thượng nghị sĩ William H. Seward đọc một bài

diễn văn trong đó có nhắc đến một cuộc xung đột không thể tránh khỏi giữa hai thế lực: một bảo vệ tự do, một bảo vệ cho chế độ chiếm hữu nô lệ.

Những phát ngôn viên của miền Nam cũng đáp trả với sức công kích ghê gớm. Họ phỉ báng dân miền Bắc là những kẻ vô thần quá quắt, cuồng tín và đạo đức giả; đề đầu cuỡi cổ những “nô lệ được trả lương” của họ, bắt họ phải sống trong thiếu thốn và tủi nhục với điều kiện sống không khác gì nô lệ vì lòng tham và những mưu đồ xảo trá. Ông George Fitzhugh, một nhà văn bang Virginia đã cho ra đời một cuốn sách lập luận rằng: tất cả nhân công ở khắp nơi nên được coi là nô lệ. Ông ta bộc lộ tâm trạng đang thịnh hành tại miền Nam khi bêu xấu xã hội tự do ở miền Bắc như một “quái thai”. Những lời nói đầy ác ý như vậy đã tạo tiền đề cho bạo lực xuất hiện.

Một sự kiện báo trước phong trào bạo lực lên tới đỉnh điểm xuất hiện vào tháng 10 năm 1859. Grim John Brown lúc ấy chỉ còn là một ký ức trong lòng người dân Kansas, tái xuất hiện trong bức tranh toàn cảnh nước Mỹ. Quyết định giáng một đòn mạnh vào đối thủ nhằm bảo vệ ý tưởng giải phóng nô lệ, ông đã lãnh đạo một nhóm người nỗ lực nhen nhóm một cuộc tổng nổi dậy bằng cách chiếm nhà máy sản xuất đạn dược của Mỹ tại Harpers Ferry, Virginia. Sau đó ông phát súng ống giành được cho nô lệ và kêu gọi họ hành động. Không có nô lệ nào hưởng ứng, Brown và nhóm ủng hộ nhanh chóng bị một phân đội hải quân Mỹ, dưới quyền chỉ huy của đại tá Robert E. Lee đánh bại và bắt giam. Ngay lập tức, Brown bị kết án và bị treo cổ vì đã vi phạm luật pháp Virginia. Nhưng trước đó ông ta đã tiên đoán một cách hết sức chính xác rằng: rồi đây, vấn đề nô lệ sẽ có ngày đim cả bang Virginia trong bể máu.

Người miền Nam thịnh nộ và càng trở nên cảnh giác sau cuộc tấn công Harpers Ferry. Dù đa số dân chúng miền Bắc chỉ trích hành vi của Brown, nỗi sợ hãi và căm phẫn của người miền Nam lan nhanh khi nhiều người ở miền Bắc hoan nghênh Brown. Nếu không nói là hoan nghênh luôn cả phương pháp hành động của ông ta. Emerson nói Brown là một “vị thánh mới đang chờ đợi những hành động tử vì đạo; nếu có chịu thua thiệt, Brown cũng đã biến giá treo cổ thành cây thập tự vinh quang”. Bạn của Emerson, nhà thơ và là người lý luận nổi tiếng Henry David Thoreau gọi Brown “là một thiên thần ánh sáng”. Còn những phát ngôn viên thiếu thận trọng hơn tán thành cả phương pháp bạo động lẫn mục đích của Brown. Wendell Philips của Massachusetts, một nhân vật bài nô đầy nhiệt huyết đã tuyên bố “Virginia như một con tàu cướp biển. John Brown chỉ huy con tàu chiến của đảng tối cao, với trọng trách đánh chìm bất cứ tàu cướp biển nào ông gặp trên đại dương của Chúa ở thế kỷ XIX này”. Cái chết của Brown khiến ông ta nổi tiếng hơn cả khi ông còn sống. Thi thể của ông “mọc rữa dưới đáy mồ” sẽ còn tiếp lửa cho làn sóng sôi sục của một cuộc thánh chiến lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Có thể nói không có một sự kiện nào đẩy việc li khai nhanh bằng sự kiện Harpers Ferry. Trong mắt của người miền Nam, hành động của Brown là sự kích động nô lệ đổ máu. Đồng thời, sự đồng cảm của người miền Bắc đối với ông ta là lời báo trước đầy kinh hoàng cho cuộc “giao tranh không thể tránh khỏi”, như lời tiên đoán của Seward. Một nhân vật quá khích, ông Edmund Ruffin của Virginia, đã phát những

ngọn giáo mà Brown định trang bị cho người nô lệ, cho những cơ quan hành chính cao nhất tại các bang miền Nam. Chúng được trưng bày trên các bức tường trụ sở quốc hội các bang. Chúng như lời cảnh báo về một kết cục ghê gớm đang chờ đợi người miền Nam nếu như phe bài nô quyết tâm đi theo đường lối của mình.

Nhiều sự kiện căng thẳng và đối đầu về mặt kinh tế và chính trị trong thời điểm ấy khiến làn sóng cảm xúc phấn kích xuất phát từ sự kiện Harpers Ferry càng thêm sôi sục. Hạ viện liên tục phải ban hành nhiều biện pháp lấy lòng cử tri miền Bắc như giảm thuế, “điều luật ấp trại” cho phép dân định cư có trang trại trên lãnh thổ Liên bang không phải nộp thuế, chi tiền xây dựng một đường sắt xuyên lục địa băng qua các bang miền Bắc, cấp đất để hỗ trợ cho các Hiệp hội nông dân. Những biện pháp này liên tục bị vô hiệu hóa bởi sự chống đối của miền Nam tại thượng viện hoặc sự phủ quyết của “Vị Tổng thống nhu nhược”. Cuối cùng, đầu tháng 12 năm 1859, các hạ nghị sĩ hai miền Bắc và Nam đã ra mặt hàm hè với nhau ngay tại hạ viện. Họ công kích và trút giận vào nhau suốt hai tháng trời chuẩn bị cho cuộc bỏ phiếu bầu người phát ngôn của hạ viện.

Cuộc bầu cử Tổng thống rất quan trọng của năm 1860 diễn ra trong bầu không khí xung đột cục bộ. Đại biểu dự hội nghị của đảng Cộng hòa ở Chicago đã không chọn những chính trị gia cực đoan mà chọn một người ôn hòa. Trước đó, ông Seward đã hùng biện theo quan điểm cực đoan, quá thiên vị người nhập cư và các tín đồ thiên chúa giáo nên không được chọn. Một nhân vật theo chủ nghĩa bài nô, ông Salmon P. Chase của bang OHIO cũng bị cho là quá nguy hiểm đối với vấn đề chiến hữu nô lệ. Ông Edward Bates, bang Missouri thua trong cuộc tranh cử lần này bởi những mối liên hệ của ông với đảng Know-Nothing bị coi là mối nguy hiểm với cử tri nhập cư, đặc biệt là nhóm người Mỹ gốc Đức. Người được đắc cử là Lincoln, vì quan điểm thực tế và những bài diễn văn được suy xét cẩn trọng đến từng từ ngữ, đặc biệt là bài diễn văn được đọc vào tháng 02 năm 1860 tại thành phố New York. Giờ đây tên của ông được nhiều người biết đến. Đến kỳ bỏ phiếu kín thứ ba, ông Lincoln đã nhận được đa số phiếu. Ông Hannibal Hamlin thuộc bang Maine, một cựu đảng viên đảng Dân chủ ít tiếng tăm, được chọn là ứng viên cho ghế Phó tổng thống.

Biết đảng của mình không có thể lực ở miền Nam, những người theo đảng Cộng hòa đã ủng hộ một cương lĩnh được soạn thảo nhằm thu phục mọi lá phiếu tiềm năng tại các bang thuộc miền Bắc và miền Tây. Dù công nhận quyền của mỗi bang là được quyết định thể chế riêng của mình (nói cách khác, được quyết định áp dụng chế độ chiếm hữu nô lệ hay không), nó vẫn không chấp nhận quyền của hạ viện (cơ quan lập pháp chung có tầm ảnh hưởng toàn quốc) hoặc bất cứ cá nhân nào (ở đây ý nói tới Tổng thống hay chủ tịch tối cao pháp viện) “chấp thuận sự tồn tại hợp pháp của chế độ chiếm hữu nô lệ trên bất cứ miền lãnh thổ nào của Hoa Kỳ”. Cương lĩnh này cũng đòi thực hiện những biện pháp kinh tế đã từng hấp dẫn các cử tri miền Bắc và miền Tây nhưng từng bị người miền Nam phủ quyết.

Giờ phút thử thách đã đến đối với đảng Dân chủ. Kể từ năm 1853, đảng này đã giữ ghế Tổng thống nhờ sự liên kết lỏng lẻo giữa các vùng miền. Mối liên kết ấy giờ

đây đang khó lòng tồn tại. Cuộc họp của đảng Dân chủ được tổ chức vào tháng 04 ở Charleston, Nam Carolina đã biến thành lò lửa hừng hực cảm xúc của người miền Nam. Hầu hết các đại biểu người miền Nam đều lưỡng lự chấp thuận một cương lĩnh được đề xuất bởi một nhân vật hung hăng người Alabama, ông William L. Yancey. Cương lĩnh này đòi hỏi sự bảo hộ của chính quyền Liên bang đối với chế độ chiếm hữu nô lệ tại các lãnh thổ miền Nam.

Những đại biểu không phải người miền Nam, chiếm đa số thành viên đảng Dân chủ, ủng hộ việc đưa ông Stephens A. Douglas vào ghế Tổng thống. Họ cũng ủng hộ một cương lĩnh về vấn đề sở hữu nô lệ chỉ được bảo đảm bằng vài quyết định của pháp viện tối cao (một sự chứng thực chỉ bằng lời nói: phán quyết từ vụ Dred Scott). Theo nhiều cách, ông Douglas là một lựa chọn tuyệt hảo của đảng này. Người ủng hộ ông rất nhiều. Ông là một trong những người có thể ảnh hưởng tới giới chính trị gia toàn quốc. Ông lại có mối quan hệ chặt chẽ với miền Nam. Nhưng Học thuyết Freeport của ông lại tránh né hợp pháp hậu quả của phán quyết Dred Scott. Đồng thời, sự chống đối của ông với văn bản công nhận bang Kansas trong hiến pháp Lecompton khiến các đại biểu miền Nam không thể chấp nhận ông.

Phần đông người tham dự họp phản đối cương lĩnh Yancey, ủng hộ cương lĩnh Douglas. Sau đó ông William Yancey, con người ương ngạnh của bang Alabama, đã ngay lập tức dẫn đầu hầu hết các đại biểu đến từ bảy bang miền Nam khu vực dưới và đại diện bang Kansas rời khỏi cuộc họp. Theo luật của đảng này, vì thiếu đa số (2/3) thành viên, cuộc họp phải hoãn lại và sẽ tổ chức ở Baltimore hai tháng sau. nỗ lực tại Baltimore nhằm hàn gắn mối chia rẽ đã trở nên vô vọng. Toàn bộ đại biểu còn lại sau đó đã bầu Douglas vào ghế Tổng thống. Một người có quan điểm ôn hòa xuất thân từ miền Nam, ông Herschel V. Johnson của bang Georgia, là ứng viên chức Phó tổng thống. Những người chủ trương li khai miền Nam (vài người trong số họ chỉ mới gặp nhau lần đầu ở Richmond) nhóm họp ở Baltimore. Họ chấp nhận cương lĩnh của ông Yancey và đề cử Phó tổng thống John C. Breckinridge người Kentucky vào ghế Tổng thống. Thượng nghị sĩ Joseph Lane của bang Oregon được đề cử vào ghế Phó tổng thống. Sự đoàn kết của đảng Dân chủ cuối cùng đã không chống đỡ nổi với mối hiểm thù cục bộ. Những sợi dây ràng buộc cuối cùng (theo cách nói của Calhoun) trước đây từng biến quốc gia thành một thể thống nhất bây giờ đã bị cắt lìa.

Rất nhiều cựu thành viên đảng Whig thuộc khu vực phía trên của miền Nam kết hợp với phần còn lại của đảng Knoww-Nothing để lập ra một đảng mới. Họ gọi đảng này là “Liên Hiệp Hợp Hiến” (Constitutional Union), nhóm họp tại Baltimore. Họ đề ra cương lĩnh: tránh né vấn đề nóng bỏng nhất của thời đại - vấn đề sở hữu nô lệ trên các vùng lãnh thổ thuộc Liên bang. Họ tán thành việc trung thành với hiến pháp, trung thành với liên hiệp các bang miền Bắc, và ủng hộ việc tăng cường thực thi luật pháp. Như một bài ca tán tụng Chúa trời, quốc kỳ, mẹ hiền, cương lĩnh này bày tỏ những cảm xúc cao thượng mang tới sức hấp dẫn chung cho dân chúng. Nhưng đảng này đã không có cơ hội có chân trong trong các cuộc bầu cử. Những người thuộc



đảng “Liên hiệp hợp hiến” bầu một thượng nghị sĩ mang tư tưởng bảo thủ, ông John Bell người bang Tennessee vào ghế Tổng thống và nhà hùng biện đồng thời cũng là cựu thượng nghị sĩ Edward Everett của bang Massachusetts vào ghế Phó tổng thống.

Ở miền Bắc và miền Tây, cuộc chạy đua vào ghế Tổng thống chủ yếu được coi là cuộc chạy đua giữa Lincoln và Douglas. Miền Nam: giữa Breckinridge và Bell. Mặc dù đảng Cộng hòa nỗ lực không bộc lộ quan điểm bài nô của mình, lối hùng biện bảo vệ quyền lợi cục bộ của họ không thể lẫn vào đâu được. Còn lối hùng biện của những người chống lại đảng Cộng hòa là miền Nam lại vô độ. Mỗi phe đều mô tả phe kia như mối hiểm họa của số phận quốc gia. Tại miền Bắc và miền Tây, ông Douglas bị buộc tội là kẻ nhu nhược, ông Breckinridge là kẻ chuyên gây mất đoàn kết. Tại miền Nam, ông Lincoln bị coi là một tay bài nô đen tối. Họ cho rằng nếu bầu ông này sẽ gây nên hậu quả thảm khốc cho miền Nam.

Những nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa không nỗ lực làm dịu bớt nỗi sợ hãi của người miền Nam về nguy cơ Lincoln. Ông Charles Sumner tuyên bố rằng: hiến pháp không hề bảo hộ cho chế độ chiếm hữu nô lệ. Ông quả quyết rằng: ông Lincoln tự thú nhận mình ủng hộ cho “luật pháp tối thượng” và cho “cuộc xung đột không thể kiềm nén”. Lincoln khôn ngoan giữ yên lặng, không hề phản đối những tuyên bố sai trái nhắm vào ông. Bởi vì theo ông: “... Kẻ xấu... ở miền Bắc và miền Nam” sẽ bóp méo và xuyên tạc bất cứ lời nói nào của ông vào thời điểm này.

Đảng Cộng hòa khẩn nài cử tri miền Bắc và miền Tây giành phiếu cho ông Lincoln. Mặc dù ông chỉ chiếm được thiểu số phiếu (39,9% so với tổng số), ông lại nhận được đa số phiếu của những cử tri cao cấp: 180 so với 123 phiếu của cả ba ứng viên còn lại. Ông có thể giành được đa số phiếu tại những bang đông dân cư nhất ở miền Bắc và miền Tây (54% so với số phiếu của toàn dân trong vùng). Và như vậy ông đã có được toàn bộ số phiếu của các ứng viên thuộc miền Bắc và miền Tây. Ông Lincoln không có một phiếu nào từ miền Nam. Chiến thắng của đảng Cộng hòa tại miền Bắc chứng tỏ sự liên kết sâu rộng của các cựu thành viên đảng Cộng hòa theo đường lối Fremont và các cựu thành viên Know-Nothing theo đường lối Fillmore. Thêm vào đó là sự hỗ trợ quan trọng của các nhóm dân nhập cư theo đạo Tin lành, đặc biệt là những người theo đạo Tin lành gốc Đức và một số ít các cử tri trẻ thuộc thế hệ mới được sinh ra tại Mỹ.

Ông Breckinridge giành được sự ủng hộ từ tất cả các bang tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ ngoại trừ Virginia, Kentucky và Tennessee. Những bang này bầu cho ông Bell. Nhưng ông lại là người giành số phiếu ít hơn tại miền Nam, cũng như Lincoln giành được số phiếu ít hơn nếu tính tổng các bang trên nước Mỹ cộng lại. Ông Breckinridge giành được sự ủng hộ tại các bang miền Nam thuộc khu vực phía dưới cộng thêm bang Bắc Carolina, Maryland và Delaware. Ông nhận được ít phiếu hơn phiếu của ông Bell và ông Douglas gộp lại. Ông Douglas giành được phiếu của thiểu số dân đóng vai trò quan trọng tại miền Bắc và miền Tây đồng thời cho thấy sức thuyết phục đáng ngạc nhiên của ông ở miền Nam (trên 12% tổng số phiếu bầu). Miền Nam là nơi ông vận động tranh cử hăng hái nhất và sôi nổi nhất. Nhưng với

bang Missouri, ông chỉ được thêm ba phiếu cộng với bảy phiếu của các cử tri cao cấp tại New Jersey.

Cuộc bầu cử này cho thấy không hề có sự ủng hộ mạnh mẽ nào về các vấn đề sở hữu nô lệ hay li khai. Nó thực sự phản đối cả những người bài nô miền Bắc và những kẻ hung hăng miền Nam. Nhưng hậu quả của nó lại nhen nhóm lên nỗi e sợ sâu xa tại miền Nam bởi vì nó đặt quyền điều hành đất nước vào tay một đảng, về cơ bản, đại diện cho chính kiến của người miền Bắc và miền Tây. Vận mệnh quốc gia giờ nằm cả trong tay một nhân vật ra mặt chống đối thể chế (sở hữu nô lệ) liên quan đến nhiều mặt xã hội và kinh tế, được coi là bất khả xâm phạm của miền Nam.

Những thay đổi của những cơ quan báo chí trước đây ủng hộ đường lối hợp nhất kiểu miền Nam rõ ràng cho thấy hậu quả của chiến thắng của ông Lincoln ảnh hưởng như thế nào đến suy nghĩ của người miền Nam. Tờ báo New Orleans Bee là một ví dụ hoàn hảo. Báo này ủng hộ ông Douglas khi ông này đang tổ chức chiến dịch tranh cử. Ngay trước khi cuộc bầu cử diễn ra, báo thể hiện chủ nghĩa hợp nhất rõ ràng như sau: Dù ứng viên Tổng thống chỉ giới hạn ở một vài nhân vật: ông Bell, ông Douglas, ông Lincoln, hay ông Breckinridge; Dù hạ viện sau này có thuộc đảng Cộng hòa ủng hộ người da đen hay thuộc đảng Bảo thủ; Dù cho ông Seward có dự định khơi mào một cuộc xung đột không thể tránh khỏi; Dù ông (Robert Barnwell) Rhett có nỗ lực tập hợp các lực lượng vũ trang để ngăn chặn lễ nhậm chức của ông Lincoln; Dù cho John Brown có được phong thánh ở bang New England; Những người đàn ông chân chính của Liên bang sẽ không hề nghĩ tới việc phá vỡ thể chế nhà nước Hoa Kỳ hiện hành”.

Nhưng ngay sau khi cuộc bầu cử Tổng thống hoàn tất, báo này lại viết: “Kết quả thật đáng ngạc nhiên. Nó cho ta thấy quyền năng to lớn và sự ủng hộ của dân chúng đối với đảng Cộng hòa. Điều gì có thể phủ nhận một bằng chứng đầy sức thuyết phục và quá rõ ràng về tính bất lương người miền Bắc? Lý lẽ nào có thể thuyết phục người miền Nam phải tuân thủ và chờ đợi những sự kiện có thể xảy ra trong tương lai khi mà chế độ bài nô đã lan tràn khắp các bang miền Bắc. Chế độ bài nô chứng tỏ quyền năng ngày càng lớn không thể tưởng tượng ngay chính trong các bang công nhận chế độ sở hữu nô lệ?”.

Những kẻ hung hăng nhanh chóng tận dụng cơn giận dữ của người miền Nam. Mười năm trước, tại hội nghị Nashville, ông Robert Barnwell đã không thể thuyết phục các bang miền Nam li khai quy tụ về một mối. Ông ta và những người cực đoan miền Nam khác giờ đây đã sẵn sàng khơi dậy cái gọi là “khả năng tuyệt vọng” - ám chỉ hành động li khai: tách các bang miền Nam ra khỏi chính phủ Liên bang. Cơ quan lập pháp của Nam Carolina, vẫn chủ trương li khai kể từ khi chọn ra các thành viên dự đại hội đại biểu cử tri nhằm bầu ra Tổng thống, ngay lập tức bỏ phiếu kêu gọi nhóm họp một hội nghị để quyết định vấn đề quan trọng này. Các thống đốc của các bang khác thuộc khu vực phía dưới miền Nam nói rằng bang của họ sẽ nghe theo sự chỉ đạo của bang Carolina.

Lúc này, ý kiến li khai tại bang Palmetto hầu như giành được sự nhất trí. Mong muốn li khai được tuyên bố trong hội nghị của bang (một hội nghị nhóm họp tại Charleston, một thành phố được trang hoàng với quốc kỳ của bang và cờ trang trí ủng hộ li khai, một thành phố đã được hít thở bầu không khí sẵn sàng li khai) như vậy đã rõ. Ngày 20 tháng 12, một trăm sáu mươi chín đại biểu bỏ phiếu mà không hề có phiếu chống nào. Họ cùng nhất trí tách bang Nam Carolina ra khỏi Liên bang. Tin tức về động thái này đã biến cả thị trấn Charleston thành cơn cuồng phong chính trị. Các doanh nghiệp đóng cửa, chuông nhà thờ đổ liên hồi, pháo nổ rền, quân đội duyệt binh trên các đường phố, người già hò reo và tuần hành trên đường. Cảnh này có lẽ sẽ khiến ông John C. Calhoun đang yên nghỉ dưới ba tấm đất ngắm nhìn cũng hài lòng lẫn buồn vui.

Sự rút chân ra khỏi Liên bang Hoa Kỳ của bang Nam Carolina và sự sụp đổ của những nỗ lực trong hạ viện Hoa Kỳ đã châm ngòi nổ cho cuộc li khai xuất hiện ở vùng đất phía dưới của miền Nam. Ngày 9 tháng 1 năm 1861, bang Missouri rút chân ra khỏi Liên bang Hoa Kỳ. Ngoại trừ bang Nam Carolina, có lẽ bang Missouri là một bang có thái độ bảo vệ quyền lợi địa phương mãnh liệt nhất. Một ngày sau khi bang Missouri rút khỏi Liên bang, bang Florida cũng tuyên bố ly khai. Ngày kế tiếp là bang Alabama.

Li khai không diễn ra quá nhanh chóng và có thể dự đoán trước ở ba bang còn lại ở vùng đất phía dưới của miền Nam. Dù đa số dân chúng của các bang này tin li khai là động thái cuối cùng của bản năng tự bảo toàn, hầu hết họ cùng có chung quan điểm rằng: hoàn cảnh hiện tại có thể bào chữa cho bước đi của họ. Rất nhiều người đã thắc mắc liệu có là khôn ngoan chăng khi ngay lập tức li khai thành một bang đơn lẻ. Vài người ủng hộ chính sách đợi để quan sát xem chính quyền Lincoln sẽ làm gì nhằm giải quyết vấn đề chiếm hữu nô lệ. Người khác lại ủng hộ cách li khai theo từng nhóm bang có chế độ chiếm hữu nô lệ. Những đối thủ phản kháng chính sách li khai, tự nhận mình là những người hợp tác. Những người ủng hộ việc li khai ngay để trở thành bang riêng lẻ đã khinh bỉ gọi họ là “bọn người dễ quy phục”.

Hành động của bang Georgia khá nổi bật. Quyết định của chế độ lập pháp yêu cầu một hội nghị. Cựu hạ nghị sĩ Alexander Stephens, một lãnh đạo đáng kính tại bang này phản đối hành động ly khai. Ông tuyên bố: “Chính phủ là đấng phụ mẫu của ta. Dù có những khiếm khuyết này nọ, chính phủ vẫn đang đến gần những mục tiêu để trở thành một chính phủ tốt đẹp hơn và an toàn hơn bất cứ thể chế nào”. Những người chủ trương đoàn kết như ông Herschel V. Johnson và ông Benjamin H. Hill cũng có tư tưởng như ông Stephens.

Nhưng hầu hết những người có máu mặt ở Georgia mang tư tưởng khác họ. Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Robert Toombs và Bộ trưởng Bộ tài chính Howell Cobb (hai ông trước đây từng chủ trương đoàn kết) bây giờ đã không còn tin chính quyền thuộc đảng Cộng hòa có thể giành cho miền Nam một sự công bằng. Ông Toombs sử dụng ngôn từ của đại thi hào Homer, cầu khẩn những nhà lập pháp “... Hãy phóng những ngọn lao nhuộm máu vào hang ổ của những kẻ gây bất hòa... Tự rút thân ra

khỏi chính phủ Liên bang... Hãy khơi mào một cuộc chiến giành độc lập nữa... Đấu tranh như những chiến binh xông pha ngoài chiến trận một lần nữa. Hãy hành động vì tự do và độc lập”. Và rồi “cuộc bỏ phiếu ngày mùng 04 tháng 03 về vấn đề li khai sẽ đẩy những lá phiếu của cư tri đồng lòng nhất trí li khai tại Georgia”. Ông Cobb viết “mỗi giờ khắc qua đi (sau lễ nhậm chức của Tổng thống Lincoln), bang Georgia sẽ bị lu mờ ánh hào quang nếu vẫn còn là thành viên của Liên bang Hoa Kỳ và chắc chắn nó sẽ trở thành cảnh hoang tàn trong một thời gian ngắn”. Bị kích động bởi những lời kêu gọi như vậy, giới lập pháp đã triệu tập một hội nghị. Hồn xúc xắc đã được tung ra. Ngày 19 tháng 01, sau khi áp đảo nỗ lực phản đối mạnh mẽ của phái hợp tác trì hoãn động thái li khai, hội nghị đã bỏ phiếu và đồng ý li khai ngay với số phiếu áp đảo 218/89.

Li khai tại bang Louisiana có lẽ lưỡng lự nhiều hơn tại Georgia. Những chủ đồn điền trồng mía tại bang này làm giàu được nhờ thuế bảo hộ của Liên bang. Rất có thể loại thuế này rồi sẽ không còn ở một thể chế cộng hòa miền Nam bị thống trị bởi quá nhiều người quan tâm đến cây bông. Những thương gia bang New Orleans có những mối quan hệ tài chính vững mạnh với các chủ nhà băng miền Bắc. 40% dân số của thủ phủ New Orleans là người di cư gốc châu Âu. Nhiều người trong số họ có ít hoặc không thể nhiệt tình với việc đấu tranh vì nền độc lập của miền Nam. Tuy nhiên những người chủ trương li khai lại nắm quyền trong cơ quan lập pháp và đã bỏ phiếu yêu cầu tổ chức một hội nghị. Theo sau sự sụp đổ của các nỗ lực hòa giải tại hạ viện, báo New Orleans Bee, với chủ biên là người ủng hộ đường lối đoàn kết viết: “Miền Bắc và miền Nam không đồng nhất về lập trường. Tốt hơn hết nên tách rời nhau... Chúng ta sẽ sa vào thảm họa nếu như tuyên bố không độc lập về mặt chính trị”.

Đa số đại biểu được bầu trong hội nghị bang Louisiana đã đòi li khai ngay. Mọi động thái của phe hợp tác nhằm trì hoãn hành động hấp tấp này đều bị bác bỏ. Ngày 26 tháng 01 hội nghị đã chọn cách li khai bằng biểu quyết và đã thắng với con số lấn át 113/17. Ít nhất cũng có một vài đại biểu chủ trương li khai ý thức được tính chất cực đoan trong hành động của họ.

Texas là bang duy nhất tại khu vực dưới của miền Nam có chính phủ chia rẽ về vấn đề li khai. Đa số thành viên trong cơ quan lập pháp bang này ủng hộ li khai. Họ đòi tổ chức một hội nghị. Ngày 01 tháng 02, hội nghị đã bỏ phiếu về vấn đề này và phe li khai thắng với số phiếu áp đảo: 166/8. Nhưng thống đốc bang này là ông Sam Houston, một anh hùng cách mạng của bang Texas và là một chính trị gia theo đuổi chủ nghĩa dân tộc, đã phản đối li khai. Cuối cùng ông đã bị cách chức vì không tuyên thệ trung thành với chính phủ Liên bang của miền Nam Hoa Kỳ. Texas cũng là bang duy nhất có được động thái: quyết định của hội nghị những người chủ trương li khai đã được đệ trình lên cuộc trưng cầu dân ý. Chiều theo hành động của hội nghị, cuộc trưng cầu dân ý đã xác định lại lệnh li khai của bang Texas với đa số phiếu theo tỷ lệ 3 ă 1.

Đầu tháng 02 năm 1861 bảy bang của khu vực phía dưới miền Nam đã rút lui khỏi Liên bang. Trên khắp cả một vùng rộng lớn, đâu đâu cũng thấy người ta bàn tới học thuyết quyền của bang. Những nỗi sợ hãi cùng cảm xúc mãnh liệt dâng tràn. Câu hỏi quan trọng bây giờ là: “Toàn thể nước Mỹ sẽ phản ứng ra sao với tình trạng này?”

## 2. Kế sách vũ trang

Phản ứng của toàn nước Mỹ với hành động li khai lúc đầu không rõ ràng. Tổng thống Buchanan (người vẫn đương nhiệm trước lễ nhậm chức của ông Lincoln diễn ra vào ngày 04 tháng 03 năm 1861), về bản chất là người ưa hòa giải. Ông cũng có những tình cảm sâu đậm đối với miền Nam. Các động thái của những người trong nội các của ông thể hiện rõ xu hướng này. Người miền Nam giữ khá nhiều vị trí quan trọng trong nội các của Tổng thống Buchanan. Ông Howell Cobb - Bộ trưởng Bộ tài chính, ông Jacob Thompson thuộc bang Mississippi - Bộ trưởng Bộ nội vụ. Ông John Floyd bang Virginia - Bộ trưởng Bộ chiến tranh. Ngoài nội các, những khuôn mặt chính trị gia nổi tiếng của miền Nam như thượng nghị sĩ John Slidell của bang Louisiana và thượng nghị sĩ Jefferson Davis của bang Mississippi cũng là những người bạn tâm giao của Tổng thống Buchanan. Rõ ràng, ông có ảnh hưởng nhất định tới động thái của họ.

Chính tư tưởng chính trị của Tổng thống Buchanan cũng không rõ ràng. Biên bản cuộc họp hàng năm năm 1860 đệ trình lên hạ viện cho thấy những quan điểm bất đồng về mối quan hệ giữa quốc gia với những đơn vị bầu cử. Ông tuyên bố li khai là bất hợp pháp, nhưng lại nói rằng chính phủ Liên bang không có quyền ép buộc một bang bất kỳ phải giữ chân trong Liên bang. Ông Seward đã nhại lại bài diễn văn này cho rằng ý nghĩa của nó là “không bang nào có quyền được li khai nếu như nó không muốn”. Và rằng “nghĩa vụ của Tổng thống là bắt buộc mọi người dân phải tuân thủ luật pháp trừ khi có ai đó chống đối ông ta”.

Về mặt luật pháp, Tổng thống Buchanan đã sai lầm bởi thiếu sự quyết đoán và ý chí. Rõ ràng hành động của ông trong cuộc khủng hoảng chính trị ở nước Mỹ là kém ấn tượng khi so sánh với các ông Andrew Jackson, Abraham Lincoln. Nhưng ông Buchanan sợ hãi rằng nếu chính phủ Liên bang đe dọa hoặc có động thái ép buộc sẽ chỉ thổi bùng lên ngọn lửa đòi li khai chứ không phải dập tắt nó.

Khi đọc bài diễn văn hàng năm vào đầu tháng 12 năm 1860, ông đã phát biểu ý kiến của mình về vấn đề li khai trước khi chưa có bang nào đòi rút chân ra khỏi Liên bang. Tất nhiên sự tự chủ kiên trì của ông đã không ngăn chặn được cuộc li khai của bảy bang thuộc khu vực phía dưới của miền Nam. Có thể chính quan điểm của ông đã khích lệ các bang này li khai. Nhưng có khả năng là họ đã chủ động li khai từ lâu và sự chịu đựng của ông đã đóng góp rất nhiều vào việc ngăn chặn li khai của tám bang có chế độ sở hữu nô lệ còn tồn tại vào thời điểm đó. Một cách gián tiếp, hành động của ông đã giúp một số bang không cùng viện đến động thái li khai. Vào những tuần cuối cùng trong nhiệm kỳ Tổng thống của ông, sau khi hành động li khai trở thành việc đã rồi và nhiều thành viên của các bang miền Nam đã không còn thuộc nội các của ông nữa, ông đã củng cố uy tín của mình bằng cách chỉ định những chính trị gia chủ trương đoàn kết và trung thành với Liên bang giữ vị trí những người đã ra đi.

Ông Buchanan luôn thận trọng là vì ông hy vọng đạt được một thỏa hiệp chính trị lớn khác sẽ ngăn chặn hoặc hạn chế việc li khai của các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ tại Mỹ. Cả hạ viện lẫn thượng viện đều chỉ định những ủy ban nghiên cứu tính khả thi của một động thái như vậy. Và điều có khả năng nhất đã xảy ra: Thượng nghị sĩ John J. Crittenden đến từ bang Kentucky đã trình lên ủy ban thượng viện một loạt đề nghị vào ngày 18 tháng 12. Thượng nghị sĩ này đang giữ vị trí của ông Henry Clay trước đây. Ông tự coi mình là người kế nhiệm ông Clay trong vai trò kiến trúc sư của tòa nhà chính trị Mỹ. Điều khoản quan trọng nhất của thỏa hiệp Crittenden kêu gọi bổ sung hiến pháp để có thể phân chia lại ranh giới địa lý theo thỏa ước Missouri và mở rộng vùng ranh giới này cho tới tận biên giới của bang California. Đồng thời chế độ chiếm hữu nô lệ sẽ bị cấm tại các vùng lãnh thổ của Liên bang ở phía Bắc của giới tuyến này. Nhưng thỏa ước Crittenden lại công nhận và bảo hộ cho chế độ chiếm hữu nô lệ ở vùng đất phía Nam giới tuyến.

Dẫn đầu bởi thượng nghị sĩ Jefferson Davis, người miền Nam, bộc lộ thái độ sẵn sàng chấp nhận bản thỏa ước này nếu những thành viên trong đảng Cộng hòa cũng đồng ý như vậy. Chính đây là vấn đề người đảng Cộng hòa từ chối chấp nhận (một phần do lời khuyên của Tổng thống mới đắc cử Lincoln). Tổng thống nói, trên cương vị cá nhân, ông sẵn sàng hỗ trợ và ủng hộ một biên bản bảo đảm cho chế độ nô lệ vẫn cứ tồn tại ở những bang từng có mặt nó. Nhưng ông cũng đưa ra lời khuyến cáo "... Sẽ không chấp nhận bất cứ một thỏa ước nào nhằm bành trướng chế độ chiếm hữu nô lệ hơn nữa... Hoặc ngay khi ai có ý định bành trướng chế độ nô lệ, chúng ta sẽ không để họ yên. Mọi nỗ lực sẽ là vô vọng và dù sớm dù muộn ý định này cũng sẽ bị bác bỏ. Thà mất lòng trước để được lòng sau". Như vậy những nỗ lực thỏa hiệp hứa hẹn nhất cũng đã thất bại. Về lâu về dài, việc đẩy lùi và hạn chế li khai trở nên khó khăn. Nhưng ngay tại thời điểm này, việc bác bỏ thỏa hiệp Crittenden đóng vai trò quan trọng khiến cho các bang Georgia, Louisiana, và Texas nhanh chóng đi tới quyết định li khai.

Nỗ lực thỏa hiệp được thực hiện bên ngoài chính phủ Liên bang cũng thất bại. Nỗ lực đáng kể nhất là hội nghị hòa bình Washington được nhóm họp vào tháng hai ngay tại thủ đô nước Mỹ theo lời mời của hệ thống luật pháp bang Virginia. Cựu Tổng thống John Tyler là chủ tọa. Đại biểu đến từ 21 bang (không có đại biểu nào từ các bang li khai) đều đồng loạt đề xuất giống hệt như thỏa ước Crittenden nhưng bao gồm một số điều khoản dự thảo nhằm trấn áp sự phản đối của đảng Cộng hòa. Đặc biệt là sự chỉ trích của Tổng thống Lincoln rằng: đề xuất Crittenden sẽ kích động người miền Nam tìm kiếm vùng đất mới để áp dụng chế độ chiếm hữu nô lệ như miền Nam hiện nay. Hội nghị Washington cũng đề xuất một quyền phủ quyết trong việc thành lập những vùng lãnh thổ mới của Liên bang bằng cách yêu cầu số đông bỏ phiếu. Người được bỏ phiếu đều có thể là thành viên của bang tự do và bang có áp dụng chế độ chiếm hữu nô lệ hiện đang có mặt tại hạ viện. Những đề xuất này là không thể chấp nhận được đối với các lãnh đạo đảng Cộng hòa và các đại biểu đến từ

các bang có sở hữu nô lệ thuộc vùng lãnh thổ phía trên của miền Nam. Như vậy những đề xuất này cũng chỉ là vô ích.

Khi chính quyền của Tổng thống Buchanan đang không biết đáp ứng thế nào với tiến trình li khai, những bang đã li khai rất kiên định với kế hoạch của riêng mình và đang tiến những bước đáng kể. Ngày mùng 4 tháng 2, đại biểu từ sau khi các bang li khai nhóm họp tại đại sảnh đường của nghị viện thuộc tòa nhà quốc hội bang Alabama và bắt đầu làm việc cùng nhau để kiến tạo một quốc gia mới tại miền Nam. Trong nhóm năm mươi đại biểu có rất nhiều chính trị gia hàng đầu đại diện cho giới chủ nô, luật sư của miền Nam. Ông Howell Cobb giữ vai trò chủ tọa. Họ nhanh chóng thảo và chấp thuận một bản hiến pháp tạm thời cho chính phủ lâm thời của một thể chế chính trị mới mà họ đặt tên: Liên minh các bang Hoa Kỳ. Cuộc họp thượng đỉnh này trở thành đại hội của chính phủ lâm thời. Cử tri đã bầu ra thủ tướng và phó thủ tướng lâm thời. Đây cũng là hội nghị chính thức trong đó các đại biểu thảo ra một văn kiện chính thức cho chính phủ sau này. Bản hiến pháp mang nội dung: Trong vòng một năm, một chính phủ chính thức sẽ được bầu và một hiến pháp chính thức sẽ được phê chuẩn bởi các bang miền Nam li khai.

Một công việc khá khẩn trương trước khi diễn ra hội nghị: bầu thủ tướng và phó thủ tướng lâm thời thật nhanh chóng. Có rất ít bất đồng về cá nhân cũng như về chính trị, đại hội này thống nhất chọn ra ông Jefferson Davis là Tổng thống lâm thời. Ông Alexander Stephens là Phó tổng thống lâm thời. Trong tiến trình chọn và bầu hai ông này, các đại biểu đã bác bỏ các ứng viên quá khích của miền Nam. Một trong số những người nổi bật nhất là ông Braggs, thành viên của đại hội. Và một người khác: ông Yancey đang có mặt tại thủ phủ bang Alabama nơi diễn ra hội nghị. Những thành viên quá khích không kiên định và sẽ là mối hiểm họa cho chính phủ. Hoàn cảnh hiện nay đang đòi hỏi những người ôn hòa có thể mang lại sự ổn định sau cuộc cách mạng đòi li khai. Cũng như trước kia, người ta đã chọn tổng thống Washington và John Adam thay vì chọn Patrick Henry và Samuel Adams.

Ông Davis là một người theo đường lối ôn hòa, xuất thân từ miền Nam. Ông chỉ hoan nghênh li khai sau khi bang của ông rút khỏi Liên bang. Cũng như Lincoln, ông Davis sinh ra ở Kentucky trong một gia đình nông dân. Nhưng ông Davis lớn lên tại Missouri. Gia đình ông chuyển đến vùng này khi ông còn ẵm ngửa. Ông Davis càng lớn, gia đình ông càng trở nên giàu có nhờ sở hữu nô lệ và làm chủ nhiều đồn điền trồng bông. Dù trước đây ông mang tinh thần yêu nước sâu sắc nhưng sau này ông đã thấm nhuần tư tưởng của giới quý tộc sở hữu đồn điền tại miền Nam và các học thuyết chính trị ủng hộ quyền các bang của các ông Thomas Jefferson và John C. Calhoun.

Ông Davis được hưởng một nền giáo dục kinh điển theo truyền thống tại trường đại học Transylvania ở Lexington, Kentucky. Đồng thời ông cũng lĩnh hội các kiến thức quân sự truyền thống tại học viện quân sự Mỹ, khóa 1828. Năm 1835, sau cái chết bi thảm của người vợ mới cưới được sáu tuần, ông Davis từ chức và suốt mười năm trời sống gần như ẩn dật với tư cách là một chủ đồn điền, một nhà nghiên cứu



lịch sử và các vấn đề liên quan tới chính phủ. Sau đó ông gặp gỡ và kết hôn với một cô gái trẻ sôi nổi người vùng Nashville: Varina Howell. Cuộc hôn nhân này đã mang lại sức sống cho ông. Hầu như ngay lập tức, ông tham gia chính trường và được bầu vào hạ viện Hoa Kỳ. Từ bỏ địa vị cao quý này, ông đã gia nhập quân đội trong thời kỳ chiến tranh Mexico. Ông chỉ huy trung đoàn tình nguyện Mississippi với lòng dũng cảm vô song và kỹ năng quân sự tài tình. Ông đã nổi lên như người hùng của cuộc chiến, một quân nhân lừng lẫy trong lịch sử của bang Kentucky.

Năm 1847, ông Davis tranh cử thượng nghị sĩ Hoa Kỳ. Có lẽ sau lần ấy, ông trở thành nhà vô địch nức tiếng gần xa về tài ăn nói lưu loát trong lịch sử miền Nam. Bốn năm sau, ông rời thượng viện để tranh cử chức thống đốc của bang ông. Nhưng ông thất bại vì quan điểm chống đối Thỏa ước 1850. Ông tỉnh ngộ khỏi quan điểm không rõ ràng về chính trị khi bạn ông là Tổng thống Franklin Pierce bổ nhiệm ông vào chức bộ trưởng bộ chiến tranh. Ông Davis đã biểu hiện tài năng xuất chúng ở vị trí này. Năm 1857, một lần nữa ông lại được bầu vào thượng viện Hoa Kỳ. Ông rời chiếc ghế danh giá ở thượng viện trong cuộc li khai của Mississippi và chấp nhận chức tổng tư lệnh các lực lượng quân đội của bang.

Davis khá cao. Lưng thẳng và dáng người mảnh dẻ. Tác phong của ông đúng là của một quân nhân chính hiệu. Mặc dù nét mặt của ông quá sắc cạnh nên không thể gọi là đẹp trai, nhưng những nét ấy lại rất đặc trưng. Người miền Nam cho rằng nét mặt góc cạnh như vậy mới là quý phái. Ngày 15 tháng 2, ông đến Montgomery với tư cách Tổng thống lâm thời của Liên minh miền Nam. Tại đây ông đã được giới thiệu với đám đông ngưỡng mộ bởi nhà hùng biện Yancey. Ông Yancey nói: “Con người của giờ khắc quyết định đã đến”. Hiếm người tại Liên minh miền Nam không tán thành câu nói ấy.

Phó Tổng thống Stephens nhỏ thó và ốm yếu: Khuôn mặt khô khốc nhăn nheo nhưng trí tuệ lại thông sáng và sắc sảo. Ông là một chính trị gia tài ba. Ông đã đại diện cho bang Georgia ở hạ viện Hoa Kỳ vào năm 1843 cho tới khi về nghỉ năm 1859 để chuyên tâm nghiên cứu và thực thi luật pháp. Với tư cách là một nhà hùng biện có sức thuyết phục của đảng Whig tại hạ viện, ông gây ấn tượng mạnh với đảng mình và với người bạn đồng thời là đồng nghiệp của ông trong hạ viện, Abraham Lincoln. Sau này ông Lincoln có nghe một trong những bài thuyết trình của ông và nhận xét: Đó là bài diễn văn hay nhất với thời lượng một tiếng đồng hồ ông từng được nghe. Cả hai ông đều phản đối cuộc chiến tranh Mexico, chính điều này đã tạo một mối thân tình đặc biệt giữa hai ông.

Ông Stephens là một người khó hiểu trong bộ máy chính quyền của Liên minh miền Nam. Ông có tình cảm sâu nặng cả với Liên bang và với hiến pháp của Liên bang. Ông từng hỗ trợ cho ông Douglas để ông ta có được cương vị Tổng thống như ngày nay. Ông phản đối sự li khai của bang Georgia. Thế nhưng ông lại ủng hộ nhiệt thành cho quyền của bang. Ông không hề thấy có gì là mâu thuẫn trong tư tưởng của mình. Cuối cùng, ông đã nghiêng hẳn về học thuyết quyền của bang và chống lại thể chế là cha đẻ của những thứ quyền lợi ấy: Liên bang Hoa Kỳ. Ông rất tin tưởng vào

tính đúng đắn của chế độ chiếm hữu nô lệ của miền Nam và coi thể chế này là một nền tảng để nền cộng hòa miền Nam có thể phát triển bền vững.

Hiến pháp chính thức của Liên minh được soạn thảo trong hội nghị và lập tức được phê chuẩn bởi đại diện các bang. Nó giống đến mức đáng ngạc nhiên với bản hiến pháp của Hoa Kỳ trước đây: Chỉ khác ở một số câu chữ và điều khoản mà trong quá khứ chúng đã dẫn tới sự bất đồng cục bộ giữa hai miền. Nó làm rõ hơn việc công nhận quyền của các bang, tính hợp pháp và trường tồn của chế độ chiếm hữu nô lệ. Lời nói đầu không hề có một câu chúc phúc chung nào, nó tuyên bố bản hiến pháp này sẽ có hiệu lực đối với mọi người dân thuộc Liên minh các bang Hoa Kỳ "... Mỗi bang có quyền tự trị và độc lập của riêng mình". Nó cấm bất cứ điều luật nào của chính quyền Liên minh làm tổn hại đến quyền được sở hữu nô lệ tại các vùng lãnh thổ và các bang thuộc Liên minh miền Nam. Nhưng việc nhập khẩu nô lệ, ngoại trừ từ Liên bang Mỹ ở miền Bắc, hoàn toàn bị cấm. Bản hiến pháp này cấm luật bảo hộ nhập khẩu và sự chiếm đoạt làm của riêng cho sự cải thiện nội bộ của từng bang. Mặc khác, nó cũng mâu thuẫn với hiến pháp Hoa Kỳ: cho phép áp dụng thuế xuất khẩu. Điều khoản này nhằm ủng hộ miền Nam bởi khu vực này chiếm vị trí thống trị trong lãnh vực cung cấp bông cho toàn thế giới.

Luật cơ bản của Liên minh cũng khác với luật cơ bản của Hoa Kỳ nói chung. Luật quy định một nhiệm kỳ của Tổng thống là sáu năm. Mỗi Tổng thống chỉ phục vụ một nhiệm kỳ mà thôi. Luật cho phép Tổng thống được phủ quyết những điều luật riêng đã được đa số tán thành mà không cần hủy bỏ toàn bộ điều luật ấy. Đồng thời cho phép các thành viên trong nội các (những người này sẽ được hạ viện chỉ định) tham gia vào hạ viện để bàn bạc các biện pháp gắn liền với những phòng ban của họ đang phục vụ. Bản hiến pháp không nói gì về quyền li khai, dù quyền ấy đã được thỏa hiệp ngầm và góp phần hình thành nên chính phủ Liên minh miền Nam.

Ông Davis lập tức hình thành các ban bộ. Hội nghị bắt đầu một nhiệm vụ quan trọng: mang lại sức sống mới cho một quốc gia mới. Ông Davis nhanh chóng bổ nhiệm một nội các trong đó có: Robert Toombs - Bộ trưởng Bộ nội vụ; Christopher G. Memminger người Nam Carolina là Bộ trưởng Bộ tài chính; Leroy P. Walker - Bộ trưởng Bộ chiến tranh; Stephen R. Mallory, thuộc bang Florida: Bộ trưởng Bộ hải quân; Judah P. Benjamin của bang Louisiana là Chánh án Pháp viện tối cao. Và ông John H. Eagan bang Texas là Tổng cục trưởng Tổng cục bưu chính. Nội các còn bao gồm nhiều nhân vật nổi tiếng hàng đầu của miền Nam. Đặc biệt là các ông Toombs và Benjamin (đều là cựu thượng nghị sĩ Hoa Kỳ). Nội các còn dành nhiều cương vị công bằng cho các đại diện bang của Liên minh. Người miền Nam nói: họ đã tìm được đúng người giữ những chức vụ phù hợp.

Bằng cách giữ lại những nét chính trong luật pháp Hoa Kỳ, chỉ thay đổi chúng khi nào chúng không phù hợp với hiến pháp của Liên minh miền Nam, và giữ bộ máy hành chính, dịch vụ như của Liên bang (nhân viên bưu điện và cách đưa thư chẳng hạn), chính quyền Liên minh dễ dàng thành lập và đi vào hoạt động. Đáng kể là việc tạo ra quân đội Liên minh bằng cách kêu gọi các bang đề nghị góp phần của mình về

binh lính cũng như đạn dược. Những sự kiện sắp xảy đến đã nhanh chóng biến quyết định này thành một quyết định vô cùng quan trọng. Một trong những hành động đầu tiên của Tổng thống Davis là cử những đặc phái viên của Liên bang miền Nam tới Washington trong một nỗ lực vô vọng nhằm thiết lập những mối quan hệ thân mật ở đây.

Trong lúc ấy, một trong những vấn đề nhạy cảm nhất mà cả Tổng thống Buchanan và những lãnh đạo của Liên minh lâm thời đều phải đối mặt: vấn đề sở hữu những tài sản của Liên bang (các trại lính, các pháo đài, đạn dược, trụ sở hải quân, và các bưu điện) trong lòng các bang li khai. Khi các bang rút khỏi Liên bang, họ đòi tất cả các cơ sở của Liên bang có trong bang của họ phải đầu hàng. Ngay lập tức, các nhân viên cấp cao của các địa phương, nhiều người trong số họ là người miền Nam đều tán thành quyết định này. Tuy nhiên một vài người không chấp nhận. Một trong số họ chính là thiếu tá Adam J. Slemmer, một sĩ quan chỉ huy của pháo đài Pickens, một vị trí canh gác lối ra vào cảng Pensacola. Một sĩ quan khác cũng không chấp nhận đầu hàng là thiếu tá Robert Anderson, một người Kentucky có nhiều tình cảm sâu đậm với miền Nam. Ông này đóng quân tại một nơi có lẽ là một địa điểm bùng phát nhiều sự kiện chính trị và quân sự nhất trên thế giới, “chiếc nôi” của phong trào li khai: Charleston.

Anderson bảo vệ danh dự bằng cách từ chối giao trả pháo đài Sumter cho người miền Nam. Đây là một công trình kiên cố ở ngay trong cảng và ở vị trí vừa có thể bảo vệ và đe dọa cả thành phố. Tổng thống Buchanan bác bỏ yêu cầu sự đầu hàng của thành trì này do các sứ giả thuộc bang Carolina tại Washington đưa đến cho ông. Ngược lại, ông phái một con tàu có vũ trang mang theo đồ tiếp tế thực phẩm và quân cứu viện đến pháo đài. Ngày 09 tháng 01 năm 1861, con tàu này đã bị bắn hạ bởi một khẩu đội pháo bên cạnh bờ biển miền Nam Carolina. Tổng thống đã quyết định không trả đũa hành động này và coi đó là một tai nạn tất yếu phải xảy ra trong chiến tranh.

Ngày 04 tháng 03, ông Lincoln nhậm chức Tổng thống. Ông được thừa hưởng “một gia tài” to lớn: cuộc khủng hoảng li khai. Ông không hề có một kế hoạch cụ thể nào để giải quyết cuộc khủng hoảng này. Nhưng trong lễ nhậm chức, ông đã đưa ra một số nguyên tắc hành động cho mình. Ông Lincoln đã khẳng định niềm tin của ông: Liên bang Hoa Kỳ là chính thức và trường tồn. Li khai là nổi loạn. Bạo lực vì mục đích li khai là nổi loạn. Ông nói ý định của ông là chấp pháp của Liên bang Mỹ ở tất cả các bang. Đồng thời gìn giữ, chiếm lĩnh, sở hữu tài sản của Liên bang.

Nhưng một lần nữa, ông cũng cam đoan với miền Nam rằng: ông sẽ không can thiệp vào thể chế sở hữu nô lệ ở những nơi nó có thể coi là hợp pháp. Ông muốn gây cảm tình với các công dân tại các bang li khai bằng cách hứa sẽ không tấn công họ. Đồng thời ông nói rằng sẽ không có xung đột trừ khi họ là người khởi xướng mâu thuẫn. Kế đến, với một thái độ chân thành và đầy sức thuyết phục, ông nói: “Vì các bạn không thể trước đấng tối cao sẽ hủy hoại chính phủ Liên bang, tôi trang nghiêm thề rằng sẽ bảo toàn, bảo vệ và chiến đấu vì nó... Chúng ta không thể là kẻ thù của

nhau. Mặc dù cảm xúc đã có khi căng thẳng, nó vẫn không thể làm tình cảm thân thiết của chúng ta rạn vỡ. Sự hòa hợp thần diệu của quá khứ, bao kỷ niệm khi ta cùng chung tay chiến đấu tại các chiến trường, lòng yêu nước đầy tự hào, từng trái tim đang đập và từng viên đá trên cả lãnh thổ rộng lớn này sẽ mãi cùng hòa hợp với Liên bang mỗi khi sự hòa hợp ấy được cần đến, và chắc chắn người ta sẽ còn cần đến nó bởi bản chất thiên thần của mỗi chúng ta”.

Phân tích hoàn cảnh xảy ra tại pháo đài Pensacola và Charleston, những từ ngữ đáng ngại nhất trong bài diễn văn của ông Lincoln chính là lời tuyên bố về việc sẽ kiên quyết “duy trì, chiếm giữ và sở hữu” tài sản Liên bang. Nhưng ông không nói ông thực hiện lời nói ấy bằng cách nào: Bằng vũ lực hay bằng ngoại giao, tại sao và liệu ông có ý định tính cả những công trình hiện đang nằm trong tay các bang li khai chẳng? Những sự kiện tiếp theo sẽ cho ta câu giải đáp.

Lên năm quyền rồi, Tổng thống Lincoln mới biết đơn vị đồn trú ở pháo đài Sumter đã hết lương thực dự trữ. Anderson buộc phải đầu hàng nếu lương thực không được tiếp cứu ngay. Lincoln tự thấy mình bị bao vây bởi những thông điệp đến từ khắp miền Bắc, thúc giục ông phải có hành động mạnh mẽ. Đồng thời, ông cũng nhận được đủ loại chỉ trích vì đã không có được một kế hoạch nào ngõ hầu giải quyết cơn khủng hoảng này. Nhưng sĩ quan quân đội hàng đầu của nước Mỹ, viên tướng kỳ cựu Winfield Scott, anh hùng trong chiến tranh Mexico, nói rằng pháo đài này sẽ không thể giữ được và không thể tiếp viện. Ông còn gợi ý rằng: cả hai pháo đài (Sumter và Pickens) sẽ phải đầu hàng để lấy lòng những bang có thể chế nô lệ ở vùng đất phía trên của miền Nam, nhằm ngăn chặn họ không li khai khỏi Liên bang. Tổng thống Lincoln muốn giao pháo đài Sumter cho người miền Nam, nếu làm như vậy ông có thể ngăn ngừa được tiến trình li khai của bang Virginia. Người ta nói rằng ông từng đưa ra nhận xét: lấy một pháo đài đổi lấy một bang cũng không phải là một cuộc trao đổi tồi. Nội các mới được bổ nhiệm của ông đã chia rẽ sâu sắc về vấn đề này.

Nội các này gồm đại diện của mọi miền đất nước (tất nhiên là những bang vẫn trung thành với Liên bang). Nó cũng bao gồm vài cựu đảng viên đảng Dân chủ cũng như những người đã cùng giữ nhiều vị trí quan trọng trong đảng Cộng hòa. Ông William H. Seward là bộ trưởng bộ nội vụ. Ông này là cựu thống đốc bang New York, đang là thượng nghị sĩ đại diện cho bang này, cũng từng là một đối thủ sừng sỏ của đảng Cộng hòa trong cuộc tranh cử Tổng thống vừa qua. Với nhiều cư dân ở hai miền Nam Bắc, ông Seward là “Ông Cộng hòa”. Ông Salmon P. Chase của bang Ohio, từng khao khát chiếc ghế Tổng thống, một nhân vật bài nô nhiệt tình, giữ chân bộ trưởng bộ tài chính. Ông Simon Cameron đại diện của bang Pennsylvania, người đứng đầu đảng Cộng hòa tại bang này, là bộ trưởng bộ chiến tranh. Ông Gideon Welles của bang Connecticut, một người theo đảng Bảo thủ, rất kín kẽ, luôn chần chừ với bộ tóc giả và bộ râu quai nón thời thượng, người chăm chỉ viết nhật ký (đã cung cấp rất nhiều dữ liệu cho các nhà sử học tương lai về những gì họ biết về chính quyền và những công việc nội bộ dưới thời Tổng thống Lincoln) giữ chức vụ bộ trưởng bộ hải

quân. Ông Caleb Smith thuộc bang Indiana - bộ trưởng bộ nội vụ. Ông Edward Bates đại diện bang Missouri là chánh án tối cao pháp viện. Và ông Montgomery Blair, trước đây đại diện cho bang Missouri lúc này đại diện cho bang Maryland, là bộ trưởng bộ bưu chính.

Ông Seward tham gia một trò chơi khó với vụ việc thành Sumter. Với tinh thần cao thượng và khiêm tốn, ông tự nhận về mình vai trò quân sư cho một Lincoln có vẻ như ngây thơ và vụng về. Sau lưng Tổng thống, Seward đã trao cho các đại sứ của Liên minh miền Nam tại Washington thứ mà họ hiểu là sự đảm bảo thành Sumter sẽ đầu hàng. Ngày 01 tháng 04, ông gửi một bản ghi nhớ đến cho Tổng thống Lincoln, có đoạn: “Chúng ta đang ở vào thời điểm cuối tháng đầu tiên sau sự ra đời của chính quyền mới. Thế nhưng ta vẫn chưa có một chính sách nào để đối phó với các vấn đề trong nước cũng như nước ngoài”.

Ông Seward ủng hộ việc giao thành Sumter cho người miền Nam nhưng lại kiên quyết tăng cường sức mạnh cho thành Pickens. Đồng thời ông cũng đưa ra một lời khuyên khiến cho Lincoln phải sững sờ. Ông Seward gợi ý một kế hoạch tái thống nhất nước Mỹ bằng cách đưa ra tối hậu thư nhằm mở màn một cuộc chiến giữa Mỹ và nhiều quốc gia hàng đầu tại châu Âu. Ông tin rằng lòng yêu nước của người dân Mỹ sẽ được kích hoạt bởi một cuộc chiến tranh với nước ngoài. Cuộc chiến này sẽ đưa những bang miền Nam đã mắc sai lầm trở lại với Liên bang. Ông muốn chung vai gánh vác trọng trách với Tổng thống bằng cách đề nghị gánh lấy trách nhiệm đề ra một chính sách ghê gớm như vậy. Tổng thống Lincoln bác bỏ lời khuyên này. Đồng thời Tổng thống lặng lẽ nhưng rành rọt khiến trách Seward là người đưa ra quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Với sự ủng hộ của hầu hết các thành viên trong nội các, cuối cùng Tổng thống Lincoln quyết định nỗ lực chi viện lương thực cho pháo đài Sumter. Đồng thời, ông cử một đội tàu chiến nhỏ cùng với một đội viễn chinh giải vây trong trường hợp các bang li khai chống lại động thái này. Ông hướng dẫn nên làm thế nào trong chiến dịch này. Nhưng trong lúc truyền tin đi, Tổng thống đã ký nhiều lệnh mâu thuẫn nhau khi điều con tàu vững mạnh nhất của đám chiến thuyền thực hiện nhiệm vụ này là tàu Powhatan. Kết quả là, nó giăng buồm đến Pensacola. Như vậy, sứ mạng cứu viện cho thành Sumter không thể thực hiện. Đồng thời, Tổng thống Lincoln thông báo cho thống đốc bang Nam Carolina về những nỗ lực sắp tới và hứa rằng sẽ không có lính tráng, vũ trang, hoặc đạn dược nào được gửi tới thành trì này nếu như nỗ lực giải vây không hoàn thành.

Tin từ cuộc viễn chinh đã đẩy những nhà chức trách Liên minh miền Nam tới một quyết định quan trọng. Từ trước tới nay việc bảo vệ pháo đài Sumter có ý nghĩa nhiều hơn là chỉ đảm bảo đường vào cho cảng Charleston. Nó còn là một biểu tượng quan trọng của chính nền độc lập của Liên minh miền Nam. Phải chiếm thành trước khi đơn vị đồn trú vững mạnh trở lại bởi bất cứ hình thức giải vây nào.

Ngày 09 tháng 04, Tổng thống Davis tập hợp nội các và nhận được một lời đề nghị mang tính nhất trí cao: hãy ủng hộ hành động khiêu chiến. Một người phản đối (mà trong nội các thấy bất ngờ vì ít có khả năng ông này lại phản đối) chính là ông Toombs. Ông ta đã quá hấp tấp khi tuyên bố như sau: “Làm như thế là tự sát, là giết người, và ta sẽ mất hết bạn bè nơi miền Bắc. Các người làm thế là cố tình chọc phá tổ kiến lửa. Quân đội của họ trải dài từ khắp các miền núi non tới các vùng đại dương. Những “tổ kiến” đông hàng ngàn vạn, giờ đang yên lặng, sẽ tức tối nhào vào và đốt ta cho tới chết... Làm thế là không cần thiết. Nó sẽ khiến ta trở thành kẻ sai trái. Làm thế là tự diệt vong”. Dù ai nói đông, nói tây, Tổng thống Davis vẫn quyết định hành động. Ông yêu cầu bộ trưởng bộ chiến tranh gửi cho tổng tư lệnh quân đội ở Charleston, tướng P. G. T. Beauregard, buộc thành Sumter phải đầu hàng và tấn công nếu như lời yêu cầu ấy bị chối từ.

Rạng sáng ngày 12 tháng 04, sau khi nhận được lời phúc đáp không thỏa mãn cho yêu cầu đầu hàng, ông Beauregard khai hỏa cuộc tấn công thành Sumter. Một nhân vật quá khích kỳ cựu của bang Virginia, ông Edmund Ruffin, bấy giờ là thành viên của một đơn vị quân đội miền Nam Carolina, có vinh dự khai hỏa cho khẩu đại bác. Ít nhất đây cũng được coi là một phát đạn lịch sử. Cuộc oanh tạc diễn ra trong suốt gần 40 tiếng đồng hồ. Trong lúc ấy, các công dân của Charleston (nhiều người trong số họ đứng trên nóc nhà dọc theo bến tàu) chứng kiến cảnh giao chiến trong sự phấn khích và sợ hãi. Đội viễn chinh cứu viện của Liên bang đã quá mệt mỏi đành đứng ngoài cảng vô vọng nhìn vào. Họ không nỗ lực hỗ trợ cho thành Sumter được nữa. Ông Anderson và đơn vị đồn trú nhỏ bé của ông gan dạ bắn trả nhưng vô vọng. Cuối cùng cả thành trì chỉ còn là đồng gạch vụn. Nhưng kỳ diệu thay, không có con số thương vong về người sau cuộc oanh tạc của Liên minh miền Nam. Ông Anderson kéo cờ trắng đầu hàng.

Các học giả từng tranh cãi rất nhiều về việc: ai là người chịu trách nhiệm về sự việc xảy ra cuộc chiến này. Phải chăng Tổng thống Lincoln đã cố tình khiêu khích Liên bang miền Nam nổ súng trước, bắt họ phải gánh trách nhiệm khiêu chiến, đồng thời liên kết dân chúng miền Bắc ủng hộ cho một chính quyền có thể coi là yếu kém ngày đó? Phải chăng ông Davis đã tính toán kỹ càng trước khi khơi mào cuộc chiến với một động thái nhằm nhóm lên tinh thần yêu nước của Liên minh miền Nam? Có như vậy mới hỗ trợ được một chính quyền còn non trẻ và đồng thời nỗ lực thuyết phục những bang còn tồn tại chế độ nô lệ hiện vẫn gắn bó với Liên bang lập tức li khai và tham gia vào Liên minh? Thực tế có nhiều bằng chứng cho cách trả lời đúng của hai câu hỏi trên.

Tổng thống miền Nam Davis rõ ràng có nhắc tới ý tưởng khiêu khích, bắt một kẻ thù đang hung hăng phải hành động, liên quan tới một nỗ lực để miền Bắc không nhòm ngó tới Pensacola. Ngày 03 tháng 04, ông viết một bức thư cho tướng chỉ huy quân đội của Liên minh miền Nam ở pháo đài này (thiếu tướng BBraxton Bragg): “Có thể đối với chúng ta việc đổ trách nhiệm khơi mào cuộc chiến lên người miền Bắc là cần thiết. Nhưng khi chúng ta đã tự mình nhận lấy trách nhiệm ấy, nhằm lấy lại

quyền thực thi pháp lý và đất đai của chúng ta dưới hình thức một đơn vị đồn trú, lợi thế ấy còn quan trọng hơn bất cứ cân nhắc nào”. Những cân nhắc được nói tới ở đây đã được chuẩn y: chiếm cứ thành Pickens bằng vũ lực. Ông Davis ra lệnh rằng: việc này cần phải nỗ lực hoàn thành nếu như yếu tố mạo hiểm không quá lớn. Chỉ sau khi được thông báo yếu tố mạo hiểm là rất cao, ông mới bỏ qua kế hoạch này.

Ngược lại sau cuộc oanh tạc pháo đài Sumter, Tổng thống Lincoln tỏ ra hài lòng với kết quả. Ông nói với viên chỉ huy của quân cứu viện chưa hoàn thành nhiệm vụ “... Cả anh và tôi đều tiên đoán rằng: sự nghiệp của quốc gia sẽ phải thực hiện gấp hơn nỗ lực cứu viện cho thành Sumter, nếu thành này có thể thất thủ. Rõ ràng lời tiên đoán của chúng ta đã được chứng minh bởi kết quả vừa rồi”. Chỉ vài tuần sau đó, Tổng thống Lincoln tâm sự với một người bạn cùng bang Illinois, là Orville H. Browning: “Kế hoạch cứu viện đã thành công. Họ tấn công Sumter. Thành này thất thủ và như vậy ý nghĩa của nó còn lớn hơn cả khi khả năng ngược lại biến thành hiện thực”. Tờ New York Times cho rằng cuộc phá quân cứu viện đơn giản là trò nghi binh. Họ còn nói thêm mục đích của nó là nhằm đổ trách nhiệm khai mào cuộc chiến cho Liên minh miền Nam.

Chắc chắn cả Tổng thống Lincoln và Tổng thống Davis đều suy nghĩ rất rõ ràng về những lợi hại của người bắn phát súng đầu tiên. Cũng thật dễ hiểu, cả hai đều muốn có quyền sở hữu pháo đài này mà không muốn buộc phải chiến đấu, dù để giữ nó hoặc giành lại nó. Nhưng cả hai đều sẵn lòng giao chiến nếu cần để có thể sở hữu pháo đài này. Đồng thời cả hai đều hy vọng phía bên kia sẽ khai hỏa trước nếu chuyện xung đột bằng vũ trang là không thể tránh khỏi. Tổng thống Davis đã nhận lấy sự bất lợi là khai hỏa trước để có thể đạt được mục đích của mình. Với Tổng thống Lincoln, nếu thành không bị tấn công, ông có nó mãi mãi, chỉ cần thỉnh thoảng cung cấp quân lương để lính Liên bang duy trì nó. Nhưng nếu thành bị tấn công, ông sẽ là một người tham chiến vì tự vệ chứ không khiêu chiến. Dựa vào thái độ của hai ông, cả hai đều cho rằng giả thuyết của mình là đúng. Và như thế, chuyện chiến sự xảy ra là không thể tránh khỏi.

Ý định và động cơ hướng tới pháo đài Sumter vẫn còn là vấn đề tranh cãi, nhưng hậu quả đã vượt ra ngoài mọi thắc mắc. Lời cảnh báo của ông Toombs, đã được chứng minh. Tại miền Bắc, cuộc tấn công nói trên đã làm dấy lên một phong trào yêu nước và mạnh mẽ trả thù cho hành động của Liên minh miền Nam và muốn trừng phạt những thủ phạm cuộc tấn công đó. Một tờ báo miền Bắc lên tiếng: “Đây là một hành động khiêu chiến táo bạo và đầy xúc phạm đối với các nhà chức trách thuộc chính thể Cộng hòa. Không có lý do gì có thể biện hộ. Một tờ báo khác hiểu sự kiện này như là “một kích thích rõ ràng... do đấng thượng đế nhân từ gửi xuống cho người dân Mỹ để kích hoạt tinh thần yêu nước tiềm tàng của dân tộc”.

Một ngày sau sự đầu hàng của pháo đài Sumter, Tổng thống Lincoln đưa ra lời cảnh báo. Ông chỉ rõ cuộc tấn công kia là một hành động nổi loạn và kêu gọi các bang tập hợp lực lượng quân sự của họ với con số lên tới 75 ngàn quân. Ông cũng triệu

tập hạ viện nhóm họp một cuộc họp đặc biệt vào ngày 04 tháng 07. Bốn ngày sau, ông tuyên bố phong tỏa các cảng của các bang li khai.

Phản ứng của miền Bắc không chỉ giới hạn các thành viên đảng Cộng hòa. Các thành viên đảng Dân chủ miền Bắc cũng đứng về phía ông Lincoln, hỗ trợ cho quyết định của ông là dập tắt cuộc nổi dậy của quân phiến loạn. Trong một hành động chứng tỏ tinh thần cá nhân và tình đoàn kết quốc gia, một thành viên đảng Dân chủ hàng đầu của miền Bắc Mỹ, ông Douglas, nâng chiếc nón của Tổng thống Lincoln trong lúc Tổng thống đọc bài diễn văn nhậm chức. Trước khi Tổng thống Lincoln ban bố lời hiệu triệu tòng quân, ông Douglas gặp Tổng thống và trình trọng cam kết sẽ phục vụ sự nghiệp bảo toàn Liên bang. Trước khi đón nhận cái chết đến vài tháng sau đó, ông Douglas tuyên bố: “Không thể có kẻ mang thái độ trung lập trong chiến tranh. Chỉ có người yêu nước hoặc kẻ phản bội”.

Phản ứng của miền Nam đối với sự kiện pháo đài Sumter, đặc biệt là với lời công bố của Tổng thống Lincoln, cũng mãnh liệt không kém. Nó đến từ cơn bùng phát cảm xúc và quyết tâm chống lại sự áp bức của miền Bắc. Thống đốc Francis Pickens của bang Nam Carolina nói với dân chúng của ông rằng: “Cảm ơn Chúa trời khiến chiến tranh bùng nổ... Chúng ta, hoặc sẽ chinh phục kẻ thù hoặc sẽ hy sinh anh dũng”. Ông Rhett chào mừng làn sóng thù nghịch dâng cao, coi đó là sự thôi thúc người dân miền Nam đoàn kết và tận hiến vì tổ quốc. Ông Davis, trong bài diễn văn nhậm chức của mình trên cương vị Tổng thống lâm thời, đã bày tỏ niềm hy vọng về những mối liên hệ thân tình bè bạn giữa Liên minh miền Nam và Liên bang miền Bắc. “Nhưng nếu thiện ý của chúng ta bị coi thường và chối từ, quyền hạn về lập pháp và lãnh thổ của chúng ta bị vi phạm, chúng ta sẽ kiên định cầu viện tới vũ trang và cầu khẩn chúa trời ban phước lành cho sự nghiệp chính nghĩa này”. Lúc này đây, ông nhắc lại lời tuyên bố của “Tổng thống Lincoln theo giọng văn của ông, kêu gọi các bang thuộc Liên minh miền Nam triệu tập một trăm ngàn quân và mời gọi những chủ thuyền lớn thành lập những hiệp hội sẵn sàng nhận nhiệm vụ của chính phủ giao để thành lập một “đội quân của biển cả”.

Buộc phải quyết định giữa việc tham chiến để trấn áp những bang li khai hoặc rút lui khỏi Liên bang và gia nhập những bang li khai này, bốn bang thuộc miền đất phía trên của miền Nam tham gia vào Liên minh. Những mối ràng buộc huyết thống và văn hóa với miền Nam đã cho thấy rằng chúng có sức mạnh hơn những mối ràng buộc về chính trị của những bang này với Liên bang miền Bắc. Xét về nhiều khía cạnh, quyết định của bang Virginia là một trong những quyết định tàn nhẫn và chua xót nhất. Người Virginia có tinh thần dân tộc sâu sắc, họ tự hào vì bản thân là hậu duệ của chính những người sáng lập ra nền cộng hòa Mỹ. Ngay từ đầu họ đã lạnh nhạt với ý tưởng li khai. Thống đốc John Letcher chỉ trích gay gắt hành động hấp tấp của bang Nam Carolina. Mặc dù hệ thống lập pháp của Virginia được chỉ định bởi một đại hội đặc biệt cân nhắc con đường sắp tới của bang giữa cuộc khủng hoảng chính trị Hoa Kỳ, thể chế này đòi hỏi phải tuân thủ quyết định: muốn li khai hay không phải được người dân chấp thuận. Ngày 04 tháng 04, bang Virginia đã bác bỏ ý



định li khai với số phiếu 85/45. Họ bắt buộc phải tìm kiếm các phương cách kiến tạo một bản hòa ước nhằm cứu lấy Liên bang Hoa Kỳ đang đứng trên bờ vực chia rẽ.

Tuyên bố của Tổng thống Lincoln đã thay đổi toàn bức tranh chính trị Virginia. Thống đốc Letcher chối từ lời kêu gọi thành lập quân đội Virginia. Vào 17 tháng 04 một đại hội được tổ chức. Họ vẫn chờ nghe kết quả của cuộc tấn công pháo đài Sumter. Lúc này số phiếu ủng hộ cho li khai đã là 88/55 phiếu. Ngày 23 tháng 05 là ngày tổ chức cuộc trưng cầu dân ý. Đến thời điểm này bang Virginia chính thức rút khỏi Liên bang, chuẩn y hiến pháp của Liên minh miền Nam, chấp nhận Liên minh các bang miền Nam, tiếp nhận các quân đoàn của quân đội Liên minh miền Nam. Rõ ràng đa số dân chúng đã nghiêng về một thực tế rõ ràng: li khai.

Hành động li khai của bang Virginia khỏi Liên bang đã phát động một phong trào li khai trong chính bang Virginia. Các hạt Allegheny và các hạt ở miền Tây nơi có chế độ sở hữu nô lệ và nền nông nghiệp dựa vào các đồn điền, đã phản đối việc li khai của bang này. Khi hành động li khai thành một việc đã rồi, các đại diện của hạt này có một động thái phản đối cực đoan là thành lập một bang mới mang tên Tây Virginia. Năm 1863, bang này đã được chấp thuận là một bang thuộc Liên bang Hoa Kỳ. Đây chính là một nghịch lý trong lòng một nghịch lý: một bang Virginia theo phe Liên minh, sản phẩm của phong trào li khai, lại bị chính các hạt miền Tây của bang ấy chỉ trích gay gắt. Trong lúc chính phủ Liên bang thề sẽ không đội trời chung với những kẻ li khai, lại hoan nghênh và tiếp tay cho nó trong giới hạn của một bang. Cũng như Virginia, các bang khác thuộc lãnh địa phía trên miền Nam lúc đầu cũng lưỡng lự trước động thái li khai, sau đó đã tuân thủ nó. Tất cả các bang này đều phản đối lời hiệu triệu tòng quân của Lincoln. Thống đốc Henry M. Rector thuộc bang Arkansas tuyên bố rằng người của bang ông sẽ bảo vệ bang mình chống lại sự tiếm quyền và xuyên tạc của miền Bắc. Ngày 06 tháng 05 một cuộc họp của bang đã diễn ra nhằm biểu quyết việc li khai. Thống đốc bang Bắc Carolina, John M. Ellis, tuyên bố: bang này sẽ không tham chiến vì tự do của những người đã được tự do rồi. Bang này sẽ chiếm cứ những tài sản của Liên bang tại Bắc Carolina và bắt đầu kêu gọi quân tình nguyện chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ của bang. Ngày 01 tháng 05 đại hội của bang đã nhất trí chấp thuận li khai.

Thống đốc bang Tennessee, Isham G. Harris, tuyên bố: bang của ông sẽ có 50 ngàn quân, không phải để hỗ trợ Tổng thống Lincoln mà để chiến đấu vì quyền tự vệ của bang Tennessee và những bang miền Nam khác. Đầu tháng 05 ông Harris và bộ máy chính quyền đã tham gia vào Liên minh các bang miền Nam. Ông tuyên bố Tennessee độc lập và phê chuẩn hiến pháp của Liên minh. Những hành động đó đều bộc phát dựa trên sự chuẩn y của cuộc trưng cầu dân ý ngày mùng 08 tháng 06. Trong cuộc trưng cầu dân ý ở Tennessee, cũng giống như cuộc trưng cầu dân ý ở Virginia trước đó, đều thiên vị với chuyện đã rồi: li khai khỏi Liên bang Mỹ.

Bằng việc giành được bốn bang thuộc vùng lãnh thổ phía trên miền Nam, Liên minh đã có thêm sức mạnh đủ để nỗ lực tiến đến thành công trong cuộc chiến vì độc lập. Vùng này còn có thêm một số cư dân da trắng ủng hộ nền cộng hòa miền Nam.

Tương đương với số dân này là 80% sản lượng công nghiệp. Bang Virginia là một trong những bang quan trọng nhất tham gia vào Liên minh miền Nam, không phải chỉ vì nó có số dân đông và có khả năng sản xuất công nghiệp vững vàng mà còn bởi uy tín và hình ảnh chính trị khá nổi bật trong lịch sử Hoa Kỳ. Nhà chức trách Liên minh miền Nam tôn trọng quyền thống trị của Virginia và thống nhất rằng: Richmond sẽ là thủ phủ chính thức của Liên minh miền Nam.

Những bang có sở hữu nô lệ ở vùng biên giới phải chịu số phận không được li khai dù hầu hết người dân trong những bang này nuôi dưỡng tình cảm sâu sắc với Liên minh miền Nam. Việc chối từ của hệ thống lập pháp Delaware đối với việc thành lập một đại hội là một vấn đề nổi cộm ở đây. Bang Maryland cũng chia rẽ sâu sắc. Thống đốc Thomas H. Hicks tìm kiếm trong vô vọng đường lối trung lập cho bang này: Hệ thống lập pháp (dù có nhiều thành viên ủng hộ li khai) đã chối từ hiệu triệu một đại hội đặc biệt. Về mặt địa lý, bang này đóng vai trò trọng yếu. Việc rút chân ra khỏi Liên bang sẽ làm cô lập Washington khỏi Liên bang. Hậu quả đã quá rõ ràng. Ngày 09 tháng 04 ban thành lập quân đội Massachusetts hưởng ứng lời hiệu triệu của ông Lincoln đã bị tấn công trên đường phố Baltimore bởi một đám đông ủng hộ dân miền Nam. Tổng thống Lincoln nhanh chóng đình chỉ lệnh đình quyền giam giữ và cho phép các nhà chức trách quân đội bắt giữ rất nhiều người có tình cảm sâu nặng với miền Nam, trong số họ có cả những nhà lập pháp. Đồng thời ông ra lệnh chiếm hữu rất nhiều vị trí trọng yếu về mặt chiến lược của bang này. Nhờ vậy, Tổng thống Lincoln đã chặn trước nỗ lực chính thức dẫn đến hành động li khai của bang này.

Nỗ lực mang tính quyết định để có thể li khai đã xuất hiện ở cả hai bang Kentucky và Missouri. Thống đốc bang Kentucky, Beriah Magoffin, và Thống đốc Missouri, Claiborne F. Jackson, là những người chủ trương li khai. Họ bác bỏ lời kêu gọi tổng động viên của ông Lincoln. Nhưng cả hai hệ thống lập pháp của bang này đều từ chối thiết lập đại hội nhằm đưa ra quyết định ly khai. Bang Kentucky đã có lúc nỗ lực giữ quan điểm trung lập nhưng chẳng bao lâu sau bang này đã bị quân đội Liên minh lấn quân đội Liên bang chiếm giữ. Bang Missouri nhanh chóng chứng kiến cảnh xung đột nội bộ giữa những người theo phe Liên bang và người ủng hộ li khai. Cuối cùng, các hành động li khai đã được chấp thuận và chính phủ Liên minh thành lập nhiều hội nghị ở cả hai bang này. Cả hai bang đã được chấp nhận vào Liên minh. Cả hai bang đều cử đại diện của mình góp mặt trong hạ viện của Liên minh. Cả hai bang đều treo cờ Liên minh. Nhưng các chính phủ Liên minh của Kentucky và Missouri chỉ đại diện cho ý chí của thiểu số. Và những sự kiện quân sự không lâu sau đó đã khiến cho chính phủ các bang này trở thành “chính phủ lưu vong”.

Bằng cách kiên trì giữ lại những bang có sở hữu nô lệ nhưng nằm ở vùng ranh giới, Liên bang miền Bắc đã giữ được thế cân bằng về lực lượng quyết định kết quả của cuộc chiến “huynh đệ tương tàn”. Số dân của vùng này, kể cả dân Tây Virginia đã chiếm hơn 40% dân số của Liên minh. Vị trí chiến lược của vùng này có giá trị to lớn. Người ta kể rằng Tổng thống Lincoln đã nhận xét và tuyên bố: dù Chúa trời không

ủng hộ cho Liên bang, Liên bang nhất định phải có được bang Kentucky. Ông nói thêm: “Tôi nghĩ nếu mất bang Kentucky thì cũng gần như ta thua toàn bộ trận chiến. Mất Kentucky, ta không thể giữ nổi bang Missouri hoặc theo tôi cả bang Maryland. Nếu tất cả những bang này chống lại chúng ta... nhiệm vụ đặt lên vai ta sẽ là quá sức. Nếu thế ta sẽ ưng thuận chia rẽ ngôi nhà nước Mỹ ngay lập tức bao gồm cả việc chấp nhận thủ đô thất thủ”.

Liên minh cũng nuôi dưỡng một tham vọng đã có từ rất lâu: bành trướng ra miền Tây Nam nước Mỹ. Những thỏa ước Liên minh với năm quốc gia của người da đỏ đã được “văn minh hoá” của vùng lãnh thổ thuộc người da đỏ được cử đến hạ viện Liên minh và hứa hẹn chính thức chấp nhận những bang da đỏ trong tương lai. Nhiều đơn vị quân đội của người da đỏ phục vụ cho quân đội Liên minh nhưng với một ngoại lệ có một không hai là các hoạt động của cánh quân da đỏ trong Liên minh đều hạn chế ở vùng lãnh thổ của người da đỏ. Những người ủng hộ Liên minh tại khu vực miền Nam vùng lãnh thổ New Mexico đã tự thành lập một vùng lãnh thổ thuộc Liên minh của bang Arizona. Họ cử một đại biểu đến hạ viện của Liên minh và đã nhận được văn bản công nhận chính thức lãnh thổ này. Những lần chiến bại của quân đội vào thời kỳ đầu của cuộc chiến đã phá tan niềm hi vọng của Liên minh tại vùng đất này.

Mùa hè năm 1860, li khai hầu như đã là một sự thật không thể chối cãi. Cả miền Bắc và miền Nam đều thật sự chuẩn bị cho một cuộc xung đột có thể sẽ kéo dài rất lâu. Khi Tổng thống Liên minh Jefferson Davis tuyên bố ngày 13 tháng 6 là ngày cầu nguyện cho chiến thắng, một đốc công làm việc cho đồn điền ở Louisiana chỉ mới biết đọc và biết viết đã nguệch ngoạc trong nhật ký của ông lời nguyện rửa đáng sợ sau đây: “... Con chân thành cầu nguyện Trúa trời rằng: mỗi kẻ trong chính thể Cộng hòa hắt ám sẽ bị bệnh dịch hạch cả đàn. Đàn ông, đàn bà, trẻ con nào chống đối lại chế độ chiếm hữu nô lệ da đen đã tồn tại tại Liên minh miền Nam sẽ bị rắc rối với thảm họa đủ noại, sẽ phải sống hèn hạ thiếu thốn đồ ăn thức uống, khiến cho hồn không thể đi liền với xác, và con cầu xin Trúa trời dẫn đường cho làn đạn nhắm trúng tim mỗi tên lính miền Bắc đã xâm chiếm đất đai miền Nam, con tin rằng bất cứ đàn ông đàn bà trẻ con nào hỗ trợ cho những kẻ bài lô đều xứng đáng bị dày xống địa ngục. Cũng như con cầu xin người giúp đỡ cho Liên minh miền lam được đứng vững và chống đối lại ý chí thâm độc đã thể hiện quá rõ ràng. Amen!”.

Còn một bài xã luận của New York Daily Tribune - một tờ báo danh tiếng - viết với những dòng chữ hoa mỹ hơn nhưng ít độc địa hơn: “... Chúng ta phải chinh phục, không chỉ để đánh bại mà còn để chinh phục, nô dịch hóa chúng. Đó là lòng nhân từ cao cả nhất ta dành cho chúng và ta sẽ thực hiện việc này thật sốt sắng. Khi những kẻ phản bội nổi loạn tràn ngập mảnh đất này, chúng sẽ tan rã tựa như lá vàng mùa thu trước cơn gió cuồng phong, vùng đất này sẽ không còn trở lại là mái ấm yên bình và dễ chịu nữa. Chúng nhất định sẽ phải chịu cảnh nghèo đói bên bếp lò nguội lạnh và chịu cảnh thiếu thốn, với những người mẹ phải chua xót nhìn đám con rách rưới”. Chiếc bóng đáng sợ của thần chiến tranh đã hiện ra lù lù ngay phía chân trời!

### 3. Lệnh tổng động viên và các chiến dịch mở màn

Kết quả của cuộc chiến phụ thuộc vào nguồn lực cả về vật chất lẫn tinh thần của các bang tham chiến. Nói về số lượng và nguồn lực con người, Liên bang mạnh hơn Liên minh nhiều. Hai mươi ba bang của Liên bang có số dân khoảng 23 triệu. Mười một bang miền Nam chỉ nhỉnh hơn con số chín triệu. 3,5 triệu nô lệ và 132.760 người da đen tự do không được coi là phần của lực lượng vũ trang. Như vậy dân số da trắng xấp xỉ 5,5 triệu. Liên minh chỉ tiếp nhận người da trắng vào quân đội. Theo thống kê, miền Bắc lợi thế về số quân nhân tham chiến với tỉ lệ so với miền Nam là 4 chọi 1.

Những con số này chắc chắn góp phần làm rõ việc đánh giá lợi hại thật sự của cả hai bên. Những bang có sở hữu nô lệ thuộc miền Bắc và những vùng lãnh thổ có người miền Nam định cư như những bang Ohio, Indiana và Illinois cung cấp cho Liên minh miền Nam hàng ngàn binh sĩ. Nhưng những vùng lãnh thổ không trung thành với Liên minh ngay trong lòng miền Nam cũng ủng hộ cho Liên bang con số nhiều không kém. Vùng đông Tennessee ủng hộ Liên bang đặc biệt trao vào tay chính phủ Liên bang sự hỗ trợ về dân sự quan trọng nhất ngay trong lòng biên giới Liên minh. Và rất nhiều “hòn đảo” khác trên khắp miền Nam góp tình cảm sâu nặng với Liên bang đã làm tăng thêm lợi thế này.

Về mặt lao động, người da đen ở miền Nam đã hỗ trợ to lớn cho Liên minh, đồng thời giúp hàng trăm ngàn người da trắng rảnh tay yên tâm chiến đấu. Theo tính toán thống kê cả hai bên tham chiến, một số lớn tương đương với số lượng nô lệ và người da đen tự do trong số dân cư miền Bắc đăng lính. Đối chọi với lượng nhân công này nhất định là con số 134 ngàn cựu nô lệ miền Nam cuối cùng đã gia nhập miền Bắc, cộng với số lớn những cựu nô lệ đóng vai trò là công nhân khi họ buộc phải sống trong vùng lãnh thổ sâu trong vùng Liên minh quản lí. Cuối cùng miền Bắc có thể tuyển dụng rất nhiều quân nhân trong số những người di cư đến từ châu Âu trong thời gian xảy ra cuộc chiến. Còn Liên minh miền Nam chỉ thành lập thêm được vài quân đoàn từ nguồn nhân lực này.

Những con số đa dạng trên đây rõ ràng khiến ta không thể đưa ra một tỉ lệ chính xác về sức mạnh thuộc số lượng giữa miền Bắc và miền Nam. Nhưng ta có thể đưa ra một tỉ lệ khá chính xác về mặt lý thuyết để tiên đoán thành công trong cuộc chiến. Lấy cuộc chiến tranh Napoleon làm kim chỉ nam, nhà triết học quân sự người Đức thế kỷ XIX, Karl von Clausewitz, đã viết: “Nếu các mặt khác là cân bằng, số lượng sẽ quyết định chiến thắng trong cuộc chiến... Trong những trường hợp bình thường, nếu có những con số quan trọng vượt trội hơn đối phương, không cần phải quá tỉ lệ hai chọi một cũng đã đủ cầm chắc chiến thắng. Tuy nhiên ở những trường hợp khác không có được tỉ lệ nói trên, việc bất lợi là có thể xảy ra”. Ông cho rằng: Với sự vượt trội về số lượng với tỉ lệ 2,5 đối chọi 1, Liên minh Tây Âu đã có thể đánh thắng người Pháp.

Những lời mở đầu của triết gia Clausewitz được trích dẫn ở trên “mọi mặt khác là cân bằng” đã chỉ ra vô số những cân nhắc khác nữa. Không bao giờ trong chiến tranh mọi mặt khác ngoài quân số lại là cân bằng. Còn trong cuộc nội chiến Mỹ, mọi mặt lại đặc biệt bất cân bằng. Sự mất cân bằng lớn nhất trong khả năng chiến đấu của quân nhân miền Bắc và miền Nam nằm trong số những yếu tố bị triết gia Clausewitz gần như bỏ qua là mặt vật chất nhằm phục vụ cho cuộc chiến.

Cuộc nội chiến Hoa Kỳ là dấu hiệu báo trước cho nhiều cuộc chiến tranh sẽ xảy ra trong thế kỷ XX. Trong những cuộc chiến ấy ta thấy được cuộc đọ sức giữa các nền công nghiệp, kinh tế và quân đội hai bên. Sự chênh lệch đáng kể nhất về nguồn lực chính là sự vượt trội về nền công nghiệp của Liên bang miền Bắc. Năm 1860, các nhà máy ở miền Bắc sản xuất lượng hàng hóa chiếm 90% hàng hóa xuất xưởng trên toàn nước Mỹ. Chỉ nói riêng về sản phẩm quan trọng cho sức mạnh quân đội thì sự mất cân bằng còn lớn hơn nhiều. Ví dụ, miền Bắc sản xuất lượng vải len và bông gấp 17 lần, giày các loại gấp 30 lần, 20 lần thép làm đường ray, thép tấm và thép xây dựng gấp 13 lần, đầu máy xe lửa gấp 24 lần, vũ khí súng đạn gấp 23 lần, tàu thuyền gấp 11 lần khu vực miền Nam. Liên minh không có nhà máy sản xuất đạn dược, sắt thép, lốp xe hơi hoặc máy may. Và nó không hề có nền công nghiệp nặng, không có các công cụ máy móc để sản xuất máy cho nền công nghiệp nhẹ và các phương tiện chiến tranh. Sau cuộc chiến, những nhà thống kê tại Mỹ đã viết rất sâu sắc như sau: “Chủ yếu do thiếu thốn về nguồn lực và không có sự can đảm, kỹ năng chiến đấu và ý chí sắt thép nên quân nổi dậy đã thất bại”.

Nhận ra điểm yếu về công nghiệp trong vùng, các lãnh đạo miền Nam dựa dẫm chủ yếu vào các sản phẩm nông nghiệp để cung cấp vũ khí nuôi chiến tranh. Nhưng nền kinh tế thời bình của miền Nam hoàn toàn dựa vào việc bán các sản phẩm tiêu dùng, đặc biệt là sợi bông cung cấp cho các nhà máy tại châu Âu và miền New England. Trong chiến tranh, thương mại với người châu Âu chính là mục tiêu phong tỏa của miền Bắc và thị trường New England cũng bị đóng cửa. Thực tế, vai trò quan trọng trong thời chiến của nền nông nghiệp đa dạng miền Bắc đối với Liên bang chẳng kém gì khi so với nền nông nghiệp của miền Nam đóng góp cho Liên minh. Các nhà sản xuất thực phẩm dưới dạng ngũ cốc, rau tươi, trái cây, gia súc gia cầm, các nông trại miền Bắc kết hợp với các nhà máy ở miền Bắc cung cấp cho chính quyền Liên bang một nền kinh tế phát huy hiệu quả và cân bằng làm tăng thêm sức mạnh thời chiến của khu vực miền Bắc.

Xét về mặt giao thông, miền Bắc cũng vượt trội. Đầu cuộc nội chiến được coi là cuộc chiến về đường sắt. Một nghiên cứu về cuộc chiến này mang tựa đề rất hấp dẫn: Chiến Thắng Dọc Theo Đường Ray (Victory Rode The Rails). Năm 1860, tổng chiều dài đường sắt tại miền Bắc xấp xỉ 20 ngàn dặm. Chiều dài đường sắt miền Nam tương đương một nửa con số này. Đường sắt miền Bắc hoạt động hiệu quả hơn miền Nam, có kết hợp chặt chẽ giữa các hệ thống đường sắt chính chạy dọc ngang khắp vùng. Người miền Bắc sở hữu đa phần tàu bè của toàn quốc gia. Miền Bắc cũng có

nguồn cung cấp xe hàng, sức kéo gia súc và đường bộ tốt hơn. Chiến tranh càng kéo dài, những lợi thế của miền Bắc càng nổi trội.

Lập luận trên đã cho thấy rõ: kết quả cuộc nội chiến là tất yếu nếu nó chỉ dựa hoàn toàn vào quân số và nguồn lực vật chất. Nhưng rõ ràng có một điều còn quan trọng không kém những yếu tố nói trên. Đó là lòng tin vào chiến thắng. Lúc đầu những lãnh đạo Liên minh và hầu hết dân miền Nam đều tin rằng Liên minh miền Nam có viễn cảnh thành công khá chắc chắn. Nhiều học giả ngày nay cũng tán thành quan điểm này. Quân số, vũ khí, thiết bị, nguồn cung cấp và điều kiện vận chuyển chỉ đóng một vai trò nhất định trong bài toán giành chiến thắng. Những lợi thế vô hình của cuộc chiến, như bản chất của mục tiêu gây chiến, tinh thần của dân chúng và các quân nhân, lòng dũng cảm, sức sáng tạo, kỹ năng chiến đấu và khả năng truyền cảm hứng của những lãnh đạo dân sự và quân sự cũng đóng góp phần không thể thiếu vào kết quả. Lúc mới đầu, đây là yếu tố Liên minh miền Nam chiếm ưu thế.

Mục tiêu chiến tranh của Liên minh, nhằm kiến tạo nền độc lập cho miền Nam, dễ dàng mang lại ý thức cho quân nhân miền Nam hơn là mục tiêu chiến tranh miền Bắc. Mục tiêu của miền Bắc là ngăn cản miền Nam độc lập. Liên minh miền Nam có mục tiêu đơn giản: tự bảo vệ sự tồn tại của mình là đủ. Miền Bắc có thể đạt được mục tiêu chỉ bằng cách hủy hoại ý chí của dân chúng miền Nam thông qua xâm lấn và chinh phục. Mục tiêu của Liên minh miền Nam cụ thể hơn, rõ ràng hơn là khơi lên ý thức bảo vệ miếng cơm manh áo thiết thực của từng người dân. Điều này hấp dẫn đại đa số người da trắng miền Nam không cần họ thuộc tầng lớp nào, điều kiện sống ra sao hoặc quan điểm của họ về li khai hoặc vấn đề nô lệ như thế nào. Mục tiêu của Liên bang miền Bắc trừu tượng. Nó đòi hỏi phải có nỗ lực to lớn, sự hy sinh và chịu đựng gian khổ. Đồng thời không thể ngay lập tức giành được kết quả trông thấy mà chỉ có thể đảm nhận được mục tiêu ấy nếu có tinh thần yêu nước. Chỉ có thế mới bảo toàn được Liên bang.

Về mặt chiến lược, chiến thuật, ít nhất là về lý thuyết, bản chất của mục tiêu chiến tranh khiến dân chúng sẽ ủng hộ miền Nam. Để tổ chức các cuộc tấn công, Liên bang sẽ phải cần nhiều lính, vũ khí, và quân trang quân dụng hơn là những hoạt động tự vệ của Liên minh miền Nam. Khi quân lực của Liên bang tiến sâu vào miền Nam, con đường họ phải đi rõ ràng dài hơn khó khăn hơn, dễ bị phản công hơn.

Khi cân nhắc về một cuộc chiến tranh tự vệ, Liên minh miền Nam được lợi thế “đá bóng trên sân nhà”. Như vậy đường đi ngắn hơn. Thông thường, lợi thế này giúp lực lượng quân đội chiến đấu dễ dàng hơn ở những địa điểm có xảy ra giao chiến. Loại súng hỏa mai ngày càng phổ biến và độ chính xác ngày càng cao, tăng thêm sức mạnh tự vệ ở địa điểm cố định và gia tăng thiệt hại trong các cuộc tấn công. Người ta kể rằng Tướng Liên minh P. G. T. Beauregard, khi trình bày ý kiến của riêng mình về cách Liên minh phải chiến đấu thế nào trong chiến tranh đã nói: Không có dân tộc nào trên thế giới từng nổi dậy giành độc lập lại có những lợi thế lớn hơn miền Nam khi ấy.

Vào thời điểm chiến tranh chỉ còn là chuyện một sớm một chiều, chính phủ Liên bang và Liên minh đã có được lực lượng quân đội hùng hậu, huấn luyện kỹ càng, trang bị đầy đủ và quân số gia tăng để phục vụ cho mục tiêu của họ. Cả hai chính phủ đều làm như vậy theo một cách tương đồng. Nhưng vẫn có những khác biệt nổi trội khi chiến tranh bùng nổ, quân đội thường trực của Liên bang Mỹ phần chính yếu đã được phân công tản mát bảo vệ biên giới phía Tây, chỉ còn 16.402 binh lính thuộc mọi cấp bậc. Hầu hết những quân nhân này quyết định ở lại phục vụ chính quyền miền Bắc. Nhưng 313 sĩ quan trong số ấy, gần 1/3 tổng số sĩ quan quân đội, đã từ bỏ sứ mệnh được Liên bang Mỹ giao cho và gia nhập quân Liên minh. Nhóm này bao gồm một số đông những sĩ quan tài năng, cấp cao nhất của một quân đội đã từng lừng lẫy trong quá khứ. Nói chung, Liên bang chỉ còn giữ lại vài đơn vị trong số các quân nhân thường trực. Các sĩ quan đã bắt tay với Liên minh miền Nam, được Liên minh giải ra khắp quân đội nhằm hình thành một lực lượng nòng cốt, nhờ đó, vực toàn bộ quân nhân thuộc Liên minh miền Nam chiến đấu hiệu quả hơn.

Lời kêu gọi nhập ngũ đầu tiên của Tổng thống Lincoln nói rõ thời gian phục vụ quân ngũ chỉ kéo dài ba tháng. Nhưng khi hạ viện nhóm họp trong một buổi đặc biệt vào ngày 04 tháng 07. Hạ viện đã cho ông quyền kêu gọi và động viên 500 ngàn quân nhân phục vụ trong thời hạn ba năm. Các bang đều được giao nhiệm vụ cụ thể về quân số tính theo tỉ lệ mật độ dân cư. Cần thành lập các quân đoàn tình nguyện cùng làm nhiệm vụ của các bang. Phương pháp thông thường là tìm một công dân xuất chúng để tổ chức một quân đoàn và kêu gọi người tình nguyện. Những người tình nguyện này sẽ bầu ra sĩ quan chỉ huy họ ở cấp đại đội (trung úy và đại úy). Những sĩ quan ấy lại bầu ra sĩ quan cấp cao hơn (thiếu tá, trung tá và đại tá). Tổng thống sẽ chỉ định những sĩ quan cấp tướng mặc dù các thống đốc bang thông thường gây tác động lớn đến những quyết định bổ nhiệm này. Sau một thời gian ngắn tập luyện cơ bản, quân đoàn ấy sẽ được tham gia vào đội quân chính thức của Liên bang.

Liên minh miền Nam gây dựng quân đội cũng với cách giống hệt như vậy. Một sự khác biệt đáng chú ý nhất là: 100 ngàn quân lúc đầu được Tổng thống Davis huy động chỉ gia nhập quân đội với thời hạn 12 tháng. Vào tháng 05, hạ viện Liên minh được trao quyền tuyển mộ thêm 400 ngàn lính nữa. Các bang nhận lời kêu gọi gây dựng và trang bị cho đội ngũ dân quân và các quân đoàn tình nguyện. Sau khi được trang bị và huấn luyện, họ sẽ tham gia vào quân đội chính thức của Liên minh. Cá nhân người tình nguyện được quân đội Liên minh chấp nhận trực tiếp vào đội quân chính thức của mình, mặc dù sau đó họ sẽ được cử về các đơn vị của từng bang. Một loạt những điều luật của hạ viện gây hoang mang khiến cho thời gian phục vụ quân ngũ cũng khác nhau. Tùy theo các bang dự đoán chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu để định ra thời gian quân nhân phục vụ trong quân ngũ. Có thể là ba năm, một năm, sáu tháng hoặc một thời gian dài không hạn định. Mãi đến tháng 01 năm 1862, thời hạn phục vụ quân ngũ của mọi quân nhân hay người tình nguyện của các bang mới được định đoạt là ba năm; hoặc chiến tranh kéo dài bao lâu phải phục vụ bấy lâu. Quân

nhân của Liên minh không chỉ bầu ra các sĩ quan đại đội. Họ cũng có quyền được bầu nhiều sĩ quan cấp cao khác.

Trong nỗ lực khẩn trương trang bị vũ khí và quân trang quân dụng cho hàng ngàn binh lính sắp gia nhập quân đội, hai chính phủ đã đặt hàng cho những doanh nghiệp tư nhân đồng thời cử đại diện ra nước ngoài mua vũ khí, khí tài. Liên bang đặt một số lượng hàng lớn chưa từng thấy cho những xưởng đúc vũ khí. Một trong những cơ sở quan trọng ấy là xưởng đúc Springfield thuộc bang Massachusetts. Xưởng này đã cung cấp 1 triệu 600 ngàn súng hỏa mai trong suốt cuộc nội chiến. Lúc đầu, Liên minh (không hề có nhà máy sản xuất đạn dược tư nhân nào) buộc phải dựa dẫm khá nhiều vào các hợp đồng mua bán nước ngoài và vào số vũ khí chiếm được tại các kho đạn dược của Liên bang trên lãnh thổ miền Nam. Người tình nguyện của Liên minh đôi khi buộc phải tự đi kiếm vũ khí cho mình. Vì thế rắc rối đã nảy sinh: đủ loại vũ khí không đồng bộ xuất hiện trên khắp các quân đoàn. Đồng thời, kỵ binh và pháo binh của quân đội Liên minh cũng phải tự sắm ngựa cho riêng mình.

Đầu mùa hè năm 1861, Tổng thống Lincoln quyết định mở một cuộc tấn công Liên minh. Khi viên tướng đã có tuổi, Winfield Scott, người có vốn hiểu biết sâu sắc về chiến lược chiến thuật, đề nghị tổ chức một cuộc xâm lấn trên rất nhiều mặt trận với số quân lên tới 300 ngàn người cùng với kế hoạch phong tỏa đường biển lâu dài, ông đã bị chỉ trích gay gắt. Kế hoạch của ông được đặt cho cái tên lóng “kế hoạch rắn cuộn mồi”. Một kế hoạch bóp nghẹt chính quyền Liên minh cho tới khi không thể trụ nổi như một con trăn cuộn chặt lấy con mồi.

Lincoln bác bỏ kế hoạch của Scott coi đó là nặng nề và chậm chạp, đặc biệt là khi so sánh với thời gian mãn hạn của những người tình nguyện ra quân đội. Chỉ vì tướng Scott sáng suốt và tính toán chuẩn xác hơn bất cứ ai ở thời điểm đó nên Tổng thống Lincoln có lẽ đã không còn nghe theo ai ngoài dân chúng tại miền Bắc đòi hỏi phải có một chiến dịch đánh nhanh thắng nhanh với ít thương vong nhất.

Tổng thống Davis bác bỏ mọi đề nghị xâm chiếm nhanh chóng miền Bắc. Thay vào đó ông quyết định thực hiện cuộc chiến tranh tự vệ. Ông gọi nội chiến là cuộc chiến vừa tấn công vừa phòng thủ. Theo ông, chiến lược chung của Liên minh sẽ là phòng thủ, và đẩy lùi cuộc tấn công của các lực lượng miền Bắc. Đồng thời phản công khi nào có thể. Với quyết định đó, ông đã bị rất nhiều người trong chính phủ Liên minh, toàn những nhân vật xuất chúng, chỉ trích gay gắt. Trong số họ có thống đốc bang Virginia, Henry A. Wise, và ông Robert Barnwell Rhett. Họ đã chỉ trích vì ông đã không thể biến chiến tranh thành một đòn mạnh làm kẻ thù khốn đốn.

Ngày nay, nhiều người nghiên cứu cuộc chiến này đã tán thành lời chỉ trích chiến lược phòng thủ của Liên minh. Họ lập luận rằng: một cuộc chiến tranh lâu dài sẽ khiến các nguồn nội lực miền Nam cạn kiệt và miền Nam sẽ thất bại. Ông T. Harry Williams cũng giữ quan điểm này. Ông E. Merton Coulter viết rằng: chiến tranh phòng thủ “là thảm họa và tiêu diệt nhuệ khí” của dân chúng. Nhưng các học giả nghiên cứu về quân sự đồng tâm nhất trí ủng hộ quyết định của Tổng thống Davis.



Ông Clausewitz từng nói: “phòng thủ là hình thức tham chiến mạnh hơn”. Ngày nay một nhà phê bình xuất sắc người Anh, tướng J. F. C. Fuller, khi bàn về tài lãnh đạo của Liên minh miền Nam, thú nhận rằng: phòng thủ là chiến lược vững bền nhất khả thi nhất đối với Liên minh.

Lúc đầu Tổng thống Davis chấp nhận một chính sách bảo vệ lãnh thổ bằng cách chia Liên minh thành tám phần. Mỗi phần có quân đội riêng và đều phòng thủ chống lại sự xâm lăng của miền Bắc. Không nhân nhượng với kẻ thù từng tấc đất. Chiến lược này đã mở ra một làn sóng chỉ trích mới bởi nó làm phân tán lực lượng quân sự của Liên minh. Như vậy đã vi phạm những nguyên tắc về chiến lược thiêng liêng trong việc thống nhất về mệnh lệnh và tập trung nguồn lực thời chiến. Tổng thống Davis biết rõ những nguyên tắc này, Nhưng ông cũng biết rõ bản chất tư tưởng người miền Nam đều đòi hỏi phải có sự bảo vệ từng địa phương. Ông lập luận rằng: một chính sách quân sự tập trung (mặc dù thông thường là điều nên làm) không thích hợp với những hoàn cảnh cá biệt mà Liên minh đang phải đối mặt.

Tổng thống Davis buộc phải đổi chính sách chiến lược của ông khi chiến sự ngày càng trở nên ác liệt. Tháng 02 năm 1862, ông lập luận thất bại của quân Liên minh tại các pháo đài Henry và Donelson ở Tennessee và đảo Roanoke trên bờ Đại Tây Dương như là hậu quả của nỗ lực bảo vệ toàn bộ lãnh thổ của Liên minh. Dần dần ông chuyển dần sang một chính sách tập trung phần lớn quân đội của Liên minh với các cánh quân chủ lực nhưng ông vẫn giữ tổ chức quản trị theo phòng ban. Không bao giờ ông hoàn toàn tuân theo nguyên tắc phòng thủ các vùng lãnh thổ.

Cả hai phía đều phụ thuộc chủ yếu vào lý thuyết chiến lược chiến thuật học được từ học viện quân sự Hoa Kỳ và bài học thực tế từ chiến tranh Mexico mới xảy ra. Các sĩ quan cấp cao của cả hai phía đều tốt nghiệp học viện này và đều là cựu chiến binh của cuộc chiến với Mexico. Họ đều áp dụng chiến lược West Point, và sau này áp dụng những chiến lược của Baron Antoine Henri Jomini, một trong những tướng tài của vua Napoléon.

Mặc dù rõ ràng không có sĩ quan nào trong cuộc chiến này là học trò trực tiếp của Clausewitz. Ngày nay người ta coi ông là một trong những nhà tư tưởng sâu sắc nhất về bản chất của chiến tranh. Những ghi chép của ông vẫn được sử dụng đánh giá chiến lược chiến thuật trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn tại Mỹ. Clausewitz chống lại Napoléon nhưng lại rút ra nhiều ý tưởng từ sự suy ngẫm về các chiến dịch do Napoléon tiến hành. Ông Clausewitz định nghĩa chiến tranh tức là làm chính trị bởi một phương tiện khác: quân đội. Ông nói chìa khóa đến với chiến thắng nằm trong việc tấn công vào chính trung tâm nguồn lực của kẻ thù. Ta có thể làm theo nhiều cách, bao gồm cách chiếm cứ trụ sở của bang, hoặc thành phố thủ đô, hoặc các vùng lãnh thổ có vị trí trọng yếu, hoặc làm tiêu hao nguồn lực về người và về của, khiến đối phương không thể chịu đựng được. Tuy nhiên phương tiện tối thượng để đạt đến thành công là thông qua hủy diệt quân đội chủ lực của kẻ thù.

Ông Clausewitz đã giảm thiểu nét độc đáo các nguyên tắc của ông Jomini, đồng thời nhấn mạnh đến bạo lực, tính phi lý, cơ hội gây hoang mang và tình trạng khó kiểm soát (bất hòa) trong chiến tranh. Nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự sáng suốt, dũng cảm, cầu tiến, ý chí, chủ động và tính cách của nhà lãnh đạo. Ông viết: “việc thiên tài làm nhất định phải là thực hiện tốt nhất mọi luật lệ, và lý thuyết không thể sánh được cách thực hiện và lý do hành động”. Cuộc nội chiến đã cho ta những minh chứng sống động cụ thể về các nguyên tắc được ông Clausewitz và Jomini đề ra. Cuộc chiến này cũng phát triển một hệ thống các quy tắc về chiến lược chiến thuật của riêng nó.

Khi các hoạt động chuẩn bị cho chiến tranh vẫn đang tiếp tục, Liên minh cũng đồng thời tự hoàn thiện thể chế chính trị chính thức của mình. Hiến pháp chính thức đã được chuẩn y vào tháng ba năm 1861 trong đại hội Montgomery và ngay lập tức được phê chuẩn bởi các bang ly khai. Các cuộc bầu cử xảy ra vào tháng 11 để bầu ra thành viên quốc hội và Tổng thống cùng phó tổng thống. Thiếu vắng các đảng phái chính trị và các ứng cử viên Tổng thống đối lập, ông Davis và Stephens đã được nhất trí bầu làm thủ tướng chính thức với thời hạn sáu năm. Lúc đó để đề cao một minh chứng nhằm thúc giục bang Virginia ly khai, tháng 07 chính phủ Liên minh đã chuyển thủ đô từ Montgomery tới Richmond.

Những đặc điểm chính của chính sách Liên minh đã dần hình thành ngay cả khi chính phủ Liên minh vẫn chỉ là chính phủ lâm thời. Mặc dù ông Davis và các thành viên của đại hội đều là những người ủng hộ quyền các bang, dù trước chiến tranh họ chỉ là đại diện chính trị cho miền Nam, giờ đây họ sùng bái chủ nghĩa dân tộc miền Nam. Họ muốn tạo thành một cái cớ để bảo vệ cho Liên minh. Sở dĩ ông Davis và các nhân vật quan trọng khác làm vậy vì họ đều xuất thân từ miền Tây Nam mới được mở mang. Ở đây tinh thần đoàn kết cực bộ được coi trọng hơn lòng trung thành đối với tổ quốc. Hoặc có thể nó là kết quả (theo lời gợi ý của các giáo sư Herman Hattaway và Archer Jones) của kinh nghiệm chiến đấu trước kia của ông Davis với quân đội Hoa Kỳ.

Tổng thống Davis sáng suốt nhận ra rằng: ý thức dân tộc của người miền Nam là mới hình thành và chưa được thấm sâu trong dân chúng. Nhất định tinh thần này sẽ được phát triển trong chiến tranh. Ông đã từng phát biểu trong một bài diễn văn trước đây: “Sau khi hồi tưởng lại cuộc chiến vĩ đại, với những truyền thống vinh quang, với hy sinh và đổ máu, sẽ là sự kết nối hòa hợp, làm sâu sắc thêm tình cảm giữa đồng bào, làm tăng thêm tình đoàn kết khi đưa ra các kế sách, làm sâu sắc thêm tình huynh đệ và nỗ lực trong chiến tranh”. Ông đã kết hợp tinh thần dân tộc miền Nam với quyền các bang bằng cách bác bỏ quyền ép buộc, áp đặt cho một bang của chính phủ Liên minh. Ông nói, mỗi liên kết miền Nam phải được nuôi dưỡng từ “những cảm xúc, chính sách và mối quan tâm”.

Một sản phẩm cụ thể đầu tiên của chính sách dựa trên tinh thần dân tộc miền Nam chính là quân đội Liên minh. Tổng thống Davis đã củng cố thêm tính dân tộc chủ nghĩa của quân đội bằng những mệnh lệnh được truyền đạt tới Bộ trưởng Bộ

chiến tranh Walker. Ông này kêu gọi các bang gây dựng, tổ chức và đề cử chỉ tiêu quân tình nguyện. Nhưng số quân này sẽ được trao vào tay các nhà chức trách Liên minh để được huấn luyện, dàn binh, bố trận và tổ chức các chiến dịch. Đồng thời ông Walker cũng được ủy quyền gây dựng các đơn vị tình nguyện và tuyển mộ những công dân tòng quân riêng lẻ muốn trực tiếp được tham gia quân đội Liên minh. Ông cử nhiều đại diện ra nước ngoài mua vũ khí, khí tài từ những nguồn cung cấp của tư nhân tại châu Âu và miền Bắc. Trong những tháng sôi động đầu cuộc chiến, trước khi thực tiễn phủ phàng của chiến tranh trải ra trước mắt, những thanh niên miền Nam hăng hái ghi danh tòng quân. Tháng 07 năm 1861, ông Walker nói rằng: ông phải trả về gia đình hai trăm ngàn quân nhân vì quân đội thiếu vũ khí và khí tài. Dù vậy, quân đội Liên minh vẫn có 200 ngàn binh sĩ khỏe mạnh. Con số này đang tăng lên từng ngày.

Lúc này, quân đội của hai bên tham chiến đã dần hình thành. Hàng trăm ngàn tân binh sống trong những căn lều gỗ hoặc lều bạt được dựng lên tạm thời trong các trại lính xây dựng vội vàng nằm rải rác khắp các miền biên giới giữa miền Bắc và miền Nam. Điều kiện sống sơ sài trong các trại lính của cả hai phe nhanh chóng trở nên khó khăn và bào mòn lòng hăng hái ban đầu của các tân binh. Các thiết bị vệ sinh thiếu thốn. Khẩu phần ăn khó nuốt, nấu nướng không cẩn thận, chất dinh dưỡng không đủ, thiếu thốn tiền bạc kết hợp với bản chất dân dã và không được giáo dục đầy đủ của quân lính miền Nam đã làm trầm trọng thêm những vấn đề nói trên trong các trại lính của Liên minh.

Luật nhà binh liên quan tới cuộc sống trong trại lính không được củng cố, có thể là không thể củng cố bởi những sĩ quan non trẻ chưa được huấn luyện. Uy tín của họ bị sút giảm, nói không ai nghe dù họ nhờ quân ở dưới bầu lên. Cuộc thanh tra cuối năm 1861 trong 200 doanh trại thuộc các trung đoàn của Liên bang miền Bắc đã cho thấy rằng: hơn 1/4 số trang trại này chất đầy rác rưởi, nhà xí không có cửa che chắn, đâu đâu cũng thấy những đồng phân và rác chất đầy. Rận, bọ chét, chuột phát triển lan tràn là cảnh thường thấy trong các doanh trại. Bữa ăn hàng ngày chủ yếu là thịt lợn muối, bánh mì, cà phê kèm với rau sấy. Thứ rau này các binh lính đều từ chối vì không thể ăn được. Còn nếu có rau tươi, lập tức nó trở thành hàng quý hiếm. Binh lính có thể mua kẹo, thuốc lá và vài thứ thực phẩm hạn chế khác từ căng tin của doanh trại hoặc từ những lái buôn dân thường phục vụ trong quân đội.

Điều kiện sống ở các trại lính đã gây ra đủ thứ bệnh tật, điều này trở thành vấn đề nổi cộm và phải đối phó chính. Bệnh tiêu chảy và các bệnh cảm cúm thông thường là chuyện thường ngày xảy ra đối với binh lính. Bệnh kiết lị, viêm phổi cũng lấy đi nhiều mạng sống. Quân đội thiếu Bác sĩ có tay nghề, các loại dược phẩm tiên tiến cũng như thiết bị y tế mới. Những bệnh dịch gây chết người lan tràn khắp các doanh trại. Trong số chúng có cả thương hàn, đậu mùa và bệnh sốt rét, một loại bệnh địa phương gây hậu quả nặng nề thường thấy ở miền Nam. Chỉ trong vòng 18 tháng, quân đội Liên minh đã chứng kiến 17000 người chết riêng vì bệnh thương hàn. Trong số các dịch bệnh gây tử vong cho các binh lính trong cuộc chiến này còn có

những căn bệnh từng được coi là bệnh trẻ con như quai bị, thủy đậu, ho gà, sởi. Những căn bệnh này người ở nông thôn chưa từng biết đến và như vậy họ không có được sức đề kháng tự nhiên đầy đủ để chống đỡ. Khoa học ngày ấy không thể chống đỡ nổi căn bệnh này. Bệnh dịch còn tàn độc hơn rất nhiều sức mạnh do vũ khí gây ra.

Ở nhiều nơi, huấn luyện binh sĩ cũng sơ sài chẳng kém gì điều kiện sống trong doanh trại, dù quân đội cả hai phe đều có một số lượng lớn các sĩ quan có kinh nghiệm được phân bổ về các quân đoàn. Tuy nhiên, hầu hết các lãnh đạo quân đội đều là những người thiếu kinh nghiệm chẳng khác nào binh lính. Rất nhiều các sĩ quan chỉ mới đọc những sách về huấn luyện: Infantry Tactics của Winfield Scott (Các chiến lược của bộ binh) hoặc cuốn Rifle and Light Infantry Tactics của William J. Haedee (Súng trường và chiến lược bộ binh) vào đêm trước khi nhận lệnh huấn luyện cho binh lính. Thông thường sĩ quan ra lệnh một đàng, lính làm một nẻo. Một binh sĩ Liên bang viết: “Mỗi sĩ quan nghiệp dư tự chế cho mình hệ thống chiến lược riêng”. Một quân nhân của miền Bắc nói: “Những sai lầm được sửa đổi bằng cách vi phạm những sai lầm khác còn tồi tệ hơn. Các sĩ quan đủ loại cấp bậc cười nói trong khi huấn luyện. Thỉnh thoảng họ còn phá lên cười hô hố giống như dân nông thôn hay làm”. Nhưng vẫn có huấn luyện. Theo lời một tân binh của Liên bang “mở mắt ra đã tập luyện rồi; tập luyện lại tập luyện nữa. Sau đó tiếp tục luyện tập và để sau cùng là tập luyện. Giữa những lần luyện tập, đôi khi cũng có ngưng nghỉ để ăn hay điểm danh chẳng hạn”.

Một phần của hoạt động huấn luyện quan trọng nhất là: sử dụng vũ khí. Loại vũ khí đa số binh lính sử dụng trong suốt cuộc chiến là hỏa mai. Có súng với cỡ nòng 577 sản xuất tại Anh. Có loại cỡ nòng 58 sản xuất tại xưởng đúc vũ khí Massachusetts. Những vũ khí này bắn viên đạn bay theo đường xoáy được biết như đầu đạn minnie. Rãnh xẻ trong trong nòng súng đưa đầu đạn đi chính xác hơn. Độ sát thương cũng tăng nhiều lần. Một tay thiện xạ có thể bắn trúng một người cách xa bốn trăm bộ. Với quỹ đạo gấp đôi, đầu đạn vẫn gây sát thương như thường. Loại hỏa mai Springfield được binh lính của cả hai phe ưa thích. Thường quân Liên minh phải giành giật nhau mới có thể sở hữu được cây súng như vậy. Các nhà máy của Liên minh cuối cùng cũng xuất xưởng một số lượng lớn súng hỏa mai giống như Springfield. Những vũ khí trong thời nội chiến đều phải nhồi thuốc súng từ họng súng. Thực hành một công việc khó khăn và phức tạp này đòi hỏi phải qua nhiều bước khác nhau. Một tay súng lão luyện cũng chỉ bắn được mỗi phút ba phát súng mà thôi.

Mặc dù hầu hết lính tham gia cuộc nội chiến đều đã được thấy súng cầm tay cỡ nhỏ, việc sử dụng một khẩu đại bác vẫn là một kinh nghiệm mới mẻ đối với những ai mới vào các sư đoàn pháo binh. Súng của pháo binh thuộc quân đội hai phe là loại bích kích pháo, sản xuất từ thời Napoléon. Loại đại bác này cũng giống như hầu hết các kiểu đại bác khác được sử dụng trong cuộc chiến phải nhồi thuốc súng từ họng súng. Cần phải có một đội gồm một trung sĩ và tám tay súng phụ. Những người này

phải tuân thủ động tác lau chùi nòng súng, nạp đạn, nhồi thuốc, nhắm và bắn. Mỗi phút bắn được hai phát đạn.

Đám binh lính thường ngỗ ngược. Kỷ luật quá khó khăn để tuân thủ, còn người Mỹ, nói chung, chống lại bất cứ loại tổ chức nào. Họ cũng nổi tiếng là không tuân phục và tôn trọng chỉ huy. Họ khinh bỉ bất cứ hành vi nào họ cho là vênh váo. Một vài sĩ quan không thể giữ gìn trật tự của đám lính dưới quyền. Đôi khi, có sĩ quan không có gì nổi trội bị đám đông quân lính vây lấy và đánh cho nhừ tử. Cũng có nhiều hình thức chống đối của binh sĩ mơ hồ hơn, đồng thời cũng khá kỳ cục. Ví dụ như cắt tai và cạo bờm ngựa của sĩ quan.

Rất nhiều hình thức kỷ luật quá nghiệt ngã: binh lính nào mắc tội vi phạm hoặc không tuân lệnh hay vắng mặt không phép có thể sẽ bị “cưỡi ngựa gỗ”, hoặc phải chịu quỳ. Đây là một hình phạt cực kỳ khó chịu và nhục nhã: thủ phạm sẽ bị nhét một vật bịt miệng và sẽ buộc quỳ nhiều giờ, lưng thật thẳng bởi một mẫu gỗ đã được cột phía sau của đầu gối, còn tay bị trói chặt. Những kẻ đào ngũ có thể bị đánh bằng roi và đánh dấu bằng chữ D (Deserter - Kẻ đào ngũ) trước khi bị đuổi khỏi quân ngũ hoặc bỏ tù. Đào ngũ có thể phải chịu phạt tiền. James I. Robertson, Jr., đã viết rằng: khoảng 500 cuộc hành hình các binh sĩ xảy ra ở cả hai đạo quân trong nội chiến. Nhiều hơn tất cả các cuộc hành hình trong các cuộc chiến có Mỹ tham gia cộng lại. Trong số ấy, khoảng 2/3 người bị xử tử mắc tội đào ngũ.

Những khó khăn gian khổ trong việc huấn luyện kết hợp với nỗi cô đơn, nhớ nhà, nhớ người yêu và nhớ tự do đã khiến đời sống ở doanh trại cực kỳ đau khổ đối với hầu hết tân binh. Rất nhiều người trong số họ không chịu nổi gian khổ đã đào ngũ hoặc vắng mặt không phép. Nhưng phần đông đều phải đối mặt với cuộc sống gian khổ ấy bằng cách tìm sự tiêu khiển. Họ tìm bạn gái mỗi khi có dịp nhờ dự các cuộc khiêu vũ, hội hè tại các thị trấn xung quanh và các nông trại ở vùng lân cận. Nhiều người tìm kiếm bạn tình với những hình thức bất ngờ hơn: kết giao với những người phục vụ doanh trại là nữ quét dọn hoặc bằng cách đến chơi ở các nhà thổ mọc lên như nấm ngay sát gần doanh trại. Kết quả là những bệnh lây nhiễm qua đường tình dục sớm tràn lan và có vị trí hàng đầu trong danh sách những căn bệnh làm suy nhược tinh thần và sức chiến đấu của các trại lính.

Nhiều quân nhân tìm cảm giác thỏa mãn trong men rượu. Quân đội Liên bang thỉnh thoảng thêm vào khẩu phần ăn rượu Wishky vì có lý thuyết cho rằng lượng rượu hạn chế có thể kiềm chế việc ăn uống quá mức. Quân đội Liên minh không theo lý thuyết này. Nhưng Wishky dễ dàng có được theo nhu cầu của đám lính của cả hai đạo quân. Nó nằm trong lượng hàng hóa căng tin doanh trại có bán. Ngoài doanh trại còn có nhiều nguồn cung cấp khác. Chất lượng của loại rượu thương mại này được chỉ định bằng những cái tên như “mắt đỏ ngầu”, “cháy ruột”, “nọc nhện độc”, hoặc “bể xương sọ”... Tình trạng say xỉn đã trở thành vấn nạn ở cả hai đạo quân. Thiếu tướng George B. McClellan nói, vào năm 1862, rằng: nếu kiêng rượu hẳn, quân Liên bang sẽ mạnh mẽ chẳng khác nào có thêm năm mươi ngàn binh sĩ phục vụ vì mục tiêu chính nghĩa.

Hành vi báng bổ quậy phá và đánh bạc (hai hành vi thường thấy nhất trong đám lính thuộc mọi lứa tuổi) là những nét tiêu biểu của cuộc nội chiến. Chửi thề và nguyền rủa như một loại dấu chấm câu mà đại đa số quân nhân cả miền Bắc và miền Nam sử dụng. Việc đánh bạc phát triển ở khắp nơi dưới nhiều hình thức bao gồm đua ngựa, chơi gà, thi đấu thể thao, và những cuộc đánh lộn ngẫu hứng. Thậm chí những cuộc đua tầm thường cũng được người ta đưa ra cá cược. Đánh bài và chơi xí ngầu diễn ra triền miên, nhất là khi đám binh lính không bận rộn tập luyện hoặc tham gia các hoạt động quân sự khác.

Việc hội họp để cầu nguyện vào buổi tối diễn ra thường xuyên. Đại đa số binh lính đều xuất thân từ những gia đình có đạo. Và họ mang vào quân đội một số lượng lớn các giáo phái khác nhau. Những tôn giáo chính đều có các cha tuyên úy trong doanh trại. Những buổi lễ thường xuyên được tổ chức là một phần trong hoạt động thường ngày trong doanh trại. Ngày càng có nhiều binh lính sùng đạo dành thời gian đọc kinh thánh và cầu nguyện. Nhiều nhóm trong số họ tổ chức những buổi cầu nguyện không chính thức khá thường xuyên. Thậm chí cả những binh lính khá thờ ơ với các hoạt động tôn giáo và quen vi phạm các điều răn tôn giáo trong ngày, thì đến cuối ngày cũng quăng hết bài bạc hoặc xí ngầu để tìm lấy những “tấm Passport cho tội lỗi”, (họ gọi những buổi cầu nguyện như vậy) trước khi lao vào trận chiến. Ông Robertson kết luận rằng: niềm tin vào Chúa trời là một thứ gia vị hiệu quả nhất trong việc giữ gìn nhuệ khí cho đám binh lính cả hai phe.

Có quá nhiều thiếu thốn trong cuộc sống nơi doanh trại và huấn luyện. Gian khổ, lơ là nhiệm vụ không phải là trường hợp hiếm xảy ra. Thế nhưng, các sự kiện đáng lo ngại vẫn đang di chuyển như lốc xoáy để đến gần hơn sự thử thách cuối cùng. Tình hình chiến sự đã bắt đầu ác liệt.

Những trận đánh đầu tiên của cuộc chiến nổ ra để giữ hoặc chiếm lấy những vùng đất có chế độ sở hữu nô lệ nằm dọc biên giới ở những vị thế quan trọng. Vào tháng 5, ở bang Missouri có một sĩ quan quân đội Liên bang trẻ, đại úy Nathaniel Lyon đã vây hãm và phong tỏa một đội dân quân hỗ trợ Liên minh dưới quyền chỉ huy của thống đốc Claiborne Jackson gần St. Louis. Được khuyến khích và phong hàm tướng, Lyon sau đó đã đánh bại một đội quân nhỏ miền Nam dưới sự chỉ huy của lữ đoàn trưởng, tướng Sterling Price và đuổi đạo quân này đến điểm cuối cùng của bang phía Tây Nam gần Springfield. Ở đây đội quân này đã nhận thêm nhiều binh lính từ những đạo quân khác của Liên minh. Cuối tháng sáu, toàn bộ lãnh thổ bang Missouri đã nằm trong tầm kiểm soát của Liên bang.

Bang Tây Virginia cũng chứng kiến những chiến dịch tương tự. Từ bang Ohio, tháng 6 có một đội quân gồm 20 ngàn lính Liên bang dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng George B. McClellan tiến sâu vào lãnh thổ bang Tây Virginia, chiếm lấy Harpers Ferry. Vào tháng 7, sau một vài trận đánh nhỏ vào Rich Mountain và Carrick Ford, đội quân này đã chiếm lại quyền kiểm soát bang Virginia nằm ở phía Tây của Alleghenies. Quân Liên minh không bao giờ có thể lấy lại khu vực này ngay cả khi vị tướng giỏi nhất của quân Liên minh là Robert E. Lee từng có lần làm chủ tạm thời

vùng này. Những thành công này của Liên bang đã dẫn tới một loạt những thành công chính trị quan trọng khác đảm bảo việc thành lập bang Tây Virginia. Thêm vào đó, chiến thắng từ mặt trận đã đặt lực lượng Liên bang vào vị trí có thể đe dọa được khu vực Shenandoah và cánh quân bên sườn của Liên minh lúc này đang chiếm giữ những ngọn núi phía Đông Virginia.

Trong lúc những sự kiện này diễn ra tại Missouri và Tây Virginia, một giai đoạn chuẩn bị cho những cuộc tấn công của quân Liên bang bắt đầu. Đây là cuộc tấn công lớn đầu tiên với hi vọng chấm dứt chiến tranh. Nếu cuộc tấn công này hoàn tất, nó hy vọng chỉ cần một chiến dịch thôi cũng đủ để đánh bại quân đội Liên minh tại Virginia và chiếm thủ phủ Richmond. Một mục tiêu hấp dẫn chỉ cách Washington 700 dặm về phía Nam. Người miền Bắc ủng hộ cuồng nhiệt cuộc tấn công này. Những tờ báo của miền Bắc kêu gọi hành động, đặt ra khẩu hiệu "Hãy tiến về Richmond!". Sau khi quân Liên bang phải rút lui vào ngày 10 tháng 6 tại nhà thờ Big Bethel gần Yorktown, áp lực lên Tổng thống Lincoln là phải tấn công. Giờ đây ông ra lệnh cho thiếu tướng Irvin McDowell chỉ huy quân chủ lực của Liên bang, thực hiện chiến dịch này.

Ông McDowell chỉ huy một đội quân khoảng 35000 lính dựng lều hạ trại dọc bờ sông Potomac, với điểm khởi đầu là Washington. Biết rằng quân lính không được luyện tập đúng cách, ông xin cho thêm thời gian. Nhưng Tổng thống bác bỏ với lời nhận xét rằng: bọn lính Liên minh cũng trẻ người non dạ không kém. Đối diện với tướng McDowell, cách 25 dặm về phía Nam là tướng Beauregard, chỉ huy trận pháo đài Sumter đáng nhớ của Liên minh, người có trong tay 22 ngàn binh sĩ đang được bố trí đằng sau một con suối nhỏ có tên là Bull Run. Ông đang bao vây một nhà ga xe lửa quan trọng tại khúc đường sắt giao nhau Manassas Junction. Một đạo quân của Liên bang gồm khoảng 18 ngàn người dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Robert Patterson cũng hạ trại gần Harpers Ferry, cửa ngõ thung lũng Shenandoah. Gần Winchester 25 dặm về phía Nam là một đạo quân của Liên minh có khoảng 12 ngàn binh sĩ dưới quyền chỉ huy của tướng Joseph E. Johnston.

Kế hoạch của tướng McDowell yêu cầu một động thái của quân Liên bang: quay lại hoặc đánh cắt ngang vị trí của quân Liên minh và bao vây con đường huyết mạch chạy dọc theo đường sắt Orange và Alexandria. Trong lúc đó, một điệp viên của Liên minh đã báo ý định của quân Liên bang cho các tướng chỉ huy Liên minh (nhân vật tình báo này là bà Rose O'Neal Greenhow, một nhân vật hoạt động xã hội khá nổi bật ở Washington). Tổng thống Davis ra lệnh cho tướng Johnston phải hỗ trợ cho tướng Beauregard rút quân khỏi thung lũng Shenandoah. Khéo léo bao bọc cuộc hành quân bằng kỵ binh, Johnston rút khỏi Shenandoah. Viên tướng này thực hiện một cuộc hành quân tác chiến đầu tiên trong nội chiến bằng cách đưa lên tàu hầu hết quân lính của mình tại ga Manassas Gap và nhanh chóng tới Manassas Junction để kết hợp với cánh quân chính của Liên minh ở đây. Ngày 20 tháng 7, lực lượng của Liên minh đưa khoảng 35 ngàn quân tập trung vào vị trí phòng thủ sau Bull Run. Mặc dù Johnston là một trong những viên tướng kỳ cựu của Liên minh, ông vẫn nghe theo tướng Beauregard, viên tướng thực sự chỉ huy đạo quân này trong trận đánh sắp tới.

Ngày 21 tháng 7 trước khi bình minh ló dạng, cuộc tấn công của Liên bang bắt đầu với một cuộc biểu dương lực lượng tiến về vị trí trung tâm của cánh quân Liên minh. Hai đơn vị di chuyển nhanh chóng, nhằm bao vây cánh quân phía trái của địch. Sau khi vượt qua suối Bull Run ở Sudley Ford, lính Liên bang bị tấn công dồn dập bởi một lữ đoàn quân Liên minh dưới sự chỉ huy của đại tá Nathan C. Evans. Ông này đã được cấp báo rằng quân Liên bang đang di chuyển. Người đưa tin là một sĩ quan điện tín trẻ, thông minh của tướng Beauregard, đại úy E. Porter Alexander. Thế nên đại tá Nathan G. Evans đã ra lệnh cho quân của ông tiến về một vị trí phòng thủ vững chắc ngay bên sườn của Liên minh.

Beauregard và Johnston đã nắm bắt kịp tin tức chiến sự, tìm thấy quân của Evans đã bắt đầu dồn cánh quân này tới Henry House Hill, phía Nam của Warrenton Turnpike. Đến xế chiều, bước tiến của quân Liên bang đã bị chặn đứng bởi một đợt kháng cự quyết liệt của những đơn vị quân Liên minh đến từ những phòng tuyến khác. Rõ ràng hành động nổi bật nhất là một lữ đoàn dưới sự chỉ huy của tướng Thomas J. Jackson. Nó đã khơi nguồn cảm hứng của biết bao nhà hùng biện khi tướng chỉ huy lữ đoàn Barnard E. Bee của miền Nam Carolina trầm trồ thán phục: “Jackson phòng thủ vững như bàn thạch!”. “Stonewall Jackson” đã trở thành biệt hiệu muôn đời gắn với quân đội Liên minh.

Chiều muộn hôm ấy, khi các cuộc tấn công của Liên bang thưa dần và sau khi tướng Beauregard nhận được những toán quân cuối cùng từ khu vực thung lũng Shenandoah, ông đã tiến hành một cuộc phản công. Binh sĩ Liên bang, quá mệt mỏi và rã rời cả về tinh thần lẫn thể xác, đã không còn ý chí chiến đấu nữa. Phòng tuyến của họ bị phá vỡ trước khi một làn sóng quân Liên minh ào lên đáng sợ. Tiếng hét xung trận ấy sau này được nhiều người biết đến với cái tên “Tiếng hét của những kẻ phản loạn”. Quân đội của tướng McDowell nhanh chóng chỉ còn là một đám tàn quân, họ lẫn vào những nhóm người đi nghỉ ngơi từ Washington đứng xem trận chiến với vẻ thích thú. Thật ngẫu nhiên, một viên đạn pháo của quân Liên minh đã bắn trúng một toa hàng và chặn đứng con đường rút lui khiến cho đội quân đang thất vọng, hoảng sợ và mệt mỏi thêm tán loạn. Một đội quân dự bị khoảng 2000 người tại Centreville là đội quân quy củ duy nhất còn lại ở vị trí giữa những người miền Nam chiến thắng và thủ đô Washington!

Nhưng Washington không thất thủ. Nếu quân Liên minh nếu có cố cũng không đoạt được nó. Và họ đã không cố. Tổng thống Davis đến bãi chiến trường vào buổi chiều và giục các tướng tiến lên phía trước. Sau này người ta kể lại rằng: lúc đó tướng Jackson đã nói: Cho ông 5 ngàn lính mới ông có thể chiếm được Washington. Điều kiện do Jackson đặt ra có lẽ là chìa khóa dẫn đến kết cục sớm sủa. Nhưng chẳng có lính mới nào cả. Tất cả các đơn vị của Liên minh đều đã từng tham gia xung đột. Tướng Johnston sau này tán thành tính toán khôn ngoan của tướng Jackson bằng cách giải thích rằng: lính miền Nam kiệt sức và non nớt đang vô tổ chức mừng chiến thắng cũng chẳng hơn gì quân miền Bắc bị đại bại.



Một cuộc tranh cãi dai dẳng và gay gắt sớm xảy ra giữa Tổng thống Davis và các tướng phải chịu trách nhiệm về việc không khai thác triệt để thắng lợi vừa rồi. Người Liên minh gọi cuộc chiến này là trận “Manassas”, người Liên bang gọi nó là trận “Bull Run”. Nó là chiến thắng của Liên minh. Một chiến thắng rất tài tình mặc dù cả hai đều thiệt hại nặng nề: miền Bắc 481 lính tử trận, 1011 người bị thương, 1216 người mất tích (hầu hết bị bắt); Miền Nam 387 lính tử trận, 1582 người bị thương, 13 người mất tích.

Ngay sau cuộc chiến Bull Run, quân Liên minh thắng thêm trận nữa tại con sông nhỏ Wilson thuộc Tây Nam Missouri. Ngày 10 tháng 08, tướng Liên bang Lyon bùng bùng nộ khí dẫn đội quân của ông chỉ có 5400 lính tấn công bất ngờ và dữ dội vào cánh quân của Price lúc này đã lên tới 12 ngàn quân, bởi được quân cứu viện đến kịp thời. Đám quân bổ sung ấy dưới sự chỉ huy của tướng Ben McCulloch đến từ Arkansas. Ông Lyon đã tổ chức một cuộc tấn công lớn trong lúc tướng Franz Sigel bao vây để tấn công quân Liên minh từ phía sau. Giữa lúc trận chiến xảy ra ác liệt, với chiến thắng gần như đã nằm trong tay, Lyon đột ngột tử trận. Cuộc tấn công bị đẩy lui với số thương vong lớn cho cả hai phía. Quân Liên bang: 1235. Quân Liên minh: 2084. Lúc này ông Price hi vọng sẽ đoạt lại được bang này cho chính quyền Liên minh.

Những thành công của Liên minh trong những ngày đầu trên các chiến trường rộng lớn đã khơi dậy ngọn lửa hào hứng và lạc quan trong tư tưởng miền Nam. Người miền Nam từ lâu đã tin họ nắm trong tay kĩ năng quân đội xuất chúng, một người trong số họ đủ đánh bại vài tên Yankee miền Bắc. Điều ngộ nhận này giờ đây dường như đã được xác nhận là đúng. Có lẽ cuộc chiến sẽ sớm kết thúc thôi. Nhưng tác động của những chiến thắng Liên minh chỉ làm đầu óc người miền Bắc thêm tỉnh táo. Họ không còn bám lấy ảo tưởng giành chiến thắng nhanh gọn dễ dàng nữa. Suy cho cùng, phải chăng lũ phiến loạn kia thực sự là những chiến binh cừ khôi? Vài sĩ quan Liên bang đã có suy nghĩ như vậy.

Nhưng đối với dân chúng miền Bắc nói chung, những thất bại ấy vừa là thách thức, vừa là sự sỉ nhục. Người miền Bắc xác định tư tưởng: cuộc chiến sẽ là lâu dài và gian khổ. Bị sốc nặng nhưng với vẻ kiên định không hề lay chuyển, Tổng thống Lincoln chuyên tâm tìm một viên tướng có thể đảo ngược tình hình.

Tướng McClellan dường như là người ông trông đợi. Viên tướng này là một trong những sĩ quan của Liên bang đã từng đánh bại quân Liên minh trên chiến trường. Cuối tháng 07, Tổng thống Lincoln triệu ông ta tới Washington, chỉ định ông là tướng chỉ huy quân chủ lực của Liên bang (Giờ đây, cánh quân này có tên quân đội của Potomac). Tổng thống cũng nói với ông rằng: vận mệnh quốc gia hiện nằm trong tay ông. Tràn đầy tự tin, tướng McClellan bắt đầu huấn luyện cho những quân đoàn đang thoái trí và hỗn loạn, biến họ trở thành một cánh quân thống nhất và hùng hục tinh thần chiến đấu.

Vị tổng tư lệnh mới là người từng tốt nghiệp học viện quân sự Mỹ, với nhiều thành tích mẫu mực khi còn là học viên của trường sĩ quan. Con đường binh nghiệp của ông gồm cả lần phục vụ quân đội trong chiến tranh Mexico như một thành viên tham mưu cho tướng Scott. Ông có tài chỉ huy quân sự và nhiều kiến thức về chiến thuật, đã truyền đạt kiến thức của mình cho rất nhiều sĩ quan trẻ đóng vai trò quan trọng trong nội chiến. Vỡ mộng vì cuộc sống nhà binh khi thời bình, năm 1857 ông McClellan đã từ chức để tham gia vào ngành kinh doanh đường sắt đang phát triển nhanh chóng tại Mỹ. Ông cho thấy mình có khả năng xuất sắc ngay cả trong kinh doanh. Và khi cuộc chiến bùng nổ, ông đang là tổng giám đốc của hãng đường sắt Ohio và Mississippi.

Ông McClellan có ngoại hình nổi bật, có tài đàm phán, là nhà tổ chức siêu đẳng và nhà huấn luyện tài ba. Ngay lập tức ông giành được cảm tình của binh lính. Họ yêu mến gọi ông với cái tên “Tướng Mac nhỏ bé”. Tư thế hiên ngang như Napoleon trong bức hình chụp năm 1860, bàn tay phải thọc sâu trong túi áo ngang sườn, bộc lộ chính xác quan điểm của ông về bản thân. Nhưng tiếc thay khi hành động, ông lại thiếu tự tin. Khi huấn luyện càng mạnh mẽ bao nhiêu thì hành động càng thiếu tự tin bấy nhiêu. Sau cuộc chiến, tướng Richard Taylor của quân Liên minh nói rằng: về mặt này ông McClellan giống vua Frederick William của nước Phổ. Người ta kể ông vua này, khi huấn luyện tỏ ra mình có tài ném lựu đạn rất giỏi nhưng lại không dám chạm tới những gì có liên quan tới thuốc súng.

Dù chính mình nâng McClellan vào vị trí tướng chỉ huy thay thế cho tướng Scott về nghỉ vào tháng 11, Tổng thống mất hết kiên nhẫn vì việc tấn công diễn ra chậm trễ. Với câu nói nửa đùa nửa thật, ông nhận xét rằng: tướng McClellan đã “mắc bệnh chậm chạp”. Một dịp khác, Tổng thống Lincoln lại nói: nếu tướng McClellan không có ý định sử dụng quân đội Potomac, ông sẽ mượn cánh quân chủ lực này vài ngày để xem liệu ông có thể làm gì được với nó.

Rõ ràng giữa Tổng thống Lincoln và vị tướng chỉ huy của ông có sự xích mích ngày càng sâu sắc. Họ không chỉ bất đồng về thời gian mà còn cả chiến thuật. Tướng McClellan là một đảng viên đảng Dân chủ. Ông ta chống đối gay gắt bất cứ động thái nào can thiệp vào thể chế chiếm hữu nô lệ hoặc liên quan tới hệ thống xã hội ở miền Nam. Ông ta tin chiến tranh nhất định phải được tiến hành theo cách khôi phục lại Liên bang đúng như nó vốn có trước khi li khai xảy ra. Ông cũng công khai tỏ vẻ coi thường Tổng thống Lincoln. Có một lần ông đã không cần giấu giếm làm mất mặt Tổng thống khi Tổng thống Lincoln đến thăm quân đội của ông ngoài chiến trường. Lincoln đành ngậm bồ hòn làm ngọt và có lần nói rằng: ông chỉ chịu đựng viên tướng này nếu ông ta mang thành công về cho quân đội Liên bang.

Sự trì hoãn của tướng McClellan và các quan điểm chính trị của ông đã làm bùng lên ngọn lửa phản đối của những đảng viên đảng Cộng hòa tại hạ viện. Những người này hy vọng giải phóng nô lệ là mục tiêu chính của cuộc chiến, họ được biết với cái tên “những kẻ cực đoan”. Những cảm xúc ngày càng sôi sục khi vào tháng 10, một đội quân do thám hùng mạnh của Liên bang, hành động dưới lệnh của tướng

McClellan, đã bị đánh bại và thiệt hại nặng nề tại Ball's Bluff bên bờ Nam của sông Potomac, trên Washington 30 dặm. Con số thương vong đáng chú ý nhất là của cuộc viễn chinh dưới lệnh của đại tá Edward Baker. Ông này cũng là thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa của bang Oregon và là một người bạn tâm giao của Tổng thống Lincoln.

Khó chịu về McClellan và quá nhạy cảm với những lời chỉ trích của phái cực đoan. Ngày 27 tháng 01 năm 1862, Tổng thống Lincoln ra lệnh cho toàn quân đội Liên bang cùng xung trận vào ngày 22 tháng 02, ngày sinh nhật của Tổng thống Washington. Thay vì lên kế hoạch cho cuộc tiến quân này là trực tiếp nhắm vào quân Liên minh ngoài mặt trận, (như Tổng thống Lincoln đã tỏ rõ ý định), McClellan phản đối với một lời đề nghị làm quân địch phân tán bằng cách di chuyển quân đội của ông (lúc này đã hơn 100 ngàn quân tinh nhuệ) đi trên các phương tiện vận chuyển dọc dòng sông Potomac và tiến vào vịnh Chesapeake, đến vùng hạ lưu sông Rappahannock. Như vậy là phải đi đường vòng mới tới được Richmond. Khi kế hoạch này vẫn còn đang được nghiên cứu, cuộc chiến đột nhiên chuyển hướng về phía Tây các hạt Alleghenies.

Chỉ huy lực lượng quân đội Liên minh tại miền Tây là tướng Albert Sidney Johnston. Ông này người gốc Kentucky, từng tốt nghiệp trường West Point và hay tự nhận mình là người Texas. Ông là một trong những sĩ quan nổi bật nhất của quân đội Liên bang trước đây. Đặc biệt, ông là bạn thân của Tổng thống Jefferson Davis. Vào tháng 09, Johnston được chỉ định là tướng chỉ huy. Ông ta đã đặt trụ sở tại Nashville, Tennessee. Nhưng sự quan tâm chính của ông lại là bối cảnh vùng Kentucky. Một tháng trước đó, thiếu tướng của quân Liên minh là Leonidas Polk bao vây khu vực gần sông Mississippi tại vị trí Columbus, bang Kentucky (như vậy là vi phạm chủ trương trung lập mà bang này đang cố giữ) và các lực lượng Liên bang đã nhanh chóng di chuyển tới Louisville và các vị trí trọng yếu khác.

Trong một nỗ lực giữ Kentucky cho Liên minh, ông Johnston lập tức cử một đội quân chủ lực từ Nashville tới Bowling Green. Ở đây ông thiết lập trụ sở của chính mình và gọi đây là thủ phủ của một bang thuộc Liên minh. Ông triển khai gần như một nửa lực lượng hiện có gồm 45000 quân tại Bowling Green với sự chỉ huy trực tiếp của thiếu tướng William J. Hardee. Mười hai ngàn quân đóng ở Columbus ngay dưới Polk. Một đơn vị đóng đô tại Belmont, Missouri đối diện với Columbus qua con sông Mississippi. Năm ngàn quân tại Mill Spings trên thượng lưu sông Cumberland, phía Đông Kentucky dưới sự chỉ huy của viên tướng chỉ huy lữ đoàn Felix K. Zollicoffer. Nhiệm vụ của quân đội dưới quyền Zollicoffer là canh chừng những đợt tấn công từ đông Kentucky sang đông Tennessee. Những đội quân nhỏ hơn giúp củng cố công sự được thiết kế canh chừng tại những điểm trọng yếu. Chính nơi trọng yếu này, hai con sông Kentucky và Cumberland tiến sâu vào một phần của tuyến phòng thủ quân Liên minh ở phía Tây: pháo đài Henry tại Tennessee, pháo đài Donelson tại Cumberland. Cả hai pháo đài này đều nằm trong địa phận bang Tennessee ngay dưới biên giới của bang này với bang Kentucky.

Quân đội của Liên bang ở miền Tây bị xé nhỏ. Thiếu tướng John C. Fremont trước đây là nhà lãnh đạo xuất chúng của đảng Cộng hòa, với trụ sở tại St Louis, lúc này là tướng chỉ huy cánh quân trụ ở miền Tây, một khu vực hỗn loạn kéo dài từ sông Cumberland đến Tây Kentucky ngang qua vùng Nam Illinois và băng qua sông Mississippi đến tận Rocky Mountains. Thiếu tướng Robert Anderson, được thăng chức sau khi cố thủ pháo đài Sumter thắng lợi, chỉ huy cánh quân đóng đô ở Cumberland (bao gồm miền trung tâm và đông Kentucky với vùng theo lý thuyết là thuộc phía Tây Tennessee). Vào tháng 10, khi ông Anderson bị bệnh, ông đã được thay thế bởi tướng chỉ huy William Tecumseh Sherman, người lãnh đạo một lữ đoàn quân tinh nhuệ và quả cảm trong trận đánh Bull Run.

Cấp dưới của ông Fremont, chỉ huy quân đội trong khu vực phía Nam Illinois và đông Nam Missouri, là một sĩ quan ít người biết đến tên là Ulysses S. Grant. Ông này người gốc Ohio. Tốt nghiệp với thành tích không mấy nổi bật tại trường West Point, là cựu chiến binh của cuộc chiến Mexico, ông Grant vào năm 1854 đã từ chức không mấy vẻ vang vì đã uống rượu quá nhiều. Khi cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này bùng nổ, ông đang sống cuộc đời bình dị của một nhà buôn tại Illinois. Ông hưởng ứng lời tổng động viên và (bởi vì những kinh nghiệm chiến đấu và huấn luyện của ông trong quân đội trước đây) có lẽ bởi ảnh hưởng của ông như một thành viên hạ viện Illinois, ông đã được nhận chức vụ đại tá chỉ huy quân đoàn Illinois.

Sau những sự kiện không mong muốn mở màn cho cuộc chiến, ông Grant đã thăng tiến nhanh chóng, trở thành một lãnh đạo quân đội nổi bật của Liên bang. Ông nhanh chóng chứng tỏ tài chỉ huy của mình và đã được thăng chức lên cấp tướng chỉ huy lữ đoàn. Tướng Grant sau này tổng kết triết lý của tài lãnh đạo quân đội từ những kinh nghiệm thực tế như sau: “Hãy tìm hiểu xem kẻ thù ở đâu. Đến gần hấn tấn công hấn càng sớm càng tốt và càng thường xuyên càng tốt, đồng thời luôn tiến lên”. Hiểu tầm quan trọng về chiến lược quá rõ ràng của ba con sông chính chặn ngang các tuyến phòng thủ phía Tây (Mississippi, Tennessee, và Cumberland), tướng Grant đã đặt sở chỉ huy của mình ở Cairo, bang Illinois. Tại địa điểm này, sông Ohio hòa vào dòng chảy của sông Mississippi. Khi quân Liên minh dưới quyền của tướng Polk bao vây Columbus, Kentucky, ngay lập tức tướng Grant bao vây Paducah và Smithland, nơi hai con sông Tennessee và Cumberland hòa vào dòng chảy của sông Ohio. Bằng những động thái trên, ông đã sở hữu những điểm then chốt, từ đó giúp ông có thể vận chuyển đồ tiếp tế và hỗ trợ cho binh lính được dễ dàng theo đường thủy để đe dọa hoặc tấn công rất nhiều mục tiêu quân sự quan trọng nằm dọc theo ba con sông này.

Những trận đánh mở màn sau này trở thành chiến dịch nhằm chiếm Kentucky và Tennessee nổ ra tại những điểm xa nhất của phòng tuyến của quân Liên minh. Ngày 07 tháng 11, tướng Grant cùng với một đạo quân khoảng 30 ngàn người tấn công đơn vị đồn trú của tướng Polk tại Belmont. Nhưng sau đó cánh quân này phải rút lui sau một trận đánh bất phân thắng bại mà cả hai phe đều công bố là chiến thắng của riêng mình.

Đầu tháng 11, Tổng thống Lincoln không cho tướng Grant chỉ huy cánh quân phía Tây nữa. Viên tướng này tỏ ra không thích ứng với các tướng quân sự, lơ lửng trong việc giám sát các hợp đồng liên quan tới quân đội. Và có thái độ và hành động không chín chắn về vấn đề liên quan đến giải phóng nô lệ. Thiếu tướng Henry Halleck thay thế ông. Tướng Halleck là một học viên tốt nghiệp trường West Point. Khắp quân đội đều biết tên ông, coi ông là “bộ não kỳ cựu” bởi ông là tác giả của nhiều tác phẩm, bao gồm cả một chuyên luận mang tính độc đáo về các chiến dịch quân sự. Đồng thời, thiếu tướng Don Carlos Buell thay thế tướng Sherman. Sherman dường như đứng trên bờ vực của một cơn khủng hoảng tinh thần sau nhiều rắc rối nảy sinh lúc chỉ huy các cánh quân ở miền Trung và miền Đông Kentucky.

Tháng 01 năm 1862 một nỗ lực chiếm vùng đông Tennessee của sĩ quan cấp dưới của ông Polk: tướng chỉ huy lữ đoàn George H. Thomas đã sa lầy trong một chiến dịch được tổ chức vào mùa đông. Thất bại này được biến thành thắng lợi khi quân Liên minh dưới quyền chỉ huy của tướng Zollicoffer băng qua sông Cumberland vào ngày 19 tháng 01. Bằng cách ra lệnh cho viên tướng cao hơn cấp bậc mình hiện có, tướng chỉ huy quân đội George Crittenden tấn công Thomas trong trận chiến tại Logan’s Crossroads (hay như quân Liên minh thường gọi là trận chiến Mill Springs). Quân Liên minh thua trận. Nhưng cuộc chiến chỉ là một sự kiện nhỏ. Kết quả của nó không thể lấy lại thế cân bằng về chiến lược tại mặt trận phía Tây. Nhưng nó là một hồi còi báo hiệu cho những sự kiện sẽ xảy ra ở khắp nơi dọc theo phòng tuyến này.

Vị trí quân Liên minh tại phía tây cực kỳ yếu. Tướng Johnston giờ đây chỉ huy tổng số 72 ngàn quân. Hơn 1/4 số quân này đóng ở phía Tây sông Mississippi. Tướng Halleck và Buell cùng chỉ huy một đội quân gấp hai lần số quân của tướng Johnston. Hơn nữa, quân Liên minh được triển khai thành hàng rào phòng thủ. Hàng rào này là mục tiêu tấn công khá lộ liễu của quân Liên bang bất cứ khi nào họ muốn. Biết được điểm yếu này, tướng Johnston nỗ lực tuyển mộ đủ quân bổ sung để tạo ra một lực lượng tương đương tại tuyến phòng thủ tại Nashville. Mọi nỗ lực thực hiện ý định ấy đều thất bại. Tướng Johnston nói rằng: cơn sốt của lòng nhiệt tình lúc mở màn cuộc chiến của nhân dân các bang đang bị đe dọa nguội đi, họ trở nên mệt mỏi. Họ “không còn sẵn sàng tham gia cách mạng như trước nữa”.

Những vị trí sơ hở nhất của phòng tuyến quân Liên minh nằm dọc hai bờ sông Tennessee và Cumberland. Đối thủ của tướng Johnston biết được tình trạng ấy. Tướng Grant dự định tấn công pháo đài Henry tại Tennessee, để phối hợp với một pháo hạm dưới quyền chỉ huy của đô đốc Andrew Foote thực hiện một cuộc tấn công. Tướng Halleck chuẩn y đề nghị này. Ngày 03 tháng 02, quân đội viễn chinh kết hợp nói trên đã lên đường từ Cairo. Quân của tướng Grant gồm 17 ngàn người đổ bộ từ những phương tiện vận chuyển đủ loại ngay dưới chân pháo đài. Và đầu giờ chiều ngày 06, Đô đốc Foote bắt đầu nã pháo vào vị trí trọng yếu này. Tướng chỉ huy quân Liên minh, Lloyd Tilghman, bị đánh bại hoàn toàn. Lúc này ông mới biết đến sự triển khai quân đội của tướng Grant nên cử hầu hết 2,5 ngàn lính rời pháo đài này đến

pháo đài Donelson cách đó 12 dặm, bên bờ sông Cumberland. Sau hai giờ giao chiến dữ dội với lực lượng không cân bằng, tướng Tilghman đầu hàng.

Giờ đây tướng Johnston đưa ra một quyết định quan trọng. Với những con đường vận chuyển bằng thuyền trên sông Tennessee thường xuyên bị đe dọa bởi các cuộc tiến quân của Liên bang, và vị trí Bowling Green bị uy hiếp bởi cuộc tiến quân của tướng Buell từ phía dưới Louisville, với đạo quân hùng mạnh xấp xỉ 73 ngàn người, tướng Johnston quyết định bỏ ngỏ toàn bộ bang phòng tuyến Kentucky-Tennessee và tập trung lực lượng vốn đang bị rải mỏng tại miền Bắc Mississippi để thực hiện phản công. Ông cử tướng Beauregard, người gần đây được chỉ định là chỉ huy thứ hai, lãnh đạo chiến dịch này. Trong lúc đó tướng Johnston rút lui từ Bowling Green, băng qua Nashville cùng với cánh quân chủ lực dưới quyền ông.

Mặc dù tướng Johnston đã quyết định pháo đài Donelson không thể cố thủ, nhưng ở phút cuối ông mắc một sai lầm nghiêm trọng khi chia nhỏ thêm nữa những cánh quân của mình, bằng cách ra lệnh cho 12 ngàn quân bổ sung cố thủ cho pháo đài này. Như vậy quân ở pháo đài đã lên tới khoảng 17 ngàn người. Sĩ quan chỉ huy kỳ cựu tại pháo đài là tướng chỉ huy lữ đoàn John B. Floyd, cựu bộ trưởng bộ chiến tranh Hoa Kỳ.

Ngày 14 tháng 02, khi nỗ lực lập lại thành công trước đó của mình bằng cách tấn công pháo đài Donelson thật dữ dội với pháo hạm dưới quyền của ông, ông Foote thấy pháo đài này khó đánh bại hơn pháo đài Henry trước đó rất nhiều. Quân của ông đã phải rút lui với thiệt hại nặng nề bởi nỗ lực của các hạm đội quân Liên minh. Nhưng cánh quân của tướng Grant, lúc đầu chậm trễ vì nước ngập giờ đây đã được củng cố về sức mạnh với 27 ngàn quân đang bao vây pháo đài. Ngày kế tiếp, quân Liên minh cố bẻ gãy phòng tuyến của tướng Grant để có thể kết hợp với cánh quân đang rút lui của tướng Johnston ở Nashville (tướng này đã nhận được lệnh phải chờ quân từ pháo đài đổ về nếu như pháo đài này thất thủ). Mặc dù lúc đầu cuộc tấn công bất ngờ của Liên minh thành công, quân Liên minh cũng không còn lòng dạ nào tìm kế thoát thân, và phòng tuyến của quân Liên bang dần khép lại, siết chặt vòng vây.

Đêm đó, trong một động thái vô trách nhiệm đáng chê trách, lệnh của quân Liên minh đã được truyền xuống cho tướng chỉ huy lữ đoàn Simon Bolivar Buckner. Ngay lập tức, ông này hỏi các điều khoản của tướng Grant để có thể đầu hàng có điều kiện. Câu trả lời của tướng Grant đã trở thành một cái tên lóng gắn liền với vị tướng này. Cái tên này cũng được ghi danh muôn thuở như tên bức tường thành của tướng Johnston: “đầu hàng không điều kiện”. Tướng Buckner nghe theo. Pháo đài thất thủ. Gần một phần ba quân trong toàn bộ cánh quân của tướng Johnston bị bắt. Chỉ có một số lính không bị bắt. Họ dưới quyền chỉ huy của một đại tá kị binh (sau này không còn ai nhắc đến ông ta nữa) có tên là Nathan Bedford Forrest. Chính ông đã dẫn đầu quân đội thoát vòng nguy hiểm bằng cách băng qua những chỗ nước đọng đang đóng băng. Thất bại của những pháo đài ở Tennessee đã khiến chiến trường miền Tây của quân Liên minh bỏ ngỏ để đón tiếp những cuộc tấn công của Liên bang lần sâu xuống vùng này.

Tổng thống Lincoln phản hồi những thông tin gây hào hứng từ những chiến thắng ở miền Tây bằng cách nỗ lực sửa chữa hiện trạng lính tráng bị chia năm xẻ bảy ở khu vực này. Ngày 11 tháng 03 ông chỉ định tướng Halleck chỉ huy toàn bộ chiến trường. Tướng Halleck lúc này vẫn còn ở St Louis cử tướng Grant (đã bị cách chức tướng chỉ huy bởi đã vi phạm trật tự quân đội) chỉ huy cánh quân ở Tennessee khoảng 40 ngàn người đang theo tàu bè đi một trăm dặm dọc theo con sông Tennessee từ pháo đài Henry, giờ đang hạ trại quanh Pittsburg Landing. Đó là một con tàu hơi nước đang thả neo gần phòng tuyến của bang Tennessee và Mississippi. Tướng Halleck ra lệnh cho tướng Buell lúc này đang ở Nashville với cánh quân chiếm cứ vùng Cumberland, kết hợp với tướng Grant tại Pittsburg Landing. Tướng Grant, lúc này đã đeo lon thiếu tướng, nắm quyền chỉ huy cho tới khi Halleck đến và trao quyền lại cho ông này chỉ huy cánh quân kết hợp. Trong lúc đó tướng Grant, nếu không tấn công, sẽ phải tránh một trận giao chiến lớn.

Theo lý thuyết, các kế hoạch của tướng Halleck đều hợp lý. Ông đang thực hiện một lý thuyết chiến thuật của Jomini: Tập trung lực lượng chống lại quân đội đang bị chia nhỏ của kẻ thù. Nhưng những lãnh đạo Liên minh cũng nghiên cứu Jomini. Họ cũng đang đau đầu không biết làm thế nào để tập trung lực lượng trước đã. Tướng Beauregard dựng trụ sở tại thị trấn nhỏ Corinth, Đông Bắc Mississippi. Chính tại nơi đây, hai dải đường sắt quan trọng nhất của Liên bang (Memphis - Charleston và Mobile - Ohio) giao nhau. Thị trấn này đối với Liên minh cũng quan trọng như Cairo đối với Liên bang. Đường sắt quan trọng đối với Corinth cũng như sông ngòi quan trọng đối với Cairo. Tướng Beauregard mang quân từ Columbus tới Corinth bằng phương tiện của hãng đường sắt Mobile - Ohio. Tướng Johnston mang quân đội từ Bowling Green theo đường bộ tới Bắc Alabama, sau đó lên tàu của hãng đường sắt Memphis - Charleston. Corinth chỉ cách doanh trại của tướng Grant tại bến thuyền Pittsburg Landing một ngày hành quân.

Các nhà chức trách Liên minh tại Richmond tăng cường tập trung tại Corinth bằng cách cử 15 ngàn quân bổ sung bằng đường sắt và đường sông từ Pensacola và New Orleans. Cuối tháng 3, Johnston có một lợi thế nhỏ về quân số so với tướng Grant ở Pittsburg Landing. Những cuộc hành quân này thể hiện sự sáng suốt khi sử dụng lợi thế đường sắt, một lợi thế mang tính chiến lược và tiên phong của thời kỳ ấy. Cả Tổng thống Davis lẫn tham mưu quân sự của ông, tướng Robert E. Lee, đều viết thư cho tướng Johnston thúc giục ông này tấn công tướng Grant trước khi quân đội của Buell kịp tới. Đây cũng chính xác là điều tướng Johnston suy nghĩ bấy lâu và ông đã thực hiện ý định này.

Việc tập trung các cánh quân tại mặt trận phía Tây không thực sự hoàn hảo. Ở miền Tây Bắc Arkansas, thiếu tướng Earl Van Dorn (người kế nhiệm ông Price) chỉ huy khoảng hai mươi ngàn lính. Ngày 8 tháng 3, tướng Van Dorn tấn công quân đội đối phương. Quân Liên minh bị đánh bại. Vì thế họ háo hức mong chờ được nỗ lực chiếm Missouri. Anh hùng Texas Ben McCulloch tử trận trong trận chiến này. Cuối cùng, tướng Van Dorn buộc phải nghe theo lệnh của tướng Johnston kết hợp với các

cánh quân của Liên minh đang tập trung tại Corinth nhưng ông này đến quá trễ nên không kịp tham gia trận chiến đang diễn ra gần đó.

Tướng Grant mong muốn tiến quân chiếm Corinth trước khi các cánh quân của Liên minh kịp gặp nhau tại đây. Nhưng ông đành phải kiềm chế vì nghe theo lệnh của tướng Halleck. Lửa nhiệt tình chiến đấu của tướng Grant bấy giờ quay lại hại ông. Mặc dù bây giờ ông biết về cuộc phản công của Liên minh tại Corinth, nhưng ông không hoàn toàn hiểu tính ác liệt của nó. Ông cho rằng quân Liên minh quá chán nản bởi những thất bại gần đây nên không thể phản công. Và ông ra lệnh cho tướng chỉ huy của lữ đoàn dưới quyền Buell: “Sẽ không có trận chiến nào xảy ra tại bến tàu Pittsburg Landing. Chúng ta sẽ phải tiến tới Corinth khi những kẻ nổi loạn đang mãi củng cố lực lượng”. Khi tướng Grant đang nói những lời này, quân đội của tướng Johnston đã được triển khai thành đội hình tấn công cách dãy doanh trại quân Liên bang chỉ có vài trăm bước chân.

Cuộc chiến tại bến tàu Pittsburg (quân Liên minh gọi là Shiloh theo tên của nhà thờ hội giáo lý Shiloh gần nơi chiến sự xảy ra), là một trong những trận chiến lớn nhất kể từ đầu nội chiến. Vào đêm trước chiến dịch, khi tướng Beauregard hoảng sợ và muốn hoãn cuộc tấn công, tướng Johnston đã thôi không còn do dự như trước. Ông lớn tiếng ra lệnh cho cấp dưới đang run sợ tấn công. Đây là một trường hợp kinh điển về tướng tư lệnh. Theo lý thuyết của Clausewitz, “những xích mích trong chiến tranh” sẽ được giải quyết bằng sức mạnh của ý chí và sự thấu hiểu sâu sắc ý định của kẻ thù.

Quân đội của Liên minh có khoảng 40 ngàn người, đồng loạt tấn công vào rạng sáng ngày 6 tháng 4, họ đã sở hữu lợi thế bất ngờ trong chiến thuật và hoàn toàn bất ngờ trong tác chiến ngay ở đợt xung phong đầu tiên làm cho quân của Liên bang tán loạn. Nhưng quân đội của Liên bang, lúc ấy là 35 ngàn người đang có mặt tại chiến trường, nhanh chóng phục hồi và ngoan cường đánh trả. Cả hai người, Johnston và Grant (sau khi quân của Gian tới nơi vào lúc chín giờ sáng từ điểm xuất phát là Savannah, Tennessee nơi có tổng hành dinh của họ) hành động với sự kiên định và bình tĩnh đầy mẫu mực. Đến trưa, trận chiến ác liệt đã lên tới đỉnh điểm của nó. Có lẽ chưa bao giờ lại có cuộc chiến nào ác liệt như vậy từ đầu chiến tranh tới bây giờ. Tương tự, điểm nóng nhất của phòng tuyến là bên trái quân Liên bang, đã đời đời được biết đến như một nơi ác liệt nhất.

Đầu giờ chiều, tướng Johnston thất bại khi nỗ lực bao vây hoặc đẩy lùi cứ điểm khó khăn này, nhằm tách rời quân đội Liên bang khỏi căn cứ bên bờ sông Mississippi. Tướng Beauregard chỉ huy tiếp tục cuộc tiến công của Liên minh kéo dài suốt buổi chiều cho tới khi quân của ông ta chiếm lĩnh toàn bộ trận địa, ngoại trừ vành đai cố thủ cuối cùng của Liên bang vây quanh nơi bờ đá dốc đứng phía trên bến tàu Pittsburg Landing. Ngay trước khi trời tối, tướng Beauregard dừng tấn công để lính tráng đã mệt mỏi của ông nghỉ lấy sức bởi ông nhận được một thông tin sai lệch rằng quân của Buell đã đi lạc hướng không đến nơi này. Ông ra lệnh sẽ tấn công tiếp tục vào lúc bình minh.



Có lẽ quân Liên minh không thể đánh bại quân của tướng Grant, dù cuộc tấn công của họ không bị ngưng lại giữa chừng. Vào lúc chiều muộn, phòng tuyến quân Liên bang (đã bị cắt ngắn hơn và liên kết chặt chẽ với nhau hơn) đã được hỗ trợ bởi một khẩu đội pháo có quy mô lớn của bộ tư lệnh pháo binh. Đồng thời lúc này một quân đoàn của tướng Grant dưới quyền trực tiếp của lữ đoàn trưởng tướng Lew Wallace, đã đến chi viện. Quân đoàn này đóng quân cách đó vài dặm phía hạ lưu của sông và đã phải mất hàng giờ đi lạc trong rừng mới đến được nơi xảy ra chiến sự. Quyết định của Beauregard vẫn là một sai lầm chết người. Dù cho ông có tiếp tục trận chiến trong ngày đầu tiên để có thể giành toàn thắng hoặc ông rút lui, kết quả đều như nhau. Trong đêm, quân của Buell khoảng 20 ngàn người kết hợp với quân tướng Grant. Khi trận chiến tiếp tục vào ngày hôm sau, quân Liên minh giàn trận trên chiến trường, với tỉ lệ một chọi hai, quân Liên minh đã rơi vào thảm họa.

Tướng Grant lập tức phản công và đẩy lui quân miền Nam, giành lại mảnh đất họ đã chiến thắng với cái giá quá đắt ngày hôm trước. Đầu giờ chiều, cảm giác quân đội mình sắp tan rã, tướng Beauregard ngừng giao chiến và bắt đầu mệt mỏi, mất tinh thần khi rút lui về Corinth. May cho quân Liên minh, tướng Grant không nỗ lực nhiều để truy kích. Khi các cánh quân của Sherman hờ hững truy đuổi, họ đã bị chặn đứng bởi một đạo quân tập hậu của Liên minh chiến đấu ngoan cường dưới quyền của tướng Forrest và đại tá John Hunt Morgan. “Trận Shiloh đẫm máu” đã kết thúc. Số lính tử trận của Liên bang là 1754, Liên minh: 1723. 8508 quân Liên bang bị thương, quân Liên minh là 8012. 2885 quân Liên bang mất tích. Quân mất tích của Liên minh là 959, hầu hết bị bắt làm tù binh. Đó là một chiến thắng của Liên bang. Là một chiến thắng giành được trong đường tơ kẻ tóc, nhưng là một chiến thắng quan trọng về nhiều mặt bởi vì nó đã giúp quân Liên bang tiến sâu vào khu vực phía Tây thuộc lãnh địa Liên minh và dọn đường cho một cuộc tiến quân mới của Liên bang vào khu vực này.

Trận Shiloh khiến người ta dự đoán trước được những trận đánh khác diễn ra trong nội chiến. Nó mang tính ác liệt, cơ hội và sự bất thường của chiến tranh. Nó cho thấy lòng dũng cảm, trí thông minh cũng như minh chứng của sự lưỡng lự và thiếu cận của các vị tướng cùng cấp dưới của họ. Nó cũng cho ta thấy sự dũng cảm kiên định cũng như sự hèn nhát; cho thấy những cơn hỗn loạn của lính tráng; cho thấy cái giá khủng khiếp của chiến tranh. Nó còn dạy cho cả hai bên tham chiến biết đâu là nỗ lực lớn lao và hi sinh vô bờ bến cần phải có để giành được chiến thắng.

Những cánh đồng và những khu rừng thanh bình thường thấy ở Shiloh giờ tan tác. La liệt đây đó là những xác chết, lính hấp hối và người bị thương. Những bệnh viện dã chiến hoạt động hối hả. Các bác sĩ phẫu thuật áo choàng vấy máu. Số người chết nhiều chưa từng thấy. Những thủ thuật cắt, cưa và cầm máu nhanh chóng tạo ra những đồng chất đầy cánh tay, cẳng chân được cắt lìa trông thật khủng khiếp. Y tá quân của Liên minh là Kate Cumming đã mô tả một trong những bệnh viện dã chiến tại Corinth, nơi có quá nhiều binh sĩ tàn phế “bị cắt xẻo theo những cách không thể tưởng tượng nổi” nằm xếp lớp lên nhau trên nền nhà nhầy nhụa máu. Cô khó tìm

được cách để không giẫm vào những quân nhân ấy trong khi làm nhiệm vụ. Thủ thuật cắt cụt liên tục được tiến hành, hầu như chỉ để thấy hậu quả đến ngay là những cái chết đến tức thời. Các phương tiện chuyên chở của Liên bang và tàu thuyền thường mang đồ tiếp tế giờ đây ập nhưng nạn nhân của cuộc chiến, “người ta bị thương bị cắt xẻo theo đủ cách trên đời”. Một người trong số họ đã viết như vậy: “Người chết và hấp hối nằm chồng lên nhau, người thì không có tay, người thì không có chân, thậm chí xương hàm của họ cũng bị gãy vụn. Họ bị chảy máu cho tới chết, không ai còn thời gian thường trực chăm sóc hay thay băng cho họ”. Tướng chỉ huy lữ đoàn James A. Garfield người Ohio, sau này là Tổng thống Hoa Kỳ, mô tả Shiloh sau trận chiến là một quang cảnh khủng khiếp không bút mực nào tả xiết.

Cùng với Shiloh, các hoạt động chiến trường xa hơn nữa về phía Tây mang lại thêm nhiều chiến thắng cho Liên bang. Tháng 2 năm 1862, lữ đoàn trưởng Henry H. Sibley, một tướng tài của Liên minh dẫn đầu một đoàn quân khoảng 4 ngàn người Texas đến New Mêxicô với hi vọng bảo toàn lãnh thổ Arizona và bao vây California. Ông đã thành công trong việc chiếm được Albuquerque và Santa Fe. Nhưng ngày 15 tháng 4 ông bị đánh bại tại Glorieta Pass gần Santa Fe bởi một cánh quân Liên bang dưới sự chỉ huy của đại tá Edward R. S. Canby. Phần còn lại của đội quân do tướng Sibley chỉ huy bị đẩy lùi tới tận Texas. Sự kiện này chấm dứt mối đe dọa của quân Liên minh đối với miền Tây Nam xa xôi.

Trong lúc các trận chiến Shiloh và Glorieta đang diễn ra ác liệt, các chiến dịch của Liên bang cũng quan trọng không kém đang được tiến hành trên sông Mississippi. Đây là con đường huyết mạch của lục địa Mỹ. Khi quân của tướng Grant di chuyển lên thượng nguồn sông Tennessee để tập trung tại bến tàu Pittsburg Landing, một cánh quân khoảng 23 ngàn người của Halleck, dẫn đầu là lữ đoàn trưởng tướng John Pope, di chuyển xuống bờ Tây sông Mississippi. Người thuộc Liên minh đã bỏ trống thị trấn New Madrid, Missouri và tập trung quân tại hòn đảo số mười được củng cố vững chắc về mặt quân sự trên sông Mississippi.

Đô đốc Andrew Foote đưa những pháo hạm của ông đi ngang qua hòn đảo này và vận chuyển quân của tướng Pope bằng phà ngang qua dòng sông dưới hòn đảo. Hành động này làm cô lập quân Liên minh bằng cách cắt ngang con đường huyết mạch của họ. Một ngày sau trận chiến Shiloh, một tiểu đoàn quân đồn trú gồm 7 ngàn người đã đầu hàng. Một công sự yếu ớt của quân Liên minh có tên là pháo đài Pillow tại Chickasaw Bluff trên sông Mississippi, phía trên Memphis giờ đây bị cho là không phòng thủ được và bị bỏ trống. Ngày 5 tháng 6, một đội tàu nhỏ quân tiếp viện của Andrew Foote đã đánh bại hạm đội tạm thời của quân Liên minh trên sông ngay tại Memphis và chiếm cứ thành phố này.

Khi quân Liên bang và hạm đội trên sông di chuyển xuôi theo dòng Mississippi, một chiến dịch đầy kịch tính đã mở màn từ miền cực Nam con sông này. Đầu tháng 10 năm 1861, Đô đốc George N. Hollins của quân Liên minh đã tấn công hạm đội phong tỏa của quân Liên bang tại cửa sông nhưng thất bại. Không lâu sau đó, đô đốc quân Liên bang là Davis Glasgow Farragut, người gốc Tennessee và là một cựu binh

lừng danh có năm mươi năm kinh nghiệm phục vụ quân ngũ, tập hợp một hạm đội gồm 17 chiến thuyền tại đảo Ship ngay ngoài bờ duyên hải vịnh Mississippi và tiến đến hai pháo đài Jackson và St. Philip (hai công sự của Liên minh trên sông Mississippi cách New Orleans 75 dặm ở phía dưới). Trong đêm 23 rạng sáng 24 tháng 4 năm 1862, sau một trận giao chiến súng đạn ác liệt. Đô đốc Farragut đã thành công trong việc chiếm hai pháo đài này và tiến thẳng về New Orleans.

Hạm đội của Liên bang đến New Orleans vào ngày 25 chỉ để thấy nơi này không hề được phòng thủ. Hầu hết quân lính lúc đầu được cử đi chi viện cho New Orleans đã bị quân Liên minh tấn công tại Shiloh. Kết quả là, lữ đoàn trưởng quân Liên minh, tướng Mansfield Lovell, chỉ huy ở quân New Orleans, bỏ ngỏ thành mà không chống cự. Pháo đài Jackson và St. Philip (bị bao vây bởi một cách quân miền Bắc khoảng 15 ngàn người dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Benjamin F. Butler đi theo hạm đội của Andrew Foote) đầu hàng ngày 27. Ngày 1 tháng 5, quân đội của tướng Butler đổ bộ lên New Orleans và bắt đầu cuộc chiếm đóng lâu dài ở đây.

Vòng vây ngày càng khép chặt của Liên bang trên sông Mississippi diễn ra đồng thời với những chiến dịch thành công dọc theo miền duyên hải Đại Tây Dương của Liên minh. Để vòng vây thêm chắc chắn (lúc đầu nó tỏ ra không hiệu quả), hải quân của Liên bang bắt đầu tổ chức những căn cứ phong tỏa dọc theo bờ biển. Cuối tháng 8 năm 1861, một đội quân lính thủy đánh bộ dưới quyền chỉ huy của Đô đốc Silas H. Stringham chiếm cứ các vị trí của Liên minh canh giữ vùng Hatteras Inlet, Nam Carolina trong nỗ lực phá vòng vây ở Pamlico Sound. Tháng 1 năm 1862, một đội lính thủy đánh bộ khác chiếm cứ vị trí của Liên minh tại đảo Roanoke. Vị trí này canh giữ một kênh đào giữa Pamlico và eo biển Albemarle. Những cuộc chiếm cứ này vô hiệu hóa mọi bến cảng ở Nam Carolina, ngoại trừ bến cảng Wilmington trên sông Cape Fear, con sông chảy ra biển Đại Tây Dương theo những eo biển ở đây.

Một trong những chiến dịch quan trọng nhất miền duyên hải là chiến dịch chiếm cứ pháo đài Poal Sound ở Nam Carolina xảy ra vào tháng 10 năm 1861. Đây là một cảng tuyệt vời nằm giữa Charleston và Savannah. Đô đốc Samuel F. DuPont chỉ huy hạm đội và quân viễn chinh, cùng với lữ đoàn trưởng tướng Thomas Sherman dẫn đầu một đội quân 17 ngàn người chiếm giữ và cố thủ tại địa điểm này. Sự bất lực giữa các cộng sự Liên minh trong việc chống cự những trận giao chiến trên biển đã khiến tướng Robert E. Lee, người tạm thời chỉ huy tuyến phòng thủ dọc miền duyên hải phía dưới của Đại Tây Dương, bỏ đi nhiều công sự ở đây. Ông cho quân rút lui mang theo súng đạn, ngăn các con sông và hình thành một phòng tuyến quân sự sâu hơn trong đất liền ngoài tầm đạn của các chiến thuyền Liên bang. Phòng tuyến này canh giữ vùng đất trải dài từ Charleston tới Savannah, bao gồm cả một tuyến đường sắt nối hai địa điểm này. Giờ đây hai thành phố này được cố thủ bởi một vành đai pháo đài vững chắc bao quanh. Tuyến phòng thủ này cực kỳ hữu hiệu trong suốt cuộc chiến. Hai thành phố kia cuối cùng cũng thất thủ, nhưng chỉ khi có quân Liên bang đánh từ trong ra.

Những thành công của Liên bang vào mùa xuân năm 1862 đã nâng cao tinh thần của miền Bắc, và khiến miền Nam thoái chí. Nhưng số thương vong khủng khiếp của trận Shiloh đã khiến nhân dân của hai miền nghẹn ngào. Dân New Orleans không bao giờ còn cười tươi được nữa trong suốt chiều dài cuộc chiến (theo lời của tiểu thuyết gia George Washington Cable, người thành phố này). Tổng thống Lincoln cũng bàng hoàng đau đớn trước cảnh nòi da xáo thịt ở Shiloh. Nhưng ông cũng bắt đầu thấy được con đường đến với kết cục chiến thắng của cuộc nội chiến. Nhiều người hối thúc ông bãi chức tướng Grant bởi người ta cho rằng ông này luôn say xỉn ở Shiloh. Sau này người ta nói Tổng thống Lincoln đáp trả như sau: “Nói xem ông ta uống rượu loại nào, tôi muốn tặng cho mỗi tướng của tôi một chai”. Ý ông là: “Tôi không thể sa thải ông ta. Ông ta đã chiến đấu ra trò”.

## 4. Những vị tướng nổi bật và chiến tranh leo thang

Mặc dù những chiến thắng của Liên bang trong mùa đông, xuân và đầu mùa hè năm 1862 ở miền Tây và dọc bờ biển Đại Tây Dương là món ngọt ngon cho khẩu vị của người miền Bắc. Nhưng lực lượng 60 ngàn quân Liên minh dưới quyền tướng Josphet E. Johnston vẫn còn nguyên vẹn và vẫn canh giữ Richmond, đồng thời đe dọa Washington.

Đầu tháng 03 năm 1862, khi tướng McClellan đang nỗ lực thao diễn bên sườn phải quân Liên minh, tướng Johnston hủy bỏ cuộc thao diễn này bằng cách rút lui khoảng 30 dặm về bờ phía nam sông Rappahannock. Tướng McClellan giờ đây đề nghị một cuộc thao diễn lớn hơn và kêu gọi quân đội của ông tiến xa hơn xuống phía vịnh Chesapeake để có thể bao vây thủ đô của Liên minh bằng cách tiếp cận nó dọc bán đảo Virginia. Bán đảo này được hình thành bởi hai con sông York và James. Tổng thống Lincoln chấp nhận kế hoạch này với thái độ lưỡng lự bởi vì nó sẽ biến thủ đô Washington thành một vị trí sơ hở.

Kế hoạch của tướng McClellan cũng phải đối mặt với một cản trở khác. Tại Norfolk, thuộc Virginia, đối diện những đường Hampton, từ cửa sông James, có một tàu chiến bọc thép của Liên minh tên là Virginia (được cải thiện từ một con tàu gỗ của Mỹ tên Merrimack). Ngày 08 tháng 03, tàu Virginia tấn công và làm tan tác đội hình của hạm đội phong tỏa gồm nhiều thuyền gỗ tại Hampton Roads. McClellan khẳng định rằng tàu Virginia phải bị đánh bại trước khi ông bắt đầu chiến dịch của mình. Bộ trưởng bộ chiến tranh Edwin M. Stanton, người kế vị ông Cameron, lo sợ rằng con tàu này của Liên minh thậm chí sẽ còn tiến về phía sông Potomac và oanh tạc Washington.

Chính phủ Liên bang cũng có tàu chiến bọc thép của riêng mình là tàu Monitor, một con tàu thiết kế có mâm pháo (trông giống một chiếc hộp pho-mát trên một chiếc bệ) với súng ống được gắn trên một mâm pháo có thể xoay được. Tàu này được một kỹ sư hàng hải người Mỹ gốc Thụy Điển tài năng là ông John Ericsson thiết kế. Một ngày sau khi tàu Virginia nổi cơn thịnh nộ, tàu Monitor đến Hampton Roads và khiêu chiến với tàu của Liên minh. Sau một trận đánh dè chừng kéo dài bốn giờ, tàu Virginia chạy ì ạch về phía cảng Norfolk, để tàu Monitor chiếm lĩnh khu vịnh. Con tàu Virginia bị đánh phá hư hỏng không bao giờ còn tiến lên được nữa. Cuối cùng nó bị phá hủy bởi chính đoàn thủy thủ để tránh phải mất nó vào tay quân đội Liên bang chiếm đóng khu vực này. Bên cạnh việc chỉ ra rằng những con tàu bằng gỗ đã nhanh chóng trở nên lỗi thời, cuộc chiến của những con tàu bọc thép tại Hampton Roads đã dọn đường cho cuộc tấn công của tướng McClellan.

Cuối tháng ba tướng McClellan bắt đầu di chuyển tới pháo đài Monroe ở miền cực bán đảo Virginia và nhanh chóng tập trung được hơn 100 ngàn lính tại đây. Dù Tổng thống Lincoln thúc giục ông “vung nắm đấm lên giáng một đòn mạnh”, song ông vẫn thận trọng bao vây Yorktown và để cho lũ đoàn trưởng, tướng John B. Magruder của Liên minh với chỉ 17 ngàn quân triển khai khắp khu vực phía dưới của

bán đảo, làm chậm trễ bước tiến của đoàn quân Liên bang suốt gần một tháng, dư dả thời gian cho Johnston can thiệp vào đội quân chủ lực giữa McClellan và Richmond. Tướng McClellan cường điệu những con số của Liên minh báo về cho tổng thống nhờ một nhân viên tình báo, thám tử Allan Pinkerton và tránh né việc thực hiện một đòn tấn công quyết định.

Trong lúc đó, tướng Robert E. Lee lúc này trực tiếp chịu sự chỉ huy của Tổng thống Davis để thực hiện việc “kiểm soát và làm chủ những chiến dịch quân sự của Liên minh”, từng bước tiếp tay cho Johnston chống lại mối đe dọa của Liên bang. Từ những vị trí an toàn dọc theo bờ biển Đại Tây Dương về phía dưới, tướng Lee đưa quân dần tiến đến Virginia. Nhưng hành động quan trọng nhất của ông là làm suy yếu quân đội của tướng McClellan bằng cách liên tục chia nhỏ lực lượng của Liên bang. Tổng thống Lincoln giữ một quân đoàn của tướng McDowell tại Fredericksburg, dự định sẽ giao nó cho tướng McClellan khi nào ông nhận được tin tốt lành rằng: thủ đô không còn trong vùng nguy hiểm trực tiếp nữa.

Tướng Lee tìm cách không cho Tổng thống Lincoln được hưởng sự thỏa mãn ấy. Có một cánh quân của Liên minh vẫn còn có khả năng đe dọa Washington, một đội quân khoảng 17 ngàn người dưới sự chỉ huy của tướng Stonewall Jackson tại thung lũng Shenandoah. Ngày 21 tháng 04 tướng Lee viết thư cho ông Jackson, đề nghị ông hãy tấn công quân đội của Liên bang tại đây. Nếu có thể hãy đi xuôi xuống vùng thung lũng về phía Bắc. Có nghĩa là đi theo một hướng tạo ra cho kẻ thù ý tưởng rằng ông ta định vượt sông Potomac để tiến vào Maryland. Tướng Lee nói: “Tôi đã hy vọng trong điều kiện bị chia năm xẻ bảy hiện nay của quân lực Liên bang, một đòn mạnh và hiệu quả kết hợp thật nhanh các cánh quân của chúng ta trước khi quân Liên bang kịp củng cố lực lượng tại chỗ hoặc được cứu viện”.

Việc thi hành lời đề nghị của tướng Lee do Jackson đảm nhiệm đã biến mọi niềm hy vọng của ông ta thành sự thật. Cả thế giới được chứng kiến một sự kiện không thể nào quên, minh chứng cho trực giác bén nhạy của giới lãnh đạo, đồng thời cả tính táo bạo, ý chí và những phẩm chất được nhà triết học Clausewitz đánh giá cao. Hơn nữa, họ còn được chứng kiến cả sự sử dụng tài tình địa hình địa thế các phòng tuyến nội bộ, tính linh hoạt, yếu tố bất ngờ và hoạt động tập trung lực lượng chống lại kẻ thù đang bị chia rẽ. Những nguyên tắc chiến thuật này được ông Jomini đánh giá cao. Quân của Jackson bị bao vây bởi một số lượng lính Liên bang gấp ba lần lính Liên minh. Nhưng quân Liên bang bị chia nhỏ thành ba đội quân ngay tại đường vào thung lũng. Tướng Fremont chỉ huy một đội quân nhỏ hơn tại Alleghenies nằm ở phía Tây thung lũng. Lữ đoàn trưởng James Shield đóng đô tại sườn đông của thung lũng. Như vậy họ cho phép Jackson tấn công lần lượt từng cánh quân một.

Jackson đã thực hiện cuộc tấn công lịch sử này với kỹ năng và lòng dũng cảm vô song, quét sạch quân Liên bang cả phía trên và dưới thung lũng. Ông ta sử dụng núi Massanutten, chạy dọc theo đáy thung lũng như một tấm khiên, và di chuyển thật nhanh qua khe núi, tới những điểm xa nhất của nó khiến cho đối thủ của ông liên tục bị bất ngờ. Trong khoảng thời gian từ ngày 08 tháng 05 đến ngày 09 tháng 06, ông

đưa quân lính hành quân suốt 400 dặm, đánh 5 trận, và bắt sống số lính của Liên bang nhiều bằng toàn bộ quân lính của ông cộng lại, đồng thời chiếm được một lượng lớn đạn dược và nhu yếu phẩm.

Những thành tựu về mặt chiến thuật là rất to lớn. Những thành tựu về chiến lược còn lớn hơn. Đúng như tướng Lee dự đoán, chiến dịch của tướng Jackson không chỉ vây chặt khoảng 60 ngàn lính Liên bang tại thung lũng. Nó còn khiến Tổng thống Lincoln phải thu lại toàn bộ quân đoàn của tướng McDowell, không cho tướng McClellan nắm giữ trong nỗ lực vây hãm Jackson và đồng thời bảo vệ Washington. Như vậy, ông ngăn chặn các đạo quân của Liên bang tại Virginia không thể tập trung chống lại quân đội của tướng Johnston tại bán đảo Virginia.

Khi chiến dịch thung lũng gần đến hồi kết thúc, những quân đoàn lớn trên bán đảo Virginia đã tham chiến ở vị trí chỉ cách Richmond 5 dặm. Nếu đứng trên tháp nhà thờ lớn của thành phố, ta cũng có thể quan sát được các trận giao tranh. Trên đường đến thành phố này, tướng McClellan chia quân làm hai nhánh tiến theo thế gọng kiềng vượt qua con sông Chickahominy rộng mênh mông vào mùa mưa lũ khó lòng sang được. Ba trong số năm quân đoàn của ông ở phía Bắc của dòng sông để có thể che chở cho căn cứ của ông tại sông York và giữ chỗ cho cánh quân của tướng McDowell (từ Bắc Virginia tiến tới) cùng kết hợp. Ngày 31 tháng 05, tướng Johnston đưa quân chủ lực chiến đấu với hai quân đoàn của Liên bang ở phía Nam Chickahominy trong trận chiến mang tên Bảy Cây Thông hoặc Rừng Sồi Đẹp (Fair Oaks). Diệu kế của tướng Johnston: tấn công một đạo quân của kẻ thù với một lực lượng hùng hậu. Nhưng việc thực hành kế hoạch này lại sai lầm. Cuộc tấn công quá chậm chạp và sự phối hợp không ăn ý. Tướng McClellan quá khó nhọc mới đem quân cứu viện từ phía Bắc của con sông tới vùng này và ngăn chặn bước tiến của quân Liên minh. Vào lúc chiều muộn, tướng Johnston bị thương nặng trong lúc nỗ lực chỉ huy các cánh quân kết hợp cùng tấn công. Ngày hôm sau, Tổng thống Davis chỉ định tướng Lee là tổng tư lệnh quân đội.

Tướng Robert Lee là hiện thân của truyền thống kỵ sĩ rất được lòng dân chúng miền Nam. Ông là hậu duệ của hai dòng tộc được tôn sùng nhất ở Virginia (dòng họ Lee và Carters). Ông là con trai của “Con tuấn mã Harry”, một trong những chiến binh lừng lẫy của cuộc cách mạng Mỹ. Tướng Lee là sĩ quan được đào tạo bài bản và gương mẫu tại học viện West Point (1829) và là một anh hùng lừng danh của cuộc chiến Mêhico. Nói về vai trò của ông trong cuộc chiến tranh Mêhico, tướng Winfield Scott một vị tướng danh giá bậc nhất của cuộc chiến này từng nói: “Thành công của Mỹ tại Mêhico phần lớn có được nhờ kỹ năng, lòng dũng cảm và trí lực dẻo dai của tướng Robert Lee... Ông là một chiến binh tuyệt vời nhất tôi từng thấy trong cuộc chiến này”. Thêm vào đó tướng Lee còn là một con chiên ngoan đạo của dòng Tân giáo. Ông rất đẹp trai với bộ râu quai nón giống như thần Jupite. Ông từng là lựa chọn đầu tiên của Tổng thống Lincoln vào vị trí chỉ huy quân đội Liên bang trong cuộc nội chiến.

Tháng 05 đến tháng 06 năm 1862.

Lòng trung thành của tướng Lee đối với Liên minh chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Ông phản đối cả chế độ sở hữu nô lệ lẫn hành động li khai. Quân đội Hoa Kỳ vẫn còn nhớ đến ông như một người mang quan điểm vì dân vì nước. Nhưng ông gắn số phận mình với bang Virginia khi bang này li khai với Liên bang. Ông giải thích: không thể rút gươm chống lại đồng bào của chính mình. Sau cuộc chiến, trong một bức thư gửi ngài Acton, một nhân vật nổi tiếng trong lịch sử nước Anh, tướng Lee giải thích quyết định của ông bằng cách nói rằng ông tin việc duy trì quyền và uy thế do hiến pháp trao cho các bang chính là lá chắn cho việc bảo toàn một bang tự do. “Tôi cho rằng đó là nguồn gốc chính của sự vững bền của hệ thống chính trị đất nước tôi. Việc đoàn kết các bang thành một chính thể cộng hòa hùng mạnh, chắc chắn, về mặt đối ngoại là hung hăng về mặt đối nội là bạo ngược, sẽ là điểm báo trước của sự phá hủy khủng khiếp chôn vùi tất cả những gì đã từng có trước đây”. Trong đoạn này, ông đồng hóa tình thế tiến thoái lưỡng nan của mình với mối nguy hiểm của những thế lực to lớn ngày một dâng cao.

“Liệu Tổng thống Davis có sáng suốt khi chỉ định tướng Lee làm tư lệnh quân đội Liên minh?” Vẫn còn là một vấn đề khó hiểu. Tài lãnh đạo nổi bật của tướng Lee đối với quân chủ lực của Liên minh (tên ông được đặt cho đội quân Bắc Virginia) đã giành nhiều chiến thắng vinh hiển và xếp ông vào số những tướng tư lệnh vĩ đại nhất trong lịch sử. Nhưng cuộc chỉ định này đã đẩy Liên minh vào chỗ mất đi một tham mưu về chiến lược trong chính phủ. Ông Hattaway và Jones kết luận rằng: vị trí của Robert E. Lee tại Richmond ngày ấy giống như vị trí tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ngày nay. Và họ cũng trích dẫn lời của Douglas Southall Freeman rằng: có quá ít thời điểm trong cuộc đời binh nghiệp của mình, tướng Lee “đóng góp được nhiều cho việc duy trì sự nghiệp của Liên minh”. Có lẽ ông vẫn nên ở vị trí tham mưu cho chính phủ lại hơn.

Tướng Lee nhanh chóng quyết định tiếp tục tấn công tướng McClellan. Ông tập trung quân đội của Liên minh nhằm vào một quân đoàn duy nhất của Liên bang, dưới sự chỉ huy của lữ đoàn trưởng tướng Fitz John Porter, lúc này vẫn đang cố thủ ở Bắc Chickahominy. Từ cuộc tấn công tuyệt vời của đội kỵ binh dưới quyền chỉ huy của tướng J. E. B. “Jeb” Stuart bao vây toàn bộ quân đội của tướng McClellan, tướng Lee biết được cánh quân phía sườn phải của Liên bang đang sơ hở. Nó không thể cố thủ tại nơi địa hình địa thế khó khăn như sông hoặc đầm lầy. Nó cũng không thể dồn lại đằng sau để hình thành một vành đai phòng thủ. Để đòn tấn công của mình thêm mạnh mẽ, tướng Lee lại cho Jackson đưa quân của ông này tới theo đường sắt thông qua ga Atlanta và đường sắt trung tâm Virginia nằm ở phía Bắc Richmond, sau đó kết hợp lại cùng tấn công mạnh vào cánh quân bên sườn đang sơ hở của tướng Porter từ phía sau.

Ngày 26 tháng 06 tướng Lee mở cuộc phản công mang tên “cuộc chiến kéo dài 7 ngày”. Ông Robert E. Lee tấn công phòng tuyến của Porter tại Mechanicsville. Nhưng tướng Lee lúc này cũng hiểu những khó khăn đang khiến tướng Johnston khó xử: “Những khó khăn của những cuộc xích mích thời chiến”. Mọi chuyện bắt đầu xấu đi



và khiến cho kế hoạch của tướng Lee phải bỏ dở. Sự kiện tồi tệ nhất là sự chậm trễ không thể hiểu nổi của tướng Jackson và tâm lý thờ ơ lan tràn khắp chiến dịch. Rõ ràng đây là hậu quả đáng buồn sau quá nhiều nỗ lực. Tướng Porter làm chậm lại các cuộc tấn công của ba quân đoàn Liên minh dưới sự chỉ huy của các tướng A. P. Hill, thiếu tuullg D. H. Hill và thiếu tướng James Longstreet. Khi biết sự có mặt của tướng Johnston, tướng Porter rút lui về Gaines' Mill. Tại đây vào ngày 27, tướng Lee tiếp tục cuộc tấn công của mình. Mặc dù bị đẩy lui khỏi vị trí cố thủ, tướng Porter vẫn có thể rút lui về phía Nam Chickahominy tới ga Savage Station. Ngày 29, tướng Lee một lần nữa lại tấn công nhưng không có kết quả.

Trong lúc đó, tướng McClellan cùng binh lính không có việc gì làm và sống nhàn hạ tại phía Nam Chickahominy. Bị lừa gạt bởi những cuộc thao diễn tài tình của quân Liên minh tại đây, tướng McClellan tiếp tục cường điệu sức mạnh của đối thủ và một mực tin cuộc tấn công lớn của quân Liên minh sẽ diễn ra tại bờ Nam của con sông này. Vào ngày 27, càng lúc càng lo sợ, ông này quyết định thay đổi căn cứ từ sông York tới bến tàu Harrison trên sông James. Từ nơi này quân của ông ta có thể sẽ được hỗ trợ bằng hải quân và ông lệnh cho toàn bộ quân đội của mình tiến theo hướng ấy. Đây là một cuộc rút lui, nếu không nói là cố tình quay lưng lại với chiến dịch tiến tới Richmond.

Nản lòng và tức tối vì Lincoln ngăn chặn quân đoàn của tướng McDowell, tướng McClellan đọc cho Stanton viết một bản báo cáo với những thông điệp không phục tùng ghê gớm được một viên tướng soạn thảo để gửi cho cấp trên của mình. Bản báo cáo có nội dung: "Tôi đã thua trận này bởi lực lượng do tôi chỉ huy quá nhỏ bé... Chính phủ đã không giữ nổi quân đội của mình... Nếu giờ đây có thể cứu được quân đội này, tôi đơn giản nói với ngài rằng tôi không hề nợ một lời cảm ơn nào với ngài hay bất cứ ai ở Washington. Ngài đã nỗ lực biến đội quân này thành vật hi sinh". May thay cho McClellan, sĩ quan dưới quyền ông đã xóa đi đoạn này trong bức điện tín.

Tướng Lee cảm nhận rằng tướng McClellan đang tiến về phía sông James và ông ra lệnh nỗ lực tấn công quân đội Liên bang một đòn chí tử trong lúc đang di chuyển. Nhưng quân Liên minh không thể tiến sâu vào đội quân bảo vệ của Liên bang trong trận Glendale (30 tháng 6). Tướng McClellan thành công trong việc gây dựng đội quân của mình ở một vị trí trọng yếu đối diện với đồi Malvern. Chiều ngày 01 tháng 7, tin rằng quân đội Liên bang tiếp tục thoái lui, tướng Lee tấn công đồi Malvern nhưng bị đánh bại trong một trận chiến đẫm máu. Đặc biệt nghiêm trọng là cuộc đọ súng với quân đoàn pháo binh hùng hậu của Liên bang. Ngày hôm sau tướng McClellan cũng rút lui về bến tàu Harrison và chiến dịch vịnh Virginia kết thúc.

Những kết quả cuối cùng của "Cuộc chiến kéo dài 7 ngày" là một chuỗi những lần đụng độ mang lại chiến thắng cho quân Liên bang. Đồng thời quân Liên minh chịu số thương vong lớn hơn quân Liên bang rất nhiều. Trên 20 ngàn so với ít hơn 16 ngàn. Nhưng lòng quả cảm của tướng Lee khiến kế hoạch phòng thủ của Liên bang phải bỏ dở. Robert E. Lee đã cứu được thủ đô của Liên minh miền Nam. Với những thành công này, nhất là sau những mất mát to lớn của Liên minh tại Shiloh và New Orleans,

Robert E. Lee đã lên dây cót tinh thần và nhuệ khí cho dân chúng miền Nam. Như vậy, “cuộc chiến kéo dài 7 ngày” chính là thắng lợi về mặt chiến lược của quân Liên minh nếu tính về nhiều mặt.

Cực kỳ thất vọng, Tổng thống Lincoln thăm tướng McClellan tại căn cứ của ông này nhằm nỗ lực tìm hiểu kế hoạch của ông ta và thôi thúc tướng McClellan hành động hiệu quả hơn. Thay vì đệ trình kế hoạch cụ thể, tướng McClellan trao cho Tổng thống một lá thư thuyết giáo ông về mục đích chính trị chính đáng của cuộc chiến khi tổng thống sắp ra về, thư thúc giục rằng: Xã hội và kinh tế miền Nam, đặc biệt là chế độ chiếm hữu nô lệ, nhất định không được động tới. Ông ta bảo: chỉ với cách ấy Tổng thống Lincoln mới có thể “cứu vớt được đất nước đáng thương của chúng ta”. Tướng McClellan và Tổng thống Lincoln đều đang bị những kẻ cực đoan tấn công dữ dội bởi những quan điểm quá rõ ràng này. Thêm vào đó, thất bại trên chiến trường của tướng McClellan đã gây ra một làn sóng bất mãn lan tràn khắp miền Bắc. Bản thân Tổng thống Lincoln cũng chán nản vô cùng. Nhưng ông quyết định không chịu để cảm xúc ấy làm mình ngã quy. Ngược lại, ông tuyên bố: “Tôi sẽ duy trì cuộc chiến này cho tới khi nào ta thành công; hoặc cho tới khi tôi gục chết; hoặc cho tới khi tôi bị chinh phạt; hoặc cho tới khi nhiệm kỳ Tổng thống của tôi hết hạn; hoặc cho tới khi hạ viện hoặc tổ quốc ruồng bỏ tôi”. Thêm vào đó, giờ đây ông đang chuẩn bị thực hiện những biện pháp mới với hi vọng chấm dứt tình trạng toàn quân đội đang lâm vào ngõ cụt.

Việc Lincoln làm là thống nhất những đội quân bị phân tán của Liên bang tại miền Bắc Virginia thành một đội quân duy nhất, đồng thời chỉ định tướng Pope, người trước đây vẫn cố thủ hòn đảo số 10, làm tổng chỉ huy. Tổng thống Lincoln cũng đưa tướng Halleck từ Washington vào vị trí tổng tư lệnh. Chẳng bao lâu sau, Tổng thống đã phải thất vọng khi tướng Halleck không thể định hướng và mang lại nguồn nhiệt huyết cho quân đội Liên bang. Nói cách khác, ông ta không thể làm tròn trọng trách của mình. Sau này người ta kể lại rằng Tổng thống Lincoln nhận xét về tướng Halleck là: ông ta chỉ hơn một “nhân viên hạng nhất” chút xíu mà thôi. Nhưng ông Halleck cũng gánh cho Tổng thống rất nhiều việc nhỏ nhặt liên quan tới hành chính. Cuối cùng Halleck cũng thành một nhân vật quan trọng giữ một vị trí khiêm tốn trong cỗ máy quân đội của Liên bang dù chưa thể ngồi vào ghế tổng chỉ huy.

Một mối vì những lần chậm trễ của tướng McClellan, Tổng thống Lincoln bắt đầu rút lui quân đội ra khỏi bán đảo Virginia vào đầu tháng 08 để hành quân kết hợp với quân đội của tướng Pope ở sông Rapidan. Như vậy ở đây thành lập một quân đoàn có 150 ngàn quân. Tướng Lee không khoanh tay đứng nhìn quân đội Liên bang kết hợp với nhau để chống 70 ngàn quân của ông. Trước khi nhận thức rõ ý định của kẻ thù, ông bắt đầu đưa đội quân của tướng Jackson lên phía Bắc bằng đường xe lửa để triển khai gần Gordonsville tạo một lá chắn chống lại tướng Pope. Tướng Jackson hi vọng sẽ gặp lại những thành công rực rỡ của ông trước đây bằng cách tấn công một đội quân bị cô lập của kẻ thù. Ngược lại, ngày 9 tháng 8 tướng Banks dẫn đầu đội quân của ông tấn công dữ dội vào quân của tướng Jackson ở núi Cedar, tạm thời phá

võ tuyến phòng thủ của quân Liên minh. Cuối cùng tướng Jackson quay đầu rút lui. Tướng Lee giờ đây hoàn toàn cảnh giác với mối đe dọa từ miền Bắc.

Ngày 13 tháng 6, khi tướng Lee biết lực lượng Liên bang tại bán đảo Virginia sẽ yếu đi, ông cảm nhận rằng tướng Pope sẽ được chi viện từ những cánh quân đến từ Virginia. Ngay lập tức ông cho quân chủ lực của mình hành quân kết hợp với quân của tướng Jackson, chỉ để lại một đội quân nhỏ canh chừng Richmond. Tướng Lee hi vọng sẽ vượt sông Rapidan về phía đông cánh quân tướng Pope và tấn công căn cứ của ông này tại ga xe lửa Brandy. Tuy nhiên tướng Pope ngăn chặn động thái này bằng cách rút lui về phía sau Rappahannock. Tướng Lee giờ đây đã biết cánh quân đang rút lui từ bán đảo Virginia của Liên bang sẽ tiến về đâu, nên tấn công tướng Pope trước khi họ đến được Rappahannock. Trong lúc quân đoàn của tướng Longstreet bận rộn với tướng Pope ở Rappahannock, tướng Jackson với một quân đoàn khác chiếm cứ vị trí này của Liên bang bằng cách hành quân về phía bắc, qua hẻm núi Thoroughfare Gap tại dãy núi Bull Run, sau đó đi về hướng đông để đánh vào căn cứ của tướng Pope tại ga xe lửa Manassas. Robert E. Lee và tướng Longstreet sẽ theo sau vào ngày kế tiếp. Hai lực lượng sẽ kết hợp ở đây với quân của tướng Jackson để mở một cuộc tấn công lớn vào kẻ địch đang hoang mang và phân tán.

Kế hoạch của tướng Lee cho thấy rõ lý thuyết chiến thuật của ông. Mấy ngày trước đó ông đã giải thích chiến thuật trong một thông điệp gửi cho tướng Jackson có nội dung: "... Để ông khỏi phải chiến đấu khó nhọc quá lâu,... tôi mạo muội gợi ý và để ông cân nhắc: đừng tấn công vào điểm mạnh của kẻ thù mà hãy đánh lạc hướng để chia rẽ chúng... sau đó lôi chúng ra khỏi vị trí trọng yếu của mình". Chiến thuật của tướng Lee tại chiến dịch Bull Run thứ hai là không chính thống nhưng vô cùng táo bạo. Bằng cách phân tán quân đội mình, ông tạm thời lâm vào thế sơ hở dễ dàng bị đánh bại với một kế hoạch mà ông bảo vệ bằng cách nói thật giản dị: "sự chênh lệch về quân số giữa các lực lượng chiến đấu là biểu hiện một rủi ro không thể tránh khỏi". Sau này ông đã khuếch đại lời phát biểu này: ông thích mạo hiểm trong hành động hơn là chịu thương vong khi thụ động, một lời tuyên bố có thể coi là cốt lõi của lý thuyết lãnh đạo quân đội của ông.

Hành quân suốt sáu mươi dặm sau hai ngày (25, 26 tháng 8), đội hình của tướng Jackson đánh chiếm, cướp phá và phóng hỏa sở chỉ huy trung đoàn của quân Liên bang tại Manassas. Khi tướng Pope nỗ lực chống lại, nó đã biến mất vào cánh rừng gần Groveton tại Warrenton Turnpike. Tới đây tướng Pope không thể tìm ra nó trong suốt một ngày dài. Vào ngày 28, Jackson đột ngột xuất hiện và tấn công một quân đoàn của Liên bang bị cô lập đang đi dọc theo đường quốc lộ tại khu vực này. Khi trời nhập nhoạng tối, ông rút lui vào một nhà ga bị bỏ hoang nằm ở phía tây đường quốc lộ. Suốt ngày hôm sau, quân Liên bang không thể tấn công vào vị trí của Jackson.

Vào lúc chiều muộn, tướng Pope ra lệnh cho Porter tấn công sườn phải quân Jackson. Ông Porter từ chối không làm theo mệnh lệnh ấy bởi quân trinh sát thông

tin về sự có mặt của quân đoàn tướng Longstreet đang di chuyển nhằm tấn công vào sườn trái đội quân của mình. Ngày 30 tháng 8, khi quân Liên bang tiếp tục tập trung nỗ lực tấn công quân Jackson, tướng Lee đã tổ chức một cuộc tấn công mạnh mẽ: quân đoàn tướng Longstreet đánh mạnh vào cánh quân bên sườn đang sơ hở của Liên bang (là quân đoàn của Porter) và đẩy lùi nó tới quả đồi Henry House. Cách đây một năm Jackson làm nên tên tuổi của mình: Stonewall Jackson. Đêm xuống, tướng Pope bắt đầu rút lui đưa quân đội đang vô cùng nản trí của mình hướng về phía Centreville.

Ngày hôm sau tướng Lee (hy vọng sẽ giáng một đòn chí tử vào kẻ thù vừa bị đánh bại) một lần nữa cử Jackson đến vòng cung phía bắc và tây đánh tan tác quân đoàn của Liên bang đang rút lui. Nhưng quân của Jackson quá mệt mỏi sau nỗ lực của ngày hôm trước nên ông ta đã bị chặn dừng bởi cánh quân phía sau của Liên bang. Hai bên giao chiến ác liệt tại Chantilly. Tướng Lee, được biết về đội quân hùng hậu của Liên bang sẽ đến tiếp viện từ Peninsula, nên hoãn cuộc tấn công của mình và bắt đầu có một chiến lược mới: tấn công sâu vào lãnh thổ miền Bắc.

Thất bại của Liên bang tại trận Bull Run thứ hai (hay theo người thuộc phe Liên minh gọi là Manassas) làm dấy lên một cuộc tranh cãi buộc tội lẫn nhau với những lời lẽ chua cay tại quân đội cũng như tại chính phủ. Cũng như mọi khi, con số thương vong là cực kỳ nặng nề: 16 ngàn quân Liên bang và hơn 9 ngàn quân Liên minh. Tướng McClellan đổ lỗi thất bại này là do trách nhiệm của tướng Pope. Tướng Pope đổ lỗi cho Porter, người bạn và cũng là người được McClellan bảo trợ. Ông ta đòi đưa Porter ra tòa án binh về tội sơ xuất cấu thả và không tuân lệnh chỉ huy. Ông đòi đuổi khỏi quân ngũ người lính chỉ huy quân đoàn đến từ vịnh Virginia, đòi ông này phải chịu trách nhiệm chính khi không thể đẩy lui cuộc tấn công của Liên minh ở Malvern Hill. Nhiều năm sau cuộc chiến, Porter đã được miễn tội và được khôi phục lon đại tá quân đội.

Một lần nữa, Tổng thống Lincoln lại tuyệt vọng. Có người cho rằng ông định treo cổ tự tử. Cưỡi ngựa trong vùng ngoại ô Washington, nơi ông thường tìm kiếm không khí yên tĩnh và cảm giác thanh thản, Tổng thống Lincoln nói: “hay là ta thôi tiếp tục chiến đấu nữa”. Nhưng ông không dừng cuộc chiến. Ngược lại, gạt đi những lời can gián chân thành của hầu hết thành viên trong nội các, đặc biệt là của ông Stanton và Chase, ông vẫn tiếp tục khôi phục tướng McClellan vào vị trí chỉ huy mọi cánh quân thuộc miền Bắc, lúc này đã lớn mạnh và thống nhất thành một đội quân Potomac hùng hậu.

Quyết định trên đã chuốc lấy rủi ro ghê gớm về mặt chính trị. Thêm vào với sự thất vọng chung của mọi người với tướng McClellan sau những thất bại tại chiến dịch bán đảo, như sử sách đã ghi, ông này bị những người cực đoan xem thường bởi chính quan điểm chính trị của ông ta. Bộ trưởng Bộ hải quân, tướng Welles cho rằng nếu lần này tướng McClellan lại thất bại: “... sự phẫn nộ và căm phẫn chống lại Lincoln và thể chế của ông ta sẽ rất to lớn không thể kìm chế được”. Tổng thống Lincoln chỉ trích quan điểm tự đắc và tính khí thất thường của tướng McClellan

trong việc trở nãi tiếp viện cho tướng Pope trước khi xảy ra trận đánh vừa rồi. Nhưng ông tin rằng: không có viên tướng chỉ huy nào có thể đưa một đội quân đang chán nản thất bại thảm hại trở về với đội hình chiến đấu có trật tự ngoài tướng McClellan.

Tổng thống giải thích: "... Dù bản thân không chiến đấu giỏi, nhưng ông ta sẽ rất xuất sắc trong việc khiến những người khác sẵn sàng chiến đấu".

Cuối hè, sau những chiến dịch huy hoàng của tướng Lee và cấp dưới ông ta, uy thế của Liên minh lên như điều gặp gió. Quân đội miền Nam tại Virginia, lúc này dường như là vô địch, đang ở thế tiến công. Đồng thời, dù những chiến thắng tại miền Tây của Liên bang đã xảy ra vào mùa xuân trước, nỗ lực của Liên bang ở miền Tây rõ ràng đang bế tắc. Để đến bến tàu Pittsburg Landing sớm hơn sau trận chiến ở đó, Halleck đã dành hơn một tháng hành quân và đào hào để đưa quân đội đến cách Corinth hai mươi dặm. Tuy nhiên ông ta phải cụt hứng vì quân Liên minh không còn ở đó khi ông ta đến nơi. Họ đã rút lui tới Tupelo, đóng quân tại nhà ga, nơi đường sắt giao nhau giữa Mobile và Ohio cách Corinth 40 dặm về phía Nam.

Tướng Halleck, thay vì duy trì lực lượng (bây giờ đã lên tới 100 ngàn quân) tập trung cho một chiến dịch quyết định dọc sông Mississippi để kết hợp với lực lượng quân Liên bang tại New Orleans, lại cử Buell tiến về phía Đông sáp nhập với đội quân Ohio nhằm chiếm Chattanooga và dàn quân đoàn Tennessee dọc theo phòng tuyến từ Corinth tới Memphis và trở lại Cairo. Ngày 11 tháng 06, khi Halleck được lệnh từ Washington về nhận chức tổng chỉ huy, tướng Grant ở lại chỉ huy đội quân Tennessee với tổng hành dinh ở Jackson Tennessee, trên đường sắt Mobile và Ohio cách Corinth 50 dặm về phía Bắc. Tướng Buell không còn dưới quyền chỉ huy của ông. Tướng Grant không nhanh chóng tập trung lực lượng nhằm gây áp lực lên quân Liên minh tại chiến trường trực tiếp.

Như vậy những chiến thắng của Liên minh tại phía Đông cộng với sự phân tán và sức ì của quân Liên bang tại miền Tây đã cho các lãnh đạo miền Nam một cơ hội phản công mang tính chiến lược với sức mạnh gấp ba lần vào mùa thu năm 1862. Tướng Lee sẽ đưa quân chiếm lấy Maryland để kiểm soát nhu yếu phẩm cho toán quân đang thiếu lương thực của ông. Nỗ lực đưa bang này trở về với Liên minh hòng giành được sự chú ý của ngoại quốc về cuộc chiến giành độc lập của Liên minh mà ông cho rằng đã đến lúc thời cơ chín muồi cho mục đích này. Tướng Braxton Bragg (giờ có đầy đủ quyền hành trong quân đội của Liên minh tại miền Tây) sẽ chiếm cứ Kentucky với những mục tiêu tương đồng được trù tính sẵn. Tướng Van Dorn, chỉ huy những lực lượng Liên minh còn lại ở Mississippi, sẽ nỗ lực chiếm cứ nhà ga quan trọng tại Corinth và tiến quân vào miền Tây Tennessee.

Chiến dịch Maryland được coi là một trong những nỗ lực lớn của Liên minh bởi nó tập hợp một lực lượng lớn nhất của quân Liên minh từ trước đến nay để tấn công tổng lực vào trung tâm đầu não của Liên bang. Với đội kỵ binh của Stuart che chắn cho cuộc hành quân, tướng Lee di chuyển rất nhanh về hướng Tây Bắc bao vây quân

đội Liên bang. Ngày 05 tháng 09, với ban nhạc rầm rộ chơi bản “Maryland ôi Maryland của tôi”, quân đội của tướng Lee bắt đầu băng qua sông Potomac gần thị trấn Frederick khoảng 40 dặm phía trên Washington. Ngay lập tức, ông Robert E. Lee kêu gọi dân chúng của bang này hãy giao lãnh thổ của họ về với Liên minh. Đồng thời ông gợi ý Tổng thống Davis rằng: ông sẽ thảo một văn bản hòa bình gửi tới chính phủ Liên bang, một động thái tướng Lee hy vọng sẽ tranh thủ được cảm tình của những người ủng hộ hòa bình ở miền Bắc.

Tướng Lee nhanh chóng phải thất vọng khi đối mặt với sự lãnh đạm của cư dân miền Tây Maryland. Đồng thời Tổng thống Davis coi một đề nghị hòa bình lúc này là chưa thích hợp. Như vậy, kết quả của chiến dịch như một gánh nặng đè trên đôi vai của tướng Lee và đoàn quân thiếu thốn của ông ta.

Tướng Lee dự định sẽ tấn công Harrisburg, thủ phủ Pennsylvania một trung tâm giao thông quan trọng nơi đường sắt Pennsylvania cắt ngang con sông Susquehanna. Ông muốn đỉnh núi South sẽ che chắn cho cuộc hành quân của ông. Đây là một dãy núi kéo dài từ Blue Ridge tới Harrisburg. Chiếm thành phố này sẽ có được con đường nối Washington với vùng bờ biển phía Đông và những bang miền Tây Bắc. Vùng đất nhiều nông trại màu mỡ nằm ở phía Tây Maryland và Pennsylvania này một khi rơi vào tay tướng Lee, ông sẽ tùy ý sử dụng. Đồng thời đây cũng là nơi ông có thể đe dọa những thành phố lớn nằm ở phía đông như Washington, Baltimore và Philadelphia.

Để bảo vệ cho con đường huyết mạch băng qua thung lũng Shenandoah tới căn cứ của ông tại Bắc Virginia, tướng Lee cần phải cố thủ Harpers Ferry ngay lối vào thung lũng. Ngày 09 tháng 09, ông cử Jackson đem 15 ngàn quân bao vây vị trí chiến lược này. Nơi đây có một đơn vị đồn trú với 10 ngàn quân canh giữ. Một khi đã chiếm được vị trí này rồi, tướng Jackson sẽ sáp nhập với quân chủ lực đang trên đường hành quân tới Pennsylvania. Tướng Lee sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Ông tin mình hiểu sự nhút nhát của đối thủ khi ông giải thích điều này với một cấp dưới đang tỏ ra lo lắng: “Trong khoảng ba đến bốn tuần nữa, quân đội của tướng McClellan sẽ không được chuẩn bị cho những chiến dịch tấn công (hoặc ông ta sẽ không nghĩ có những cuộc tấn công này.). Trước khoảng thời gian ấy, tôi hy vọng ta đã ở Susquehanna”.

Nếu bình thường, lời đánh giá của tướng Lee về thái độ của tướng McClellan như vậy là chính xác. Nhưng viên tướng chỉ huy quân Liên bang này (bị Tổng thống Lincoln thúc giục) giờ đây đã mạnh mẽ hơn rất nhiều. Ông ta đang cùng quân đội của mình cố thủ ở vị trí giữa tướng Lee và Washington. Ngày 13 tháng 09, đội quân Potomac đang đóng ở phía Bắc con sông này và tập trung quanh Frederick. Sau đó tại đây có một sự kiện minh họa tuyệt vời cho luận điểm của nhà triết học Clausewitz rằng: cơ hội và điều không chắc chắn là cặp bài trùng và là những nhân tố quan trọng trong thời chiến. Một người lính Liên bang tại trại đóng quân đã tìm thấy dưới đất một gói giấy nhỏ. Sau khi kiểm tra, tờ giấy gói ba điếu xì gà chính là một phiên bản mật lệnh chiến dịch của tướng Lee bị đánh rơi. Mật lệnh này nhanh chóng

đến tay tướng McClellan và khiến ông ta hiểu rõ tầm quan trọng của mật lệnh. Ông nói như reo lên: đây là mẩu giấy mà với nó nếu tôi không thể đánh cho “Bobby Lee” những đòn tui bụi, thì tôi sẽ sẵn lòng về quê đuổi gà”.

Biết rằng quân đội của tướng Lee đang bị chia nhỏ, với đội quân của Jackson vẫn còn ở phía Nam của sông Potomac, tướng McClellan đã có thể thấy một trận quyết định (hoặc đó cũng là kết quả nhiều học giả nghiên cứu chiến dịch này đã từng kết luận). Kế hoạch của ông là đưa lính qua những con đường nhỏ ở núi South (Turner’s Gap, Fox’s Gap, Crampton Gap), đóng quân giữa các cánh quân của quân đội Liên minh. Theo lời tướng McClellan: “chia nhỏ kẻ thù làm hai và đánh cho chúng không còn mảnh giáp”. Nhưng việc thực hiện kế hoạch này chậm trễ và không hoàn hảo. Mãi cho tới tận sáng hôm sau, 14 tháng 09, tướng McClellan mới đưa quân di chuyển. Phải tới trưa họ mới đến được những con đường trên hẻm núi South. Lúc đó, tướng Lee đã đoán được động thái của quân Liên bang và tập trung lực lượng vào những hẻm núi này. Tối khuya, sau khi giao chiến ác liệt, quân đội Liên bang đã làm chủ được những con đường băng qua ngọn núi lớn. Nhưng tướng Lee đã rút trở lại theo đường thủy về Virginia. Tướng McClellan bỏ mất cơ hội ngàn năm có một để giáng cho quân Liên minh một đòn chí tử.

Tướng Lee cho ông ta một cơ hội khác. Sau khi nhận được tin do tướng Jackson báo: quân phòng thủ Harpers Ferry đã đầu hàng có điều kiện, tướng Lee quyết định đóng quân ở Sharpsburg phía Bắc sông Potomac. Đồng thời ông ra lệnh cho Jackson đem quân về phối hợp với ông. Quyết định thật khó giải thích. (Người viết tiểu sử chính cho tướng Lee, ông Douglas Southall Freeman nêu ý kiến rằng: có thể tướng Lee cũng tin một chiến thắng chiến thuật ở đây sẽ giúp ông tiếp tục kế hoạch cho chiến dịch lúc đầu).

Tướng Lee không rút lui vì sợ rủi ro. Và đây là một trong những quyết định táo bạo nhất của ông. Lúc đó, ông chỉ có chưa đầy 20 ngàn quân tại Sharpsburg. Tướng McClellan có số quân gấp đôi và đang ở gần tướng Lee hơn tướng Jackson. Ông có khả năng đánh tan đội quân của tướng Lee trước khi Jackson đưa quân tới. Một lần nữa, tướng McClellan lại tiến quân với sự thận trọng và chậm chạp, dù quân của ông đang ở thế mạnh. Chiều ngày 16, ông ta vẫn không chịu tấn công mà chờ đến sáng hôm sau. Do đó tướng Jackson đã đến được chiến trường này cùng với một phần quân số của mình sau khi hành quân 12 dặm từ Harpers Ferry suốt đêm hôm trước. Cơ hội lớn thứ hai của tướng McClellan cũng đã tuột khỏi tay.

Thậm chí đến lúc này, theo lý thuyết, đội quân Potomac vẫn có thể tiêu diệt kẻ thù. Tướng Lee chỉ có ít hơn 30 ngàn quân ngoài trận tuyến bởi lẽ họ đã phải hành quân trong đội hình lộn xộn với chân đất đồng thời mang theo cả những người lính bị thương trong suốt hành trình dài trên những con đường gập ghềnh của Maryland. Lúc này họ cũng chỉ có hơn 40 ngàn quân dù đã được chi viện từ Harpers Ferry. Toàn bộ lực lượng của tướng McClellan đông gấp đôi quân số ấy. Phía sau tướng Lee là dòng sông Potomac. Nếu thua ở đây cũng có nghĩa toàn bộ quân của ông sẽ bị hủy diệt.

Tướng McClellan đã không thể ra đòn quyết định. Kế hoạch chiến thuật của ông ta đòi hỏi nỗ lực chính của ba quân đoàn: quân đoàn của lữ đoàn trưởng Joseph Hooker, thiếu tướng Edwin V. Sumner và lữ đoàn trưởng Joseph K. F. Mansfield để chống lại cánh quân bên sườn phải của tướng Lee, tách nó khỏi con sông trong lúc những quân đoàn khác của ông Burnside sẽ tiêu diệt lực lượng còn lại quân Liên minh bằng cách tấn công vào sườn phải khi cánh quân này tập trung ở Antietam Creek, một phụ lưu của sông Potomac. Tướng McClellan lên kế hoạch tại thời điểm quyết định sẽ sử dụng đến quân dự bị để đánh một đòn chí tử vào giữa phòng tuyến của kẻ thù.

Đòn chí tử ấy không bao giờ được thực hiện. Khi bình minh ló dạng, quân Liên bang miền Bắc tấn công ào ạt vào sườn trái của quân Liên minh. Lúc này cánh quân Liên minh ấy do tướng Jackson chỉ huy. Người miền Nam không có công sự đắp bằng đất nhưng lại núp sau những tảng đá và hàng rào và bất cứ vật che chắn nào mà địa hình ban cho họ. Việc phối hợp giữa ba cánh quân Liên bang rất uể oải mặc dù tướng Hooker đôi khi chọc thủng phòng tuyến của Jackson tại nhà thờ Dunker gần đường cao tốc Hagerstown Turnpike. Tướng Lee đã lấp lỗ hổng bằng cách đưa quân đội từ quân đoàn của tướng Longstreet bên cánh phải sang tiếp ứng.

Ở điểm cuối cùng của cánh quân bên phải quân đội Liên minh, quân đoàn Liên bang của tướng Burnside đã tấn công vào lúc xế chiều. Sau nhiều lần tấn công liên tiếp, cánh quân này đã có thể chiếm cứ cầu Stone (sau này được gọi là cầu Burnside) bắc ngang qua con sông nhỏ Antietam và miền đất cao nguyên phía ngoài. Nhưng rồi cuối ngày, lữ đoàn của tướng A. P. Hill lại đẩy lui cánh quân này. Cuối cùng đội quân của tướng Jackson cũng đã tới. Toán quân này mặc áo khoác màu xanh dương đoạt được của kẻ thù sau cuộc hành quân mệt mỏi. Trận chiến Antietam (người Liên minh gọi là Sharpsburg) đã khép lại lúc chập choạng tối. Nó ghi dấu một ngày đẫm máu nhất trong lịch sử của cuộc nội chiến: 13 ngàn lính Liên bang phải thiệt mạng; 10 ngàn lính Liên minh cùng chịu chung số phận.

Nỗ lực của Liên bang là tiến gần hơn với thành công dù chậm. Hầu hết những trận chiến của đội quân miền Bắc Virginia đều gần như thành công trong đường tơ kẽ tóc. Việc tướng Hill đến vào giây phút cuối cùng đã làm nên kì tích cho người miền Nam. Những lời của tướng Lee nói mê man trên giường bệnh sau khi chiến tranh kết thúc 5 năm: “Nói với ông Hill, ông ấy phải đến ngay”. Rõ ràng là một lời nói từ tiềm thức khi ông đang hình dung lại cảnh chiến trường ác liệt đầy tuyệt vọng của trận Antietam. Trong đêm đó và ngày hôm sau, hai đạo quân đối mặt với nhau ở chiến tuyến. Con số thương vong đã lên quá cao và họ quá mệt mỏi để có thể chiến đấu. Với số quân còn lại ở phía Bắc sông Potomac, tướng Lee một lần nữa cho mọi người thấy những táo bạo đến quyết liệt của ông. Lúc này mọi nguồn lực của ông gần như đã cạn kiệt. Tướng McClellan không thể tiếp tục tấn công. Nếu lúc ấy ông ta lao tới kẻ địch với toàn bộ quân số có trong tay, có thể ông ta đã đè bẹp đội quân của Liên minh đang yếu sức khi ấy.



Suốt Chiến dịch, tướng McClellan quá thận trọng, ông ta đã đánh giá quá cao sức mạnh của quân Liên minh và nhất định không chịu mạo hiểm để hành động. Sai lầm chiến thuật lớn nhất của ông ta trong trận đánh ấy là đã rút 20 ngàn quân từ cánh quân của tướng Fitz John Porter và thiếu tướng William B. Franklin, cùng đội kỵ binh dưới quyền lữ đoàn trưởng Alfred Pleasonton. Đây là hành động e ngại bởi một cuộc phản công của quân dự bị Liên minh, một đội quân chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông McClellan. Như vậy ông đã không thực hiện nguyên tắc trong chiến thuật quân sự là “tiết kiệm lực lượng”, đồng thời ông không triển khai mọi cánh quân có sẵn trong tay. Vào đêm ngày 18 tháng 09 quân Liên minh lại vượt sông Potomac ở Virginia bỏ lại tướng McClellan đang lớn tiếng tuyên bố chính thức về một chiến thắng đã cứu được Liên bang. Nó chỉ làm Tổng thống Lincoln thêm phần nộ khi tướng McClellan đã để cho quân đội của tướng Lee đào thoát.

Trận chiến Antietam là một nỗ lực chiến thuật, mặc dù người Liên minh coi đó là một chiến thắng bởi vì cuộc tấn công của quân Liên bang bị đẩy lùi. Thế nhưng, dù Tổng thống Lincoln không vui, toàn bộ chiến dịch vẫn là một chiến thắng chiến lược quan trọng đối với Liên bang bởi vì tướng Lee đã không thể thực hiện mục tiêu tiến sâu vào lãnh địa miền Bắc. Hơn thế nữa, hai thành quả quan trọng nhưng không thuộc lãnh vực quân sự (sau này sẽ được giải thích kỹ càng hơn) đã đến từ thất bại của quân Liên minh: chính phủ Anh quốc (sau khi đã suy nghĩ kỹ càng có nên chấp nhận một cách chính thức nền độc lập của Liên minh hay không) bây giờ quyết định chờ thêm một thời gian nữa. Tổng thống Lincoln, người đã dự định công bố mục tiêu giải phóng nô lệ nhưng cho rằng phải tuyên bố mục tiêu này trong ánh hào quang của một thắng lợi lớn, giờ đây ông đã có thời cơ để làm việc ấy.

Trong lúc chiến dịch của tướng Lee ở Virginia và Maryland trong suốt mùa hè đang diễn ra. Tướng Bragg cũng thực hiện chiến dịch của mình chống lại lực lượng quân Liên bang ở miền Tây. Đối thủ chính của ông là tướng Buell (quân đội của ông này ở Bắc Alabama đang đi về phía Đông để chiếm cứ một mục tiêu đã được nhắm sẵn: Chattanooga) với những quân đoàn tinh nhuệ đang trong vòng hai mươi dặm phía ngoài thành phố. Với bản chất thận trọng và thiếu quả quyết (về điều này giống như tướng McClellan), tướng Buell bị tấn công dữ dội bởi đơn vị kỵ binh của Liên minh chiến đấu rất dũng cảm và không chùn bước ở Tennessee và Kentucky. Đội kỵ binh này dưới sự chỉ huy của đại tá John Hunt Morgan và lữ đoàn trưởng, tướng Nathan Bedford Forrest. Sự chậm chạp của tướng Buell và sự thất bại của tướng Halleck Grant gây áp lực lên tướng Bragg cho phép ông thực hiện một trong những lợi thế chiến thuật vô cùng lớn lao của đường sắt. Bằng cách di chuyển theo đường sắt, quân Liên minh đã bao vây quân đội Liên bang theo hình vòng cung. Họ điều 30 ngàn lính từ Tupelo, Mississippi vòng Mobile và Atlanta để tới Chattanooga. Quãng đường này dài 776 dặm.

Lúc đầu tướng Bragg định chặn ngang con đường huyết mạch của tướng Buell bằng cách tiến từ Chattanooga để bao vây Nashville. Đến Chattanooga vào cuối tháng 07 gặp thiếu tướng Edmund Kirby Smith, vị tư lệnh quân Liên minh ở phía Đông

Tennessee, tướng Bragg tin mình sẽ thuyết phục được tướng Kirby Smith kết hợp với ông trong chiến dịch này. Nhưng tướng Kirby Smith đã có kế hoạch khác. Chịu ảnh hưởng của Morgan, người xuất thân ở Lexington Kentucky, tướng Kirby Smith tin rằng Kentucky đang trong tầm tay với của quân Liên minh. Ngày 15 tháng 08, theo sau đội kỵ binh của Morgan, tướng Kirby Smith đưa quân đội của ông gồm 20 ngàn người không tới với Bragg để kết hợp lực lượng, mà tiến thẳng về phía Đông Kentucky. Lexington là mục tiêu trước mắt của ông ta. Đánh bại một lực lượng nhỏ của Liên bang tại Richmond cách Lexington 30 dặm về phía nam, ông ta đã chiếm được Lexington vào ngày 02 tháng 09.

Dù tướng Bragg mang lon cao hơn tướng Kirby Smith, giờ đây ông ta thấy mình cần phải đổi kế hoạch và đặt mục tiêu phải chiếm cho được Kentucky. Cho quân đội hành quân từ Chattanooga, băng qua miền cao nguyên Cumberland ở trung tâm bang Tennessee, ngày 14 tháng 09 tướng Bragg đã đến Glasgow, Kentucky. Nơi đây ông chính thức mời, không chỉ bang Kentucky mà toàn bộ vùng Tây Bắc gia nhập Liên minh. Cũng như lời mời của tướng Lee ở Maryland trước đây, không ai hưởng ứng lời tướng Bragg. Ngày kế tiếp, tướng Bragg đến Munfordsville. Tại đây, quân của ông đụng độ với quân đội Liên bang. Cánh quân này khoảng 4 ngàn người dưới sự chỉ huy của đại tá John T. Wilder. Một tình tiết hy hữu, Wilder được phép vào thăm phòng tuyến của quân Liên minh và khi thấy rằng chống cự chỉ vô ích, nên ông đã đầu hàng trong danh dự.

Tướng Bragg nói Louisville và có thể cả Cincinnati là mục tiêu của ông ta. Mặc dù bộ tham mưu thời chiến của Liên bang liên tục giục già quân đội phải bảo vệ thành phố này, quân Liên minh có thể phải chiếm St. Louis nếu như họ hành quân thẳng tới đó từ Munfordsville. Tướng Buell cũng đang tiến về phía Nashville để khiêu chiến với họ. Nhưng tướng Bragg đang ở giữa tướng Buell và Louisville. Đồng thời tướng Kirby Smith lại ở gần Louisville hơn tướng Buell. Thế nên tướng Bragg giờ đây đã quay sang đông Lexington hy vọng sẽ có thể kết hợp với cánh quân của tướng Kirby Smith đồng thời phân tán các quân đoàn của ông này khắp vùng nông thôn rộng lớn để cướp phá và tuyển mộ thêm lính tráng. Trên con đường tới Louisville giờ đây đang rộng mở, tướng Buell lập tức hành quân tới đó.

Tổng thống Lincoln mất tinh thần khi không đuổi kịp kẻ thù và khiêu chiến với quân đội của Liên minh tại Kentucky. Ông ra lệnh thay tướng Buell bằng tướng George H. Thomas, nhưng sau đó lại đổi ý định khi Thomas phản đối lệnh chuyển này.

Tướng Bragg không sẵn sàng cho một trận chiến đấu lớn. Mặc dù toàn bộ sức mạnh của quân Liên minh tại Kentucky giờ đã bằng với sức mạnh của quân Liên bang, quân Liên minh vẫn bị phân tán quá mỏng. nỗ lực tuyển mộ thêm lính không thành. Nhiều người Kentucky ủng hộ Liên minh nhưng lại thận trọng không dám mạo hiểm công khai ủng hộ. Tướng Kirby Smith giải thích hoàn cảnh này một cách ngắn gọn và cay đắng: “Rõ ràng trái tim của họ hướng về với chúng tôi. Nhưng cái ăn cái mặc của họ chống lại chúng tôi”. Một nguyên nhân giải thích cho việc thiếu tập

trung binh lực của quân Liên minh chính là sự vi phạm nguyên tắc quân sự quan trọng của việc ra mệnh lệnh một cách thống nhất. Tướng Kirby Smith độc lập ra lệnh cho lính dưới quyền. Tổng thống Davis bác bỏ lời đề nghị của tướng Bragg rằng: chính ông mới có quyền ra lệnh trong cuộc viễn chinh lần này. Tướng Kirby Smith (tin tưởng một cách sai lầm rằng Lexington đang bị đe dọa bởi một đội quân Liên bang đến từ Cincinnati) cố thủ tại Lexington và chống lại nỗ lực của tướng Bragg trong việc kết hợp hai đội quân thành một.

Tướng Bragg nỗ lực giải quyết những rắc rối này bằng nhiều biện pháp quân sự và chính trị. Trước tiên, ông tìm cách thành lập chính phủ Liên minh lưu vong của Kentucky. Qua đó ông hy vọng sẽ áp dụng luật của Liên minh, đặc biệt là luật Cưỡng bách tòng quân. Thứ hai, vì không thể ra lệnh cho Kirby Smith, tướng Bragg cố tìm cách thương lượng để hai cánh quân cùng phối hợp trong trận đánh sắp tới. Luôn nghĩ tướng Buell sẽ đến Frankfort, thủ phủ của bang Kentucky, tướng Bragg và Kirby Smith gặp nhau ngày 11 tháng 10 tại Lexington, đồng thuận cùng kéo quân đánh quân đội Liên bang trước khi đội quân này đến được đích. Cùng gặp gỡ với hai viên tướng này là ông Richard Hawes, người kế vị cho nhân vật đưa ra yêu sách của Liên minh là George W. Johnson. Ông này đã chết tại Shiloh.

Ngày 04 tháng 10, được che chở và ủng hộ bởi quân đội Liên minh, đồng thời với sự có mặt của tướng Bragg và Kirby Smith, ông Hawes đã tổ chức lễ nhậm chức thống đốc tại Frankfort. Nhưng lúc này diện mạo quân sự đã thay đổi đáng kể. Mục tiêu của tướng Buell không phải Frankfort. Bị Tổng thống Lincoln thúc giục, mục tiêu của tướng Buell chính là quân đội của Bragg lúc này vẫn đang tản mát và cả quân đội của tướng Kirby Smith đang ở Frankfort. Quân đội của Bragg rải rác từ Bardstown tới Danville, cách Frankfort 40 dặm về phía Nam. Tướng Buell nỗ lực tập trung mọi cánh quân của Liên bang tại Harrodsburg, cách Frankfort 30 dặm về phía nam. Trước khi ông ta làm được như vậy, các cánh quân của quân đội đối phương đã họp lại ở Perryville cách địa điểm tập trung quân mười dặm về hướng Tây Nam. Dù không có viên tư lệnh nào lên kế hoạch cho một trận chiến ở đây, nhưng trong tình thế cấp bách, cả hai cánh quân của Bragg và Kirby Smith đều phải vội vã chiến đấu.

Trận chiến Perryville (ngày 08 tháng 10 năm 1862) là một trận chiến cỡ vừa về quân số. Nhưng hậu quả cuối cùng của nó lại rất khốc liệt. Chỉ khoảng 1/3 quân đội của tướng Bragg, khoảng 15 ngàn quân thuộc hai quân đoàn của Leonidas Polk và William Hardee, là có mặt ở Perryville. Khoảng 2/3 lực lượng của tướng Buell (hơn gấp đôi sức mạnh về người của Liên minh) có mặt tại đây. Tuy nhiên, dưới sự chỉ huy của một mình tướng Bragg, quân Liên minh đã tấn công vào bên trái quân Liên bang. Lúc đầu họ thành công, nhưng cuối cùng cuộc tấn công đã bị đẩy lui mặc dù chỉ có một nửa số quân của tướng Buell trực tiếp chiến đấu. Bởi điều kiện khí hậu làm tiếng súng nghe không rõ, tướng Buell và phần còn lại của đám quân dưới quyền rõ ràng không biết trận chiến đang xảy ra rất ác liệt cách đó không xa. Sau một ngày chiến đấu ác liệt, khoảng 3700 lính Liên bang thiệt mạng. Hơn 3 ngàn lính Liên minh tử trận. Nhưng hai phòng tuyến còn nguyên vẹn. Trong đêm đó, trước khi tướng

Buell kịp phục hồi sức chiến đấu, tướng Bragg đã đưa quân Liên minh rút lui tới Harrodsburg.

Mọi cánh quân của Liên minh bây giờ đã xích lại gần nhau đủ để tấn công với lực lượng tập trung. Họ đã có đầy đủ sức mạnh để khiêu chiến với quân Liên bang mặc dù quân số của họ ít hơn. Nhưng tướng Bragg chán nản vì số lính tuyển mộ được quá ít và những thông tin về thất bại của Liên minh tại Mississippi, đồng thời được các tướng chỉ huy quân đoàn là Polk và Hardee khuyến khích nên quyết định bỏ ngõ Kentucky. Khi quân Liên minh rút vào hẻm núi Cumberland để trở về Tennessee, tướng Bragg tới thủ phủ của quân Liên minh để đích thân thuyết trình về chiến dịch này. Dù biết những sĩ quan chỉ huy quân đoàn của tướng Bragg rất quan trọng trong mưu đồ đã được sắp đặt từ trước của ông ta ở Kentucky, Tổng thống Davis chấp nhận lời thuyết trình của tướng Bragg và vẫn để ông chỉ huy quân đội. Khi quân Liên minh lui về Đông Tennessee, quân Liên bang cũng lui về miền trung Tennessee và gặp nhau tại Nashville. Tướng Bragg tái kết hợp với quân đội của ông ta ở Knoxville.

Theo nhiều cách, chiến dịch Kentucky kết thúc rất giống với chiến dịch Maryland của tướng Lee. Có đôi khi cuộc hành quân của Liên minh về Kentucky đã ảnh hưởng tới sức mạnh của Liên bang tại khu vực phía tây và khôi phục thể cân bằng quân sự ở đây. Perryville giống như Antietam, được người Liên minh coi là một chiến thắng chiến thuật trong đường tơ kẽ tóc của miền Nam. Nhưng xét về mặt tổng thể, chiến dịch lại là một thắng lợi về mặt chiến thuật đối với Liên bang bởi vì nó không để mất Kentucky vào tay Liên minh.

Quân đội của tướng Lee hồi phục tại miền Bắc Virginia sau trận thử thách Antietam. Quân đội tướng Bragg cùng kéo về Harrodsburg từ Perryville. Quân Liên minh tại Bắc Mississippi dưới sự chỉ huy của tướng Van Dorn thực hiện chiến dịch thứ ba trong đợt phản công của người miền Nam: nỗ lực giành lại Corinth. Tướng Grant đoán trước và hết sức ngăn chặn bước tiến của quân Liên minh bằng cách ra lệnh tấn công một cánh quân của quân liên minh dưới sự chỉ huy của tướng Sterling Price đang đóng đô ở Iuka, một thị trấn nằm trên đường xe lửa Memphis và Charleston cách Corinth hai mươi dặm về phía đông. Hai lực lượng quân Liên bang cùng đổ về hiệp lực dưới sự chỉ huy của tướng William S. Rosecrans, người thay thế tướng Pope khi viên tướng này được lệnh đến Virginia. Cánh quân còn lại dưới sự chỉ huy của tướng Edward Ord. Tướng Price trốn thoát sau cuộc tấn công của Rosecrans ngày 19 tháng 09, trước khi quân đội Liên bang gặp nhau. Tướng Price lẩn trốn vào ban đêm và đưa quân đội mình đến Nam Corinth để gia nhập với đội quân của tướng Van Dorn cách thị trấn này hai mươi dặm về phía tây, đưa lực lượng quân Liên minh lên tới con số 22 ngàn quân.

Ngày 03 tháng 10, tướng Van Dorn tấn công quân đội ẩn núp dưới đường hào của Rosecrans với tổng số quân bằng với trận chiến Corinth. Sau khi tiến sâu vào vòng tuyến vòng ngoài của quân Liên bang nằm ở phía tây của thị trấn, quân Liên minh dừng lại bởi hàng rào phòng thủ thứ hai. Tướng Van Dorn tập hợp chính đồn lại quân đội và tiếp tục cuộc chiến cho tới sáng hôm sau. Những cuộc tấn công bị

đánh bại với số thương vong nhiều vô kể, đặc biệt là ở Battery Robinett, một vị trí quan trọng của quân Liên bang, quân Liên minh cuối cùng tới được Holly Springs cách Corinth khoảng năm mươi dặm về phía Tây Nam. Địa điểm này cũng cách Memphis chừng ấy dặm về phía Đông Nam. Số thương vong của quân Liên bang tại Corinth là 2520 người; Liên minh 3433 người. Như vậy nỗ lực của Liên minh chiếm lại ga đầu mối quan trọng và tấn công miền Tây Tennessee đã kết thúc với thất bại kể cả về mặt chiến lược, chiến thuật.

Cùng với ba thất bại liên tục của quân Liên minh, mùa thu năm 1862 là một khúc ngoặt quan trọng của cuộc chiến. Không bao giờ miền Nam còn có thể cùng phối hợp thực hiện một loạt chiến dịch dài ngày như vậy nữa.

Cuối tháng 10, Tổng thống Lincoln thay thế Buell bằng Rosecrans, người chiến thắng trận Corinth. Chưa đầy hai tuần sau, Tổng thống lại cách chức McClellan và thay ông ta bằng Burnside. Cả McClellan và Buell không ai còn giữ vị trí chỉ huy. Ông Rosecrans ở Nashville quá lâu để thu thập quân trang quân dụng đến nỗi Tổng thống Lincoln đành phải bỏ ông ta. Tướng Burnside ngay lập tức đưa đội quân Potomac về Fredericksburg bên bờ sông Rappahannock.

## 5. Chính phủ Liên bang, bộ máy hành chính và tiến trình giải phóng nô lệ

Khi mới nhậm chức, ấn tượng đầu tiên của dân chúng Mỹ đối với Tổng thống Lincoln chẳng có gì hứa hẹn. Đối với nhiều người miền Đông, Tổng thống là kẻ què mùa cục mịch, một chính trị gia miền Tây chỉ biết tới đồng cỏ và gia súc. Lời nói cùng cử chỉ đều thô lỗ vụng về. Người ta vẽ tranh biếm họa ông như một kẻ thô kệch cao lênh khênh chỉ được lòng đám dân lao động với những nhận xét và giai thoại cay nghiệt. Nhiều người lo sợ rằng ông sẽ thiếu kinh nghiệm điều hành đất nước và họ ra tay ngăn trở ông trên con đường vào Nhà trắng. Ông dường như không đủ phẩm chất là một lãnh đạo thời chiến. Kinh nghiệm quân sự duy nhất của ông là đã từng làm chỉ huy một đơn vị của Illinois trong chiến tranh Black Hawk Indian War đầu thập niên 1830. Ông khôi hài kể lại kinh nghiệm này với câu chuyện đã ra lệnh tấn công trên một cánh đồng đầy cây hành dại. Người ta truyền nhau câu chuyện về cách làm của ông khiến quân dưới quyền đi qua một chiếc cổng của một hàng rào nọ. Không thể để quân đi theo đội hình quy củ, ông dừng họ lại ra lệnh cho họ giải tán rồi sau đó lại lệnh cho họ vào hàng ngũ chỉnh tề khi đã qua bên kia hàng rào. Chỉ là một câu chuyện nhỏ, nhưng lại là một giải pháp rất thực dụng cho rắc rối. Nó cho ta hình dung phong cách lãnh đạo thời chiến hiệu quả thực dụng sau này của ông.

Nhiều người đồng tình với quan điểm ban đầu của bộ trưởng bộ nội vụ Seward rằng: Lincoln chỉ là bù nhìn. Sherman mới là thế lực thực sự điều khiển cả ngai vàng. Có lẽ sự thiếu quyết đoán của Tổng thống Lincoln trong những tuần đầu tiên của cuộc khủng hoảng pháo đài Sumter khiến cho những người chỉ trích ông có cơ sở và làm cho số người hỗ trợ ông (nếu có) càng ít đi. Ông Seward không phải là người duy nhất có tính quyết đoán trong nội các của Lincoln. Đối thủ của Seward cả về tham vọng lẫn khả năng chính là bộ trưởng bộ tài chính Salmon P. Chase người Ohio. Cũng giống Seward, ông ta cũng thêm khát chiếc ghế Tổng thống.

Tổng thống Lincoln nhanh chóng cho thấy rằng: ông là một Tổng thống cả về danh nghĩa lẫn bản chất. Những quyết định và hành động của ông trong cao trào của tấn kịch pháo đài Sumter, đã chứng minh rằng: ông, không phải bất cứ cao nhân nào trong nội các, làm chủ tình thế lúc bấy giờ. Phản ứng của ông với lần tấn công của quân Liên minh ấy đã cho dân chúng thấy sự tự tin và quyết đoán của ông. Bằng cách hoãn phiên họp đặc biệt của hạ viện cho tới ngày 04 tháng 07, Lincoln đã cho mình đủ thời gian (gần ba tháng) để đối mặt với cơn khủng hoảng (vừa là Tổng thống vừa là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang) mà không phải đối thoại trực diện với bất cứ nhà làm luật nào.

Những biện pháp của ông trong thời gian này phản ánh một sự thật có sức thuyết phục là: Tổng thống nắm giữ quyền tùy cơ ứng biến để giải quyết mọi trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra. Biện pháp này cũng cho thấy: ông có đủ sức mạnh ý chí để thực hiện quyền lực này. Cộng với lời tổng động viên và thiết lập tình trạng phong tỏa, ông đã làm tăng quân số của quân đội thường trực, ra lệnh cho bộ trưởng bộ tài

chính Chase dùng quỹ của Liên bang chi trả cho các mục tiêu quân sự và ra lệnh đình chỉ có thời hạn lệnh đình quyền giam giữ.

Thông điệp ông gửi tới hạ viện trong một buổi họp là giải thích “dù có bất tuân theo luật pháp hay không”, những hành động này đều phù hợp với đòi hỏi và phù hợp với ước nguyện của dân chúng. Đồng thời ông tin tưởng rằng hạ viện đã sẵn sàng chuẩn y hành động của ông. Coi như mọi chuyện đã rồi, và bởi vì hầu hết các thành viên của hạ viện không nghi ngờ gì về những hành động của ông, hạ viện chuẩn y. Cuối cùng, sau chiến tranh, tối cao pháp viện phê chuẩn những hành động này. Tổng thống Lincoln cũng cho thấy một tư tưởng rất thoáng rằng: việc vi phạm nhiều điều khoản của hiến pháp đôi khi là cần thiết để có thể cứu được toàn cục. Có lần ông giải thích điểm này như sau: “Có đôi khi ta phải cưa chân hoặc tháo khớp để cứu một mạng sống. Nhưng không bao giờ là khôn ngoan khi hy sinh mạng sống để cứu lấy một cánh tay, cẳng chân”.

Nhất thời đã có lúc Tổng thống Lincoln cùng đa số dân biểu đồng tình về mục tiêu duy nhất của cuộc chiến: bảo toàn Liên bang. Tháng 07, sau thất bại của quân đội Liên bang tại Bull Run, hạ viện ban hành một giải pháp rõ ràng cho hậu quả này, bao gồm cả việc tuyên bố rằng quyền của nhiều bang (nói cách khác là quyền sở hữu nô lệ) cũng phải được bảo toàn. Không còn cách nào khác, mục tiêu của chiến tranh sẽ tăng thêm một khi chiến sự ác liệt ngày càng leo thang, chiến tranh lan rộng và không biết khi nào mới kết thúc. Ngay từ đầu, những dân biểu thuộc đảng Cộng hòa cực đoan tin giải phóng nô lệ nhất định phải được kết hợp với bảo toàn Liên bang trong mục đích của chiến tranh. Dẫn đầu bởi hạ nghị sĩ Thaddeus Stevens đại diện cho bang Pennsylvania, thượng nghị sĩ Charles Sumner đại diện cho bang Massachusetts, hạ nghị sĩ George W. Julian đại diện bang Indiana, cùng với hai thượng nghị sĩ Benjamin F. Wade của bang Ohio và Zachariah Chandler của bang Michigan, nhóm này đã không mệt mỏi theo đuổi mục tiêu của mình.

Những nhân vật cực đoan cũng kiên quyết theo đuổi chiến tranh của Liên bang. Họ có thể chi phối ủy ban đặc biệt của hạ viện với mục đích chỉ đạo chiến tranh. Nhờ chức năng của mình, ủy ban đã gian lận trong các hợp đồng và các vụ mua bán phục vụ quân đội, đồng thời hoạt động không hiệu quả trong các chiến dịch chiến lược cũng như chiến thuật. Về nhiều mặt, ủy ban này bắt chước các hoạt động của các cao ủy trong quân đội cách mạng Pháp, nỗ lực ca ngợi cho các tướng thuộc đảng Cộng hòa theo đuổi đường lối cực đoan, chỉ trích và quấy rối những tướng thuộc đảng Dân chủ tin vào mục tiêu duy nhất của chiến tranh.

Tướng McClellan và nhiều sĩ quan khác dưới quyền ông ta là mục tiêu chính của ủy ban này. Sau khi quân Liên bang thất bại tại Ball’Bluff, ủy ban đã tìm được một người giơ đầu chịu phỉ báng là tướng Charles P. Stone và liên tục quấy nhiễu, đòi ông ta phải từ chức. Quan điểm và hành vi của ủy ban tạo căng thẳng giữa những người cực đoan, cả những người chủ trương ôn hòa thuộc đảng Cộng hòa lẫn những người theo đảng Dân chủ tại hạ viện, đồng thời gây căng thẳng giữa phe cực đoan và Tổng thống. Mỗi liên quan chính giữa những kẻ cực đoan trong hạ viện và chính quyền

Lincoln chính là Bộ trưởng Bộ tài chính Chase và Bộ trưởng Bộ chiến tranh Stanton. Tháng 01 năm 1862 ông Stanton thay thế ông Simon Cameron sau khi ông này có những biểu lộ tham nhũng và bất tài trên cương vị của mình. Ông Stanton hỗ trợ mạnh mẽ trong việc ngược đãi tướng Stone và trong việc chỉ trích tướng McClellan không đủ khả năng trên cương vị một vị tướng mặc dù hầu hết những học giả nghiên cứu về cuộc chiến này đều cho rằng chính tướng McClellan đã mang tới ngày tàn cho mình.

Phe cực đoan lập luận rằng: tham chiến với nguyên nhân là chế độ sở hữu nô lệ thật phi lí, nếu không lấy bãi bỏ chế độ nô lệ là mục tiêu của cuộc chiến. Cụ thể hơn, họ chỉ ra rằng: người Liên minh sử dụng nô lệ với số lượng lớn để hỗ trợ cho cuộc chiến của họ. Như vậy, giải phóng nô lệ là một biện pháp thời chiến hợp pháp của Liên bang. Những lý lẽ như vậy đã có tác dụng. Tháng 08 năm 1861, Hạ viện thông qua một điều luật kém hiệu quả là chiếm lấy mọi của cải đã được dùng để hỗ trợ cho quân nổi loạn. Gần một năm sau, 17 tháng 07 năm 1862 với phạm vi và mức độ ác liệt của chiến tranh ngày càng tăng, hạ viện đã ban hành điều luật sung công thứ hai, một biện pháp có tác dụng sâu rộng chống lại những kẻ nổi loạn chống đối Liên bang và rõ ràng ủng hộ cho việc giải phóng nô lệ.

Mặc dù Tổng thống Lincoln ký hai điều luật trên, ông vẫn tin rằng điều luật thứ hai là không hợp với hiến pháp. Ông cũng không tán thành việc cho rằng điều luật này là có hiệu lực bởi vì ông biết: tại thời điểm đó số đông dân miền Bắc đặc biệt là những người thuộc đảng Dân chủ không coi giải phóng nô lệ là một mục tiêu của cuộc chiến. Tổng thống và chánh án tối cao pháp viện không hào hứng với việc đưa các điều luật này vào thực tế. Khi vài tướng của Liên bang (tướng Fremont ở Missouri vào tháng 08 năm 1861 và tướng David Hunter phụ trách việc thỏa hiệp của khu vực duyên hải của Georgia, Nam Carolina và Florida vào tháng 05 năm 1862) ra lệnh giải phóng nô lệ, Tổng thống Lincoln đã bác bỏ lệnh của họ. Bằng cả lời nói và việc làm, rõ ràng Tổng thống nêu rõ ý định của mình là kiểm soát tiến trình của một rắc rối có thể gây thảm họa.

Chính quyền Lincoln và hạ viện cùng chung tay thực hiện những biện pháp khác có tầm quan trọng về lâu về dài cho tương lai của nước Mỹ. Khi các dân biểu miền Nam rời khỏi tòa nhà quốc hội, Hạ viện giờ đây ban hành một loạt biện pháp khiến cho miền Nam phản đối dai dẳng trong đó có luật thuế bảo hộ cho một số hàng hóa xuất xưởng, việc miễn thuế đất như các khoản trợ cấp cho việc xây dựng đường sắt xuyên lục địa dọc theo tuyến đường ở miền Bắc, luật đất đai cấp cho dân định cư 160 mẫu đất từ quỹ đất của cả nước và điều luật Morrill nhằm hỗ trợ cho những vùng đất được cấp thuộc Liên bang để thành lập những trường đại học nông nghiệp và cơ khí của các bang. Như vậy toàn quốc gia không chỉ đoàn kết lại. Nó còn được tổ chức lại theo thiết kế về mặt văn hóa, xã hội và kinh tế của người miền Bắc.

Trong lúc đó chiến sự ngày càng ác liệt. Tổng thống Lincoln tìm biện pháp đảm bảo chiến thắng trong thời gian ngắn nhất và ít thương vong nhất. Thông thường, ông phớt lờ Hạ viện và tòa án trong lúc mải lo tìm các biện pháp hữu hiệu. Điều này



đặc biệt thể hiện rõ trong việc ông đối mặt với những người mang tên “rắn hổ mang”, những người ở miền Bắc chỉ trích những điều luật của miền Bắc là hỗ trợ cho chính quyền Liên minh miền Nam hoặc phản bội lại Liên bang. Có nhiều công dân miền Bắc xuất thân ở miền Nam hoặc có quan hệ máu mủ tình cảm sâu sắc, đặc biệt là ở các bang Ohio, Indiana, và Illinois. Quân đội Liên minh có hàng ngàn quân nhân là người thuộc các bang này. Những người chống phân biệt chủng tộc hoạt động mạnh mẽ trên khắp miền Bắc, đặc biệt họ có ảnh hưởng lớn với những người miền Bắc nhưng gốc gác miền Nam. Nhiều công dân ở khắp nơi bắt đầu cuộc chiến vì mục đích bãi bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ. Đồng thời, nhiều nông dân thuộc vùng Trung Tây tức tối về chương trình kinh tế của đảng Cộng hòa bởi vì họ cho rằng nó thỏa mãn quyền lợi về thương mại và công nghiệp của người miền Đông Bắc mà không hề màng đến quyền lợi của nông dân miền Trung Tây.

Từ những bất bình như vậy và với sự kích động của các điệp viên Liên minh, những tổ chức bí mật đã thành lập. Họ tự gọi mình là hiệp sĩ của nhóm vàng (Knights of the Golden Circle), hoặc tổ chức của các hiệp sĩ Mỹ (Order of American Knights) hoặc tổ chức những người con của tự do (Sons of Liberty). Mục tiêu trước mắt của họ, cũng giống như của rất nhiều đảng viên đảng Dân chủ ở miền Trung Tây, là chi phối chính phủ các bang miền Bắc và kết thúc chiến tranh. Trong đó vấn đề nổi cộm nhất là thỏa mãn quyền đòi độc lập của Liên minh miền Nam. Đây là điều những người miền Bắc bất mãn muốn có nhất. Nhưng đại đa số họ đều tin hòa bình sẽ được thiết lập thông qua đàm phán, như vậy Liên bang vẫn được bảo toàn mà chế độ nô lệ vẫn được phép tiếp tục tồn tại. Hành động chống đối với các biện pháp thời chiến của Tổng thống Lincoln gồm đủ loại từ việc can gián người dân tòng quân, sau này chống đối lại chế độ quân dịch cho tới các hành động như tiếp tay cho những kẻ tấn công miền Bắc thuộc Liên minh, âm mưu phóng thích tù binh chiến tranh của Liên minh và phóng hỏa các thành phố miền Bắc.

Tổng thống Lincoln đối mặt ngay tức khắc với những kẻ bị buộc tội thực hiện những việc làm và âm mưu như vậy. Ông cho phép bắt giam những kẻ tình nghi mà không cần tới tòa án. Tháng 09 năm 1862, ông tuyên bố rằng: bởi cuộc chiến còn kéo dài, bất cứ ai cản trở người khác ghi tên tòng quân hoặc có những hành động phản quốc khác sẽ bị bắt và bị đưa ra tòa án binh hoặc ủy ban của quân đội xét xử.

Hơn 13 ngàn người đã bị bắt và giam giữ theo cách này. Có người phóng đại con số lên đến 38 ngàn người. Bên cạnh đó, một số các tờ báo cũng bị từ chối quyền được gửi thư thông qua hệ thống phục vụ bưu chính của Mỹ. Trong số đó có cả các tờ báo miền Bắc như New York World, New York Journal of Commerce, và Philadelphia Evening Journal. Những nghiên cứu mới đây chỉ ra rằng hầu hết những người bị bắt, cầm tù, và các cuộc đàn áp ngôn luận xuất hiện tại các bang có sở hữu nô lệ nằm ở vùng biên giới hoặc những vùng thuộc các bang miền Nam nhưng dưới sự kiểm soát của Liên bang, các khu vực bất an vì có nhiều phe ủng hộ cho hai miền xung đột lẫn nhau. Nhưng có rất nhiều hành động của chính phủ gây tranh cãi xảy ra ở khắp nơi

cho thấy: Tổng thống Lincoln sẵn sàng chấp nhận các phương pháp ngoại lệ mỗi khi ông thấy cần thiết để thắng cuộc nội chiến này.

Những hành động này làm dấy lên sự thù oán mãnh liệt trong một số người miền Bắc, dù đa số cho rằng chúng cần thiết. Những hành động ấy đã bị thách thức tại tòa án nhưng không có kết quả. Tháng 05 năm 1861, khi một quân nhân chủ trương li khai tại Mariland tên là John Merryman bị bắt vì vi phạm luật nhà binh, quan tòa Taney nỗ lực viện đến lệnh đình quyền giam giữ để đưa ông ta về tòa án dân sự. Viên sĩ quan chỉ huy của quân nhân ấy đã phản đối việc làm này. Tổng thống Lincoln ủng hộ viên sĩ quan ấy. Quan tòa Taney sau đó đưa ra ý kiến rằng chỉ có hạ viện mới có quyền này. Tổng thống Lincoln tiếp tục viện đến luật nhà binh để giải quyết vụ việc. Trong thư ngỏ, ông bảo vệ cho biện pháp này, coi đó là hợp pháp bằng cách viện đến tính nghiêm trọng của vấn đề. Để đáp trả nhóm người phản đối, ông nói: “Tại sao tôi phải bắn chết một tân binh chất phác đào ngũ, trong lúc tôi không thể chạm đến sợi tóc của kẻ kích động đã xui khiến người tân binh kia đào ngũ?”.

Ví dụ nổi tiếng nhất và cũng thuyết phục nhất trong một vụ bắt giữ người vì mục đích quân sự đã được xử đi xử lại nhiều lần chính là vụ việc của Clement L. Vallandigham dân biểu đại diện cho bang Ohio. Ông này bị bắt vào tháng 05 năm 1863 vì bất tuân lệnh tướng Burnside. Sau đó bất tuân mệnh lệnh tướng chỉ huy quân đội vùng Ohio. Lệnh này cấm phát biểu công khai tình cảm đối với kẻ thù. Một ủy ban quân đội đã tìm cách kết tội dân biểu Vallandigham và tuyên án ông phải ở tù cho tới khi nào chấm dứt chiến tranh. Biết về mối nguy hiểm của việc khuấy động làn sóng bất bình sâu rộng trong dân chúng. Tổng thống Lincoln đã khôn ngoan thay đổi án tù ấy bằng một lệnh trục xuất đến các bang thuộc Liên minh miền Nam. Sau này, khi dân biểu Vallandigham theo đường Canada trở về Liên bang trong chiến tranh và tham gia chiến trường miền Bắc, Tổng thống Lincoln đã khôn ngoan lờ đi cho ông ta.

Vấn đề quyền hạn của quân đội xử lý dân thường trong thời chiến vẫn không được yên ổn cho tới tận sau cuộc nội chiến. Tối cao pháp viện Hoa Kỳ năm 1866, đã bác bỏ bản án của nhiều người tại Indiana. Những người này trong năm cuối của cuộc chiến đã bị buộc tội và tuyên án tử hình vì đã âm mưu phóng thích tù nhân chiến tranh người Liên minh. Pháp viện tối cao tuyên phạt rằng: “luật nhà binh là hợp pháp trong trường hợp có nổi dậy hoặc xâm chiếm”. Quyết định này cứu mạng sống của các cá nhân đã bị buộc tội. Nhưng như vậy rõ ràng nó không ảnh hưởng gì tới việc thực hành luật nhà binh trong thời chiến.

Công việc chính trong thời chiến là gây dựng, duy trì và quản lý một số lượng quân khổng lồ trên khắp nước Mỹ. Lực lượng lớn nhất, quân đội Liên bang, đến từ nhiều nguồn khác nhau. Bao gồm quân đội thường trực, các tổ chức dân quân của các bang, các đơn vị tình nguyện của các bang. Đại đa số quân nhân đều là những người tình nguyện phục vụ ba năm trong quân đội, đăng kí từ các bang riêng biệt. Nhưng lòng nhiệt tình đã bị nguội lạnh sau những thất bại của quân Liên bang tại Virginia trong mùa hè năm 1862 buộc chính quyền phải viện tới lệnh bắt quân dịch, kêu gọi 300 ngàn dân quân tại các bang bổ sung cho quân đội. Thời gian phục vụ của

họ là chín tháng. Trong nhiều trường hợp, quân số tăng lên nhờ chế độ cưỡng bách toàn quân thực hiện tại các bang.

Cuối cùng tháng 03 năm 1863, Hạ viện đã thông qua điều luật quân dịch yêu cầu tất cả đàn ông trai tráng lành lặn tuổi từ 20 đến 45 đều là đối tượng thực hiện chế độ quân dịch. Luật này được thành lập để khuyến khích người tình nguyện. Bởi thông thường dân chúng thấy xấu hổ nếu bị cưỡng bách tòng quân. Điều luật này cũng cho người dân nhiều con đường tránh phải đi quân dịch bằng cách thuê một người thay thế hoặc chi một khoản lệ phí là 300 đôla để không phải đi lính. Chế độ cưỡng bách tòng quân đã gặp sự phản đối lớn, đôi khi bạo động. Đầu tháng 07 năm 1863, các cuộc nổi loạn chống chế độ quân dịch tại thành phố New York City trở nên nghiêm trọng khiến quân đội Liên bang từ Gettysburg được điều đến để đàn áp quân phản loạn.

Ngoài tinh thần yêu nước được cổ vũ, sự khích lệ đối với lính tình nguyện là khoản tiền thưởng nhập ngũ 300 đôla. Ngoài ra chính quyền địa phương ở nhiều bang còn bổ sung thêm tiền thưởng với mục đích chiêu mộ nhiều tân binh.

Cách thức tuyển mộ và tổ chức các đơn vị tình nguyện chứng tỏ sức mạnh còn rói rọt lại của học thuyết chính trị về quyền các bang miền Bắc, mặc dù học thuyết này không gây rắc rối cho chính phủ Liên bang như nó đã từng gây rắc rối cho chính phủ Liên minh (sẽ được làm rõ ở phần sau) và dù học thuyết này không phải lúc nào cũng được gọi đúng tên tại miền Bắc. Cách tổ chức quân đội Liên bang trong các đơn vị đều được nhận biết bằng bang xuất sứ của đơn vị ấy (ví dụ quân đoàn bộ binh New York số 95) và dưới quyền của các sĩ quan được chỉ định bởi thống đốc các bang. Từ đầu thời kỳ chiến tranh, nguyên tắc về quyền các bang nhắc nhở các thống đốc cử đại diện thương mại của bang tìm nguồn cung cấp quân trang quân dụng của họ. Sau đó hạ viện sẽ trả lại những khoản chi phí ấy. Trong suốt cuộc chiến, chính quyền các bang đã hỗ trợ rất nhiều để bảo đảm lương thực và quân trang cho quân đội của bang mình và đóng vai trò chủ chốt trong nỗ lực tham chiến. Trong số những thống đốc tận tụy và nhiệt tình nhất có ông John Andrew của bang Massachusetts. Thống đốc bang Andrew Gregg Curtin của Pennsylvania, thống đốc Richard Yates bang Illinois và thống đốc Oliver Morton bang Indiana. Tất cả đều là thành viên đảng Cộng hòa.

Thế nhưng có nhiều người miền Bắc ủng hộ quyền các bang, phản đối một số biện pháp của Tổng thống Lincoln khi tiến hành chiến tranh, đặc biệt là sự cắt xén lệnh đình quyền giam giữ, quyền quân đội được bắt giam và xử án, và chế độ quân dịch. Thống đốc Horatio Seymour thuộc đảng Cộng hòa của thành phố New York, một trong những người nhiệt tình đóng góp vào nỗ lực tham chiến, từng cố gắng để tuyển mộ tân binh cho đủ với chỉ tiêu của bang, lại là một người chuyên chỉ trích cách hành xử của Tổng thống Lincoln. Có lẽ ông Seymour chống đối lệnh cưỡng bách tòng quân không kém bất cứ thống đốc Liên minh miền Nam nào. Khi miền Bắc, cũng như miền Nam, là mục tiêu của mối đe dọa bị xâm chiếm và đã thật sự bị xâm chiếm bởi cuộc sống gian khổ và biết bao khó khăn chông chát, mối bất hòa giữa nhà cầm

quyền các bang miền Bắc với giới chức trách Liên bang rõ ràng càng lúc càng gay gắt hơn dù nó không đến nỗi quá gay gắt như những bất đồng tương tự tại chính phủ Liên minh miền Nam. Trước bối cảnh như vậy, Tổng thống Lincoln đã kêu gọi tinh thần dân tộc tiềm tàng của miền Bắc và biến nó thành nguồn sức mạnh của Liên bang.

Cuối cùng, quân đội Liên bang cũng ghi được mức kỉ lục: 2,9 triệu người nhập ngũ. Nhiều cá nhân đăng kí nhập ngũ rất nhiều lần, con số binh lính thực sự phục vụ quân ngũ đúng theo quy định trở nên khó tính toán. Con số ước đoán là từ 1,5 triệu cho tới trên 2 triệu. Quân đội Liên bang đã tới đỉnh cao của sức mạnh vào mùa xuân năm 1865 với quân số 1 triệu người. Nhân vật quan trọng trong việc quản lý và duy trì một quân đội lớn như vậy chính là Bộ trưởng Bộ chiến tranh Stanton. Vốn là một luật sư, cựu đảng viên đảng Dân chủ và là một người thích châm chọc Tổng thống Lincoln. Ông Stanton là người liêm chính, nghị lực không bao giờ cạn với những phương pháp thực thi độc tài. Khả năng làm việc hiệu quả và không nương tay đã khiến ông trở thành “nhà tổ chức để làm ra chiến thắng” trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ.

Ông Stanton tập hợp những sĩ quan hàng đầu biết cách tự quản từng nhiệm vụ trong quân đội (tướng phụ trách tiểu đoàn, tướng chủ nhiệm tổng cục hậu cần, trưởng ban quân nhu, trưởng ban kĩ thuật dưới quyền là các kĩ sư và tổng quản các kho lương thực quân đội) thành một ban tham mưu trực tiếp dưới quyền giám sát của ông. Ông thuyết phục các ban ngành thương mại bên dân sự thuộc các thành phố miền Bắc thành lập những ủy viên tham mưu để hỗ trợ cho công việc cung cấp quân trang quân dụng cho những người lính trực tiếp chiến đấu. Như vậy Stanton tận dụng được sự hỗ trợ các nguồn lực thời chiến từ những nguồn cung cấp tri thức và kĩ năng tổ chức, quản lý kĩ thuật và máy móc siêu đẳng nhất trong thời kỳ bấy giờ tại xã hội công nghiệp và thương mại hiện đại của miền Bắc.

Không ở đâu sự hỗ trợ này rõ ràng và quan trọng hơn công việc của Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần Montgomery C. Meigs. Là chủ thầu tại khu District of Columbia, xây dựng các công trình dẫn nước và cầu cống trên sông Potomac tại thành phố Washington (một công trình cầu cống dài nhất trên thế giới) và là chủ thầu xây dựng những dãy nhà phụ của tòa nhà quốc hội Mỹ. Ông Meigs có nhiều kinh nghiệm trong việc đàm phán với các nhà thầu và nhà cung cấp tư nhân. Ông đã phát triển và giám sát hệ thống cung cấp quân trang quân dụng cho quân đội Liên bang với đồng phục, lều trại, các toa xe hàng, ngựa và vô số hàng hóa khác trực tiếp từ những nhà sản xuất và những người buôn bán chợ đen tại nước Mỹ. Ông cũng sử dụng lợi thế của mình để thuyết phục những công ty đường sắt miền Bắc chấp nhận tiêu chuẩn chung. Như vậy ông đã góp phần làm tăng hiệu quả đáng kể của hệ thống vận chuyển của miền Bắc.

Giáo sư Rusell Weigley nói về ông Meigs: “Ông ta là một người cấp tiến của một nước Mỹ trong những ngày đầu phát triển khoa học, máy móc, vật liệu trong nửa sau của một thế kỷ công nghiệp và có những thay đổi lớn về mặt kĩ thuật”. Theo lời của

tướng Hattaway và tướng Jones: ông Meigs biến quân nhân thời đó thành chiến binh được trang bị tốt nhất trong lịch sử của Liên bang.

Công việc của những phòng ban khác cũng hiệu quả không kém tổng cục hậu cần, dù ít nổi bật hơn. Dù có những lời phàn nàn của quân nhân về thứ rau sấy khô và thịt bò ướp. Tướng Hattaway và tướng Jones kết luận rằng: quân nhân Liên bang được hưởng lượng thực phẩm gấp đôi lượng thực phẩm của quân nhân dưới quyền Napoleon cách đó nửa thế kỷ. Nói cách khác, quân nhân Liên bang có lẽ cũng là chiến binh được ăn uống đầy đủ nhất trong suốt chiều dài lịch sử. Đáng buồn thay, chế độ ăn này vẫn mất cân bằng đối với sức khỏe của chiến sĩ, thậm chí một khẩu phần ăn tốt nhất và được chăm sóc đầy đủ nhất ngày ấy cũng còn lâu mới đáp ứng nhu cầu để quân nhân có sức khỏe phù hợp với công việc. Lính Liên bang chết (vì thiếu ăn, không đủ quần áo ấm và không được chăm sóc y tế đầy đủ ) gấp đôi (250 ngàn) số lính chết vì bị thương trên chiến trường (11 ngàn). Con số này lên tới gần 12% quân số của toàn quân đội (theo những ước tính lớn hơn của Liên bang), hoặc tương đương với 16,6% (theo những ước tính cho con số ít hơn) quân số của Liên bang.

Mọi thực phẩm và dịch vụ cung cấp trong thời chiến của Liên bang đều dựa cả vào nền tảng tài chính. Người chịu trách nhiệm trực tiếp là Bộ trưởng Bộ tài chính Chase. Giống những thành viên khác của chính quyền Lincoln, nghề nghiệp của ông Chase không hề chuẩn bị cho ông lãnh một trách nhiệm quá to lớn như vậy. Chính phủ Liên bang cũng nhận ra cần phải có gần 4 tỉ đôla Mỹ để theo đuổi cuộc chiến. Một con số khiến người ta phải choáng váng vào thời điểm ấy. Lập tức, Chase tìm cách vay mượn tiền thông qua việc bán những trái phiếu dài hạn có tỉ lệ lãi hấp dẫn (6%). Khoản tiền thu được từ trái phiếu là nguồn tài chính chủ lực hỗ trợ cho Liên bang. Ngoài ra Hạ viện in trái phiếu ngắn hạn và được phát hành nhiều lần với mức lãi xuất hấp dẫn cũng thu về hàng trăm triệu đôla. Cùng lúc hai khoản trái phiếu này đã mang lại số tiền 2,7 tỉ đôla để chi dùng trong suốt cuộc chiến: 66% chi phí về tiền bạc cho những nỗ lực Liên bang.

Vào mùa hè năm 1862, khi việc bán trái phiếu chậm lại bởi viễn cảnh không mấy sáng sủa của quân đội Liên bang, ông Chase đã nhờ tới một tay buôn trái phiếu sắc sảo người Philadelphia, ông Cooke, bán trái phiếu hộ ông. Vì được hưởng hoa hồng hậu hĩ cho công việc của mình, ông Cooke thành lập một tòa báo, đồng thời tổ chức một chiến dịch gõ cửa từng nhà để kết hợp tinh thần yêu nước với động cơ vì lợi nhuận. Người ta nói rằng ông đã khiến cho những trái phiếu này “đập vào mắt bất cứ người dân nào trong bất cứ hộ gia đình nào có mặt trong vùng lãnh địa từ Maine tới California”. Mặc dù hầu hết trái phiếu ấy thực sự được các ngân hàng và các cá nhân giàu có mua, coi đó là khoản đầu tư đầy hứa hẹn, phương pháp của ông Cooke cũng đã hấp dẫn được hàng trăm ngàn người mua trái phiếu thuộc tầng lớp dân thường. Như vậy ông đã để họ được đặt cược cho chiến thắng của Liên bang, khiến họ được góp phần tài chính và cả biểu hiện của lòng yêu nước. Ông Chase đã bị chỉ trích nhiều khi cho phép một đại lý tư nhân đại diện cho chính phủ và đồng thời kiếm chác cả núi tiền từ hệ thống đó. Nhưng hệ thống đó thật hiệu quả. Giống như Robert Morris,

người được nhớ đến như là “chuyên gia tài chính của cách mạng Mỹ”, ông Cooke được nhớ đến như là “chuyên gia tài chính của nội chiến Hoa Kỳ”.

Một biện pháp nữa được ông Chase đánh giá cao: thành lập các ngân hàng nhà nước để kích thích cho tiến trình bán cổ phiếu cũng như cung cấp nguồn tiền mặt ổn định. Hạ viện phê chuẩn cho tính hợp pháp của những ngân hàng này vào tháng 02 năm 1863. Tháng 6 năm 1864 Mỹ thành lập một hệ thống nhờ đó những ngân hàng hợp pháp được yêu cầu phải đầu tư ít nhất 1/3 số vốn của họ vào trái phiếu của chính phủ. Đổi lại, họ sẽ được phép phát hành “giấy bạc quốc gia” có thể đổi ra vàng với giá trị lên tới 90% giá trị của trái phiếu. Khi mọi ngân hàng các bang vẫn muốn được độc lập và tiếp tục phát hành giấy bạc của riêng mình, tháng 03 năm 1865 Hạ viện đã đánh thuế lên những tờ giấy bạc đó và như vậy buộc hầu hết các ngân hàng của bang phải gia nhập hệ thống ngân hàng quốc gia.

Việc bán trái phiếu không đủ để ngăn chặn cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra vào đầu cuộc chiến, khi niềm tin của dân chúng ngày càng bị hạ thấp bởi nỗi sợ hãi rằng nước Anh sẽ can thiệp vào vụ hải quân Liên bang chiếm một con tàu của Anh: tàu Trent. Ai cũng biết tàu này chở những nhà ngoại giao Liên minh. Tháng 12 năm 1861, quỹ của kho bạc gần cạn kiệt. Đồng thời mọi ngân hàng đình chỉ việc trả tiền kim loại, việc mua lại tiền giấy bằng vàng hoặc bạc. Hạ viện, với sự chuẩn y đầy do dự của ông Chase, được quyền phát hành giấy bạc do kho bạc phát hành không lãi với tổng số 150 triệu đôla. Loại giấy bạc này không thể đổi được ra vàng hoặc bạc nhưng được tuyên bố là “hợp pháp” và có thể được chấp nhận khi thanh toán thuế và trả các khoản nợ tư nhân cũng như nhà nước.

Hầu hết đảng viên đảng Dân chủ và một vài đảng viên đảng Cộng hòa cực lực phản đối về tính bất hợp pháp của tờ bạc này. Chúng bị chê bai và gọi là thứ giấy bạc xanh vô giá trị. Mặc dù chúng được lưu hành trong nền kinh tế với một khoản chiết khấu, sự thay đổi bất nguồn trong viễn cảnh của quân đội Liên bang, đã có lúc giấy bạc xanh chỉ bằng 1/3 giá trị của đồng đôla có thể đổi ra vàng, nhưng chúng vẫn thực hiện được mục tiêu khẩn cấp trong việc hỗ trợ cho chính phủ chi những khoản tiền phải có ngay. Cuối cùng, có tổng số 447 triệu đôla Mỹ loại tiền giấy này đã được in ra và lưu hành.

Cách thứ ba để chính phủ có đủ tiền phục vụ chiến tranh là áp đặt những khoản thuế đặc biệt. Chúng bao gồm thuế trực tiếp đánh vào các bang dựa theo chỉ tiêu của dân số bang ấy, thuế thu nhập cá nhân của một người có bằng cấp sẽ lên tới con số tối đa là 10% nếu thu nhập của họ vượt quá 10 ngàn đôla một năm. Và một loạt các loại thuế đánh vào một số mặt hàng được sản xuất, bán hoặc dùng trong nội địa cùng với phí cho các loại giấy phép của các mặt hàng sinh lời hoặc những người có chuyên môn với thu nhập cao. Các loại thuế đã mang lại cho chính phủ 667 triệu đôla (hay 21% số tiền dành cho quân đội Liên bang). Những khoản tiền thuế thu được cũng có tác động quan trọng đến việc hỗ trợ giá trị cho loại giấy bạc xanh và hạn chế khả năng xảy ra một cuộc lạm phát nghiêm trọng.

Cùng với các biện pháp nhằm gây dựng vốn tài chính của Liên bang, ông Chase đã thành công trong việc cung cấp nguồn tài chính cho các nỗ lực chiến tranh mà không gây ra việc phải viện đến chế độ phân phối hay kiểm chế về giá cả, hạn chế thiếu thốn về nhiều mặt và hạn chế lạm phát gây một thảm họa cũng như ngăn chặn hành vi đầu cơ tích trữ. Nền kinh tế đa dạng của miền Bắc nhất là về công nghiệp và nông nghiệp cùng với một tổ chức công phu gây dựng trong thương mại và ngân hàng, được chỉ đạo chung bởi những chính sách thời chiến thận trọng và khôn ngoan của chính phủ, đã cho thấy rằng: nó đủ sức thực thi nhiệm vụ mỗi khi có yêu cầu. Theo lời của ông James M. McPherson, “ở một mức đáng kể, nó đã có thể cho ta cả súng đạn lẫn bơ sữa”.

Một việc làm quan trọng và cấp tiến nhất của chính quyền Lincoln: việc giải phóng nô lệ. Nó làm thay đổi toàn bộ mặt của nước Mỹ. Nhưng với nhiều lý do, lúc đầu giải phóng nô lệ là một phần của mục đích tham chiến do Tổng thống Lincoln đề ra. Ông nhạy cảm với ác cảm của dân chúng chống lại chủ nghĩa bài nô và lời buộc tội rằng bài nô chính là mục tiêu của chiến tranh. Ông biết cảm xúc ấy là một gánh nặng chính trị các thành viên cộng hòa trong kỳ bầu cử dân biểu sắp tới.

Ở một mức độ nhất định, Tổng thống Lincoln cũng có ác cảm với hành động bài nô được thực hiện bởi chính phủ Liên bang. Ông tin không hề có một sự chứng thực hợp pháp nào cho hành vi bài nô. Thực tế nước Mỹ trước đây đã từng tổ chức một cuộc giải phóng nô lệ và phóng đại quyền tham chiến dưới luật của thời chiến. Lời tuyên được Bộ trưởng nội vụ John Quincy Adams phát biểu. Ông này về sau trở thành người ủng hộ hoạt động giải phóng nô lệ của quân đội dưới một số điều kiện nhất định. Tổng thống Lincoln cũng biết rằng: chấp nhận mục tiêu giải phóng nô lệ là làm cho sự kháng cự của người miền Nam càng thêm mạnh mẽ. Ông nói ông hy vọng sẽ tránh biến cuộc chiến thành “một cuộc đấu tranh cách mạng tàn nhẫn và đầy bạo lực”. Ngược lại, ông muốn “giữ tính liên chính của sức mạnh Liên bang và coi đó là mục tiêu chính của cuộc chiến”. Khi chiến tranh gần kết thúc hướng tới việc ép buộc giải phóng nô lệ, Tổng thống Lincoln đã tìm nhiều cách để đối phó với rắc rối này. Ông đề ra một kế hoạch có thể đáp ứng những mục tiêu hợp pháp của ông trong việc can thiệp của chính quyền Liên bang. Lời đề xuất của ông nhằm tìm kiếm cách giảm các bang trung thành với chế độ sở hữu nô lệ chấp nhận chương trình của riêng họ trong việc giải phóng nô lệ dần từng bước. Đề nghị Liên bang bồi thường đồng thời giúp người da đen tình nguyện tái định cư tại miền Trung Mỹ hoặc Caribe. Tháng 03 năm 1862, ông thuyết phục Hạ viện ban hành một biện pháp đề nghị một khoảng bồi thường cho những bang chấp nhận động thái này. Ông nói với các đại biểu đến từ các bang trung thành với chế độ chiếm hữu nô lệ rằng: chế độ chiếm hữu nô lệ đến hồi diệt vong vì “những bất hòa và mối mòn” do chiến tranh mang lại. Ông thúc giục họ nhiều lần nên tránh cách giải phóng nô lệ theo kiểu cực đoan. Hãy chấp nhận kế hoạch của ông. Những lời đề nghị như vậy đã vấp phải sự lãnh đạm khiến người ta thất vọng.

Vấn đề giải phóng nô lệ tại các bang trung thành với chế độ chiếm hữu nô lệ đã không được giải quyết cho tới khi chiến tranh kết thúc. Tới lúc đó, bằng cách chấp nhận điều khoản bổ sung thứ 13 của hiến pháp bãi bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ trên khắp lãnh thổ Hoa Kỳ, vấn đề đã được giải quyết tại các bang thuộc Liên minh cũ. Người ta coi đây là một sự việc do chiến tranh đưa lại. Vào mùa hè năm 1862, Tổng thống Lincoln đã thắng trong cuộc tranh cãi rằng việc giải phóng nô lệ tại các bang nổi loạn là một biện pháp thời chiến hợp lý và khả thi. Sau đó, ông giải thích: theo tôi những biện pháp này nếu không trái với luật pháp thì là hợp pháp bởi chúng là biện pháp không thể thiếu để bảo toàn hiến pháp Hoa Kỳ và như vậy bảo toàn lãnh thổ nước Mỹ”.

Ông tin rằng tâm trạng của những cử tri miền Bắc đã thay đổi khiến họ chấp nhận sự rủi ro về mặt chính trị này. Nhưng ông cho rằng thời gian cho động thái ấy vẫn chưa chín muồi. Nếu ông tuyên bố chế độ nô lệ được bãi bỏ trong những vùng ngoài tầm kiểm soát của ông, sẽ bị thiên hạ cho là một việc làm vô vọng.

Tháng 08, chủ báo New York Tribune, một người nổi tiếng ủng hộ bài nô là ông Horace Greeley, đăng tải lời yêu cầu khẩn thiết đòi giải phóng nô lệ. Tổng thống Lincoln đáp lại bằng một bức thư ngỏ cũng đăng trên báo này: “Mục đích tối thượng của tôi trong cuộc chiến này là bảo toàn Liên bang chứ không phải gìn giữ hay phá hoại chủ nghĩa chiếm hữu nô lệ. Nếu tôi có thể bảo toàn Liên bang Mỹ mà không giải phóng bất cứ nô lệ nào, tôi cũng sẽ làm. Nếu tôi có thể bảo toàn Liên bang bằng cách giải phóng mọi nô lệ ở Mỹ tôi cũng sẽ làm. Và nếu tôi có thể bảo toàn Liên bang bằng cách giải phóng một số nô lệ, mặc kệ số còn lại tôi cũng sẽ làm”. Sau đó Tổng thống Lincoln nói thêm rằng: lời tuyên bố của ông đại diện cho một chính sách chính thức, nó không phải biện hộ cho mơ ước của riêng ông, một ước mơ làm sao để mọi người dân ở bất cứ đâu đều được quyền tự do.

Mặc dù không có lý do để thắc mắc về sự chân thành trong văn bản phúc đáp của Tổng thống Lincoln gửi cho Greeley, ông thực sự đã quyết định rằng việc tuyên bố giải phóng nô lệ trên mọi lãnh thổ các bang nổi loạn sẽ là tùy cơ ứng biến (nếu không nói là yếu tố khước từ) để bảo toàn Liên bang. Lời tuyên bố này đã được viết sẵn và luôn thường trực trong ngăn kéo bàn làm việc của ông. Nhưng vì bị thuyết phục (mà người thuyết phục có lẽ là ông Seward) nó đã không được tuyên bố giữa những lần nghe tin chiến thắng của quân Liên minh vào mùa hè năm ấy. “Ta không thể lùi thêm nữa”, Tổng thống Lincoln nóng lòng chờ đợi sự thay đổi của dòng chảy chiến sự.

Sự thay đổi ấy đến vào tháng 09 trên những chiến trường đẫm máu ở Antietam. Ít nhất dòng chảy ấy cũng đủ thuyết phục Tổng thống Lincoln rằng: đây là thời gian thuận lợi cho lời tuyên bố của ông. Ngày 22 tháng 09, ông đưa ra lời tuyên bố sơ bộ về việc giải phóng nô lệ với nội dung rằng: nô lệ tại các bang nổi loạn từ ngày mùng một tháng 01 năm 1863 trở đi sẽ được tự do vĩnh viễn. Hy vọng hạn chế sự phản đối của dân chúng càng nhiều càng tốt, ông giải thích bước tiến này như là một biện pháp cần thiết cho quân sự. Ông xác nhận các cựu nô lệ sẽ trở thành dân thuộc địa Hoa Kỳ trên tinh thần tự nguyện. Một lần nữa ông kêu gọi các bang trung thành với



chế độ nô lệ hãy chấp thuận việc giải phóng nô lệ được tiến hành dần dần từng bước một.

Đến mùa thu, trong các cuộc bầu cử dân biểu, thành viên đảng Dân chủ đã tận dụng lời tuyên bố này giúp dành về từ tay đảng Cộng hòa 32 ghế tại Hạ viện cộng với các ghế thống đốc bang của New York và New Jersey. Đồng thời họ giành quyền kiểm soát các cơ quan lập pháp tại bang Illinois và bang Indiana. Có lẽ bởi chính những thắng lợi này của đảng Dân chủ, ngày 01 tháng 12 Tổng thống Lincoln đệ trình lên Hạ viện một điều khoản bổ sung cho hiến pháp. Điều khoản này đề nghị việc giải phóng nô lệ dần dần và có bồi hoàn tại tất cả các bang trước đây có chế độ nô lệ tồn tại. Điều khoản bổ sung này cũng chuẩn y cho những nô lệ được giải phóng tình nguyện trở thành cư dân thuộc vùng lãnh địa ngoài Liên bang. Có thể coi vùng lãnh địa này bao gồm bất cứ bang nào thuộc Liên minh hạ vũ khí quy hàng và tái bày tỏ lòng trung thành của họ với Liên bang trước khi việc giải phóng này thực sự xảy ra.

Thêm vào đó, trong bài diễn văn đọc vào tháng 12 của ông trước hạ viện, Tổng thống Lincoln tìm cách làm giảm nỗi lo sợ của rất nhiều người miền Bắc rằng: họ sắp sửa bị một làn sóng cựu nô lệ nhấn chìm. Ông chỉ ra rằng: hầu hết những người được giải phóng có lẽ vẫn sẽ ở lại miền Nam một khi chế độ chiếm hữu nô lệ không còn. Rằng thậm chí nếu tất cả bọn họ phân bố đều trên khắp các bang thuộc nước Mỹ, thì tỉ lệ dân cư cũng chỉ là “một da đen, bảy da trắng”. Cuối cùng ông cũng nói rõ rằng: miền Bắc cũng có quyền quyết định có nên chấp nhận họ hay không. Lời đảm bảo này rõ ràng ám chỉ một chính sách đã có hiệu lực khi miền Bắc đề ra rất nhiều luật đuổi người da đen ra khỏi nhiều bang tại miền Bắc, bao gồm cả bang quê hương của Tổng thống là Illinois.

Nhưng Tổng thống Lincoln cũng nói rõ: ông không có ý định hoãn thời hạn hiệu lực của lời tuyên bố này. Ngày 01 tháng 01 năm 1863, ông đưa ra lời tuyên bố cuối cùng giải phóng toàn bộ nô lệ trong tất cả những khu vực thuộc Liên minh hiện vẫn đang nổi loạn chống lại Liên bang. Một lần nữa ông biện hộ cho động thái này là do sự cần thiết về mặt quân sự, nhằm khôi phục chủ nghĩa hợp nhất trung thành với Liên bang tại những nơi thuộc Liên minh đang trong vòng kiểm soát về mặt quân sự của Liên bang (bang Tennessee, nhiều khu vực rộng lớn tại Bắc Virginia và Nam Louisiana) ông miễn cho họ không phải công nhận tính hiệu lực của lời tuyên bố này. Để đối mặt với lời buộc tội ông nỗ lực khuyến khích nô lệ nổi dậy, Tổng thống Lincoln tuyên bố những người được giải phóng không được sử dụng bạo lực ngoại trừ trong trường hợp tự vệ.

Như nhiều người khác trong đó có cả ông Seward đã vạch rõ lúc ấy, lời tuyên bố này chẳng có tác dụng trực tiếp gì lên chế độ chiếm hữu nô lệ. Nó chẳng giải phóng nô lệ nào trên lãnh thổ Tổng thống Lincoln có quyền lực giải phóng cho họ. Và nó cũng không giải phóng cho nô lệ ở khu vực Tổng thống Lincoln không có quyền lực. Tuy nhiên, nó có một tác động tức thời và quan trọng đến tư tưởng và tình cảm của những người dân miền Bắc.

Bằng cách đưa tiêu chí giải phóng nô lệ vào mục tiêu cuộc chiến, Tổng thống Lincoln phần nào đã làm lắng dịu những lời chỉ trích của giới cực đoan dành cho chương trình của ông. Đồng thời ông đã thực hiện một biện pháp đoàn kết những người thuộc chính quyền của ông. Tất nhiên, ông đã khiến nhiều người dân miền Bắc xa lánh mình hơn nữa. Chủ yếu họ là thành viên đảng Dân chủ. Nhưng đổi lại, ông làm vững mạnh hơn sự hỗ trợ ông đối với dân chúng Mỹ nói chung, mặc dù động thái hỗ trợ này cũng rất thận trọng. Vấn đề giải phóng nô lệ vẫn còn đủ sức gây họa cho ông về sau này. Dù những lời bào chữa của ông cho đây là hành động cấp thiết về mặt quân sự, ông đã bổ sung trực tiếp một yếu tố đạo lý vào mục tiêu chiến đấu của Liên bang, một yếu tố vượt quá mục tiêu chính trị là bảo toàn Liên bang và giúp nhen nhóm lại lòng nhiệt huyết lớn lao cho vô số quân nhân và nhân dân miền Bắc. Cuối cùng, hành động của Tổng thống Lincoln đã giải phóng hàng ngàn nô lệ trong lúc những đội quân của Liên bang hoàn tất cuộc chiến tranh chinh phục miền Nam.

Giải phóng nô lệ và tiếp nhận người da đen vào phục vụ quân ngũ là cặp bài trùng. Một số ít nô lệ da đen đã được các tướng Liên bang thu phục đầu cuộc chiến. Tháng 08 năm 1862, ông Stanton phê chuẩn việc tuyển mộ 5 ngàn lính da đen tại Nam Carolina. Nhưng hành động này (như chính hành động giải phóng nô lệ) đã bị dân thường và các chính trị gia phản đối kịch liệt. Đã có lần Tổng thống Lincoln tin rằng “việc giải phóng nô lệ sẽ gây họa nhiều hơn là phúc”. Khi tâm trạng của dân chúng cả nước về vấn đề này thay đổi, ông cũng thay đổi theo. Năm 1863, ông đã là một người ủng hộ (dù chưa rõ ràng) cho ý tưởng này. Tháng 03, ông viết hăng hái có phần cường điệu “chỉ riêng cảnh 50 ngàn binh sĩ da đen được huấn luyện đầy đủ và được trang bị đến tận răng trên bờ sông Mississippi cũng đủ chấm dứt cuộc nổi loạn ngay lập tức”.

Lời tuyên bố giải phóng nô lệ cuối cùng và kế sách cưỡng bách tòng quân đã tháo bỏ mọi rào cản đối với những quân nhân da đen. Việc tuyển mộ da đen trong đó có cựu nô lệ giờ đã diễn ra sâu rộng. Hầu hết cựu nô lệ đều sẵn lòng đăng lính. Nhưng có lẽ những đơn vị tuyển mộ của quân đội đã sử dụng những phương pháp không hợp lòng người. Họ thường ruồng bắt và ấn vào quân đội những nô lệ được tự do sống trong các trại hoặc khi họ đang làm việc trên cánh đồng. Đôi khi họ không có cơ hội nói lời tạm biệt với vợ con. Cuối cùng, khoảng 179 ngàn người da đen, phần đông trong số họ là cựu nô lệ, trở thành quân nhân của quân đội Liên bang và khoảng 20 ngàn người phục vụ trong binh chủng hải quân.

Quân nhân da đen phải chịu sự kỳ thị nặng nề, ngay cả phải chịu mức lương thấp hơn người da trắng. Như một luật lệ, họ thường được giao những công việc mang tính chất phục dịch. Lúc đầu, quân nhân da trắng chấp nhận đồng nghiệp da đen để phục vụ. Nhưng rồi càng lúc càng có nhiều người da trắng tôn trọng người da đen bởi hiệu quả chiến đấu của họ. Nếu bị quân Liên minh bắt, quân nhân da đen không được coi là tù binh chiến tranh. Ngược lại, họ bị xếp vào loại nô lệ bị bắt với vũ khí trong tay và như vậy họ có khả năng bị hành quyết. Nhưng những nhà chức trách Liên minh không ủng hộ cho việc thực hiện chính sách này bởi lời đe dọa: tù binh

Liên minh trong tay quân Liên bang cũng sẽ phải chết với số lượng tương tự. Cho tới khi chiến tranh gần kết thúc, Liên minh mới đồng ý trao trả tù nhân chiến tranh người da đen.

Quân nhân da đen được phái tới những mặt trận quyết liệt. Nổi bật nhất là đợt bao vây cảng Hudson, Louisiana, tấn công tuyến phòng thủ Charleston ở giai đoạn sau của cuộc chiến, cuộc tấn công vào tuyến phòng tỏa của Liên minh tại Petersburg, Virginia và cuộc tấn công của Liên bang trong trận Nashville. Nỗi sợ bị bắt cũng như hi vọng được tự do đã mang lại nguồn cảm hứng chiến đấu cho người da đen. Họ giao chiến với sự hăng hái và kiên cường ít ai bì kịp. Một thời gian sau khi những quân nhân da đen tham gia chiến đấu, tại Bend thuộc Milliken phía trên Vicksburg, Mississippi, một cô gái sống trong đồn điền đã viết trong nhật ký cô như sau: “Người ta bảo các quân đoàn da đen chiến đấu như những con quỷ điên khùng, nhưng chúng tôi không sao tin được điều ấy”. Tướng Grant nói rằng người da đen “cư xử tốt” trong nội chiến. Có lẽ trang sử hào hùng người da đen trong chiến đấu được thể hiện tại cuộc tấn công đầy quả cảm nhưng thất bại và phải trả giá quá cao vào tháng 03 năm 1863 khi quân đoàn bộ binh tình nguyện số 54 thuộc bang Massachusetts tấn công Battery Wagner ở Charleston.

Sự có mặt của quân nhân da đen dường như khiến cho quân Liên minh chiến đấu với tinh thần hăng hái và kiên cường chưa từng thấy. Tại trận Bend thuộc Milliken, lính Liên minh và lính da đen tử trận bên nhau. Người ta thấy nhiều cặp xác chết như vậy với mỗi người bị lưỡi lê của đối phương đâm xuyên qua mình. Tức giận vì đối phương sử dụng cự nê lệ da đen chống lại mình, bị vây hãm trong cuộc chiến ngày càng trở nên quyết liệt, lính Liên minh trên chiến trường thường không để cho lính da đen được đầu hàng. Nếu có sau đó họ cũng tìm cách giết chết. Những bi kịch như vậy chủ yếu bộc lộ cơn giận dữ bùng phát tự nhiên trong một phần quân số của Liên minh.

Cuộc thảm sát khủng khiếp được nhiều người biết đến nhất xuất hiện vào tháng tư năm 1864. Hôm ấy một đơn vị kỵ binh dưới quyền tướng Forrest chiếm giữ pháo đài Pillow tại Tennessee. Gần 200 lính da đen bị tàn sát tại đây. Rất nhiều người xin tha mạng. Một số ít bị giết chết đúng theo kiểu giết người trong cuộc bao vây thành Petersburg. Cả hai lần, các vụ thảm sát đều được chặn lại bởi sự can thiệp cá nhân của các sĩ quan chỉ huy, mặc dù tướng Forrest bị buộc tội chính ông ta là người đầu tiên ra lệnh cho binh lính tại pháo đài Pillow thực hiện cuộc thảm sát này.

Lính thủy và lính bộ da đen (dù tham gia chiến đấu hay làm công việc lao dịch) đều phải hy sinh nhiều. 20% số thương vong là người da đen. Có người chết vì bị thương nhưng cũng có người chết vì bệnh tật. Hiệu quả thực thi nhiệm vụ của quân nhân da đen cũng giống như quân nhân da trắng, rất đa dạng. Lữ đoàn trưởng tướng Charles Francis Adams nói về người da đen trong sự kiện Petersburg: “Họ hành xử cũng như bao người khác, có tốt có xấu nhưng những gì họ phải chịu đựng là đau khổ hơn và nặng nề hơn rất nhiều”. Những chiến binh da đen đóng góp đáng kể vào

nỗ lực tham chiến của quân Liên bang và như vậy họ cũng đóng góp rất nhiều vào sự nghiệp giải phóng đồng bào mình khỏi chế độ nô lệ.

Trong các biện pháp thời chiến, chính quyền Lincoln thực hiện chủ yếu dựa vào tính thực dụng. Nước Mỹ chưa bao giờ phải chịu sự căng thẳng như thời nội chiến. Có rất ít thủ tục hoặc tiền lệ để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc chiến này. Nó tạo ra hoàn cảnh khiến người ta chỉ áp dụng được hiến pháp Hoa Kỳ khi hiểu theo nghĩa rộng. Nó thách thức rất nhiều nguyên tắc bất khả xâm phạm của chính phủ Cộng hòa. Nó đòi hỏi cả quyết định đầy quyền uy lẫn sự thỏa hiệp thận trọng. Lòng trung thành gần như trở thành huyền thoại của Tổng thống Lincoln với mục tiêu phải bảo toàn cho được Liên bang Mỹ được toàn bộ người dân miền Bắc ủng hộ dù họ thuộc đảng Cộng hòa hay Dân chủ. Lòng trung thành với Liên bang kết hợp với tài lãnh đạo của cá nhân ông đã phát triển một chương trình giúp mài giũa những nguồn lực vượt trội của Liên bang thành thanh kiếm chiến thắng.

## 6. Chính phủ Liên minh và bộ máy hành chính miền Nam

Ngay từ đầu chính quyền Davis đã bị nhận chìm trong những đòi hỏi của chiến tranh. Rắc rối về việc gây dựng, nuôi dưỡng, luyện tập và quản lý lực lượng quân sự lớn chưa từng có trước đây, cung cấp đủ nhu cầu cho một lượng cư dân đang lúng túng trước những tình thế khó khăn của chiến tranh và điều hành những công việc hàng ngày của một chính phủ dân sự trong một quốc gia đang đấu tranh đòi được công nhận, đã trở thành gánh nặng đè nặng chính phủ miền Nam. Tổng thống Davis và nội các của ông ta đã không đánh giá đầy đủ nhiệm vụ đặt ra cho mình. Nhưng họ tận tụy với toàn bộ nghị lực, sự quyết tâm và tài khéo léo. Ông Emory Thomas gọi nỗ lực tham chiến của quân Liên minh là “một trải nghiệm cách mạng”.

Nhiệm vụ cấp thiết nhất là duy trì sức mạnh quân đội. Những thất bại quân sự trong mùa đông năm 1861 và mùa xuân năm 1862 (đặc biệt là trận chiến đẫm máu ở Shiloh) kết hợp với sự khắc nghiệt của cuộc sống trong doanh trại và chiến trường cũng như nỗi khó khăn thiếu thốn của gia đình ở hậu phương đã làm giảm lòng nhiệt huyết của những người muốn tình nguyện tham chiến. Nhiệt tình tham gia quân đội cũng không thể được nhen nhóm lại với đề nghị 50 đôla tiền thưởng cộng 60 ngày phép tặng cho những ai tái ngũ thời hạn ba năm hoặc cho tới khi chiến tranh kết thúc.

Bị tướng Robert E. Lee và nhiều tướng khác thúc giục, Tổng thống Davis đệ trình và Hạ viện Liên minh ban hành vào giữa tháng tư biện pháp cưỡng chế quân dịch trên toàn quốc, một biện pháp lần đầu tiên xuất hiện trong cộng đồng dân cư nói tiếng Anh. Mọi cư dân còn lành lặn tuổi từ 18 đến 35 (với một số trường hợp ngoại lệ) sẽ bị cưỡng bức tòng quân vào quân đội Liên minh thời hạn ba năm trừ khi chiến tranh kết thúc sớm hơn. Còn quan trọng hơn cả lệnh cưỡng bức tòng quân, điều luật này cũng tăng thêm thời hạn phục vụ quân ngũ của những quân nhân hiện đang phục vụ trong quân đội thêm kỳ hạn một năm. Cuối cùng, giới hạn về tuổi được nói rộng: từ 17 tới 50. Trong đó những ai dưới 18 và trên 45 sẽ đứng trong hàng ngũ quân dự bị của Liên minh. Lính nghĩa vụ hoặc người đi thay thế cho họ lên tới 20% quân nhân của Liên minh.

Các điều luật cưỡng chế quân dịch của Liên minh là các biện pháp có ảnh hưởng sâu rộng và cực đoan. Vì không hề có điều khoản nào miễn giảm do phải nuôi người phụ thuộc, những điều luật này đã gây cảnh sống cực kỳ khó khăn cho vô số gia đình dân thường. Bởi các điều luật này đối lập với những tiền lệ đã tồn tại lâu dài trước đó và đối lập với các đặc quyền của các bang nên nhiều người miền Nam chống đối. Lệnh cưỡng bức quân dịch bị lên án là sai lầm và bất hợp pháp. Thống đốc bang Georgia nhận xét về nó như sau: “Tôi không đồng tình để bang tôi thực hiện một chính sách mà theo sự nhận xét của tôi là phá vỡ chủ quyền của bang, phá vỡ mọi nguyên tắc nhằm hỗ trợ cho bang Georgia tham gia vào cuộc cách mạng này”. Thư ông viết cho Phó tổng thống Stephens có đoạn như sau: “những điều luật này là sự chiếm đoạt quyền của các bang, một hành động nguy hiểm và táo tợn”.

Các đạo luật cưỡng chế quân dịch cho phép cá nhân không phải phục vụ quân ngũ bằng cách thuê người thay thế hoặc bằng cách làm những nghề dân sự được coi là không thể thiếu đối với Liên minh hay chính quyền hành chính tại các bang. Trường hợp được miễn gây nhiều tranh cãi nhất chính là việc quân dịch sẽ miễn đối với một người da trắng có đồn điền và có khoảng 20 nô lệ trở lên. Mặc dù chính sách này là thiết thực để duy trì trật tự và sản lượng hàng hóa của các đồn điền, rất nhiều người không sở hữu nô lệ cho đây là sự thiên vị về mặt đẳng cấp. Họ nói luật liên quan tới 20 nô lệ biến thành cuộc đấu tranh “mang quyền lợi về cho người giàu và khiến người nghèo phải đổ máu trên chiến trường”. Sau này hạ viện của Liên minh phải giải tòa những bất bình này bằng cách không cho phép thuê người thay thế. Cắt bớt những trường hợp được miễn giảm. Xoa dịu những chủ nô nhỏ hơn bằng cách giảm con số nô lệ đòi hỏi cần phải có cho một chủ nô được ở nhà từ 20 xuống 15 người.

Người tình nguyện và lệnh cưỡng bức tòng quân đóng góp phần lớn nhân lực cho miền Nam. Từ dân số da trắng khoảng 5,5 triệu người, Liên minh đã tập trung từ 800 ngàn tới 1 triệu người phục vụ quân ngũ trong vòng bốn năm chiến tranh. Vào thời kỳ cao điểm, quân Liên minh có khoảng từ 400 ngàn tới nửa triệu người.

Tài chính là một vấn đề nghiêm trọng đối với Liên minh nếu không nói là còn nghiêm trọng hơn cả sự cần thiết về nguồn nhân lực. Trên vai Bộ trưởng Bộ tài chính Memminger là gánh nặng khó lòng cáng đáng nổi: quyên góp tiền từ một xã hội sống nhờ vào nông nghiệp và vay mượn một số tiền lớn để đủ cung cấp cho một cuộc chiến. Để có món tiền ủng hộ chiến tranh, ông hy vọng sẽ quyên góp bằng thuế. Với sự thúc giục của ông, Hạ viện đã ban hành một hình thức thuế đánh trực tiếp lên các bang vào tháng 08 năm 1861 (với khoản này chỉ thu được 17,5 triệu đôla Mỹ) và một lượng lớn giấy bạc tiền giấy. Việc phản đối của dân chúng đối với thuế trong những vùng nông thôn bảo thủ đã buộc ông Memminger phải quay sang mượn tiền thông qua việc bán trái phiếu với lãi suất hấp dẫn. Bởi vì những người quản lý đồn điền thường chỉ có một lượng ít tiền mặt nên ông cho phép họ mua trái phiếu bằng tín dụng và bằng cách thế chấp nông sản sắp thu hoạch, như vậy đã thúc đẩy hình thức cho vay lấy sản phẩm phát triển. Ông hy vọng sử dụng lượng bông cần có theo cách này như một nguồn bảo đảm một khoản tiền mặt cho vay lớn hơn từ các chủ ngân hàng châu Âu.

Chính phủ Liên minh phải nỗ lực trong việc tăng thuế và vay tiền trong suốt thời kỳ chiến tranh. Tháng 04 năm 1863, Hạ viện ban hành một điều luật tham vọng: áp đặt 8% thuế hàng nội địa lên một danh sách dài đủ loại sản phẩm. Một loại thuế cấp phép đa dạng lên nhiều loại hình nghề nghiệp ngoại trừ nghề nông và một loại thuế thu nhập áp dụng cho các đối tượng có thu nhập 10 ngàn đôla trở lên là 15%. Điều luật này cũng bao gồm một loại thuế được nhiều người biết đến, khá khéo léo nhưng không thể nào thu được: đòi nông dân và chủ đồn điền phải nộp 1/10 sản phẩm của họ. Nhiều lần phát hành trái phiếu đã được chuẩn y và những nỗ lực sáng tạo để bán chúng ra thị trường, ở Liên minh lẫn châu Âu. Đợt bán trái phiếu được nhiều người

biết đến tại châu Âu do một chuyên gia tài chính người Pháp Emile Erlanger thực hiện. Nhân vật này bán số trái phiếu được bảo đảm bằng bông lên tới 25 triệu đôla Mỹ và được trích 23% tiền hoa hồng.

Tiền thu được từ thuế và tiền vay không thấm tháp gì so với nhu cầu của Liên minh. Người ta ước tính chỉ có 1% tiền thu được của Liên minh là từ tăng thuế và 39% nhờ bán trái phiếu. Số 60% còn lại, ông Memminger chỉ còn một chọn lựa: phát hành trái phiếu kho bạc. Bắt đầu từ năm 1861 với đợt phát hành 119 triệu đôla Mỹ của kế sách tạm thời, nhiều lần ông đệ trình và Hạ viện cũng nhiều lần chuẩn y để tăng số lượng của hình thức tiền tệ này.

Cuối cùng, tổng trị giá của trái phiếu kho bạc Liên minh đã vượt quá 1,5 tỷ đôla Mỹ. Cùng với sự tràn ngập của loại tiền này là một số lượng lớn trái phiếu kho bạc của các bang cộng với những loại trái phiếu hứa hẹn sẽ được phát hành bởi những nhà băng, các công ty bảo hiểm lẫn các công ty đường sắt. Hạ viện từ chối việc công nhận trái phiếu kho bạc ấy là hợp pháp. Sự tồn tại một số lượng lớn tiền giấy không thể đổi thành vàng, việc thiếu thốn hàng hóa trầm trọng tại miền Nam rõ ràng đã gây ra lạm phát đầy tai họa. Tháng 06 năm 1864, ông Memminger từ chức trong tuyệt vọng. Tổng thống Davis bổ nhiệm ông George Trenholm, một chủ ngân hàng nổi tiếng người Charleston vào vị trí này. Ông Trenholm nỗ lực với những biện pháp tăng thuế táo bạo. Ông kêu gọi và nhận được một lượng tài sản ủng hộ từ dân chúng hết sức to lớn với đủ loại châu báu. Bản thân ông cũng hy sinh nhiều nhằm nỗ lực giải quyết các hậu quả của lạm phát. Nhưng mọi hoạt động của ông đều vô vọng. Đầu năm 1865, một đôla tiền giấy của Liên minh giá trị không bằng 2 cent đồng đôla đổi được ra vàng. Nó trở thành một món quà kỷ niệm của cuộc chiến tranh vô nghĩa.

Trong việc tìm kiếm và phân phát quân trang quân dụng, chính quyền Davis cho thấy họ vừa có tài xoay xở, lại vừa thiếu cận. Tài xoay xở thể hiện ở chỗ ông Raimondo Luraghi đã thu hút được sự chú ý với một thử nghiệm hấp dẫn trong chính sách xã hội của các bang: thành lập tại miền Nam rộng lớn và không có nền công nghiệp một hệ thống khổng lồ những nhà máy được bao cấp hoặc thuộc sở hữu nhà nước nhằm sản xuất tàu chiến, đạn dược, quân phục, giày cao cổ cùng với rất nhiều loại quân trang quân dụng đa dạng cho chiến tranh.

Một trong những người tổ chức quan trọng nhất của các nhà máy thuộc sở hữu chính phủ là trưởng ban quân nhu, tướng Josiah Gorgas, một người xuất thân từ bang Pennsylvania, tốt nghiệp Học viện quân sự Hoa Kỳ. Ông là một “thầy phù thủy” trong ngành công nghiệp. Vì kết hôn với một phụ nữ Alabama nên ông cùng chia sẻ số phận với miền Nam trong vòng hai năm cuối của cuộc chiến. Những nhà máy của ông đổ ra chiến trường một lượng lớn súng đạn. Khi cuộc chiến tranh lên tới cao điểm, ông từng huênh hoang: tại nơi cách đây ba năm chưa làm ra được một khẩu súng trường, súng ngắn hoặc một cây kiếm, không có đạn thường cũng như đạn đại bác (ngoại trừ ở xưởng Tredegar), không có đến một kg thuốc súng. Vậy mà giờ đây chúng ta đã có được tất cả những thứ ấy với số lượng lớn đủ để đáp ứng đòi hỏi của quân đội hùng hậu của ta”. Giáo sư Frank E. Vandiver đã viết về thành tích này như

sau: “Thế giới hiểm khi chúng chiến một sự chuyển đổi kỳ diệu: biến lưỡi cày thành kiếm sắc”.

Một anh hùng nữa của nền sản xuất nông nghiệp ở Liên minh là tướng Joseph R. Anderson, chủ nhân của xưởng thép Tredegar Tron Works tại Richmond. Với tiền trợ cấp tài chính của chính phủ và với lượng lao động có từ quân đội, cùng với hàng trăm nô lệ và một số lượng tương đương tù nhân từ các nhà tù giam giữ tội phạm ở các bang, ông Anderson đã biến phân xưởng của ông thành một nhà máy sản xuất đạn dược chính cho Liên minh. Ông phát triển các mỏ sắt để có được lượng quặng cần thiết. Đing các loại, dây thép gai và thép thanh nuôi sống công nhân của ông. Ông xây dựng và điều hành một xưởng thuộc da, một nhà máy sản xuất giày. Ông còn cho người ra nước ngoài lấy bông đối các mặt hàng thiết yếu khác. Xưởng Tredegar sản xuất đại bác, sắt tấm để đóng tàu cho binh chủng hải quân, máy móc cho các nhà máy khác, từng cho xuất xưởng một tàu ngầm và các loại ngư lôi sử dụng để đánh đắm các tàu chiến của Liên bang. Chỉ khi quân Liên bang tràn vào Richmond và chiếm lấy xưởng này, các lò đúc của ông Anderson mới ngưng đổ lửa. Một trong những lý do Liên minh chiến đấu ngoan cường và dai dẳng nhằm giữ lấy Richmond chính là họ muốn giữ lấy xưởng Tredegar.

Tổng thống Davis may mắn chọn được ông Gorgas là thành viên trong chính quyền của mình. Chủ nhiệm tổng cục hậu cần Liên minh, tướng Abraham C. Myers nỗ lực thực hiện một chương trình có thể so sánh được với một chương trình của ông Gorgas về cách thực hiện rất thông minh. Ông Myers dựa vào các nhà máy do chính phủ xây dựng để cung cấp đồng phục và giày cho binh lính. Đồng thời còn mua được đủ số ngựa từ những người chăn nuôi và nhà cung cấp trong dân chúng. Ông Abraham C. Myers là một nhà quản lý kém nên ông bị nhận chìm giữa những công việc bàn giấy ngổn ngang, phần bởi những thiếu thốn không thể tránh khỏi trong nền kinh tế miền Nam, ông đã không thành công bằng Gorgas. Quân đội miền Nam thường thiếu thốn các mặt.

Sĩ quan quân nhu của Liên minh, tướng Lucius B. Northrop không thành công bằng ông Myers trong việc đáp ứng nhu cầu của quân đội. Lính Liên minh thường xuyên phải chịu đói. Trong năm cuối cùng của cuộc chiến, nhiều người trong số họ chết đói hoặc gầy mòn vì thiếu ăn. Đôi khi gục ngã vì bệnh co rút. Những nghiên cứu mới đây về hành vi của binh lính đã chỉ ra rằng: suy dinh dưỡng đã làm giảm sút không chỉ sức lực thể chất của người lính mà còn làm giảm sút đạo đức và sự kiên định của họ, thậm chí làm giảm sút nhuệ khí chiến đấu của từng cá nhân. Rõ ràng, lính Liên minh phải chịu một căn bệnh suy nhược ghê gớm đặc biệt là những năm cuối của cuộc chiến. Những con thú nuôi của Liên minh thậm chí còn thiếu ăn nghiêm trọng hơn cả con người.

Tướng Northrop đã làm việc không hiệu quả. Thậm chí tướng Lee kiên nhẫn là thế cũng phải chỉ trích ông gay gắt. Tướng Northrop nổi tiếng là hay gây sự và gây bất đồng. Ông đã làm dấy lên cơn giận dữ trong số những nông dân bởi thái độ xấc xược của quân dưới quyền ông khiến cho họ còn nhớ mãi: chiếm đoạt lương thực và



trả cho họ những chứng từ lẫn văn kiện ghi nợ thực sự chẳng có giá trị gì. Ông Northrop trước chiến tranh đã là bạn của Davis. Vị Tổng thống này giữ ông tại chức cho tới những tuần cuối cùng của cuộc chiến: trong con mắt nhiều người miền Nam, đây là một trường hợp thiên vị bạn thân.

Dù ông Northrop phần nào phải chịu trách nhiệm về những rắc rối của mình, những rắc rối đó xuất phát từ những điều kiện ngoài tầm kiểm soát của ông. Người viết nhật ký xuất xứ từ lãnh địa Liên minh là Mary Boykin Chesnut đã thông cảm với ông như sau: “Nếu tôi được chọn người bị lạm dụng nhất ở Richmond, tôi sẽ nói đó là Bộ trưởng Bộ quân nhu, ông Northrop. Ông là một trong những người bị nguyên rủa và phỉ báng nhiều nhất. Hễ có chuyện gì bất ổn xảy ra trong quân đội, người ta lại nhắc đến ông”. Binh lính Liên minh không đói bởi thiếu thực phẩm ở miền Nam. Những nông trại đồn điền của miền Nam nằm ngoài tầm với của quân đội Liên bang và sản xuất đầy đủ hoa màu trong suốt cuộc chiến. Bị thúc giục bởi lời tuyên bố của Tổng thống và những giải pháp của Hạ viện, những chủ đất đã không trồng những sản phẩm mang lợi ích thương mại: bông thuốc lá và cây cho đường. Ngược lại, họ trồng và thu hoạch được một số lượng lớn ngô và lúa mì, rau quả.

Nhưng ông Northrop buộc phải dựa dẫm rất nhiều vào phương tiện giao thông của Liên minh, vì những miền quê có quân đội chiếm đóng không thể một mình đảm đương việc cung cấp số lượng lớn lương thực cần phải có. Phần lớn trong số này được chở đến những khu vực khác ở miền Nam. Đường sắt là phương tiện vận chuyển chính. Mặc dù các công ty đường sắt cố gắng duy trì nỗ lực của Liên minh trong suốt bốn năm, họ cũng khó đáp ứng đủ nhu cầu thực sự. Nền công nghiệp miền Nam không thể thay thế những đầu máy xe lửa và đường sắt đã xuống cấp bởi lượng giao thông lớn chưa từng thấy. Máy móc và các toa xe trở nên yếu ớt khi phải chập chạp trên những khoảng đường ray cũ kỹ. Đường ray của hai loại đường sắt khác nhau không thể kết hợp được với nhau trong một thành phố. Vì thế, việc chuyển hàng hóa tốn rất nhiều thời gian là điều không thể tránh khỏi mỗi khi tàu cập bến vào một ga bất kì.

Có lẽ vấn đề nghiêm trọng về đường sắt của Liên minh thiếu đồng bộ với nhiều loại đường sắt khác nhau. Biết được vai trò và sự thiếu đồng bộ của đường sắt, Tổng thống Davis nỗ lực giảm thiểu khó khăn bằng cách tìm sự đồng thuận tình nguyện giữa các công ty đường sắt. Ông chỉ định những điều phối viên giỏi nghề. Lúc đầu là William Wadley, sau đó là đại úy Frederick W. Sims. Cả hai đều thực hiện nhiều kế hoạch để quyên góp máy móc và các toa xe, thiết lập được những quy tắc ưu tiên cho nhu cầu quân sự, đề ra lịch trình của các chuyến hàng.

Khi các bản thỏa thuận tình nguyện không hiệu quả, tháng 05 năm 1863 Hạ viện của Liên minh ban hành một biện pháp tăng thêm quyền lực cho Tổng thống trong việc trưng dụng chiếm giữ những đoạn đường sắt không đồng bộ. Tổng thống Davis không dám thực thi điều luật này, bởi ông sợ làm như vậy sẽ cung cấp một bằng chứng thêm vào những bằng chứng khác từng khiến người dân gọi ông là một tên độc tài. Giáo sư Robert C. Black nói rõ Tổng thống Davis đã “ray rút bởi sự do dự

chết người này”. Cuối cùng tháng 02 năm 1865, Hạ viện đã đồng ý đưa vào thực tế một điều luật có tác dụng sâu rộng: quân đội được phép trưng dụng các công chức và người làm công của tất cả các công ty đường sắt tại những vị trí trọng yếu về mặt quân sự. Nhưng cho đến lúc đó, theo lời ông Black “thậm chí ngay cả một Pharaon hùng mạnh nhất của Ai Cập cổ đại cũng không thể cứu nổi Liên minh nữa rồi...”.

Chính bởi những bất lợi trong vận chuyển nên trong lúc các ga và nhà kho của Liên minh thông thường đầy ắp thực phẩm dự trữ, lính tráng và gia súc ngoài chiến trường lại chịu đói. Việc thiếu nguồn cung cấp lương thực và dịch vụ đủ loại vì nhiều lý do đã gây ra thiệt hại to lớn. Hơn 60% số lính chết trên chiến trường. Con số này lên tới 16% tổng sức mạnh của toàn quân đội hoặc hơn 20% (nếu theo ước tính thấp về sức mạnh chung được chấp nhận) đều xuất phát từ những nguyên nhân không phải do chiến đấu.

Một trong những thảm cảnh gây tranh cãi nhiều nhất của chiến tranh chính là việc đối xử với vô số tù nhân chiến tranh: 195 ngàn lính Liên bang, 215 ngàn lính Liên minh, đều phải ở tù quá hạn thời gian giam giữ được cam kết từ trước. Việc cố tình xử tàn bạo của người miền Nam đối với tù nhân Liên bang làm dấy lên ở miền Bắc một truyền thuyết về sự tàn bạo, khủng khiếp mãi cho đến cuối thế kỷ XX vẫn còn được người ta nhắc đến. Một người sau này bị hành hình như một tội phạm chiến tranh chính là sĩ quan chỉ huy của một trong những trại giam khét tiếng ở miền Nam: thiếu tá Henry Wirz của nhà tù Anderson ở Georgia. Sau chiến tranh, hội tôn giáo tại Georgia đã dựng tượng ông tại thị trấn Andersonville. Đề tặng trên bức tượng này là những dòng chữ của Tổng thống Jefferson Davis: “Khi thời gian làm lắng dịu sự phẫn nộ và thành kiến, khi lẽ phải vạch trần mặt nạ của xuyên tạc và bóp méo, thì khi đó thần công lý giữ cho mình cán cân thăng bằng sẽ đòi hỏi những lời khen chê ngày trước phải đổi chỗ cho nhau”.

Điều kiện tại nhà tù Andersonville có thể tồi tệ hơn bất cứ nhà tù nào trong nội chiến. Trại giam này được xây dựng vào cuối chiến tranh, lúc Liên minh bị chia cắt bởi những cuộc tiến quân và chiếm đóng của Liên bang. Lúc đó liên minh đang thiếu binh lính, lương thực tiếp tế, phương tiện vận chuyển và chỉ còn là một chính thể buộc phải làm việc quá sức để sống còn. Truyền thống trao đổi tù binh đã bị đình hoãn theo lệnh của tướng Grant (lúc ấy là chỉ huy toàn bộ quân đội Liên bang), vì nhiều lý do trong đó có những lời buộc tội rằng nếu phóng thích tù nhân Liên bang sẽ lại gia nhập quân đội ở những đơn vị trước đây họ từng phục vụ. Rõ ràng chuyện này không thể không có. Thêm vào đó còn có lời từ chối trong một thời gian rất lâu của nhà chức trách Liên minh không chịu trao trả tù nhân da đen. Nhưng một lý do tuy khó chấp nhận nhưng lại thực tế đó là số lượng lớn lính tráng sẽ được trao đổi giúp cho số quân của Liên minh sẽ nhiều hơn quân của Liên bang.

Hoạch định giam giữ 10 ngàn tù nhân, nhà tù Andersonville vào lúc cao điểm giam giữ 33 ngàn người. Hầu hết họ đều đến từ những nhà tù ở khắp nơi đang bị đe dọa bởi các lực lượng quân Liên bang sắp tràn tới. Nhà tù Andersonville giam giữ tổng cộng 49485 người trong khoảng 13 tháng tồn tại. Con số gây kinh hoàng là:

trên 13700 hoặc hơn 27% đã chết vì bệnh tật và trước đó từng bị thương. Cả bệnh tật và những vết thương ngày càng trầm trọng hơn bởi số lượng người đông quá tải, bởi tình trạng vệ sinh vô cùng tồi tệ, bởi thiếu lương ăn và thiếu sự chăm sóc y tế cần thiết.

Việc đối xử của Liên bang đối với tù nhân Liên minh (khi so sánh với những lợi thế của người miền bắc) cũng đáng chất vấn không kém. Nhà tù Elmira Barracks tại miền Bắc New York, dù giam giữ ít tù nhân hơn Andersonville, nhưng cũng có thể so sánh được với nhà tù Andersonville về phương tiện thiếu thốn, đặc biệt là phương tiện giữ ấm cho mùa đông lạnh giá và sự bẩn thỉu của các phương tiện vệ sinh. Trong số 12.147. tù nhân Liên minh bị giam giữ ở đây, 2980 người chết, gần 25%. Con số thống kê chung về số tù nhân chết như sau: 15,5% tù nhân thuộc các nhà tù Liên minh. 12,1% tù nhân trong các nhà tù Liên bang.

Giáo sư Edward Channing kết luận cách nay hơn nửa thế kỷ rằng: mỗi phe phải nuôi số tù nhân nhiều gần bằng số binh lính của chính mình. Những thống kê về số thương vong trong thời chiến của mỗi phe, cho thấy mỗi bên chăm sóc cho tù nhân còn tốt hơn chăm sóc binh lính của chính mình. Tỷ lệ tử vong giữa tù nhân của cả miền Nam và miền Bắc thấp hơn rất nhiều số tử sĩ vì những nguyên nhân không do chiến đấu trong quân đội Liên minh. Tỷ lệ tử vong của tù nhân cả hai phe thấp hơn tỷ lệ tử vong do những nguyên nhân không phải chiến đấu quân đội Liên bang. Nếu so với con số ước tính ít hơn về quân số của toàn bộ quân đội này là chấp nhận được: 1,5 triệu người. Mặc dù bàng hoàng với sự chịu đựng và mất mát của những tù nhân, không một học giả nào nghiên cứu về nội chiến ngày nay lại tin rằng nhà chức trách của mỗi bên đều có tội vì đã cố tình tạo ra cuộc sống tàn khốc đối với tù nhân.

Những rắc rối của chính quyền Liên minh, cả về dân sự lẫn quân sự, với những nguồn lực sẵn có và trong cuộc chiến như cuộc nội chiến này là không thể khắc phục được. Không ai có thể tìm ra đội ngũ lãnh đạo nào làm việc tốt hơn Tổng thống Davis và đồng sự của ông. Thế nhưng rất nhiều thiếu sót và sai lầm ở mức độ lớn mà Liên minh không thể gánh vác nổi cũng đã xảy ra. Số lần thay đổi nhân sự của nội các ông Davis (tổng cộng 10 lần) chỉ ra sự bất ổn đó. Mặc dù những người được chọn đều xuất chúng, một số lớn những nhân vật có khả năng làm tròn trọng trách đối với dân chúng miền Nam lại không thuộc nhóm này. Thành viên nổi bật nhất của nội các Liên minh đầu tiên là ông Toombs đã sớm rời tổ chức này để trở thành một viên tướng ngoài mặt trận. Một người miền Nam khác tương đương với ông về kinh nghiệm và lòng can đảm, ông Howell Cobb cũng đã từng mặc quân phục và không bao giờ là một thành viên của chính quyền Davis. Hầu hết những người xuất chúng trong khu vực miền Nam, bao gồm bản thân ông Davis, thích hợp với việc điều hành quân sự hơn là dân sự. Mía mai thay, những tham mưu quân sự lại phải dựa dẫm nhiều vào nỗ lực tham chiến của miền Nam.

Ông Davis cần sức mạnh và sự kiên nhẫn lớn. Ông đầy đủ sức mạnh nhưng lại thiếu kiên nhẫn. Mặc dù ông là người thông minh, quyết đoán và can đảm ít ai bì kịp, song tính cách của ông khiến người ta cảm thấy khó gần. Ông độc đoán, khôn ngoan

và kín đáo. Tất cả những tính cách ấy đều được vợ ông, bà Varina nhận biết ngay từ buổi đầu tiên họ gặp mặt. Khi ấy bà mới 17 tuổi. Bà viết thư cho mẹ: “Davis có cách buộc mọi người đồng ý với anh ấy khi anh đưa ra một ý kiến nào đó... Thực tế anh ta là người có thể cứu một nạn nhân không bị làm hại bởi một con chó đang phát điên nhưng sẽ vô cùng lạnh lùng với cơn hoảng sợ của nạn nhân sau khi rủi ro đã qua”.

Những tính cách khó lòng hòa hợp của ông Davis ngày càng trở nên nghiêm trọng bởi áp lực do bốn phạm thời chiến đè nặng trên vai ông. Bộ trưởng Bộ hải quân, ông Mallory, một nhà quan sát sắc sảo, một người ủng hộ đồng thời là bạn của Tổng thống Davis, đã có đánh giá mang tính chỉ trích nhưng cũng rất công bằng: “Hiếm ai có thể lạnh lùng đến mức khiến người ta lạnh xương sống và sừng sốt đến như vậy”. Ông Mallory nhận ra rằng: ông Davis không hề có nỗ lực “nuôi dưỡng thiện ý đối với những dân biểu chống đối ông...” Đó không phải bản chất của ông. Chính tinh thần bất an, gia trưởng, thẳng thắn đã khiến ông hiếm khi tìm sự đồng tình và lấy lòng người khác. Ông coi thường niềm tin: “cần phải vỗ về người ta làm tròn bốn phạm trong những điều kiện khó khăn của quốc gia như thời nội chiến”. Những tính cách này càng rõ ràng hơn bởi điều kiện sức khỏe không ổn định của ông. Về mặt thể lực, ông Davis rất yếu ớt (ông mắc chứng khó tiêu và nhìn không rõ). Bệnh tình của ông càng nặng bởi cái chết do tai nạn của đứa con trai lên 5 tuổi của ông là Joe. Sự việc diễn ra vào tháng 04 năm 1864. Người ta cho rằng sự kiện đau lòng này là một điểm tương đồng quái lạ trong đời tư thời chiến của cả Tổng thống Davis lẫn Lincoln.

Ông Davis có xu hướng càng lúc càng kín đáo, sống thu mình với thế giới bên ngoài và tận hiến mọi nỗ lực để giải quyết những chi tiết mà quên đi đại cuộc. Điều này đặc biệt đúng khi xét quan hệ của ông với Bộ chiến tranh. Thật dễ hiểu khi ông tự coi mình là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Một quan chức sâu sắc trong bộ này đã có lần viết với chút cường điệu nhưng được đánh giá là chân lí: “Mọi nỗ lực cách mạng đều được phô ra với kẻ thù... với chúng tôi lại quá kín đáo - hay bắt bẻ từng li từng tí”. Một phần có lẽ vì vậy, văn phòng của bộ trưởng bộ chiến tranh lúc nào cũng có mặt năm người. Văn phòng của bộ trưởng bộ nội vụ chỉ có ba nhân sự. Văn phòng chương lý tối cao pháp viện: bốn nhân sự. Văn phòng bộ trưởng bộ tài chính hai nhân sự. Ông Davis không phải chịu trách nhiệm về việc thiếu nhân sự trong các ban bộ ấy, nhưng rõ ràng ông đã đóng góp phần lớn vào tình trạng này.

Sự ổn định trong bộ tham mưu đặc biệt quan trọng đối với bất cứ chính quyền nào khi phải đảm đương công việc vất vả thời chiến. Mùa hè năm 1861, Tổng thống Davis chuyển ông Judah P. Benjamin của bang Louisiana từ vị trí quan tòa của Pháp viện tối cao sang vị trí bộ trưởng bộ chiến tranh, kế nhiệm ông Walker. Tháng 03 năm 1862 sau khi ông Benjamin gặp nhiều mối bất hòa trầm trọng với nhiều viên tướng, đặc biệt là tướng Jackson, Tổng thống Davis chuyển ông sang bộ nội vụ và chỉ định ông George W. Randolph người gốc Virginia làm Bộ trưởng Bộ chiến tranh. Tháng 11 năm 1862, khi ông Davis bác bỏ lệnh của ông đòi vận chuyển lính từ miền Tây sông Mississippi đến miền Đông của sông này, ông Randolph đã bất mãn từ chức bởi ông tin rằng ông bị đối xử chẳng khác nào một nhân viên bình

thường. Tổng thống Davis sau đó bổ nhiệm vào vị trí này cho ông James A. Seddon người Virginia, một người yếu đuối về mặt thể chất nhưng mẫn cảm và làm việc chăm chỉ. Đến cuối cuộc chiến ông này cũng phải từ chức vì quá mệt mỏi. Ông John C. Breckinridge, trước đây từng là Phó tổng thống của Liên bang Hoa Kỳ, sau này là một viên tướng của Liên minh, giữ vị trí bộ trưởng bộ chiến tranh trong suốt những tuần cuối cùng của cuộc chiến và hoàn tất bốn phận chuẩn bị cho miền Nam đi đến thất bại cuối cùng.

Ông Benjamin, Bộ trưởng Bộ nội vụ, trở thành người có thể lực nhất trong nội các. Ông thay thế ông R. M. T. Hunter người Virginia (trước ông này là ông Toombs). Ông Benjamin trụ lại trong văn phòng cho tới khi kết thúc cuộc chiến. Ông thông minh, có năng lực và trở thành quân sư chính của Tổng thống Davis. Ông cũng là người bạn tâm tình của vị Tổng thống này. Người ta từng gọi ông là “bộ não của chính quyền”, phần bởi vì sự ghen tị nhưng cũng bởi ông Benjamin khéo léo ôn tồn điềm tĩnh và đáng tin đến khó chịu. Ông là người Do Thái thế nên là thành viên nội các bị người ta ghen ghét và ngờ vực nhiều nhất. Trên cương vị chương lý pháp viện tối cao, ông Benjamin sau này được Thomas Bragg kế vị. Sau Bragg là George Davis. Cả hai là người Nam Carolina. Chỉ có Bộ trưởng Bộ hải quân Mallory và Bộ trưởng Bộ bưu chính Reagan yên ổn tại vị trí làm việc từ đầu cho tới cuối cuộc chiến.

Ngoài những xích mích trong nội bộ chính quyền, các chính sách và việc thực thi của ông Davis đã động chạm tới những quan điểm cá nhân và xã hội sâu kín nhất của người miền Nam. Kiểu cư xử không biết đến người khác và sự cương quyết của ông cũng xung đột với cách cư xử của nhiều chính trị gia khác của miền Nam, đồng thời cũng xung đột với tính cách của rất nhiều viên tướng dưới quyền ông. Ông bị chỉ trích kịch liệt vì tính ngoan cố, chuyên quyền, tự cao tự đại và bất tài. Trong cuốn sách có tựa đề “Năm đầu của cuộc chiến” phát hành vào năm 1862 của một trong những nhà báo xuất chúng nhất miền Nam, ông Edward A. Pollard của tờ Richmond Examiner đã lên tiếng phản đối khi viết rằng: Tổng thống Davis đã khiến cuộc chiến thất bại bởi ông đã lờ đi không màng tới “sự khôn ngoan của dân chúng” và “khao khát đề cao tính đúng đắn của tri thức riêng mình trong từng biện pháp thực hiện trong cuộc cách mạng miền Nam để chứng minh mình là bậc kỳ tài trong từng sự kiện và từng tiểu tiết...”.

Ông Davis và vài viên tướng nổi bật của Liên minh thường xuyên bất hòa trong suốt chiều dài cuộc chiến. Ngay khi chiến tranh mở màn, ông và ông Joseph E. Johnston đã cãi cọ về cấp bậc của ông Johnston. Ông Davis không bao giờ tin tưởng vào khả năng của vị tướng này. Tổng thống Davis cũng có mối quan hệ bất hòa không kém với tướng Beauregard. Mối bất hòa này xảy ra sau cuộc chiến Bull Run đầu tiên. Lúc đó ông Davis đã ngầm ám chỉ rằng tướng Beauregard đã tặc trách nên không truy sát được quân Liên bang thua trận.

Có lẽ cuộc tranh cãi tai hại nhất chính là cuộc tranh cãi giữa Tổng thống Davis và một viên tướng dưới quyền, tướng Toombs, người bị quy cho là thiên vị sĩ quan tốt nghiệp trường West Point và đã bị ông Davis bác bỏ một lần thăng chức. Là một

người tính cách dữ dội, cũng là một nhân vật chính trị thế lực nhất trong vùng, ông này đã từ chức vì tức giận và dành khoảng thời gian suốt cuộc chiến để phản đối khả năng lãnh đạo của Tổng thống Davis. Giáo sư Frank L. Owsley viết rất chí lý “Liên minh không đủ chỗ cho cả Jeff Davis và Bob Toombs”. Một vài học giả tự biện rằng: thể chế nô lệ (trong đó quyền của ông chủ là tuyệt đối) đã khiến cho người miền Nam không có khả năng đặt quyền lợi chung lên trên mong muốn của cá nhân.

Nếu ông Davis tranh cãi với một số viên tướng này, ông lại đặc biệt kiên định trong việc ủng hộ những viên tướng khác. Đầu cuộc chiến, khi dân chúng đòi ông Albert Sidney Johnston phải bãi nhiệm bởi để pháo đài Henry và Donelson thất thủ, Tổng thống Davis từ chối: “Nếu Johnston không đủ tư cách là một vị tướng, Liên minh chẳng có vị tướng nào hết”. Khi tướng Lee đề nghị từ chức sau thất bại Gettysburg, Tổng thống Davis không thèm nghe. Trong tâm trí người dân, tư cách đạo đức của tướng Johnston và tướng Lee sau đó đã chứng minh lòng tin của ông Davis đối với họ. Nhưng sự tin tưởng của ông với những viên tướng khác lại được hiểu theo một cách khác biệt: ông bị buộc tội đã giữ tướng Northrop không được lòng dân vào vị trí bộ trưởng bộ quân nhu chỉ bởi vì muốn trả ơn cho những gì ông Northrop đã từng làm cho Davis trước cuộc chiến.

Những lời phản đối gay gắt nhất về sự tin tưởng của Tổng thống Davis với tướng Bragg, người năm 1863 trở thành vị chỉ huy quân đội, bị chỉ trích nhiều nhất tại Liên minh. Những câu chuyện tếu bêu rêu sự bất tài và do dự của tướng Bragg được người ta truyền miệng kể cho nhau nghe. Ví dụ: ông chết và được lên thiên đàng, như khi gặp Thánh Peter tại cổng thiên đàng, ông đòi được trở lại trần gian để nổi danh. Sau khi thất bại ở Chattanooga vào mùa thu năm ấy, Tổng thống Davis đã đưa tướng Bragg (ít nhất là mặt danh nghĩa) về vị trí giám sát mọi chiến dịch quân sự của Liên minh. Đến lúc này những lời lên án đã trở thành cao trào. Ông Pollard phát biểu đầy phẫn nộ trên tờ báo Examiner (người quan sát). Nhiều người miền Nam đồng tình với ông khi ông viết: “Từ đỉnh cao danh vọng, tự cho mình có quyền lực và địa vị cao quý nhất là tự nhiên và không thể tránh khỏi”.

Chính quyền Davis cũng phải chịu đựng rất nhiều bởi vì nhiều chính sách và biện pháp của Tổng thống đối lập với đặc tính về kinh tế chính trị và xã hội miền Nam. Một cuộc chiến sâu rộng như nội chiến Hoa Kỳ đòi hỏi một bộ máy chính quyền và các chương trình quản lý của một quốc gia tập trung và có nền công nghiệp hiện đại. Trong nỗ lực tạo ra một bộ máy như vậy và thực hiện những chương trình thuộc loại ấy tại các miền quê sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, trước đây quen với chính sách phân quyền và tự do cá nhân của mỗi công dân, chính phủ Liên minh đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ không thể tránh khỏi.

Một trong những nguyên nhân của sự phản đối ấy là học thuyết quyền các bang, một nguyên tắc chính trị mà dựa vào đó liên minh được thành lập: Tổng thống Davis, vào cuối cuộc chiến, đã phát biểu quan điểm này khi ông viết rằng những người ủng hộ cực đoan quyền của bang thật sự làm tăng thêm khó khăn trong việc bảo vệ miền Nam chống lại quân xâm lược miền Bắc. Ông buộc tội những người cực đoan này là

“cản trở chính phủ hành động, ngăn cản việc thực thi luật pháp, chỉ trích những chính sách cần thiết của chính phủ, làm suy yếu lòng tin của chính phủ trong nhân dân và coi chính phủ như thế kẻ thù của dân chúng (chứ không phải một chính phủ phục vụ cho quyền lợi của họ), đang thực hiện công cuộc bảo vệ chung của quốc gia đồng thời chính phủ là niềm hi vọng duy nhất của họ để có thể được an toàn trước những nỗi kinh hoàng không bút nào tả xiết của chế độ chuyên quyền miền Bắc”. Các học giả nghiên cứu cuộc chiến, mà quan trọng nhất là giáo sư Owsley cho rằng chính quyền các bang là nguyên nhân thất bại chính cho Liên minh. Ông viết rằng trong lý thuyết này, hạt giống của chết chóc đã được gieo ngay vào ngày Liên minh ra đời. Theo ông trên văn bia của chính quyền Liên minh nên mang những dòng sau: “Chết vì quyền các bang”.

Về vấn đề này cũng như mọi vấn đề khác của cuộc nội chiến, có một sự bất đồng ý kiến. Một học giả chuyên nghiên cứu về lịch sử Liên minh, giáo sư E. Merton Coulter lập luận rằng: chính bởi quyền các bang là nguyên tắc chính trị nền tảng của miền Nam, nên chính phủ Liên bang dựa vào nó để đề ra: những chính sách cho mình.

Giới học giả ngày nay có xu hướng không nhấn mạnh quyền các bang như là nguyên nhân cho thất bại của Liên minh. Những con số thống kê chỉ ra rằng các bang có các viên chức buộc tội thẳng thắn chính sách hạn chế của Liên minh trong việc thực hiện quyền các bang cung cấp đủ quân số và nguồn thực phẩm cho chiến tranh. Một số người nghiên cứu cuộc chiến gợi ý rằng: yêu cầu thời chiến đối với quyền các bang là hệ quả chứ không phải là nguyên nhân của thất bại Liên minh. Một số người cho rằng quyền các bang thật sự làm nỗ lực của Liên minh mạnh mẽ hơn. Lối suy nghĩ như vậy được nhiều học giả kết luận như sau: “Quyền các bang không phải là nhân tố quyết định thất bại của Liên minh và thậm chí còn có tác dụng tích cực trong việc hỗ trợ nỗ lực thời chiến bằng cách sử dụng khả năng và quyền lực ở mức độ địa phương và từng bang, bổ sung thêm cho nỗ lực của chính phủ trung ương”.

Dù việc thực thi quyền các bang có hậu quả như thế nào, việc không thể nghi ngờ là nguyên tắc này đã đi ngược lại các nguyên tắc kiểm soát trên quy mô toàn quốc của miền Nam và chống lại sự tập trung nguồn lực quân đội của Liên minh. Chiến lược bảo vệ lãnh thổ của Liên minh trong những ngày đầu, nỗ lực bảo vệ mọi khu vực không bị xâm lấn, được truyền đi bằng những mệnh lệnh giao cho thống đốc các bang rằng: quân đội Liên minh sẽ đóng quân trong các bang của chính mình. Đồng thời, hàng ngàn người miền Nam được trang bị súng ống đã tòng quân theo các đội hình quân sự từng bang và dừng dừng những khi có cuộc chiến quan trọng ở bang khác. Shiloh có lẽ cho ta một ví dụ điển hình nhất của hiện trạng này. Theo giáo sư Kenneth Vvilliam, 5 ngàn quân Liên minh bổ sung đủ sức đánh bại đội quân của tướng Grant. Con số này ít hơn con số lính tráng trong các quân đoàn của bất cứ bang nào thuộc Liên minh.

Một trong những thống đốc lớn tiếng ủng hộ quyền của bang là ông Joseph E. Brown của bang Georgia và ông Zebulon Vance thuộc bang Bắc Carolina. Ông này

nhiều lần từ chối không cho dân quân của bang và các phòng ban dân sự tham gia hỗ trợ các bang khác. Như đã nói ở trên, ông Brown phản đối và ngăn cản lệnh tòng quân của Liên minh trên cương vị ông có được. Khi chiến tranh gần kết thúc, ông Brown lại ve vãn ý tưởng li khai trong hòa bình với quân Liên bang.

Ông Vance là người không khoan nhượng trong quyết định: mọi nguồn lực của bang ông phải được sử dụng chủ yếu cho chính những người lính từng là dân của bang ấy. Ông phản đối hoạt động những đại lý mua bán của Liên minh tại miền Bắc Carolina. Ông tích cực phản đối luật của Liên minh đòi phải dành nửa không gian trên các phương tiện chở hàng cho Liên minh sử dụng. Ông nói: “Chẳng lẽ một vi phạm trơ trẽn đến như vậy lại có thể là ý định của chính phủ? Tôi sẽ phóng hỏa đốt tàu trước khi chấp nhận lệnh này”. Ông tích trữ nhiều vải vóc chỉ dành riêng cho binh lính Bắc Carolina. Khi chiến tranh kết thúc, ông Vance có trong tay 92 ngàn bộ quần phục và nhiều kho lớn tích trữ chăn và da thuộc. Binh lính thuộc bang của ông được ăn mặc đầy đủ. Số quần trang quân dụng dư thừa này đáng lẽ phải được trang bị cho những binh lính đang phải mặc những bộ quần phục cũ mòn ở những nơi khác.

Tổng thống Davis bất đồng sâu sắc với ông Brown và ông Vance trong những vấn đề có liên quan tới quyền lực của chính phủ Liên minh với nguồn nhân lực và nguồn cung cấp vật chất của những bang nằm trong quyền sinh sát của hai ông này. Sự căng thẳng giữa tinh thần dân tộc miền Nam và quyền của các bang đã làm nản chí và cản trở nghiêm trọng nỗ lực thời chiến của Liên minh còn hơn cả ngay bản thân cuộc chiến.

Gần như mọi hành động của chính phủ Liên minh nhằm huy động nguồn lực ở miền Nam và đàn áp những kẻ bất trung đều vấp phải những phản đối quyết liệt, không nơi này cũng nơi khác. Cơn giận dữ và chống đối xuất phát từ luật sung công tiếp tế cho quân đội đã được ghi nhận. Còn một hình thức chống đối xung công khác mĩa mai hơn: các chủ nô chống lại lệnh sung công nô lệ của họ nhằm góp phần lao động hỗ trợ nỗ lực cho chiến tranh. Khi chuẩn bị tấn công Shiloh tướng Albert Sidney Johnston tìm cách tăng nguồn lực của mình bằng việc: nô lệ sẽ được tuyển làm lính phục vụ quân đội nhưng không trực tiếp chiến đấu. Khi những chủ đồn điền phản đối yêu cầu này của ông, ông đã ngao ngán: “Những người này thoải mái giao con trai của mình cho quân đội, nhưng chớ có đại dột nói với họ về việc trao cho quân đội một tên nhọ hoặc một con lừa”.

Những lý do đằng sau sự phản đối này đối với lệnh sung công nô lệ có đủ loại. Những chủ nô bất mãn vì sẽ bị mất sức lao động của nô lệ. Họ cũng lo: giá trị của nô lệ bị giảm sút nếu nô lệ bị thương hoặc bị ốm. Vô số chủ nô, và có lẽ có rất nhiều người trong số họ quan tâm thực sự tới quyền lợi của nô lệ khi trao họ vào tay quân đội hoặc những chỉ huy quan liêu. Dù bất cứ lý do gì, chủ nô kháng cự lại hành động này và thông thường họ thành công.



Trong số những mặt bị chỉ trích nhiều nhất của chính phủ Liên minh chính là sự bảo mật và kín đáo của cả Tổng thống Davis lẫn Hạ viện về vấn đề an ninh quốc gia. Tổng thống Davis lưỡng lự khi tin tưởng dân chúng. Hạ viện thường xuyên tranh luận và ban hành những pháp chế quan trọng sau những cánh cửa đóng im ỉm. Trong số nhiều chính trị gia miền Nam chỉ trích hành động này, ông William L. Yancey, một trong những người có lý lẽ thuyết phục nhất là một chính trị gia hiểu chiến nổi tiếng, người Alabama, thành viên của thượng viện Liên minh và là một người ủng hộ cho chính quyền Davis, người đã lên tiếng phản đối rằng: dân chúng miền Nam càng được thông tin kịp thời bao nhiêu họ càng hăng hái đáp ứng nhu cầu phục vụ chiến tranh bấy nhiêu.

Không có gì gây bất mãn đối với chính quyền Liên minh nhiều hơn lệnh đình quyền giam giữ và tuyên bố thiết quân luật thỉnh thoảng được ban hành tại các khu vực đang gặp nguy hiểm. Tháng 02 năm 1862, sau khi thành Donelson thất thủ, Hạ viện ủy quyền cho Tổng thống Davis hoãn lệnh đình quyền giam giữ ở những nơi ông cảm giác hoàn cảnh quân sự đòi hỏi phải có nó. Ông đã làm thế ở New Orleans và sau đó ở một số vùng ở Bắc và Nam Carolina. Mặc dù lệnh này được thực thi bằng cách áp đặt, chúng vẫn khiến một làn sóng chỉ trích bùng phát. Hành động phản đối áp đặt thiết quân luật còn dữ dội hơn. Các tướng lĩnh tại nhiều vùng lãnh thổ Texas, Louisiana, Mississippi và Georgia là những người lớn tiếng nhất. Thống đốc Brown chỉ trích lệnh thiết quân luật cùng với các biện pháp khác là những hành động có tính lật đổ chủ quyền của các bang, ông Robert Toombs viết về những điều luật này như sau: “Tổng thống Davis và đám lính tráng của ông ta (ám chỉ quân đội chủ lực) hiệp lực triệt hại tất cả những ai không chịu chiều theo những kế hoạch đáng hổ thẹn và ích kỷ của họ”.

Mùa xuân năm 1863, để tăng hiệu lực của điều luật cưỡng bách tòng quân, Hạ viện đề ra một điều luật ủy quyền cho Tổng thống Davis được tùy ý hoãn lệnh đình quyền giam giữ. Nhiều công dân phản đối điều luật này vì sợ đó là sự vi phạm quyền hợp pháp của họ. Đồng thời, bởi vì nó chủ yếu được soạn thảo với ý định hỗ trợ cho hiệu lực của lệnh cưỡng bách tòng quân, những người chống đối lệnh quân dịch đã không thương tiếc phản đối điều luật này với những câu chuyện ghê gớm về sự ngược đãi những công dân lương thiện khi họ rơi vào tay những chỉ huy quân đội tàn nhẫn. Điều luật này đã bị đánh bại và không được áp dụng. Tờ báo Charleston Mercury hả hê với kết quả nhưng cảnh báo về sự cần thiết thường xuyên cảnh giác chống lại những nỗ lực còn đi xa hơn nhằm cướp đi của người dân sự tự do của chính họ.

Trong suốt gần một năm, lệnh đình quyền giam giữ được tận dụng thoải mái bởi những quan tòa của các bang, người chống đối lệnh cưỡng bách tòng quân giải thoát lính quân dịch khỏi tay những sĩ quan cưỡng bách quân dịch, những kẻ đào ngũ khỏi tay những cảnh sát trưởng địa phương. Ông John S. Preston, người có nghĩa vụ giám sát thi hành lệnh quân dịch phản nản: “Từ chính quyền Liên minh cho tới mỗi sĩ quan, mỗi người kể cả đàn ông và đàn bà đều tham gia chống đối sĩ quan tuyển mộ

tân binh đang thi hành nhiệm vụ”. Ông Davis yêu cầu Hạ viện cảnh báo nếu không có lệnh đình quyền giam giữ “việc đào ngũ sẽ trở thành vấn nạn của Liên minh đang trong thời kỳ chiến tranh ác liệt”. Tháng 02 năm 1864, Hạ viện ủy quyền cho ông thời gian là một năm thực hiện lệnh đình quyền giam giữ. Năm sau ông lại đề nghị phục hồi sự ủy quyền này, vì theo ông nó không chỉ thiết thực mà còn không thể thiếu để công việc quản lý tình hình chiến sự được suông sẻ. Đến lúc này, các nhà làm luật đã từ chối. Liên minh suy vong chính bởi những điều luật mà vì nó người dân buộc phải phản đối để chống lại tính bạo ngược và chuyên chế của Liên minh.

Liên minh suy vong cùng với quyền tự do ngôn luận một cách bừa bãi. Thể chế ngôn luận Liên minh thường xuyên chỉ trích chính quyền Davis. Cũng thật dễ hiểu, trong lúc luôn có sự chống đối kịch liệt của người miền Nam đối với bất cứ mệnh lệnh nào của chính phủ, Tổng thống Davis không hề hạn chế ngôn luận. Ông Edward A. Pollard của tờ Richmond Examiner liên tục phản đối tính bất lực của chính quyền. Ông Robert Barnwell Rhett của tờ Charleston Mercury buộc tội Tổng thống Davis mọi thứ: Từ việc ông là người ủng hộ việc tái thiết (bằng cách dùng từ này, ông ta ám chỉ ý định cầu hòa của Davis với Liên bang), cho tới nỗ lực biến mình thành một bạo chúa quân sự. Những lời tuyên bố như vậy bởi những nhà cầm bút đáng kính trọng khác làm dấy lên trong dân chúng sự nghi ngờ và mất cảm tình đối với chính phủ Liên minh. Mỉa mai thay, một vài người ủng hộ trung thành nhất hoạt động li khai cũng đóng một vai trò đáng kể trong sự thất bại của chiến dịch li khai ấy.

Cuộc chiến tranh nặng nề và kéo dài đồng thời với suy nghĩ nó không thể thắng lợi, đã khơi lên tinh thần theo chủ nghĩa hòa bình trong nhiều người dân miền Nam và họ dần có cảm tình với những người chủ trương thân Liên bang hiện sống ở miền Nam. Kế hoạch của Tổng thống Lincoln trong việc tái thiết đất nước được tuyên bố tháng 12 năm 1863. Đại diện phần nào cho lời thỉnh cầu của những người mang tình cảm nói trên (một lời thỉnh cầu tương đồng với lời thỉnh cầu gồm 14 điều, Tổng thống Woodrow Wilson gửi tới dân chúng Đức đã một mội về chiến tranh thế chiến lần thứ nhất). Nhân vật theo chủ nghĩa hòa bình hàng đầu ở miền Nam chính là Phó tổng thống, ông Stephens luôn có lối suy nghĩ nước đôi trong động thái biến miền Nam thành quốc gia độc lập. Ông Stephens ngó ngẩn tin rằng có thể sắp xếp hòa bình bằng cách điều đình với chính phủ Liên bang để có được kết quả: mỗi bang giữ lại chủ quyền của riêng mình và quyết định vận mệnh của chính mình.

Chủ bút một tờ báo thân Liên bang của miền Nam Carolina, Ông William W. Holden của tờ Raleigh Standard ủng hộ kế hoạch của Tổng thống Lincoln, thách thức Thống đốc Vance đưa ra cương lĩnh hòa bình trong cuộc tranh cử thống đốc năm 1864. Ông Holden đã thua nhưng ông cũng phát động đủ số cử tri để họ chứng minh rằng: đang có một sự thúc giục cho động thái hòa bình phát triển mạnh mẽ ở bang của ông nhiều khu vực khác ở miền Nam.

Những người chủ trương đoàn kết lên tiếng chỉ trích và trút giận vào chính quyền Davis. Mọi biện pháp chính cho việc hỗ trợ chiến tranh: cưỡng chế tòng quân, xung công, tăng thuế và hoãn lệnh đình quyền giam giữ, đều bị lên án mạnh mẽ. Ông

Stephens luôn đứng đầu trong những cuộc công kích này. Thậm chí nhiều người bạn cũ trước đây ủng hộ cho chính quyền Davis bây giờ cũng quay lưng lạnh nhạt.

Chính quyền Liên minh không có thời gian và cơ hội để phát triển những đối tác chính trị chính thức. Nhưng điều này cũng không thể ngăn trở được làn sóng phản đối. Không có những người đồng chí hướng, Thượng, Hạ viện Liên minh nhanh chóng chia rẽ thành các bè phái chống đối và ủng hộ Tổng thống Davis. Các thượng nghị sĩ của Benjamin Hill của Georgia và Robert Barnwell của miền Nam Carolina là người ủng hộ Tổng thống Davis tại Thượng viện. Người phát ngôn của Thượng viện là ông Thomas S. Bocock người Virginia và dân biểu Ethelbert Barsdale bang Mississippi đóng vai trò tương tự tại Hạ viện.

Những dân biểu chống đối Tổng thống Davis mạnh mẽ nhất chính là Hạ nghị sĩ Henry Stuart Foote bang Tennessee và Thượng nghị sĩ Louis T. Wigfall người Texas. Như một đối thủ chính trị của ông Davis tại Mississippi trước cuộc chiến, ông Foote với những lời chỉ trích gay gắt và mạnh mẽ chống lại những biện pháp khắc nghiệt của thời chiến. Ông Wigfall tán thành những biện pháp này. Nhưng với tư cách một người ngưỡng mộ tướng Joseph E. Johnston và ủng hộ chiến lược tập trung vào miền Đông, ông chỉ trích chính quyền Davis không tiếc lời bởi sự bất lực trong tiến trình theo đuổi chiến tranh.

Không có cách hợp pháp nào ngăn gọn hơn trong việc dèm pha đòi cách chức Tổng thống Davis. Nhưng những cuộc bầu cử Hạ viện xảy ra vào mùa thu năm 1863 với kết quả thực sự cho một số phiếu không tin tưởng vào chính quyền của ông ta. Cứ mỗi lần một ứng viên chống chính quyền giành đa số phiếu, Hạ viện lại gần như trở thành một chính thể đối kháng với chính quyền. Bởi chính những nhà làm luật không có một chương trình thống nhất nào cho chính mình. Họ buộc phải tiếp tục ban hành, phê chuẩn cho hầu hết các biện pháp do Tổng thống Davis đệ trình. Sự bất hòa giữa các vị dân biểu và người điều hành chính của quốc gia (thể hiện ở những lời công kích dữ dội không ngớt trong hành lang và đại sảnh của tổ chức lập pháp này) đã làm xói mòn tinh thần hợp tác của bất cứ ai trong chính quyền Liên minh.

## 7. Sự cân bằng chiến thuật

Ông Andre Burnside chỉ huy quân đội thật xuất sắc. Với vẻ ngoài hấp dẫn, thậm chí rất hấp dẫn, với bộ râu quai nón xén tỉa công phu mà nhờ nó ông được lưu danh muôn thuở (sau này tên ông được đảo ngược lại là Sideburn - tóc mai dài). Ông nhận chỉ huy một đội quân và đã từng bị phản đối rằng ông không phù hợp với vị trí chỉ huy họ. Tuy nhiên khi đã nắm quyền, ông đưa đội quân Potomac đi thật nhanh tới bờ Bắc của con sông Rappahannock, đối diện Fredericksburg, kế hoạch của ông là làm thay đổi vị trí của tướng Lee bằng cách băng qua con sông ấy và đóng quân giữa tướng Lee và Richmond.

Lúc đầu mọi chuyện dường như suôn sẻ đối với ông Burnside. Ngày 20 tháng 11 năm 1862, toàn bộ quân đội Liên bang gồm 120 ngàn người đã ở vị trí sẵn sàng. Nếu ông có thể băng ngang qua dòng sông lập tức, những chiến thuật của ông có thể sẽ thành công ở Fredericksburg, lúc đó không được quân Liên minh canh phòng cẩn mật. Quân đội tướng Lee bị phân tán dọc theo tuyến đường Virginia, với quân đoàn của quân Jackson vẫn còn ở thung lũng Shenandoah và đang theo đuổi chiến dịch Antietam. Nhưng các thuyền phao của tướng Burnside dùng làm cầu bắc ngang qua dòng sông lại không thể đến kịp trước khi tháng 12 tới. Đợi đến lúc đó lại quá trễ để sang sông, đảm bảo chiến thắng bởi vì quân đoàn Bắc Virginia với 74 ngàn người đang tập trung và hình thành những đội hình chắc chắn dọc theo cây cầu mang tên Marye's Heights phía sau thị trấn. Tuy nhiên ông Burnside vẫn cương quyết thực hiện kế hoạch của mình và ra lệnh xây cầu bắt đầu vào ngày 11 tháng 12. Như vậy sân khấu đã được hoàn tất để đón chờ một màn kịch khủng khiếp.

Quân Liên minh hạ trại bên bờ dốc của cây cầu. Quân đoàn của tướng Longstreet chiếm cứ khu vực bên trái của vòng tuyến. Cánh quân bên trái của quân đoàn này chiếm cứ sông Rappahannock ngay phía trên Fredericksburg. Cánh quân giữa nhắm thẳng hướng thị trấn. Quân đoàn tướng Jackson bên bờ phải gần một đèo ngang được hình thành bởi Deep Run Creek. Quân đoàn kỵ binh của tướng Stuart dàn quân bên bờ phải dòng sông ngay phía dưới Fredericksburg, vị trí này giúp phòng thủ chắc chắn, lại được gia cố thêm bởi công sự của tướng Longstreet đã được chuẩn bị sẵn.

Theo lệnh của tướng Burnside, ba quân đoàn lớn trong đó ông đã tổ chức thành đội quân Potomac đang xúc tiến cho trận đánh. Sư đoàn lớn của tướng Sumner bên cánh phải, đối diện với Fredericksburg, sư đoàn lớn của tướng Hooker ở giữa. Và sư đoàn của tướng William B. Franklin bên cánh trái. Pháo binh của Liên bang sẽ hỗ trợ cuộc tiến quân từ Stafford Heights, một độ cao chiến lược. Nó chỉ cách Fredericksburg chưa đầy một dặm. Bộ binh đã qua sông, được triển khai và sẽ là đơn vị đầu tiên tấn công.

Lính công binh của ông Franklin không gặp rắc rối gì nhiều khi dàn quân bởi họ băng qua khu vực bên ngoài tầm súng của tướng Jackson. Nhưng lính công binh tại các công sự khác đã phải ngã gục dưới làn đạn của biệt đội quân Mississippi đóng tại

Fredericksburg, dưới quyền chỉ huy của tướng Longstreet. Chỉ khi đạn pháo của tướng Burnside nã vào thị trấn này và bộ binh của Liên bang theo thuyền đến nơi những tay thiện xạ rời thuyền trên sông thì công binh mới có thể hoàn tất nhiệm vụ của họ ở cánh quân bên phải của đoàn quân Liên bang.

Cuộc tấn công bắt đầu vào sáng sớm tháng 12. Vì phối hợp kém nên lệnh của tướng Sumner không được thực hiện trước 11 giờ sáng. Rất nhiều mệnh lệnh của tướng Hooker được thực hiện trước 4 giờ chiều. Chiến dịch tệ hại ngay từ khi mới bắt đầu. Chỉ có một lần, một tia hy vọng mong manh xuất hiện khiến quân Liên bang nghĩ mình có thể thành công. Đầu giờ chiều, thiếu tướng George Gordon Meade chỉ huy một sư đoàn thuộc cánh quân của tướng Franklin tiến sâu một đoạn ngắn vào tuyến phòng thủ của tướng Jackson chỉ để nếm mùi thất bại và rút lui sau một hồi phản công của đối phương. Từ vị trí chỉ huy của mình tại Telegraph Hill sau này được biết đến dưới cái tên Lee Hill, tướng Lee quan sát cuộc tấn công dữ dội của Liên minh, nghe tiếng quân nổi loạn reo hò đặc chí liền quay sang tướng Longstreet và bộc bạch: “Đúng là chiến tranh kinh khủng thật! Có lẽ ta đã quá kỳ vọng vào nó”.

Cuộc tấn công của tướng Hooker nhằm vào vị trí cố thủ của tướng Longstreet tại Marye's Heights. Với tinh thần quả cảm phi thường, những người lính mặc áo xanh dương tấn công dữ dội. Đỉnh đồi âm vang tiếng súng và mù mịt khói. Nhưng rồi đội hình của họ bị cắt ra thành từng mảnh nhỏ bởi súng hỏa mai của những lính bộ binh hỗ trợ cho pháo binh đang bắn chéo cánh xẻ. Vào lúc trời tối, tướng Hooker ngưng tấn công. Sau đó ông giải thích trong ngậm ngùi “nhận thấy đã mất quá nhiều binh sĩ phải chết dưới lệnh của tôi chỉ để chuốc lấy thất bại, tôi đã ngưng cuộc tấn công”. Hơn 12 ngàn lính Liên bang vừa chết vừa bị thương nằm trên những đỉnh đồi đỏ máu. Số thương vong của quân Liên minh cũng khoảng hơn 5 ngàn người. Đây rõ ràng là chiến thắng vang dội của quân Liên minh với số thương vong không đến nỗi trầm trọng.

Tức giận bởi thất bại, ông Burnside đề nghị đích thân dẫn binh đoàn của mình tiến công vào ngày hôm sau. Cuộc tấn công này được coi là cuộc tấn công tự sát vào vị trí quân Liên minh. Những người dưới quyền khôn ngoan can ngăn tướng Burnside đừng thực hiện ý định đó và thuyết phục ông nên nghỉ ngơi và đưa quân đội băng ngang qua sông Rappahannock. Ông làm theo. Ngày 15 tháng 12, ông đã rút lui thành công. Tướng Lee có thể đã mất một cơ hội hủy diệt hoặc làm thương vong thêm cho đội quân Potomac không phản công trong lúc vẫn còn ở phía Nam của dòng sông. Có thể ông đã làm được như vậy trong lúc đội quân ấy đang co cụm suốt hai ngày ngay giữa Fredericksburg, lúc này chỉ còn là một đồng gạch vụn. Nhưng khi tướng Jackson nỗ lực đưa quân đội tiến lên phía trước trong lúc trời chập choạng tối của ngày đầu tiên, ông đã là mục tiêu của quân đoàn pháo binh đối phương bắn xối xả từ dãy đồi Stafford Heights. Thế là ông ngưng cuộc tấn công. Tướng Lee ra lệnh không được tấn công nữa.

Trong lúc tướng Burnside đang đau đầu với những chiến dịch thảm họa ở Virginia, tướng Rosecrans và tướng Bragg đụng độ trong một cuộc đọ sức dữ dội

nhưng thiếu quyết đoán giữa bang Tennessee. Tướng Rosecrans bấy lâu nay đóng quân ở Nashville để vơ vét lương thực, và lúc này bị làm cho tê liệt bởi những cuộc đột nhập của kỵ binh dưới quyền chỉ huy của tướng Bragg nhưng trực tiếp điều hành bởi hai ông Forrest và Morgan. Đầu tháng 12, với đe dọa sẽ bị cách chức vì hay chậm trễ, tướng Rosecrans phản ứng gay gắt nếu cấp trên của ông không còn tin tưởng vào ông, họ phải ngay lập tức tìm người thay thế. Điều này không xảy ra. Cuối tháng 12, khi ông biết rằng ông Forrest đang sắp sửa tới miền Tây Tennessee và ông Morgan đến Kentucky. Ông tấn công quân đội Liên minh tại Murfreesboro chỉ cách đó 30 dặm về phía Đông Nam.

Tướng Bragg cũng đang chịu áp lực của cấp trên thúc giục ông hành động mạnh tay. Một tháng trước, Tổng thống Davis đưa tướng Johnston (sống nhàn hạ kể từ khi bị thương từ mùa hè trước) vào vị trí chỉ huy quân đoàn Liên minh Tennessee và Mississippi. Như vậy ông Johnston là chỉ huy trực tiếp của tướng Bragg. Ông ta có quyền đích thân ra lệnh cho quân đoàn Tennessee nếu như ông thấy như vậy là hợp lý. Tướng Johnston không làm như vậy, nhưng việc sắp xếp các vị trí chỉ huy mới xảy ra này khiến cho tướng Bragg cảm giác rằng mình nhất thiết phải chuyển biến.

Bối cảnh chiến sự tại miền Tây lúc đó cũng buộc ông phải ra quân. Các lực lượng của Liên bang lúc này đang uy hiếp một phần đất duy nhất thuộc sông Mississippi vẫn còn dưới quyền kiểm soát của quân Liên minh. Vùng đất này nằm giữa các thị trấn có các pháo đài che chở tại Vicksburg, Mississippi và pháo đài Hudson, Louisiana. Vì thế tướng Johnston đã nỗ lực gây dựng một đội quân dự bị cơ động có thể được sử dụng hoặc ở Tennessee hoặc ở Mississippi nếu chiến sự yêu cầu. Trong lúc đó đội kỵ binh của tướng Forrest quấy nhiễu phòng tuyến của quân Liên bang, đánh phá các con đường huyết mạch giúp đưa quân đội của họ đến Mississippi. Tướng Bragg quyết định tấn công một đòn chí tử giúp vừa chuyển đổi tình thế vừa đảm bảo an toàn cho quân đoàn của ông ta. Vào ngày cuối cùng của năm, ông đã làm như vậy trong một động thái chứng tỏ ông đã biết trước và sẵn sàng đánh bại kế hoạch tấn công của tướng Rosecrans.

Ngày 31 tháng 12, khi bình minh vừa ló dạng, đội quân của tướng Bragg và tướng Rosecrans (tướng Bragg với 38 ngàn quân, tướng Rosecrans với 34 ngàn quân) đụng độ tại vị trí cách Murfreesboro một dặm về phía Bắc. Mỗi viên tướng đều lên kế hoạch tấn công. Nỗ lực chính là bao vây đánh thọc vào sườn phải của đối phương. Khi trận chiến ngày càng ác liệt, cả hai đội này đều ở thế gọng kìm trên con đường tiến về Nashville Turnpike và đường sắt từ Nashville, đồng thời tiến đến sông Stone, một con sông rộng 30 bộ song song với dãy đồi và đường sắt. Tướng Bragg tấn công trước. Với quân đoàn của tướng Hardee chỉ huy, thực hiện nỗ lực chính của cánh quân bên trái và binh đoàn tướng Polk hỗ trợ. Quân Liên minh vòng về phía sau đội hình chính của quân Liên bang nằm ở phía Tây con sông. Khi mặt trời đứng bóng, đội quân này đã uy hiếp cửa ngõ vào Nashville. Đây là con đường duy nhất dành cho quân tiếp viện và tiếp tế lương thực cho tướng Rosecrans. Chỉ huy lữ đoàn quân Liên minh Joseph Wheeler dẫn đầu toán kỵ binh tấn công vào cánh quân phía sau.

Giờ đây tướng Bragg ra lệnh cho sư đoàn Fredericksburg, (đang cố thủ ở phía đông con sông cạnh chèo bất cứ cuộc tấn công nào của quân Liên bang tại đây) đến chi viện cho cuộc tấn công ở phía tây con sông. Cuộc chiến đấu ác liệt nhất diễn ra buổi chiều ngay tại góc của đội hình quân Liên bang. Nơi đây là vị trí cố thủ của lữ đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Thomas. Vị trí cố thủ này có nhiều bụi cây tuyết tùng dày đặc bao quanh. Người ta gọi đó là Round Forrest, một vị trí có thể kiểm soát đường xe lửa và cả cửa ngõ qua Nashville. Phòng tuyến của Liên bang vẫn kiên cường chống trả. Cuộc tấn công của Liên minh mất đi xung lực và tướng Bragg mất đi thể chủ động chiến thuật.

Cả hai đội quân suốt ngày hôm sau nghỉ ngơi, tổ chức lại lực lượng và chuẩn bị tiếp tục chiến đấu. Ngày 02 tháng 01, tướng Bragg lùi lại phía tây của con sông. Lực lượng của quân Liên bang được chỉnh đốn đội hình đội ngũ ở đó nhưng cuộc tấn công không có ai hỗ trợ được tiến hành vào lúc chiều muộn bị bẽ gãy với con số thương vong lớn. Sở dĩ như vậy là có một đơn vị pháo binh của Liên bang nã đạn dồn dập vào một vị trí chiến lược nằm ở phía tây con sông. Trận giao chiến lớn nhất thế là kết thúc. Rosecrans được tiếp viện từ Nashville vào ngày hôm sau trong lúc tướng Bragg cố và suy tính liệu có nên tiếp tục tấn công hay không. Đêm đó tướng Bragg bắt đầu rút lui dọc theo con đường sắt tới Tullahoma, Tennessee cách đó 30 dặm về phía Nam và ở phía Đông Murfreesboro.

Về mặt chiến thuật, trận chiến sông Stone (Liên minh gọi là Murfreesboro) là một bước lùi gây thiệt hại nặng nề cho cả hai bên. Quân Liên bang có 13 ngàn người, cả chết, bị thương và mất tích. Tương tự, thiệt hại giống như vậy của Liên minh là 12 ngàn. Có người nói cuộc tấn công này là một thắng lợi của quân Liên bang. Ông Grant cay đắng bảo: chỉ vài trận thắng kiểu này chắc sẽ thua cả cuộc chiến. Mặc dù quyết định của tướng Bragg là rút lui đã được phê chuẩn bởi cả hai viên tướng chỉ huy quân đoàn dưới quyền ông, hai người này đều coi cách chỉ đạo của ông là thiếu quyết đoán và không dứt khoát. Nhưng nó cũng cho thấy một tình tiết nữa trong tiểu sử quá trình sa sút của ông Bragg trên cương vị một vị tướng chỉ huy quân đội, đồng thời cũng cho thấy sự suy vi chính quân đoàn Tennessee.

Theo bức tranh toàn cảnh, cuộc chiến Murfreesboro là một chiến thắng chiến lược quan trọng đối với Liên bang bởi vì nó đã đưa một cánh quân hùng mạnh đánh thẳng vào nhà ga quan trọng bậc nhất của Liên minh tại Chattanooga. Nó cũng quan trọng bởi nó làm nức lòng dân chúng và quân đội Liên bang. Tổng thống Lincoln bày tỏ lòng biết ơn của mình với tướng Rosecrans bằng cách coi đó là “một chiến thắng dày công mới có được dù có người cho là thất bại, nhưng quốc gia vì nó có thể trường tồn”. Nhưng trong những tuần tiếp theo, ngay cả khi ông Rosecrans ở Murfreesboro và ông Bragg ở Tullahoma trong các doanh trại mùa đông. Cuộc tấn công của Liên bang tại Tennessee đã phải trì hoãn vô hạn định, với quân đội của ông Bragg từ chối không tấn công vào mục tiêu chính của Liên bang là Chattanooga.

Nỗ lực của Liên bang đảm bảo phần đất còn lại phòng tuyến thuộc sông Mississippi cũng phải rút lui. Sự đình hoãn này kéo dài đến tận cuối năm. Vào cuối

mùa thu, tướng Grant điều động một đội quân đi theo đường bộ hướng về phía Grenada, Mississippi thiết lập một căn cứ của ông tại Holly Springs trên tuyến đường sắt trung tâm Mississippi dẫn tới Jackson và New Orleans. Đầu tháng 12, ông cử một đoàn viễn chinh dưới sự chỉ huy của tướng Sherman (lúc này đã là thiếu tướng) theo đường thủy tiến từ Memphis. Cuộc viễn chinh theo chặng đường dài nhanh chóng là nạn nhân của những cuộc tấn công bằng kỵ binh của Liên minh khi tướng Forrest nỗ lực phá hủy đường sắt của Liên bang. Con đường liên lạc bằng thư tín tại Tennessee. Tướng Van Dorn ngày 20 tháng 12, đưa quân tràn xuống các vị trí của quân Liên bang tại miền Bắc Mississippi để chiếm giữ và phá hủy căn cứ Holly Springs. Chín ngày sau nỗ lực của ông Sherman nhằm chiếm cứ Vicksburg bằng cách di chuyển quân đội trên các phương tiện vận chuyển dọc sông Yazoo phía bắc thành phố và tấn công từ điểm này đã gặp phải sự chống trả quyết liệt tại Chickasaw Bluff, một vị trí nhìn xuống bờ nam của dòng sông. Tướng Grant giờ đây đưa ra một quyết định quan trọng: chuyển hướng tấn công xuống sông Mississippi dù quân Sherman đã thất bại ở đây. Trong lúc những con đường sắt dài dằng dặc tỏ ra quá lộ liễu, dòng sông lớn lại là một con đường giao thông không thể phá hủy. Nhưng tại thời điểm đó và nhiều tháng sau đó, Vicksburg vẫn nằm gọn trong vùng kiểm soát của quân Liên minh.

Đối với Tổng thống Lincoln, tháng 12 là một tháng ảm đạm kéo dài. Từ khắp các chiến trường, điện tín mang về những thông tin thất bại của quân Liên bang. Lời tuyên bố chiến thắng của ông Rosecrans tại Murfreesboro vào đầu tháng một, không đủ để xoa tan tâm trạng u ám này. Chỉ có một chiến thắng rõ ràng tại Virginia mới có thể thay đổi tâm trạng của Tổng thống. Lúc này ông Burnside bày ra một kế hoạch là: qua dòng sông Rappahannock ngay phía trên Fredericksburg để có thể làm lung lạc vị trí không thể tấn công của tướng Lee ở đây. Nhưng các tướng chỉ huy quân đoàn thuộc binh chủng Potomac, phản đối trực tiếp lên Tổng thống Lincoln. Tổng thống lúc này đã mệt mỏi và quay sang tướng Halleck hỏi ý kiến xem nên chấp nhận hay bác bỏ kế hoạch này. “Kĩ năng quân sự của ông sẽ là vô dụng đối với tôi nếu ông không làm điều này”.

Khi tướng Halleck đe dọa thà từ chức chứ không ra lệnh trực tiếp cho Burnside dựa trên ý kiến đồng ý hoặc bác bỏ của ông này, Tổng thống Lincoln mặc cho Burnside quyết định. Cuối tháng 01, quân đoàn Potomac bắt đầu cuộc hành quân tai hại đến Rappahannock. Cuộc hành quân của ông Burnside sau này nổi tiếng với cái tên Mud March “cuộc hành quân trong bùn lầy” đã sa lầy và kết thúc với việc hạ trại mùa đông tại Aquia Creek trên sông Potomac. Những lần bất hòa và đổ lỗi cho nhau chia rẽ đội quân này. Người khích động sự chia rẽ chính là ông Hooker. Ông này công khai chỉ trích ông Burnside là bất tài, Tổng thống Lincoln là khờ dại. Ông ta tuyên bố nước Mỹ cần một nhà độc tài mới có thể chiến thắng. Khi ông Burnside nỗ lực xoa dịu viên chỉ huy quân đoàn không chịu phục tùng này, Tổng thống Lincoln lại đứng ra làm trung gian hòa giải và xoa dịu Burnside. Về phần mình, Tổng thống Lincoln đã có một quyết định tai hại khi bổ nhiệm một ông Hooker bất mãn và hay gắt gỏng.



Chính Tổng thống Lincoln hiểu rất rõ những rủi ro khi bổ nhiệm tướng Hooker. Điều này thể hiện trong bức thư của ông gửi cho ông Hooker. Ông nói với ông Hooker rằng ông buộc phải chỉ định ông này vì những lý do ông cho là đúng đắn. Trong những lý do đó có niềm tin của ông rằng: ông Hooker là một quân nhân tài năng và dũng cảm. Và theo lời ông Lincoln “trong những giới hạn có thể chấp nhận được, mang tới phúc nhiều hơn họa”.

Tổng thống Lincoln chỉ trích viên tướng này đã để cho tham vọng của mình thành vũ khí chống lại ông Burnside. Trong việc này, theo lời Tổng thống Lincoln, ông Hooker đã quá sai trái đối với quốc gia và với sĩ quan cấp trên của mình. Tổng thống Lincoln cho ông Hooker biết ông hiểu quan điểm của vị tướng này về nhu cầu của quốc gia cần một nhà độc tài. Tổng thống nói “tất nhiên, không phải vì lời nói đó, mà bởi tôi không để ý tới nó, nên tôi mới cho anh quyền chỉ huy”. Sau đó ông châm biếm tế nhị “chỉ có tướng thành công mới có thể đủ sức phụng sự lãnh đạo độc tài. Giờ yêu cầu ông hãy thành công trên chiến trường, được như vậy tôi sẽ mạo hiểm là độc tài thử xem sao”.

Tổng thống Lincoln tiếp tục bày tỏ rằng ông lo sợ thói quen chỉ trích và hay ngăn trở mà ông Hooker đang dung dưỡng quân đội của mình, một ngày không xa, sẽ “gậy ông đập lưng ông”. Tổng thống Lincoln hứa hỗ trợ ông đập tắt làn sóng chỉ trích và cản trở chỉ huy ấy, bởi vì ông cảnh cáo “không ai dù là anh hay Napoleon đội mồ sống dậy có thể làm được bất cứ điều gì tốt đẹp với một đội quân đang có tinh thần ấy lan tràn khắp nơi”. Nhằm khuyên ông Hooker nên kiềm chế về mọi mặt, Tổng thống Lincoln thuyết phục ông Hooker hãy để ý chớ nên hấp tấp nhưng “với năng lực và sự thận trọng không ngừng, hãy tiến lên và mang về cho chúng tôi chiến thắng”. Ông Hooker vui vì Tổng thống không hề nghi ngờ gì vào khả năng của ông trong việc giành chiến thắng.

Là một quân nhân từng tốt nghiệp trường West Point và là người có thể lực mạnh khỏe cường tráng, ông đã từng chiến đấu nổi bật tại chiến tranh Mexico, nhưng sau này ông từ chức và định cư tại California. Được bổ nhiệm làm chỉ huy lữ đoàn quân tình nguyện vào đầu cuộc nội chiến, ông được thăng chức bởi tài lãnh đạo hăng hái trong những trận chiến mở đầu ở Virginia. Là một tướng chỉ huy lữ đoàn giỏi, ông được người ta gọi thân mật là “Joe Hooker hiếu chiến” - Fighting Joe Hooker. Mặc dù thật ra cái tên ấy bắt nguồn từ một lỗi của thợ sắp chữ của một tờ báo. Người thợ đã quên không bỏ dấu phẩy vào một thông điệp gửi nhanh Fighting, Joe Hooker: “Hãy chiến đấu đi nào, Jo Hooker”. Tướng Hooker giờ đây trở lại cương vị lãnh đạo với nghị lực vô song. Mùa xuân năm 1863, quân đoàn Potomac mạnh mẽ với 134 ngàn quân sẵn sàng tiến bước.

Kế hoạch cho chiến dịch sắp tới của tướng Hooker tương tự kế hoạch sắp thất bại trước đó của tướng Burnside nhưng được tính toán kỹ hơn. Tướng Hooker giữ chân quân đội của tướng Lee tại Fredericksburg bằng cách đe dọa đội quân này với hai quân đoàn thuộc đội quân Potomac dưới sự chỉ huy của thiếu tướng John Sedgwick. Trong lúc ấy, đội kỵ binh của Liên bang 12 ngàn người tập trung lần đầu tiên dưới

quyền chỉ huy của tướng George Stoneman, dàn quân bên cánh trái Liên minh và tấn công sâu từ phía sau để chia cắt hoặc đe dọa con đường huyết mạch phía trên Richmond. Lúc đó tướng Hooker dẫn đầu cánh quân chủ lực được tổ chức thành năm quân đoàn dưới sự chỉ huy của năm thiếu tướng tài (Darius N. Couch, Meade, Henry W. Slocum, Oliver O. Howard và Daniel E. Sickles) vượt sông tại địa điểm phía trên Fredericksburg tấn công vào con đường huyết mạch của tướng Lee ngay phía sau quân Liên minh.

Những chiến dịch này sẽ buộc tướng Lee phải bỏ vị trí bất khả chiến bại của ông ta trên dãy Height Marye và rút lui về tuyến phòng thủ Richmond hoặc sẽ bị tiêu diệt ngay từ đầu nhờ cuộc tấn công của Liên bang có sức mạnh áp đảo. “Tôi có một quân đội tinh nhuệ nhất trên đời. Kế hoạch của tôi hoàn hảo. Và khi tôi bắt đầu thực hiện chúng, tướng Lee sẽ phải kêu trời vì tôi sẽ không thương tiếc ông ta” - Viên tướng của Liên bang tin như vậy.

Vị trí của tướng Lee lúc này quá yếu ớt và lộ liễu. Lo lắng vì những lời đe dọa mới đây của quân Liên bang từ bán đảo Virginia và tình trạng thiếu thực phẩm trầm trọng bởi khu vực của ông vừa bị đánh phá, tướng Lee lợi dụng quân Liên bang không còn gây sức ép sau trận Fredericksburg để cử tướng Longstreet cùng hai lữ đoàn đến bảo đảm cho Richmond không rơi vào tay quân Liên bang, đồng thời đánh phá phòng tuyến tại Bắc Carolina. Tướng Lee định mang những đội quân này trở về với quân chủ lực theo đường tàu hỏa để kịp lúc đón đầu cuộc tiến quân của một viên tướng Liên bang. Ông ra lệnh cho tướng Longstreet chuẩn bị một cuộc di chuyển quân như vậy.

Quyết định chia nhỏ quân đội của Liên minh là một sai lầm to lớn. Kế hoạch tái tập trung thất bại. Tướng Longstreet bị giam hãm trong vòng vây của quân đoàn Liên bang ở Suffolk, Nam Richmond. Tướng Hooker di chuyển nhanh hơn như dự đoán. Và tướng Longstreet không thể phá vây kịp lúc để kết hợp với quân chủ lực. Tướng Lee vấp phải sự công kích dữ dội của tướng Hooker với một đội quân bị yếu đi rất nhiều, quân đoàn Bắc Virginia, một lực lượng chỉ còn khoảng 60 ngàn quân.

Bắt đầu ngày 27 tháng 4 những cuộc tiến quân đầu tiên của tướng Hooker xuôi chèo mát mái. Nhất thời, tướng Lee chưa thể đoán ra ý định của ông với đội quân kỵ binh của Liên bang đang triển khai và tướng Sedgwick đang băng qua sông Rappahannock tại cầu phao Fredericksburg, đội quân chủ lực lội qua khúc sông cạn tại rất nhiều điểm phía trên thị trấn và hành quân nhanh chóng trên những con đường quê, băng qua những khu vực cây cối rậm rạp được biết đến với cái tên Vilderness. Nếu lực lượng tấn công có thể băng ngang qua vùng này mà không bị cản trở và tiến vào khu vực thành phố đang bỏ ngõ, nó sẽ ở ngay sau quân đội của tướng Lee, và vị trí của ông này nhất định phải thay đổi.

Nhưng chuyện đó không xảy ra: Trong lúc quân kỵ binh của Liên bang ở rất xa, tướng Lee có trong tay đội kỵ binh của mình dưới quyền chỉ huy của ông Stuart. Đội kỵ binh này đã do thám từ trước và sớm biết chiến dịch của Liên bang. Tướng Lee

phản ứng rất nhanh và dũng cảm bằng cách ra lệnh sư đoàn duy nhất, dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Richard H. Anderson, một cánh quân của tướng Longstreet hành quân về phía Tây dọc theo cửa ngõ Orange và chặn đứng bước tiến của quân Liên bang bằng cách phản công mãnh liệt từ những công sự được đào trước đó. Trong lúc ấy, tướng Lee bắt đầu đưa toàn bộ quân đoàn của ông ta tới đây, chỉ để lại tướng Jubal A. Early với 10 ngàn quân cố thủ Marye's Heights.

Ông Anderson thiết lập một phòng tuyến bên ngoài nhà thờ Tabernacle cách Fredericksburg 6 dặm về phía Tây và chặn đứng bước tiến của quân tiên phong Liên bang (lữ đoàn của tướng George Syke thuộc quân đoàn tướng Meade) ngay tại điểm này. Khi quân của tướng Jackson đi đúng hướng mình tiên đoán, tướng Lee triển khai phòng thủ quân Liên bang về phía bắc và nam nhưng lại không thể tránh được việc cánh quân hai bên sườn không được che chắn. Cuộc tổng tấn công của tướng Hooker mở màn vào buổi sáng ngày 01 tháng 05. Có lúc nó tiến triển cực kỳ tốt. Trong lúc hai tiểu đoàn của tướng Couch và Slocum đụng độ với quân Liên minh và giữ chân họ tại chỗ, quân đoàn của tướng Meade tiến vào khoảng trống giữa cánh quân bên sườn phải Liên minh và dòng sông mà không gặp trở ngại nào. Tướng Lee dường như đã bị sập bẫy.

Chính sự táo bạo của tướng Hooker khiến ông ta thất bại. Chiến dịch tiến hành một cách mù quáng bởi vì quân kỵ binh chưa tới. Ông không còn tin vào kế hoạch của mình nữa và ra lệnh cho các chỉ huy các cánh quân rút lui sâu vào vùng ngoại ô Chancellorsville. Dù bất bình, những viên tướng chỉ huy này vẫn tuân lệnh.

Buổi tối, tuyến phòng thủ quân Liên minh được hình thành với cánh quân bên trái đóng ở Rappahannock. Cánh quân giữa ở Chancellorsville. Cánh quân phải không chịu nghe lệnh chỉ huy đã rút lui sâu vào khu Wilderness về phía Tây. Khi quân Liên bang rút lui và bắt đầu đào công sự, một phòng tuyến của quân Liên bang ngắn hơn đã tiến lên và tập trung tại nơi đối diện với phòng tuyến quân Liên bang tại Chancellorsville. Trong lúc ấy, kỵ binh của Liên bang dàn thành một lá chắn bảo vệ cho hai bên sườn quân Liên bang, do thám của Liên minh phát hiện một trong những cánh quân ấy rất sơ hở. Tướng Stuart đã báo cáo với tướng Lee.

Hiểu tướng Hooker quá ngạo mạn mới không để ý tới việc phòng thủ như vậy, tướng Lee nghĩ rằng mình đang nắm thế chủ động. Đêm đó ông cùng Jackson đề ra một trong những kế hoạch tiến quân táo bạo nhất trong lịch sử chiến tranh hiện đại. Họ cùng lên kế hoạch tấn công. Jackson lãnh đạo cuộc tấn công này, thọc sâu vào bên sườn hở của tướng Howard. Trong lúc đó tướng Lee và đám quân còn lại sẽ giữ chân quân đội Liên bang tại vị trí cố thủ. Khi tướng Jackson đề nghị đưa toàn bộ quân đội của ông gồm 26 ngàn người đi tấn công, bỏ lại 17 ngàn người đối phó với 73 ngàn người của tướng Hooker. Tướng Lee ngần ngại. Nhưng theo ông Freeman, "máu hiếu chiến" trong huyết quản tướng Lee sôi sục. Suy nghĩ một lát, tướng Lee lạnh lẽo nói: "Tốt lắm. Cứ thế mà làm!".

Ngày 02 tháng 05, khi bình minh vừa ló dạng Jackson cùng quân đội hành quân theo con đường mòn được che chở bằng một rừng cây dày đặc trong rừng, rồi đột ngột xuất hiện trên con đường Brock cho tới khi đến được Orange Turnpike gần Wilderness Tavern. Lính tuần tra của Liên bang có báo về cuộc di chuyển này nhưng tướng Hooker lại tưởng đó là cuộc rút lui và phái tướng Sickles truy đuổi. Đội quân này đã bị cánh quân phía sau Jackson chặn lại. Trinh sát đoạn đường phía trước toàn quân của mình, tướng Jackson lên kế hoạch tấn công làm ba đợt nhằm quét sạch suốt chiều dài tuyến phòng thủ của Howard.

Đợt tấn công dữ dội nổ ra vào buổi chiều cùng ngày. Hươu nai và thú hoang chạy tán loạn khỏi nơi ẩn nấp. Bị tấn công bất ngờ vào cánh quân bên sườn, hai lữ đoàn quân Liên bang được cử xuống con đường đi ngang qua trụ sở của Hooker tại Chancellorsville. Cuộc tấn công dữ dội của quân Liên minh đe dọa đánh tan tác đội quân còn lại của Liên bang. Nhưng bóng đêm đã che chở cho quân Liên bang. Và quân Liên minh, hàng ngũ hỗn loạn đã phải dừng tấn công ngay trước nửa đêm. Để quyết định phải đánh cho quân Liên bang tan tác tách rời khỏi con đường chờ quân tiếp viện, hoặc rút lui, Jackson cưới ngựa đi do thám tình hình.

Ông cùng một tùy tùng khi quay trở lại phòng tuyến mình, đã bị tưởng nhầm là kỵ binh Liên bang. Thế nên Jackson bị một loạt đạn của lính gác Liên minh. Ông bị thương nặng ngay lúc cao trào của một chiến dịch ngoạn mục do chính ông thực hiện. Quyền chỉ huy của Jackson được chuyển sang cho A. P. Hill, một sĩ quan chỉ huy lữ đoàn kỳ cựu. Khi ông Hill bị thương cũng ngay trong đêm ấy, quyền chỉ huy được chuyển giao cho Stuart. Nhưng cuộc tấn công rời rạc tiếp tục trong đêm. Trong khu rừng rậm rạp Wilderness, chỉ huy Stuart đề ra kế hoạch tiếp tục tấn công vào bình minh.

Quân Liên minh tiếp tục tấn công chiếm địa hình chiến lược Hazel Grove, một quả đồi nhỏ ngay phía Nam giao lộ lúc này bị quân Liên bang bỏ ngỏ theo lệnh của tướng Hooker. Pháo binh Liên minh tại Hazel Grove bắn vào tuyến phòng thủ của Liên bang. Vị trí này là yếu điểm, là nơi tập kết của cánh quân kết hợp giữa quân của tướng Stuart với số quân còn lại của Liên minh dưới quyền chỉ huy trực tiếp của tướng Lee. Tại trụ sở của mình tại Chancellorsville tướng Hooker càng lúc càng thêm lo sợ bởi thông tin mật báo liên tục được đưa về cho ông biết tiến trình cuộc chiến.

Một sự kiện xảy ra vào giữa buổi sáng ngày hôm sau đã làm tiêu tan nhuệ khí còn lại trong lòng viên tướng Liên bang. Một quả đạn đại bác của Liên minh từ Hazel Grove trúng cột trụ tướng Hooker đang dựa lưng khiến ông choáng váng. Không chịu từ bỏ mệnh lệnh đã đưa Rappahannock, ông bác bỏ lời thúc giục của các chỉ huy quân đoàn và ra lệnh thực hiện một kế hoạch ông đã nghĩ ra đêm hôm trước là rút lui quân đội ra khỏi vị trí cố thủ về phía sau thị trấn Chancellorsville. Đến lúc này hi vọng của tướng Lee về một chiến thắng đã bị đảo lộn bởi thông tin từ chiến trường khác. Ông Sedgwick, phản ứng lại lệnh của tướng Hooker của ngày hôm trước, đã tấn công không ngừng vào cánh quân của tướng Early ở Fredericksburg trong suốt buổi sáng ngày 03 tháng 03, ông ta đánh bật quân Liên minh ra khỏi vị trí cố thủ của mình

và đe dọa cánh quân chủ lực của tướng Lee từ phía sau. Một lữ đoàn duy nhất dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Lafayette, thuộc cánh quân của tướng Longstreet, được tướng Lee cử đi, đã giữ chân Sedgwick tại nhà thờ Salem. Tiên đoán tướng Hooker sẽ vẫn thụ động với cánh quân chủ lực của Liên bang, tướng Lee tìm cách lợi dụng phòng tuyến phía trong, đến lượt ông, tấn công kẻ thù đang bị chia nhỏ.

Bỏ mặc ông Stuart với 25 ngàn quân đi chặn bước tiến của quân Hooker ra lệnh cho tướng Early và quân đội với tướng McLaws, tướng Lee kết hợp hai cánh quân này cùng với một lữ đoàn của Anderson thực hiện cuộc tấn công vào buổi chiều ngày 04 tháng 05 vào lực lượng đang bị cô lập của Sedgwick. Ước đoán của Tướng Lee về động thái của Hooker là chính xác. Viên tướng chỉ huy quân Liên bang này vẫn còn đang nhàn hạ và lãng phí một cơ hội giành chiến thắng. Hành động táo bạo của tướng Lee đã xóa đi mối đe dọa từ phía sau. Nhưng ông ta không thể đạt được mục đích này bằng cách triệt hạ tướng Sedgwick. Ông Sedgwick chiến đấu rất ngoan cường và đã thoát khỏi vòng vây bằng cách rút lui dọc theo con sông ngay trong đêm.

Giờ đây tướng Lee tập trung quân đội và quyết định giáng một đòn chí tử vào tướng Hooker. Trong đêm ngày 05 tháng 05, tướng Hooker một lần nữa lại bác bỏ lời đề nghị của các tướng chỉ huy quân đoàn (họ muốn được tiếp tục chiến đấu) và ra lệnh cho quân đoàn Potomac rút lui ra xa dòng sông Rappahannock. Khi Liên minh tiến quân vào buổi sáng ngày mùng 06 tháng 05, họ thấy phòng tuyến của quân Liên bang bỏ ngỏ. Trận chiến với số lượng hùng hậu ở Chancellorsville kết thúc. Quân Liên minh chịu con số thương vong khoảng 13 ngàn người, quân Liên bang 17 ngàn người.

Trận Chancellorsville có một không hai. Không như bất cứ trận chiến nào của nội chiến, nó đại diện cho chiến thắng của các tướng Lee và Jackson đối với tướng Hooker. Vào đầu cuộc chiến Fredencksburg, đội quan Potomac đã bị chặn đánh và thất bại. Đến cuối cùng nó vẫn có khả năng và vẫn sẵn lòng chiến đấu. Về mặt lý thuyết, tướng Hooker nếu táo bạo vẫn có thể chiến thắng. Hai tướng Lee và Jackson, dũng cảm, hiểu thấu tình hình và sự nhanh trí của họ trong lúc cuộc chiến còn đang hỗn loạn, hoàn toàn tương phản với sự yếu đuối và dao động của tướng Hooker. Trên cương vị là chỉ huy quân đoàn, tướng Hooker vận dụng hết tài năng của mình. Nhưng khi ở vị trí chỉ huy tối thượng, ông lại dao động ngay vào giờ khắc quan trọng nhất trong cuộc đời binh nghiệp của mình.

Trận Chancellorsville đã ghi danh tướng Lee muôn thuở. Người miền Nam không bao giờ quên ông. Ngày thứ hai của cuộc chiến, khi phòng tuyến quân Liên bang thoái lui và tướng Lee cưỡi ngựa dẫn đầu đoàn quân tiến lên phía trước, những người lính đồng thanh hò reo xung trận. Một sĩ quan mô tả cảnh ấy như sau: "Tôi nghĩ nó rất giống ngày xưa, khi con người tôn sùng những vị thánh tối cao của họ". Nhưng tướng Lee ý thức rất rõ rằng quân đội ông đã phải chịu thương vong nặng nề trong cuộc chiến này. Những mất mát ấy không có gì thay thế được. Sự mất mát lớn nhất phải kể tới là mất Jackson. Khi tướng Lee biết Jackson phải phẫu thuật cắt cụt

một tay, ông nói: “Cậu ấy mất đi tay trái chẳng khác nào tôi mất đi tay phải”. Trong thư riêng ông viết: “Mỗi chiến thắng đều phải trả một giá đắt. Tôi không biết phải tìm ai thay thế ông ta bây giờ”. Ông Lee nói đúng. Jackson chết chỉ vài ngày sau vì bệnh viêm phổi. Và quân đoàn Bắc Virginia không còn bao giờ được như trước nữa.

Tin tức từ Chancellorsville mang tới nỗi lo lắng cho Tổng thống Lincoln. Cùng với tướng Halleck, ông đến thăm quân đội của tướng Hooker giờ cắm trại tại Falmouth, phía Bắc sông Rappahannock, cách Fredericksburg một đoạn không xa. Tổng thống Lincoln một lần nữa đối mặt với quyết định khó khăn: có nên thay vị tướng chỉ huy mới hay không? Ông quyết định cho Hooker một cơ hội, nhưng đồng thời viết thư nói rằng: hãy ngừng tấn công cho tới khi đoàn quân hồi phục ở sức mạnh đỉnh cao. Nhưng ông nói, nếu ông Hooker tin có thể tấn công với một viễn cảnh thành công tốt đẹp, thì tổng thống không phải gây sức ép với ông. Ông viết “tôi nhất định phải nói với anh rằng: tôi có những tin đau lòng: vài người trong số sĩ quan chỉ huy lữ đoàn và quân đoàn của anh không còn tin tưởng vào anh nữa”.

Nhà chức trách Liên minh cũng rúng động vì trận Chancellorsville không kém. Họ không còn mù quáng trước thực tại rối bời của quân đội mình. Các phòng tuyến của quân đội chính quy Liên minh tại Virginia khá chắc chắn, nhưng phía Appalachians lại đang yếu đi một cách nguy hiểm và rất sơ hở. Trong suốt mùa hè, Tổng thống Davis và tham mưu của ông cân nhắc nhiều kế hoạch bù đắp và lấy lại thế cân bằng chiến thuật. Hầu hết những kế hoạch này đều bao gồm vận chuyển quân đội từ quân đoàn của tướng Lee sang các quân đội Liên minh khác tại phía tây. Tướng Joseph E. Johnston muốn một kế hoạch như vậy. Đầu tháng 03, tự tay tướng Lee viết thư cho Tổng thống Davis nói rằng: đôi khi ông hy vọng hoàn cảnh tại Virginia sẽ thay đổi cho phép ông đưa càng nhiều quân đến đó càng tốt.

Một chính trị gia kiên trì nhất với chiến dịch phía Tây trong số các sĩ quan thuộc Liên minh chính là tướng Beauregard. Thông minh, đầy nhiệt huyết nhưng tính khí thất thường và hay hão huyền, tướng Beauregard từ tháng 08 năm 1862 đã chỉ huy cánh quân phía Nam Carolina và Georgia với trụ sở chính ở Charleston. Từ vị trí khá nhàn hạ này, ông viết thư cho bạn bè cả quân đội và cả trong Hạ viện thúc giục tiến hành cuộc di chuyển về phía Tây, một động thái ông tin sẽ mang lại thắng lợi quyết định cho Liên minh. Đánh bại tướng Rosecrans tại Tennessee. Sau đó, chiến dịch này sẽ cô lập tướng Grant ở Mississippi, buộc ông ta phải rút lui hoặc bị triệt hạ bởi một đội quân tập trung các lực lượng Liên minh ở phía Tây chống lại ông ta. Trong nội các Liên minh, Bộ trưởng Bộ chiến tranh Seddon ủng hộ việc chuyển quân tới miền Tây. Trong bộ chỉ huy của tướng Lee, chỉ huy lữ đoàn Longstreet cũng ủng hộ chiến lược này.

Trong lúc đó bối cảnh tại chiến trường Virginia khiến tướng Lee thay đổi ý định (nếu ông còn mang ý tưởng chia nhỏ lực lượng của mình). Vào thời gian trước khi xảy ra trận Chancellorsville, tướng Seddon nỗ lực lên chiến lược cho miền Tây bằng cách yêu cầu tướng Lee gửi một lữ đoàn lên Tennessee. Tướng Lee lưỡng lự. Ông nói sự đe dọa của đoàn quân hùng mạnh của tướng Hooker sẽ khiến động thái này

không sáng suốt. Hãy để quân đội Liên minh tại Tennessee và Mississippi được chi viện từ những điểm ít sơ hở dọc theo miền duyên hải phía Đại Tây Dương. Liên minh không thể địch với quân đội của Liên bang khi liên tục bị chuyển đổi từ mặt trận này đến mặt trận khác.

Điều khiến tướng Lee kiên định: Liên minh phải tập trung tại những địa điểm mang sứ mệnh chiến thuật quyết định. Nó không thể “tìm cách đối mặt với kẻ thù ở tất cả những nơi do kẻ thù chọn” tạm thời, cuộc tiến công của Hooker, và trận chiến Chancellorsville đã đặt dấu chấm hết cho câu hỏi: “có nên chuyển quân đội rời khỏi Virginia?”. Những sự kiện chiến sự xảy ra ở miền Tây sớm khiến người ta phải quay trở lại vấn đề này.

Những hoàn cảnh khẩn cấp nhất ở miền Tây liên tục xảy ra suốt dọc con sông Mississippi, khi tướng Grant, vào đầu tháng 01 năm 1863, chuyển tổng hành dinh của ông ta tới Memphis như một động thái thăm dò trước khi mở chiến dịch tấn công Vicksburg, ông gặp một rắc rối nghiêm trọng. Tổng thống Lincoln và Bộ trưởng Bộ chiến tranh Stanton lúc đầu đã hứa trao quyền chỉ huy Vicksburg cho thiếu tướng John A. McClernand, một người được chỉ định và là một viên tướng quân đoàn tình nguyện của bang Illinois. Ông này chiến đấu giỏi tại Shiloh và đã tuyển mộ được rất nhiều binh lính cho quân đoàn viễn chinh Vicksburg. Tướng McClernand giờ đây thách thức quyền lực của tướng Grant và viết thư cho ông với nội dung ngắn gọn: “Hai tướng không thể cùng lãnh đạo quân đoàn này”.

Tướng Grant không cần ai thuyết giáo về tầm quan trọng của nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh. Ông ngay lập tức kết hợp với đội quân viễn chinh này tại Bend thuộc Milliken. Đó là căn cứ của quân tình nguyện bên bờ Tây, trên Vicksburg chỉ vài dặm. Đồng thời ông ra lệnh, trên cương vị là chỉ huy của đoàn quân, cho viên tướng mới được bổ nhiệm là McClernand ở cương vị chỉ huy một cánh quân trong quân đội của ông. Tướng McClernand miễn cưỡng chấp thuận theo lệnh của tướng Grant. Tổng thống Lincoln cũng chấp thuận bằng cách lờ đi bức thư phản đối của tướng McClernand. Đó là một biện pháp thực tế nếu không nói là một biện pháp khiến mọi bên đều thỏa mãn với vấn đề đặt ra lúc bấy giờ.

Suốt thời gian, tướng Grant tìm một kế hoạch và chờ đợi thời tiết mùa xuân tới có thể giúp kế hoạch của ông thực hiện được. Giữa tháng 04, ông bắt đầu thực hiện nó. Những pháo hạm của tư lệnh David D. Porter hoạt động cùng với nhiều phương tiện vận chuyển chứa đầy lương thực dự trữ, đã thành công mặc dù phải chịu thiệt hại, khi chạy ngang qua các khẩu đội pháo ở Vicksburg trong đêm và thả neo tại một điểm bên bờ bắc cách thành phố 40 dặm về phía dưới.

Trong lúc quân đoàn của tướng Sherman chiến đấu với tuyến phòng thủ của quân Liên minh tại Chikasaw và quân kỵ binh của Liên bang dưới quyền chỉ huy của đại tá Beyjamin H. Grierson gây thiệt hại và làm hoảng loạn quân Liên minh bằng cách tổ chức một trận tấn công từ vành đai Tennessee băng qua trung tâm Mississippi, tới Baton Rouge, Louisiana. Tướng Grant phái cánh quân chủ lực của

ông, hai quân đoàn của tướng McClernand và thiếu tướng James B. McPherson xuống dưới bờ sông Mississippi kết hợp với hạm đội của Porter tại đó. Quân đoàn tướng Sherman sau đó cũng theo con đường này. Ngày 30, tướng Grant bắt đầu cho quân băng qua sông và tập trung bên bờ đông. Ngày 06 tháng 05, chính ngày quân đội Potomac rút lui ngang qua sông Rappahannock sau trận Chancellorsville, tướng Grant hoàn tất chuyển đi ở vùng sông Mississippi.

Hệ thống quân đội của Liên minh tại miền Tây không đủ sức đối mặt với cơn khủng hoảng lúc bấy giờ. Về một nghĩa nào đó, nó là một quân đội bị chia năm xẻ bảy. Ngày 01 tháng 05, tướng Johnston chỉ huy cánh quân vùng này (có tổng hành dinh ở chỗ quân tướng Bragg tại Tullahoma, Tennessee) gửi điện cho trung tướng John C. Pemberton chỉ huy quân đội Liên minh Mississippi và đông Louisiana: “Nếu quân đội của Grant đổ bộ (lên bờ Tây) của con sông, ta chỉ có thể đánh thẳng vào đội quân này mới có thể mang lại sự an toàn cho sông Mississippi. Vì mục tiêu đó ông phải tập hợp toàn bộ lực lượng của mình”. Tướng Grant tạm thời sơ hở với những chiến thuật này. Bằng cách kết hợp tất cả lực lượng quân Liên minh đang có và tấn công lập tức, tướng Pemberton sẽ có một lực lượng quân đông đảo khoảng 40 ngàn đến 50 ngàn người. Đây là lựa chọn của lòng can đảm. Nó đòi hỏi phải bỏ ngổ thành Vicksburg tạm thời để có thể tập trung chống lại tướng Grant.

Ngày 9 tháng 5, Tổng thống Davis ra lệnh cho Johnston đến Mississippi và đích thân chỉ huy những chiến dịch ở đây. Đây là một động thái khôn ngoan, nhưng Tổng thống Davis đánh điện cho Pemberton, nói rằng tướng Grant có thể sẽ phải ở lại cùng với hạm đội của ông ta, và ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cố thủ cho Vicksburg và pháo đài Hudson để có thể bảo toàn cho con đường huyết mạch của Liên minh nối với những vùng bên ngoài Mississippi. Tướng Pemberton lại hiểu những mệnh lệnh của Tổng thống Davis là: thành Vicksburg không thể bỏ ngổ, dù chỉ tạm thời. Thế nên, thay vì nghe theo lệnh của Johnston, tướng Pemberton thận trọng tiến sâu xuống miền Nam, không tấn công tướng Grant mà với mục đích chia cắt hoặc đe dọa con đường tiếp viện và đồng thời vẫn che chở cho Vicksburg.

Quyết định của tướng Pemberton dựa trên giả thuyết của Tổng thống Davis rằng tướng Grant nhất định phải gắn liền với hạm đội của ông ta, một giả thuyết hóa ra là sai lầm. Tướng Grant đã đổ bộ, quyết định bỏ căn cứ của mình, cướp phá lấy lương cho quân, chia cắt con đường tiếp viện của Liên minh và tấn công Vicksburg từ phía sau.

Tiến nhanh về chiến trường chính, ngày 12 tháng 5 tướng Grant nhử một đội quân nhỏ của Liên minh ra khỏi Raymond cách Jackson mười lăm dặm về phía tây. Ngày hôm sau ông bao vây Clinton trên con đường sắt giữa Vicksburg và Jackson. Tướng Johnston đến Jackson cùng ngày và trực tiếp chỉ huy 6 ngàn quân Liên minh tập trung tại đây. Khi biết được rằng quân Liên bang ở giữa ông và tướng Pemberton, ông ra lệnh cho Pemberton tấn công Grant từ phía sau. Nhưng ông lại đánh điện về Richmond nói rằng ông ta đã đến quá trễ. Ngày kế tiếp, tướng Grant đánh bật quân Liên minh ra khỏi Jackson. Tướng Johnston không tê liệt bởi những



thất bại này. Với khoảng 15 ngàn quân chi viện đang trên đường rời quân đội của tướng Grant và miền duyên hải Đại Tây Dương, tướng Johnston tiếp tục nỗ lực kết hợp với quân của tướng Pemberton ở phía Bắc Jackson. Mọi nỗ lực như vậy đều thất bại. Tuyến phòng thủ của quân Liên minh ở Vicksburg đang trong tình trạng hoàn toàn hỗn loạn.

Đầu tháng 4, vòng vây thành Hudson của quân thiếu tướng Nathaniel P. Banks chỉ huy Gulf Department với tổng hành dinh ở New Orleans, đã phối hợp với những chiến dịch với tướng Grant nhằm chiếm Vicksburg. Trong khi tập trung lực lượng tại thành Hudson, tướng Banks buộc phải dàn mỏng đơn vị đồn trú ra khắp nơi. Chính điều này đã thúc giục viên tướng chỉ huy của Liên minh ở khu vực thuộc miền Tây sông Mississippi địa phận Louisiana, tướng Richard Taylor tiến quân đến New Orleans với nỗ lực buộc tướng Grant phải mang hầu hết quân của mình quay trở lại thành phố cố thủ.

Đội quân này phải chia nhỏ và kết hợp với các cánh quân khác chống lại tướng Grant. Di chuyển nhanh, tướng Taylor sớm đoạt lại hầu hết miền Nam Louisiana khu vực phía tây của dòng sông. Nhưng New Orleans, ở bờ đông của con sông rộng lớn này, thực sự đang gặp hiểm nguy. Và tướng Banks đã thành công trong việc cho quân cố thủ ở thành Hudson.

Viễn cảnh của thảm họa ở Mississippi đi liền với chiến thắng của tướng Lee tại Chancellorsville gây ra một cuộc tranh cãi về chiến thuật xảy ra trong Liên minh. Bộ trưởng Bộ chiến tranh Seddon lúc này hỏi ý tướng Lee xem có nên cử một lữ đoàn tới tiếp viện cho Mississippi hay không. Tướng Longstreet thúc giục rằng: phải cử một biệt đội tới củng cố cho quân của Bragg tại Tennessee. Một lần nữa tướng Lee phản đối. Hồi âm cho ông Seddon, tướng Lee nhắc lại lời ông đã nói trước đây: khoảng cách từ ông tới Mississippi là quá lớn để có thể thực hiện thành công một cuộc vận chuyển quân lớn đến như vậy. Ông nói thêm rằng sẽ không chắc chắn trong cách sử dụng quân đội của ông tại miền Tây và khiến cho việc này trở nên liều lĩnh. Ông khẳng định, việc nào làm yếu đi quân đoàn Bắc Virginia, sẽ buộc nó trở lại tuyến phòng thủ Richmond nơi nó không còn bị đe dọa về mặt chiến thuật nữa. Ông nói “đoạn đường từ Virginia đến Mississippi là cả một vấn đề”.

Quyết định chiến lược cuối cùng đã đến vào cuộc họp từ 14 đến 17 tháng 05 giữa tướng Lee, Tổng thống Davis và nội các Liên minh. Tướng Lee lập luận đầy thuyết phục để ủng hộ cuộc di chuyển lên miền Bắc. Ông tin đây sẽ là cách tốt nhất để giải tỏa áp lực của Liên bang tại miền Tây. Ông cũng tin nó sẽ củng cố lòng tin của nhóm chủ hòa tại miền Bắc và có lẽ sẽ khiến chiến tranh kết thúc, quân đội được nghỉ ngơi trong những nhà kho rộng tại miền Bắc Virginia. Với thái độ chống đối quyết liệt của tướng Lee như vậy. Hầu hết, nếu không nói là tất cả các thành viên của nội các đều đồng tình với tướng Lee, Tổng thống Davis chuẩn y kế hoạch của ông. Tướng Lee quay trở lại bộ chỉ huy chiến trường.

Tướng Lee bị chỉ trích nặng nề bởi ông ta đánh giá quá cao tầm quan trọng của chiến trường miền Đông. Những học giả nghiên cứu nội chiến nhận ra hành vi của ông, cho thấy ông ta chỉ muốn bảo vệ an ninh cho vùng Virginia yêu dấu của mình và tin rằng ông ta đã để cho những nỗi lo nhất thời làm mờ mắt, không thấy được nhu cầu chiến lược trong bức tranh toàn cảnh của chiến trường phe Liên minh. Ông Hattaway và Jones xác nhận lời giải thích thứ hai khi nói rằng tướng Lee nhất thời chịu sự mâu thuẫn về nhận thức khiến ông ta không đánh giá đúng mối nguy hiểm tại miền Tây. Nếu lúc đó tướng Lee không nhận ra tầm quan trọng của miền Tây, đó chỉ là sai lầm tạm thời. Trước đó một năm, ông ta từng nói “nếu thung lũng Mississippi thất thủ, các bang bên bờ Đại Tây Dương sẽ không còn”. Đáng lẽ sau vài tháng, ông ta nên cử quân đội của mình đi chi viện cho quân Liên minh tại Tennessee.

Lúc ấy và mãi về sau này, chẳng ai có thể biết chiến lược nào sẽ thành công ở khu vực phía tây. Sau này cũng có một chiến lược giành cho miền Tây nhưng nó đã thất bại. Rõ ràng lời kêu gọi của tướng Lee về một quyết định giữa Virginia và phòng tuyến của Mississippi là lời kêu gọi vô lý. Nó chỉ ra nhu cầu bức thiết phải có một chiến thuật tập trung của Liên minh. Việc ông ta nhắc đi nhắc lại tầm quan trọng của miền Đông xuất phát từ lý lẽ rằng: Bắc Virginia như một tấm đệm lót bảo vệ thủ đô của Liên minh và là bàn đạp cho các cuộc tấn công chống quân Liên bang tại Washington và những thành phố chính ở phía bắc. Cùng với hệ thống vận chuyển của miền Bắc, nó là một vùng chiến lược giá trị nhất giúp cho Liên minh. Quân đoàn Bắc Virginia vẫn còn nguyên vẹn là một công cụ hiệu quả nhất của chiến lược Liên minh.

Trong bất cứ sự kiện nào, mọi nỗ lực đều đã được huy động vào bộ máy chiến tranh đang chạy hết tốc lực. Trong khoảng thời gian cuối mùa xuân đầu mùa hè năm 1863, chiến trường đã có sự cân bằng về lực lượng. Tướng Grant làm chủ khu vực Mississippi. Tướng Rosecrans và Bragg cố thủ tại chiến trường vùng trung tâm Tennessee. Tướng Lee đang vui vẻ với chiến thắng mới nhất, tinh thần đang ở trạng thái cao nhất và đang nắm thế chủ động ở miền Đông. Những chiến dịch sắp tới tại ba khu vực này sẽ đóng vai trò chính trong việc quyết định kết cục của cuộc chiến.

## 8. Dòng chiến sự đổi chiều

Ngày 04 tháng 06 năm 1863, những đơn vị của quân đội Bắc Virginia bắt đầu hành quân tới một điểm trên dòng sông Potomac cách Harpers Ferry vài dặm và cách Washington 100 dặm về phía trên. Mục tiêu cấp thiết nhất của tướng Lee sau khi băng qua con sông này là di chuyển theo con đường hẹp phía Tây Maryland. Sau sườn dốc đứng của núi South, chọc thẳng vào những cánh đồng màu mỡ thuộc miền Nam Pennsylvania. Tại đây đội quân của ông ta có thể được đầy đủ với nguồn lương thực bổ sung.

Mục tiêu trước mắt chính là đánh lạc hướng khiến quân đội Liên bang phải ra khỏi Virginia. Mục tiêu thứ hai là khiến các nhà chức trách Liên bang phải gọi quân đội từ Tennessee, hoặc từ Vicksburg, hoặc cả hai chi viện. Như vậy, sẽ làm giải tỏa áp lực tại các địa điểm này. Có một bằng chứng cho thấy tướng Lee còn có mục tiêu lớn hơn, thái độ của ông là sẽ giáng một đòn chí tử nếu có điều kiện. Ông viết thư cho bộ trưởng bộ chiến tranh rằng, ông có thể đánh bật quân địch khỏi vị trí khi lực lượng của Liên minh bị tấn công. Khi chiến tranh kết thúc, một cấp dưới nhắc lại lời của ông rằng ông hy vọng sẽ đẩy lực lượng của Liên bang vào thế bất lợi, bị đánh bại, sau đó sẽ kết thúc cuộc chiến. Khi lính của ông di chuyển, tướng Lee yêu cầu Tổng thống Davis tăng cường quân đội của ông bằng cách đưa quân chi viện từ những địa điểm khá là nhàn hạ tại Carolina, Georgia và Florida hỗ trợ cho cánh quân của ông. Ông còn đề nghị tướng Beauregard phải được cử tới Bắc Virginia trực tiếp chỉ huy quân đội ở đây. Đây sẽ là một cánh quân “trên bề nổi” đe dọa Washington từ phía Nam và làm cho nhà chức trách Liên bang phải bối rối.

Tướng Lee chỉ cho Tổng thống Davis thấy rằng: mặc dù gần đây có nhiều chiến thắng, quân đội Liên minh càng lúc càng yếu đi khi chiến sự càng lúc càng ác liệt. Ông tin dân chúng miền Bắc đang nản chí bởi thất bại Chancellorsville và những bế tắc quân sự ở khắp nơi. Một lần nữa ông khuyên mở một cuộc đàm phán hòa bình của miền Nam để khích lệ những người chủ hòa của miền Bắc và đặt áp lực đình chiến lên chính phủ Liên bang. Mặc dù lời khuyên này đánh giá quá thấp lòng quyết tâm của miền Bắc muốn bảo toàn Liên bang, nó cũng cho thấy tướng Lee hiểu rõ Liên minh thiếu khả năng đánh bại các quân đoàn được trang bị đầy đủ của Liên bang. Rằng chỉ có thể thắng bằng cách phá hoại ý chí của người miền Bắc đang tham chiến.

Tổng thống Davis, lo lắng về an nguy của Richmond và bị nhiều mối lo khác bủa vây, không trả lời những đề nghị của tướng Lee. Quân đoàn Bắc Virginia, với sự chỉ huy của tướng Longstreet đã kết hợp lại và đang tập luyện miệt mài chuẩn bị cho một chiến dịch quan trọng nhất với khoảng 76 ngàn quân. Trong nỗ lực bù đắp sự thiếu hụt của Jackson, tướng Lee đã tái tổ chức lại quân đoàn thành ba cánh quân bộ binh. Longstreet chỉ huy cánh quân thứ nhất. Richard Ewell mới được thăng chức trung tướng, chỉ huy cánh quân thứ hai. Và A. P. Hill, mới lên chức thiếu tướng chỉ huy cánh quân thứ ba. Tướng Stuart vẫn chỉ huy quân đoàn kỵ binh với khoảng 12 ngàn người.

Kỵ binh của Stuart tài tình ngăn cản những cuộc tấn công mở màn của chiến dịch. Nhưng ngày 09 tháng 06, ông đã bị tấn công bất ngờ gần ga Brandy bởi một lực lượng quân kỵ binh của Liên bang có sức mạnh tương đương quân của ông dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Afred Pleasonton. Sau cuộc chiến lúc trời vừa sáng, Pleasonton rút lui. Stuart tuyên bố thắng lợi. Nhưng trong quân đội, một làn sóng chỉ trích bùng phát. Báo Richmond Examiner đã buộc tội tướng Stuart quá kiêu ngạo, cầu thả, không biết lãnh đạo, xúc phạm niềm tự hào của “đội kỵ binh dũng cảm” (ông mượn tựa đề bóng bẩy này của Emory Thomas). Có lẽ tướng Stuart mong lấy lại hình ảnh của mình bằng việc chứng tỏ khả năng phi thường trong chiến dịch sắp tới.

Kế hoạch của tướng Lee chỉ tạm thời làm xáo trộn ga Grandy. Giữa tháng sáu, chỉ huy cánh quân của ông băng qua sông Potomac. Ngày 28, cánh quân chủ lực dẫn đầu đã ở Carlisle, Pennsylvania, cách Harrisburg 20 dặm. Bất kể lệnh tối thượng của tướng Lee cấm cướp phá dân thường, quân Liên minh vẫn cướp bóc trắng tay. Để đổi lấy quân lương, họ đã trả cho người dân tiền Liên minh hoặc những văn kiện ghi nợ (trái phiếu, tín phiếu...) và nói rằng chính phủ Liên minh sau này sẽ bồi hoàn lại. Thêm vào đó, một việc rất đáng bị khiển trách xảy ra. Không hề với một mục đích chiến lược nào, quân đoàn kỵ binh và nhiều quân đội của Liên minh dưới quyền chỉ huy của tướng Longstreet đã bắt giữ nhiều người da đen, vài người trong số họ là người da đen tự do, để trao trả cho Virginia, coi họ là nô lệ bỏ trốn.

Đối với tướng Lee, mọi chuyện dường như xuôi chèo mát mái. Nhưng thực ra không dễ thế. Một trong những đơn vị quan trọng thuộc quân đội ông, nhiều người thuộc quân đoàn kỵ binh của ông và viên tướng thông minh nhưng tùy tiện, hiện đang bất tuân lệnh. Lợi dụng những mệnh lệnh tùy tiện và với lời lẽ không được chặt chẽ, tướng Stuart cùng với ba trong số năm lữ đoàn của ông ta đã đi đường khác, bao vây toàn bộ đội quân Potomac. Ông này thành công trong việc bao vây kẻ thù, dàn quân trên khắp con đường đến Carlisle và cướp một đoàn tàu của Liên bang gồm 125 toa. Nhưng trong lúc làm như vậy, ông này cũng lấy đi quân chủng do thám không thể thiếu của tướng Lee. Có lúc tướng Lee đã bực tức: “Tôi không biết phải làm gì. Tôi không nghe được tin tức gì từ tướng Stuart, cặp mắt của quân đoàn chúng ta”. Vào trưa ngày 02 tháng 07 ngay khi chiến sự ác liệt nhất, tướng Stuart trở về tổng hành dinh. Tướng Lee chào đón ông ta như sau: “À đây rồi tướng Stuart, cuối cùng thì cũng thấy mặt anh”. Đối với tướng Stuart, đây là lời khiển trách sâu cay.

Trong lúc ấy, tướng Hooker, sau một tuần lữing lự đã đề nghị lợi dụng sự thiếu vắng quân Liên minh trên chiến trường cho hành quân tới Richmond. Tổng thống Lincoln bác bỏ kế hoạch này và nhắc lại rằng: bây giờ ông ta phải có một chiến thuật rõ ràng cho chiến thắng; rằng quân đội của tướng Lee (không phải Richmond) mới là mục tiêu thực sự của đội quân Potomac. Mấy ngày sau đó, ông sử dụng một trong những lối nói ẩn dụ chất phác của mình để thúc giục tướng Hooker tấn công quân Liên minh trong lúc đám quân miền Nam đang di chuyển. “Nếu như đầu của quân đội tướng Lee ở Martinsburg (nằm trong thung lũng) và đuôi của nó ở giữa

Fredericksburg và Chancellorsville, con quái thú này nhất định phải có chỗ nào đó rất yếu. Liệu ông có thể bẻ gãy sống lưng nó không?”

Sự kiên nhẫn của Tổng thống Lincoln với tướng Hooker đã hết. Bị hối thúc, tướng Hooker rút lui quân về miền Bắc sông Potomac và chặn đầu cuộc hành quân của tướng Lee. Nhưng khi ông xin quân chi viện từ đơn vị đồn trú Harpers Ferry, bị từ chối, ông đã mắc sai lầm là đã đệ trình đơn từ chức. Rõ ràng ông tin rằng chiến dịch này sẽ không thành công. Tổng thống Lincoln lập tức chấp nhận đơn từ chức của ông. Ngày 28 tháng 06, Tổng thống chỉ định tướng Meade làm chỉ huy tối cao. Tướng Meade ngay lập tức đưa đội quân Potomac tiến lên phía bắc chặn đứng bước tiến của quân Liên minh.

Phải tới tối ngày 28, tướng Lee mới được một điệp viên thông báo quân Liên bang đang đóng quân tại khu lân cận Frederick, Maryland. Địa điểm này chỉ cách sở chỉ huy của ông 35 dặm về phía đông nam. Sở chỉ huy lúc này đang ở Chambersburg, ngay phía đông điểm cực Bắc của dãy núi South và chỉ cách Harrisburg 45 dặm. Thông tin này rất mơ hồ nhưng tướng Lee (nhận được mối nguy hiểm và có lẽ cũng là cơ hội), ngay lập tức ra lệnh cho quân đội của ông tập trung vào vùng lân cận Cashtown, cách Chambersburg 15 dặm về hướng đông. Tối ngày 30 tháng 06, hai quân đoàn của tướng Longstreet và Hill (khoảng 43 ngàn quân) đã tập trung tại đây. Tướng Ewell với hai lữ đoàn đến từ Carlisle và một lữ đoàn đến từ York cũng đang trên đường chi viện.

Điệp viên này cũng thông báo với tướng Lee về việc tướng Meade vừa được bổ nhiệm làm chỉ huy tối cao của quân đoàn Liên bang và lúc này sẽ trực tiếp đối mặt với ông ta. Hai người này không lạ gì nhau. Họ từng là bạn và từng phục vụ quân ngũ dưới quyền chỉ huy của tướng Scott trong chiến tranh Mexico. Như mọi khi, tướng Lee đánh giá thật nhanh và sắc xảo về đối thủ mới của mình. Đây là một lời đánh giá và đã trở thành một lời tiên tri đáng nhớ: “Tướng Meade sẽ không sai lầm trên chiến trường của tôi. Và nếu tôi sai lầm, ông ta sẽ nhanh chóng lợi dụng nó”.

Trớ trêu thay, cuộc chiến lớn nhất của nội chiến Mỹ lại không được hai viên chỉ huy này chủ định trước. Nó bắt đầu bằng cuộc chạm trán vào chiều ngày 30 tháng 06. Lữ đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Liên minh James Johnston Pettigrew đến được vùng ngoại ô Gettysburg cách Cashtown 8 dặm về phía đông nam. Chỉ huy một lữ đoàn của Pettigrew, Thiếu tướng Henry Heth nói rằng ông ta đã ra lệnh hành quân tới Gettysburg với mục đích bao vây nguồn cung cấp giày của quân đội Liên bang có kho ở đây. Vì bị kỵ binh Liên bang bắn dữ dội khi đến Gettysburg và được chỉ thị là tránh đụng độ, Pettigrew quay trở lại Cashtown. Đêm đó, tướng A. P. Hill chỉ huy quân đoàn chuẩn y kế hoạch của Heth dùng toàn bộ lữ đoàn này xua đuổi đám kỵ binh đang gây rối và đảm bảo có số giày kia vào sáng ngày hôm sau.

Điều mà quân Liên minh không thể biết là có quân đoàn kỵ binh của Liên bang tại Gettysburg, hai lữ đoàn dưới sự chỉ huy của tướng John Buford, chỉ là đơn vị đầu tiên đang tiến quân, của toàn bộ quân đoàn Potomac phía sau. Di chuyển với sự thận

trọng nhưng rất vững chắc, tướng Meade đã lên kế hoạch cho một vị trí phòng thủ dọc nhánh sông Pipe Creek tại Maryland ngay dưới tuyến phòng thủ bang Pennsylvania.

Những sự kiện ngày 01 tháng 07 đã thay đổi toàn bộ kế hoạch này. Chiến đấu dừng cảm dọc theo cầu McPherson's, phía Tây Gettysburg, lính của tướng Buford tạm thời chặn đứng bước tiến của tướng Heth. Để đáp lại lời kêu gọi của tướng Buford xin quân cứu viện, tướng John Reynolds chỉ huy quân đoàn dẫn đầu tiến lên phía trước, kết hợp với quân của Buford, đánh giá tình hình và ra lệnh cho quân đội tiến lên. Ngay sau đó, Reynolds đã ngã gục trước một viên đạn của quân Liên minh, buộc tướng Abner Doubleday phải chỉ huy quân đoàn. Giữa buổi sáng, quân bộ binh của Liên bang bắt đầu đến được phòng tuyến này và từ đó cuộc chiến càng lúc càng ác liệt. Hành động của tướng Buford, theo sau là quyết định của tướng Reynolds chi viện cho ông ta, đã thay đổi vị trí của trận đánh sắp tới từ sông Pipe Creek tới Fredericksburg.

Lúc đó, tướng Ewell trên đường hành quân từ Carlisle tới Cashtown. Nhưng với ý kiến của tướng Lee là nên đến Fredericksburg, nên di chuyển về phía có tiếng súng và làm chệch hướng quân đoàn của ông tới Gettysburg. Đến từ hai hướng bắc và tây bắc ông thấy mình hoàn toàn có khả năng tấn công vào sườn phải của phòng tuyến quân Liên bang. Ông đã làm thế mà không hề lưỡng lự. Vào lúc xế chiều, quân đoàn của Liên bang (quân đoàn thứ nhất và quân đoàn thứ mười một, cùng với toàn bộ lực lượng dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Oliver O. Howard chỉ huy quân đoàn 11 và là một sĩ quan kỳ cựu của Liên bang trên chiến trường) đã tấn công hai lữ đoàn của tướng Hill và hai lữ đoàn của tướng Ewell.

Quân Liên minh tập trung rất nhanh. Cánh quân chủ lực của Liên bang còn đang trên đường hành quân với đội hình hàng dọc dài cả dặm. Lính cố thủ của Liên bang tại Fredericksburg, lúc này đang bất lợi về quân số: 3 chọi 4. Bị đe dọa sẽ bị bao vây bởi cuộc tấn công của Ewell bên sườn phải, quân đoàn 11 bắt đầu rút lui. Và tướng Howard ra lệnh cho tuyến phòng thủ của Liên bang lui về một vị trí cứ điểm vững vàng hơn. Trong lúc rút lui, đặc biệt là trong cơn hỗn loạn của quân đoàn 11 khi băng qua Gettysburg, lực lượng quân Liên bang đã mất khoảng 4 ngàn binh lính vì bị bắt làm tù binh.

Biết lo xa, tướng Howard chọn một vị trí rút lui có những địa hình hiểm trở ngay trong nghĩa trang Cemetery Hill. Nó nằm ngay gần Gettysburg về phía nam. Đồi này có tên như vậy vì đỉnh đồi là nghĩa trang địa phương. Nó có độ cao khiêm tốn với độ dốc thoải thoải nhìn xuống thị trấn và có thể quan sát rõ những con đường đi từ thị trấn ra ngoại ô. Tướng Howard trước đây đã lo xa nên cử một lữ đoàn cứ điểm ở nơi này. Nó như một lực lượng củng cố lại và lấy tinh thần cho hai quân đoàn đội ngũ lộn xộn sẽ về tới. Họ được chào đón và chỉnh đốn đội ngũ nhờ lệnh chỉ huy của thiếu tướng Winfield Scott Hancock. Ông này có khả năng xuất chúng và đáng vẻ tự tin khiến người ta vững dạ. Chỉ huy quân đoàn thứ hai, ông được tướng Meade cử ra

mặt trận để chịu trách nhiệm chính chiến trường này và chọn một phòng tuyến phù hợp.

Tướng Lee đến chiến trường vào lúc đầu giờ chiều. Thoáng nhìn qua ông đã thấy ngay tầm quan trọng của đồi nghĩa trang. Ông nhắc tướng Ewell, giữ cho được vị trí này nếu như ông ta thấy nó có lợi, nhưng phải tránh một trận chiến tổng lực cho tới khi toàn bộ quân chi viện có mặt sẵn sàng.

Chiều hôm ấy, tướng Lee thông báo với tướng Longstreet về ý định của ông sẽ tiếp tục tấn công vào ngày hôm sau. Tướng Longstreet phản đối bởi vì ông ta tin vào một chiến lược tập trung quân ở miền Tây. Ông Longstreet đã phản đối một động thái chuyển binh về Pennsylvania. Giờ đây ông phản đối việc tiếp tục một cuộc chiến ở đồi nghĩa trang và yêu cầu tướng Lee ngưng chiến đấu, đồng thời chuyển quân về phía sườn nam của quân đội Liên bang để có thể cùng phối hợp với lực lượng của ông ta bằng cách đóng quân giữa cánh quân của ông này và Washington buộc tướng Meade phải tấn công. Nhưng ý tướng Lee đã quyết. Ông Hy vọng sẽ đánh bại tướng Meade trước khi quân đội Liên bang có thể tập trung hoàn toàn. Ông bảo “nếu tướng Meade ở đó ngày mai tôi sẽ tấn công ông ta”.

Kế hoạch ban đầu của tướng Lee là tướng Ewell sẽ dẫn đầu quân chủ lực vào ngày hôm sau, tấn công vào sườn phải của quân Liên bang tại đồi nghĩa trang. Cuối giờ chiều của ngày đầu tiên, tướng Lee gặp tướng Ewell để trao lệnh này. Phản ứng của tướng Ewell cùng với những lời đề nghị của các tướng chỉ huy lữ đoàn của ông ta (thiếu tướng Jubal A. Early và Robert E. Rodes) quá thiếu tự tin đến độ tướng Lee thay đổi ý định. Ông quyết định dồn nỗ lực chính vào cuối tuyến phòng thủ với các quân đoàn của tướng Longstreet. Tướng Longstreet là một nhà lãnh đạo có kĩ năng chiến thuật tuyệt vời và tinh thần bất khuất. Chẳng phải ngẫu nhiên ông được người ta biết đến với cái tên “con ngựa chiến của Lee”.

Tướng Lee đánh giá sai tốc độ tập trung quân của Liên bang. Sáng ngày 2 tháng 7, sáu trong số bảy quân đoàn bộ binh của Potomac đã có mặt. Quân đoàn thứ 7 cách đó không xa, ở vị trí hỗ trợ. Toàn bộ lực lượng khoảng 87 ngàn người. Đích thân tướng Meade đã đến đây vào lúc nửa đêm và bằng lòng với sự chuẩn bị của tướng Hancock. Đơn vị Phòng thủ của Liên bang tại điểm cuối cùng phía bắc lúc này không chịu hợp tác, vòng lại phía sau vị trí của nó trên đồi nghĩa trang để chiếm cứ đồi Culp và cũng là để quan sát được đồi nghĩa trang từ phía đông. Phòng tuyến kéo dài cách đồi nghĩa trang hai dặm về phía Nam dọc theo một vị trí trên cao độ cao được biết đến như gò nghĩa trang Cemetery Ridge và một quả đồi tên Đồi nhỏ (Little Round Top) nhìn xuống cả gò nghĩa trang lẫn đồi nghĩa trang từ phía nam. Phía nam của Đồi nhỏ còn có một quả đồi lớn hơn được biết là Đồi trọc (Round Top). Lúc này cứ điểm này vẫn bỏ không. Những đặc điểm địa hình ưu việt giúp cho phòng tuyến của Liên bang có thể sắp xếp theo đội hình lưỡi câu. Đồi nghĩa trang là lưỡi. Đồi Culp là ngạnh lưỡi câu. Gò nghĩa trang là cuống lưỡi câu, và Đồi nhỏ là lỗ sâu dây câu.

Sáng ngày 2 tháng 7 tướng Lee dàn thành tuyến phòng thủ trong đó quân đoàn của tướng Ewell đối mặt với khu vực phía Bắc của vị trí quân Liên bang trên Đồi Culp và đối diện với sườn bắc của Đồi nghĩa trang. Quân đoàn của tướng Hill chiếm cứ một khu đất cao ở điểm cuối cùng của Gò Trường Dòng về phía bắc (bởi vì khu vực này có một trường dòng Luther nhỏ). Khu đất cao này nằm ở phía Tây Gettysburg. Gò Trường Dòng và Gò nghĩa trang nhìn chung là song song và cách nhau khoảng một dặm. Kế hoạch của tướng Lee là sử dụng quân đoàn của tướng Longstreet (quân đoàn này không tham gia chiến đấu ngày đầu tiên và vẫn chưa được triển khai thành tuyến phòng thủ) và cuộc tấn công chủ lực bắt đầu từ cánh quân bên trái của tướng Hill thọc sâu vào sườn nam của quân đội Liên bang. Tướng Hill và tướng Ewell dự định đảm nhận mọi hành động nghi binh trên mặt trận của họ.

Nhưng sườn nam của quân Liên bang không phải ở nơi mà tướng Lee tính đến. Tướng Lee, nghe thông tin từ quân do thám, đã tin tưởng Gò nghĩa trang không được canh phòng cẩn mật và sườn trái của quân Liên bang hiện đang sơ hở. Theo lệnh của ông, tướng Longstreet tấn công vào đường Emmitsburg. Con đường này băng ngang qua điểm tận cùng phía dưới của Gò Trường Dòng và chạy xéo qua thung lũng nằm giữa, sau đó băng qua thung lũng này rồi băng qua sườn tây của Đồi nghĩa trang để đến Gettysburg. Nếu quân đội Liên bang triển khai như ông dự đoán, cuộc tấn công của ông sẽ bao vây vị trí của quân Liên bang trên Đồi nghĩa trang.

Mãi tận 4 giờ chiều tướng Longstreet mới mở màn cuộc tấn công. Cả ông và tướng Lee đều phải chịu trách nhiệm về sự chậm chạp này. Tướng Lee, mặc dù tối hôm trước có trình bày ý định tấn công vào sáng ngày 2 tháng 7, vẫn chưa thực sự ra lệnh chính thức cho mãi tới tận gần trưa vào ngày hôm ấy. Phản đối kế hoạch này, tướng Longstreet thực hiện mệnh lệnh với lưỡng lự, chậm trễ. Mệnh lệnh đòi hỏi phải hành quân vòng hơn năm dặm để tránh bị phát hiện. Nhưng lũ đoàn của tướng Longstreet không thể triển khai đội hình cho cuộc tấn công sau hai giờ chiều.

Cuộc tấn công còn chậm trễ hơn nữa bởi tướng chỉ huy lũ đoàn bên sườn phải của tướng Longstreet, thiếu tướng John Ben Hood, thông báo rằng một lực lượng quân hùng hậu của Liên bang đang tiến thẳng tới phòng tuyến của ông dọc theo con đường Emmitsburg. Tướng Hood đề nghị được tấn công về phía nam và tây vòng quanh đồi trọc để có thể xâm nhập phòng tuyến của Liên bang từ bên sườn và phía sau. Nhưng tướng Longstreet bác bỏ và quyết định thông báo cho tướng Lee thông tin do tướng Hood báo lại. Cuối cùng tướng Longstreet mới quả quyết “Chúng ta nhất định phải tuân lệnh tướng Lee”.

Đội quân đóng trên đường tướng Hood đi qua thuộc quân đoàn số ba dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Daniel E. Sickles. Ông này người New York, hay bất đồng và khá cứng rắn. Theo ý định của tướng Meade, quân đoàn của tướng Sickles sẽ phải cố thủ bên sườn trái của quân Liên bang ở địa điểm tận cùng phía dưới của Gò nghĩa trang và Đồi nhỏ. Đặc điểm địa hình quan trọng nằm ở khu vực phía nam của chiến trường này. Nếu họ ở đó, việc tiến quân của Liên minh đến Đồi nghĩa trang theo lệnh



của tướng Lee sẽ đi ngang qua mặt của quân đội Liên bang và sườn phải quân Liên minh sẽ sơ hở đủ cho ông phản công bao vây. Quân Liên minh sẽ là những tấm bia sống cho các tay bắn súng tía, một kiểu nhà đạn đặc biệt gây thương vong lớn sẽ bẻ gãy tuyến phòng thủ của quân thù.

Sáng sớm hôm đó, như sau này. Ông nói lại, ông tin rằng tướng Meade không chắc chắn về vị trí hiện tại của quân đội dưới quyền ông, tướng Sickles đưa quân tiến lên tới nơi ông tin là một cứ điểm an toàn chỉ cách phòng tuyến quân Liên bang một dặm. Lúc này, họ hình thành một đội quân theo hình mũi tên với một lữ đoàn hướng về phía tây dọc theo con đường. Lữ đoàn còn lại quay mặt về hướng nam dọc theo một vườn cây ăn trái trồng đào và đồng thới liền kề với một cánh đồng trồng lúa mì. Cánh quân bên sườn sẽ ở vị trí Devi's Den (Thung lũng tổ quý), một quả đồi và thung lũng nhỏ lờm chớm cách Đồi nhỏ bốn trăm bộ về phía tây.

Cuộc tiến quân của tướng Sickles khiến cho Đồi nhỏ không được che chắn. Quân trinh sát của tướng Lee đã phát hiện ra điều này và báo lại với ông. Thông tin này khiến ông thay đổi mệnh lệnh: tấn công dọc theo con đường Emmitsburg. Vị trí của quân đoàn này cũng định sẵn số mệnh cho nó là phải gánh lấy con số thương vong lớn và đúng thực như vậy, nó đã bị cuộc tấn công dồn dập của tướng Longstreet hủy diệt. Trong một trận chiến ác liệt nhất của nội chiến Hoa Kỳ, quân Liên minh chiếm cứ vườn đào, cánh đồng lúa mì, Thung lũng tổ quý, chiếm Đồi trọc và tiến rất sâu gần như tới tận sườn của Gò nghĩa trang và Đồi nhỏ.

Khi đã vào trận rồi, tướng Longstreet dồn toàn lực cho cuộc chiến. Sau này ông viết rằng hành động của quân đoàn ông, trong ba tiếng đồng hồ ấy, “chiến đấu hiệu quả nhất chưa từng có so với bất cứ đội quân nào ở bất cứ chiến trường nào”. Đây là lời nói cường điệu được tướng Harry W. Pfanz ủng hộ. Ông là nhà nghiên cứu kĩ càng nhất về chiến dịch này. Ông nói thêm rằng: tinh thần chiến đấu của các lực lượng quân Liên bang với số quân đông hơn ở phòng tuyến phía bên kia chiến tuyến cũng ác liệt không kém quân Liên minh, “nhưng thiếu thông minh hơn”.

May cho sự nghiệp Liên bang, vào lúc quân Liên minh đến được Đồi nhỏ vào chiều muộn. Chỉ lát sau, tướng chỉ huy lữ đoàn Gouverneur K. Warren, một lữ đoàn trinh thám được tướng Meade tin cậy nhất đã phát hiện ra điểm yếu của vị trí này, đưa một đội quân trám ngay vào lỗ hổng và báo cho tướng Meade gửi ngay quân cứu viện. Cuộc chiến giành Đồi nhỏ ác liệt hơn dự tính nhưng cuối cùng nó đã nằm gọn trong tay quân Liên bang.

Những cuộc tấn công nghi binh bởi các quân đoàn của tướng Hill và tướng Ewell (dù rất hăng hái ở một vài điểm) lại không đúng lúc và phối hợp rất tồi. Hai lữ đoàn của tướng Hill hiếm khi hòa chung tiếng súng của mình với đồng đội. Chỉ có lữ đoàn của tướng Richard H. Anderson che chắn cho sườn trái của tướng Longstreet, là chiến đấu dũng cảm.

Thực lực hai bên vẫn ở thế cân bằng. Cả hai phe đều chịu số thương vong nặng nề nhưng chưa có phe nào quá yếu. Bỏ qua những lời phản đối của tướng Longstreet,

tướng Lee đưa ra một lựa chọn chết người: tiếp tục tấn công vào ngày hôm sau bằng cách tập trung đánh vào cánh giữa của quân Liên bang đang đóng ở Gò nghĩa trang. Ông tin rằng địa điểm này yếu bởi lính đã được đưa đi bảo vệ hai bên sườn.

Đêm đó, tướng Meade hình thành ban tham mưu cùng những tướng chủ chốt của ông. Ông được họ đóng góp ý kiến nên quyết định vẫn ở nguyên vị trí phòng thủ. Khi các sĩ quan ngồi chật phòng, ông nói với tướng John Gibbon, chỉ huy lữ đoàn thuộc cánh quân giữa của quân đoàn tướng Hancock “nếu tướng Lee tấn công vào ngày mai, mục tiêu trực tiếp chính là chiến trường của cậu đấy. Ông ta đã tấn công cả hai bên sườn quân ta rồi nhưng đều thất bại. Nếu cuối cùng ông ta lại muốn tấn công nữa, ông ấy sẽ nhắm vào giữa đấy”. Hiếm khi có vị tướng nào đoán chính xác đến như vậy về ý định của kẻ thù.

Một lần nữa tướng Lee lại trao quyền chỉ huy vào tay tướng Longstreet cho cuộc hành quân sắp tới. Nỗ lực chính sẽ do các lữ đoàn quân của tướng Longstreet đảm nhiệm. Những lữ đoàn này dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng George E. Pickett. Trận chiến ngày hôm trước không có ông ta tham gia. Cuộc tấn công lần này ông ta được chỉ viện một sư đoàn cộng thêm hai lữ đoàn bổ sung từ quân đoàn của tướng Hill. Tướng Lee ước định quân chủ lực sẽ là 15 ngàn người. Nhưng bởi vì con số thương vong của tướng Hill của ngày hôm trước, nó có lẽ không sẽ không vượt quá 13.500 người thậm chí có khi còn ít hơn. Tướng Hill đã sẵn sàng và chuẩn bị hỗ trợ cuộc tấn công và lợi dụng cú đột phá này. Tướng Ewell cũng bắt đầu tấn công vào Đồi Culp. Tướng Stuart (vừa đến vào ngày hôm trước) dẫn đầu đám lính mệt mỏi của ông ta tấn công vào sườn phải của quân Liên bang.

Toàn bộ chiến dịch của Liên minh hầu như không có sự phối hợp nào. Rõ ràng tướng Lee định tấn công đồng loạt vào rạng đông ngày 3 tháng 7 và tướng Ewell nói ông ta nhận được mệnh lệnh rõ ràng cho động thái này. Nhưng không hề có mệnh lệnh nào bằng văn bản và ngay cả tướng Lee cũng không bao giờ nói rõ ý định của mình để Longstreet hiểu hoặc có thể tướng Longstreet không hiểu được những mệnh lệnh ấy là gì. Tướng Longstreet, suốt đêm 2 tháng 7, lên kế hoạch di chuyển quân bao vây sườn trái của Liên bang. Quân đội của ông ta không ở trong vị trí chuẩn bị tấn công vào cánh quân giữa của Liên bang lúc trời rạng sáng hoặc họ cũng không sẵn sàng làm như vậy suốt nhiều giờ sau đó.

Ewell bắt đầu tấn công Đồi Culp trước khi trời sáng. Nhưng đó là một nỗ lực không hiệu quả và yếu ớt. Hầu hết binh lính dưới quyền ông ta đều lười nhác. Lúc này lực lượng quân Liên bang đã được củng cố. Binh lính phái tới những địa điểm khác của phòng tuyến đã trở về. Cuộc phản công của Liên bang chặn đứng cuộc tấn công Liên minh và đẩy quân Liên minh lùi bước. Chiến sự diễn ra ác liệt trong suốt buổi sáng. Khi trận chiến kết thúc vào khoảng gần trưa, Đồi Culp chắc chắn nằm trong tay của Liên bang.

Nỗ lực chủ yếu của Liên minh dưới quyền chỉ huy của tướng Pickett bắt đầu lúc 3 giờ chiều trong một ngày nóng nực. Đó là một trong những trận chiến kịch tính nhất

trong lịch sử nước Mỹ. Cuộc tấn công bắt đầu từ Gò Trường Dòng và nhắm tới một điểm trên Gò nghĩa trang nằm ngay phía nam. Địa điểm này được đánh dấu bằng một bãi cây trồng làm chất đốt. Cuộc tấn công diễn ra sau một trận dập pháo kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ. Các khẩu đội pháo của hai phe nã không tiếc đạn vào đối phương. Khi tiếng súng tạm lắng, cuộc tấn công bắt đầu. Trước hết nó là cảnh tượng của lòng dũng cảm khiến người ta không thể nào quên. Và rồi xác người thi nhau ngã xuống. Lúc đầu là 200 quả đạn pháo của Liên bang mở màn cuộc tấn công thứ hai. Mảnh pháo văng tứ tung, kể đến là các tay súng xả hàng tràng đạn. Quân bộ binh của Liên bang với súng hỏa mai bắn không tiếc tay về dãy lính đứng dàn hàng ngang với đội hình mỏng. Khi giáp lá cà, khoảng cách giữa hai bên không còn. Từng tràng đạn bắn lên từ dưới triền đồi tạm lắng. Lính tụ hợp với nhau thành từng nhóm tiến thẳng về phía mục tiêu.

Thật cố gắng, một vài lính Liên minh thực sự đến được mục tiêu này. Chúng đánh giáp lá cà với những người phòng thủ. Nhưng đó chỉ là một nỗ lực thảm bại. Đợt tiến quân của Liên minh đã cố hết mức. Quân tiếp viện Liên bang ào tới mục tiêu đang bị đe dọa. Chẳng bao lâu sau những lính Liên minh còn sống sót đã lui xuống dưới triền đồi mang theo xác của đồng đội mình. Họ băng qua thung lũng tìm nơi trú ẩn ở Gò Trường Dòng. Cuộc tiến công trên diện rộng của tướng Stuart vào sườn phải của quân Liên bang đã kết thúc với sự đùng độ cùng một sư đoàn kỵ binh của Liên bang dưới quyền chỉ huy của tướng Davis ngay phía Tây Gettysburg.

Tướng Longstreet nói rằng không thể có một đội quân 15 ngàn lính trên đồi này có thể hoàn tất sứ mệnh giao cho ông ngày hôm đó. Nỗ lực của tướng Pickett còn ít hơn. Hầu hết lính tráng dưới quyền tướng Hill chẳng làm gì ngoài việc đứng xem một cảnh tượng chiến đấu dữ dội diễn ra phía dưới. Tướng Longstreet không hề nỗ lực chút nào với đám quân vài sư đoàn còn lại bị nã pháo tơi bời của ông ta.

Gettysburg là một trận đánh vĩ đại nhất của cuộc chiến về mặt kịch tính và về số quân tham gia. Đó là trận đánh lớn nhất nếu xét về con số thương vong: Liên bang 23 ngàn người, Liên minh 28 ngàn người.

Rất nhiều người nghiên cứu chiến dịch Gettysburg của tướng Lee đã cho rằng trận này thất bại là do lỗi của tướng Ewell và Longstreet. Nhưng tướng Lee là tổng chỉ huy và là người phải chịu trách nhiệm chính. Ông ta chỉ đạo cuộc tiến công vào Pennsylvania với sự táo bạo và kỹ năng chiến đấu thường thấy ở ông. Với đội quân kỵ binh trình sát giỏi, ông có thể thao túng và tấn công ngay để đạt tới chiến thắng tuyệt vời. Thậm chí khi cuộc chiến này thực sự xảy ra trong ngày đầu tiên ông đã có một cơ hội tốt để giành chiến thắng. Nhưng mỗi ngày qua đi lại làm giảm bớt cơ hội này xuống một ít. Tới ngày thứ ba, chiến thắng quân Liên minh nếu có chắc phải nhờ tới phép lạ. Trận Gettysburg bộc lộ những điểm yếu kém nhất trong chiến đấu của tướng Lee. Mệnh lệnh của ông trong trận đánh chậm chạp, rời rạc và không chính xác. Người viết sử nổi tiếng, ông Freeman thú nhận rằng trong ngày thứ hai của trận chiến, đội quân Bắc Virginia thực sự thiếu vắng hình bóng người chỉ huy.

Quyết định của tướng Lee mở cuộc tiến công vào ngày cuối cùng đã làm mục tiêu của những lời chỉ trích gay gắt nhất. Nó cũng là mục tiêu của nhiều cuộc nghiên cứu. Nó vi phạm ngay chính học thuyết chiến thuật của ông trong việc tránh tấn công trực diện và thay vào đó di chuyển quân sang hai phía. Nó cũng là sự mâu thuẫn với chiến thuật thực sự của ông trong những chiến thắng lớn nhất của tướng Lee: trận Chancellorsville và trận Bull Run thứ 2. Thái độ của tướng Lee tại Gettysburg có thể là sản phẩm của tính hiếu chiến và sự sẵn sàng nhận lấy những rủi ro ghê gớm nằm trong bản chất ông ta. Bản tính này lại được tăng thêm bởi chiến thắng ngoạn mục của ông tại Chancellorsville. Khi phát biểu tại Fredericksburg, tướng Lee nói: “Tôi cứ tưởng rằng lính của tôi là không ai địch nổi”.

Sự chỉ đạo của tướng Lee tại Fredericksburg, có thể bị ảnh hưởng bởi sự mệt mỏi. Cho đến lúc ấy, đã hai năm ông phải chịu đựng cơn căng thẳng về tình cảm, tinh thần và thể chất, và đang có chiều hướng tăng lên. Trong năm cuối cùng, ông tham gia vào năm chiến dịch chống lại những lực lượng hùng mạnh đến độ chỉ một đòn thôi cũng đủ tiêu diệt quân đội của ông. Lúc ấy ông cũng đã 56 tuổi. Tướng Lee chỉ còn sống thêm được bảy năm nữa. Tháng 03, ông bị cơn đột quỵ đầu tiên. Cuối cùng cũng chứng nhồi máu cơ tim ấy lấy đi mạng sống của ông. Nhiều bằng chứng cho thấy trong trận Gettysburg ông cũng phải điều đứng vì căn bệnh tiêu chảy. Trong suốt trận đánh quan trọng của buổi chiều ngày thứ hai, ông ngồi bên gốc cây gần trường dòng Luther khuôn mặt không hề lộ vẻ lo lắng. Ông chỉ gửi đi một bức thông điệp và chỉ nhận một bản báo cáo. Có lẽ tiểu thuyết “Những Thiên thần chết chóc” đã miêu tả chính xác hình ảnh tướng Lee tại trận Gettysburg: một người với trí tuệ tê liệt và mệt mỏi bởi một chiến dịch quá sức.

Từ đỉnh Gò Trường Dòng, tướng Lee chứng kiến cuộc rút lui lớn diễn ra vào ngày mùng 03 tháng 07. Cuối ngựa chiến giữa đám binh lính đang bàng hoàng khi cả quân đội rút lui khỏi vị trí ban đầu, ông biết được trách nhiệm của mình trong sự thất bại này và thúc giục họ hãy gắng sức chống lại sự phản công kế tiếp của Liên bang. Cuộc phản công ấy không xảy ra.

Cuộc rút lui của quân Liên minh cho thấy kỹ năng quân sự tài giỏi, nhưng cuộc rút quân này cực kỳ gian khổ và làm sinh lực quân lính tiêu hao khủng khiếp. Đội quân Bắc Virginia thật quá bất hạnh. Nhưng tinh thần của quân đội này không hề giảm sút. Quân tướng Meade tiến thật thận trọng. Thăm dò các tuyến Phòng thủ của tướng Lee và rồi định rõ vị trí của các cánh quân này nhưng không tấn công. Quân do thám của Liên minh hạ trại tại một chỗ cạn trên bờ sông và chế tạo một cây cầu. Sau đó đội quân Bắc Virginia lại sang sông tiếp tục chiến đấu.

“Tại sao tướng Meade, vừa không tấn công ngay lập tức sau thất bại của cuộc tấn công cuối cùng của quân Liên minh, vừa không nỗ lực bao vây và tiêu diệt đội quân lộn xộn của tướng Lee ở phía bắc dòng Potomac?” cho đến nay vẫn còn là những câu hỏi chưa có câu trả lời và gây tranh cãi nhiều nhất khi người ta bàn về nội chiến. Các nhà sử học đã chỉ trích tướng Meade quá cẩn trọng. Nhưng ông Coddington biện hộ cho những quyết định của tướng Meade coi đó rõ ràng là sự thận trọng trong tình

huống lúc ấy. Ông lập luận rằng: nếu tướng Meade tấn công, rủi ro to lớn ở Gettysburg sẽ lại giáng lên đầu quân Liên bang. Tuy nhiên tiến trình hành động khôn ngoan của tướng Meade đã làm vụt mất khỏi tay ông cơ hội lưu danh muôn thuở như một tướng tài của nước Mỹ. Những vị tướng vĩ đại thông thường đều phải lãnh những rủi ro to lớn.

Tổng thống Lincoln cực kỳ thất vọng. Bị thuyết phục rằng tướng Meade đã lãng phí một cơ hội tiêu diệt quân đội tướng Lee, Lincoln viết thư cho ông thật ngắn gọn: “Tôi không tin anh đánh giá đúng tầm quan trọng của những tai họa liên quan tới việc để tướng Lee đi thoát. Hắn nằm gọn trong tay anh. Việc bóp nghẹt hắn khi ấy cùng với những thành công mới đây của chúng ta sẽ chấm dứt cuộc chiến này. Thế nhưng giờ đây chiến tranh không biết sẽ còn kéo dài đến bao giờ..., cơ hội vàng của anh vụt mất rồi. Cứ nghĩ về nó tôi lại buồn không thể tả”. Bị ngăn cản rằng lá thư ấy có thể sẽ khiến tướng Meade dè dặt từ chức, Tổng thống Lincoln đã không gửi đi. Sau này theo thói quen, ông muốn hả giận bằng một câu nhận xét châm biếm. Ông nói rằng việc truy đuổi tướng Lee của tướng Meade gợi ông nhớ đến một cụ già đuổi đàn ngỗng băng qua lạch nước. Tướng Meade không phải loại tướng tá mà Tổng thống Lincoln muốn giữ chức tổng tư lệnh quân đội của ông.

Khi chiến sự tại miền Đông đạt tới đỉnh điểm ở Gettysburg thì chiến sự tại miền Tây cũng đạt tới cao trào tại Vicksburg. Ngày 14 tháng 05, tướng Grant bị bắt tại Jackson, Mississippi. Kế đến là cuộc rút lui của đội quân với số lính hạn hẹp dưới quyền chỉ huy của tướng Johnston từ một nơi là bàn đạp cho sự tiến công cuối cùng của Liên bang vào pháo đài bên sông. Mặc cho quân đoàn của tướng Sherman tại Jackson đánh tan và phá hủy các nhà máy của liên minh cùng với các kho lương thực dự trữ đồng thời canh giữ Johnston, tướng Grant dẫn quân chủ lực dưới quyền ông tiến thẳng về phía tây, hướng Vicksburg.

Tướng Pemberton đem 22 ngàn quân chiếm giữ đồi Champion, một vị trí ngay trên con đường đến mục tiêu của tướng Grant và chặn tuyến đường sắt ở đây. Ngày 16 tháng 05, tướng Pemberton tấn công dữ dội tại một cánh quân sơ hở của tướng McClernand. Nhưng tướng Grant nhanh chóng đưa quân tiếp viện tới và tiến hành một cuộc tấn công bao vây sườn phải của quân Liên minh. Lúc này con sông Big Black đã chảy ngang qua mục tiêu trước mắt của ông. Tướng Pemberton thấy đường giao thông của mình bị đe dọa đã rút lui khỏi đồi Champion tới một cứ điểm vững vàng bên phía Đông của dòng sông Big Black. Địa điểm này nằm trong khúc sông lượn vòng hình móng ngựa.

Để rút lui, tướng Pemberton lại phạm sai lầm. Vẫn còn bối rối bởi sự nhấn mạnh của Tổng thống Davis về tầm quan trọng của Vicksburg, ông đã không nghe theo lời thúc giục không ngừng của Johnston gửi cho ông rằng hãy bỏ ngõ thành phố và kết hợp lực lượng với tướng Johnston hiện đang ở phía Bắc tuyến phòng thủ của Liên bang. Sau này tướng Grant mới biết sự hợp lý trong kế hoạch của Johnston. Nhưng đó là động thái hợp lý nhất của ông ta và là điều Johnston cũng sẽ làm nếu ở địa vị

của Pemberton. Thực tế đó chính là sự ưu tiên trong mệnh lệnh của Johnston gửi cho Pemberton.

Sau khi được tiếp viện, quân số lên tới 54 ngàn người, với cánh quân chính của quân đoàn Sherman được gọi từ Jackson về và hành quân để tới được vị trí của Liên minh bằng cách băng ngang qua dòng Big Black, tướng Grant không cho tướng Pemberton cơ hội nào để cân nhắc lại quyết định của mình. Ngày 17 tháng 05, một cuộc tấn công anh dũng của quân đoàn tướng McPherson đánh bật quân Liên minh khỏi vị trí ở phía Đông của dòng sông khiến họ phải quay đầu rút lui về cố thủ tại Vicksburg. Đêm đó tướng Grant và tướng Sherman ngồi trên một thân cây gỗ và ngắm nhìn pháo sáng trên trời khi lính của họ hành quân vội vã qua những cây cầu tự chế băng qua sông Big Black. Ngày hôm sau, đội hình quân của tướng Grant tới gần thành trì vững chắc của Vicksburg. Cánh quân của Sherman bên phải. Quân của McPherson ở giữa. Quân McClernand bên trái. Bằng cách mở rộng bên sườn phải tới tận Mississippi phía trên Vicksburg, tướng Grant bảo vệ con đường tiếp viện chạy thẳng tới căn cứ của ông tại Memphis. Giờ đây ông cũng có đủ lực kiểm soát quân Liên minh cho tới khi họ hết lương ăn buộc phải đầu hàng.

Chiến đấu trong vòng vây không phải sở trường của tướng Grant. Tin rằng quân Liên minh mất nhuệ khí bởi những lần thoái lui trước đây, ông hi vọng đoạt được thành Vicksburg trước khi kẻ thù có thời gian hồi phục. Ngày 19 tháng 5, một lần, ba ngày sau thêm một lần nữa, tướng Grant liên tục tấn công vào các vị trí cố thủ của Vicksburg chỉ để bị đẩy lùi với con số thương vong nặng nề. Lúc này ông mới ngưng tấn công và tổ chức kế hoạch bao vây thông thường kéo dài hơn một tháng trước khi chiến dịch kết thúc. Ngày 30 tháng 05, khi tướng McClernand chúc mừng quân đoàn của ông bằng những từ ngữ nắm chắc thành công của toàn bộ chiến dịch, tướng Grant lập tức tước quyền chỉ huy của ông ta. Một lần nữa, Tổng thống Lincoln vờ như không biết tới những lời khẩn cầu của viên tướng đồng thời là một chính trị gia: McClernand.

Phòng tuyến chống đỡ tại Vicksburg được xây dựng theo nhiều hệ thống phức tạp, toàn các đường hầm và công sự. Quân Liên bang có tấn công dồn dập vẫn không thể lay chuyển được. Dưới những đợt nã pháo dồn dập từ phía quân tướng Grant và sự yểm trợ của súng cối từ hạm đội của tướng Porter, người dân của thị trấn này, phải di tản vào hang. Bị cắt đường tiếp viện, cả dân thường và lính tráng đều tiến từng bước một tới nạn đói kinh hoàng.

Nỗ lực của Liên minh nhằm giải vây là vô ích. Những gì tướng Kirby Smith thể hiện ở phía tây dòng Mississippi không làm tướng Grant nao núng. Lực lượng của Johnston lúc này là 30 ngàn người chống lại quân đội 70 ngàn người của tướng Grant hiện đang bao vây và được cung cấp lương thực đầy đủ. Dù tướng Johnston tiếp tục lên kế hoạch cho các cuộc tấn công giải vây, nhưng rồi vòng vây vẫn ngày càng siết chặt. Sau cùng, ngày 4 tháng 7, tướng Pemberton cùng với 29511 sĩ quan cùng binh lính chính thức đầu hàng. Năm ngày sau là thành Hudson cùng những người cố thủ cũng ra đầu hàng.

Tài chỉ huy tuyệt vời của tướng Grant chính là chìa khóa trong chiến thắng lần này của quân Liên bang. Để tìm một phương pháp hữu hiệu chiếm được Vicksburg, ông đã nghĩ được một cách kết hợp hiệu quả nhất giữa hải quân lẫn quân trên bộ. Có thể nói đây là một chiến dịch hữu hiệu ít tổn thương vong nhất trong cuộc chiến. Cuối cùng, cuộc bao vây Vicksburg đã đem lại thành công.

Tướng Halleck so sánh chiến dịch Vicksburg với một trong những chiến thắng nổi tiếng nhất của Napoleon: chiến thắng thành Ulm. Tương lai của tướng Grant sẽ càng tươi sáng hơn khi quân đội Liên bang đến gần với mục tiêu. Tổng thống Lincoln đã mô tả chiến dịch này như là “một trong những chiến dịch tuyệt vời nhất trên đời”.

Việc đoạt thành Vicksburg và pháo đài Hudson đã khơi thông toàn dòng chảy của sông Mississippi để các phương tiện giao thông cùng pháo hạm Liên bang tự do đi lại. Những mô tả đáng nhớ nhất của Tổng thống Lincoln “Thần sông lại thanh thản tiến về phía biển”. Quân Liên minh đã bị chia làm hai. Bị cô lập chính là cánh quân vượt sông Mississippi mà Tổng thống Davis đã giao quyền cho Kirby Smith chịu trách nhiệm về những vụ việc dân sự cũng như quân sự xảy ra ở đây. Lúc này ông ta cẩn thận theo dõi việc thực hiện những chính sách có tác dụng sâu rộng đến miền Đông. Tổng thống Davis giải thích với Hạ viện rằng việc này là cần thiết để cản trở con đường giao thông.

Trong lúc các chiến dịch Gettysburg và Vicksburg đang thực hiện, cuộc tấn công lớn thứ ba của Liên bang trong năm này, cuộc tấn công tại Tennessee, đã hoàn toàn lâm vào bế tắc. Phải tới cuối tháng 6 Tổng thống Lincoln (thông qua tướng Halleck) mới có thể thúc giục tướng Rosecrans hành động. Tổng thống thúc giục và nhắc tới tầm quan trọng trong việc giữ áp lực lên tướng Bragg vì có thể ngăn chặn việc chuyển quân tiếp viện từ Tennessee tới Mississippi. Cuối cùng một bức điện cưỡng bách buộc tướng Rosecrans phải tiến quân.

Tổng thống Lincoln và tướng Halleck đã đúng khi tin rằng lực lượng của tướng Bragg, lúc này đã yếu khi chuyển quân tới sáp nhập với Johnston, không thể đứng vững trước một đòn tấn công quyết định của quân Liên bang. Ngày 23 tháng 06, tướng Rosecrans bắt đầu tiến quân và tạo dựng một trong những chiến dịch thành công nhất về chiến lược chiến thuật của nội chiến.

Bằng cách trao nhiệm vụ cho một đội quân dưới quyền của tướng Gordon S. Granger di chuyển vòng sang cánh quân phía nam của Liên minh. Tướng Rosecrans khiến tướng Bragg chuyển đổi nhiều quân lính về phía nam và như vậy để lộ những khoảng trống trên đồng bằng Cumberland ngay phía trên căn cứ chiến lược của ông ta tại Tullahoma. Tướng Rosecrans ra lệnh cho đội quân chủ lực của mình tiến vào những khu vực trống này.

Ý chí của tướng Bragg bị xói mòn bởi những lời buộc tội và sự không tin tưởng của các tướng chỉ huy dưới quyền ông, tướng Polk và Hardee. Thế nên đôi khi tướng Bragg không công bằng. Sau một cuộc tấn công thắng lợi, quân Liên bang đã phong

tỏa được ga xe lửa sau vị trí đóng quân của Liên minh ở Tullahoma. Tướng Bragg ra lệnh cho một viên tướng rút lui vào buổi chiều ngày 30 tháng 06. Hai ngày sau ông rút toàn bộ quân đội khỏi căn cứ chính trong thành phố Chattanooga.

Chattanooga là cửa ngõ vào khu vực lãnh địa phía dưới của Liên minh. Nó nằm tại mũi đất Moccasin Point trên sông Tennessee. Tên của nó làm ta hình dung đến chiếc giày của người da đỏ. Tại điểm này, dòng sông băng ngang qua dãy núi Cumberland. Thành phố này là một trong những trung tâm đường sắt quan trọng nhất của miền Nam. Chính tại nơi đây, tuyến đường sắt Chattanooga hình thành một đường nối giữa Memphis và Charleston chạy thẳng về phía đông nam tới Atlanta, Charleston và Savannah. Nếu chạy về phía đông bắc nó sẽ tới Richmond. Việc Liên minh chiếm giữ Chattanooga sẽ khiến Georgia lâm vào thế bí bởi những nguồn lương thực và súng đạn đều theo đường sắt này để tới Georgia.

Tổng thống Lincoln nôn nóng muốn tướng Rosecrans di chuyển quân đánh trả Bragg trước khi ông ta có đủ thời gian tổ chức một tuyến phòng thủ. Nhưng tướng Rosecrans khẳng khái đòi tiến quân một cách cẩn trọng và sửa sang lại đường sắt ngay phía sau căn cứ của ông ta để có thể đảm bảo con đường tiếp tế lương thực đến từ Nashville. Ông ta cũng muốn chờ một chiến dịch hỗ trợ được chuẩn bị sẵn sẽ đe dọa vị trí cố thủ của tướng Bragg từ đằng sau. Tướng Burnside đang chuẩn bị dẫn đầu một đội quân 24 ngàn người của Ohio mới được công nhận, từ Lexington Kentucky tới phong tỏa Knoxville. Như vậy cánh quân này sẽ chia cắt con đường sắt của Liên minh tới Virginia và thực hiện hi vọng cháy bỏng của Tổng thống Lincoln là giải phóng miền Đông Tennessee khỏi quyền kiểm soát của Liên minh. Giữa tháng 8, một lần nữa dưới sự đe dọa sẽ bị tước quyền chỉ huy, tướng Rosecrans bắt đầu tiến quân. Tới lúc này, tướng Burnside cũng đang trên đường hành quân. Ngày 03 tháng 09, tướng Burnside chiếm Knoxville. Trong lúc đó hầu hết quân đồn trú ở đây dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Simon B. Buckner đã kết hợp với quân đội của tướng Bragg tại Chattanooga.

Với địa hình có núi và những cây cầu bao quanh, thành phố Chattanooga là một cứ điểm phòng thủ tuyệt vời. Tướng Bragg lại quan niệm khác. Rầu rĩ vì những mất mát tại trung tâm Tennessee, bực mình về sự không thống nhất trong mệnh lệnh của mình, và phần vì cơ thể mệt mỏi, ông ta coi những đỉnh núi kia như là những lá chắn cho những cuộc hành quân của quân Liên bang.

Tướng Rosecrans lúc này di chuyển nhanh và tài tình, ông cử nhiều biệt đội đi về hướng Bắc Chattanooga khiến cho đối phương tưởng rằng ông có ý định đi ngang qua con sông Tennessee, tại địa điểm này có thể kết hợp với cánh quân của tướng Burnside. Thực ra tướng Rosecrans ra lệnh cho quân chủ lực tiến về hướng nam của thành phố để bao vây vị trí của tướng Bragg bằng cách phong tỏa và đe dọa đường sắt tới Atlanta. Đầu tháng 09 tướng Bragg bắt đầu biết về mối nguy hiểm. Sở dĩ ông ta biết được điều này khi dò được thông tin rằng các lực lượng lớn của Liên bang đang ở phía dưới khu vực sông Tennessee tại Bridgeport, Alabama, hai mươi dặm về



phía Đông và chếch về phía Nam của Chattanooga. Ngày 8 tháng 9, tướng Bragg bỏ trống thành phố di chuyển về phía nam để có thể tránh bị bao vây.

Tướng Rosecrans giờ đây đã phạm một sai lầm. Sai lầm này hủy hoại thanh danh của ông và đổ thảm họa lên đầu quân đội dưới quyền ông. Tướng Rosecrans đưa một trong số ba quân đoàn của ông ta, dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Thomas L. Crittenden, chiếm Chattanooga trong lúc hai đội quân của tướng Thomas và tướng Alexander M. McCook hành quân băng ngang qua đỉnh núi Lookout về phía tây nam của thành phố và tấn công đường sắt. Quân triển khai cách nhau hơn bốn mươi dặm trên một địa thế gồ ghề chỉ với vài con đường nối kết, nhiều đơn vị ở cách xa các đơn vị bạn nên không thể tiếp ứng kịp thời.

Những tình thế như vậy đã cho tướng Bragg một cơ hội phản công từ những hướng chính. Hoàn cảnh chiến lược chung cho phép các tướng Liên minh hỗ trợ cho cuộc phản công của tướng Bragg. Sau khi Vicksburg thất thủ, tướng Grant đề nghị di chuyển quân đội mình đối mặt với tướng Mobile nhưng tướng Halleck không chấp thuận và thay vào đó ra lệnh cho tướng Grant phải cử quân tiếp viện tới chỗ tướng Banks. Đội quân kết hợp này di chuyển tới vị trí quân Liên minh ở phía Tây Mississippi. Sau trận Gettysburg, tướng Meade không thể ép tướng Lee đến Virginia. Việc này khiến Tổng thống Lincoln nhận xét rằng chỉ cần một phần của quân đội Potomac ở vị trí phòng thủ. Như vậy giải phóng số quân còn lại chia đi mọi ngã. Trong một bức thư lạ lùng nhất gửi cho tướng Halleck, ông viết: “Nếu quân của tướng Meade là ba, quân tướng Lee chỉ có hai... Nếu 60 ngàn quân của đối phương đủ để khiến 90 ngàn quân chúng ta không đến được Richmond, tại sao không thể 40 ngàn quân của chúng ta giữ chân 60 ngàn quân đối phương khiến chúng không đến được Washington, sau đó mặc cho 50 ngàn lính của ta được sử dụng với mục đích khác?” Tuy nhiên một lần nữa Tổng thống Lincoln nhắc lại lời thuyết phục của ông rằng sự thất bại của quân đội tướng Lee chính là mục đích thực sự của tướng Meade.

Trước khi lời khuyên của Tổng thống Lincoln trở thành hiện thực, hai sư đoàn của tướng Johnston tại Mississippi đã quay về với tướng Bragg. Lúc này tướng Lee chấp thuận một kế hoạch trước đây ông ta bác bỏ: phái quân của ông ta đi tiếp viện cho chiến trường phía tây. Tướng Longstreet với khoảng 12 ngàn quân đang di chuyển bằng đường sắt để kết hợp với quân của tướng Bragg tại Georgia, ngay phía Nam Chattanooga, bởi Knoxville đang trong tay Liên bang. Như vậy quân Liên minh không thể sử dụng tuyến đường sắt chạy thẳng con đường nối hai quân đội của mình, quân đội này cùng với toàn bộ vũ khí đạn dược đã đi đường vòng qua Carolina và thủ phủ của Atlanta, con đường này kéo dài hơn 1 ngàn dặm.

Trong lúc chờ quân của tướng Longstreet tới, tướng Bragg nỗ lực nhưng không thành công để thực hiện một kế hoạch bẻ gãy sức tiến công của đối thủ. Tuy nhiên ông ta cũng thắng vài trận nhỏ. Biết rằng chỉ một sư đoàn duy nhất thuộc quân đoàn của tướng Thomas đang bị cô lập trên một đỉnh núi phía nam Chattanooga, tướng Bragg ra lệnh tấn công vào sư đoàn này bằng sư đoàn của ông ta dưới quyền chỉ huy của tướng Thomas C. Hindman. Sư đoàn này đã được tiếp viện bởi lính của trung

tướng D. H. Hill. Khi tướng Hill chứng minh rằng không thể di chuyển, quân đoàn của tướng Buckner cũng từ chối tác vụ này. Nhưng tướng Hindman đã trì hoãn và không bao giờ thực hiện cuộc tấn công. Sau đó tướng Bragg cố tập trung đánh trả một sư đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Crittenden khi nó di chuyển về phía nam ra khỏi Chattanooga. Nhưng một lần nữa viên tướng Liên minh này không thể khiến đám sĩ quan dưới quyền động thủ. Tướng chỉ huy quân đoàn Leonidas Polk lờ đi mệnh lệnh của ông ta. Tướng Rosecrans lợi dụng những thất bại này để tập trung chỉnh đốn quân đội mình. Ngày 18 tháng 9 khi trời chập choạng tối, với chỉ một sư đoàn thuộc cánh quân dưới quyền chỉ huy của tướng Longstreet, hai đội quân (tướng Bragg có khoảng 62 ngàn người, tướng Rosecrans có khoảng 58 ngàn người) đụng độ khi băng ngang con suối nhỏ Chickamauga (dòng nước tử thần hay dòng nước lờ đờ) không lâu sau đã chuyển thành cái tên “Con sông thần chết”.

Sáng hôm sau, Liên minh tấn công. Trận chiến diễn ra ác liệt trong một ngày, tướng Bragg chỉ huy quân chủ lực đánh trả cánh quân bên sườn trái phía bắc quân Liên bang. Ông ta tìm cách bao vây cánh quân này và chặn đứng con đường tiếp viện của tướng Rosecrans, con đường rút lui về Chattanooga. Nhưng mệnh lệnh của tướng Bragg mơ hồ. Cuộc tấn công không phối hợp nhịp nhàng và kết quả chiến thuật trong ngày quá ít. Tướng Longstreet và một sư đoàn bổ sung đến trong đêm đó, quân tiếp viện đã được điều đi ở vị trí bên phải của tuyến phòng thủ Liên minh. Đưa tướng Longstreet vào vị trí chỉ huy cánh quân bên phải này.

Một lần nữa xích mích thời chiến lại xuất hiện. Mặc dù không biết thông tin và bối rối về lệnh nhận được vào sáng ngày 20 tháng 9, tướng Rosecrans chuyển một sư đoàn dưới quyền ông và vô tình đến độ để lộ một điểm yếu gần cánh quân giữa của mình. Sư đoàn này sẽ đến hỗ trợ cho nỗ lực chính của tướng Longstreet. Hầu như không gặp bất cứ thứ gì cản đường quân Liên minh tiến sâu vào khoảng trống này. Như vậy họ có cơ hội thâm nhập vào quân đối phương, cơ hội kinh điển đã giúp họ chia đôi phòng tuyến của Liên bang. Cánh quân bên phải của Liên bang bị đánh tan tác. Hai sư đoàn bắt đầu lui về Chattanooga. Quân rút lui mang theo viên tướng Rosecrans gặp quá nhiều rủi ro đi cùng họ. Từ thành phố này ông ta đánh điện về Washington “chúng tôi gặp thảm họa lớn rồi”.

Mọi chuyện hóa ra không đến nỗi nghiêm trọng như Rosecrans nghĩ. Tướng Longstreet với tài năng bao quát, đánh giá tình thế chỉ với một cái liếc mắt và ra lệnh cho quân của ông ta tiến lên như tướng Bragg lên kế hoạch từ trước, như vậy đã bao bọc được phần còn lại của tuyến phòng thủ Liên bang. Tướng Rosecrans giao quyền chỉ huy lại cho Thomas, cho ông ta cơ hội ghi danh muôn thuở. Cẩn thận và bài bản, khắp quân đội biết tới ông ta với cái tên cụ già chậm chạp, viên tướng ủng hộ Liên bang người Virginia này là một chiến binh bất khuất và một nhà chiến lược tài năng. Tập trung cánh quân bên trái của Liên bang vòng quanh địa hình phòng thủ vững chắc của đồi Snodgrass, ông được tiếp viện bởi quân dự phòng dưới quyền chỉ huy của tướng Granger (ông này không cần nghe lệnh, cứ hành quân về phía có tiếng súng), tướng Thomas đẩy lùi những cuộc tấn công của Liên minh. Sau khi trời tối,

ông cho quân lui theo đội hình đội ngũ vào một vị trí phòng thủ ngay phía ngoài Chattanooga. Mãi về sau này người ta còn nhắc tới tên ông: hòn đá tảng của Chickamauga.

Mưa mai thay, cao trào của trận chiến đấu trong lúc chiều diễn ra mà không hề có mệnh lệnh nào nơi chiến trường. Vào lúc xế chiều, tướng Bragg mệt mỏi nghỉ trong sở chỉ huy của mình và không hề nỗ lực chi viện cho tướng Longstreet để ông này tấn công mạnh mẽ hơn chống lại tướng Thomas hoặc truy sát sau khi tướng Thomas rút lui. Cấp dưới của tướng Bragg tức tối vì không nghe được những mệnh lệnh như vậy. Toàn bộ quân đội Liên minh trong tâm trạng tức giận và chán nản. “Vậy ông ta chiến đấu vì cái gì?” Tướng Forrest, một tay hiểu chiến, người thề sẽ không bao giờ chiến đấu dưới tay của tướng Bragg nữa, đã hỏi như vậy. Chẳng bao lâu sau ông ta được cử tới cánh quân Mississippi và Alabama.

Chickamauga là một chiến thắng chiến thuật làm nức lòng quân Liên minh. Nhưng trận đánh này cũng khiến Liên minh phải chịu con số thương vong 18 ngàn người. Liên minh không thể bù đắp được số thương vong này. Trong lúc ấy Liên bang chịu số thương vong 16 ngàn người nhưng hoàn toàn có thể bù đắp. Thành phố quan trọng Chattanooga vẫn dưới quyền kiểm soát của Liên bang tuy nhiên vào thời điểm đó quyền kiểm soát ấy cũng chưa chắc chắn. Về chiến thuật, trận Chickamauga là một trong những chiến thắng rỗng tuếch của miền Nam.

Giờ đây quyết định sẽ bao vây quân Liên bang chiến bại tại Chattanooga, tướng Bragg di chuyển và bố trí quân đội mình gần thành phố trong nỗ lực chặn đường tiếp viện quân Liên bang. Quân chủ lực của ông ta chiếm dãy đồi Missionary. Đồi này có dốc đứng lởm chởm đá nằm ở phía đông và nam của thành phố. Nó ở vị trí có thể chi phối đường sắt chạy tới Atlanta và Knoxville. Phòng tuyến tiền đồn được dựng lên tại Orchard Knob. Đây là một quả đồi chiếm 3/4 dặm nằm phía đầu của dải đồi Missionary. Tướng Bragg cũng phái một cánh quân tới bến phà Brown’s dọc theo khúc sông của con sông Tennessee đối diện với thành phố. Một cánh quân khác hạ trại tại một sườn đồi giữa ngọn núi ngất cao và con sông. Như vậy cánh quân này đã cản trở cả dòng sông lẫn con đường sắt đi về Knoxville và Chattanooga. Đây chính là con đường huyết mạch của Liên bang. Nhà ga chính ở Bridgeport, Alabama. Đây cũng là một căn cứ chính tại Nashville.

Quân của tướng Bragg hoạt động không hiệu quả nên không hoàn toàn bao vây được thành phố này. Quân đội Liên bang bị bao vây tại đây vẫn có thể hưởng đồ tiếp tế từ ga chính bằng cách theo một con đường mòn chạy vòng 60 dặm xuyên qua những ngọn núi, lúc này trống trải và có thể bị kỵ binh Liên minh tấn công bất cứ lúc nào. Ngày 03 tháng 10 tướng Joseph Wheeler cùng kỵ binh của ông ta đã bắt và triệt hạ một đội hộ tống lương thực tiếp tế cho Liên bang với một đoàn xe chất đầy hàng hóa gồm 500 toa. Chế độ ăn hàng ngày của lính miền Bắc tại Chattanooga bị giảm xuống một nửa khẩu phần ăn bình thường.

Hoàn cảnh của quân Liên bang chưa tuyệt vọng. Nhưng tình thế cực kỳ hiểm nghèo kéo dài hơn một tháng trời. Tổng thống Lincoln quyết định hóa giải tình thế ấy. Một đội quân 17 ngàn người từ Virginia dưới quyền chỉ huy của tướng Hooker chẳng bao lâu đến Bridgeport. Quan trọng hơn, Tổng thống Lincoln điều tướng Grant từ Mississippi đến chỉ huy quân đội tại Chattanooga bởi vì theo lời Tổng thống, tướng Rosecrans kể từ sau trận Chickamauga đã không còn sáng suốt. Tướng Grant khi tới đã ra lệnh thay Rosecrans bằng tướng Thomas và lệnh cho viên tướng chỉ huy mới phải cố thủ bằng bất cứ giá nào. Tướng Thomas, một chiến binh gan dạ đã đáp: “Dù phải chết đói chúng tôi cũng sẽ giữ thị trấn này”.

Sử dụng đường vòng từ Bridgeport, tướng Rosecrans đến Chattanooga vào ngày 23 tháng 10. Ngay lập tức ông chuẩn y kế hoạch mở một con đường tiếp tế lương thực tới ga trung tâm. Ông làm như vậy bằng cách chuyên chở một đội quân bằng thuyền đi dọc con sông vào ban đêm tới phà Brown's và phái một cánh quân tới đó bằng cách đổ bộ vào khoảng đất hẹp hình thành bởi nhánh sông này. Phối hợp với những đội quân đánh lạc hướng quân Liên minh đang canh gác bến phà, sau đó xây dựng một cầu phao bắc ngang qua sông tại các vị trí mà nó hình thành nên mũi đất Moccasin. Binh lính gọi con đường tiếp tế mới là “con đường nứt rạn” (Cracker line). Lúc này tướng Grant đã ra lệnh cho Sherman đem quân từ Mississippi đến đây với 20 ngàn quân bổ sung. Rõ ràng ông ta đang chuẩn bị tấn công để phá vỡ vòng vây.

Trong lúc đó, những sự kiện tại đội quân Tennessee và mệnh lệnh tối thượng của Liên minh cũng đã chuẩn bị cho cánh quân này lãnh thất bại không thể tránh khỏi. Một khi con đường tiếp tế của Liên bang được khai thông, vòng vây của Liên minh sẽ chỉ còn là trò trẻ con. Tướng Longstreet nói: “Chúng ta sẽ cố sức làm kẻ thù phải chết đói bằng cách bao vây chúng chỉ ở một bên sườn để chúng không thể có được lương thực tiếp tế”. Các chỉ huy quân đoàn đã thỉnh cầu Tổng thống Davis cách chức tướng Bragg. Tướng Longstreet quên mối bất hòa của mình với tướng Lee ở Gettysburg và viết thư cho bộ trưởng bộ chiến tranh như sau: “Tôi tin rằng ngoài bàn tay của Chúa trời, không ai có thể cứu được chúng ta hoặc giúp được chúng ta nếu như chúng ta vẫn giữ viên tướng chỉ huy hiện nay... Tại sao không cử tướng Lee chỉ huy chúng tôi? Quân đội tại Virginia chỉ phòng thủ trong lúc các chiến dịch ở đây phải là tấn công. Cho tới khi chúng tôi giành lại được Tennessee bằng mọi giá, chúng tôi cần một bộ óc xuất chúng như của tướng Lee để hoàn thành được việc này”.

Tổng thống Davis đáp trả những lời đề nghị này bằng cách đến thăm tướng Bragg và binh lính dưới quyền ông ta vào đầu tháng 10. Mặc cho mọi lời chỉ trích, ông ta vẫn để tướng Bragg chỉ huy và bác bỏ mọi lời chỉ trích nặng nề nhất. Tướng Polk nhận lệnh tới Mississippi. Tướng Hill từ chức với sự chấp thuận của Tổng thống Davis, tướng Bragg phái tướng Longstreet cầm đầu 15 ngàn quân tới chiếm lại Knoxville. Quân đội Liên bang tại Chattanooga chẳng bao lâu sau đã tăng tới con số 70 ngàn người, gấp 3 lần quân số đối phương. Như vậy các lực lượng Liên bang đã được tập trung tại một địa điểm quyết định dưới quyền ba vị tướng tài năng nhất

của họ. Trong lúc đó quân đội Liên minh lại bị phân tán và phải chiến đấu dưới quyền những chỉ huy chiến trường thấp kém nhất.

Cuối tháng 11 tướng Grant ra lệnh tổng tấn công. Tướng Sherman được lệnh dẫn đầu quân chủ lực băng ngang qua dòng sông phía Bắc thành phố để tấn công vào điểm cực Bắc của vòng tuyến quân Liên minh dãy đồi Missionary. Đồng thời tướng Hooker đánh bật lực lượng quân Liên minh khoảng 2700 người, chủ yếu thuộc quân của thiếu tướng Carter L. Stevenson và chỉ huy lữ đoàn tướng Edward C. Walthall giữ vị trí giữa núi Lookout và con sông ở đây để đối đầu với sườn Nam của vị trí quân Liên minh trên dãy đồi Missionary. Tướng Thomas bao vây Orchard Knob sau đó tấn công vào cánh quân giữa của tuyến phòng thủ Liên minh, để có thể chặn đứng tướng Bragg không tiếp viện cho cánh quân hai bên sườn đang hở. Ngày 23 tháng 11, quân tướng Thomas đã chiếm được Orchard Knob. Ngày hôm sau, tướng Hooker hoàn tất giai đoạn đầu tiên trong sứ mệnh của ông khá dễ dàng. Đêm đó, một biệt đội của ông ta chiếm được dải núi này, đánh bật một nhóm quân Liên minh ở đó và cắm cờ những sao cùng sọc trong sương mù trên đỉnh núi. Về sau toàn bộ chiến dịch được mang một cái tên rất lãng mạn: trận đánh trên những tầng mây.

Những cuộc tấn công liên tục của tướng Sherman nhắm vào cánh quân bên phải của Liên minh (quân đoàn của tướng Hardee) rất dữ dội nhưng phòng tuyến này vẫn cố thủ. Quân Liên minh, dưới quyền chỉ huy tướng Patrick Cleburne mà đồng sự gọi tên ông ta là “bức tường thành Jackson của miền Tây” chiến đấu ngoan cường. Tướng Hooker chậm trễ trong việc tiếp cận với cánh quân phía trái của quân Liên minh và chỉ tham gia chút ít trong cuộc tấn công cuối cùng. Hành động quyết định của ngày hôm ấy, một trong những hành động đáng chú ý của toàn cuộc chiến, được quân đội của tướng Thomas thể hiện tại cánh quân giữa chống lại quân đoàn của tướng Breckinridge. Sau khi tiến lên và bao vây tuyến phòng thủ của quân Liên minh với những lỗ châu mai dọc theo căn cứ ở đồi Missionary, cánh quân này đã chiến đấu với một tinh thần bất khuất, họ đã tiến lên phía sườn đồi dốc đứng.

Quân Liên minh với cánh quân giữa của vòng tuyến đóng ở một vị trí không thích hợp, ngay giữa những gian lược của dãy đồi này. Phòng tuyến này lại ở sườn đồi phía trước cho phép từ dưới có thể quan sát dễ dàng và bắn thẳng lên mà không gặp cản trở gì. Có lẽ hầu hết thiệt hại của quân Liên minh chính là sự nản lòng đã lan tràn trong binh lính và thiếu niềm tin vào lãnh đạo của họ. Trong khoảnh khắc kinh hoàng hỗn loạn giữa cuộc tấn công dồn dập của Liên bang. Cánh quân giữa của Liên minh đã bị chia nhỏ. Quân lính bỏ chạy tán loạn. Vòng vây Chattanooga đã tan rã.

Với lữ đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Cleburne chiến đấu dữ dội, tướng Bragg đã có thể rút lui đội quân đang lộn xộn của ông ta trở về vùng lân cận Dalton, Georgia, nằm ngay trên tuyến đường sắt cách thành phố này 25 dặm về phía bắc. Mất hết nhuệ khí và cảm thấy ô nhục, ông xin được giao lại quyền chỉ huy cho người khác. Ông viết thư cho Tổng thống Davis “... Thua trận là không thể bào chữa. Bản thân là tướng chỉ huy, tôi cảm thấy vô cùng nhục nhã. Và thật sai lầm nếu nghĩ còn giữ tôi lại trong lúc có quá nhiều người phản đối”. Theo lời khuyên của tướng Lee,

Tổng thống Davis triệu hồi Joseph E. Johnston từ một vị trí lười hoạt động và đặt ông ta lên chiếc ghế chỉ huy quân đoàn Tennessee đang mất hết nhuệ khí.

Kết quả cuối cùng trong chiến dịch Chattanooga là điều đáng tự hào cho quân Liên bang. Nó là trận đánh cuối cùng của ba chiến dịch trong số bốn chiến dịch, chiến thuật lớn nhất của năm 1863. Với quân đội của tướng Lee, bị rút lui và đánh cho tơi tả tại chiến trường miền Đông, Vicksburg và thành Hudson đã chia lìa quân Liên minh tách khỏi sông Mississippi. Trận Chattanooga, cánh cổng tiến vào vùng lãnh thổ phía đông nam, lúc này nằm gọn trong tay Liên bang. Quân Liên minh đã bị thiệt hại nặng nề nếu không nói là không thể gượng lên được. Nhưng người ta vẫn nói: con hổ sẽ trở nên nguy hiểm nhất khi nó bị thương. Một trong những trận chiến đẫm máu nhất vẫn chưa xảy ra.

Tổng thống Lincoln đã sáng suốt nhận thấy rằng: còn rất nhiều việc phải làm mới có thể khiến cuộc chiến tranh này kết thúc trong thắng lợi mỹ mãn của quân Liên bang. Ông liên tục tìm nhiều phương pháp đề cao mục tiêu chiến tranh của Liên bang. Đoàn kết miền Bắc hỗ trợ cho chính quyền của ông để theo đuổi mục đích ấy, rèn luyện ý chí sắt thép cho nhân dân để họ nỗ lực cao nhất hầu giành được chiến thắng như mong muốn. Mùa thu năm 1863, ngày 19 tháng 11, ông lợi dụng cơ hội khi đọc diễn văn cho lễ xây dựng nghĩa trang và tượng đài kỷ niệm trận đánh Gettysburg, đứng giữa hàng ngàn ngôi mộ mới xây, ông đã chỉ rõ sự nghiệp của Liên bang, nguyên nhân tham chiến chính là tự do, sự công bằng, là một chính thể dân chủ cho toàn nhân loại. Ông đã chuyển từ mục tiêu chiến tranh của mình thành những lý tưởng chung.

## 9. Thí thố tài năng dành sự ưu tiên của châu Âu

Những quốc gia chính tại châu Âu, nhận thấy tầm quan trọng của cuộc nội chiến tại Mỹ đối với sự cân bằng về thế lực trong tương lai. Và các nhà lãnh đạo Liên bang và Liên minh đều biết rằng: thái độ và hành vi của các nước châu Âu sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định kết quả cuộc chiến này. Các nhà lãnh đạo miền Nam, lưu tâm tới những người đồng minh Pháp đã từng bảo trợ cho chiến thắng của Mỹ trong cuộc chiến giành độc lập chống lại người Anh, hy vọng sẽ có được sự hỗ trợ tương tự của châu Âu trong cuộc chiến của Liên minh giành độc lập chống lại Liên bang. Nỗ lực của Liên minh thông qua ngoại giao nhằm có được sự trợ giúp về tài chính, sự hòa giải, được công nhận chính thức và có thể cả sự can thiệp bằng quân sự của Vương quốc Anh và Pháp. Liên bang nỗ lực giữ những mối quan hệ thân thiện với các nước hùng mạnh tại châu Âu. Ít nhất, Liên minh cũng muốn họ giữ thế trung lập.

Những cảm xúc của người Anh đối với cuộc chiến là một sự pha trộn, những nhân vật lãnh đạo trong chính phủ chia rẽ với những cảm tình khác nhau. Nữ hoàng Victoria, chịu ảnh hưởng của chồng là Hoàng gia Consort Albert, thiên vị Liên bang. Huân tước John Russell, Bộ trưởng Bộ ngoại giao và Huân tước Richard Lyons, viên công sứ Anh tại Hoa Kỳ cũng trong tình trạng tương tự. Thủ tướng Henry Palmerston, và ông William E. Gladstone Bộ trưởng Bộ tài chính nghiêng về phía Liên minh. Một số khá đông tầng lớp quý tộc nghiêng về Liên minh. Nhiều quý tộc có đất đai cho thấy họ có hoàn cảnh sống giống cảnh sống tại miền Nam. Những nhà sản xuất vải sợi Anh, một trong những ngành công nghiệp hàng đầu của quốc gia này, dựa dẫm khá nhiều vào miền Nam bởi miền Nam cung cấp bông cho họ. Những nhà tư bản công nghiệp khác háo hức chờ đón viễn cảnh một thị trường được tự do thương mại với miền Nam sẽ là nơi lý tưởng để tiêu thụ hàng hóa của họ.

Nhiều nhà quan sát thấy được mối lợi đối với Anh quốc nếu như chia rẽ quốc gia thống nhất Hoa Kỳ. Công sứ Nga tại Mỹ, ông Edouard de Stoeckl, tiên đoán rằng nước Anh sẽ có lợi rất nhiều từ một kết cục như vậy. Ông viết cho chính phủ mình: “Nội các ở Luân Đôn chú ý quan sát mối bất hòa nội bộ của Mỹ và chờ đợi kết quả với sự nôn nóng”. Công sứ Mỹ tại Nga, ông Cassius M. Clay khuyên Tổng thống Lincoln: “Tôi thấy ngay được cảm xúc của người Anh lúc này. Họ hy vọng chúng ta suy vong! Họ ganh tị với sức mạnh của chúng ta. Họ chẳng thèm quan tâm tới miền Nam hay miền Bắc. Họ căm ghét cả hai”. Một chủ bút Anh quốc cũng cho thấy quan điểm ấy khi giải thích: “Chúng tôi không thấy lý do tại sao phải chia làm ba hay bốn chế độ cộng hòa độc lập. Sẽ không có câu trả lời nào tốt hơn là một chế độ thống trị áp đảo và có ảnh hưởng sâu rộng”. Một chế độ mà theo ý kiến của ông ta sẽ tạo ra “một sức mạnh vô biên và sự vĩ đại không gì sánh kịp giờ đây đang thổi căng lồng ngực, quấy rối bộ não và hủy hoại những nguyên tắc của gần như hầu hết người dân Mỹ”.

Tầng lớp lao động có những thái độ khác nhau về kết quả của cuộc nội chiến. Nhiều công nhân ủng hộ Liên bang và vỗ tay hoan hô những bài diễn văn của những

người mang đầu óc đổi mới, tự do như ông John Bright, Richard Cobden, W. E. Forster... Ông Bright gọi nỗ lực của Liên minh "là đáng ghê tởm và báng bổ". Ông cũng cho thấy một niềm hy vọng một quốc gia Mỹ tái thống nhất sẽ trở thành "niềm hy vọng của tự do, nơi nương náu cho mọi sắc tộc ở khắp mọi miền đang bị áp bức". Nhưng viễn cảnh về việc đóng cửa những nhà máy sợi bông đang thiếu sợi từ miền Nam, theo sau với sự đóng cửa của rất nhiều các nhà máy khác tạo ra sợ hãi căn bệnh thất nghiệp và đói kém trong số công nhân. Hầu hết những người Anh thuộc mọi tầng lớp đều phản đối chế độ sở hữu nô lệ. Nhưng chính sách của chính quyền Lincoln đầu cuộc chiến thuyết phục họ rằng thể chế này sẽ không bị ảnh hưởng gì dù cho quân Liên bang có thắng.

Liên minh khẩn cầu sự chấp thuận của công chúng Anh thông qua những bài báo có tình cảm với họ như là tờ Times của Luân Đôn và tờ Người quan sát của Manchester. Những tờ báo này đăng tải thông tin về các chiến dịch quân sự và thổi phồng chiến thắng của miền Nam, giảm thiểu thành công miền Bắc. Năm 1862, quân Liên minh thuê một đặc vụ người Anh, ông James Spence, viết một cuốn sách mang tựa đề Liên bang Mỹ. Sách này xác định tính hợp pháp của việc li khai và cho thấy một hình ảnh văn hóa miền Nam ưu tú nổi bật hơn văn hóa miền Bắc.

Một trong những nhân vật tổ chức phong trào sắc xảo của Liên minh là ông Henry Hotze, một người Thụy Sĩ di cư tới Mỹ. Trước chiến tranh, ông ta là nhân viên của tờ Mobile Register. Được bộ trưởng bộ nội vụ Liên minh giao nhiệm vụ năm 1862, ông Henry Hotze định cư tại Luân Đôn và bắt đầu viết những bài báo về cuộc nội chiến cho những tờ báo hàng đầu tại Anh quốc. Ông ta cũng gây dựng cho mình một tờ báo riêng là tờ Index và khôn ngoan biến nhiều nhà văn Anh thành những người quảng bá thế lực cho Liên minh bằng cách mời họ đóng góp các bài báo cho tờ báo của ông ta. Ông cũng gửi cho chính phủ Liên minh những quan sát khôn ngoan về chính kiến, về công luận Anh. Cuối cuộc chiến, ông di cư tới Pháp. Ở đây ông ta thực hiện công việc được giao với một tài năng sắc xảo không kém. Chính phủ Pháp giữ thái độ nước đôi đối với cuộc nội chiến Hoa Kỳ. Lúc bắt đầu, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Pháp Edouard Thouvenel công bố rất lấy làm tiếc về sự chia cắt của Liên bang Mỹ và nói rằng: việc tái thiết lập sự hòa hợp tại Mỹ sẽ mang lại lợi ích rất nhiều cho quốc gia ông ta. Nhưng những lời nói như vậy chỉ nhằm che dấu nước cờ chính trị của chính phủ ông ta mà thôi. Công sứ Liên bang tại Pháp, William L. Dayton giải thích về tính hai mặt của người Pháp đối với miền Bắc, sau này ông viết có phần cường điệu: "Các ông cũng biết, trung thực không phải là đường lối ngoại giao của Pháp... Chẳng có ai ngoại trừ người Pháp mới suy nghĩ thấu đáo về lời nhận xét dí dỏm nổi tiếng của Talleyrand: mục đích của ngôn ngữ là che đậy suy nghĩ". Chiến tranh đã cho vua Napoleon đệ tam của Pháp một cơ hội được thực hiện một tham vọng của mình: biến Mexico thành quốc gia dưới sự bảo hộ của Pháp. Năm 1863, ông ta hỗ trợ cho hoàng tử nước áo lên làm vua ở Mexico.

Vua Napoleon thiên vị Liên minh bởi vì một nước Mỹ thống nhất chống lại việc châu Âu tiến sâu vào khu vực phía Tây, sẽ ngăn cản bước tiến của ông ta. Đồng thời,



nền công nghiệp giấy của Pháp cũng giống như của Anh dựa dẫm rất nhiều vào bông của miền Nam. Ngay từ đầu, vua Pháp sẵn sàng can thiệp, hỗ trợ cho phe Liên minh, nhưng động thái này là quá mạo hiểm nếu không có sự hợp tác của các hạm đội Anh quốc. Như vậy thái độ của cả hai thế lực quân sự và kinh tế lớn tại châu Âu dựa cả vào quyết định của Anh.

Bên cạnh Tổng thống Lincoln, nhân vật chính chỉ đạo công việc ngoại giao của Liên bang là Bộ trưởng Bộ nội vụ Seward. Lúc đầu ông này đáng tin cậy đặc biệt trong việc đối phó với người Anh. Ông Seward có thái độ thù nghịch không cần che giấu với Anh quốc. Sau này người ta nhắc lại lời nói cường điệu của ông rằng, ông muốn véo tai con sư tử Anh quốc. Công sứ Mỹ tại Anh, ông Charles Francis Adams nói rằng ở Anh người ta coi ông Seward như là “một con yêu tinh sẵn sàng ăn tươi nuốt sống người dân Anh”.

Huân tước Lyons từ Washington đã biết Seward có thể là: “một Bộ trưởng Bộ ngoại giao nguy hiểm”.

Nhưng cuối cùng thái độ của ông Seward lại là vốn quý đối với đường lối ngoại giao của Liên bang. Ông và Tổng thống Lincoln cùng đồng tình với một quan điểm: nước Mỹ sẽ hủy bỏ quan hệ ngoại giao với bất cứ quốc gia nào công nhận Liên minh. Ông Seward kiên quyết bác bỏ mọi lời đề nghị hòa giải của các cường quốc châu Âu và bác bỏ mọi lời gợi ý rằng: quân nổi loạn sẽ thành công.

Sau thất bại từ chiến dịch của tướng McClellan tại vịnh Virginia, công sứ Pháp tại Washington, bá tước Henri Mercier gợi ý chiến thắng của Liên bang là không thể. Ông Seward nói: “đừng bao giờ tin dù chỉ trong giây lát rằng hoặc Hạ viện Liên bang, hoặc bản thân tôi, hoặc bất cứ ai có gắn bó với chính phủ này sẽ tham gia vào bất cứ vụ việc nào liên quan tới việc đề xuất, hoặc gợi ý, hoặc sắp xếp, hoặc hòa giải, hoặc điều đình, dù có hoặc không có dựa trên cơ sở một động thái đầu hàng của Liên bang”. Khi nghe nhiều nhà ngoại giao châu Âu nói rằng Hoa Kỳ quá lớn để là một quốc gia duy nhất. Ông Seward đáp lại rằng nó quá nhỏ đối với hai quốc gia tồn tại song song. Ông viết cho ông Adams “những ai thiên vị hoặc ủng hộ cho quân nổi dậy, dù với bất cứ lý do gì, tấn công quốc gia này trong giờ khắc của hiểm nguy, họ sẽ không được coi là bạn bè của Liên bang Mỹ nữa”. Những chính trị gia của châu Âu cũng không dám mạnh tay, mạnh miệng trước một nhân vật đầy đe dọa như vậy.

May thay cho Liên bang, ông Adams là một lựa chọn lý tưởng cho vị trí công sứ tới Anh quốc. Ông Adams là con trai một Tổng thống Mỹ và là cháu nội của một vị Tổng thống Mỹ khác nữa, bản thân ông là một nhà báo tài năng và một chính trị gia sắc sảo. Ông Adams đã chứng minh mình là một nhân vật ngoại giao tuyệt hảo. Có đôi khi ông xoa dịu thứ ngôn ngữ làm người khác nản lòng của ông Seward. Ông Adams đại diện cho phía Liên bang với tài năng khéo léo tốt bậc và thu về nhiều thắng lợi. Nhưng nước Anh là quốc gia quan trọng trong chiến lược ngoại giao của Mỹ thời nội chiến. Và ông Adams là một nhân vật hàng đầu hoạt động nước ngoài cho mục đích ngoại giao ấy. Các nhà sử học James G. Randall và Davis Herbert

Donald kết luận rằng khả năng và tính cách của ông Adams đáng quý đối với sự nghiệp của Liên bang, chẳng khác nào những chiến thắng quân sự của quân đội miền Bắc. Sự kết hợp giữa sự cứng rắn của ông Seward với hành động tế nhị của ông Adams đây chính là đường lối ngoại giao của Liên bang đang cần.

Phía Tổng thống Davis và Bộ trưởng Bộ nội vụ Toombs của Liên minh cũng lạc quan không kém khi vào tháng 3 năm 1861 họ cử ba phái viên: ông William L. Yacey của bang Alabama, ông Pierre Rost của bang Louisiana, ông A. Dudley Mann của bang Georgia, đến thăm các thủ đô lớn của châu Âu. Không may cho Liên minh, mặc dù những ông này nổi tiếng về luật pháp và chính trị trong nước, nhưng họ lại thiếu sự lịch thiệp và cái nhìn bao quát để có thể thực hiện tốt những công việc ngoại giao.

Ông Toombs hướng dẫn những phái viên này trình bày với nước Anh trường hợp li khai của Liên minh là một quyền hợp pháp đã được phê chuẩn bởi chính quyền miền Bắc hiếu chiến. Đồng thời nhấn mạnh tới thuế bảo hộ như là một đóng góp của miền Nam đối với nền thương mại Anh quốc hiện có với Hoa Kỳ. Họ nhấn mạnh vào vai trò của mặt hàng chủ lực lớn của miền Nam là sợi bông đối với nền kinh tế thế giới với “một lời bóng gió tế nhị” tới sự phụ thuộc của nền kinh tế phát triển thịnh cường của Anh trong việc buôn bán bông, và những kết quả thảm họa có thể xảy ra từ cuộc chiến tranh kéo dài giữa miền Bắc và miền Nam.

Việc nhắc tới bông không phải là lời đe dọa không có căn cứ. Nó xuất phát từ một trong những niềm tin vững chắc nhất của miền Nam, một niềm tin rằng bông là một thế lực kinh tế thống trị đối với thế giới phương Tây. Thượng nghị sĩ James Henry Hammond của miền Nam Carolina Chancellorsville, ca ngợi toàn bộ vùng đất do ông đại diện. Vào 1858 ông cường điệu rằng: “Không ai dám mở cuộc chiến tranh bông vải. Bông chính là vua”. Năm 1861, một tờ báo được khắp miền Nam yêu thích, tờ Times của ông William Howard Russell nói rằng: người miền Nam coi nước Anh chỉ là một phần phụ thuộc vào vương quốc bông vải của họ. Ông trích lời một người miền Nam đã từng nói với ông rằng: “chúng tôi chỉ cần ngưng cung cấp bông khoảng vài tuần có thể tạo ra cả một cuộc hỗn loạn tại Anh quốc. Có 4 triệu người của ông sống dựa vào chúng tôi để kiếm miếng ăn, chưa nói tới hàng triệu đôla lời lãi từ quan hệ với chúng tôi! Không đâu, thưa ngài, chúng tôi biết rằng nước Anh nhất định phải công nhận chúng tôi thôi”.

Vì tin tưởng như vậy nên người miền Nam, trong đường lối ngoại giao, đã ép buộc thay vì thuyết phục. Vào mùa thu 1861, rất nhiều chính trị gia thúc giục chính quyền hãy cấm vận không cho vận chuyển bông ra khỏi miền Nam. Mặc dù các nhà chức trách Liên minh quyết định rằng một cuộc cấm vận chính thức sẽ là không khôn ngoan về mặt chính trị, nhưng họ lại khuyến khích người dân tự nguyện thực hiện cuộc cấm vận này. Người miền Nam hưởng ứng bằng cách giữ lại lượng bông thu hoạch rất lớn vào năm đó không tung ra thị trường. Thế nên bông không thể đến được châu Âu.

Một đường lối ngoại giao như vậy, dù trong bất cứ điều kiện gì, cũng sẽ gây rắc rối trầm trọng. Huống hồ điều kiện lúc này lại không thích hợp đường lối ngoại giao ấy. Với những mùa bội thu bông ở cuối thập niên 50 của thế kỷ XIX, các nhà kho tại Anh quốc chất đầy loại sợi này. Nhất thời các nhà máy vẫn tiếp tục hoạt động chứ không phải thiếu nguồn cung cấp và các chính trị gia có thể vẫn tiếp tục kiên nhẫn. Đầu tháng 05, huân tước Russell cho phép những viên công sứ của Liên minh được lên tiếng trước công luận Anh. Ông ta làm thế với sự thận trọng, luôn canh chừng bộ trưởng bộ nội vụ của Liên bang. Ông Russell đã viết cho ông Lyons: “Nếu việc này là có lợi thì ông Seward cũng không cho phép chúng ta được bàn cãi. Tôi đã thấy mấy người miền Nam này khi họ đến đây nhưng tôi vẫn tiếp đón họ một cách không chính thức và giữ họ ở một tầm xa nhất định”. Ông ta đã làm như vậy mà không hề lên tiếng thay mặt nước Anh công nhận Liên minh.

Tức tối vì các phái viên của Liên minh được tiếp đón dù không chính thức, ông Seward thảo một bức thư đe dọa cắt đứt mối quan hệ ngoại giao với Anh quốc nếu chuyện này còn tái diễn. Tổng thống Lincoln xoa dịu lời lẽ trong bức thư này. Ông Adams nối tiếp thông điệp của nó bằng từ ngữ của chính ông. Ông nói rằng bất cứ cuộc gặp gỡ nào sau này với những sứ thần giả tạo của Liên minh cũng sẽ được coi là hành động thù nghịch đối với Liên bang Mỹ. Ông Russell sau này không gặp người Liên minh nữa. Chẳng bao lâu sau ông tuyên bố: “Chúng tôi sẽ không tham gia vào cuộc tranh đấu tại Mỹ dù bất cứ hình thức nào. Vì Chúa, nếu có thể, chúng tôi sẽ tránh xa cuộc chiến này”.

Thất bại của Liên minh trong việc được Anh quốc công nhận ngay nền độc lập của mình phần nào được bù đắp bằng những lợi thế ngoại giao ít quan trọng hơn. Khi Tổng thống Lincoln tuyên bố phong tỏa để chống lại Liên minh, chính quyền của nữ hoàng Victoria đã lờ đi những lời tuyên bố của Mỹ và phản ứng bằng một lời tuyên bố trung lập và coi Liên minh như một thế lực nổi dậy. Như vậy bà đã bật đèn xanh cho thương nhân Anh quốc bán vũ khí và quân trang quân dụng cho cả miền Nam cũng như miền Bắc. Chính phủ Pháp lập tức đi theo đường lối tương tự.

Mùa thu năm 1861, Tổng thống Davis thay thế những phái viên mở đường là những đặc sứ của Liên minh tới Anh quốc và Pháp. Ông chọn hai nhân vật chính trị gia nổi bật của miền Nam, cả hai đều là cựu thượng nghị sĩ Hoa Kỳ, ông Jamess M. Mason của Virginia đại diện cho Liên minh tại Anh, ông John Slidell đại diện tại Pháp. Ông Mason là một quý tộc và chủ đồn điền. Ông này là cháu của George Mason, tác giả Bản tuyên ngôn về quyền của Virginia. Nhưng trong tâm trí người Anh, những mối liên hệ này đã bị lu mờ bởi họ biết ông ta là người soạn ra điều luật nô lệ bỏ trốn năm 1850, một vết nhơ muôn thuở. Ông Slidell là người gốc New York. Là một nhân vật nổi trội trên sân khấu chính trị của đảng Dân chủ ở phạm vi bang và toàn quốc.

Ông Mason và ông Slidell gần như đã hoàn thành sứ mệnh của mình trước khi họ đến châu Âu. Trên đường tới Anh trên con tàu Trent chở thư từ của Anh quốc. Ngày 8 tháng 11, ngày thứ hai trên biển, con tàu này đã bị một tàu chiến của Hoa Kỳ dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Charles Wilkes lục soát. Ông này đã bắt giữ hai chính

trị gia Liên minh và đưa họ tới Boston để tổng giam. Dân chúng miền Bắc hoan nghênh thuyền trưởng Wilkes. Thủ tướng Anh hiểu chiến tức giận phản đối. Lúc đầu ông này đã phê phán các hoạt động chuẩn bị chiến tranh. Bộ trưởng bộ ngoại giao Adams trình bày nỗi buồn sâu sắc đối với sự kiện này. Người viết nhật kí ở New York ông George Templeton Strong ghi lại nỗi sợ hãi của ông rằng những con tàu bọc sắt Anh quốc sớm sẽ lên đường tới những cửa biển hẹp của New York và bắn thẳng đạn pháo vào quảng trường lớn của thành phố này.

Tổng thống Lincoln vẫn sáng suốt và cảnh báo ông Seward “giải quyết lần lượt từng cuộc chiến”. Cả ông Seward và bộ trưởng Adams đều đảm bảo với chính quyền Anh rằng ông Wilkes đã hành động mà không hề nhận được lệnh của cấp trên. Chính quyền Lincoln khôn ngoan quyết định trả tự do cho hai viên sứ thần người Liên minh để có thể tránh khả năng có cuộc chiến tranh xảy ra với người Anh. Ông Seward viết thư cho huân tước Lyons nói rằng họ sẽ “được hân hoan phóng thích”. Đồng thời, ông Seward bày tỏ một tình cảm của mình trong bức thư này. Sau đó ông đọc thư này công khai, xoa dịu tính nhạy cảm của người Mỹ bằng cách nhấn mạnh rằng: hai phái viên người Liên minh sẽ được bị giữ nếu làm như vậy để Liên bang có được sự an toàn. Còn không hai người này được trả tự do ngay và mối nguy hiểm phải đối mặt với Anh quốc sẽ không còn nữa.

Hai phái viên được Liên bang trả tự do đến châu Âu tháng 01 năm 1862 và được tiếp đón thân mật. Ông Mason được hưởng lòng mến khách của rất nhiều thương gia, chủ tàu và thành viên Hạ viện của Anh quốc. Họ là những người ủng hộ cho sự nghiệp miền Nam. Ông Slidell thậm chí còn được chào đón nồng nhiệt hơn ở Pháp và được chính nhà vua tiếp kiến. Cả hai phái viên này đã trò chuyện với bộ trưởng bộ ngoại giao của các quốc gia Anh và Pháp.

Nhưng mục tiêu của Liên minh trong việc ngoại giao và được châu Âu can thiệp để chiến thắng quân Liên bang vẫn bị lãng tránh. Được những lời hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ nội vụ Liên minh ông R. M. T. Hunter, các phái viên Liên minh đã trình bày những hạn chế của Liên bang tại miền Nam và coi đó như một cuộc phong tỏa trên giấy tờ và như vậy đã vi phạm công ước quốc tế. Nhưng khi được hỏi tại sao cho đến giờ này bỗng không đến được châu Âu, họ lại nói nước đôi bởi vì họ không dám thú nhận có sự tồn tại của lệnh cấm vận do chính quyền miền Nam đưa ra.

Những người thông cảm với miền Nam tại Hạ viện Anh vào tháng 03 đã thúc giục chính phủ hành động chống lại lệnh phong tỏa vì cho rằng nó không hợp pháp và không thực tế. Nhưng những quan chức lại lần nữa trong việc thú nhận một nguyên tắc rằng: điều này có thể sẽ mang lại kết quả ngược với mong đợi và bản thân người Anh sẽ phải tham gia vào những cuộc chiến tranh để bảo vệ chính mình trong tương lai. Huân tước Russell đã tuyên bố rằng lệnh phong tỏa của Liên bang tương đương với việc cản trở lối vào các cảng của Liên minh. Ông ta khẳng định rằng việc phong tỏa là thực tế và hợp pháp. Động thái can thiệp vào cuộc chiến huynh đệ tương tàn tại Mỹ của người Anh như vậy đã sụp đổ.

Vào mùa xuân năm 1862, việc chỉ định ông Judah P. Benjamin vào chức bộ trưởng bộ nội vụ đã khiến các vụ việc ngoại giao của Liên minh được kiểm soát dưới sự thông minh sắc xảo hiếm có. Nhưng người châu Âu cần bông của người miền Nam sẽ vẫn là nền tảng cho chính sách ngoại giao của Liên minh. Việc cho rằng động thái phong tỏa của Liên bang là bất hợp pháp vẫn là lý lẽ ngoại giao chính của Liên minh.

Hoàn cảnh gay go vì thiếu bông tại nền công nghiệp dệt của Pháp kết hợp với mối quan tâm của Napoleon đệ tam vào Mexico đã khiến ông ta thiên về hướng điều đình. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Mercier trong thực tế đã có lời đề nghị như vậy với ông Seward chỉ để nhận được lời chỉ trích nặng nề về việc Pháp công nhận quân phiến loạn Liên minh. Theo ông Seward, việc công nhận ấy chỉ có tác dụng kéo dài thêm cuộc chiến. Cách nhanh nhất để có được bông cho các nhà máy của Pháp (ông ta khuyên) là kết thúc niềm hy vọng như vậy của miền Nam.

Khi nỗ lực của nhóm người có tình cảm với Liên minh tại Hạ viện Anh thất bại, đồng thời với sự ra đời của một đề nghị hòa giải của cả Anh và Pháp kết hợp, ông Benjamin tạm thời tập trung công sức nhằm giành được động thái can thiệp của chỉ riêng nước Pháp với hy vọng rằng Anh quốc cũng sẽ tiếp bước theo sau. Ông Slidell được ủy quyền đệ trình lên vua Pháp một bản hòa ước về tự do thương mại với chính quyền Liên minh, cộng thêm món quà tặng 100 ngàn kiện bông. Hải quân Pháp sẽ phá vòng phong tỏa, hộ tống cho những tàu buôn chất đầy vũ khí và đồ tiếp tế khác cho miền Nam, sau đó cũng sẽ đồng hành với những con tàu này chất đầy bông chở về Pháp. Ông Benjamin gợi ý rằng cuộc vận chuyển bông như vậy giữa hai quốc gia sẽ có thể chuyên chở được cả triệu kiện bông.

Vài ngày sau, hạ viện Liên minh ủy nhiệm cho Tổng thống Davis thảo những hòa ước thương mại, trong đó có nhiều điều khoản nhượng bộ về thương mại với Anh quốc, Pháp và Tây Ban Nha. Rõ ràng, chính sách của Liên minh trong việc phá bỏ ép buộc về mặt ngoại giao và cấm vận bằng cung cấp hàng hóa. Ông Slidell đệ trình lời đề nghị của ông Benjamin đến tận tay vua Napoleon. Ông này tỏ ra quan tâm nhưng vẫn rất thận trọng trong từng động thái khi không có sự hợp tác của nước Anh.

Những thuận lợi nhất thời trong quan hệ ngoại giao thời chiến với Liên bang đến trong lúc Liên minh đang phản công vào mùa thu năm 1862. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Mercier của Pháp, người đến thăm Richmond và nói chuyện với ông Benjamin cùng với những lãnh đạo miền Nam khác, đã bị thuyết phục về sự bất khả chiến bại của quân Liên minh. Khi trở về, ông này đã thúc giục chính phủ mình can thiệp vào cuộc chiến. Vua Napoleon bị thuyết phục nên đã thảo một đề nghị chính thức với nội dung cả ba bên Anh, Pháp, Nga đều can thiệp vào cuộc nội chiến Hoa Kỳ.

Ông Palmerston và đồng sự của ông ta thực sự đã lên kế hoạch bám sát từng suy nghĩ của Napoleon. Những thành công về mặt quân sự của Liên minh trong mùa hè năm 1862 đã khiến cho tờ Times thúc giục thêm để động thái can thiệp này diễn ra nhanh chóng hơn. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Adams viết: “Không hề nghi ngờ rằng ý tưởng ở đây là: dù mạnh tới đâu, chúng ta cũng phải thất bại. Trừ khi chỉ trong vài

tuần, ta phải cho thấy một kết quả lớn về mặt quân sự mới có thể rút chân khỏi bãi lầy này”. Ông tin rằng chỉ một chiến thắng quyết định của Liên bang trên chiến trường cũng có thể chặn đứng hành động của châu Âu.

Khi tướng Lee hành quân tới Maryland, nội các Anh quyết định nếu ông thắng thêm một chiến thắng nổi bật nữa, hoặc chiếm cứ được một thành phố lớn của miền Bắc, một cuộc đàm phán sẽ được tổ chức cho hai bên tham chiến yêu cầu họ thôi không thù nghịch và cùng đồng thuận chia cắt với sự tham gia của Anh và Pháp (có thể cả Nga) với vai trò người hòa giải. Nếu miền Bắc vẫn tiếp tục bác bỏ lời đề nghị này và miền Nam chấp nhận nó, các bên ở châu Âu sẽ nhìn nhận nền độc lập của Liên minh. Nếu các lực lượng Liên bang thắng thế, ông Palmerston nói “chúng ta sẽ chờ xem chuyện gì sẽ đến sau đó”.

Ngày 07 tháng 10, ông Gladstone, người sau này trở thành một trong những Thủ tướng Anh xuất sắc, tuyên bố thiếu chín chắn trước công luận, cho rằng Tổng thống Davis và những lãnh đạo khác của miền Nam đã có quân đội, đang thành lập hải quân và “hơn tất cả hai điều trên, họ đang gây dựng một quốc gia..., chúng ta có thể đoán trước với sự chắc chắn thành công của các bang miền Nam trong việc li khai khỏi miền Bắc”. Lúc này ông Russell đã chính thức đề nghị một sự đình chiến.

Nhưng ông Palmerston, dù bất đồng trong lời nói, lại rất thận trọng trong hành động. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Adams lặng lẽ đưa ra lời đe dọa, ông tiết lộ việc mình đang chuẩn bị hành lý lên đường và nói rõ rằng Tổng thống Lincoln cùng chính quyền của ông sẽ không chấp nhận hòa giải trong cuộc chiến này. Thất bại của tướng Lee tại chiến dịch Maryland tiếp theo sau những lời tuyên bố chuẩn bị giải phóng nô lệ khiến ông Palmerston phải suy nghĩ. Ngay sau khi nhận được thông tin về kết quả trận Antietam, lúc đó ông nói rằng thời gian cho hành động của người Anh chưa chín muồi: “mười ngày hoặc nửa tháng có thể mang tới cho chúng ta ánh sáng của viễn cảnh tương lai”. Ngày 22 tháng 01, ông viết thư cho ông Russell: “Chúng ta nhất định phải tiếp tục là người ngoài cuộc cho tới khi chiến tranh có được một bước ngoặt quyết định hơn”.

Quyết định của nước Anh đến từ cuộc họp nội các ngày 11 tháng 11. Cùng với những nghi ngờ của ông Palmerston là người Anh đã bị ảnh hưởng bởi thái độ của người Nga. Tới đây Liên bang đã có một đồng minh nhưng có thể chưa chắc chắn. Trước đây chính phủ Nga vẫn coi Hoa Kỳ là một đối tượng quan trọng đối với cường quốc Anh. Nước này lại được coi là mối đe dọa lớn đối với nền an ninh của Nga. Người ta nói rằng Nga hoàng Nicholas đệ I đã từng nói: “Chúng ta (Nga và Mỹ) không chỉ có mối quan tâm giống nhau, kẻ thù của chúng ta cũng là kẻ thù chung”.

Từ đầu cuộc nội chiến, chính sách Nga bộc lộ sự đồng tình mạnh mẽ với Liên bang bởi nó mang tới lợi ích cho cả hai quốc gia. Chính phủ Nga đã từ chối lời đề nghị của Pháp sẽ can thiệp vào cuộc chiến. Chính phủ Anh giờ đây cũng làm tương tự. Cuộc khủng hoảng ngoại giao nghiêm trọng nhất của Liên bang đã kết thúc.

Rất có thể Anh và Pháp sẽ công nhận chính phủ Liên minh nếu chiến dịch của tướng Lee thắng lợi. Những hậu quả của hành động này sẽ trở nên vô cùng rắc rối. Nhà sử học E. D. Adams viết rằng: việc hòa giải và nhìn nhận Liên minh của người Anh sẽ là hành động khiêu chiến với Liên bang. Như vậy nền độc lập của Liên minh có thể sẽ được khẳng định. Nhưng ông Palmerston đã cho thấy rõ rằng: việc nhìn nhận về mặt ngoại giao sẽ không ảnh hưởng đến đường lối trung lập của Anh trong trận chiến này. Không có sự can thiệp bằng vũ trang, kết cục của cuộc chiến có lẽ sẽ vẫn không thay đổi. Chỉ khi chính phủ Liên bang vẫn khẳng khái tuyên chiến với các cường quốc châu Âu, một tình huống Tổng thống Lincoln cẩn thận tránh né, việc công nhận Liên minh sẽ đảm bảo nền độc lập cho chính phủ này.

Lý do thứ hai, việc đe dọa can thiệp như là một nguồn cơn của mối bất hòa giữa Anh và Liên bang sẽ là hành động của các chủ xưởng đóng tàu tư nhân Anh trong việc cung cấp cho Liên minh tàu chiến và sự chậm trễ của chính phủ Anh trong việc ngăn chặn hành động này. Đại úy James Bulloch, một đại diện cho hải quân Liên minh đã đặt hàng với người Anh thuê họ đóng những con tàu chiến đặc biệt. Những con tàu này sẽ di chuyển dưới những cái tên tạm thời (chưa trang bị vũ trang) đến một điểm hẹn ngoài bờ biển Azores hoặc tại miền Tây Indies của Anh. Nơi đây, những con tàu này sẽ được trang bị vũ khí rồi trao lại cho những sĩ quan Liên minh và chính thức nhận những cái tên do Liên minh đặt. Sau đó chúng sẽ được sử dụng như những con tàu chiến tấn công các xưởng tàu của Liên bang. Con tàu nổi tiếng nhất là Enrika. Sau này được đổi tên là Alabama. Dưới quyền chỉ huy của thuyền trưởng (sau được phong là tư lệnh) Raphael Semmes, nó đã trở thành một tai họa trên biển. Đã tấn công tàu Florida khiến tàu này biến thành một đồng sắt vụn.

Về lâu về dài, những kế hoạch của ông Bulloch là kí hợp đồng với những xưởng đóng tàu tại Anh và Pháp để thiết kế một hạm đội bọc thép có mũi nhọn có thể làm hư hỏng hoặc hủy diệt những con tàu bằng gỗ trên tuyến phong tỏa của Liên bang. Vào mùa thu năm 1863, hai trong số những con tàu vững chãi này đã đóng gần xong tại công ty Laird của Birkenhead, Anh quốc. Thông qua những người đưa tin và những điệp viên, lãnh sự Mỹ tại Liverpool, ông Thomas H. Dudley biết được sự tồn tại của những con tàu chiến nước Anh này và đã chuyển thông tin đó cho Bộ trưởng Bộ ngoại giao Adams. Ông này liên tục gửi cho huân tước Russell những lời cảnh báo tế nhị về một cuộc chiến tranh sẽ xảy ra nếu như những con tàu kia được trao vào tay quân Liên minh. Những lời cảnh báo này nhất quán với chính sách của Bộ trưởng Bộ nội vụ Seward. Ông này tin nước Anh có động cơ đe dọa gây ra một cuộc chiến tranh. Ông chỉ đạo cho Adams thông báo tới ông Russell rằng thái độ của chính phủ ông Russell về điều này gây khó khăn cho mối quan hệ của hai quốc gia cũng như gây khó dễ cho việc bảo tồn tình hữu hảo giữa Liên bang và Anh quốc.

Ông Bulloch lẩn tránh bằng cách có ý định bán những con tàu này cho một công ty của Pháp để công ty này bán lại cho một Tổng trấn Ai Cập. Bước đầu chính phủ Anh quốc chưa có thái độ chống lại Liên bang. Nhưng những lời phản đối dai dẳng của ông Adams cuối cùng cũng có hiệu quả. Cũng như việc sớm thông qua một đạo

luật của Hạ viện Hoa Kỳ ủy nhiệm cho các tàu tư nhân củng cố thêm vòng phong tỏa của Liên bang. Ngày 05 tháng 09 ông Adams gửi một bức thư tới ông Russell. Đoạn kết của thư như sau: “Sẽ là thừa nếu tôi chỉ cho quý ngài thấy rằng đây là một cuộc chiến thực sự”. Lúc này chính phủ Anh đã quyết định giữ những con tàu kia. Tàu được giữ lại vào đúng ngày sau khi nhận được bức thư báo của ông Adams và sau đó đã được trao cho hải quân Anh. Không có một chiếc tàu mũi nhọn nào do châu Âu đóng và thiết kế đến được Liên minh. Một lần nữa các chính khách Anh hành động kiên quyết nhằm tránh nguy cơ sau này nước Mỹ chống lại chính nước Anh.

Rất nhiều mối căng thẳng ngoại giao ở mức độ thấp hơn còn tồn tại. Những căng thẳng ấy có thể gây ra những rắc rối lớn. Cuộc phong tỏa tiếp tục gây căng thẳng trong quan hệ giữa Liên bang với châu Âu đặc biệt là với Anh quốc. Những con tàu của hải quân Liên bang (từ năm 1863) đã bắt giữ những tàu thương mại của các quốc gia trung lập nếu như tàu này chạy tới Cu Ba, miền Tây Indies của Anh quốc, Matamoros, Mexico, với hàng hóa dự định sẽ được trung chuyển sang những con tàu phá vòng phong tỏa của Liên bang hoặc bán cho những đại lý của Liên minh đang hoạt động ở Rio Grande. Tòa án Liên bang phán quyết việc tịch thu này là hợp pháp vì lý do những hàng hóa kia sẽ được cung cấp cho đối phương sử dụng. Mặc dù chính phủ Liên minh cực lực phản đối và những tàu buôn Anh cùng với báo chí ủng hộ Liên minh của người Anh kêu gọi hãy trả đũa, nhưng chính phủ Anh quốc nhất định không động thủ. Ông Palmerston và ông Russell đoán trước được những hình thức phong tỏa quá mức như vậy sẽ là hữu dụng cho quốc gia của họ.

Chính sách ngoại giao của Liên minh bao gồm những nỗ lực đảm bảo nguồn viện trợ tài chính của nước ngoài cũng như việc nhìn nhận về ngoại giao và sự can thiệp của nước ngoài vào cuộc chiến. Nhiều triệu đôla đã được quyên góp thông qua việc bán trái phiếu của Liên minh cho những cá nhân ở nước ngoài, đặc biệt là cho những người bạn Anh của Liên minh. Nhưng hành động mạo hiểm lớn nhất của Liên minh trong lãnh vực tài chính nước ngoài, khoản vay Erlanger Loan, lại xuất hiện tại Pháp. Một công ty dịch vụ ngân hàng nổi tiếng của Pháp là Emile Erlanger đã đồng ý tung ra thị trường 25 triệu cổ phiếu để thu lời 8%. Chuyện xảy ra vào mùa xuân năm 1863. Sổ cổ phiếu này có thể đổi được bằng của Liên minh với giá cố định và rẻ. Ông Benjamin kiểm chế ở cả hai mức hoa hồng cao (23%) và lãi suất cao nhưng đã cho ông Slidell tin rằng: khoản vay này sẽ tác động đến vua Napoleon đệ tam, ông Palmerston chấp nhận sự sắp xếp này. Kết quả chẳng được là bao. Giá cổ phiếu tụt xuống thê thảm. Những cuộc rút lui của quân đội Liên minh trong mùa hè đã khiến cổ phiếu giảm giá nhanh chóng. Từ vụ giao dịch này, Liên minh nhận được chưa tới 3 triệu đôla. Cuối cùng những người buôn bán loại cổ phiếu này đã phải phá sản.

Sự thăng trầm của cuộc chiến tiếp tục ảnh hưởng tới tình hình ngoại giao. Chiến thắng gây chấn động của tướng Lee ở Chancellorsville vào tháng 05 năm 1863 làm sống lại mối hy vọng của các nhà ngoại giao miền Nam và bạn bè của họ ở nước ngoài. Những người Anh đồng tình với miền Nam đã tập hợp những cuộc mít tinh lớn với sự tham gia của các công nhân dệt đang phải chịu cảnh thất nghiệp và những



động thái đã được chuẩn bị kĩ càng tại Hạ viện Anh trùng với một cuộc đàm phán theo chủ ý của vua Napoleon để tam mở lại vấn đề Anh, Pháp can thiệp vào cuộc chiến. Một lần nữa, ông Slidell lại gặp gỡ vua Napoleon để tam và thúc giục nước Pháp hành động (dù không có sự hợp tác của nước Anh) nếu cần. Hai ngày sau, hai nhân vật chủ chốt trong Hạ viện Anh đồng tình với Liên minh, ông William S. Lindsay và ông John A. Roebuck, đã yết kiến vua Napoleon. Đức vua thừa nhận ông sẵn sàng hợp tác với Anh quốc trong việc can thiệp vào cuộc nội chiến Hoa Kỳ để ủng hộ cho Liên minh. Nhưng chính ông cũng lại chỉ trích chính phủ Anh quốc bởi lối cư xử nước đôi và bội bạc trong vấn đề ngoại giao này.

Ngày 30 tháng 06, ông Roebuck trình bày tại Hạ viện Anh một động cơ chính thức cho việc nhìn nhận nền độc lập của Liên minh. Là một người tính khí thất thường, một người ủng hộ Liên minh nhiệt tình, người đã có lần nói rằng quân đội của Liên bang được thành lập từ “rác rưởi của châu Âu”, giờ đây lại cảnh báo rằng một nước Mỹ hợp nhất là mối hiểm họa cho an ninh thế giới. Ông ta phơi bày vấn đề chính trong lần yết kiến bí mật với vua Napoleon. Những lời nói hờ hênh của ông Roebuck đã làm chán nản những người thân với Liên minh nhất trong số các đồng nghiệp của ông.

Ông Palmerston vẫn kiên định và tránh né không nói tới cuộc chiến tại Mỹ. Ngày 03 tháng 07, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Adams, người vẫn lo lắng và cảnh giác chứng kiến toàn bộ những tình tiết nói trên đã cho rằng tác vụ ngoại giao của hạ viện Anh đã kết thúc “mà không hề gây bất lợi gì cho chúng ta”. Ông nói ông Roebuck đã tự bộc lộ bản thân như là một kẻ đáng khinh và ngu ngốc, đồng thời ông nói thêm sự nghiệp của Liên minh sẽ không thể phục hồi trong mùa hè này, cho dù có sự ủng hộ của những nước ngoài, khi dựa vào một thắng lợi bất ngờ. Tại thời điểm ông Adams viết những dòng này, điều ông nhắc tới như là một sự tuyệt vọng cuối cùng của Liên minh chính là việc quân đội của Liên minh bị đẩy lùi tại Gettysburg. Ngay sau đó là việc thành Vicksburg thất thủ.

Cuối cùng thì cũng nhận thấy rõ việc giành được sự nhìn nhận của Anh quốc là điều không thể xảy ra, tháng 08, ông Benjamin đã chỉ thị cho ông Mason rời nước Anh. Ông này sau đó đã gặp ông Slidell tại Paris. Một tháng sau, ông Benjamin cắt đứt những mối ràng buộc dai dẳng cuối cùng giữa Liên minh và Anh quốc bằng cách trục xuất mọi lãnh sự quán Anh ra khỏi miền Nam.

Lúc này, ông Benjamin tập trung mọi nỗ lực của mình vào việc sử dụng con tốt Mexico để dẫn dụ Napoleon đơn phương ra quyết định chính thức thừa nhận chính phủ Liên minh. Khi ông Slidell không thể tác động tới vua Napoleon, ông đã cảnh báo một chiến thắng của Liên bang đủ khiến cho sự nghiệp của Pháp tại Mexico trở nên bi đát. Ông Benjamin đã bổ nhiệm viên công sứ, là William Preston bang Kentucky, tới tiếp cận với hoàng đế Maximilian với hy vọng thuyết phục ông này sử dụng tầm ảnh hưởng của mình để giành được sự nhìn nhận của Pháp đối với Liên minh. Kế hoạch này cũng không có kết quả. Thay vì tới Mexico, ông Preston lại tìm kiếm

những thuộc hạ của hoàng đế Maximilian tại châu Âu. Những người này, theo lệnh của vua Napoleon, từ chối mọi cuộc thương lượng với Liên minh.

Những hy vọng ngoại giao của Liên minh đồng loạt mất dần cùng với những cuộc lui binh của Liên minh trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến. Sự căng thẳng giữa Liên bang và Anh quốc đã bình thường trở lại. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Adams nhận được lời khen từ Hạ viện Anh cho những cố gắng của ông với sự nghiệp giữ gìn hòa bình giữa hai quốc gia. Khó khăn lớn nhất của Liên bang trong ngoại giao với nước ngoài vào cuối cuộc chiến xuất hiện từ những hành động của các điệp viên Liên minh tại Canada. Đặc biệt là cuộc tấn công của vài người trong số họ vào tháng 10 năm 1864. Những người này vượt biên giới và cướp bóc thị trấn St. Albans, Vermont. Tức giận vì các quan tòa địa phương Canada đã thả những kẻ tấn công này, ông Seward viết cho ông Adams, nói rõ ý định của Mỹ sẽ không tuân thủ Hiệp ước Rushbagot rất đáng được tôn trọng ký năm 1817. Hiệp ước này hạn chế các hoạt động vũ trang dọc theo biên giới Mỹ và Canada. Lời đe dọa này có kết quả. Dưới áp lực của chính phủ Anh cũng như làn sóng phản đối của dân chúng địa phương, nhà chức trách Canada siết chặt việc giám sát của họ và những cuộc tiến công của Liên minh đã kết thúc.

Thành công của Liên bang trong việc ngăn ngừa nước ngoài nhìn nhận Liên minh và sự hỗ trợ về quân sự của nước ngoài trở nên vô cùng quan trọng đối với kết cục của cuộc chiến. Ông Norman Graebner đã viết “tương lai của quốc gia nằm gọn trong tay một nhóm chuyên viên làm việc hiệu quả. Họ cũng quan trọng không kém các quân đoàn đang giành chiến thắng trong lãnh vực quân sự. Những nhà lãnh đạo Liên minh và người dân miền Nam đã quá thổi phồng sức mạnh của “Vua Bông”, tưởng rằng nó sẽ mang lại cho họ những thỏa thuận gây tầm ảnh hưởng lớn với nước ngoài. Đây là một sự tính toán sai lầm và đã gây thảm họa”.

## 10. Thắng lợi quân sự và thành công chính trị

Những sự kiện dữ dội của năm 1863 đưa hai vị tổng thống của hai phe đối lập tới một giai đoạn quyết định quan trọng. Dù thực tế cả hai Tổng thống đều chỉ định các viên tướng tài vào vị trí tổng chỉ huy, nhưng phẩm chất của những người được chỉ định và điều kiện chỉ định thực ra khác nhau. Sự khác biệt ấy rất lớn nếu không nói là một trời một vực.

Đầu tháng 03 năm 1864, Tổng thống Lincoln thăng cấp cho tướng Grant phục hồi lon trung tướng và đưa ông về chỉ huy quân đội chính quy. Tướng George Washington là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang Hoa Kỳ. Lúc này, ông Halleck là cố vấn của Liên bang, chỉ thực hiện những nghĩa vụ hành chính. Tổng thống khen ngợi quá trình chỉ huy của tướng Grant. Tài lãnh đạo của ông tạo nên sự khác biệt trong cả hai chiến dịch Vicksburg và Chattanooga. Tướng Meade, một lựa chọn cho vị trí tổng tư lệnh, theo lời nhận xét của Tổng thống Lincoln, đã quá nao núng sau trận Gettysburg. Tổng thống Lincoln bày tỏ sự tin tưởng tuyệt đối vào tướng Grant. Sau này Tổng thống viết thư cho tướng Grant, trong thư có đoạn: “Những chi tiết trong kế hoạch của anh tôi không biết và cũng không tìm cách biết... Tôi hy vọng sẽ không ép buộc hoặc không thúc bách hay hạn chế gì anh cả...”

Tổng thống Davis cật lực phản đối việc tạo ra chức vụ tổng tư lệnh. Thái độ này một phần là kết quả của việc diễn giải hiến pháp gò bó của Liên minh. Theo khuôn mẫu Liên bang Hoa Kỳ, hiến pháp này tuyên bố Tổng thống cũng là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Quan điểm của Tổng thống Davis cũng xuất phát từ việc coi trọng niềm tự hào trong sự nghiệp của riêng ông. Ông từng là một người lính xuất sắc và một bộ trưởng bộ chiến tranh tài năng. Có lần ông nói “tôi không có ý định và cũng không có quyền ủy nhiệm trách nhiệm tư lệnh tối cao cho bất kỳ ai”.

Tổng thống Davis biết về điều cần thiết phải có sự kết hợp nhiều hơn nữa trong nỗ lực quân sự của Liên minh. Giờ ông tự thấy mình cũng cần, sử dụng tài năng của người bạn cũ là ông Braxton Bragg, một viên tướng nắm trọn quyền hành và một sĩ quan có khả năng vượt trội trong huấn luyện, kỷ luật và tổ chức các đơn vị cũng như lên kế hoạch tác chiến. Nghĩ cách để giải quyết các rắc rối nói trên, tháng 02 năm 1864. Tổng thống Davis ra lệnh đưa tướng Bragg về chịu trách nhiệm chỉ huy các chiến dịch của Liên minh với một chức danh cao cả là tổng tư lệnh. Như thế ông đã chọn được một viên tướng chỉ vừa mới đây từ bỏ quyền chỉ huy của mình bởi thất bại nơi chiến trường. Ngược lại, Tổng thống Lincoln lại giao vị trí cao nhất cho một viên tướng mà ông tin rằng có tài năng nhất trong các vị tướng của quân đội Liên bang.

Mặc dù chức vụ mới nghe rất ấn tượng, tướng Bragg vẫn không phải là tổng chỉ huy đích thực của các lực lượng vũ trang Liên minh. Hơn thế nữa, mệnh lệnh của Tổng thống Davis được trình bày rõ ràng rằng: tướng Bragg sẽ hành động “dưới sự ủy nhiệm của Tổng thống”. Câu nói này thực sự hàm ý chính Tổng thống Davis mới là người vẫn còn ở vị trí tổng tư lệnh thực sự. Cuộc chiến đã bước vào năm cuối cùng

của nó với những mâu thuẫn ngấm ngầm trong hệ thống các tướng lĩnh chỉ huy của cả Liên bang lẫn Liên minh.

Những lời nhận xét lúc đầu về tướng Grant không hứa hẹn điều gì tốt đẹp ít nhất là từ quan điểm của Tổng thống Lincoln. Tướng Grant hi vọng sẽ mở những cuộc xâm lấn về miền Đông Nam từ cả hai vị trí: Mobile và Chattanooga. Đồng thời bản thân ông vẫn tiếp tục đóng quân tại miền Tây và từ đây ông thực hiện quyền của một tổng chỉ huy quân đội. Cũng như với miền Đông, kế hoạch của ông yêu cầu một lực lượng 60 ngàn quân đổ bộ lên miền duyên hải Đại Tây Dương ngay phía dưới Richmond và tiến sâu vào đất liền để phong tỏa tuyến đường sắt Weldon. Đây là con đường cung cấp quân trang quân dụng và tiếp viện quân của tướng Lee cùng với cảng Wilmington Bắc Carolina và cả khu vực Nam Đại Tây Dương.

Phản ứng của tướng Halleck thể hiện niềm tin bấy lâu này của Tổng thống Lincoln rằng: quân đội của tướng Lee thực sự là mục tiêu của quân đội Liên bang tại Virginia. Lời đề nghị của tướng Grant sẽ dẫn tới việc chia nhỏ quân đội Potomac đặt tướng Lee vào phòng tuyến nội bộ giữa hai toán quân này. Và như vậy Washington sẽ bị bỏ ngỏ và bị xâm chiếm bất kỳ lúc nào. Đồng thời, tướng Grant cũng nhận được thông tin rằng, mọi người kỳ vọng ông ta chỉ huy quân đội từ phía Đông chứ không phải từ phía Tây. Sau đó dù Tổng thống Lincoln đã tuyên bố sử dụng chính sách thoảng trong việc đối xử với viên tổng tư lệnh mới của mình, Tổng thống thực tế đã đóng góp những phần quan trọng và quyết định vào chiến lược quân sự mà tướng Grant sẽ thi hành. Sau này, tướng Grant biết được rằng: chiến dịch này nhắm thẳng vào quân đội của tướng Lee, một chiến dịch mang ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho chiến thắng của Liên bang trong cuộc chiến.

Tướng Grant mặc cho tướng Meade chỉ huy quân đoàn Potomac. Ông xây dựng sở chỉ huy của mình ngay tại quân đoàn này. Bằng cách đó, ông tránh được việc cơ quan hành chính ở Washington can thiệp vào hoạt động của ông, và nhân tiện tránh được cả sự can thiệp của Tổng thống. Đồng thời tướng Grant cũng đặt mình ở vị trí có thể dễ dàng quan sát công việc của tướng Meade, đồng thời giám sát các cuộc hành quân và chiến dịch tấn công quân đội của tướng Lee. Tướng Grant cũng thu phục một sĩ quan đã qua thử lửa và rất gan dạ, tướng Phillip. Ông này đang ở chiến trường phía Tây trở về bên tướng Grant để chỉ huy quân kỵ binh tại Virginia.

Tướng Grant lên kế hoạch tấn công tổng lực trên khắp các chiến trường, cuộc tấn công này được tiếp sức bởi vòng đai kiểm soát chặt chẽ của hải quân Liên bang. Những cuộc tấn công trực diện sẽ nhắm thẳng vào các cánh quân của Liên minh. Tướng Meade (và tướng Grant) sẽ tấn công đội quân do tướng Lee chỉ huy tại Virginia. Trong lúc đó tướng Sherman cùng với cánh quân kết hợp của đội quân Ohio, đội quân Tennessee và đội quân Cumberland sẽ từ Chattanooga tiến về nơi cánh quân chủ lực của Liên minh đang hạ trại tại miền Bắc Georgia và bẻ gãy cánh quân này.

Đồng thời, mọi lực lượng của Liên bang sẽ tấn công các trục đường giao thông và các nguồn cung cấp đồ tiếp viện của Liên minh để làm suy yếu nỗ lực của miền Nam trên chiến trường. Cụ thể, tướng Sherman nhận được chỉ thị “tiến sâu vào vùng đất thuộc lãnh địa của kẻ thù càng sâu càng tốt, làm thiệt hại các nguồn lực phục vụ chiến tranh của chúng càng nhiều càng tốt”. Đợt hành quân của ông ta sẽ kết hợp với cánh quân ở Atlanta sau khi quân Liên bang di chuyển từ Mobile. Đây chính là chiến lược Anaconda của tướng Winfield Scott mở rộng các cuộc tiến công trong phạm vi lớn.

Một phần chiến thuật của tướng Grant là di chuyển quân từ Mobile đã bị bỏ dở trước khi kế hoạch chung được thực hiện. Tướng Halleck, luôn nhớ tới niềm hi vọng của Tổng thống Lincoln là lấy lại bang Louisiana cho Liên bang trước khi chiến tranh kết thúc, đã đồng ý tấn công để xóa sổ quân đoàn của liên minh tại Mississippi. Tướng Banks sắp sửa dẫn đầu một cuộc viễn chinh với quân thủy bộ kết hợp từ New Orleans tiến thẳng lên thượng lưu sông Red River và tiến vào miền Đông Texas. Đồng thời, thiếu tướng Frederick Steele cũng tiến quân từ Arkansas bao vây Shreveport, tổng hành dinh của đội quân Mississippi nằm trên bờ sông Red ở góc phía Tây Bắc Louisiana. Tướng Grant dự định rằng tướng Bragg với 28 ngàn quân của ông ta, cùng thiếu tướng hải quân Porter với hạm đội và tàu chở hàng, quay trở về New Orleans kịp lúc cùng tiến quân đánh chiếm Mobile trong sự phối hợp với các chiến dịch khác của Liên bang.

Tướng Banks lần nữa tại New Orleans tới tận ngày 12 tháng 3, sau đó đã không thể làm chủ tình hình. Ông ta cho rằng việc trưng thu bông của Liên minh là một trong những chiến dịch có ý nghĩa về mặt chiến lược. Đầu tháng 4, tướng Richard Taylor của Liên minh cùng với khoảng 12 ngàn quân đụng độ với đội quân của Liên bang đang trên đường hành quân ở Sabine Crossroads gần Mansfield tại miền Tây Bắc Louisiana và thất bại nhanh chóng đành lui về một địa điểm cách đồi Pleasant mười dặm. Tướng Banks bị cuộc tấn công thứ hai của tướng Richard Taylor sau đó lên kế hoạch lui vội vã về phía hạm đội của Liên bang trên sông Red River, gần Natchitoches. Cuộc rút lui này đã vấp phải hoàn cảnh đáng ngại đang chờ đợi nó tại Alexandria, trung tâm của bang Louisiana. Khúc sông ở đây quá cạn nên những tàu chiến không thể vượt qua những khu vực lầy thác nhiều ghềnh ở đây được.

Tướng Richard Taylor truy đuổi tướng Banks và liên tục thúc giục cấp trên của mình tướng Kirby Smith chi viện thêm để tấn công vào đội quân của Liên bang đang bị bao vây. Thế nhưng tướng Kirby Smith lại điều số quân dự trữ ông ta đang có tới cho tướng Sperling Price để giải quyết hậu họa từ miền Bắc, chống lại tướng Shreveport. Ngày 18 tháng 02 tướng Sperling Price hoàn tất sứ mệnh này thắng lợi bằng việc tấn công và đánh tan tác lính của tướng Steele trong trận chiến Poison Spring tại miền Nam Arkansas. Cuộc viễn chinh của tướng Banks thoát nạn vào giữa tháng 5, sau khi một trinh sát viên quân đội tài giỏi, trung tá Joseph Bailey tự chế một con đập chắn sóng tạo ra dòng nước đủ sâu để giải phóng cho các pháo hạm.

Đến lúc này, tướng Banks trở lại New Orleans, những chiến dịch khác trong chiến lược tổng thể của tướng Grant đang được thực hiện ở đây.

Quân đoàn Mississippi của Liên minh vẫn không bị chinh phục trong suốt cuộc chiến. Nó còn tồn tại lâu hơn cả chính quyền Liên minh miền Nam. Sau đó cánh quân này thực sự tồn tại và được mọi người biết đến dưới cái tên kỳ quái là “vương quốc của Kirby Smith”. Bởi vì trong nó cũng có lệnh đảm phụ chiến tranh, cưỡng bách tòng quân, thu thuế, xuất khẩu bông, chuyển hàng hóa, các nhiệm vụ ngoại giao tới Mexico và cả việc trao trả tù binh chiến tranh. Khu vực này sản xuất lượng sản phẩm nông nghiệp dồi dào và buôn bán phát đạt với các nhà buôn châu Âu tại Mexico. Ông Kirby Smith nuôi sống quân đội bằng cách mua bán hoặc sung công bông vải, sau đó đổi bông vải lấy vũ khí và quân trang quân dụng cung cấp cho quân đội phía Nam biên giới. Hoạt động Kiểm soát của Liên bang của vùng Mississippi ngăn chặn tất cả, nhưng lại để cho những nguồn cung cấp nhỏ giọt này nuôi sống toàn bộ thể chế chính của Liên minh.

Tại Virginia, tướng Grant thấy rằng: hủy diệt hoặc đánh thẳng đòn quyết định đối với tướng Lee và quân đội Bắc Virginia đòi hỏi phải chiến đấu cực kỳ dai dẳng và cực kỳ ác liệt. Ông nhận thấy giữa những sĩ quan của đội quân Potomac một tinh thần hạn chế trong việc hiểu và tán dương đối thủ nổi tiếng của họ. “Ồ, tướng Grant đã bao giờ gặp Booby Lee đâu chứ”. Họ nói với những sĩ quan dưới quyền tướng Grant như vậy. Quyết định sẽ xua đuổi suy nghĩ này khỏi tâm trí của họ, tướng Grant nói với tướng Meade: “Quân đội của tướng Lee sẽ là mục tiêu chính của anh. Tướng Lee đi đâu anh theo đó”.

Đầu tháng 05, quân đội Liên bang và Liên minh tại Virginia đủ quân số tạo sức mạnh tối ưu. Quân đoàn của tướng Burnside, nhận được lệnh từ tướng Grant, ở Tennessee mang theo cánh quân Potomac lúc này đã có mặt khắp nơi trong những vùng đất quen thuộc phía bắc của Rappahannock và Rapidan ngay trên Fredericksburg. Cánh quân này khoảng 120 ngàn người. Quân đoàn của tướng Longstreet, một lữ đoàn nhỏ nhất của tướng Pickett đã quay trở lại với tướng Lee từ chiến trường. Rất nhiều trung đoàn đã được cử tới đây từ vùng duyên hải Đại Tây Dương. Quân đoàn Bắc Virginia 65 ngàn lính. Quân đoàn này hạ trại tại phía nam của Rappahannock và Rapidan. Vừa có thể bảo vệ con đường giao thông và khu vực cung cấp lương ăn cho mình, quân đoàn này đã triển khai trại rộng trên mặt trận 50 dặm từ Fredericksburg tiến về miền Tây Nam vùng ngoại vi Gordonville.

Ngày 04 tháng 05, ngày mở màn cuộc tấn công lớn của tướng Grant, quân đoàn Potomac một lần nữa băng qua Rapidan vào khu vực Wilderness của chiến dịch Chancellorsville xưa. Mục tiêu của tướng Grant là cắt ngang sườn phải của quân Liên minh, đe dọa Richmond hoặc đánh bật cánh quân này bằng một trận chiến mở đầu với số quân áp đảo. Hai chiến dịch nghi binh đồng thời diễn ra để làm yếu đi quân đội của tướng Lee. Thiếu tướng Franz Sigel dẫn đầu một đội quân theo đội hình hàng dọc từ Tây Virginia tiến thẳng tới thung lũng Shenandoah. Đây là nơi đảm bảo nguồn thực phẩm chính cho đội quân của tướng Lee. Thiếu tướng Benjamin F. Butler di

chuyển cùng đội quân của James đi theo hướng Nam bên bờ sông James đe dọa Richmond từ phía dưới và cuối cùng kết hợp với các lực lượng của quân đoàn Potomac khi đội quân này tiến nhanh về phía Nam. Tổng thống Lincoln mô tả những động thái di chuyển phụ bằng một lối dùng từ ẩn dụ chất phác: “Bọn trói gà không chặt kia thì cần được bước ai”.

Tướng Lee quyết định tấn công đội quân Potomac từ trong rừng rậm Wilderness. Ở nơi đây việc di chuyển và tổ chức sẽ khó khăn và hiệu quả của số lính áp đảo của Liên bang cũng như hiệu quả của quân đoàn pháo binh sẽ ở mức thấp nhất. Ông ta cử một quân đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Ewell và A. P. Hill hành quân về phía tây. Tướng Ewell dọc theo sông Orange; tướng Hill dọc theo con đường Orange Plank gồ ghề song song với sông để tiếp cận đội hình của tướng Grant từ bên phải. Tướng Longstreet với quân đoàn quân dự bị theo sau. Cuộc chiến diễn ra vào buổi sáng ngày 05 tháng 05 và súng nổ không ngừng suốt ngày hôm ấy. Tướng Ewell đụng độ tới cánh quân của tướng Gouverneur K. Warren. Tướng Hill chạm mặt quân đội tướng Hancock. Hai trận chiến này diễn ra cách nhau chừng một dặm. Khi màn đêm buông xuống, cuộc chiến dừng ở mức hòa. Cả tướng Lee và tướng Grant đều lên kế hoạch tấn công vào sáng ngày hôm sau.

Lúc 05 giờ sáng, tướng Meade tấn công bằng ba quân đoàn của Warren, Sedgwick và Hancock. Tướng Ewell cố thủ nhưng chẳng bao lâu sau tướng Hill đã đánh bật đội quân này. Tướng Lee sau đó đích thân dẫn đầu đoàn quân náo loạn và mệt mỏi của mình. Đúng lúc đó, những người lính đầu tiên trong đoàn quân của tướng Longstreet xuất hiện. Thấy vậy tướng Lee ra lệnh tấn công băng ngang qua vị trí của tướng Hill nhằm đẩy lui quân đoàn tướng Hancock. Tướng Lee phóng ngựa lên phía trước cùng họ như thể đang dẫn đầu một cuộc tấn công.

Lúc đầu, cuộc phản công của Liên minh thành công. Dồn sức tấn công để chọc thủng tuyến phòng thủ của Hancock từ bên sườn, tướng Longstreet đẩy lùi cánh quân này tới đường Brock, nơi giao nhau quan trọng. Tới đây đoàn quân đang thối lui phải dừng lại bởi một quân dự bị do tướng Burnside cử tới. Toàn bộ trận đánh gọi người ta nhớ lại cuộc tấn công của Tackson cũng chính địa điểm này cách đây một năm. Sự giống nhau khiến người ta phải kinh ngạc. Đầu giờ chiều, tướng Longstreet di chuyển lên phía trước và cũng giống như Jackson, trúng đạn bị thương nặng bởi chính lính của ông ta. Chiều muộn, sức mạnh của cuộc tấn công đã cạn. Những nỗ lực hơn nữa của người kế nhiệm tướng Longstreet, tướng Richard Anderson, nhằm chiếm được con đường này đã bị đẩy lùi.

Không thể đề bẹp cánh quân bên trái của Liên bang, tướng Lee hướng sự chú ý của mình vào cánh quân phía sau phòng tuyến. Tại đây, ông nhận ra lời tướng chỉ huy lữ đoàn John B. Gordon trong buổi sáng đã báo cáo rằng sườn phải của Liên bang sơ hở và xin cho phép được tấn công. Nhưng rồi tướng Early và Ewell đã bác bỏ lời yêu cầu ấy. Một lần nữa tướng Lee lại cảm giác được nổi mất mát to lớn khi không còn có Jackson bên cạnh. Lúc này tướng Lee vẫn ra lệnh tấn công mặc cho ngày đã gần tàn. Tướng Gordon lập tức tấn công vào quân đoàn của tướng Sedgwick

và đẩy lui quân đoàn này khiến nó để lộ cánh quân bên sườn. Nhưng đêm xuống và sự kháng cự kiên cường của quân Liên bang đã khiến cuộc tấn công phải dừng lại. Quân Liên minh củng cố lại lực lượng và bắt đầu đào hào công sự.

Cuộc chiến tại Wilderness kết thúc. Không viên tướng chỉ huy nào có thể nhìn thấy viễn cảnh của một kết cục mang tính quyết định nơi đây. Cuộc chiến trong rừng rậm và các bụi cây quá dữ dội, náo loạn, khủng khiếp, như bị bao vây bởi những bóng ma của những người lính hy sinh trong trận chiến Chancellorsville. Nỗi kinh hoàng ngày càng tăng, lửa từ những quả đạn pháo cháy lan trong nhiều khu vực của chiến trường, muốn nuốt chửng những thi thể của những người ngã xuống. Những người lính bị thương sẵn sàng tự bắn vào đầu mình để tránh bị thiêu sống. Con số thương vong của Liên bang khoảng 18 ngàn người. Con số thương vong của Liên minh khoảng 10 ngàn 8 trăm người. Nhưng nếu so với lực lượng chung, số thương vong của Liên minh nặng hơn. Sau những cuộc đụng độ khủng khiếp như vậy, các tướng khác của Liên bang đã rút lui khỏi chiến trường. Liệu tướng Grant và tướng Meade có hành động tương tự hay không?

Câu trả lời không cần phải chờ lâu. Thay vì rút lui trong hiểu biết, tướng Grant giờ đây lại lên kế hoạch chuyển quân về phía trái với nỗ lực đánh bật sườn phải của quân Liên minh bằng cách di chuyển đội quân Potomac nằm dọc theo con đường Brock. Đêm ngày 07 tháng 05, hai cánh quân của Warren và Sedgwick rút lui khỏi vòng tuyến hình thành một đội hình hàng dọc và bắt đầu hành quân. Tướng Grant và tướng Meade cưỡi ngựa dẫn đầu. Đội quân này nhận được những lời chào mừng khi biết rằng họ sẽ tiến về hướng Richmond và sẽ không rút lui theo cách bình thường.

Nắm được mục đích của tướng Grant, tướng Lee đã lệnh cho quân trinh sát chuẩn bị một con đường ngắn băng qua khu rừng và lệnh cho tướng Anderson di chuyển quân đoàn của ông ta đến một nơi đóng trại buổi tối trong vòng vài giờ để nghỉ ngơi. Trước khi trời sáng lại hành quân để chiếm đường Brock tại làng Spotsylvania Courthouse. Quân đội kỵ binh của tướng Fitzhugh Lee đã được phái đi quấy rối và làm chậm cuộc hành quân của Liên bang.

Linh cảm của tướng Lee và sự thay đổi thất thường (sự không chắc chắn, cơ hội theo lý thuyết của triết gia quân sự Clauswitz một lần nữa lại thể hiện ở đây) đã khiến cho quân Liên minh phải trả giá quá đắt. Tướng Anderson phát hiện ra khu vực hạ trại ban đêm mà ông ta định nghỉ lại đã bốc cháy. Ông liền hành quân không ngưng nghỉ tới chiến trường ông ta được chỉ định. Cùng lúc, quân bộ binh của Liên bang cũng di chuyển và bị làm chậm lại trên con đường bóng tối phủ dày suốt hai giờ đồng hồ. Họ phải đánh giáp lá cà với hai trung đoàn kỵ binh của tướng Sheridan. Sáng ngày hôm sau, những loạt súng hỏa mai dữ dội chào đón sự có mặt của quân đoàn tướng Warren tại Spotsylvania và thông báo rằng Liên minh đã thắng cuộc chạy đua trong đường tơ kẻ tóc.

Cuộc chiến tiếp tục suốt buổi chiều ngày 8 tháng 5 khi các quân đoàn còn lại của hai phe đến được chiến địa. Các sĩ quan chỉ huy phe Liên bang triển khai đội hình



trong nỗ lực bao vây của cánh quân bên phải phe Liên minh vào ngày hôm sau cả hai phòng tuyến đã được đào hào, theo miêu tả, là hình thành một hình chữ V nằm dọc theo con đường Brock và bao vây Spotsylvania ở góc của các phòng tuyến này. Quân Liên minh triển khai theo hình chữ V ngược. Quân Liên bang cố thủ tại khu vực vòng ngoài của chữ V ấy. Binh lính gọi đội hình của tướng Lee là “móng lừa”. Ngày hôm sau rải rác nhiều trận giao tranh nhỏ. Các tay súng thiện xạ đã khiến con số thương vong của Liên bang tăng rất nhanh. Tướng Horatio G. Wright, người kế nhiệm ông Sedgwick nỗ lực lên tinh thần cho binh lính đang di chuyển khéo léo giữa các đường đạn tuyên bố rằng: quân Liên minh “không thể hạ được con voi khổng lồ nếu đứng quá xa”. lát sau, ông ta ngã gục với một viên đạn chí tử xuyên qua đầu.

Không thể đánh bật tướng Lee ra khỏi vị trí của mình, tướng Grant và tướng Meade liên tục tấn công. Vào ngày 10, sử dụng đội hình chiến lược với số đông quân tiến lên theo từng hàng ngắn, di chuyển nhanh gấp đôi với súng hỏa mai yểm trợ, đại tá Emory Upton dẫn lữ đoàn của ông ta tấn công bẻ gãy cánh phía tây của chiếc móng lừa ngay gần đỉnh của nó. Nhưng cuộc tấn công không được hỗ trợ kịp thời. Đại tá Upton buộc phải rút lui sau khi giao tranh đẫm máu trong các hào quân sự.

Hai ngày sau, tướng Grant và tướng Meade bắt đầu tiến công với lực lượng quân phối hợp hùng hậu, sử dụng các chiến lược tương tự như của đại tá Upton. Quân tướng Hancock tiến sâu vào chiếc móng lừa từ phía đỉnh. Quân tướng Ewell cố thủ nơi đây. Trong lúc đó quân đoàn Liên bang thuộc quyền chỉ huy của tướng Horatio G. Wright, người kế nhiệm tướng Sedgwick tấn công mãnh liệt vào một địa điểm luôn có đạn bắn chéo cánh xẻ gây không ít thương vong bên mặt tây của chữ V. Và trung đoàn của tướng Burnside tấn công gây áp lực bên sườn đông. Tuyến phòng thủ của Liên minh tan vỡ. Toàn bộ đội quân đối mặt với thảm họa. Nhưng trong một cuộc phản công tuyệt vọng dẫn đầu là tướng Gordon và tướng Lee vẫn tiếp tục diễn ra cho tới khi ông ta buộc phải nghe theo những lời khẩn nài của binh lính rằng hãy rút lui. Cuộc phản công này đã chặn đứng quân của Liên bang đang tiến sâu vào cánh quân của Liên minh. Nó chuẩn bị và chiếm giữ một con đường mới băng ngang qua công sự. Trong suốt một tuần kế tiếp, hai đội quân này chiến đấu bèn bĩ khi quân Liên bang tìm kiếm điểm yếu tại vị trí cố thủ của Liên minh.

Ngày 11 tháng 5, tướng Grant viết thư cho tướng Halleck đề nghị “đánh bật chúng ra khỏi phòng tuyến dù cho có phải chiến đấu suốt mùa hè”. Ngày 20 đội quân Potomac bắt đầu hành quân để tiến đánh quân Liên minh đang cố thủ từ phía bên phải. Tấn công vào cánh quân đóng ở bờ đông con sông Mattaponi, đội quân của Liên bang tiến về phía nam của giao lộ Hanover, một điểm đường sắt giao nhau quan trọng cách Richmond 20 dặm về phía trên. Đoán trước được mục đích của tướng Grant, tướng Lee rút lui. Vào ngày 22, đội quân bắc Virginia một lần nữa triển khai theo đội hình chữ V ngược trên địa hình hiểm trở của con sông North Anna, chờ đợi sự xuất hiện của quân Liên bang. Vài ngày sau khi thăm dò và được biết vị trí của tướng Lee quá vững chắc không thể tấn công, thế nên trong đêm 26 tháng 5, ông ta tiếp tục di chuyển ngang qua cánh quân bên phải của Liên minh.

Khi đoàn quân Potomac hành quân về phía tây trên con đường nằm ở phía bắc hai con sông Anna và Pamunkey, tướng Lee tiếp tục hành quân di chuyển theo đường cánh cung, vòng qua nơi trú quân của Liên bang. Khi quân Liên bang băng qua Pamunkey tại thị trấn Hanover, họ thấy quân đội của tướng Lee đang đào hào ăn sâu lên phía nam của dòng Totopotomoy. Tướng Grant lại tìm cách bao vây vị trí cố thủ của quân Liên minh bằng cách di chuyển sát vào bên sườn phải cánh quân này. Nhưng ngày 31, khi ông ta đến được làng Cold Harbor gần chiến trường Gaines' Mill, một lần nữa ông ta lại thấy quân Liên minh đến trước mình một bước. Được bảo vệ bởi hệ thống công sự phòng tuyến của họ trải dài từ bờ trái sông Totopotomoy tới bờ phải sông Chickahominy. Chỉ 9 dặm phía sau họ đã là Richmond rồi. Một nửa cánh quân của tướng Grant khoảng 100 ngàn quân đang tập trung tại trung tâm tuyến phòng thủ Liên minh đang bị dàn mỏng. Tình thế khá thuận lợi. Một cuộc tấn công giải quyết nhanh gọn tuyến phòng thủ này, phá vỡ nó, đánh tan tác quân đoàn Bắc Virginia, bao vây tổng hành dinh của quân nổi loạn và kết thúc cuộc chiến.

Tướng Grant hi vọng quân của tướng Lee yếu đi với các chiến dịch của tướng Sigel tại thung lũng và tướng Butler tại sông James. Đồng thời trong chiến dịch Spotsylvania, tướng Grant đã phái tướng Sheridan với 10 ngàn kỵ binh tấn công sâu vào các con đường tiếp tế của tướng Lee và đe dọa Richmond từ phía bắc. Trong lúc tướng Butler đang tung hoành tại phía nam của thành phố này. Mọi nỗ lực đã thất bại trong việc đạt được mục tiêu chính của mình mặc dù cuộc càn quét của tướng Sheridan đã buộc tướng Lee phải cử Stuart mang theo 4500 quân lính đi hỗ trợ ông ta. Trong một cuộc giao tranh bão táp ngày 11 tháng 5 tại Yellow Tavern, cách thủ phủ Liên minh 5 dặm về phía bắc, tướng Stuart đã đánh tan đoàn kỵ binh lẫn lộn của Liên bang. Nhưng để có được chiến thắng đó ông ta phải đổi bằng mạng của chính mình. Trong những lời ca ngợi sự hi sinh của Stuart, tướng Lee viết: "một người lính tận tụy sôi nổi và hăng hái hơn Stuart, Liên minh không thể có". Sĩ quan kỵ binh thắng trận này đã chuộc lại mọi lỗi lầm ông ta mắc phải trong chiến dịch Gettysburg.

Trong lúc ấy lực lượng của tướng Sigel với khoảng 10 ngàn người tấn công mạnh vào thung lũng Shenandoah từ hướng tây Virginia. Lơ là không lệnh cho các đội quân đang triển khai theo hàng dọc hỗ trợ lẫn nhau, tướng Sigel đã bị tấn công và đánh bại và ngày 15 tháng 5 tại New Market bởi viên thiếu tướng Liên minh John C. Breckinridge với khoảng 5 ngàn quân trong đó có cả một quân đoàn các học viên trường sĩ quan từ học viện quân sự Virginia ở Lexington tới tham chiến. Ông Breckinridge sau đó vội vã đưa 2500 lính tới kết hợp với quân của tướng Lee tại phòng tuyến Cold Harbor.

Tướng Butler không thành công tại khu vực Richmond nhiều hơn tướng Sigel tại thung lũng Shenandoah. Di chuyển quân đội với 36 ngàn người ngập ngừng tiến về phía nam của con sông James, tướng Butler đã để cho đối thủ của mình, tướng Beauregard, người được lệnh cố thủ Charleston, có đủ thời gian đem quân cứu viện từ Bắc Carolina đến vị trí của quân Liên minh tại Bluff thuộc Drewry. Ngày 16 tháng 05 tướng Beauregard với 16 ngàn quân tấn công quân Liên bang và đánh bật họ trở

về khu vực Bermuda Hundred. Địa điểm này nằm trong góc được hình thành bởi hai dòng chảy sông James và sông Appomattox. Nhanh chóng đào một đường hào công sự ngang qua vị trí thắt cổ chai ở đây, Tướng Beauregard nhốt quân đội của tướng Butler vào địa điểm này. Với thành Richmond tạm thời an toàn, Tổng thống Davis giờ đây đã phái quân cứu viện từ quân đoàn tướng Beauregard tới cho tướng Lee.

Như vậy đầu tháng 06, tướng Lee tại Cold Harbor với quân đội đã mạnh hơn là tướng Grant suy đoán: tăng thêm 10 ngàn người. Nếu không có đợt quân chi viện này, phòng tuyến Liên minh sẽ rất yếu ớt. Hoàn toàn ý thức về thất bại của chiến thuật nghi binh mình, tướng Grant vẫn muốn tấn công trực diện một lần nữa. Quân đội của ông tuân lệnh can đảm tuyệt vời dù cũng giống như một vài lính Liên minh tại Gettysburg, họ cảm nhận sự vô ích của cuộc tấn công này. Cuộc tấn công bắt đầu vào bình minh ngày 03 tháng 06, nhưng nó nhanh chóng bị bẻ gãy dưới những loạt đạn súng hỏa mai và súng cối. 7 ngàn lính Liên bang chết và bị thương trên chiến trường. Quân Liên minh thiệt hại khoảng 1500 người. Tướng Grant sau này thừa nhận sai lầm trong phán đoán của mình.

Cold Harbor kết thúc sau một tháng giao tranh kéo dài. Đây là trận chiến dai dẳng nhất trong suốt hành trình nội chiến. Cả hai phe cảm nhận được cách thức chiến đấu mới. Không bao giờ còn có thể tấn công được nữa, tướng Lee đã viện tới chiến thuật bảo toàn lực lượng. Bằng cách chỉ chiến đấu để phòng thủ và được sự bảo vệ của công sự và các đường hào ngang dọc, quân đội tướng Lee tìm cách gây thiệt hại khiến cho ý chí tiếp tục cuộc chiến của miền Bắc yếu đi. Tướng Grant đáp trả bằng các cuộc tiến công liên tục. Ông tuyên bố mình sẽ thắng bằng cách tiêu hao sinh lực, nếu cần sẽ sử dụng tới chiến thuật ngoan cố và lì lợm. Sau này Tổng thống Lincoln nói đây là điểm cốt yếu trong tài lãnh đạo tướng Grant. Toàn bộ chiến dịch biến thành một loạt các cuộc giao tranh diễn ra không ngừng.

Tướng Lee phản ứng với các động thái của tướng Grant bằng kỹ năng chiến đấu và tài phán đoán sáng suốt. Tướng Grant đã phải chịu thêm con số thương vong đáng sợ: xấp xỉ 55 ngàn người của đội quân Potomac. Nhưng mất mát của đội quân Virginia, khoảng 32 ngàn người, nếu so với quân số tương quan là nặng hơn. Chỉ tính riêng các nguồn lực quân sự, chiến thuật tiêu hao sinh lực đã là đòn “gậy ông đập lưng ông” đối với tướng Lee. Ông chợt hiểu mình đang vận dụng một phương thức chiến đấu không thể nào thắng nổi nếu như binh lính và nhân dân miền Bắc cứ tiếp tục kéo dài cuộc chiến.

Nhưng tướng Grant cũng chẳng thể căng đáng thêm nhiều trận Cold Harbor nữa. Trong một số doanh trại của ông người ta đã bắt đầu gọi ông là “gã bán thịt”. Để tránh một cuộc chiến tranh trực diện, giờ đây ông lên kế hoạch một cuộc tiến quân sáng suốt và tạm thời, lén đến trước tướng Lee. Cử tướng Sheridan tấn công dọc theo con đường trung tâm Virginia và đánh chiếm vị trí đoàn kỵ binh của tướng Lee. Tướng Grant, trong khoảng thời gian từ ngày 13 đến ngày 17 tháng 06, đưa đoàn quân Potomac ra khỏi tuyến phòng thủ và hành quân theo đường vòng cung phía đông và nam băng qua nhánh sông Chickahominy, sau đó băng qua con sông James

rộng sâu hơn trên một chiếc cầu được lính công binh của Liên bang tự chế. Mục tiêu của tướng Grant là thị trấn Petersburg một trung tâm đường sắt ở vị trí cực kỳ quan trọng trong tuyến đường tiếp viện của tướng Lee cách Richmond 23 dặm về phía nam. Tướng Grant dự định sẽ tấn công. Người thực hiện cuộc tấn công này sẽ là thiếu tướng William F. "Baldy" Smith từ quân đoàn của tướng Butler (quân đoàn sông James) được tiếp viện bởi những đơn vị của quân đoàn Potomac.

Nhưng cuộc tấn công của Liên bang không hiệu quả. Tuy nhiên cuộc hành quân trước đó rất tài tình. Một lần nữa tướng Butler lại không chịu tấn công vào lực lượng đang dần mỏng của Liên minh ở Bermuda Hundred. Tướng Grant triệu tập tướng Meade và chỉ thị cho ông ta đánh Petersburg. Tướng Meade không thể tiến hành một cuộc tiến công phối hợp. Ngày 15, khi cuộc tiến công bắt đầu, tướng Smith di chuyển chận chạp dọc theo đường hào công sự của Liên minh. Các cuộc tấn công vào ngày 16, 17 diễn ra khi quân chủ lực Potomac kết hợp với các đội quân khác nơi chiến trường đẩy lùi quân Liên minh đến tận hào công sự cuối cùng, nhưng lại không thể tiến thẳng tới Petersburg. Mãi cho tới đêm 17, tướng Grant mới tới và kế hoạch tấn công với lực lượng đầy đủ đã được chuẩn bị sẵn sàng cho ngày hôm sau.

Trong suốt giai đoạn này, tướng Beauregard phòng thủ với những trận đánh dai dẳng và kiên cường. Chỉ để lại 1 ngàn quân đối mặt với tướng Butler tại Bermuda Hundred, ông tập trung lực lượng còn lại gồm 14 ngàn người ngay trước Petersburg đẩy lui mọi nỗ lực đầu tiên của Liên bang nhằm chiếm được thành phố này. Trong lúc đó, ông liên tục đánh điện cho tướng Lee về mối nguy hiểm tại Petersburg và thúc giục ông này phái quân cứu viện tới.

Tướng Lee trong tình thế cực kỳ khó xử. Một lần nữa ông ta đoán được mục đích của tướng Grant. Ông nói như một nhà tiên tri "chúng ta phải hủy diệt quân đội của tướng Grant trước khi ông ta đến được sông James. Nếu ông ta đến được đó, cánh quân này sẽ trở thành vòng vây siết chặt và như vậy mọi chuyện sẽ là vấn đề thời gian thôi". Trong một nỗ lực làm suy giảm lực lượng của Liên bang nơi chiến trường, tướng Lee nỗ lực nghi binh giống như chiến dịch nổi tiếng của Jackson xưa kia vào mùa hè năm 1862. Ngày 13 tháng 06, chính ngày đội quân Potomac bắt đầu hành quân tới sông James, tướng Lee ra lệnh cho tướng Jubal Early đem 13 ngàn quân di chuyển đến thung lũng Shenandoah, chiếm nơi đây và đe dọa Washington từ chính doanh trại này.

Bởi tướng Lee lo sợ áp lực của Liên bang lên Petersburg chỉ là nghi binh để hỗ trợ cho cuộc tấn công trực diện từ phía Bắc của sông James hòng chiếm Richmond, ông đã phản ứng chậm trễ với những thông điệp của Beauregard và chậm trễ trong việc huy động quân. Tướng Lee cũng đã gửi một vài cánh quân đến chi viện cho Beauregard. Những bức điện tín của tướng Beauregard lúc đầu mơ hồ về sự hiện diện của các cánh quân Liên bang ngay trước mặt ông ta. Nhưng bức điện vào tối ngày 17 tháng 06 chỉ rõ quân đoàn của tướng Hancock đang tấn công trực diện ông ta. Trước khi Liên bang tấn công vào sáng ngày hôm sau, trung đoàn của tướng Anderson từ quân đoàn của tướng Lee đã có mặt để giúp đẩy lùi cuộc tấn công của

Liên bang. Tới lúc này cuộc tấn công thứ hai của Liên bang đã bắt đầu vào buổi chiều. Quân đoàn của tướng Hill cùng với cánh quân của tướng Lee đã có mặt. Mọi nỗ lực của Liên bang đều thất bại. Cuộc tiến quân theo đường vòng lớn của tướng Grant băng ngang qua sông James đã kết thúc trong thế bí.

Tướng Lee không đoán ra rằng quân đoàn Potomac băng ngang qua sông James phía dưới Richmond đã lấy đi của ông ta cơ hội vàng mà ông ta đã hy vọng từ khi có trận chiến Wilderness. Mặc dù tướng Early đã thực hiện được sứ mệnh của mình một cách hăng hái bằng cách băng ngang qua sông Potomac và hành quân về phía ngoại ô Washington trước khi bị quân miền Bắc phát giác, động thái này cũng không thể làm chệch hướng tiến quân của lực lượng hùng hậu từ quân đoàn tướng Grant. Thay vào đó, giờ đây tướng Grant đang vây chặt quân đội Bắc Virginia. Một cách thức đúng là “vấn đề hoàn toàn tùy thuộc vào thời gian”.

Vòng vây lớn tại Richmond và Petersburg vẫn còn mãi cho tới khi kết thúc cuộc chiến. Cả hai phe xây dựng những tuyến công sự phức tạp cuối cùng kéo dài liên tục khoảng 30 dặm. Phần tuyến quan trọng của tướng Lee đưa hàng tiếp viện đến chút là con đường sắt Weldon Railroad và đường sắt Southside Railroad. Đường sắt Weldon Railroad nối liền với một cảng của Liên minh còn tồn tại, cảng Wilmington tại Bắc Carolina và cho phép quân Liên minh tiếp cận được bờ biển Đại Tây Dương. Đường sắt Southside Railroad nối liền (cách Petersburg 50 dặm về phía tây) với Richmond và đường sắt Danville Railroad, Virginia với đường sắt Tennessee. Tuyến đường sắt Richmond - Danville chạy ngang qua trung tâm Virginia và kết hợp với tuyến đường sắt chạy về trung tâm Bắc Carolina và Nam Carolina. Tuyến đường sắt Virginia và đường sắt Tennessee chạy ngang qua khu vực phía Tây Virginia, nối tuyến đường Virginia với một vùng đất ở phía tây trung thành với Liên minh.

Con đường tiếp viện quan trọng của tướng Lee là đường thủy, đó là sông Potomac và vịnh Chesapeake tới căn cứ của ông ta tại City Point trên sông James ở phía dưới. Từ đây con đường tiếp viện của ông ta tiếp tục với đường sắt City Point. Ông cũng nhận được hàng tiếp viện từ Chesapeake bằng đường sắt Norfolk. Ngay sau khi thiết lập vị trí phòng tỏa. Ông ta cùng lính công binh xây dựng một tuyến đường sắt địa phương, đường sắt Military, song song với những tuyến hào công sự của ông ta và như vậy giảm thiểu những khó khăn về hậu cần cho quân đội. Toàn bộ những con đường tiếp viện nằm ngoài tầm kiểm soát và đánh phá của quân Liên minh.

Với tuyến phòng thủ của tướng Lee trải mỏng như một miếng mồi ngon. Tướng Grant đôi khi nỗ lực chọc thủng phòng tuyến này với những đợt tấn công trực diện. Một trong những trận ngoạn mục nhất xuất hiện vào ngày 30 tháng 07 tại Petersburg. Một vụ nổ mìn với bốn tấn thuốc nổ đã được chôn ngay vị trí cổ thủ cạnh đường hầm dài hàng trăm bộ. Nhưng cuộc tiến công của Liên bang sau vụ nổ này lại không được chỉ đạo hiệu quả và phối hợp kém. Một biện pháp đối phó của Liên minh theo lệnh của tướng Lee và được thực hiện bởi tướng chỉ huy lữ đoàn William Manhone trám lỗ thủng của phòng tuyến và gây ra thương vong nặng nề cho

quân đội của Liên bang. Rất nhiều người trong số họ là người da đen bị bắt quanh miệng hố bom lớn. Tướng Liên bang bất hạnh Burnside với cả quân đoàn của ông ta đã phải trả giá cho thất bại này với một lệnh cách chức chỉ huy. Vài tháng sau ông ta rời quân ngũ.

Cuối tháng 09, tướng Grant tập trung hai quân đoàn về phía bắc của sông James để tấn công trực diện vào Richmond và chiếm được pháo đài Harrison, một pháo đài ở vị trí quan trọng trong tuyến phòng thủ của Liên minh. Nhưng những cuộc tấn công quyết định của ông lại bị đẩy lùi. Quân Liên bang bị đánh bại và không thể tiến gần mục tiêu Richmond được.

Chiến dịch hiệu quả nhất về mặt chiến thuật của tướng Grant tại chiến trường vây hãm này bao gồm phòng tuyến trải dài của ông ta về phía nam và phía tây để có thể tấn công hay chia cắt con đường tiếp viện của tướng Lee và những đợt tấn công hai bên sườn quân đội tướng Lee. Trong lần chuyển quân để đối phó với những cuộc tấn công trực diện của tướng Grant, tướng Lee buộc phải để cánh quân hai bên sườn sơ hở cho phép tướng Grant cử nhiều quân đoàn tới bao vây vị trí này. Ngày 18 tháng 08 quân đoàn tướng Warren bao vây tại tuyến phòng thủ Weldon ở Globe Tavern chống lại những cuộc phản công của Liên minh. Nhưng nỗ lực của Liên bang nhằm bao vây ga đường sắt Southside Railroad đã bị đánh bại hầu như ở phút chót. Và tướng Lee đã có thể tái liên lạc với Weldon bằng con đường tự chế đi vòng dành cho các toa xe goòng.

Trong lúc ấy, tướng Grant tiến thân một bước quan trọng nữa làm suy yếu quân đội tướng Lee. Những quyết định bao vây và kiểm soát thung lũng Shenandoah ngăn chặn tác dụng của nó đối với Liên minh. Trong suốt chiều dài cuộc chiến, nó là nguồn cung cấp lương thực chính cho các lực lượng miền Nam tại Virginia và là đường nối cho những cuộc hành quân xâm chiếm Maryland và Pennsylvania cũng như đe dọa Washington. Mùa hè năm 1864, nơi đây là nơi giao chiến chính sau nhiều chiến dịch. Rất nhiều các chiến dịch của dân quân Liên minh đã thành công. Một trong những chiến dịch đó dưới quyền chỉ huy của đại tá John S. Mosby và đội quân du kích của ông ta. Tháng 08, tướng Grant cử tướng Sheridan chỉ huy cánh quân tấn công vào thung lũng, kết hợp với lực lượng quân Liên bang rải rác ở đó và đánh bại quân phòng thủ Liên minh. Sĩ quan kỵ binh đáng gờm này đã được chỉ thị phải truy sát quân Liên minh đến cùng và băng ngang qua dãy đồi Blue phá hủy tuyến đường sắt Orange và Alexandria Railroad tại Charleston. Ông ta cũng nhận được lệnh phải làm cho toàn bộ thung lũng này trở nên cằn cỗi đến mức “quạ bay ngang qua đây cũng phải mang theo thức ăn mới có thể sống sót mà bay tiếp”.

Tướng Sheridan là người thích hợp cho công việc này. Triệu tập một lực lượng khoảng 41 ngàn quân, ông di chuyển về hướng quân đội của tướng Early với số quân ít hơn một nửa. Trong hơn một tháng, hai đội quân này đã chiến đấu giằng co. Ngày 19 tháng 09, tướng Sheridan đã đánh bại quân của tướng Early tại bang Winchester, một trận đánh nhanh thắng nhanh. Và tiếp tục đánh thẳng vào đồi Fisher bốn ngày sau.

Trong lúc tướng Sheridan đang triển khai việc san bằng thung lũng Shenandoah bằng cách đốt hàng ngàn kho thóc, phá hoại một số lượng lớn lương thực, giết hoặc xua đuổi hầu hết đám gia súc trong vùng thì đối thủ của ông ta, tướng Early, nhận được một lữ đoàn tiếp viện từ tướng Lee. Ngày 19 tháng 10, tướng Early tấn công quân đội Liên bang bất ngờ tại sông Cedar Creek ngay phía trên Strasburg. Tuy lúc đầu bị đánh tan tác nhưng quân Liên bang đã được củng cố nhanh chóng bởi tướng Sheridan (ông này vắng mặt vì tới Washington khi trận tấn công xảy ra) đã kịp thời trở về chiến trường đúng lúc để củng cố quân đội, phản công và chặn đứng bước tiến của quân Liên minh. Một trận phản công nhanh chóng của Liên bang đã đảo ngược thế cờ. Với ông Sheridan, dòng sông Cedar quá hẹp, dễ dàng vượt qua. Nhưng đối với tướng Early, đó lại là then cửa cuối cùng. Tướng Lee giờ đây buộc phải tước quyền chỉ huy của tướng Early để củng cố tuyến phòng thủ tại Petersburg. Vào mùa xuân năm sau, cuộc càn quét của tướng Sheridan trong nhiều chiến dịch đã kết thúc mọi nỗ lực kháng cự có tổ chức của quân Liên minh tại vùng thung lũng nổi tiếng này.

Cuối mùa hè, Liên bang chiến thắng thêm nhiều trận vang dội. Một trong những trận kịch tính nhất xuất hiện vào đầu tháng 08 khi tướng Farragut cho hạm đội Gulf của ông nhổ neo tiến thẳng tới vịnh Mobile và tấn công tuyến phòng thủ của Liên minh tại đây. Chủ yếu quân Liên minh phòng thủ tại pháo đài Morgan ngay cửa vào vịnh và là một vị trí vững chắc. Con tàu cố thủ ở đây là tàu Tennessee, một tàu bọc thép có mũi nhọn đã cũ kỹ. Với tính cách ngoan cường, viên tư lệnh này ra lệnh tàu của hạm đội mình tiến lên đánh tan những con tàu đang cố thủ. Ông đã chiếm cứ được vùng vịnh mặc dù thành phố vẫn còn dưới quyền kiểm soát của Liên minh cho tới tận mùa xuân năm sau.

Khi các đội quân tại Virginia chiến đấu ngoan cường và hải quân Liên bang phong tỏa và bao vây vịnh Mobile, các lực lượng quân đội tại vịnh Mobile đã chiến đấu trên chiến trường ác liệt. Ngày 05 tháng 05, lực lượng quân của tướng Sherman, kết hợp với quân đoàn Cumberland dưới sự chỉ huy của tướng Thomas, quân đoàn Tennessee dưới sự chỉ huy của tướng McPherson, và quân đoàn Ohio dưới sự chỉ huy của một người chẳng bao lâu sau sẽ thành thiếu tướng, ông John M. Schofield. Tổng cộng 108 ngàn quân hành quân về phía nam ra khỏi Chattanooga để phối hợp với quân của tướng Grant cùng băng qua dòng sông Rapidan.

Cuộc tiến quân của tướng Sherman không hề làm các nhà chức trách Liên minh ngạc nhiên. Nhiều tháng trước đó, ngay sau khi Chattanooga thất thủ, tướng Lee đã cảnh báo Tổng thống Davis về mối đe dọa đối với Georgia và với những nhà máy công xưởng ở nơi đây. Ông nói rằng số phận của Liên minh đã được định đoạt. Ông thúc giục quân cứu viện phải được cử tới đây từ rất nhiều đơn vị đồn trú đang nằm rải rác dọc theo bờ duyên hải của vịnh và của biển Đại Tây Dương. Ông nói như nhà tiên tri: "Tuyến phòng thủ của quốc gia bị đe dọa bởi cuộc tiến công của kẻ thù từ Chattanooga, những vị trí chúng ta dọc bờ Đại Tây Dương sẽ quyết định phận số chúng ta".

Lực lượng của Liên minh dưới sự chỉ huy của tướng Johnston, giờ đây được tiếp viện với 60 ngàn quân chống trả lại đội quân Georgia, quân đoàn Tennessee. Hai trong số ba quân đoàn của nó được chỉ huy bởi những tướng lĩnh kỳ cựu là Hardee và Polk. Quân đoàn thứ ba dưới sự chỉ huy của tướng Hood rất tài năng, đã từng tham chiến tại Virginia và Chikamauga. Quân đoàn này được lệnh đào công sự dọc theo dãy đồi gần thị trấn Dalton nằm kế giao lộ đường sắt phía tây và Đại Tây Dương cách Chattanooga 25 dặm về phía đông nam, cách Atlanta 75 dặm về phía bắc. Ông Johnston hi vọng sẽ nhử được tướng Sherman vào đây với một cuộc tấn công ít tốn kém thẳng vào vị trí này.

Tướng Sherman khôn ngoan bác bỏ động thái như vậy. Thay vào đó ông buộc tướng Johnston phải ra khỏi vị trí cố thủ của mình bằng một cuộc tấn công bao vây vòng sang cánh quân bên trái và đe dọa tuyến đường sắt phía sau ông ta. Những chiến dịch ở đây liên tục được tiến hành, nhất là tại Resaca cách Dalton 15 dặm về phía dưới. Sau đó, quân đội Liên minh rút lui vào ngày 15 tháng 5 trở về Cassville cách Resaca 25 dặm về phía nam. Tại đây tướng Johnston dựng một cái bẫy để tấn công quân đội của tướng Schofield. Đội quân này tạm thời bị tách ra khỏi đội quân chủ lực của Liên bang. Nhưng tướng Hood, chỉ huy cánh quân theo dự đoán sẽ nhảy vào bẫy, đã không làm như vậy bởi vì có thông tin sai rằng ông ta đang bị đe dọa từ phía sau bởi một cánh quân của đối phương. Tướng Johnston sau đó rút lui đội quân của mình về một vị trí cố thủ chắc chắn hơn tại Allatoona Pass. Tại đây có dòng sông Etowah và con đường sắt chạy ngang qua dãy núi lờm chờm. Tướng Sherman đối phó với một cuộc tấn công bao vây khác bằng cách băng ngang qua con sông về phía tây của vị trí Liên minh và hành quân về hướng nam tiến tới thị trấn Dallas.

Vẫn còn hi vọng đánh lừa quân Liên bang vào bẫy, tướng Johnston rút lui từ Allatoona Pass và chiếm cứ một vị trí tại khu vực ngoại vi thị trấn Dallas và nhà thờ New Hope. Ngày 25 tháng 5, không biết rằng đội quân chủ lực của quân Liên minh có mặt ở đây, quân đoàn của tướng Hooker thuộc cánh quân Cumberland tấn công và đã bị đẩy lùi. Nhưng tướng Sherman tránh được một trận chiến tổng lực. Sau ba ngày giao tranh nhỏ và dàn trải, ông này khéo léo đưa quân đội bao vây sườn phải của tướng Johnston chia cách cánh quân của tướng Johnston khỏi đường sắt phía sau. Như vậy có thể thấy rõ quân của Liên minh đang di chuyển về hướng Dallas và nhà thờ New Hope.

Thận trọng với mỗi đe dọa con đường tiếp thêm nguồn sống cho mình, tướng Johnston đón đầu các cuộc di chuyển của tướng Sherman. Ngày 6 tháng 6 hai đội quân này lần nữa tạo thành thế gọng kìm bao vây ga đường sắt. Cùng với sườn phải quân Liên minh dừng lại tại núi Kennesaw kiểm soát đường sắt ngay phía trên của Marietta cách Atlanta chỉ 20 dặm. Phần còn lại của tuyến phòng thủ đi vòng chờ che cho ga đường sắt chống lại những cuộc tiến quân sau của Liên bang từ phía tây. Tướng Johnston giữ vị trí cố thủ có tầm quan trọng về chiến lược chiến thuật cũng như có sức mạnh phòng thủ hiệu quả.



Trong hai tuần, tướng Sherman thăm dò và tìm kiếm điểm yếu trong tuyến phòng thủ của Liên minh. Sau đó ngày 27 tháng 6, tin rằng vị trí ở núi Kennesaw quá dàn trải và yếu ớt, ông đã tấn công trực diện. Đó chính là điều tướng Johnston đã đợi từ lâu. Kết quả cũng được tiên đoán từ trước. Cuộc tấn công bị đẩy lùi với con số thương vong của Liên bang là 3 ngàn. Số thương vong của Liên minh chỉ 800. Tướng Sherman sẽ không bao giờ lập lại sai lầm này nữa.

Thay vào đó, ông tiếp tục vận dụng chiến thuật đổi hướng bằng cách phái đội quân của McPherson bao vây sườn trái của quân Johnston đe dọa tuyến đường sắt phía sau. Johnston lại rút lui. Ngày 4 tháng 7, ông xây dựng một phòng tuyến công sự chạy lên phía bắc của con sông Chattahoochee ngay tại vị trí đường sắt cắt ngang dòng sông. Tướng Sherman giờ đây chỉ cách Atlanta 10 dặm, ở ga xe lửa quan trọng nhất của khu vực lãnh địa Liên minh. Con sông này là trở ngại thiên nhiên cuối cùng khó vượt qua giữa ông và chiến lợi phẩm nằm trong tầm tay.

Sông Chattahoochee không thể ngăn chặn bước tiến của Liên bang được lâu. Tướng Sherman đã đưa một đội quân vòng sang bên sườn phải của quân Johnston. Ngày 8 đội quân này cùng tướng Thomas qua sông chỉ cách vài dặm ngay trên vị trí của Liên minh và tướng McPherson băng ngang qua dòng sông ở đoạn xa hơn tới Roswell. Tướng Johnston trong ngày hôm sau đã bỏ lại phòng tuyến Chattahoochee và chiếm giữ vị trí sau con sông Peachtree Creek ngay phía bắc của thành phố. Lập tức, tướng Sherman bắt đầu di chuyển quân bao vây sườn phải của Liên minh bằng cách cử tướng McPherson bao vây Decatur trên tuyến đường sắt chạy về phía tây tới vùng duyên hải Đại Tây Dương.

Từ vị trí này, chiến dịch được chỉ đạo với sự thận trọng và kỹ năng tuyệt vời của các tướng lãnh hai phe. Đó là chiến dịch lớn bao gồm hành quân, đào hào, xây dựng các chướng ngại vật (dựng các vật cản đường bằng các thân cây gỗ lớn có rất nhiều quanh vùng). Mặc dù có những trận giao tranh nhỏ diễn ra liên miên và thỉnh thoảng có những trận giao chiến lớn như trận núi Kennesaw chẳng hạn, thương vong của hai phe lên tới con số rất lớn có thể so sánh với thiệt hại tại Virginia. Nhưng tướng Johnston không thể cản bước tiến vững vàng của tướng Sherman. Quân Liên minh không còn chỗ để rút lui nếu muốn cứu lấy Atlanta. Nếu không có những cuộc tấn công táo bạo của Sherman (chuyện này hiếm khi ông ta làm) hoặc những cuộc phản công thẳng lợi của Johnston, thành phố này lâm vào cảnh bị đất.

Có sự xích mích giữa Tổng thống Jefferson Davis với tướng Johnston kể từ khi bắt đầu cuộc chiến. Không bao giờ tin ý chí chiến đấu của Johnston, Tổng thống Davis càng lúc càng không thể kiên nhẫn nổi với chính sách Fabian: giành được đất đai mà không qua chiến đấu. Tướng Sherman càng gần với Atlanta, Tổng thống Davis càng liên tục gây áp lực với Johnston. Viên tướng này có lẽ vì sợ nếu tiết lộ bí mật của ông sẽ khiến cho đối phương có thể biết, nên đã trả lời nước đôi. Ngày 17 tháng 7, Tổng thống Davis đã mắc sai lầm quan trọng khi tước quyền chỉ huy của tướng Johnston và thay thế ông ta bằng tướng Hood.

Tướng Hood là chiến binh lòng danh. Ông rất can đảm. Điều này được chứng thực bằng một cánh tay đã mất tại chiến trường Gettysburg và một cẳng chân để lại chiến trường Chikamauga. Ông ta biết cách tăng bầu nhiệt huyết của quân dưới quyền để chiến đấu can đảm. Lữ đoàn Texas của ông ta thuộc quân đoàn của tướng Lee thường xuyên ở vị trí xung kích tại các cuộc tấn công. Nhưng từ khi ông ta còn là một thiếu sinh quân tại West Point, tướng Hood nổi tiếng là hay hấp tấp. Mọi người trong đó có cả tướng Sherman biết được rằng nếu ông ta giơ súng lên tức là dấu hiệu bắt đầu một cuộc tấn công.

Điều đáng nói là tướng Lee không thích sự thay thế Johnston bằng tướng Hood. Để đáp hành động của Tổng thống Davis, tướng Lee đưa ra lời nhận xét vô tư và chính xác về tướng Hood. Ông nói vị tướng người Texas này là một chiến binh dũng cảm nhưng những phẩm chất khác của ông ta vẫn chưa rõ ràng. Ông còn cảnh báo: chúng ta sẽ mất Atlanta và cả quân đội nữa. Tướng Bruce Catton tin rằng việc thay thế Johnston bằng tướng Hood có lẽ là một sai lầm lớn nhất chính quyền mắc phải. Đây là lời nhận xét tổng quát. Những sai lầm khác có thể so sánh với lỗi này: việc chỉ định tướng Hooker làm chỉ huy quân đội Potomac của Tổng thống Lincoln, hoặc quyết định của Tổng thống Davis để tướng Bragg chỉ huy cánh quân ở Chattanooga. Việc thăng chức cho tướng Hood đã dẫn đội quân Tennessee tới một loạt những sai lầm lớn về chiến thuật.

Tướng Lee cũng nói với Tổng thống Davis rằng: ông vẫn hi vọng tướng Johnston có thể đánh một đòn quyết định cứu lấy Atlanta. Tướng Lee khuyên mọi đội quân kỵ binh hiện đang có của Liên minh cần phải chặn đứng con đường tiếp viện của Liên bang. Đây là một chiến thuật thông minh. Nó có thể giữ được một lực lượng tấn công hùng mạnh để chống đỡ cánh quân bên sườn của tướng Sherman và có thể đưa quân kỵ binh của Liên minh tới miền Tây và tận dụng hiệu quả về mặt chiến thuật sức mạnh của cánh quân này. Tướng Sherman rất coi trọng quân kỵ binh của Liên minh, sợ hãi một chiến thuật như vậy. Ông nói rằng kỵ binh miền Nam vượt trội kỵ binh miền Bắc cả về số lượng và chất lượng. Ông giải thích "(kỵ binh miền Nam) sẽ đi cả trăm dặm trong lúc kỵ binh của chúng ta chỉ có mười dặm mà thôi".

Nhưng lời đề nghị của tướng Lee không được ai chú ý. Tướng Hood giờ đây đang chỉ huy cánh quân tại Georgia. Ngày 20 tháng 7 theo sau một kế hoạch trong đó tướng Johnston nói rằng ông đã nghiên cứu kỹ là tận dụng một khoảng trống rộng ba dặm giữa lực lượng quân của Thomas và tướng Schofield. Tướng Hood tấn công tướng Thomas từ bên sườn trái trong trận chiến sông Peachtree nhưng vẫn bị đại bại. Lui về hệ thống hào đào quanh thành phố, tướng Hood cử quân đoàn tướng Hardee băng qua Atlanta tấn công sườn trái của quân cuội tướng McPherson. Vị trí này cách thành phố ba dặm về phía đông. Vào trưa ngày 22, tướng Hardee tấn công. Lúc này thiếu tướng Benjamin F. Cheatham cùng đoàn quân của ông (lúc trước đoàn quân này dưới quyền chỉ huy của tướng Hood) tấn công thẳng vào hệ thống hào công sự và tiến lên tuyến đường sắt tới Decatur. Trong những trận đánh ác liệt, trận đánh này được gọi là trận chiến Atlanta. Quân Liên minh bị đẩy lùi với số thương

vong 8 ngàn lính. Liên bang thiệt hại một nửa con số đó, bao gồm cả cái chết của vị chỉ huy trẻ tuổi xuất sắc, sĩ quan trường võ bị luôn đứng hàng đầu khóa học ở West Point, tướng James B. McPherson.

Tướng Sherman giờ đây đổi chiều cuộc tấn công bằng cách cử quân đoàn Tennessee dưới quyền chỉ huy của tướng Howard (thay thế cho tướng McPherson) triển khai thành 3/4 vòng tròn rộng lớn chiếm cứ phía bắc, tây và nam, hoàn toàn bao vây thành phố Atlanta. Hành động này đe dọa một trong những con đường huyết mạch quan trọng của quân tướng Hood, đó là đường sắt giao giữa Macon và Western. Tuyến đường sắt này từ Atlanta chạy về phía Nam và chia hai nhánh. Một nhánh chạy về phía Tây tới Montgomery, nhánh phía Đông tới Savannah. Trong nỗ lực chặn đứng động thái này, ngày 28 tháng 7, tướng Hood tấn công một vị trí của lực lượng triển khai của tướng Howard trong trận chiến nhà thờ Ezra Bắc Atlanta, nhưng một lần nữa lại bị đánh bại với số thương vong nặng nề.

Vẫn còn muốn chiếm tuyến đường sắt lúc này còn trong tay quân Liên minh, tướng Sherman liên tục nỗ lực chia nhỏ tuyến đường sắt này với quân kỵ binh của mình, nhưng chỉ để đánh bại bởi một hành động thông minh của đội quân kỵ binh dưới quyền tướng Joseph Wheeler. Cuối cùng sau một tháng tấn công và bao vây, quân bộ binh của tướng Howard di chuyển nhằm bao vây tuyến đường sắt này ở Jonesboro cách Atlanta hai mươi dặm về phía nam. Vào ngày cuối cùng của tháng, một nỗ lực để bảo vệ đường sắt này, tướng Hardee cùng với nửa số quân còn lại của quân đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Hood tấn công sư đoàn bên cánh phải của tướng Howard trong trận chiến Jonesboro nhưng bị đánh bại và đẩy lùi. Trong lúc đó tướng Thomas và tướng Schofield bao vây tuyến đường sắt nằm giữa Jonesboro và Atlanta.

Tướng Hood, với đội quân đã bị suy yếu nghiêm trọng bởi thương vong và con đường tiếp viện bị cắt đứt. Hành quân đêm hôm đó dọc theo đại lộ Macon. Đông Nam Atlanta. Đội quân này hành quân dưới ánh sáng của những nhà kho bị đốt cháy. Mặt đất rung chuyển bởi những tiếng nổ từ con tàu chở đạn dược. Ngày hôm sau, những đơn vị của tướng Sherman dẫn đầu đã di chuyển về phía thành phố. Ngày 02 tháng 09 ông đánh điện về cho tướng Halleck: "Atlanta nằm trong tay ta, ta đã chiến thắng vẻ vang trận này".

Việc chiếm Atlanta là một chiến thắng vĩ đại của Liên bang với đúng nghĩa của từ này. Nó đại diện cho một chiến thắng rõ ràng về mặt chiến lược khiến quân Liên bang có thể đánh bại hai đội quân lớn của Liên minh. Nó là chiến thắng chiến thuật và là một phần thắng lợi của kế hoạch khôn ngoan của tướng Grant giành cho một cuộc phản công phối hợp đồng thời chống lại miền Nam. Nó đặt vào tay Liên bang và lấy đi từ tay Liên minh một trong những trung tâm liên lạc chủ chốt và một trung tâm sản xuất hàng hóa quân trang quân dụng quan trọng nhất tại khu vực phía dưới của miền Nam. Việc chiếm thành phố này cũng làm tăng thêm nhuệ khí chiến đấu của quân Liên bang đúng lúc cuộc tấn công với số thương vong quá lớn của tướng Grant tại Virginia. Ngược lại, Atlanta thất thủ là một đòn mạnh mẽ giáng vào chính

quyền Liên minh khiến họ bàng hoàng. Tinh thần chiến đấu của miền Nam dường như tê liệt. Cuối cùng, việc chiếm Atlanta giúp đảm bảo nếu như không nói là quyết định, việc tái đắc cử của Tổng thống Lincoln trong cuộc chạy đua tranh ghế Tổng thống tại miền Bắc vào năm 1864.

May thay cho sự nghiệp của Liên bang, Tổng thống Lincoln chứng tỏ là người đứng mũi chịu sào xuất sắc. Luôn kiên định với mục tiêu chính của mình: bảo toàn Liên bang, trong lúc phải viện tới mọi kế sách như trì hoãn, nước đôi, lẩn tránh, và thỏa hiệp với nhiều mục tiêu khác, ông đã có thể cản trở (nếu không nói là kiểm soát) nhiều lực lượng đối nghịch đến từ đảng Dân chủ và từ những quan chức cấp cao trong chính đảng của ông.

Phần đông người theo đảng Dân chủ của miền Bắc, những người ủng hộ chiến tranh hỗ trợ cho chính quyền Lincoln và họ đã sát vai với những thành viên đảng Cộng hòa dưới cái tên đảng ủng hộ Liên bang đầu cuộc chiến, sự kết hợp giữa những cuộc rút lui trên chiến trường và với những biện pháp không được lòng dân chúng như bắt giữ quân nhân và giải phóng nô lệ đã gây nguy hiểm không ít cho vị trí kiểm soát của đảng Cộng hòa tại Hạ viện. Trong các kỳ bầu cử Hạ viện của năm 1862, đảng viên đảng Cộng hòa có thể giữ được số phiếu đa phần với chút chênh lệch, nhờ những chiến thắng tại các miền biên giới giữa các bang có chính phủ ưu tiên cho sở hữu nô lệ. Nơi đây cử tri lo sợ bởi bị đe dọa và phải chịu quyền kiểm soát những cuộc trưng cầu dân ý do lực lượng quân Liên bang tổ chức. Chiến sự ngày càng phát triển theo chiều hướng có lợi: thái độ của dân chúng thay đổi về vấn đề giải phóng nô lệ và việc người da đen tham gia quân đội như một quân nhân giúp đảm bảo cho thành công của đảng Cộng hòa vào thời điểm cuối cuộc chiến.

Nhưng rất nhiều người thuộc đảng Cộng hòa bực mình bởi họ cho là Tổng thống Lincoln không thích hợp vị trí của mình. Thậm chí những người ủng hộ ông cũng mang quan điểm này dù ít dù nhiều. Tháng 11 năm 1862, tờ Times của New York, một tờ báo nói chung thân thiện với chính quyền Lincoln, đã đăng nhiều bài xã luận nhắc tới sự ỳ và thiếu năng lực cộng với sự không dứt khoát của Tổng thống Lincoln và việc sẵn lòng chấp nhận những cái cớ cho thất bại. Được dẫn đầu bởi những kẻ cực đoan trong Hạ viện thông đồng với Bộ trưởng Bộ tài chính Chase, thành viên đảng Cộng hòa sau thảm họa Fredericksburg, bắt đầu thúc giục Tổng thống Lincoln phải cách chức Seward, người bạn tâm giao của ông, người đã ngưỡng mộ Tổng thống Lincoln và coi ông như một nhân vật mạnh mẽ nhất của chính phủ, người luôn bị những kẻ cực đoan nghi ngờ kể từ sau những thỏa hiệp trong trận pháo đài Sumter. Mục tiêu của họ là tổ chức lại nội các để ông Chase lên nắm quyền. Tổng thống Lincoln nhận ra toàn bộ trò đùa đó. Ông coi đó là cuộc công kích nhắm vào tài lãnh đạo của chính ông. Ông nói “họ mong sao hất được tôi ra ngoài. Và có đôi khi tôi cũng ngần ngại muốn làm hài lòng họ”.

Tuy nhiên ông đã không làm cho họ hài lòng. Thay vào đó, ngày 20 tháng 12 ông tự mình đối mặt với một trò chơi. Ông tổ chức một cuộc họp nội các với một ủy ban gồm toàn những nghị sĩ bất mãn, nhưng ông Seward (người đã từng đệ đơn từ chức)

vắng mặt. Lincoln đảm bảo sự hòa hợp của nhóm này với nội các. Và rằng ông Seward là nhân vật chủ chốt của nhóm. Sau đó Tổng thống Lincoln triệu tập nội các để xác định lại lời nhận xét này, ông Chase tuy tỏ ra khôn ngoan hơn, đã mắc bẫy khi làm theo đúng ý của Tổng thống Lincoln. Ngày kế tiếp ông ta đã phạm một sai lầm khi đệ trình lên Tổng thống Lincoln lá thư xin từ chức của chính ông ta. Tổng thống Lincoln bác bỏ việc từ chức này nhưng giữ lại lá thư kia. Ông hoan hỉ với kết quả của lần đối mặt ấy. Bất cứ nỗ lực gây căng thẳng nào nhằm hất cẳng Seward cũng bị hiểu với nỗi sợ hãi rằng ông Chase cũng sẽ bị hất cẳng theo. Tổng thống Lincoln cất cả hai bức thư kia và vẫn giữ hai ông này trong nội các. Ông giải thích lợi thế của mình với những lời lẽ chất phác: “Giờ tôi đã có thể cưới ngựa đực rồi. Tôi có mỗi bên một trái bí đỏ nên rất thăng bằng”.

Một sự hòa hợp không mấy dễ dàng xuất hiện trong nhiều tháng giữa Tổng thống Lincoln và bè cánh cực đoan của ông Chase. Cuối cùng sự hòa hợp kia cũng không thể tồn tại. Rất nhiều biện pháp hành chính trong năm 1863 hứng chịu những lời chỉ trích và nghi ngờ có liên quan tới khả năng lãnh đạo của Tổng thống Lincoln. Trong số những lời chỉ trích này có sự can thiệp ngày càng nhiều và những công việc của bang, tăng thuế và nợ quốc gia ngày càng lớn, việc tiếp tục bắt lính và việc thông qua lệnh cưỡng bức tòng quân. Mặc dù những thất bại gây bàng hoàng tại Liên bang tại Chancellorsville vào tháng 05, Chickamauga vào tháng 09 được đền bù bằng những chiến thắng liên tiếp tại Gettysburg và Vicksburg vào tháng 07 và cuối cùng là trận Chattanooga vào tháng 11, người ta vẫn chưa thể thấy điểm kết thúc của chiến tranh cũng như hậu quả của nó vẫn là chưa rõ ràng.

Mối bất hòa sâu sắc nhất giữa Tổng thống Lincoln và những nhân vật cực đoan xuất hiện khi bàn tới vấn đề tái thiết: làm thế nào và dưới những điều kiện nào một bang li khai lại được tái gia nhập Liên bang? Tổng thống Lincoln một lần nữa lại hành động dựa vào cách dẫn giải của ông về quyền lực to lớn của một Tổng thống và về lý lẽ sau: Những bang li khai chưa thực sự tách khỏi Liên bang. Những bang này chỉ tạm thời không còn có mối liên hệ thích hợp với Liên bang mà thôi.

Tháng 12 năm 1863, ông tuyên bố kế hoạch tái thiết của mình. Đó là một chương trình rất khoan dung bởi vì ông vẫn còn coi việc bảo toàn Liên bang là mục tiêu chính của cuộc chiến, ông hy vọng sẽ làm yếu đi ý chí của miền Nam trong việc kháng cự lại Liên bang bằng cách đề nghị với những người miền Nam một đường lối không nhằm trừng phạt, một đường lối khá dễ dàng để họ có thể có được vị thế trước đây trong quốc gia Hoa Kỳ. Những đặc điểm trung tâm của kế hoạch này chính là điều khoản được áp dụng trong từng bang với một lời thề đơn giản về bốn phạm thi hành hiến pháp của Hoa Kỳ và của Liên bang. Lời hứa là khi 1/10 cử tri của một bang chịu thề trung thành với Liên bang trong kỳ tranh cử Tổng thống 1860, Liên bang sẽ cho phép thành lập chính phủ bang không có chế độ sở hữu nô lệ và Tổng thống sẽ nhìn nhận chính quyền ấy là hợp pháp.

Những kẻ cực đoan bất đồng sâu sắc với Tổng thống Lincoln về mọi khía cạnh của kế hoạch tái thiết. Họ coi những bang li khai đã khai tử cho chính bang của mình

và trở thành những quận huyện bị chinh phục. Họ đòi hỏi tiếng nói mạnh mẽ từ Hạ viện trong tiến trình đưa những bang này trở về với Liên bang. Lời tuyên bố về kế hoạch của Tổng thống Lincoln đã khơi lên một phong trào trong đảng Cộng hòa nhằm hạ gục ông và nghiêng về phía ông Chase. Ông này đã là ứng cử viên ghế Tổng thống của cuộc tranh cử năm 1864. Với sự khuyến khích (nếu không ra mặt sẽ là khuyến khích ngầm) của ông Chase, thượng nghị sĩ S. C. Pomeroy của bang Kansas đã phát đi một thông tư tuyên bố rằng Tổng thống Lincoln không thể tái đắc cử và rằng chính ông Chase mới là người thích hợp cho chiếc ghế Tổng thống Hoa Kỳ.

Những người ủng hộ Tổng thống Lincoln phản ứng bằng cách chỉ trích kịch liệt ông Chase. Ngày 27 tháng 02 năm 1864, tại hạ viện, tướng chỉ huy lữ đoàn Francis P. Blair, Jr. (cháu của bộ trưởng bộ bưu chính) người nhờ tài khéo léo của Tổng thống Lincoln đã bỏ vị trí chỉ huy tại quân đội của tướng Sherman quay về tạm thời nhận một ghế trong Hạ viện. Ông này chỉ trích kịch liệt Bộ trưởng Bộ tài chính Chase. Một lần nữa ông Chase lại đệ trình đơn từ chức khỏi nội các. Một lần nữa Tổng thống Lincoln lại cố thuyết phục ông hãy ở lại. Chẳng bao lâu sau, phong trào "Chase tranh cử Tổng thống" cũng dịu xuống nhưng cảm giác của ông Chase đối với chính quyền Lincoln vẫn còn quá bức xúc đến độ không thể kiềm chế. Cuối tháng 06, một lần nữa viên bộ trưởng này đệ trình đơn từ chức. Lần này, trước sự thất bại của ông ta, Tổng thống Lincoln đã giúp ông toại nguyện.

Không phải thế mà những bất mãn đối với tài lãnh đạo của Tổng thống Lincoln giảm bớt. Cái giá phải trả của chiến tranh càng lên cao trong mùa xuân 1864 làm cho dân chúng thêm bất mãn. Cuối tháng 05, một nhóm đảng viên đảng Cộng hòa cực đoan và vài đảng viên đảng Dân chủ đã nhóm họp lại Cleveland. Họ tự gọi mình là đảng Dân chủ cực đoan. Họ đề nghị tướng Fremont ra cương lĩnh kêu gọi sự công bằng tuyệt đối trong tất cả mọi người trước khi có luật về của cải của những kẻ nổi loạn, luật sung công và luật phân phối lại ra đời. Như một thương lượng đối với đảng viên đảng Dân chủ, cương lĩnh này cũng chỉ trích việc bắt lính và nghi ngờ lệnh đình quyền giam giữ. Tuy nhiên ông Fremont (được nhìn nhận là người có thể lực) lại không vững vàng, những phần cực đoan của cương lĩnh này có phần khiêu khích đối với nhiều cử tri miền Bắc. Không một thành viên đảng Cộng hòa nổi trội nào tham gia vào phong trào này. Cuối cùng, sức mạnh của nó không có là bao.

Được hỗ trợ bởi việc sử dụng quyền bảo trợ đối với các mệnh lệnh quân đội và với các nghề nghiệp dân sự phục vụ Liên bang, Lincoln và những người hỗ trợ ông có thể vững tay kiểm soát đảng này. Ông Henry J. Raymond của tờ Times của New York, chủ tịch ủy ban lãnh đạo quốc gia của đảng Cộng hòa, viên tướng trong làng chính trị của Tổng thống Lincoln, đã khéo léo chèo lái khi cuộc họp của đảng ủng hộ Liên bang với các thành viên đảng Cộng hòa nhóm họp tại Baltimore vào tháng 06. Tổng thống Lincoln được tái đề cử vào chức Tổng thống theo sự lựa chọn của ông đảng viên đảng Dân chủ Andrew Johnson đại diện cho bang Tennessee là ứng cử viên cho ghế Phó tổng thống. Cương lĩnh của đảng này cho thấy rõ niềm tin và những biện pháp thời chiến của chính quyền Lincoln, kêu gọi Liên minh đầu hàng vô điều kiện, tán

thành điều khoản bổ sung hiến pháp với nội dung xóa bỏ chế độ sở hữu nô lệ. Nhưng nó không nhắc tới sự công bằng cực đoan và lờ đi vấn đề tái thiết đang gây tranh cãi lớn.

Những kẻ cực đoan Hạ viện không thể lờ đi vấn đề tái thiết. Tổng thống Lincoln đã thi hành 10% kế hoạch của mình. Ba bang (Louisiana, Arkansas và Tennessee) đang trong tiến trình hoàn tất kế hoạch của ông. Cùng với bang Virginia có chính quyền bang trung thành vẫn tồn tại trong phạm vi Liên bang kể từ đầu cuộc chiến. Mùa xuân năm trước, cả bang Louisiana và Arkansas đều chấp thuận những bản hiến pháp đáp ứng những đòi hỏi của Tổng thống Lincoln. Đối với sự bất mãn cực độ của nhóm cực đoan, những bang này đã ban bố quyền bỏ phiếu cho những cựu nô lệ, mặc dù Tổng thống Lincoln có viết thư cho viên thống đốc mới nhận chức của bang Louisiana: “Tôi chỉ gợi ý để ông cân nhắc xem, liệu người da màu có nên không được xem là người thông minh, đặc biệt những người đã từng chiến đấu rất gan dạ trong quân đội của chúng ta”.

Đầu tháng 07, những kẻ cực đoan phản công bằng cách thông qua điều luật Wade-Davis (được đặt tên bởi Thượng nghị sĩ Benjamin Wade và Hạ nghị sĩ Henry Winter). Đây chính là kế hoạch tái thiết của họ. Nó kêu gọi đa số cử tri của bang thề trung thành với Liên bang, đừng bỏ phiếu cho những người tình nguyện cầm súng vì chính quyền Liên minh và cấm chế độ chiếm hữu nô lệ trong bất cứ bang nào được hoàn trả. Mặc dù quyền bầu cử của người da đen có trong chương trình nghị sự của những người cực đoan, cũng bị bác bỏ bởi nó sẽ không hợp lòng dân với rất nhiều sự đồng tình của các cử tri đặc biệt là trong những bang không đồng tình với việc người da đen được quyền đi bầu cử.

Với chiến tranh vẫn ác liệt và xảy ra ở những vùng rộng lớn ở miền Nam dưới quyền kiểm soát của quân Liên minh, những đòi hỏi trong cương lĩnh Wade-Davis chưa thể đạt được ngay. Yêu cầu hoãn việc tái thiết cho tới chiến tranh kết thúc chính là điều những người cực đoan mong muốn. Tổng thống Lincoln bác bỏ và không chịu ký tên vào điều luật Wade-Davis. Ông khai tử nó bằng quyền phủ quyết ngầm. Ông giải thích trong một lời tuyên bố rằng những nội dung trong điều luật này là thích hợp cho bất cứ bang nào chọn cách chấp thuận nó. Nhưng ông nhất định không chịu bác bỏ việc tái thiết đã được các chính phủ các bang cho là chính đáng trong kế hoạch của ông, và ông từ chối quyền của hạ viện trong việc cấm chế độ chiếm hữu nô lệ trong một bang bất kỳ.

Tức giận, những người cực đoan phản ứng bằng cách đưa ra một lời tuyên bố được coi là bản tuyên ngôn Wade-Davis. Bản tuyên ngôn này buộc tội Tổng thống Lincoln đã tiếm quyền, chỉ trích lời tuyên bố của ông như là một sự sỉ nhục có toan tính lên quyền lực hợp pháp của người dân, một chuyện chưa từng có trước đây. Nhất định không chịu đọc bản tuyên ngôn trên. Tổng thống Lincoln nói: “Bị trọng thương trong nhà của những người bạn có lẽ là một nỗi đau đớn nhất mà một người từng phải chịu đựng”.

Mối bất hòa giữa đảng Cộng hòa kết hợp với những con số thương vong khủng khiếp của mùa hè năm ấy, thế bí rõ ràng của Liên bang trong cuộc chiến và việc dân chúng miền Bắc ngày càng mệt mỏi về cuộc chiến tranh đã như đổ thêm dầu vào lửa của những cuộc tranh cãi về biện pháp nhằm kết thúc cuộc chiến. Những người ủng hộ hòa bình, trong đó có những nhân vật nổi bật như ông Horace Greeley và Charles Francis Adams giờ đây kêu gọi những nỗ lực mới để đạt tới hòa bình. Tổng thống Lincoln ủng hộ những động thái này, thậm chí có lúc đã chấp thuận cho những cuộc họp mặt với những đại diện của Liên minh và chấp thuận để công sứ Liên bang gặp Tổng thống Jefferson Davis mặc dù ông không tin những cuộc gặp gỡ ấy có thể mang lại bất cứ kết quả gì. Đúng là chúng không có kết quả gì thật. Nhưng những cuộc gặp gỡ ấy đã để lại những hậu quả nghiêm trọng cho Tổng thống Lincoln trên chính trường chính trị.

Tổng thống Lincoln phản ứng với những sự thúc bách của ông Greeley bằng cách ủy quyền cho ông này tới Niagara Falls, Canada gặp đại diện của Liên minh để bàn về các điều khoản chấm dứt chiến tranh. Cuộc họp này chẳng mang lại kết quả gì. Các đại diện của Liên minh không có chút quyền lực. Các điều khoản của Tổng thống Lincoln cũng không được Liên minh chấp nhận dù bất cứ dưới hình thức nào. Khi tin tức của cuộc họp này bị rò rỉ, Tổng thống Lincoln cảm giác buộc phải tiết lộ những lời huấn thị của ông cho ông Greeley. Những lời huấn thị ấy đòi hỏi “tính toàn vẹn của toàn Liên bang và việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ”. Những từ này không có gì mới nhưng sự rõ ràng trong cách trình bày lúc này, sự ác liệt và kéo dài của cuộc chiến, tính tạm thời của tình thế chính trị kết hợp lại với nhau, khiến chúng bị cho rằng đã không được quyết định đúng lúc và lỗi thuộc về Tổng thống Lincoln. Theo ông V. Jacques Voegeli, “vào những thời điểm thích hợp, việc giải phóng nô lệ sẽ khiến cuộc chiến rút ngắn và giúp khôi phục lại Liên bang, nhưng trong một giai đoạn ảm đạm, nó sẽ là một lời tuyên bố hoàn toàn khác: “cuộc chiến sẽ không ngưng nghỉ trong bất cứ hoàn cảnh nào nếu như chế độ chiếm hữu nô lệ chưa được bãi bỏ””.

Phong trào cuối cùng đã lại dấy lên trong đảng Cộng hòa: họ đòi gạt Tổng thống Lincoln ra khỏi vị trí ứng viên tranh chức Tổng thống. Nhất thời đại diện cho cả những đảng viên đảng Cộng hòa chủ trương hòa bình và những kẻ cực đoan, phong trào này phát triển rộng với lý lẽ rằng: Tổng thống Lincoln không thể tái đắc cử. Ông Thurlow Weed, một chính trị gia và là một chủ bút khôn khéo người đảng Cộng hòa tại New York viết: “Việc Tổng thống Lincoln tái đắc cử là việc không thể xảy ra”. Ông Henry J. Raymond viết cho Tổng thống Lincoln, trong thư có đoạn: “dòng thủy triều chống đối chúng ta đang dâng lên mạnh mẽ”. Ông Raymond phân tích một cách sâu sắc các nguyên nhân khiến dân chúng bất mãn: đó là tình trạng bế tắc quá rõ ràng của quân đội và lập trường của chính quyền trong vấn đề giải phóng nô lệ. Một số thành viên đảng Cộng hòa, trong đó có cả ông Greeley, cùng nỗ lực tổ chức một hội nghị tại Cincinnati nhằm đề cử một người khác, có thể là ông Grant, Sherman, thậm chí là tướng Benjamin F. Butler vào vị trí ứng cử viên Tổng thống lần này. Nhưng hội



ngợi đó không bao giờ xảy ra. Các đảng viên đảng Cộng hòa tiến gần đến cuộc bầu cử với nỗi lo sợ dâng lên từng ngày.

Các thành viên đảng Dân chủ hy vọng sẽ đoạt được quyền lực hành chính bằng cách bám riết vào những vấn đề liên quan tới sự mệt mỏi của nhân dân khi tham chiến, vấn đề giải phóng nô lệ, và mối bất hòa trong đảng Cộng hòa cả những vấn đề được coi là tính độc đoán, bất tài và không khoan nhượng của Tổng thống Lincoln. Để thành công, các thành viên đảng Dân chủ nhất định phải dành lại những người thuộc đảng mình đang ủng hộ tiếp tục cuộc chiến (những người thuộc đảng Dân chủ ủng hộ chiến tranh) mà không xa lánh nhóm người chủ hòa. Họ nỗ lực làm như vậy trong một cuộc họp được tổ chức từ ngày 29 đến 30 tháng 08 tại Chicago. Họ bổ nhiệm tướng McClellan đại diện cho đảng viên đảng Dân chủ ủng hộ chiến tranh. Cuộc họp đã thảo ra một cương lĩnh đối với những người thuộc đảng Dân chủ chủ trương hòa bình dẫn đầu bởi ông Clement L. Valladigham bị trục xuất trở về. Chính sách chủ hòa là một lời nước đôi lấu cá kêu gọi đình chiến: “Kết thúc cuộc chiến ở một thời điểm sớm nhất có thể hòa bình sẽ được phục hồi trên nền tảng Liên bang”. Họ cố tình không hề nhắc tới việc giải phóng nô lệ.

Lúc đầu, các thành viên đảng Dân chủ đã lôi kéo được sự chú ý của công chúng. Ông Greeley và những nhà báo tài năng khác tiếp tục thúc giục những lãnh đạo chính trị của miền Bắc thay thế Tổng thống Lincoln bằng một ứng cử viên hứa hẹn một tương lai tốt đẹp hơn. Chính Tổng thống Lincoln cũng thất vọng, không tin mình được tái đắc cử. Trước khi hội nghị của đảng Dân chủ diễn ra ít lâu, ông viết một bức thư dự định sẽ dùng đến sau này. Ông thuyết phục nội các của mình ký vào phía sau bức thư đó mà không đọc. Thư có đoạn: “Sáng nay vì những sự việc xảy ra trong những ngày gần đây, có lẽ chính quyền này sẽ không được tái đắc cử. Nghĩa vụ của tôi phải hợp tác với Tổng thống mới đắc cử, cũng như bảo toàn Liên bang đang giữa lúc bầu cử và ngày Tổng thống mới lên nhậm chức, nếu ông ta bảo đảm cho lần bầu cử của mình với một nền tảng rằng: ông ta có thể không bảo toàn được Liên bang sau này”.

Tổng thống Lincoln đau lòng muốn rút khỏi vấn đề giải phóng nô lệ. Ngày 17 tháng 08, ông soạn một bức thư trong đó ông dịch nghĩa lại lời tuyên bố của mình tại hội nghị Niagara và nói rõ rằng ông sẵn sàng thương lượng với nhà chức trách Liên minh mong muốn hòa bình, muốn tái thống nhất và không hề nói gì tới việc chiếm hữu nô lệ. Tất nhiên, ông không bao giờ gửi bức thư này đi cả. Một tuần lễ sau, theo lời gợi ý của ông Raymond, Tổng thống Lincoln viết thư ủy nhiệm cho một viên công sứ tới Richmond và đề nghị hòa bình với miền Nam, dựa trên điều kiện duy nhất là miền Nam phải uy phục Liên bang. Mọi vấn đề khác (nói cách khác là vấn đề chiếm hữu nô lệ) sẽ bỏ ngỏ và được quyết định bằng những “biện pháp hòa bình”.

Tin rằng Tổng thống Davis sẽ chối từ lời đề nghị này, ông Raymond hy vọng sẽ làm tiêu tan những lời chỉ trích trong làng chính trị, rằng chiến tranh sẽ vẫn tiếp tục, không phải chủ yếu để bảo toàn Liên bang, mà bởi một mục đích rất thực tế: đảm bảo cho việc giải phóng nô lệ. Một lần nữa Tổng thống Lincoln không bao giờ gửi bức

thư này đi. Sau khi suy nghĩ rất cẩn thận, ông quyết định sẽ không làm thế và giải thích cho ông Raymond rằng: miền Bắc sẽ hiểu cuộc thương lượng này là việc từ bỏ tiêu chí giải phóng nô lệ. Ông nói điều này còn tồi tệ hơn là không thể thắng cử: “nó gần như đầu hàng cuộc bầu cử lần này trong ô nhục”.

Những lo lắng về việc Tổng thống Lincoln có được tái đắc cử hay không hóa ra chỉ nên vô ích. Ông giành được số phiếu bầu cử ở tất cả các bang, ngoại trừ New Jersey, Delaware và Kentucky. Tỷ lệ đa số dân chúng bầu cho ông là 55%. Đồng thời đảng viên đảng Cộng hòa cũng giành chiến thắng sâu rộng trong các cuộc tranh tài giành các ghế lập pháp tại các bang và tại Hạ viện. Có lẽ Tổng thống Lincoln và các thành viên đảng Cộng hòa cũng có thể tái đắc cử dưới những hoàn cảnh bất lợi hơn thế này. Những sự kiện xảy ra vào những tuần cuối cùng của chiến dịch vận động tranh cử đảm bảo chiến thắng cuối cùng này. Mặc dù ông McClellan giảm thiểu nguyên tắc hòa bình của đảng Dân chủ và nhấn mạnh việc bảo toàn Liên bang, thành viên đảng Cộng hòa đã khiến thủ đô của chính trị hiểu về cương lĩnh “rắn hổ mang” của đối thủ mình. Số phiếu của quân nhân, dù là có được nơi chiến trường hoặc từ những người lính đang nghỉ phép tại quê nhà (quyền được nghỉ phép được dễ dàng tạo điều kiện), đều ủng hộ chủ yếu cho đảng Cộng hòa. Phiếu của những nhân viên chính phủ cũng vậy. Họ không thể bầu cho những người có thể quyết định lấy đi việc làm của họ.

Có lẽ lý do lớn nhất cho chiến thắng của đảng Cộng hòa chính là quyết định của đa phần cử tri miền Bắc, đặc biệt là của những quân nhân chiến đấu để giành chiến thắng hoàn toàn, và của niềm tin ngày càng tăng rằng chính quyền Tổng thống Lincoln sẽ có hướng đi đúng đắn để kết thúc cuộc chiến. Diễn ra đồng thời với những thành công về mặt quân sự của Liên bang, chiến thắng tại vịnh Mobile và tại thung lũng Shenandoah, đặc biệt là việc đoạt được Atlanta từ tay quân Liên minh, đã giúp tạo ra làn sóng tin tưởng này. Ông George Templeton Strong tin rằng việc chiếm được Atlanta là một sự kiện vĩ đại nhất của cuộc chiến. Tổng thống Lincoln nói các chiến thắng vịnh Mobile và Atlanta đã giành được niềm ưu ái của bề trên và ông đã quyết định chọn một ngày trong năm là ngày tạ ơn các thánh, ngày này được ăn mừng trên toàn quốc.

## 11. Miền Bắc hồi sinh

Rất hiếm dịp và thật ngoại lệ, người dân miền Bắc thực sự chứng kiến cuộc chiến xảy ra như thế nào và cảm giác được sự ác liệt ra sao. Với các phương tiện vận chuyển và phương tiện truyền thông của những năm 1860, các cuộc chiến tại miền Nam đối với người New England cũng xa xôi tựa như những cuộc chiến ở châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ II với người Mỹ. Trong giờ nghe tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trận đánh trong nội chiến Hoa Kỳ rõ ràng xa xôi và cách biệt đối với người miền Bắc hơn cả những cuộc chiến tại Việt Nam đối với người Mỹ sau đó một thế kỷ.

Mặc cho sự xa xôi của các chiến dịch quân sự, người miền Bắc vẫn cảm giác được cuộc chiến theo rất nhiều cách. Cách thấm thía nhất đến từ những con số thương vong, đặc biệt là những sự mất mát nặng nề và chết chóc từ bệnh tật và những vết thương nơi chiến trường. Những con số thương vong này mang lại nỗi đớn đau và thương tiếc cho hàng ngàn gia đình người Mỹ. Sự vắng mặt của hàng trăm ngàn người con, người chồng đang chiến đấu xa nhà, xông pha trong đạn lửa tạo ra nỗi cô đơn và lo lắng tại hậu phương và gây ra không biết bao nhiêu rắc rối trầm trọng cho lực lượng lao động tại các nhà máy và nông trại.

Cộng thêm những nỗi kinh hoàng là gánh nặng về các loại thuế ngày một tăng, sự lên xuống thất thường của giá cả, tiêu tệ lạm phát, sức mua giảm trong giới lao động và những thăng trầm trong đời sống dân sự và kinh doanh. Các tác nhân ấy kết hợp với sự bất đồng về mục tiêu chiến tranh, không đồng tình với rất nhiều biện pháp thời chiến của chính quyền, và rất nhiều nỗi mệt mỏi thời chiến khiến con người ta tê liệt. Dấu ấn của cuộc chiến hằn sâu và dằng xé tận sâu thẳm đáy lòng của người dân miền Bắc.

Cơn bộc phát của lòng thù hận, theo sau bởi lời tuyên bố của Tổng thống Lincoln và lời kêu gọi gia nhập quân ngũ đã làm khích động đa phần dân chúng miền Bắc, đẩy họ vào những hoạt động yêu nước xuất hiện ở khắp nơi. Những cuộc mít tinh với số đông quần chúng tham gia, dù được lên kế hoạch từ trước hay tổ chức ngẫu hứng, xuất hiện ở nhiều cộng đồng dân cư trên khắp miền Bắc. Một tờ báo tại Detroit đã ghi nhận được cảm xúc này: “Những quốc kỳ bay phần phật trong cơn giận dữ. Quốc thiều đầy nhiệt huyết vang lên từ những ban nhạc, được thiếu niên huyết khí, và được ca lên trong các khán phòng nghệ thuật... Nó được chơi bằng nhiệt huyết với những ngón đàn nghiệp dư của những cô gái yêu nước bên những chiếc đàn Piano cổ kính, được truyền thụ trong những tổ chức tôn giáo..., được các cậu bé con gõ nhịp trên vỏ đồ hộp và thậm chí tiếng chó sủa nghe cũng mang âm hưởng của bài quốc ca. Lá quốc kỳ... bay đầy kiêu hãnh và rực rỡ ở khắp mọi hướng..., trên khắp các mái nhà..., ở tất cả những nơi công cộng..., thậm chí được cả những người lái xe buýt trang hoàng cho xe của họ”.

Những người trước đây có tình cảm hoặc mang thái độ nước đôi với miền Nam, với vấn đề li khai, giờ đây cảm thấy bị số đông cô lập và đôi khi bị đẩy lên tàu, đuổi ra

khỏi thị trấn, bị ném trứng thối hoặc bị đồng nghiệp tẩy chay. Đàn ông con trai biểu thị quá ít lòng yêu nước sẽ bị lãng tránh và bị đàn bà con gái chế giễu. Theo giáo sư Bell I. Wiley, phụ nữ là những nhà yêu nước nhiệt thành nhất. Những người biệt giáo sẽ bị gạt qua một bên hoặc sẽ buộc phải im lặng.

Những đối thủ đã phản đối ông Lincoln và chính sách của ông giờ đây thấy tốt hơn hết là nên chống lại miền Nam phiến loạn. Trong số những nhân vật nổi cộm là ông Thị trưởng, đảng viên đảng Dân chủ, ông Fernando Wood của thành phố New York. Trước đây, khi bàn về li khai, ông đã đi quá xa đến độ cho rằng New York nên lợi dụng tình thế này để trở thành một thành phố tự do. Giờ đây ông đề nghị ủy ban thành phố nên giành riêng một triệu đôla để trang bị cho các quân đoàn Liên bang. Những người ủng hộ miền Nam hoặc các tờ báo giao động, bao gồm cả tờ báo thuộc quyền sở hữu của người anh ruột ông Wood, cũng bị đám đông dân chúng yêu nước “viếng thăm” và buộc phải treo cờ sao và sọc.

Những cuộc tuần hành chứng tỏ lòng yêu nước, sôi động nhất là những cuộc tuần hành nhằm tăng quân số của các trung đoàn cho quân đội Liên bang. Về việc ghi tên của những người tình nguyện, việc hình thành những đơn vị quân tình nguyện, và việc lên đường tới những nơi tập trung quân. Việc tuyển quân thông thường xuất hiện tại những cuộc mít tinh lớn, những cuộc dã ngoại hoặc những cuộc hội họp đông đảo, với những ban nhạc kèn đồng chơi những khúc quân hành. Những bài hùng biện đầy xúc cảm và sự thúc giục của đám đông phụ nữ thuyết phục thanh niên trai tráng đăng lính. Việc các quân đoàn đủ quân số lên tàu chuẩn bị khởi hành tại các ga xe lửa hoặc các bến tàu luôn đi kèm những lễ hội tương tự, có thống đốc bang hoặc một nhân vật nổi bật của địa phương đến dự. Buổi lễ thường được trang hoàng bằng màu sắc của từng quân đoàn nhờ bàn tay khéo léo của phụ nữ và những người trong cộng đồng.

Đầu cuộc chiến, chiến sự hay thay đổi khiến tình trạng đình trệ trong kinh doanh lan rộng. Một cuộc khủng hoảng kinh tế chung diễn ra trên khắp miền Bắc. Nhưng trong vòng vài tháng, nền công nghiệp của vùng đã sống động trở lại bởi những cuộc buôn bán trao đổi phục vụ chiến tranh của chính phủ, kết hợp với tăng thuế chống lại sự cạnh tranh từ nước ngoài. Đồng thời, nông dân, người sản xuất, người chuyên xuất nhập khẩu. Ở miền Bắc nhận được những đơn đặt hàng lớn chưa từng thấy cho những sản phẩm phục vụ quân đội và cho cả châu Âu. Lúc này mùa màng thất bát tại nước Anh và việc thiếu thốn tại lục địa châu Âu đã tạo ra nhu cầu lớn khác thường. Năm 1862, thành phố Chicago vận chuyển ra nước ngoài gấp đôi lượng ngũ cốc và bột mì đã vận chuyển năm 1860. Số lượng thịt bò và thịt heo cũng nhiều tương tự. Các thành phố khác tại miền Tây Bắc cũng báo cáo lượng doanh thu bán hàng lớn không kém.

May thay cho Liên bang, các nông trại miền Bắc trong suốt cuộc chiến sản xuất lượng lương thực dồi dào đủ để đáp ứng nhu cầu của nước ngoài và trong nước. Hàng ngàn lao động nam giới vắng bóng trên các cánh đồng miền Bắc đã khiến ngành máy móc nông nghiệp Mỹ phát triển. Như máy gặt McCormick đã đóng góp

đáng kể vào sản lượng nông nghiệp của vùng. Phụ nữ và trẻ em ở hậu phương cũng đóng góp rất nhiều trong việc đảm nhận những công việc trước đây do đàn ông đảm nhiệm như gặt hái, làm cỏ, cày cuốc. Theo tờ báo Detroit Free Press: “Năm 1864, một phần lớn lượng ngô thu được tại Michigan được chính các chị em phụ nữ gặt hái”. Mọi thành tố của nền nông nghiệp Mỹ sinh sôi nảy nở từ những hợp đồng mua bán súng đạn và phương tiện chiến tranh với quy mô lớn. Thật ra mọi sản phẩm công nghiệp đều rất cần thiết từ súng ống cho tới đạn dược, kiếm, lê, đầu máy xe lửa, đường sắt, giày dép, rau đóng hộp và sấy khô. Nền công nghiệp thép của Pennsylvania đã sản xuất gấp đôi sản lượng đường ray. Pittsburg đã thành mặt trận chính của bang này và là nơi sản xuất sắt thượng hạng của quốc gia. Nhiều tòa nhà dành cho thương mại làm nhà ở mọc lên liên tục tạo ra một lượng nhu cầu vô hạn gỗ xẻ và mọi chất liệu khác. Những gì tờ báo Chicago Tribune viết về khu vực của mình cũng có thể dùng để mô tả những thành phố miền Bắc khác. “Trên mọi đường phố và đại lộ, những tòa nhà mới mọc lên, những dãy nhà thương mại xây bằng gạch, sắt đá khổng lồ lừng lững, những tòa nhà lộng lẫy ốp đá hoa cương và những khu dân cư mới mọc ở khắp mọi nơi... Dấu hiệu của một nền thương mại phát triển cực thịnh và năng động diễn ra ở khắp chốn... Thành phố này là nơi người kinh doanh có được chỗ đứng chắc chắn”.

Những nhân vật tài giỏi và dũng cảm trong công việc kinh doanh được đề cao. Nhiều công ty khai trương, thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ. New York nổi lên như một thủ đô tài chính không gì cạnh tranh nổi của nước Mỹ. Tương lai người Mỹ và các công ty làm ăn Mỹ đã được dự báo trước ngay khi họ bắt đầu bán hàng cho quân đội vào thời điểm này. Ông Phillips D. Armour mới ngoài 30 tuổi đã thu về hai triệu đôla tiền lời bằng cách mua thịt lợn giá rẻ bán cho quân đội. Ông Clement Studebaker đóng và bán các toa xe hàng, bắt đầu tích lũy vốn để sau này sản xuất và đưa ra thị trường một trong những loại xe hơi nổi tiếng nhất trên thế giới. Ông Collis P. Huntington đàm phán được tiền trợ cấp của chính phủ dành cho việc phát triển tuyến đường sắt Central Pacific. Dù cho lúc đó John D. Rockefeller, Andrew Carnegie và J. P. Morgan còn quá trẻ chưa thể trở thành người khổng lồ về tài chính trong chiến tranh, nhưng họ cũng đã có rất nhiều kinh nghiệm và bài học đã dẫn đường chỉ lối cho họ đi theo hướng họ đã sớm chọn cho mình.

Những khoản lãi đáng kể rơi vào túi một số doanh nhân và doanh nghiệp phát triển cực thịnh. Những cổ tức có số vốn lớn và công ăn việc làm dồi dào làm cho sự thịnh vượng chưa từng thấy đến với hầu hết người dân miền Bắc. Năm 1864, tờ Times của New York nhận xét rằng ngay giữa cuộc chiến tranh ác liệt mà người dân miền Bắc chưa bao giờ được mặc đẹp như thế, ăn ngon như thế và có nhà cao cửa rộng đến thế.

Việc đầu cơ hàng hóa đã trở thành một ngành kinh doanh đồng thời cũng là trò tiêu khiển. Những người có tài xoay xở may mắn hoặc khôn ngoan giàu lên nhanh chóng. Sự giao động về giá trị của các trái phiếu chính phủ có thể đổi ra vàng mồi mọc người ta chơi trò đỏ đen khiến cho biết bao người giàu lên hoặc trắng tay trong

thị trường vàng. Việc tăng thuế không ngừng lên rượu Wishky mới được sản xuất nhưng lại không áp thuế đối với rượu tồn kho đã mang lại cho những tay đầu cơ rượu khoảng 100 triệu đôla.

Tổng thống Lincoln và các quan chức hàng đầu (cả quân sự lẫn dân sự), ngoại trừ Bộ trưởng Bộ chiến tranh Cameron đầu cuộc chiến, là những người trung thực tận trọng. Nhưng hiếm khi một nhân viên của chính phủ thoát khỏi tai tiếng tham nhũng. Rất nhiều các vụ tai tiếng nổi lên từ việc buôn bán bông cho những tay đầu cơ chứng khoán Liên minh. Đại tá Andrew Jackson Butler, em của tướng Benjamin F. Butler, trụ sở tại New Orleans bị cáo buộc là một trong những tội phạm trắng trợn nhất trong việc buôn lậu bông. Các nhân viên thuộc kho bạc của nhà nước từng toán kéo nhau tháp tùng cuộc viễn chinh của tướng Grant dọc sông Red vào mùa thu năm 1864 cũng bị buộc tội với hoạt động tương tự.

Tướng Grant có lần còn bị tai tiếng nặng nề hơn bởi đã chỉ đạo cho những thương nhân trong phòng ban của mình (rất nhiều người trong số họ là người Do Thái) rằng ông đã ra lệnh cấm mọi thương nhân Do Thái hoạt động kinh doanh. Tổng thống Lincoln buộc phải thu hồi lệnh này. Nhưng Tổng thống cũng nhận thức một cách đau buồn về mặt trái của nền dân chủ Mỹ thời chiến. Và có lần ông giải thích nó bằng lối nói ẩn dụ đáng nhớ về sự cần thiết của những biện pháp khác thường trong việc tìm cách và kiểm chế hoạt động buôn lậu với Liên minh. “Cứ mỗi con chim hôi thối đến từ nước ngoài lại làm nảy sinh một con bọ sát bắn thủ nổi lên trong nước”.

Trò giải trí và tiêu khiển rõ ràng làm mờ mắt một dân tộc đang có trong tay một lượng tiền lớn đang tìm cách tìm nguồn cảm hứng với mặt trái của thời chiến và tìm cách thoát khỏi những tin tức ghê gớm từ các chiến trường và danh sách số thương vong. Một nhà báo của tờ Times của Luân Đôn đã viết: “Cuộc chiến này đã khiến tính nhẹ dạ của người Mỹ thể hiện rõ những ô trọc. Có điều gì đó thật đáng buồn, thật đáng sợ, trong niềm hân hoan vui sướng là một thảm họa đau buồn của đất nước. Sự dung dưỡng cho việc ăn chơi thỏa sức, hoang tàng, ngông cuồng khiến người ta phải ngạc nhiên”. Cuối năm 1863, vào lúc quân đội Liên bang thắng lợi, trợ lý Bộ nội vụ Frederick W. Seward viết: “Những cuộc liên hoan, đình đám đã trở thành cảnh diễn ra thường ngày tại Washington trong một mùa đông ảm đạm như thể mùa đông của ngày tận thế... Người ta dường như chỉ biết ăn nhậu và ngây ngất mê say”.

Mọi chốn giải trí đều nườm nượp khách ghé qua. Những nhà hát kịch đủ loại, những người hát rong da đen, những sàn khiêu vũ, những trường đua, viện bảo tàng P. T. Barnum, những vật kỳ lạ tại New York, những bãi tắm nổi tiếng như Saratoga và hồ George, New York... lúc nào cũng nườm nượp kẻ ra người vào. Nữ diễn viên nổi tiếng người Anh Laura Keane luôn biểu diễn trước những khán phòng chật cứng. Vé cho các buổi trình diễn của cô thường bán hết trước giờ biểu diễn từ lâu. Một vai được nhiều người ưa thích của cô là vai trong vở hài kịch “Người anh em Mỹ của chúng ta”. Những cuộc dã ngoại với những giỏ xách đầy ắp thức ăn theo tay từng đoàn người nườm nượp chật chỗ trong các công viên và các khu rừng nhỏ. Một

trong những dịp hoạt động xã hội nổi bật nhất của thời chiến là đám cưới tại nhà thờ Grace New York của “tướng” Tom Thumb (Charles S. Stratton, một người lùn nổi tiếng tại bảo tàng Barnum) với cô dâu bé xíu, nàng Lavinia Warren. Nhiều nhân vật nổi tiếng, trong đó có cả tướng Burnside cũng đến dự. Một sự kiện nổi đình nổi đám khác là cuộc khiêu vũ lớn được tổ chức tại thành phố New York để tôn vinh các sĩ quan và binh lính tại hạm đội hải quân Nga thả neo ở đây trong những ngày cuối cuộc chiến: Đây là cuộc viếng thăm được coi như một cử chỉ thân thiện của chính phủ Nga Hoàng.

Quần áo như những sắc hoa rực rỡ đủ màu. Một nhà báo viết về Saratoga “thời gian ở đây dường như là một dòng suối không bao giờ cạn”. Ông nói về những bộ váy áo của phụ nữ mới tới từ châu Âu trị giá tới cả 4 ngàn đôla. Ông nhận xét chua cay “các bé gái, chỉ mới rời lớp mẫu giáo, mỗi ngày thay quần áo từ ba đến bốn lần, mỗi bộ váy áo cùng nón và bao tay đồng bộ khiến một diễn viên tại Bowery cũng phải lấy làm hổ thẹn”. Ông mô tả không có nơi nào có thể bì với Saratoga về những bộ cánh và tính hay làm đom của dân chúng ở đây.

Cuộc nội chiến, không như mọi cuộc chiến khác, mang đến sự dễ dãi cho đạo lý cá nhân cũng như nơi công cộng, ít nhất là theo ý thức của những nhà phê bình xã hội. Cờ bạc, rượu chè, tán tỉnh là những mục tiêu ưa thích cho những lời chỉ trích. Một người quan sát Saratoga nói: “Tán tỉnh là những gì phụ nữ có chồng quen làm. Thực tế, với lối ăn chơi thời thượng ở New York, ai cũng cho rằng mình nên ghé qua một nơi gọi là Spas of Europe. Nơi đó phụ nữ chi xài thoải mái cho váy áo, đàn ông chi xài thoải mái cho rượu chè, cho đua ngựa và cờ bạc”...

Nạn mại dâm tràn lan khắp các thành phố, đặc biệt ở những nơi gần các căn cứ quân sự và trại lính. Giáo sư Wiley đã cho rằng động cơ để đàn ông phục vụ quân đội gắn liền một động cơ phụ nữ cố thỏa mãn dục vọng ngày càng lớn hơn trong họ. Mỗi thành phố đều có những khu vực giải trí và thông thường đám gái bán hoa tận dụng kỹ năng nghề nghiệp của mình được nhiều nhất. Tờ báo Cincinnati phàn nàn về sự lan tràn trong thành phố này, thứ mà họ cho là “gái điếm sát cánh bên những phụ nữ đoan trang trong những buổi khiêu vũ tổ chức nơi công cộng. New York, Chicago và Boston được cho là đầy dẫy đám phụ nữ đức hạnh buông thả. Washington có lẽ vượt quá mọi cộng đồng về tính phổ biến này”. “Toàn bộ dãy nhà ở khu vực phía nam đại lộ Pennsylvania dành cả cho loại hình kinh doanh này (kinh doanh gái mại dâm)”. Nhà sử học Margaret Leech đã viết như vậy.

Nhiều quan sát viên và lãnh đạo miền Bắc đồng tình với lời chỉ trích của báo chí về việc này. Một nhà phê bình nhận xét “Nó khiến con người ta phải đau lòng khi thấy sự ngu dốt lên ngôi... Người ta khó có thể nghĩ rằng trung tâm của quốc gia lại bị xâu xé đến như vậy”. Nhà thơ và là nhà báo William Cullen Bryant đáng kính viết cho tờ *Bruce* phẩm buổi chiều New York đã nghiêm khắc chỉ trích sự cố tình dung dưỡng cho lối sống xa hoa của những người đồng bào miền Bắc: “Sao người Mỹ lúc nào cũng bận rộn với những màn diễn vô vọng như vậy và tự phô trương vô ích đến thế? Làm thế nào họ có thể biện hộ cách sống như vậy trong thời chiến là đúng đắn?”

Chẳng lẽ không còn gì đáng giá hơn là tô điểm cho bản thân và đầu tư cho một cuộc sống dung tục. Chẳng lẽ không có một công việc kinh doanh nào mang lại lợi ích cho cả quốc gia, đồng bào và cho cả bản thân?”

340 ngàn người da đen tự do tại Liên bang, đặc biệt là 222 ngàn người ở tại những bang không có chế độ chiếm hữu nô lệ được hưởng một ít trong sự thịnh vượng lồ lộ ấy. Rất nhiều cơ hội việc làm bình thường không dành cho họ nay đã dang tay chào đón họ bởi nhu cầu ngày càng tăng về sức lao động. Những người da đen quan tâm đến cuộc chiến của Liên bang coi đó là dịp kiếm lợi vật chất. Người đại diện hàng đầu cho họ, người hùng biện tài ba và là nhà báo Frederick Douglas, từng là nô lệ, đã thấy được từ lâu rằng sức mạnh của chính phủ Liên bang là một nguồn hy vọng cho việc loại bỏ chế độ nô lệ. Ngay từ đầu cuộc chiến, ông Douglas đã thúc giục rằng: giải phóng nô lệ phải là mục tiêu quan trọng nhất của cuộc chiến. Ông giải thích cho cộng đồng da đen để họ thông cảm với đồng bào mình còn đang chịu kiếp nô lệ và ông cũng tin rằng giải phóng nô lệ sẽ xóa bỏ vết nhơ của cảnh đời nô lệ mà hầu hết người Mỹ da trắng nghĩ rằng nó gắn liền với sắc tộc da đen.

Đặc biệt ông Douglas tin rằng: việc gia nhập quân đội Liên bang sẽ mang lại sự tôn trọng cho những người da đen, dành cho họ quyền công dân đầy đủ. Ông cũng là một trong những người có tiếng nói mạnh mẽ, dai dẳng đòi Tổng thống Lincoln hãy cho phép người da đen được khoác áo lính: Khi Tổng thống giúp ông toại nguyện, ông Douglas đóng vai trò hàng đầu trong việc khuyến khích thanh niên da đen đi lính. “Trong tay các bạn, súng hỏa mai là phương tiện của tự do”. Ông nói với họ như vậy. Ông tiếp tục ngụ ý rằng nếu quyền hợp pháp của họ bị từ chối sau khi chiến tranh kết thúc họ có thể sử dụng vũ khí của mình để đảm bảo quyền hợp pháp ấy. Hơn 34 ngàn người da đen tự do đã gia nhập các lực lượng quân sự của Liên bang. Ở đó họ được tôn trọng và có đôi khi được thán phục bởi những người lính đồng nghiệp da trắng.

Thế nhưng, như mọi người đều thấy, người da đen trong các lực lượng quân sự phải chịu nhiều hành động kỳ thị trong suốt cuộc chiến. Cả người da đen ở miền Bắc còn ở lại hậu phương cũng thế. Mối ác cảm về màu da tạm thời bị gạt sang một bên trong một giai đoạn ngắn. Bị kích động bởi chiến tranh và bởi cuộc sống giữa người da trắng, bởi chính sách về nô lệ và việc tuyển mộ người da đen vào quân đội, giao cho họ vị thế của người lính và thủy thủ đã trào dâng thành sự thù hận công khai và bằng vũ lực ở rất nhiều thành phố. Nó đạt tới đỉnh cao là các cuộc nổi loạn ở thành phố New York vào năm 1863. Việc người ta đen được tuyển dụng thông thường là tạm thời, nhất là khi người da trắng giải ngũ trở về tiếp tục công việc trước kia.

Với việc giải phóng nô lệ và việc phục vụ trong quân đội, người da đen đã bắt đầu mở rộng phạm vi hoạt động của họ tại xã hội miền Bắc. Vào đầu cuộc chiến, chỉ có năm bang miền Bắc (tất cả đều ở miền New England) và chỉ 6% cư dân da đen tại các bang tự do được phép bầu cử. Họ cũng chịu nhiều tình trạng “không đủ tính cách pháp lý” khác. Trong cuộc chiến những người chủ trương bãi nô bắt đầu thúc giục các bang miền Bắc hãy trao quyền công dân đầy đủ cho người da đen và chỉ ra sự



mâu thuẫn trong những quyền cấp thiết cho họ tại miền Nam, trong lúc lại không cung cấp những quyền ấy cho họ tại miền Bắc, quê hương của phong trào bãi nô. Rất nhiều bang dỡ bỏ nhiều rào cản pháp lý đối với người da đen. Từng bang đều có trung cầu dân ý về vấn đề “có nên mở rộng quyền bầu cử cho người da đen”. Hai bang Iowa và Minnesota chứng minh quyền bầu cử của người da đen là chính đáng ngay sau khi chiến tranh kết thúc. Thế nhưng, đại đa số người da đen miền Bắc cũng không được luật pháp công nhận cho tới khi có sự chấp thuận điều khoản bổ sung hiến pháp số 15 vào năm 1870.

Mặc dù có rất nhiều hạn chế, kinh nghiệm chiến tranh của người da đen miền Bắc cũng làm tăng thêm tinh thần cộng đồng thiểu số của họ và để cho họ có được niềm tự hào lâu dài về những đóng góp của họ trong việc hỗ trợ nỗ lực thời chiến và trong việc theo đuổi mục đích của chiến tranh. Cuối cùng niềm khát khao của họ được là một công dân theo đúng nghĩa và được luật pháp công nhận cũng đã được đền đáp, nhưng phải chờ đến một thời điểm khác và một loạt những hoàn cảnh khác.

Chiến tranh ảnh hưởng đến phụ nữ miền Bắc theo nhiều cách đặc biệt. Nó cho họ nhiều cơ hội có việc làm mới, bên cạnh những nhu cầu truyền thống là làm việc đồng áng. Những đơn đặt hàng lớn của chính phủ đòi hỏi nhiều trang thiết bị mở ra cho phụ nữ hơn 100 ngàn việc làm tại nhà máy, xưởng may và các xưởng đạn dược. Rất nhiều công việc này trước đây do đàn ông độc chiếm. Sự thiếu vắng nam giới giờ cho phép phụ nữ được tham gia vào nghề giáo với số lượng lớn hơn trước đây nhiều. Rải rác trên khắp nước Mỹ đây đó có những phụ nữ lái xe tải, vận hành tàu hơi nước, chủ hiệu cầm đồ, chủ ngân hàng, nhà buôn chứng khoán, dịch vụ tang lễ, trông coi cửa tiệm lớn và chủ các nhà trọ.

Chiến tranh cũng cho phép phụ nữ có được công ăn việc làm trong hệ thống bộ máy của chính phủ, đặc biệt là thông qua những chính sách của Bộ trưởng Bộ tài chính Hoa Kỳ, ông Francis Spinner. Cho tới trước năm 1865 ông này tuyển dụng 747 phụ nữ chỉ riêng tại Washington. Dần dần các phòng ban của chính phủ khác cũng nhận phụ nữ vào làm việc. Mặc dù các phụ nữ làm việc trong văn phòng của chính phủ tại Washington nhận được mức thù lao tương đương với đàn ông, hầu hết nữ giới tham gia những công việc của nam giới trong các ngành kinh doanh và ngành công nghiệp tư nhân đều phải đối mặt với sự kỳ thị về lương bổng và về điều kiện làm việc. Họ phải đối mặt với sự chế nhạo, những câu chọc ghẹo thô thiển và bị bắt nạt bởi những đồng nghiệp nam giới. Khi chiến tranh kết thúc, phụ nữ là người đầu tiên bị cho thôi việc, đặc biệt là khi các quân đoàn giải tán và cựu chiến binh trở lại với lực lượng lao động tại các thành thị và nông thôn.

Cũng dễ hiểu, nữ giới có công việc được nhiều người biết đến nhất trong chiến tranh là nghề y tá. Ngay khi bắt đầu cuộc chiến, mọi y tá trong quân đội đều là nam giới. Nhưng do nhu cầu cấp thiết của thời chiến, nhiều quân đoàn đã có nhu cầu lớn cùng với sự hăng hái của phụ nữ, đã xô đổ những rào cản ấy. Trong suốt cuộc chiến, bà Dorothea Dix, một người New England nổi tiếng là cấp tiến đã phục vụ quân đội Liên bang với vai trò người quản lý các cô y tá. Một công việc đòi hỏi trách nhiệm lớn

lao đặc biệt là sau khi bác sĩ giải phẫu William A. Hammond ra lệnh rằng ít nhất 1/3 các vị trí trong nghề y tá và điều dưỡng phải dành cho phụ nữ.

Trong số những nữ y tá nổi tiếng của cuộc chiến có bà Clara Barton. Bà là nữ y tá trưởng của đội quân James. Nhiều năm sau chiến tranh dẫn tới việc hình thành Hội chữ thập đỏ Mỹ và bà là chủ tịch của tổ chức này trong suốt 25 năm. Một nữ y tá đáng được ca ngợi nữa, một người cùng với rất nhiều người y tá khác làm việc cho ủy ban vệ sinh Hoa Kỳ. Đó là bà Mari Ann Bickradyke, một góa phụ trung niên người Ohio. Bà trở nên nổi tiếng bởi năng lực điều hành và cách làm việc hiệu quả. Có một lần, khi một bác sĩ quân y tỏ ra khó chịu với bà và kiến nghị lên tướng Grant, người ta kể rằng viên tướng này đã thốt lên: “Lạy Chúa! Này anh, Mẹ Bickerdyke còn cao cấp hơn bất cứ ai, thậm chí hơn cả Tổng thống Lincoln. Nếu anh tức tối với bà ta, tôi khuyên anh nên thôi ngay nếu không bà ta sẽ ra lệnh bắt giam anh ngay đấy”.

Dù đóng góp rất nhiều trong chiến tranh, nhưng phụ nữ hy vọng được người ta chính thức công nhận và mong chờ những địa vị chính trị đều phải thất vọng. Năm 1863, những nhà lãnh đạo phong trào quyền phụ nữ trước chiến tranh, trong đó có các bà Susan B. Anthony, Elizabeth Cady Stanton và Lucy Stone tổ chức ra Liên Hiệp Phụ Nữ Trung Thành Với Quốc Gia. Nghiệp đoàn này được thành lập nhằm thuyết phục Hạ viện ban hành điều luật bổ sung của Hiến pháp số 13, bãi bỏ chế độ nô lệ ở khắp nơi trên đất Mỹ. Họ hy vọng có thể kết hợp phong trào đòi bình quyền cho phụ nữ với phong trào giải phóng nô lệ và cuối cùng là đòi quyền bầu cử cho người da đen. Nhưng hy vọng của họ nhằm có được quyền bầu cử cho phụ nữ đã sớm tan vỡ. Phải 50 năm sau những khát khao này mới được thỏa mãn.

Dù có những lần phải thất bại như vậy, nhưng cuộc chiến đã vĩnh viễn giải phóng cho phụ nữ thoát khỏi những công việc mà trước đây truyền thống chỉ dành cho riêng họ. Sau cuộc chiến khá lâu, bà Julia Ward Howe tuyên bố rằng cuộc chiến đã đẩy tiến trình của sự nghiệp giải phóng phụ nữ phát triển nhanh hơn ít nhất là 50 năm. Bà Mary Elizabeth Massey nói rằng sau khi tham gia vào rất nhiều hoạt động của thời chiến, phụ nữ Mỹ đã không chịu quay trở lại “cuộc sống nơi xó bếp trước đây”. Bà cũng kết luận rằng cuộc chiến này chẳng khác nào một bàn đạp quan trọng cho sự tiến bộ của phụ nữ trong đời sống nhân dân Mỹ nói chung.

Một phần của xã hội miền Bắc là những công nhân làm công ăn lương cho các nhà máy, cửa tiệm và xưởng sản xuất vũ khí, nhà ga xe lửa, cầu tàu và các đơn vị tiện ích công cộng khác hoặc trong ngành xây dựng không có được sự no đủ như phần đông dân chúng ở giai đoạn này. Lương tăng chậm hơn, giá cả leo thang hàng ngày. Có những khi mức tăng lương chỉ bằng 30% so với mức tăng giá. Nhiều công nhân, đặc biệt là phụ nữ có chồng tham gia quân ngũ, và những người dân di cư châu Âu không nghề nghiệp, phải chịu đựng cảnh thiếu thốn cùng cực. Có nhiều cuộc bắt bớ người lao động, đặc biệt là những người di cư. Rất nhiều người trong số họ hoặc lãnh đạm, hoặc có thái độ thù nghịch đối với vấn đề giải phóng nô lệ và các chính sách thời chiến khác.

Tầng lớp lao động nỗ lực đối mặt với tình trạng khẩn trương của thời chiến bằng cách đẩy lên những phong trào hành động tập thể, vốn đã suy tàn vào thời điểm trước khi xảy ra cuộc chiến. Những công nhân lành nghề như thợ lái đầu máy xe lửa, thợ may và thợ xây... (69 ngành nghề tất cả) tự hình thành những công đoàn. Khi chiến tranh kết thúc, người ta thống kê có khoảng 300 nhóm công đoàn địa phương hoạt động như vậy. Người ta đã nỗ lực đoàn kết và kết hợp những công đoàn này thành một tổ chức quốc gia có tên gọi Liên hiệp các ngành công nghiệp quốc tế ở miền Bắc Mỹ nhưng không thành công.

Những hoạt động này phải đối mặt với pháp chế chống bạo động được soạn thảo bởi chính quyền các bang. Họ đã bắt bớ rất nhiều người lãnh đạo các cuộc đình công. Khi đình công xuất hiện trong các ngành công nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến nỗ lực thời chiến, chính quyền Lincoln nhanh chóng dập tắt bằng những sự trừng phạt nghiêm khắc. Quân đội được phái tới đàn áp các cuộc đình công tại nhà máy sản xuất đại bác Parrott ở Cold Spring, New York. Lãnh đạo công nhân đã bị bắt và bị cầm tù trong các trại giam quân đội. Trong rất nhiều trường hợp, các vị tướng chỉ huy ngăn cấm đình công trong khi đang tham chiến và bắt buộc phải có lệnh bắt giữ của tòa án quân sự. Có lần, binh lính đàn áp một cuộc đình công của thợ mỏ Pennsylvania. Chính phủ bắt giam và giành quyền kiểm soát ga xe lửa Reading Railroad tại bang này. Những lính đào ngũ bị bắt dưới tay quân cảnh sẽ bị đưa lên các phương tiện vận chuyển đến thành phố New York và làm phu khuân vác ven biển ở đây. Lính được cử tới từ Gettysburg để đàn áp một cuộc bạo động đã xảy ra ở New York. Cuộc bạo động này nhằm chống lại lệnh cưỡng bách tòng quân nhưng đồng thời cũng phản đối việc sử dụng người da đen như là những kẻ phá hoại đình công.

Những nhà lý luận cực đoan châu Âu coi nỗ lực chiến tranh của Liên bang như là cuộc thánh chiến ủng hộ giai cấp vô sản. Cuối cuộc chiến, một nhà lý luận nổi tiếng về chế độ cộng sản đã viết thư cho Tổng thống Lincoln, ca ngợi ông như người con của giai cấp lao động, người đã tham gia vào “một cuộc đấu tranh không cân sức nhằm cứu lấy một tầng lớp đang phải chịu cảnh xiềng xích và đấu tranh vì sự tái thiết của đời sống xã hội toàn thế giới”. Theo ông, người lao động tại châu Âu chắc chắn rằng “cũng như cuộc chiến giành độc lập tại Mỹ từng mở ra một kỷ nguyên mới cho uy thế của giới trung lưu, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa nô lệ ở châu Âu cũng sẽ làm như vậy đối với tầng lớp lao động”. Ông Emerson D. Fite kết luận sau khi nghiên cứu và phân tích các điều kiện kinh tế xã hội trong cuộc chiến: “Cuộc chiến này gắn gũi với giai cấp lao động, nhưng vẫn coi giai cấp này có số phận đáng buồn và bị đàn áp. Nếu đứng trên quan điểm của riêng giai cấp lao động, còn tồi tệ hơn cả năm 1860”.

Ngoài thiếu số sống vô trách nhiệm và tham lam lợi dụng cuộc chiến để kiếm lời, sống phè phỡn với rượu, đàn bà, nhạc nhã, ăn diện... đại đa số dân chúng miền Bắc đều đóng góp nỗ lực của mình để hỗ trợ cho những người tham gia mặt trận. Nhiều nhóm tình nguyện thực thi đủ loại hoạt động khác nhau để quyên tiền cho sự nghiệp của liên bang. Phụ nữ hình thành tổ chức cứu trợ của phụ nữ. Họ bận rộn với việc

sản xuất bông băng, áo sơ mi, đồ lót, tấm trải giường, khăn mặt và những vật dụng cần thiết khác cho binh lính. Các cơ sở từ thiện nhằm giúp đỡ cho quân nhân và gia đình họ mọc lên ở khắp nơi. Chính quyền địa phương và các bang xây nhà ở cho rất nhiều người lính bị tàn phế do bị thương nơi chiến trường, cho người bệnh tật và trẻ mồ côi, con của những người lính đã tử trận. Những khoản tiền khổng lồ và rất nhiều lương thực đã được quyên góp phân phát cho các gia đình đang bị cảnh cơ cực đe dọa do người nhà phải tòng quân hoặc bị bắt quân dịch.

Một trong những tổ chức từ thiện nổi bật nhất là các tổ chức tư nhân hoặc tổ chức công chăm sóc cho chính các chiến binh. Ủy ban vệ sinh Hoa Kỳ, dưới sự chỉ đạo của một nhà thuyết giáo có ảnh hưởng lớn tại New York, tiến sĩ H. W. Bellows, đã quyên góp được những khoản tiền lớn từ những nhà hảo tâm và tổ chức những Hội chợ vệ sinh đồng thời phát hành cả xổ số. Với rất nhiều nhà kho và hệ thống nhân công đại lý làm việc trong một địa bàn rộng lớn. Ủy ban này đã cung cấp cho binh lính trái cây, rau tươi, thêm vào bữa ăn hàng ngày của họ. Đồng thời cung cấp cho họ nhiều vật dụng khác mà chính phủ chưa thể chăm sóc đầy đủ. Họ cử bác sĩ tới những bệnh viện quân đội để thanh tra và báo cáo về điều kiện vệ sinh ở những nơi này. Họ cung cấp cho bác sĩ và y tá thêm nhiều nguồn nhân lực phục vụ trong ngành quân y. Ủy ban này cũng là tiền thân của tổ chức Hồng thập tự sau này.

Ủy ban Cơ đốc giáo Hoa Kỳ cũng được các nhà hảo tâm ủng hộ, xây dựng và cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà nguyện tại các doanh trại quân đội, phân phát Kinh thánh cùng các bài tiểu luận tôn giáo. Đội ngũ nhân lực của ủy ban hoạt động tích cực trong việc đi thăm, an ủi và chăm sóc cho những quân nhân đang bị thương, đau ốm và đang hấp hối tại các bệnh viện quân y. Nhiều nhóm khác, tham gia vào các hoạt động phục vụ tại những bệnh viện các hoạt động tương tự trong Chiến tranh thế giới thứ II, như các Tổ chức phục vụ thống nhất (United Service Organization - USO) đã cung cấp thức ăn, giúp đỡ và làm khuây khỏa hàng ngàn những quân nhân nghỉ phép, hoặc ốm đau, hoặc phải chuyển đơn vị. Phụ nữ đặc biệt hoạt động tích cực trong lãnh vực này. Một trong những trạm chuyển tiếp hoạt động tình nguyện nổi tiếng nhất là cửa tiệm của bà Cooper ở Philadelphia. Trạm chuyển tiếp này đã đón tiếp 87 ngàn quân nhân chỉ trong một năm.

Các trung tâm văn hóa chính của quốc gia đều ở miền Bắc. Và hầu hết các cá nhân nổi bật trong giới giáo dục và văn chương đều là người theo chủ nghĩa bài nô cũng như chủ nghĩa dân tộc, hỗ trợ rất nhiều cho nỗ lực thời chiến của Liên bang bằng tình cảm, ngòi bút và tiếng nói của chính mình. Nhà văn Ralph Waldo Emerson thay đổi nhanh chóng, từ một người tin vào sự tự do của địa phương cho tới một người ủng hộ “những quyền lực tuyệt đối của một nhà độc tài”. Ông nói toàn bộ cuộc chiến này nhằm chống lại những kẻ nổi loạn và tuyên bố rằng bất cứ cuộc điều đình thương lượng nào với chúng đều là bất hợp pháp, thậm chí những điều khoản thỏa hiệp về sự trao đổi tù nhân và quyền bảo vệ cho các bệnh viện, hoặc lệnh ngừng bắn để chôn tử sĩ trên chiến trường cũng bất hợp pháp luôn.

Nhà thơ Walt Whitman từng là y tá trong các bệnh viện quân y Liên bang, chứng kiến hậu quả của cuộc chiến đã thể hiện rõ trong nhiều tác phẩm ra đời sau chiến tranh của ông. Nhà sử học Francis Parkman đau buồn bởi ông không đủ sức khỏe để trở thành một quân nhân. Ông ủng hộ cuộc chiến mà theo ông là “như một luồng gió mới khuấy động bầu không khí vốn ngột ngạt đen nghệt thở của chúng ta”.

Trong số những nhà văn lớn, chỉ Nathaniel Hawthorne và Herman Melville từ chối không tham gia cùng đồng nghiệp mình trong vô số các công việc ủng hộ sự nghiệp của Liên bang. Cả hai đều chống lại hoạt động ly khai và hy vọng Liên bang chiến thắng. Nhưng cả hai đều là những người theo chủ nghĩa bi quan. Quan điểm của họ tập trung vào mặt trái của bản chất con người dù đó là người miền Bắc hay miền Nam. Ông Hawthorne có đôi chút “nhu nhược”. Thật ra lúc trước ông đã viết tiểu sử với nhiều tình cảm yêu mến dành cho Tổng thống Franklin Pierce, người sau này trở thành vết nhơ trong cuộc đời cầm bút của nhà văn tên tuổi này.

Ông Hawthorne nghi ngờ rằng tự do sẽ làm tầm ảnh hưởng của người da đen thêm rộng lớn. Ông cho rằng thật vô nghĩa khi đẩy cuộc sống của người Mỹ vào rủi ro để giải phóng người da đen. Quan điểm của ông về cuộc chiến khiến cho giáo sư Aaron gán cho ông cái tên “người biệt giáo cô độc”. Ông Melville đau đớn về biết bao mạng sống đã phải chôn vùi trong cuộc nội chiến khủng khiếp, ông thắc mắc: có cần thiết chăng những cảnh hoang tàn xảy ra khi cuộc chiến kết thúc. Ông băn khoăn về tác hại trở lại của một cơ chế xã hội chỉ biết dùng sức cho chiến thắng của mình. Theo lời giáo sư Aaron, ông Melville đã tận dụng cuộc chiến để viết một câu chuyện về “sự mù quáng của con người”.

Không có một tiểu thuyết hoặc tác phẩm thơ ca nào lưu danh muôn thuở được xuất bản trong thời kỳ chiến tranh. Mặc dù có rất nhiều vần thơ yêu nước nhiệt thành ra mắt công chúng trong thời kỳ này. Những bài thơ thời chiến được sáng tác sau này bởi những nhà văn lớn, ngoại trừ những tác phẩm của Whitman như “Drum-Taps” và một loạt những bài tán ca nổi tiếng nhất của ông đối với chế độ dân chủ trong tập Leaves of Grass (Lá của cỏ), đều được chấp nhận một cách hững hờ. Trong bài ca ngợi lễ kỷ niệm tại trường Harvard của James Russell Lowell, giáo sư Aaron nói: “Chiến tranh tỏa cái bóng lù lù của nó, tựa như một hình ảnh trừu tượng huy hoàng. Những người lính ngã xuống rõ ràng như mờ đi qua màn sương của cảm xúc. Nỗi đau đớn của nhà thơ phai nhạt trong những vần điệu hùng hồn”.

Tôn giáo Quaker của ông Greenleaf Whittier có lẽ đã kiềm chế ông không sáng tác một tập thơ thực sự về thời chiến. Tuy nhiên ông đã sáng tác một cuốn sách nhỏ có tựa đề Thơ trong thời chiến (In War Time and Other Poems) ca ngợi những thắng lợi của đất nước, đặc biệt là sự nghiệp giải phóng nô lệ.

“Không như chúng ta hy vọng. Nhưng chúng ta hy vọng gì?”

Trên tất cả những toan tính và giấc mơ không thành, Chúa trời, với bàn tay khôn ngoan hơn bàn tay con người, đã đặt những viên gạch nền móng cho sự tự do”.

Một trong những bài thơ của ông mang hơi nóng của ngọn lửa chiến tranh, bài Barbara Frietchie là một bản ballad ca ngợi một sự việc có thực. Một cụ già được cho là đã liều chết để căng quốc kỳ của nước Mỹ trong vùng bị người miền Nam chiếm đóng ở Maryland. Theo bài thơ, một người lính Liên minh nổi tiếng đã can thiệp để cứu bà.

“Dồn dập trên đường phố là bước chân những kẻ nổi loạn.

Bức tường Jackson lừng lững trước mặt”.

\*\*\*

“Hãy bắn đi nếu người cần phải thế, hãy bắn bà già đầu bạc này

Nhưng hãy tha cho lá quốc kỳ của quê hương người

\*\*\*

“Người lính hét lên: Ai dám chạm vào sợi tóc bạc trên mái đầu già nua kia.

Sẽ phải chết nhục như một con chó ghẻ. Hãy tiếp tục hành quân!”

Một trong những tiểu thuyết viết trong thời chiến là cuốn “Sự thay đổi về tư tưởng của Miss Ravenel từ li khai tới trung thành” (Miss Ravenel’s Conversion from Secession to Loyalty). Cuốn sách đã trình bày những kinh nghiệm chiến đấu của tác giả khi tham gia các trận đánh, và phơi bày thực tế đau lòng của các bệnh viện. Mặc dù thế, theo giáo sư Aaron, không một tiểu thuyết gia nào trong suốt một thế kỷ (kể từ khi nội chiến bùng phát) có thể khắc họa lại hình ảnh người lính bình thường trong cuộc chiến thật sống động như là nhà sử học Bell Wiley đã mô tả trong cuốn sách “Chuyện đời của Johnny Reb” và “Cuộc sống của Billy Yank”.

Ấn tượng nhất thuộc về một người miền Bắc viết trong cuộc chiến. Đó là người viết nhật kí, ông George Templeton Strong. Vốn là một luật sư, ông đóng vai trò thủ quỹ của Ủy ban vệ sinh Mỹ. Một vị trí giúp ông được giáp mặt với những nhân vật quan trọng như Tổng thống Lincoln, ông Seward, tướng Stanton và tướng Grant. Điều này đã cho ông một quan điểm sâu sắc về cuộc chiến này.

Ông Strong bày tỏ một nhận xét sâu sắc nhất, giá trị về quan điểm người miền Bắc ở hậu phương và tình cảm của họ. Theo lời của giáo sư Aaron, nó giống như một tiểu thuyết lịch sử. Những tin tức về sự thất bại của Liên bang tại trận Bull Run thứ hai được ông ghi: “Đó là một ngày tuyệt vọng và cực kỳ khó chịu... Chúng tôi là những người sống trong một bang đang nhức nhối và bức xúc suốt một ngày dài... Stonewall Jackson (con ngáo ộp của nước Mỹ) sắp sửa đem quân xâm chiếm Maryland với bốn mươi ngàn lính”. Khi nói về việc tướng Lee đầu hàng, ông viết: “... Quân đội của quân phiến loạn tại Peninsula, Antietam, Fredericksburg, Chancellorsville, Wildeness. và các trận đánh khác, đã không còn tồn tại... Ông Chúa lòng lành”. Về thông tin các lực lượng Liên minh đầu hàng: “HÒA BÌNH. Cuối cùng hòa bình cũng đã đến... Cuối cùng điều tôi hi vọng và tin cũng đã đến. Nhờ Chúa

nhân từ ban phước. Trang đầu của nhật kí này tôi sẽ mở đầu với những tin tức về cuộc chiến trong đêm 13 tháng 04 năm 1861”.

Âm nhạc thời chiến ở miền Bắc có thêm khía cạnh của lòng yêu nước bao la để những lời ca giàu cảm xúc thêm phần mãnh liệt. Những bài hát phổ biến nhất trong thời kỳ này kết hợp cả hai thành tố trên. Hầu hết các bài hát đều được sáng tác bởi những nhạc sĩ chuyên nghiệp. Trong số đó có bài “Dựng lều trên khu trại xưa” (Tenting on the Old Camp Ground) của nhạc sĩ Walter Kittredge:

“Đêm nay ta dựng lều trên khu đất doanh trại xưa.

Nó cho ta một bài hát để ngợi ca.

Trái tim đau buồn của ta, một bài hát về quê nhà

Và bạn bè mà chúng ta yêu mến nhất

\*\*\*

Dựng trại đêm nay

Dựng trại đêm nay.

Dựng trại trên nền doanh trại cũ

\*\*\*

Quyết tử đêm nay.

Quyết tử đêm nay

Quyết tử trên nền đất chiến trường xưa”

Một nhạc sĩ sáng tác nhiều và có lẽ là nổi tiếng nhất chính là ông George G. Root. Trong số những bài hát được nhiều người ưa thích của ông có bài “Nhớ mẹ trước trận đánh” (Just Before the Battle, Mother), “Hành quân! hành quân! và hành quân!” (Tramp! Tramp! Tramp!), “Tiếng hét nơi chiến trường đòi tự do” (The Battle Cry of Freedom). Có lẽ đây là bài hát gây sôi động nhất trong những khúc quân hành của quân Liên bang:

“Chúng ta tập hợp quanh cờ, nào lại cùng hành quân.

Nơi chiến trường ta hãy hét lên tiếng hét đòi tự do.

Chúng ta hành quân trên đồi, và rồi tụ họp nơi đồng bằng,

Cùng gào lên tiếng hét đòi tự do.

\*\*\*

Liên bang muôn năm.

Hạ gục những kẻ phản bội, ta tiến lên cùng với những lá cờ đầy sao.

Khi ta hành quân bên lá quốc kì, ta lại hành quân.

Hãy la lên tiếng thét đòi tự do”

Ca khúc quân hành của sứ mệnh của chiến tranh đòi giải phóng nô lệ chính là bài “Thi thể của John Brown”. Đây là bài hát được sáng tác ngẫu hứng theo làn điệu dân ca. Bà Julia Ward Howe sử dụng giai điệu của nó cho những lời ca đến với bà trong một nguồn cảm hứng bất chợt lúc nửa đêm, sau khi chứng kiến một cuộc duyệt binh tại Washington. Bài hát ca ngợi cuộc chiến của đảng Cộng hòa kết hợp nhuệ khí quân sự với những cảm xúc mãnh liệt về đạo lý đã trở thành một ca khúc bất tử của người Liên bang.

“Mắt tôi đã thấy ánh hào quang chói lòa của thượng đế.

Ngài đi dạo trong những vườn nho khi những trái nho phẫn nộ ngửa mặt nhìn trời.

Ngài tỏa ánh sáng rực rỡ trên thanh kiếm vung nhanh:

Chân lý của ngài theo chân người rầm rập bước

\*\*\*

Vinh quang, vinh quang thay!

Chân lý của đấng tối cao”.

Báo chí miền Bắc, ngoài một số ngoại lệ đã trình bày ở trên, tự do bộc lộ quan điểm của mình đối với cuộc nội chiến và với những biện pháp hành chính trong tiến trình cuộc chiến nổ ra. Đại đa số các tờ báo của đảng Cộng hòa như New York Times, Philadelphia Inquirer, Washington Chronicle, và Chicago Tribune ủng hộ mục tiêu làm tiêu tan ý định li khai. Báo của đảng Cộng hòa, bao gồm những tờ báo có ảnh hưởng lớn như trên, đều ủng hộ chính quyền Tổng thống Lincoln và những biện pháp thời chiến của ông, mặc dù tờ Times được coi là cơ quan ngôn luận không chính thức của chính quyền, lại chỉ trích những thiếu sót của chính quyền Lincoln. Tờ Chronicle có lẽ là cơ quan ngôn luận gần gũi nhất với chính quyền.

Tờ Diễn đàn hàng ngày tại New York (New York Daily Tribune), với chủ bút là một người hay châm chọc và chủ trương cải cách, ông Horace Greeley, và tờ Bru phẩm buổi chiều Washington, do ông William Cullen Bryant làm chủ bút (một người khả kính theo chủ nghĩa bài nô có quan điểm mạnh mẽ), lúc đầu có chỉ trích Tổng thống Lincoln bởi vì ông đã lưỡng lự trong việc công nhận giải phóng nô lệ là nguyên nhân chính của cuộc chiến. Năm 1864 ông Greeley đã tin rằng Tổng thống Lincoln sẽ không được tái đắc cử. Ông này tham gia phong trào đòi thay thế Tổng thống bằng một ứng cử viên của đảng Cộng hòa khác.

Hầu hết các tờ báo của đảng Dân chủ, trong đó có những tờ báo như tờ Tin nhanh New York, Người điều tra Cincinnati, Thời báo Chicago và tờ Ngôn luận tự do Detroit



ủng hộ mục tiêu bảo vệ tính toàn vẹn của quốc gia nhưng chống đối Tổng thống Lincoln và rất nhiều biện pháp của ông trong tiến trình thực hiện mục tiêu ấy, bao gồm cả việc giải phóng nô lệ, tuyển dụng người da đen phục vụ trong quân đội, lệnh cưỡng bức tòng quân, việc bắt lính và lệnh đình quyền giam giữ. Tờ Thời báo chỉ trích rằng lời tuyên bố giải phóng nô lệ là “một việc làm đáng ghê tởm, tàn bạo, hiểm độc” đã biến cuộc chiến vì Liên bang thành cuộc đấu tranh “cho sự giải phóng của ba triệu tên mọi da đen và ban cho chúng quyền công dân Mỹ”.

Tờ Người đưa tin New York (New York Herald) của ông James Gordon Bennett, một tờ báo của đảng Dân chủ và là nguyên mẫu của tôn chỉ làm báo giật gân, thích viết theo xu hướng lôi kéo sự chú ý của độc giả, lúc đầu nước đôi về sự trung thành của mình “Tờ Người đưa tin sáng nay cam kết không ủng hộ bên nào”. Trong thời gian xảy ra trận chiến tại pháo đài Sumter, ông Strong đã viết trong nhật ký của mình như vậy. Sau đó, báo này lại gay gắt: “Cần phải ủng hộ chính quyền và chỉ trích đảng Dân chủ trong vòng một tuần. Thật đáng chê trách làm sao khi mới nói đó mà đã nuốt lời”. Tờ Người đưa tin chẳng bao lâu sau mang giọng điệu trung thành với chính phủ, nhưng chỉ khi bị đám đông quần chúng đe dọa sẽ phá phách trụ sở tờ báo này. Tờ Tin tức hàng ngày New York cũng chia sẻ nhiều quan điểm với tờ Người đưa tin. Trong chiến dịch tranh cử Tổng thống 1864, tờ Tin tức hàng ngày mô tả Tổng thống Lincoln như một con người “vô cảm, xảo quyệt. Và thật nực cười làm sao cử tri giờ đây lại nguyện rửa người mà trước đây họ cho là vị quan tòa chính trực”.

Các tờ báo lớn đều cử phóng viên ra trận viết những câu chuyện kể về đời sống của binh lính trong các chiến dịch và các trận đấu. Rõ ràng những chủ bút đã có những ý kiến mạnh mẽ khác nhau về chiến thuật của cuộc chiến. Ông Greeley và những người khác phần nào chịu trách nhiệm về những sự phản đối kế hoạch “con trăn cuộn môi” của tướng Scott và cuộc hành quân trên những bờ đá dốc đứng ở Richmond sau đó kết thúc với thảm họa trong trận Bull Run. Những chủ bút và các nhà báo cũng bày tỏ tình cảm của mình với các sĩ quan nên đã viết những lời ca ngợi tán dương và đôi khi là chỉ trích quan điểm của những sĩ quan này. Tướng McClellan được giới nhà báo ca tụng. Họ gọi ông ta là “Napoleon trẻ tuổi”. Ông Henry J. Raymond đã từng đi suốt đêm từ New York tới Washington để cảnh báo Tổng thống Lincoln về sự bất tài của tướng Hooker nhưng đã phải thất vọng.

Mặc dù các viên tướng chỉ huy nỗ lực thận trọng với sự an toàn của quân đội, họ vẫn không thể làm được như vậy một cách hiệu quả. Tướng Lee phần nào dựa dẫm vào giới báo chí miền Bắc để biết tin tức về sức mạnh và những cuộc di chuyển của quân đội Liên bang và cả những chiến dịch được lên kế hoạch. Những lời nhận xét ban đầu về cuộc chiến, rõ ràng là viết trong vội vã, thông thường chứa đựng rất nhiều lỗi và đôi khi dẫn tới những quyết định không khôn ngoan và hấp tấp cho những nhà chức trách cao cấp. Một số lời nhận xét về trận Shiloh cho rằng trận chiến này quá tốn kém và gây xáo trộn cảm xúc trong dân chúng. Theo lời ông J. Cutler Andrews, có nhiều bài báo do những người chẳng bao giờ đến gần các chiến trường

viết (ví dụ như chiến trường Cairo, Illinois) nhưng vẫn rạng danh “phóng viên chiến trường”.

Nghệ thuật nhiếp ảnh, cũng giống như kinh tế Mỹ, phát triển cực thịnh trong thời kỳ nội chiến. Được sáng chế tại Pháp cách đó một phần tư thế kỷ, máy chụp ảnh cùng với báo chí, trở thành dụng cụ ghi nhận về chiến tranh hiệu quả nhất. Lúc đó có khoảng 3 ngàn nhiếp ảnh gia cùng chung nhau khắc họa cuộc chiến. Hàng trăm ngàn bức ảnh (có thể trên một triệu cũng nên) ghi lại diện mạo của những nhân vật hàng đầu của cuộc chiến và những sự kiện ám ảnh người xem nhất. Nó đã để lại cho hậu thế những hình ảnh ấn tượng, thêm vào khía cạnh cảm xúc có tác dụng to lớn đối với cuộc chiến, một chương lịch sử Hoa Kỳ với biết bao nhiêu những xúc cảm lẫn lộn. Tên tuổi nổi bật liên quan đến cuộc nội chiến trong ngành nhiếp ảnh là Mathew B. Brady, một doanh nhân của ngành nhiếp ảnh New York. Ông mắc bệnh cận thị cho nên không hề chụp một tấm hình chiến tranh nào. Nhưng những nhiếp ảnh gia của ông (trong đó có những tên tuổi nổi bật như James, Alexander Gardner, Timothy O’ Sullivan, George N. Barnard, David B. Woodbury, T. C. Roche và James Gibson) chụp hàng ngàn tấm. Ông Brady và nhân viên của mình, cộng với nhiều nhiếp ảnh gia khác, đã để lại một di sản lớn những hình ảnh chiến tranh còn mãi tới ngày hôm nay.

Những nhà thờ miền Bắc bị cuốn theo dòng triều dâng bất tận của cảm xúc thời chiến. Những giá trị tinh thần của tôn giáo đã chìm ngập trong tinh thần dân tộc Mỹ. Họ coi li khai là một điều đáng ghê tởm. Đồng thời tôn giáo cũng có mặt nơi chiến trường để bộc lộ thiên hướng bài nô. Nhưng trong những tháng đầu tiên của cuộc chiến, không khí thời chiến dường như làm cho không khí tôn giáo luôn ngọt ngào. Những buổi lễ và những buổi cầu nguyện nhặt nhẻo vô vị trước các địa điểm ghi danh tòng quân, các cuộc duyệt binh và những tiếng bước chân dồn dập của các đội quân đến từ nhiều phía. Một quan sát viên nhận xét rằng: Bên cạnh những yếu tố lôi kéo sự chú ý của người dân khỏi niềm tin tôn giáo, “mối nghi ngờ trong tâm trí của dân chúng về cuộc chiến đều có xu hướng khiến con người ta không còn nghiêm chỉnh, khiến họ bịt tai nhắm mắt trước những lời kêu gọi thấu hiểu chân lý của Chúa Christ”.

Khi cuộc chiến kéo dài, tác động của tôn giáo được tái khẳng định. Đầu năm 1863 và giai đoạn sau này của cuộc chiến, những hoạt động làm thức tỉnh lòng mộ đạo xuất hiện thường xuyên hơn. Các nhà thờ trở thành những bức tường thành bao bọc cho rất nhiều tổ chức từ thiện thời chiến cũng như ủng hộ cho nỗ lực chiến tranh của Liên bang.

Nhiều lãnh đạo tôn giáo nổi bật coi giải phóng nô lệ là mục tiêu của cuộc chiến và hăng hái hỗ trợ một khi nó được chính thức công nhận là mục tiêu của nội chiến Hoa Kỳ. Cuộc chiến đã mang lại sự hoàn thiện cho một cuộc thánh chiến của những người truyền giáo ủng hộ chủ nghĩa bài nô nổi tiếng như ông Theodore Dwight Weld. Ông viết: “Tôi tin tưởng sâu sắc vào tính chính nghĩa của cuộc chiến này... Chúng ta hoan hỉ với sự tiến bộ to lớn của miền Bắc, dù nó là sự kết hợp của nhiều động cơ và dựa trên sự pha trộn của những điều chỉ có một nửa là sự thật, hoặc hoàn toàn là ước lệ,

được bộc lộ trên bề mặt nguồn nghị lực bên trong...” Ông Henry Ward Beecher nói: “Tôi cực kỳ ghê tởm thứ hòa bình dựa trên bất cứ nền tảng nào như vậy (như sự mặc nhiên thừa nhận động thái li khai). Tôi thà tham gia một cuộc chiến tranh thẫm máu hơn máu và dữ dội hơn lửa...”. Khi nghe thông tin về những chiến thắng mở đầu của quân Liên minh, ông đã chỉ trích Tổng thống Lincoln là kẻ bất tài: “Hiện nay miền Bắc đang bị đánh tơi tả. Miền Bắc nên biết rằng nước Mỹ rồi cũng sẽ không còn bởi sự hủy diệt do sự khờ dại của chính quyền trung ương tác động đến chính nội bộ quốc gia mình”.

Những người cổ vũ cho phong trào bài nô chỉ trích Tổng thống Lincoln trì hoãn chấp thuận mục tiêu giải phóng nô lệ. Dần dần những nhà thuyết giáo đã thay đổi quan điểm của mình về Tổng thống Lincoln. Sau khi ông phát biểu lời tuyên bố sơ bộ vì giải phóng nô lệ, ông Weld đã đi khắp miền Bắc, hùng hồn thuyết giảng với những bài diễn văn mãnh liệt hỗ trợ cho nỗ lực tham chiến của Liên bang và vận động quần chúng bỏ phiếu cho những ứng cử viên Cộng hòa vào Hạ viện trong cuộc bầu cử 1862. Khi chiến tranh kết thúc, Bộ trưởng Stanton được tôn vinh. Theo yêu cầu của ông Beecher, một con tàu chở đầy những lãnh tụ tôn giáo miền Bắc tới pháo đài Sumter, nơi diễn ra lễ kỷ niệm lần thứ tư sự kiện thị trưởng Anderson đầu hàng. Ông Beecher đứng trên đồng gạch vụn của pháo đài, dưới quốc kỳ Mỹ bay phần phật, và đọc một bài diễn văn ca ngợi vị Tổng thống mà trước đây ông đã từng chỉ trích gay gắt.

Các trường phổ thông và đại học miền Bắc phải chịu thiệt hại vì cảm xúc của thời chiến khuấy động sinh viên và những thầy cô giáo trẻ. Nhiều người trong số họ nhanh chóng gia nhập quân đội. Khi đó, bùng phát một loạt những phản ứng đa dạng của các trường học. Trường Cao đẳng Bowdoin rung chuông nhà nguyện, thể hiện nhiều cảm xúc khác nhau đối với quốc gia, treo những lá cờ đầu lâu xương chéo và tham gia những cuộc luyện tập quân sự. Tại Trường Đại học Oxford, Ohio, chỉ trong vài phút đã có 160 người ghi danh tòng quân. Tại Trường Đại học Michigan, năm đại đội sinh viên được thành lập chỉ trong vài tuần đầu cuộc chiến. Trong bốn năm chiến tranh, số sinh viên ghi danh tại đại học Yale giảm từ 521 tới 438. Học sinh đăng kí tại trường Harvard giảm từ 443 xuống còn 385 người. Đại học New Jersey (Princeton) ngay lập tức mất 1/3 trong số 312 học viên học tại trường này bởi những sinh viên miền Nam đã rời ghế nhà trường tham gia cùng quân đội Liên minh.

Nhưng nhu cầu về nguồn nhân lực của miền Bắc không đủ sức làm giảm số sinh viên vẫn theo đuổi nghiệp sách đèn trong vùng. Hầu hết những sinh viên này vẫn miệt mài nghiên cứu. Nền giáo dục miền Bắc, cũng giống như nền kinh tế miền Bắc, thực sự phát triển đồ sộ trong thời gian chiến tranh. Các trường đại học đua tài với những môn như: bóng đá, bóng chày và bơi thuyền đó là những môn thể thao phổ biến nhất tại những trường đại học ở miền Đông. Những hoạt động thể thao này vẫn không hề có sự gián đoạn nghiêm trọng nào. Ông Emerson Fite kết luận rằng: chiến tranh đã làm sôi động đời sống tri thức tại miền Bắc.

Mọi hình thức về nguồn lực về mặt xã hội, tình cảm, văn hóa, cũng như sức người và tài chính ở miền Bắc đều hỗ trợ cho nỗ lực tham chiến. Đầu tiên, dân chúng đáp ứng lại với lời kêu gọi cầm vũ khí lên đường với sự hăng hái mãnh liệt. Khi chiến tranh ngày càng kéo dài, nó đã khiến người dân vùng này biết cách gìn giữ sức mạnh về nguồn nhân lực kinh tế và cả bầu nhiệt huyết. Họ đã có lúc phải dồn hết sức lực và tinh thần cho cuộc chiến. Sự mệt mỏi vì giao tranh tại miền Bắc trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến là rất lớn. Thậm chí những nhà ái quốc chung nhất cũng gần như tuyệt vọng khi mơ về thắng lợi cuối cùng của Liên bang. Nhưng sau rồi thắng lợi ấy cũng đến. Ông George Templeton Strong thay mặt cho những người thuộc thế hệ của ông viết rằng: “Dường như cả một thế kỷ của cuộc sống bình thường trôi qua kể từ khi những hành động thù nghịch bắt đầu”

## 12. Miền Nam bị phong tỏa

Miền Nam phải chịu đựng mọi hậu quả do chiến tranh đem đến. Tất cả mọi cuộc giao tranh lớn, ngoại trừ hai cuộc giao tranh dữ dội ở miền Bắc, cộng với vô số những lần đụng độ nhỏ hơn, đều diễn ra ở miền Nam. Chiến tranh đã lấy đi sinh mạng 1/4 thanh niên da trắng miền Nam, chưa kể đến sinh mạng phụ nữ và người da đen. Chiến tranh tàn phá rất nhiều đồng ruộng, rừng cây và thành phố lớn. Nó hủy hoại không biết bao nhiêu mái ấm, nhà thờ, trường học... Đôi khi chúng bị san thành bình địa. Sau đó, với không biết bao nhiêu của cải và mạng sống đã bị hủy hoại và cuối cùng là thất bại đau buồn nhục nhã đã khiến người miền Nam ngã quỵ. Rõ ràng những ký ức về cuộc chiến luôn trĩu nặng trong tim người miền Nam. Chiến tranh đã ngấm vào từng hơi thở trong cuộc sống người miền Nam.

Người miền Nam thường đáp lại lời kêu gọi hãy khoác áo lính với một tinh thần nhẹ dạ. Cuốn tiểu thuyết được dựng thành phim Cuốn theo chiều gió đã miêu tả trung thành tâm trạng của những con người nhiệt thành trong các đồn điền, hò reo mừng rỡ trước tin thắng trận từ pháo đài Sumter dội về. Những cái đầu khôn ngoan hơn đã cảnh báo về sức mạnh của miền Bắc và những điểm yếu của miền Nam.

Miền Nam, cũng như miền Bắc, tham chiến với cả lòng hoan hỉ và sự quyết đoán. Khi toàn thể miền Nam hối hả thành lập những đơn vị dân quân và những quân đoàn tình nguyện, dân thường đã tổ chức rất nhiều hoạt động tình nguyện và ngẫu hứng tạo thành một phong trào lớn quảng bá trong dân chúng nhằm nỗ lực hỗ trợ cho hoạt động tham chiến của Liên minh. Các cuộc duyệt binh, liên hoan với thịt nướng ngoài trời đã tô thêm màu sắc cho những bài diễn thuyết hô hào lòng yêu nước được trình bày bởi những nhân vật xuất chúng, thúc giục thanh niên đăng ký nghĩa vụ. Những chủ đồn điền giàu có, nhà buôn và những người hoạt động chuyên môn quyên góp tiền để mua súng đạn và quân phục. Mọi hình thức tổ chức các sự kiện xã hội (khiêu vũ, tiệc tùng, nhạc nhã, kịch nghệ, diễu hành, chèo thuyền) đều là dịp quyên góp tiền cho sự nghiệp xây dựng một quốc gia mới. Phụ nữ hình thành các tổ chức may vá quân phục. Các cô gái trẻ tham gia sản xuất bông băng.

Các cuộc bán đấu giá, xổ số và quyên tiền là những hình thức phổ biến trong việc quyên góp tiền ủng hộ cho Liên minh.

Lễ hội và tiệc tùng đi kèm với các cuộc duyệt binh và các đơn vị tình nguyện lên đường với những cái tên ấn tượng như “Kỵ sĩ Georgia”, “Mãnh hổ”, “Quân tự vệ vĩ đại” hoặc “Người miền Nam báo thù”. Quân nhạc, những bài thuyết giảng và diễn văn trình trọng về lòng yêu nước với nhiều từ ngữ hoa mỹ và hình ảnh những lá cờ bay phấp phới luôn là những khung cảnh gây ấn tượng về những dịp như vậy.

Nhưng rồi chẳng bao lâu sau chiến tranh không còn quá xa lạ đối với người miền Nam. Đồng thời nó cũng không còn là hình ảnh lãng mạn như trước nữa.

Trong hoàn cảnh chiến tranh như vậy, tham nhũng lan tràn, đặc biệt là giai đoạn sau của cuộc chiến. Rất nhiều người miền Nam nhân lúc ấy đầu cơ nhu yếu phẩm và

đục khoét hoặc trục lợi. Buôn bán với kẻ thù, đặc biệt và trao đổi bông đã trở thành chuyện xảy ra hàng ngày. Thiếu thốn công việc cực nhọc và hình ảnh các đồng đồ nát vấy quanh là nhận xét về chiến tranh của nhiều người miền Nam.

Trong sự thiếu vắng trụ cột của nhiều gia đình, vợ và con cái cùng với những người già cả trong đại đa số gia đình miền Nam không có khả năng sở hữu một nô lệ. Họ đành phải duy trì các đồn điền và nông trại, tìm mọi cách để thay thế cho sự thiếu vắng rất nhiều tiện nghi trong cuộc sống. Họ đóng vai trò không thể thiếu trong việc duy trì sức sống của cả quân đội lẫn một nền kinh tế dân sự phát triển què quặt.

Người ta đành phải đối mặt với thiếu thốn bằng tài khéo léo cần kiệm. Từ Liên minh đã có một định nghĩa mới trong từ điển của những người dân yêu nước chất phác. Nó như một tính từ ám chỉ một thứ gì đó thô thiển, lạc hậu, lỗi thời. Bột ngô là “bột Liên minh”. Dây thông lọng là “dây cương Liên minh”. Một chiếc xe ngựa kéo tại nông trại là “xe kéo Liên minh”, ca uống nước và muống bằng sắt tây là “đồ bạc Liên minh”. Váy áo lỗi mốt là “váy áo Liên minh”...

Có lẽ một trong những nỗi thiếu thốn ghê gớm nhất tại vùng đất Liên minh kiểm soát là dược phẩm. Đầu năm 1862, giá ký ninh là 20 đôla một ounce nhưng một năm sau giá là 100 đôla một ounce. Đối với hầu hết cư dân, kháng sinh là thứ không thể nào kiếm được. Đây là sự thiếu thốn đáng sợ nhất trong một khu vực có mầm móng căn bệnh lây nhiễm. Chính phủ Liên minh và một vài chính phủ các bang xây dựng các nhà máy sản xuất dược. Rất nhiều loại thuốc thay thế được chiết xuất từ thảo dược và rễ cây thông thường. Nhiều kiểu chữa bệnh từ xa xưa được áp dụng trở lại. Một vài hình thức chữa bệnh như thế vừa man rợ vừa vô dụng.

Cuộc sống thậm chí còn kham khổ hơn đối với hầu hết những người ở tại thành phố. Dân số tại các thành phố ngày càng tăng bởi vì những ngành phục vụ công nghiệp chiến tranh ngày càng phát triển, bởi hệ thống vận chuyển hàng hóa miền Nam còn yếu kém, bởi tình hình làm ăn khó khăn cộng với lạm phát khiến cuộc sống vô cùng thiếu thốn.

Chiến tranh vắt kiệt cuộc sống xã hội miền Nam nhưng không giết chết nó. Richmond một trung tâm văn hóa của Liên minh đồng thời cũng là thủ đô đứng về mặt chính trị. Dân cư tại Richmond tăng gấp ba lần. Đường phố và nhà cửa nhan nhản các chính trị gia, sĩ quan quân đội, nhân viên chính phủ, công nhân làm việc trong các nhà máy, quân nhân nghỉ phép. Và cả các quân nhân sống trong các doanh trại hoặc bệnh viện gần đó. Thành phố cũng là nơi cuốn hút rất nhiều những tay cờ bạc, những kẻ liều lĩnh và gái điếm nhan nhản. Các sòng bài và nhà thổ phát triển như nấm sau mưa dù không khí thời chiến sôi sục khắp nơi. Chính phủ địa phương và các bang dành riêng nhiều khoản trợ cấp hỗ trợ cho các gia đình đang phải chịu cảnh cơ cực bởi thiếu vắng chồng cha của họ. Ngoài những hoạt động chính thức ấy còn có rất nhiều những hành động hảo tâm của các công dân có hoàn cảnh may mắn hơn. Họ tặng tiền bạc hay sản phẩm, hình thành những tổ chức từ thiện tự nguyện và tổ chức các hội chợ từ thiện. Nhưng khi nền kinh tế của miền Nam đang phải oằn

lưng dưới gánh nặng chiến tranh và sắp sửa suy sụp bởi quân đối phương xâm lấn hàng ngày hàng giờ, những biện pháp nhằm giảm nhẹ khó khăn nói trên như giọt muối bỏ bể giữa muôn vàn thiếu thốn ghê gớm. Có lẽ không có gì có thể bù đắp những thiếu thốn ấy. Tháng 04 năm 1863, Tổng thống Davis buộc phải kêu gọi binh lính thôi không cướp phá các cửa tiệm tại Richmond. Chủ những tiệm này đều là những phụ nữ đang tuyệt vọng. Hầu như ngay từ đầu cuộc chiến, cái đói và sự thiếu thốn đã bắt tay nhau gây ảnh hưởng xấu tới đạo đức của người dân.

Những nơi có hiện diện của quân đội đều phải chịu nỗi thống khổ ghê gớm nhất do cuộc chiến mang lại. Cuối cùng trên khắp các vùng đất miền Nam không nơi đâu là thiếu dấu chân của binh lính cả hai phe. Lính Liên bang và nô lệ tự do lùng sục và cướp phá bừa bãi. Suy cho cùng, tướng Grant, tướng Sherman và các vị tướng khác buộc phải coi những hành động như vậy là một chiến thuật để giành chiến thắng cho mình. Nhưng sau này người miền Nam biết được một sự thật từ triết gia Santayana: “Tỏ lòng mến khách với quân lính của phe ta cũng là gánh nặng chẳng kém nghiêm trọng khi phải tiếp đón quân đội của kẻ thù”. “Những người lính thuộc quân đội Liên minh đã cướp sạch của tôi chẳng còn thứ gì. Họ không khác nào quân kẻ cướp. Mọi thứ cần dùng trong cuộc sống hàng ngày và những thứ tôi gìn giữ để chống lại kẻ thù chung cũng bị lấy đi. Tôi đang sống trong sự đầy đủ, tiện nghi và dư dả thì đột nhiên biến thành người chịu cảnh khốn cùng, thiếu thốn và cơ hàn”. Trong mùa hè và mùa xuân năm 1864, nhiều cư dân Georgia đã kết luận rằng: kỵ binh Liên minh dưới quyền chỉ huy của tướng Wheeler đáng sợ chẳng khác nào những kẻ lưu manh dưới quyền chỉ huy của tướng Sherman.

Quân Liên bang ngày càng đến gần khiến nhiều người miền Nam cùng nô lệ bỏ nhà bỏ cửa sống tị nạn tại những vùng chưa bị đe dọa xâm chiếm. Hàng ngàn cư dân thuộc khu vực phía trên của miền Nam tản cư xuống vùng xa xôi phía dưới. Hàng ngàn người khác chạy loạn tới Texas. Cuộc di dân khổng lồ này có rất nhiều điểm tương đồng với những cuộc tản cư trong các cuộc chiến tranh ở thế kỷ XX: đường phố chật như nêm với các toa xe và xe ngựa kéo chất đầy đồ đạc. Đoàn người lưu lạc, cả da trắng lẫn da đen, lê bước trên suốt chặng đường dài. Thông thường họ tổ chức thành những đoàn người dài dằng dặc. Đêm xuống họ cắm trại giữa cánh đồng trống trải. Phải rời bỏ quê hương, chuyển từ những trại tạm thời này sang trại tạm thời khác ở những nơi xa lạ chịu cảnh màn trời chiếu đất, cảnh thiếu thốn và nỗi lo lắng khôn cùng. Những người tị nạn (đặc biệt là phụ nữ, trẻ em) bày ra trước mắt một cảnh tượng thê lương buồn bã nhất của cuộc chiến.

Lo lắng và cô đơn càng làm tăng nỗi cùng cực và đau đớn về mặt tinh thần của những người thân bị bỏ lại đằng sau trong lúc binh lính chiến đấu để giành từng tấc đất. Trong những vùng có số lượng nô lệ lớn, người ta luôn phải đeo đẳng nỗi sợ hãi những cuộc nổi dậy của nô lệ. Thư từ thường đến chậm tại miền nông thôn ở miền Nam. Giờ đây nó càng chậm hơn bao giờ hết. Ở giai đoạn cuối của cuộc chiến, thư từ những quân nhân gửi về phải nhiều tuần mới đến được nơi cần đến. Đôi khi nó được chuyển tay từ bạn bè người quen để đến được với người nhà ở hậu phương.

Nông trại và trang trại thông thường sinh hoạt bình thường giờ đây là nơi cô quạnh đến đáng sợ. Tình trạng ấy càng khiến cuộc sống thêm căng thẳng bởi những gì luôn xảy đến với con người hàng ngày. Tất nhiên, thứ diễn ra liên miên hàng ngày kia là chiến tranh. Nhưng sự hiu quạnh lại chính là khung cảnh sống của rất nhiều cư dân trong những vùng nông thôn rộng lớn dưới quyền kiểm soát của Liên minh.

Luật pháp và trật tự thông thường bị phá vỡ tại những khu vực hẻo lánh. Ở những nơi này hầu hết đàn ông trai tráng đều đã gia nhập quân ngũ. Thế nên nó trở thành vùng vô cùng hỗn loạn. Lính đào ngũ và du kích đôi khi biến thành kẻ cướp tấn công và cướp phá đồn điền, trang trại. Ở giai đoạn sau của cuộc chiến, một phụ nữ tại vùng nông thôn Tây Louisiana viết: “Suốt hơn một năm qua, những người không biết đến luật pháp là gì, tự cho phép mình thành lập băng nhóm và tự ý đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì... lăng mạ, đánh đập, cướp bóc, đốt nhà, giết những người thân của các quân nhân đang tham chiến. Ở một vài nơi, họ còn cướp bóc theo những kiểu man rợ nhất: vợ, con cái và chị em gái của chúng ta đã bị cướp đi những thứ còn quý giá hơn cả cuộc sống đó là tiết hạnh của họ”. Những dòng chữ này của bà là sự mô tả sống động về thứ hệ quả không mấy tốt đẹp của chiến tranh.

Cuối cùng là nỗi thương đau. Chiến tranh mang đến cho vùng đất này biết bao nhiêu góa phụ, trẻ mồ côi và những người cha, người mẹ tan nát cõi lòng vì mất con. Richmond liên tiếp chứng kiến những đám tang của lính Liên minh chết trận hoặc chết vì bệnh tật. Có những đám tang với cả một đoàn ngựa không có người cưỡi. Nơi bàn đạp ngựa là những chiếc dầy cao cổ được cài vào bàn đạp. Một người miền Nam có óc quan sát thời ấy đã nói rằng: nỗi đau làm khô héo lượng con tim của phụ nữ miền Nam nhiều như những viên đạn giết chết đàn ông miền Nam trên chiến trường. Miền Nam đã biết thế nào là cái giá thâm phải trả cho chiến tranh.

Mặc dù nhà cầm quyền miền Nam không hề tổ chức và trả lương cho những nguồn năng lực trí thức và văn hóa, người miền Nam vẫn theo đuổi sự nghiệp giáo dục, nghệ thuật, văn chương và tôn giáo, vẫn sẵn sàng mang tài năng của mình phục vụ cuộc chiến. Ông Emory Thomas đã viết rằng: nhà thờ là nơi dễ dàng tìm kiếm những nét độc đáo của tinh thần dân tộc miền Nam nhất. Các chuyên gia thần học thường dùng những lập luận về tôn giáo để phán xét tính hợp pháp của việc chiếm hữu nô lệ và tính đúng đắn của nền độc lập miền Nam. Tin rằng Thượng đế sẽ ban cho miền Nam thắng lợi trong cuộc chiến chống lại những kẻ cuồng tín và vô thần miền Bắc, họ giục giã những tín đồ của mình hỗ trợ cho chính quyền Liên minh với sức mạnh và lực lượng. Họ thúc bách quân nhân miền Nam bộc lộ tính kiên cường và lòng dũng cảm. Nếu cần phải tự hi sinh bản thân trên chiến trường. Những nhà thuyết giáo thổi lên hồi kèn trống trận kêu gọi miền Nam tham chiến.

Về vấn đề li khai của miền Nam, những nhà thờ Tin lành, Giáo hội trưởng lão và Tân giáo đi theo tiến trình trước đó của những người theo hội giám lý và Baptist ân điển trong việc xây dựng lên những giáo phái của miền Nam. Dù tính cách quốc tế của nhà thờ Thiên Chúa giáo cấm việc hình thành các chi tôn giáo khác nhau theo



từng vùng miền, những người Thiên Chúa giáo miền Nam hỗ trợ Liên minh như thế họ thực ra là một chính thể tôn giáo riêng biệt.

Tôn giáo đóng một vai trò mạnh mẽ trong cuộc sống của nhiều nhà lãnh đạo quân sự và dân sự miền Nam. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình Cơ đốc giáo dòng Baptist ân điển, Tổng thống Jefferson Davis không phải là một thành viên chính thức của nhà thờ vào giai đoạn cuộc chiến mới bùng nổ. Tại Richmond ông cải đạo theo Tân giáo. Như vậy ông đã bước lên nấc thang hình thức cuối cùng để gia nhập tầng lớp quý tộc miền Nam. Thậm chí có khi ông đưa tôn giáo trở thành một nguyên nhân cho miền Nam giành độc lập. Ông đi dự lễ thường xuyên tại nhà thờ Tân giáo thánh Paul. Ông tuyên bố dân chúng dành nhiều ngày đặc biệt để ăn chay và cầu nguyện cho chiến thắng của Liên minh. Tướng Lee là tín đồ ngoan đạo của Tân giáo. Tướng Jackson là tín đồ khắc kỷ của Giáo hội trưởng lão. Dù cả hai đều chiến đấu giành chiến thắng cho miền Nam nhưng cả hai đều tin tưởng rất nhiều vào một thứ: kết cục của cuộc chiến nằm trong tay Chúa Trời.

Rất nhiều tướng tá của Liên minh, bằng cách này hoặc cách khác, pha trộn giữa tôn giáo với chiến tranh. Đức cha Robert Louis Dabney, một chuyên gia Thần học của Tân giáo nổi tiếng là thành viên thân tín của tướng Jackson. Tướng chỉ huy lữ đoàn William Nelson Pendleton, một sĩ quan tốt nghiệp trường quân sự Hoa Kỳ và là viên tướng chỉ huy pháo binh rất có năng lực của tướng Lee, là một mục sư Tân giáo. Đầu cuộc chiến, ông này đi đầu trong phong trào pha trộn Tân giáo với quân sự bằng cách đặt tên cho những khẩu pháo của ông ta là Matthew, Mark, Luke, và John. Ông cầu nguyện cho những linh hồn của kẻ thù, ngay khi ông ra lệnh bắn vào thể xác họ. Ông Leonidas Polk, mang quân hàm trung tướng vào tháng 10 năm 1862, cũng là một quân nhân tốt nghiệp Trường Đại học quân sự Hoa Kỳ. Tại trường đại học này ông là một trong những người bạn cùng phòng của Albert Sidney Johnston. Đầu cuộc chiến, ông là một mục sư Tân giáo của Louisiana. Thi thoảng trong thời gian chiến tranh, ông cũng trở lại vai trò giáo sĩ của mình. Trong nỗ lực cản trở thắng tiến của tướng Sherman tại Georgia, tướng Joseph E. Johnston và John Bell Hood đã phải viện tới tôn giáo. Viên linh mục tham chiến cởi bỏ quân phục, mặc vào tấm áo chùng đủ dài để hành lễ ban thánh thể.

Có rất nhiều các cuộc hội họp để cầu nguyện của các giáo đoàn cầu xin Chúa Trời ban phước cho nỗ lực của miền Nam. Những việc làm này thức tỉnh lòng mộ đạo tựa như sóng thủy triều tràn tới các doanh trại. Những người truyền giáo tới nhà nguyện trong doanh trại để cứu rỗi linh hồn và cầu nguyện Chúa Trời ban phước cho quân đội Liên minh. Mặc dù tôn giáo không thể mang lại chiến thắng cho miền Nam, rõ ràng nó mang tới một sức mạnh to lớn cho vùng đất này. Thống đốc Pickens của miền Nam Carolina nói rằng những người thuyết giáo đã biến cuộc chiến tranh của người miền Nam giành độc lập thành một cuộc thánh chiến. Giáo sư Charles Reagan Wilson nói: chính nghĩa Liên minh theo đuổi trở thành thứ tôn giáo trong lòng dân chúng của một miền Nam thời hậu chiến.

Mặc dù lúc đầu báo chí miền Nam chia rẽ bởi quan điểm của họ về sự khôn ngoan của hành động li khai, đông đảo các tờ báo trong vùng vẫn hỗ trợ cho chính quyền Liên minh một khi chính quyền này được thành lập. Nhưng giới báo chí Liên minh tiếp tục bày tỏ tính dân chủ mạnh mẽ đã từng khiến giáo sư Robert S. Cotterill một thế kỷ sau phải nói rằng: thật ra mỗi bài xã luận được đăng trên các tờ báo của miền Nam xưa kia đều bao gồm lời mời mọc khích lệ cho một cuộc chiến tay đôi hoặc hành động giết người. Tờ báo Người điều tra Richmond của ông Nathaniel Tyler, tờ Richmond Sentinel của ông Richard M. Smith và tờ Charleston Courier (Người đưa thư Charleston) ủng hộ Tổng thống với lòng kiên định phi thường. Họ đã trở thành cơ quan ngôn luận của chính quyền Miền Nam.

Edward Pollard và John M. Daniel của tờ Richmond Examiner (Người thanh tra Richmond) công kích Tổng thống Davis và các biện pháp thời chiến của ông. Họ buộc tội ông là bất tài và chuyên quyền độc đoán đến độ trở thành một tên độc tài quân sự. Mĩa mai thay, chính phủ Liên minh bị coi là bạo ngược kia lại không hề động đậy một ngón tay đàn áp những tờ báo thù nghịch, mặc dù rõ ràng những tờ báo ấy đã làm yếu đi nỗ lực chiến tranh của miền Nam bằng cách gieo những hạt giống nghi ngờ và bất đồng trong dân chúng.

Các nhà văn tiên phong của miền Nam phản ứng lại cuộc chiến với các tác phẩm mang cảm xúc sâu sắc. Thơ ca đặc biệt phổ biến. Mặc dù hầu hết nó được viết vội vã và mang những tình cảm sáo mòn như của hai nhà thơ người miền Nam Carolina Paul Hamilton và Henry Timrod. Thơ ca cũng cho người đọc những mỹ từ tán dương thứ bi kịch do các sự kiện thời chiến mang tới. Bài thơ “Trận chiến trên cảng Charleston” của Haynes tôn vinh việc cố thủ đầy dũng cảm tại nơi này. Ông Timrod, một nhà thơ được nhận giải thưởng của Liên minh, viết những dòng thơ mô tả tính cách độc đáo của người miền Nam trong 2 bài thơ Quả bông và Nguồn cội. Trong bài thơ Hây cầm vũ khí, ông đã dùng lời thơ thúc giục người ta hành động.

“Bạo ngược hoành hành trên khắp quê hương tươi đẹp của bạn.

Và nó vẫn bay, gieo rắc sự sợ hãi lên những cánh đồng mọc đầy grom giáo kết thành bó,

Bạo ngược biến đất nước của bạn thành thứ bụi thiêng

Khiến đất đai chìm dưới những trận lụt đỏ máu!”

Về bài Cầu hồn cho những lính Liên minh tại nghĩa trang Magnolia ở Charleston viết sau cuộc chiến, nhà phê bình văn chương Ludwig Lewisohn nói rằng ông Haynes “có những vần thơ sâu sắc và hoàn hảo như những vần thơ Latinh”.

“Hãy ngủ ngon trong ngôi mộ nhỏ.

Ngủ đi, hỡi những người tử vì đạo ngã xuống cho sự nghiệp độc lập.

Mặc dù không có cột đá hoa cương cầu khẩn tổ tiên đừng chân nơi đây.

Hạt giống của vinh quang trên mặt đất, sẽ sinh sôi và tên tuổi người sẽ nở rộ.

Và ở một nơi khác, mong sao lưỡi giáo nằm trong đá sẽ lại đến với nhân gian”.

Văn chương miền Nam thời chiến không có được chất lượng và tinh thần như của thơ ca. Có lẽ do không đủ thời gian để một tiểu thuyết có chất lượng đạt đến độ chín của nó. Tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất vùng thời tiền chiến. Ông William Gilmore Simms của vùng Charleston là tác giả của nhiều tác phẩm cảm động lấy dữ liệu từ lịch sử vùng Nam Carolina. Ông sống qua suốt thời gian chiến tranh và viết vài bài thơ, báo ủng hộ Liên minh. Ông mất năm 1870 mà không hề có được một tác phẩm lớn nào về nội chiến dù đã rất cố gắng. Tiểu thuyết nổi tiếng ở miền Nam viết trong thời kỳ chiến tranh là tiểu thuyết Macaria hoặc Bàn thờ những người hi sinh của Augusta Jane Evans. Đây là một câu chuyện lãng mạn tinh tế kể về sự phản kháng của các gia đình có con em tham gia quân đội Liên minh chết trận trong nội chiến như nữ nhân vật chính trong một tiểu thuyết Hy Lạp mà tác phẩm này mang tên.

Cũng thật dễ hiểu, sự khắc nghiệt của cuộc sống dưới quyền Liên minh kiểm soát kìm hãm sự sáng tạo của văn chương trào phúng. Nhưng trào phúng không hề thiếu vắng trong các tác phẩm miền Nam.

Những tác phẩm bất hủ của văn chương Liên minh không nằm trong số những tác phẩm văn chương tiêu chuẩn. Nó chỉ là những trang mẩu nhật ký và thư từ của những người miền Nam tài năng, mô tả những sự kiện đánh dấu một kỷ nguyên của thể hệ họ và những cảm xúc trước thời cuộc. Phần lớn các trang mẩu nhật ký ấy do phụ nữ viết. Vì thế nó bộc lộ những suy nghĩ sâu sắc nhất, tình cảm cháy bỏng nhất của một bộ phận phụ nữ thuộc xã hội miền Nam. Những ghi chép nổi tiếng nhất là của bà Mary Boykin Chesnut thuộc miền Nam Carolina. Chồng của bà là một cựu thượng nghị sĩ Hoa Kỳ. Ông dành hầu hết thời gian trong cuộc chiến làm trợ lý cho Tổng thống Davis. Nhật ký của bà mãi sau này mới được phát hành. Nó là một trong những tác phẩm hấp cảm và có giá trị nhất được viết bởi những người dân sống dưới thời Liên minh. Một nhật ký có thể sánh với nhật ký của bà Mary Boykin Chesnut cũng được xuất bản sau này. Đó là nhật ký của Judith White McGuire, người Virginia; của Sarah Morgan Dawson và Sarah Katherine Stone, cả hai đều người Louisiana. Còn có cả nhật ký của Catherine Ann Devereux Edmondston người Bắc Carolina.

Bà Chesnut mô tả một cách không thiên vị những sự kiện xã hội ở thủ phủ của vùng đất do Liên minh nắm quyền kiểm soát. Bà có cách viết độc đáo và sâu sắc với sự chân thực đáng khâm phục về một trong những điểm yếu lớn của chính quyền Liên minh: những bất hòa nội bộ. Bà viết “chúng ta tự làm mình què quặt, khiến bản thân không thể kiềm chế trước những mối xung đột nội bộ”. Vài năm sau, khi hiệu đính lại tác phẩm của mình để xuất bản, bà đã bỏ đi phần lớn những trang của bản gốc. Tuy nhiên, phần còn lại được biên soạn thật chính xác trong bản biên soạn cần trọng sau này. Ông C. Vann Woodward nói rằng bà Chesnut đã bộc lộ một niềm tin vững chắc vào nhận thức của mình về những kinh nghiệm thời chiến. Bằng cách làm như vậy, “bà đã làm sống lại cuộc khủng hoảng lịch sử xảy ra ở thể hệ của bà...”.

Có lẽ hấp dẫn hơn nhật ký của bà Chesnut là bộ sưu tập các lá thư thời chiến tranh và những phần của nhiều bài báo được cắt rời do dòng họ của Charles Colcock Jones sưu tầm. Đây là một gia đình vùng Georgia. Jones là một mục sư tôn giáo được nhiều người biết tiếng. Ông cũng là tác giả của nhiều sách giáo lý vẫn được sử dụng rộng rãi với mục đích giới thiệu tôn giáo cho những người nô lệ. Gia đình Jones nhiệt thành ủng hộ li khai. Cổ vũ cho việc rút quân khỏi miền Nam Carolina, bà mẹ Mary Jones viết cho con trai mình như sau: “Khi anh trai con và con còn rất nhỏ, chúng ta đã mang con đến đại sảnh đường Độc lập cổ xưa. Dưới chân tượng Washington, ta cầu mong sau này cả hai con sẽ có cơ hội được phò trợ và chiến đấu bảo vệ Liên bang. Cái Liên bang ngày ấy giờ đã chết. Các con được giải phóng khỏi lời thề nguyện của mẹ mình”. Với lòng biết ơn vô hạn Chúa Trời vì đã ban cho Liên minh nhiều chiến thắng đầu cuộc chiến. Bà đã phải đối mặt với những vất vả sau này và chịu thất vọng về cuộc chiến với nỗi đau thấu tim gan. Sau khi nhận được tin tức từ trận Gettysburg, bà viết: “Biết bao giờ cuộc giao tranh khủng khiếp này mới kết thúc đây? Và chúng ta phải chịu những nỗi đau sâu sắc cùng cực tới mức nào mới được cứu nguy... Mẹ có thể thấy sự tàn sát đến với bản thân và đồng bào mình, nhưng phục tùng thì không đời nào!”.

Nhưng rốt cuộc cũng phải phục tùng. Không ai mô tả điều đó bằng những cảm xúc sâu sắc hơn là những lời của con gái bà Mary Jones trong bức thư gửi cho mẹ mình: “Với trái tim buồn bã và nặng trĩu, chúng con ghi lại những sự kiện tối tăm bi thảm của một năm nhiều thảm họa nhất này. Chúng ta đã từng chứng kiến hết hy vọng này tới hy vọng khác tàn rụi héo hon cho tới khi tổ quốc chúng ta chẳng còn gì ngoài một đồng đồ nát, tro tàn... Sự tan rã của toàn bộ quốc gia và của cả một dân tộc kiêu hãnh là nỗi đau uất nghẹn và khủng khiếp”. Thơ từ của gia đình Jones, một thế kỷ sau cuộc chiến mới được xuất bản. Tiểu thuyết gia hiện đại Madison Jones nói rằng: dù câu chuyện về miền Nam cổ kính và sự hủy diệt của nó trong chiến tranh sẽ được kể đi kể lại nhiều lần, những trang viết này nói về nó “một cách đầy đủ và sâu thẳm nhất với một nghị lực và sức sống không gì sánh kịp”.

Không có truyền thống vững vàng của miền Nam trong nghệ thuật tạo hình, Liên minh không thể sống đủ lâu để phát triển một nền nghệ thuật cho riêng mình. Kiến trúc tại những tòa nhà trong các đồn điền ở Georgia, West Indies, những ngôi nhà dân thành thị và những tòa nhà công cộng thể hiện rõ óc duy mỹ của người miền Nam xưa. Việc xây dựng đã đình đốn trong suốt cuộc chiến. Và những gì còn tồn tại, phải chịu sự hủy diệt hoặc hư hại. Nhưng nghệ thuật vẫn phục vụ phần nào cho sự nghiệp của Liên minh. Các nhà hát tiếp tục hoạt động tại Richmond và các thành phố khác. Những vở kịch của Sheakespeare và những nghệ sĩ sáng tác kịch nổi tiếng khác được ra mắt công chúng. Có những tác phẩm được viết vội vã nhằm lôi kéo sự chú ý của công chúng vì nó pha trộn giữa hài kịch và lòng yêu nước của người miền Nam. Ví dụ như phim Vua Linkum Đệ I của John Hill Hewitt, The Confederate Vivandiere của Joseph Hodgson, và Great Expectations or Getting Promoted của J. J. Delchamp.

Nhiều nữ diễn viên da đen cũng rất nổi tiếng. Rõ ràng những trò khôi hài phần nào làm người miền Nam khuấy khỏa trước thực tế tàn nhẫn đang xảy ra quanh họ.

Họa sĩ miền Nam và các nhà điêu khắc miền Nam mang tâm huyết và tài năng đã hỗ trợ cho Liên minh bằng cách mô tả những quang cảnh chiến trường hoặc thể hiện dung mạo các anh hùng trong quân đội Liên minh. Đáng kể nhất là tác phẩm của William Washington. Đó là một bức tranh mô tả niềm tự hào và cảm xúc chủ đạo đi kèm với một đám tang của một sĩ quan bị chết khi phục vụ trong đội kỵ binh của tướng Stuart bảo vệ cánh quân McClellan đầu cuộc chiến.

Mặc dù nghệ thuật nhiếp ảnh Liên minh không có nhân vật nào nổi bật như doanh nhân nhiếp ảnh Mathew B. Brady của miền Bắc, nhưng các nhiếp ảnh gia Liên minh cũng đã nhiệt tình ghi lại hình ảnh họ quan sát được trong cuộc chiến. Những bức hình đầu cuộc chiến, quang cảnh của pháo đài Sumter ngay sau cuộc pháo kích được chụp bởi một nhiếp ảnh gia đại diện cho doanh nghiệp Osborn and Durbec ở Charleston. Những cái tên của một số người miền Nam như George Cook, J. D. Edwards, F. K. Houston và J. W. Petty xứng đáng được người ta nhớ mãi bên cạnh những tên tuổi của các nhiếp ảnh gia miền Bắc vì họ đã thành công khi tái tạo một bộ sưu tập tranh ảnh sống động.

Vào thời chiến âm nhạc cũng là một nghệ thuật phổ biến tại miền Nam. Nó dễ dàng đưa tinh thần chiến đấu của thời cuộc vào từng tác phẩm âm nhạc người miền Nam yêu thích nhất là nhạc dân gian. Nó không được sáng tác bài bản. Đáng tiếc là những phong cách đáng chú ý nhất của âm nhạc Liên minh lại là các tác phẩm của những người không thuộc vùng này. Họ là dân di cư. Họ chứng minh cho sự phụ thuộc của miền Nam vào các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài. Một bài hát vui nhộn thời trước chiến tranh “Vùng đất của Dixie...” được người miền Nam biết đến với cái tên ngắn gọn “Dixie”, do ông Daniel Emmett người Ohio viết. Bài quốc thiều không chính thức của người Liên minh, sau khi nó được cử lên trong lễ nhậm chức của Tổng thống Davis trên cương vị là Tổng thống lâm thời ở Montgomery. Đoạn mở đầu mang nội dung như sau:

“Tôi ước sao tôi được sống trong vùng đất của những sợi bông trắng muốt, trong những thời kỳ người ta không thể nào quên.

Hãy quay đi, quay mặt đi khỏi vùng đất của Dixie

Tại vùng đất của Dixie, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi

Vào một buổi sáng sương mù.

Hãy thôi đừng nhìn mảnh đất của Dixie

Tôi mơ ước sao tôi được đứng trên mảnh đất của Dixie.

Trên mảnh đất của Dixie.

Tôi sống với niềm kiêu hãnh và cũng sẽ nằm xuống ở nơi đây.

Hãy đi thật xa

Xuống miền Nam, tới vùng đất của Dixie.

Hãy đi thật xa xuống vùng đất của Dixie”

Có lẽ một trong những bài hát sôi nổi nhất dưới thời Liên minh là bài “Lá cờ xanh của Bonnie”. Một người dân di cư Ireland tên là Harry McCarthy viết bài hát này. Trước chiến tranh, ông là một diễn viên hài kịch. Bài hát tôn vinh một lá cờ bay phần phật trên cột cờ của tòa nhà quốc hội ở Mississippi trong dịp tuyên bố li khai. Giai điệu du dương khiến ta nhớ tới gốc gác Celtic của tác giả:

“Hoan hô hoan hô, chiến đấu vì quyền lợi của miền Nam,

Hoan hô hoan hô chiến đấu vì lá cờ xanh Bonnie,

Lá cờ chỉ có một ngôi sao duy nhất!”

Ca khúc quân hành nổi tiếng nhất của Liên minh và cũng là bài hát dễ nhớ nhất có tên Hoa hồng vàng Texas. Bài hát này cũng được nhiều người hát rong sử dụng. Tiếc thay, thông tin về người sáng tác không được biết tới. Lời cuối cùng của bài hát này là:

“Có thể bạn sẽ muốn nói về tháng năm yêu quý nhất đời, và hát bài Rosalee

Nhưng bài Hoa Hồng Vàng Texas

Lại hát về những hoa khô của vùng Tennessee!”

Nhiều bài hát khác nâng cao tinh thần người miền Nam hay bộc lộ cảm xúc người miền Nam. Trong số đó có bài “Maryland ôi Maryland của tôi” do ông James Ryder Randall sáng tác. Đôi khi người ta cũng gọi nó là bài “Marseillaise” của Liên minh. Bài hát “Cuộc hành quân lớn của tướng Lee” do nhạc sĩ Hermann L. Schreiner sáng tác. Bản Ballad đầy cảm xúc thân thương “Lorena” do H. D. L. Webster sáng tác. Và bài hát kể câu chuyện xúc động tận đáy lòng về cái chết một người lính trẻ “Người thân yêu nhất của một người” do Marie Ravenel sáng tác âm nhạc là nguồn động lực duy trì cuộc sống của người miền Nam trong chiến tranh.

Trường học, cũng như nhiều học viện khác tại miền Nam, nhanh chóng thích hợp với cuộc sống thời chiến. Nhiều người gốc gác miền Nam trong số các thầy cô giáo đăng lính hoặc gia nhập quân đội Liên minh dưới nhiều hình thức nhằm phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh của miền Nam. Giáo sư John W. Mallet của Trường Đại học Alabama đã cống hiến kiến thức khoa học của ông để sáng chế ra loại đạn pháo hữu hiệu. Đồng thời ông giám sát việc chuẩn bị các chất hóa học để làm thuốc nổ. Hai anh em nhà LeConte, John và Joseph là những khoa học gia nổi tiếng, mang tài năng của họ phục vụ cho nhiều đề tài quan trọng. Họ cũng giữ những chức vụ chủ chốt trong phòng nghiên cứu sản xuất mìn và đạn dược của Liên minh.

Nhiều giáo sư trường đại học của miền Nam, tuy gốc gác không phải ở vùng này, nhưng cùng chung quan điểm ủng hộ li khai với người dân trong vùng. Nhiều người giỏi trong số họ từ chức trở về miền Bắc ngay từ đầu cuộc chiến. Trong số này có khoa học gia nổi tiếng Louis Agassiz. Ông này từng phục vụ trong một khoa của

Trường Đại học Y khoa Charleston. Nổi tiếng không kém là khoa học gia kiêm chính trị gia Francis Lieber. Ông dạy tại Trường Đại học Nam Carolina. Cả hai ông Agassiz và Lieber đều là người châu Âu. Họ đến Mỹ nhiều năm trước cuộc chiến. Nhiều người khác rời bỏ các học viện của miền Nam. Trong số này có Frederick A. P. Barnard, Hiệu trưởng Trường Đại học Mississippi. Sau này sự nghiệp của ông nở rộ trên cương vị Hiệu trưởng Trường đại học Columbia. Ông William Tecumseh Sherman, Hiệu trưởng Học viện quân sự bang Louisiana đã sớm mặc áo lính màu xanh dương và trở thành kẻ thù của chính phủ Liên minh.

Thầy cô giáo miền Nam vẫn đứng trên bục giảng hỗ trợ cho Liên minh bằng kiến thức sư phạm của họ nhằm củng cố niềm tin xã hội và chính trị. Giáo viên viết sách giáo khoa vì những bộ sách trước đây phải nhập khẩu từ những nhà xuất bản miền Bắc. Bộ sách của Liên minh sớm được in. Cùng ra đời với nó là việc tái bản cuốn “Chiến tranh Gallic của Ceasar” Giáo sư William Bingham của trường Bingham, Bắc Carolina cho ra đời cuốn ngữ pháp la tinh có nội dung có thể chấp nhận được.

Các tác giả miền Nam loại bỏ mọi vết tích của cảm xúc miền Bắc, thay thế nó bằng cảm xúc thích hợp hơn với người miền Nam. Họ tán thành việc chiếm hữu nô lệ và tán dương sự dũng cảm của Liên minh. Thậm chí người viết sách giáo khoa toán và địa lý cũng tìm cách khiến học trò phải nhớ những nguyên tắc của người miền Nam. Trong cuốn số học dành cho học sinh tiểu học của Johnson đưa ra nhiều đề bài cần giải quyết như sau: “Một người lính Liên minh có thể đánh bại 7 tên lính miền Bắc. Vậy cần phải có bao nhiêu người lính để đánh bại 49 tên miền Bắc?”. Đây là một cách góp nhặt kiến thức từ cuốn sách nổi tiếng do giáo sư Daniel Harvey Hill của Trường đại học Washington và sau này là Trường Đại học Davidson biên soạn. Ông này về sau trở thành một vị tướng của Liên minh. Trong cuốn những nguyên tắc của môn đại số của ông có bao gồm những hình ảnh vẽ những cảnh của chiến tranh Mexico. Trong đó có một đội hình quân tình nguyện người da đỏ bỏ chạy trước khi kẻ thù tấn công trong lúc một quân đoàn Mississippi vẫn kiên cường bám trụ. Ông sử dụng một hình ảnh minh họa trong đó có cảnh những người bán hàng rong miền Bắc với gánh hạt nhục đậu khấu đã bán những hạt giả bằng gỗ cho những bà nội trợ chất phác người miền Nam.

Hầu hết những trường đại học trong vùng đều đóng cửa. Lời biện hộ của những quan chức đại học là quân nhân giải ngũ không đủ tiêu chuẩn nhập học. Nếu họ có được công nhận đi nữa, có lẽ hầu hết sinh viên đã lại đăng lính và một làn sóng cảm xúc dâng trào của thời gian ấy sẽ khiến việc học hành nghiêm chỉnh không thể có với hầu hết những người nào còn theo nghiệp sách đèn. Một số trường học bị hủy hoại và phá hỏng. Thực ra mọi lời biện hộ trên đều là cách lảng tránh khéo léo. Họ không dám nói tới sự thực quản lý lỏng lẻo và vô trách nhiệm. Mặc dù sinh viên đều gia nhập quân ngũ, trường học cũng chịu ảnh hưởng nặng nề. Rất nhiều trường học trong số 3 ngàn trường tư (là chỗ dựa chính cho việc giáo dục trước đại học) bởi thiếu ngân sách hoặc thiếu giáo viên cũng phải chịu chung số phận. Các kỳ học ở

trường cũng bị rút ngắn. Người đăng ký học ít dần khi sức lao động của trẻ con ngày càng cần thiết hơn tại gia đình, đồng ruộng, và các cửa hiệu.

Chỉ có ở Bắc Carolina, khi tầm ảnh hưởng của thầy Hiệu trưởng Calvin Wiley là khá lớn đối với Thống đốc Vance, nên bang có được nguồn tài chính để trường đại học này hoạt động gần như bình thường. Nhìn chung khắp miền Nam, giáo dục chính quy phải chịu sự hoạt động thất thường nhất trong suốt cuộc chiến.

Người da đen trong vùng đất Liên minh kiểm soát, đặc biệt là ba triệu rưỡi nô lệ, cuối cùng cũng là những người được lợi nhiều nhất từ cuộc nội chiến: sự tự do. Sự va chạm và mòn mỏi của cuộc chiến, theo lời của Tổng thống Lincoln, không tự nó hủy hoại chế độ chiếm hữu nô lệ, nhưng nó làm suy yếu nghiêm trọng chế độ này và chuẩn bị con đường diệt vong cho nó.

Thậm chí trước khi quân đội Liên bang tiến sâu mạnh mẽ vào khu vực miền Nam, nhưng những lời nhận xét của chủ nô cho thấy rằng nô lệ ý thức về cuộc chiến từ rất sớm, từ khi chiến tranh còn là một cái gì đó rất xa xôi. Họ dường như có linh cảm giúp họ phần nào biết được thông tin.

Những ảnh hưởng xác thực đến hành vi của nô lệ là kết quả những đòi hỏi phục vụ quân đội thời chiến của phần đông người da trắng. Mặc dù luật dự thảo của Liên bang miễn quân dịch cho người da trắng đang phải cai quản một đồn điền tầm cỡ trung bình, nhiều chủ đồn điền và con trai họ vẫn gia nhập quân ngũ, để lại đồn điền nô lệ dưới quyền quản lý của các bà vợ, hoặc có hoặc không có người giám sát. Rất nhiều những kẻ làm công cũng mặc áo lính. Báo chí thời chiến không ngớt lên tiếng phàn nàn về việc thiếu người giám sát hoặc sự bất tài, và lơ là của những người tạm thời phải coi sóc đồn điền.

Việc di cư của các gia đình da trắng từ những vùng bị đe dọa xâm chiếm đã làm mối quan hệ giữa chủ và nô lệ không mấy tốt đẹp. Thường nô lệ phải chịu thiệt trong những lần di chuyển. Họ bị buộc phải tách khỏi vợ con vì vợ con họ lại thuộc về chủ đồn điền khác. Hoàn cảnh như trên cũng tạo ra nhiều cơ hội để nô lệ bỏ trốn. Những nô lệ đã chuẩn bị sẵn cho hành động bỏ trốn rất thích chủ chuyển nhà.

Tình trạng khẩn cấp thời chiến tranh đã làm công việc và điều kiện sống được cải thiện đối với một số nô lệ nhất định. Bởi thiếu thốn nguồn nhân lực da trắng, rất nhiều nô lệ được tuyển dụng. Họ rời bỏ chủ nô và làm việc trong các nhà máy sản xuất đạn dược, hoặc nhu yếu phẩm cho Liên minh.

Nhiều nô lệ được lợi từ cuộc chiến về nhiều mặt khác nhau. Nhiều người miền Nam da trắng có lương tâm, đặc biệt là những lãnh tụ tôn giáo, nỗ lực rất nhiều để xóa bỏ những ngược đãi trong quản lý nô lệ, nên phải tuân thủ những lý thuyết của miền Nam về sự tồn tại của tình huynh đệ đích thực theo cơ đốc giáo. Lý thuyết này áp dụng cho cả ông chủ lẫn nô lệ. Họ cũng cố gắng để làm giảm nhẹ những tác động xấu từ chế độ chiếm hữu nô lệ hay từ người miền Nam. Những cải thiện trong điều kiện sống của nô lệ góp phần vào lợi ích của chủ nô và ông chủ bằng cách duy trì



hoặc làm tăng sản lượng của mình. Như vậy, chủ nô hay ông chủ tận dụng cơ hội cuộc chiến mang lại cho họ.

Dù có nhiều khó khăn thời chiến trong hệ thống nô lệ miền Nam, sản phẩm do nô lệ làm ra vẫn duy trì ở mức cao trong lãnh thổ của Liên minh, cũng như phục vụ đắc lực cho cuộc chiến đặc biệt đang diễn ra ở miền xa xôi. Trong mùa thu và mùa đông năm 1861-1862, nô lệ đã thu hoạch và chế biến một lượng nông sản đường lớn nhất tại Louisiana. Cuối mùa hè năm 1863, lính Liên bang tiến sâu vào lãnh địa miền Nam. Họ vô cùng ngạc nhiên trước sản lượng ngô bạt ngàn được gieo trồng và thu hoạch dưới bàn tay của nô lệ. Vì thế, những binh lính này nhạo báng những “bài báo chán ngắt” miền Bắc nói rằng Liên minh sẽ chịu đói rã rụn và sẽ phải đầu hàng mà thôi.

Ngoài việc sản xuất thực phẩm tại đồn điền và làm việc trong nhiều nhà máy tại miền Nam, một số lượng lớn nô lệ được chính phủ Liên minh tuyển dụng đi đào công sự và xây dựng các pháo đài, xây dựng và duy tu đường sắt, đồng thời phục vụ các công việc cần lao nặng nhọc khác. Điều kiện sống và làm việc của nhiều nô lệ khắc nghiệt hơn điều kiện tại các đồn điền nên từ đó họ bỏ đi. Nô lệ cũng có khi là tài xế, đầu bếp và làm nhiều công việc dành cho người hầu phục vụ quân đội Liên minh. Những người miền Bắc đã đúng khi đánh giá việc giải phóng nô lệ với lý lẽ rằng: nô lệ sẽ được sử dụng để hỗ trợ cho nỗ lực tham chiến của Liên minh. Một trong những nghịch lý vĩnh cửu của cuộc chiến nằm ngay ở chỗ: nô lệ khiến nỗ lực tham chiến miền Nam trở nên vững mạnh.

Việc quân đội Liên bang đến miền Nam nhanh chóng bác bỏ lời tuyên bố truyền thống của người miền Nam rằng: nô lệ sẽ mãi phải sống dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, ít nhất là trong các giai cấp nông nô. Khoảng khắc lực lượng quân sự có quân phục xanh dương tiến đến sát một vùng cụ thể, nô lệ bắt đầu bỏ trốn có khi một mình, có khi đi hai ba người thông thường vào buổi tối, tìm đường đến với các doanh trại Liên bang. Một số người bỏ trốn nhanh chóng vỡ mộng bởi nhận thức của họ trước thực tế phũ phàng và quay trở lại đồn điền với nhận xét “ta đã thấy voi và mừng vì đã được ở nhà”.

Nhưng hầu hết nô lệ không trở về. Đầu cuộc chiến, tướng Benjamin F. Butler tại pháo đài Monroe ở Virginia đã thiết lập tiền lệ: sử dụng người da đen tị nạn đến từ các đồn điền như là nhân công phục vụ cho quân đội Liên bang. Ông tránh né vấn đề chính trị và hợp pháp hóa thứ rất khó giải thích là giải phóng nô lệ, bằng cách gọi họ là những thứ hàng lậu của chiến tranh. Một cái tên gắn liền với người da đen trong suốt cuộc chiến. Sau khi chiếm được cảng Royal vào cuối năm 1861, một cảng ở Carolina, viên chức của bộ tài chính tiếp quản các đồn điền bỏ hoang ở đây. Ông Edward L. Pierce của Boston đã xây dựng nhiều trường học cho người da đen, đưa những doanh nhân miền Bắc xuống vùng này để cai quản các đồn điền bằng cách sử dụng những người da đen là cựu nô lệ, biến họ thành người làm công ăn lương tự do. Đồng thời một số ít trong họ được ban cho đất đai để tự mình trồng trọt. Kinh nghiệm này đã trở thành, theo lời của nhà sử học Willie Lee Rose, một cuộc tập dượt cho việc tái thiết sau này.

Khi các lực lượng quân miền Bắc tiến sâu vào miền Nam, vào tận trung tâm của lãnh địa Liên minh, họ đã cho hàng ngàn nô lệ cơ hội đào tẩu. Mặc dù còn rất trung thành với chủ, vô số nô lệ rời bỏ đồn điền và kéo nhau đến các doanh trại quân đội Liên bang trong những lễ mừng tự do được tổ chức lớn. Một ghi chép nói rằng cuộc hành quân của quân đội Liên bang xuyên qua vùng nông thôn miền Nam làm sôi động cuộc sống cộng đồng người da đen nơi đây “hệt như người ta chọc cây gậy vào tổ kiến vậy”.

Sự có mặt của một lực lượng người da đen đông đảo thất nghiệp tại các khu vực lân cận các doanh trại quân đội tạo ra một khung cảnh khiến cho các tướng chỉ huy, vì sự cần thiết của sức mạnh quân sự, nếu không nói là từ lòng trắc ẩn, ra lệnh cho những sĩ quan đặc biệt theo dõi. Tháng 12 năm 1862, tướng Grant chỉ định một tuyên úy trong quân đội ở Ohio, đại tá John Eaton kiểm soát người da đen trong toàn bộ khu vực hành chính Tây Tennessee và Mississippi. Hành động này tạo một tiền lệ để sau này các đơn vị quân sự khác của Liên bang tại miền Nam làm theo. Điều này dẫn tới việc vào tháng 3 năm 1865, Liên bang thành lập một ban quản lý thời chiến chuyên phụ trách giám sát người tị nạn da đen tự do và tại các vùng đất bị quân Liên minh bỏ lại. Người ta thường gọi phòng ban này với cái tên Ban Quản lý nô lệ được giải phóng.

Qua nhiều nỗ lực của những sĩ quan như Eaton và nhân viên dưới quyền ông ta, quân đội Liên bang mang đến cho người da đen khẩu phần ăn, sự chăm sóc y tế và những kiến thức cơ sở của nền giáo dục đương thời. Người da đen được chào đón với lòng nhiệt tâm tại các lớp dạy học. Rất nhiều trẻ em và một vài người lớn đi những bước chập chững vào nền giáo dục chính quy trong những hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời quân đội cũng đưa người da đen vào các khu vực thuộc địa để làm việc trong những đồn điền được sung công hoặc bị bỏ hoang, để có thể tự nuôi sống bản thân. Thường họ trở thành nhân công được trả lương của các doanh nhân miền Bắc. Những doanh nhân này thuê đất hoặc được cấp đất ở miền Nam.

Như vậy trong khi cuộc chiến tranh vẫn còn ác liệt ở các chiến trường xung quanh, người nô lệ được trả tự do ở miền Nam đã bước những bước đầu tiên trong hành trình dài và gian khổ để trở thành công dân Mỹ với đầy đủ ý nghĩa của từ này. Một vài người còn có cơ hội trở thành chủ đất. Những người khác tham gia vào những cuộc thử nghiệm đồng áng tập thể. Có người trở thành lao động theo hợp đồng tại những vùng đất rộng lớn của chủ đất da trắng và họ được trả công bằng tiền mặt hay hàng hóa. Có người làm việc trong những khu đất của các cá nhân được chia để tặng gia. Đây là một hình thức khởi đầu của phong trào lĩnh canh sau này.

Người da đen bắt đầu được hưởng sự tự do xứng đáng với mình. Họ nâng niu cuộc sống giờ đây đã được thoát khỏi bị giám hộ hoặc thống trị của người da trắng. Thậm chí khi họ định cư trong vòng những phòng tuyến của Liên bang, họ vẫn thường xuyên tổ chức những cuộc hội họp tôn giáo lớn bằng cách nhóm lửa trại. Tại đây họ được nghe những bài thuyết giảng hùng hồn của các nhà hùng biện ủng hộ người da đen. Họ nhiệt thành cảm ơn Chúa Giêsu, Đấng tối cao và “Ngài Linkum”,

người đã giải phóng họ khỏi cảnh đời nô lệ. Nhiều trường hợp nô lệ xây dựng những khu vực cố định để hành lễ. Trong đó có việc xây dựng những nhà thờ chỉ dành riêng cho người da đen miền Nam độc lập và chúng đã đóng một vai trò quan trọng trong các sự kiện của tộc người này sau chiến tranh.

Quân đội Liên bang bảo vệ người da đen, tạo điều kiện tốt nhất có thể cho cuộc sống của họ dễ chịu hơn. Tuy nhiên, lính Liên bang không thể ngăn cản được cảnh cơ cực giáng xuống đầu họ. Điều này giống như trường hợp quân Liên minh tái chiếm những vùng đất thuộc về họ trước đây. Tháng 12 năm 1862, những cuộc tấn công của hai tướng Van Dorn và Forrest của tướng Grant phải bỏ một vài vùng đất nhất định tại miền Tây Tennessee. Người da đen ở đây kinh hoàng khi bị bỏ lại đằng sau. Họ leo lên những toa xe chở hàng và hành khách trên các con tàu chở binh lính, bám vào bất cứ chỗ nào có thể, thậm chí nằm rạp trên nóc các toa xe lửa. Xe lửa chạy rất chậm với sự thận trọng tối đa. Nhưng thậm chí trong hoàn cảnh như vậy, đại tá Eaton viết “cảnh cực khổ của những con người này trong cái giá rét của mùa đông là không bút nào tả xiết”. Nỗi lo sợ của họ là xác đáng vì ai cũng biết rằng: lính Liên minh thường xuyên hành hình người da đen, nhất là những người theo báo cáo là mắc tội chống đối bằng vũ lực hay cướp bóc, hoặc dám tự ý bỏ chủ của mình mà đi.

Bị lôi kéo rời đồn điền và phải chịu cảnh cơ cực thiếu thốn, số đông người da đen đã chết vì phải sống cảnh màn trời chiếu đất giữa thời tiết khắc nghiệt, vì đói ăn và vì bệnh tật. Thêm vào đó họ thường xuyên bị lính Liên bang bóc lột. Nhiều người lính đã tìm kiếm phụ nữ da đen để thỏa mãn sắc dục. Một chủ đồn điền ở Louisiana viết trong sự phẫn nộ và tiếc thương: “Những người chiếm giữ các trại dành cho người da đen bỏ trốn dọc con sông Mississippi từ New Orleans đã sống trong nỗi đau buồn cùng cực nhất trong sự đê hèn và ô trọc... Trong lối sống và các hành động đáng ghê tởm, cách hành xử thật đáng sợ với đủ các tính chất đồi bại...”. Ông nói nô lệ bị chết có đến hàng trăm. Lính miền Bắc chỉ bị khiển trách. Những cảnh như vậy khiến vài người tiên đoán về một kết cục cho toàn bộ tộc người da đen ở miền Nam. Ông James McPherson ước tính tỉ lệ tử vong của người da đen ở miền Nam là 25%. Đó là cái giá nhất định phải trả để có được tự do.

Điều đáng nói nhất về hành vi của người da đen là họ từ chối không viện đến hành động khởi nghĩa hoặc bạo lực trên diện rộng. Ông Thomas Jefferson, một người chỉ trích mạnh mẽ chế độ chiếm hữu nô lệ, tuyên đoán rằng: việc giải phóng nô lệ sẽ mang tới cho nước Mỹ một cuộc tắm máu nếu nô lệ được trả tự do không bị trục xuất khỏi nước Mỹ. Thế là người miền Nam sống trong nỗi sợ hãi chờ đợi lời tiên đoán của ông trở thành sự thật. Lo sợ bởi lời đe dọa trên, giới cầm quyền miền Nam đã xiết chặt các điều khoản cấm đoán trong luật nô lệ. Họ đi tuần thường xuyên vào ban đêm và tổ chức các đoàn thể có vũ trang bảo vệ cho các hộ gia đình, sẵn sàng đàn áp các cuộc nổi dậy.

Nhiều quan sát viên miền Bắc tin rằng toàn bộ nô lệ đều hay kích động và dễ dàng nổi loạn. Người bài nô luôn chờ đợi một cuộc nổi dậy. Rõ ràng nhiều người trong số họ hi vọng có một cuộc nổi dậy như vậy. Ông Joshua Giddings của bang

Ohio, một chính trị gia nổi tiếng trong phong trào bãi nô tin rằng sự xuất hiện, dù chỉ một đội quân nhỏ, của đám nô lệ được giải phóng ở miền Nam sẽ châm ngòi cho một cuộc biến động vô cùng lớn do người da đen tổ chức. Nhiều người khác cũng có quan điểm tương tự. Mùa xuân năm 1861, ông Ulysses S. Grant viết là mối nguy hiểm to lớn theo sau sự sụp đổ của chức quyền Liên minh chính là một cuộc nổi loạn của nô lệ. Ông bảo cuộc nổi loạn ấy có thể sẽ được quân đội miền Bắc dập tắt. Ông David M. Potter gọi cuộc nổi loạn này là “ảo tưởng Spartacus”. Spartacus là lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của nô lệ thời kỳ La Mã cổ đại.

Người da đen ở miền Nam không thụ động hưởng nền tự do được trao vào tay họ. Ngoài việc nổi loạn “bằng đôi chân” là bỏ các đồn điền và nơi làm việc, họ còn tham gia rất nhiều vào việc duy trì sự tự do và giải phóng cho chính mình. Ngoài 134 ngàn người da đen khoác áo lính Liên bang, có lẽ có khoảng 200 ngàn người trợ giúp cho các lực lượng miền Bắc xâm chiếm miền Nam. Họ làm các nghề như công nhân, đầu bếp, lái xe và những nghề nghiệp tương tự. Nhiều người da đen độc lập còn phá hoại ngầm lực lượng Liên minh hay chống lại chủ của họ. Một vụ nổi tiếng nhất là vụ Robert Smalls ở Charleston. Ông này là hoa tiêu cho một chủ tàu miền Nam. Ông ta đã đưa con tàu vào tay những đơn vị giám sát phong tỏa của Liên bang. Sau cuộc chiến, ông Smalls trở thành một hạ nghị sĩ đại diện cho bang của ông.

Nhiều khi người da đen phía sau phòng tuyến của Liên minh công khai tỏ thái độ thù nghịch đối với chủ. Có nhiều trường hợp họ sử dụng cả bạo lực. Bà Chesnut có ghi lại một vụ giết người có nô lệ là thủ phạm tại một đồn điền ở miền Nam Carolina. Đây đó xảy ra những vụ cưỡng hiếp do người da đen chủ mưu. Người da đen thông thường cướp phá nhà có chủ da trắng đã bỏ trốn. Lác đác có những nỗ lực không thành trong việc gây dựng và tổ chức khởi nghĩa.

Tuy nhiên không có chuyện nô lệ nổi dậy. Lý do chính xác tại sao không có việc nô lệ nổi dậy cho tới nay vẫn khó có thể quả quyết. Nô lệ da đen tại Saint-Domingue (hiện này là Haiti) và ở những nơi khác cho thấy họ hoàn toàn có khả năng xây dựng và tổ chức nổi dậy thành công. Nô lệ miền Nam nói chung không dám mạo hiểm hoặc, chính xác hơn, họ cho rằng mạo hiểm là không cần thiết. Một nô lệ nói tôi thấy việc chuốc họa vào thân là vô nghĩa. Nếu muốn tự do chúng ta đã có nó... Chúng tôi nghĩ ở lại trong các đồn điền tốt hơn. Như vậy chúng tôi có đồ ăn và quần áo mặc. Muốn tự do là điều tất nhiên! Nhưng nếu bỏ trốn chúng tôi biết đi về đâu?”

Sự có mặt của các nhà chức trách quân sự cũng như dân sự miền Bắc tại miền Nam đã góp phần can ngăn nô lệ không bạo lực. Một khi lực lượng quân sự Liên bang đã vững chân ở một vị trí nhất định rồi, họ sẽ áp đặt một trật tự với dân nô lệ trong vùng cũng như với dân da trắng địa phương. Lời tuyên bố giải phóng nô lệ của Tổng thống Lincoln hướng dẫn những người nô lệ hãy cứ hòa bình cho tới khi được giải phóng, ngoại trừ phải dùng bạo lực khi tự vệ.

Rõ ràng thái độ của rất nhiều nô lệ tạo được tình cảm từ những ông chủ tốt. Mỗi giao hảo và tình cảm thường xuyên được trao đổi, không kể tới những rào cản về sắc

tộc và cảnh sống chủ tở. Lòng trung thành của nô lệ đã trở thành huyền thoại ở miền Nam thời tiền chiến. Bà Chesnut viết rằng tính chân thực của người da đen là chủ đề chính trong các cuộc đàm thoại của dân da trắng miền Nam Carolina sau khi chiến tranh kết thúc.

Cả ông Henry W. Grady (phát ngôn viên chính của người da trắng miền Nam thời hậu chiến) và ông Booker T. Washington (phát ngôn chính của người miền Nam da đen thời hậu chiến) đều phát biểu đầy cảm xúc về thái độ hiền hòa của nô lệ trong thời chiến.

Những lời tuyên bố về lòng trung thành của nô lệ thời chiến cũng cường điệu không kém những lời tiên đoán về chuyện nô lệ nổi dậy của những người bài nô trước chiến tranh. Tuy nhiên nô lệ không hề lợi dụng cơ hội của mình để nổi loạn và báo thù. Có lẽ ông Bell Wiley có lời tóm tắt đầy đủ nhất về lý do tại sao họ không nổi dậy: “Nếu nô lệ sống trong nhà không vùng lên chống lại chủ mình, họ sẽ không nổi dậy bởi thiếu phương tiện để liên lạc nhanh chóng và hành động phối hợp. Đồng thời có một tình cảm của hầu hết những nô lệ thông minh đối với thành viên gia đình của chủ kèm với nỗi sợ hãi sẽ bị hành quyết nếu có âm mưu nổi dậy bị phát giác. Thêm vào đó là những lợi ích to lớn mà người da trắng mang tới cho họ về mọi mặt. Vì những lý do đó, họ đã không động thủ”.

Phụ nữ miền Nam đóng vai trò đặc biệt trong tấn kịch Liên minh. Hầu hết họ đều ủng hộ li khai với sự hăng hái cao độ. Ủng hộ tính đúng đắn của sự nghiệp Liên minh. Họ thúc giục đàn ông tham gia quân đội và xấu hổ vì có chồng hoặc con lưỡng lự cầm súng. Đôi khi, những trang nam tử ấy nhận được vài món đồ lót phụ nữ như là những biểu hiện khinh miệt của các quý bà, quý cô. Phụ nữ đã từng bàn tới việc tham gia quân đội Liên minh. Tất nhiên là khi nào cần. Có những người quá hăng hái đã giả trai để tham gia quân đội. Du khách châu Âu và lính miền Bắc tại miền Nam đều đồng tình rằng phụ nữ là những người hiếu chiến nhất trong số dân lãnh địa do Liên minh cai quản. Tướng Nathaniel P. Banks chỉ huy khu vực bị chiếm đóng ở Louisiana nói rằng: phụ nữ miền Nam chính là nguyên nhân của cuộc chiến và là lực lượng chính duy trì chiến tranh. Nhà thơ Timrod thán phục lòng nhiệt huyết của phụ nữ miền Nam với những vần thơ sau:

“Phải chăng có người nao núng? Hãy để ông ta soi mình trong mắt những cô gái dũng cảm.

Thấy được ngọn lửa thánh hiện bùng cháy.

Trong những đôi mắt xanh thắm như bầu trời nơi trần thế kia.

Ồ! Liệu bạn có cảm xúc như những phụ nữ đang sục sôi ý chí,

Sẽ có một ngày bạn sẽ thấy được sắt thép này đây.

Dưới lớp vữa đá của cổng khải hoàn môn mừng chiến thắng”.

Đóng góp gây ấn tượng mạnh nhất của phụ nữ với Liên minh chính là sự đảm nhận công việc của hàng trăm ngàn nam giới buộc phải rời xa nông trại, cửa hàng và

nhà máy. Đối với hầu hết phụ nữ miền Nam, việc bù đắp này bao gồm quản lý đồn điền hoặc tham gia việc đồng áng. Nhưng hàng ngàn người khác có nhiều hoạt động đặc biệt hơn: may quân phục, sản xuất đạn pháo hoặc làm nhân viên trong các phòng ban của chính phủ. Nhiều người trong số họ giảng dạy tại trường học, may quần áo, nướng bánh mì và tham gia mọi công việc trước đây do nam giới đảm nhận. Có lẽ những người vợ ở vùng nông thôn phải chịu cực khổ nhiều nhất: chăm lo gia đình, trông nom và nuôi dạy con cái, cày cuốc trên đồng, nấu ăn, thuộc da, se chỉ, dệt vải, may quần áo, chăm sóc người ốm và trở thành cô giáo tại nhà cho con cái họ bởi trường học không còn.

Nhiều phụ nữ trở thành gián điệp giỏi của Liên minh. Nổi tiếng nhất trong số họ là cô gái người Virginia tên là Belle Boyd. Cô này nhiều lần đưa thông tin quân sự quan trọng, vượt qua phòng tuyến của Liên bang báo cho quân đội Liên minh. Bà Rose Ohio'Neal Greenhow, một người có vai vế trong xã hội ở Washington, được biết đến với công việc cung cấp cho các tướng tá Liên minh thông tin tình báo giúp họ thắng trận Bull Run đầu tiên. Có lần bị giam giữ tạm thời vì làm gián điệp bà Greenhow sau đó đã bị trục xuất tới Richmond. Cuối cùng bà ta chết đuối tại bờ biển Nam Carolina trong nỗ lực chạy khỏi vòng phong tỏa để thực hiện một sứ mệnh do Liên minh giao phó.

Hầu hết các nữ anh hùng nổi bật của quân Liên minh đều là phụ nữ làm y tá và điều dưỡng viên chăm sóc binh lính bị thương. Ngay từ đầu, trước khi bệnh viện quân sự được xây dựng, nhiều phụ nữ miền Nam đã tình nguyện chăm sóc cho số lượng đông đảo binh sĩ bị thương. Họ phải mạo hiểm và can đảm mới có thể chăm sóc cho binh lính ngoài chiến trường. Một tấm gương nhiều người biết đến về lòng dũng cảm của nữ giới chính là bà Arthur F. Hopkins người Virginia, đã từng phục vụ chiến trường Virginia và Alabama. Bà hai lần bị thương khi làm nhiệm vụ. Tướng Joseph E. Johnston đã gọi bà là “thiên thần của miền Nam”.

Phụ nữ tự tạo những bệnh viện hậu cứ đầu tiên bằng cách đưa lính bị thương về nhà họ để chăm sóc được lâu hơn. Nhiều người biết đến công việc của bà Sally L. Tompkins. Bà thuê một căn nhà tại Richmond và thiết kế trong ngôi nhà này một bệnh xá 22 giường cho các quân nhân. Tổng thống Jefferson Davis phong chức đại úy cho bà. Đây là cấp bậc cao nhất dành cho phụ nữ trong nội chiến. Phụ nữ còn đóng vai trò là các nữ y tá trưởng trong rất nhiều các bệnh viện được xây dựng sau này nhờ nỗ lực của chính quyền Liên minh.

Bà Ella King Newsom của Arkansas nổi tiếng là “Con hợa mi Florence của quân đội miền Nam”. Bà gây dựng nhiều bệnh viện và trạm điều dưỡng trên lãnh thổ Liên minh. Trong số các nữ y tá trưởng nổi tiếng có bà Kate Cumming của vùng Mobile, bà Phoebe Pemper, một phụ nữ Do Thái quyển rũ năng động phục vụ trong bệnh viện lớn Chimborazo ở Richmond, bà Louisa Susanna McCord người Nam Carolina. Một phụ nữ người Anh trong quân đội Liên minh đã viết những dòng sâu sắc sau đây: “Chỉ có trời mới biết lính Liên minh sẽ làm được những gì nếu không có nỗ lực của những người phụ nữ miền Nam”.

Không phải phụ nữ miền Nam nào cũng là nữ anh hùng. Hành động của một số người trong họ phản ánh sự suy đồi chung của những chuẩn mực đạo đức do chiến tranh gây ra. Nhiều người trong số họ có quan hệ tình dục lén lút chỉ vì phần kích và phiêu lưu. Trong nhiều trường hợp, họ thực sự cần tiền và thực phẩm nên phải bán mình. Tệ mại dâm lan tràn, đặc biệt là những vùng lân cận của các doanh trại quân đội. Giai đoạn sau của cuộc chiến, thị trưởng thành phố Richmond viết rằng: “Gái điếm nghênh ngang đi lại giữa ban ngày tới những khu vực lân cận thủ đô. Nhiều phụ nữ miền Nam còn đi quá xa đến độ họ bán thân xác cho binh lính Liên bang. Một số phụ nữ đã có chồng vẫn đi lại với lính Liên bang để có thực phẩm mang về nhà”. Những trường hợp tương tự xảy ra khắp miền Nam.

Có lẽ ta cũng không thể biết có bao nhiêu phụ nữ miền Nam thực sự cảm thông với chế độ nô lệ. Bà Anne Firor Scott nhận thấy rằng: hầu hết phụ nữ miền Nam, theo ghi chép họ để lại đều bày tỏ quan điểm chống đối chế độ chiếm hữu nô lệ và vui mừng khi thấy nó bị xóa bỏ. Một cô chủ ở đồn điền viết rằng: trong thâm tâm, mọi phụ nữ miền Nam đều là những người bài nô. Trong xã hội phụ hệ miền Nam xưa, dù phụ nữ được lý tưởng hóa và được tôn trọng về mặt xã hội, họ vẫn phải chia sẻ, ở một mức độ nhất định, vị trí phụ thuộc giống như những nô lệ vậy. Bà Chesnut bày tỏ khái quát rằng: mọi phụ nữ miền Nam đều là nô lệ. Dường như có một mối liên hệ tình cảm giữa các bà chủ đồn điền với các cô hầu gái trong nhà hơn là các mối quan hệ giữa các ông chủ đồn điền với các nô lệ nam của mình. Có lẽ mối quan hệ này nuôi dưỡng trong lòng phụ nữ miền Nam sự cảm thông mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn với nô lệ chứ không hời hợt như cánh nam giới miền Nam. Chiến tranh và những nỗi cơ cực của nó khuyến khích nhiều phụ nữ xem xét lại tư tưởng của mình. Điều này khiến họ tỏ ra không thích chế độ chiếm hữu nô lệ. Động cơ của họ tùy thuộc vào từng cá nhân. Có người chỉ trích thể chế này là vô cảm đối với nô lệ và là điều đáng ghê sợ về mặt đạo đức. Một phụ nữ Louisiana viết rằng: những kỷ niệm hồi còn thơ bé của bà chính là tình cảm lòng thương hại đối với nô lệ trong gia đình bà. Bà nói bà luôn cảm giác tội lỗi về việc sở hữu nô lệ và cho rằng chủ nô không thể lên được thiên đường. Những phụ nữ khác mừng vui khi thấy chế độ nô lệ suy vong bởi họ coi chiếm hữu nô lệ là một lời nguyền của thượng đế đối với miền Nam và là một gánh nặng phiền hà cho chính những chủ nô.

Nhiều phụ nữ miền Nam chống đối sở hữu nô lệ bởi vì họ thường gây ra những mối quan hệ tình dục giữa chồng họ và nô lệ gái. Bà Chesnut, mặc dù không coi đám da đen ra gì, vẫn căm thù chế độ chiếm hữu nô lệ bởi bà coi đó là một hệ thống quái gở. Bà bảo: “Nó chẳng khác nào một xã hội gia trưởng trong đó những người chồng người cha sống cùng một nhà với vợ cả vợ lẽ đầy đàn. Sự ghê tởm của tôi đối với chế độ nô lệ này có đôi khi không thể kiềm chế nổi”.

Cuối cùng lòng yêu nước mãnh liệt tồn tại trong phụ nữ miền Nam đã tan tành bởi những thực tế khắc nghiệt của cuộc chiến. Choáng váng trước đa số phụ nữ ở giai đoạn cuối cuộc chiến khẩn nài đòi lại chồng, con đang tham chiến, một công chức ủy ban chiến tranh ghi lại như sau: “trong tâm tưởng của xã hội miền Nam, chất

thép đã không còn”. Những lá thư từ những người vợ quân tử tràn ngập quân đội Liên minh và trở thành một nguyên nhân chính khiến quân nhân đào ngũ. Chỉ người nào mang trái tim bằng đá mới có thể kiên định với lập trường. Sự suy sụp tinh thần của phụ nữ là nguyên nhân chính dẫn đến kết cục cuối cùng: Liên minh sụp đổ.

Kết quả lâu dài từ các hoạt động thời chiến của phụ nữ miền Nam không thể đánh giá chính xác. Dù không còn là những con người bất lực và yếu đuối, đôi khi họ tự vẽ nên bức tranh thời chiến và trao cho mình những vai trò trước đây chưa từng gánh vác thành những cá nhân nỗ lực tham gia các công việc vì lợi ích xã hội. Một trong những tổ chức quyết đoán nhất của miền Nam là “Những người con gái đoàn kết của Liên minh”, được hình thành bởi những phụ nữ miền Nam với mục đích tưởng niệm lòng dũng cảm và những phẩm chất của chế độ cộng hòa miền Nam chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Bà Mary Elizabeth Massey được phụ nữ miền Nam cũng như miền Bắc biết đến khi bà bày tỏ suy nghĩ rằng: cuộc nội chiến đã giúp phụ nữ Mỹ vĩnh viễn đặt chân trên những lãnh địa trước đây chỉ dành riêng cho nam giới.

Cảm xúc miền Nam lên và xuống với ngọn triều dâng của chiến thắng và thất bại nơi trận tiền. Những thành công sớm nở tối tàn được đổi bằng sự hy sinh xương máu của những người chồng, người con, mang tới một làn sóng buồn vui lẫn lộn. Sự thiệt hại của cuộc chiến kéo dài và viễn cảnh sẽ phải thất bại hoàn toàn dìm người miền Nam trong nỗi thất vọng vô biên. Một chủ đồn điền Louisiana bộc lộ những cảm xúc chung của dân chúng thời kỳ này như sau: “Những ngày (đặc biệt là những ngày ẩm đạm và u tối) nối nhau qua đi, chẳng mang lại gì hơn ngoài sự chán nản về tương lai trước mắt... Cầu Chúa cứu giúp chúng con. Ôi chiến tranh mới đáng sợ làm sao, một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn muôn vàn đau đớn”.



## 13. Chiến thắng của Liên bang

Trong lần thất bại của quân đội tướng Hood và Atlanta thất thủ, tướng Sherman không thể thực hiện sứ mệnh của tướng Grant đã giao cho ông: hủy diệt quân đội Liên minh tại Georgia. Tướng Hood tránh cho thành phố Atlanta bị phá hủy bằng cách bỏ trống nó, giờ đây đang quay trở lại miền Bắc tấn công đường tiếp viện của tướng Sherman ở đường sắt đến từ Chattanooga. Khi tướng Sherman đến được chiến trường từ Atlanta để bảo vệ phòng tuyến này, tướng Hood ra lệnh hành quân trở về Tennessee với hy vọng đánh lạc hướng quân Liên bang ra khỏi miền đất phía dưới của phương Nam và có lẽ sẽ tái chiếm lại thành phố Nashville, một địa thế quan trọng trong suốt một thời gian dài là căn cứ chính của quân Liên bang.

Kế hoạch của tướng Hood được tướng Beauregard chuẩn y. Lúc này, tướng Hood chỉ huy quân đội phía tây được thành lập trong vòng tối mật. Tổng thống Jefferson Davis cũng chuẩn y kế hoạch của tướng Hood. Davis gặp tướng Hood tại thị trấn Palmetto, Georgia và bàn chi tiết về chiến dịch. Chỉ để đơn vị kỵ binh của tướng Wheeler bảo vệ toàn bộ khu vực miền Đông Nam sâu phía dưới. Ngày 19 tháng 11 tướng Hood băng qua sông Tennessee ở tại vùng Tusculum, bang Alabama với 38 ngàn quân, trong đó có cả đội kỵ binh của tướng Forrest đến từ Mississippi để hy vọng đảo ngược thế cờ ở Tennessee.

Tướng Grant tin rằng tướng Sherman sẽ truy sát và tiêu diệt đội quân của tướng Hood. Nhưng tướng Sherman giờ đây đề nghị một kế hoạch hoàn toàn khác. Những chiến dịch nằm trong kế hoạch này sẽ thêm vào một khía cạnh mới và quan trọng trong toàn bộ chiến thuật của Liên bang. Ông đề nghị rằng quân đội của Liên bang tại Tennessee phải được chính đốn để phòng thủ tại bang này. Tướng Thomas chỉ huy hai quân đoàn của đội quân Cumberland. Đây cũng là cánh quân chủ lực. Nhưng thực ra đội hình chính của lính dưới quyền ông sẽ bỏ khu vực này, đuổi theo tướng Hood và hành quân từ Atlanta tới Savannah theo đường biển, vừa đi vừa cướp bóc để lấy lương ăn. Ngày 11 tháng 10, sau khi trao đổi thư từ trong đó tướng Sherman giải thích và thúc giục thực hiện kế hoạch của mình, tướng Grant đã đồng ý.

Mục tiêu của tướng Sherman nhiều hơn là chỉ cướp lấy một thành phố hoặc một vùng đất nhất định. Ông mơ tới việc phá hủy con đường tiếp tế của Liên minh, hủy diệt những nhà máy và mọi nguồn lực quân sự khác và điều quan trọng nhất: Đè bẹp tinh thần và nhiệt huyết của quân đội cũng như nhân dân miền Nam, hủy diệt ý chí của miền Nam khiến cho miền Nam không thể tiếp tục kéo dài cuộc chiến. Ý tưởng này được ông cân nhắc rất kỹ và bây giờ đã đến lúc thực hiện. Đầu cuộc chiến, tướng Sherman từng viết: "Chúng ta nhất định phải chinh phục vùng đất ấy. Như chúng ta đã từng làm với dân da đỏ vậy". Ý nghĩa của ông trong câu nói này chưa thực sự rõ ràng nhưng có lẽ đây là những chiến thuật hiệu quả nhất đã từng áp dụng chống lại người da đỏ, từng tàn phá làng mạc và nguồn cung cấp lương thực của họ, sẽ được tướng Sherman áp dụng vào thời kỳ cuối của cuộc nội chiến nhằm dành được những kết quả tương đồng.

Thực tế giờ đây cuộc chiến đã không còn theo những nguyên tắc chiến tranh nữa. Nó cũng không còn những phép lịch sự và dè dặt từng xuất hiện ở giai đoạn đầu tiên. Năm trước, tướng Sherman đã diễn tập các phương pháp khủng bố dân miền Nam tại vùng lãnh thổ Mississippi. Lực lượng quân Liên bang Louisiana cũng đã có chương trình luyện tập tương tự. Lữ đoàn kỵ binh Liên minh của tướng Early đánh giá cao những phương pháp như phóng hỏa Chambersburg, Pennsylvania, trong một cuộc tấn công về Washington và vơ vét chiến lợi phẩm từ những thị trấn khác dọc theo con đường họ đi. Tướng Grant cũng đã áp dụng biện pháp chiến tranh của tướng Sherman tại Virginia.

Tướng Sherman nói rõ ý nghĩ của ông trong một bức thư rằng: “Chúng ta không chỉ đang chiến đấu chống lại một quân đội thù nghịch mà cả một dân tộc thù nghịch. Chúng ta không thể thay đổi được tâm tư suy nghĩ của người miền Nam, nhưng chúng ta có thể khiến cho cuộc chiến này trở nên vô cùng kinh khiếp... Nhiều thế hệ sau này cũng còn phải khiếp sợ cuộc chiến này”. Trong một câu nói thể hiện kiến thức thực sự của nhà triết học quân sự Clausewitz về bản chất của cuộc chiến tranh: “Chiến tranh là một màn diễn chính trị rộng lớn hơn và cũng là nơi vũ lực lên đến đỉnh điểm”. Tướng Sherman nói: “Nếu chúng ta có thể hành quân như một quân đội được trang bị đầy đủ xuyên qua vùng đất phía dưới của miền Nam, thì đó sẽ là một cuộc biểu dương lực lượng đối với cả thế giới, cả trong và ngoài nước, rằng chúng ta có một sức mạnh mà Tổng thống Davis không thể chống đỡ nổi. Đó không phải là chiến tranh mà còn hơn thế: là sự phô diễn tài năng của nhà chính trị”. Ông tin tưởng chắc chắn rằng chiến dịch của ông là khả thi. Ông giải thích “... việc hủy diệt hoàn toàn những con đường, nhà cửa và cả người dân Georgia sẽ hủy hoại nguồn lực quân sự của Liên minh... Tôi có thể thắng trận này và sẽ hân hoan mừng chiến thắng tại Georgia”.

Tổng thống Davis coi động thái của tướng Sherman là một cơ hội cho Liên minh không chỉ để chiếm lại Tennessee mà còn tái chiếm cả Kentucky, đồng thời bao vây luôn quân của tướng Sherman. Trước khi trở về Richmond sau cuộc họp với tướng Hood, Tổng thống Davis đã viếng thăm hàng loạt các thành phố miền Nam, trong đó có cả Macon và Augusta, Georgia, Montgomery, Alabama và Columbia, Nam Carolina. Ông đọc diễn văn trước đám đông dân chúng ở các thành phố này. Trước đó, ông đã ý thức về tầm quan trọng trong việc diễn thuyết trực tiếp trước dân chúng. Hoặc có lẽ ông cảm giác mình có nghĩa vụ phải ủy lạo tinh thần cho quân dân miền Nam. Lúc này ông đã có thể tuyên bố hùng hồn và tự tin trước dân chúng: “Sự nghiệp chúng ta không phải đã mất. Tướng Sherman không thể có được lượng đồ tiếp tế kịp thời và sẽ phải lui quân dù sớm dù muộn. Khi ngày tháng nối nhau qua đi, cái định mệnh đã giáng xuống quân đoàn của đế chế Pháp khi nó phải rút khỏi Maxcova sẽ lại xuất hiện tại nơi đây”; “Đã tới lúc cần phải hỏi rằng: luật pháp đòi hỏi gì ở các bạn...? Phải chăng đã đến lúc từng người dân bồng súng trong tay và nói: quốc gia cần tôi phụng sự và tôi sẽ nghe theo”.

Tướng Sherman nói ông ta sẽ hành quân tới Georgia và ông đã làm như vậy. Ngày 15 tháng 11, 60 ngàn lính kỳ cựu của ông hành quân trên đồng tro tàn của Atlanta miệng không ngớt ca vang “thi thể Johnston Brown mục ruỗng trong mồ... nhưng linh hồn của anh vẫn mãi hành quân”. Di chuyển thành đội quân hàng dọc với bốn cánh quân song song, quân tướng Sherman đi hết 60 dặm mà không hề gặp sự chống cự về quân sự nào gọi là to lớn. Rời khỏi vùng đất ấy, quân Liên bang mang nỗi kinh hoàng và sức tàn phá đến với dân cư miền Nam. Tướng Sherman phải ra lệnh chỉ được cướp lương ăn và cấm phá hoại của cải và đất đai của người dân, nhưng tướng chỉ huy các quân đoàn và binh lính dưới quyền ông chỉ làm ra vẻ nghe lời mà thôi.

Thái độ muốn báo thù của viên tướng này đã lây lan trên toàn quân đội. Sĩ quan mọi cấp bậc, mọi chức vụ làm ngơ cho lính cướp bóc. Sau chiến tranh tướng Sherman giải thích: “Bọn nổi loạn muốn chúng ta phá lý đoàn đến nơi đây, quân đoàn chúng tôi tới nơi kia. Chúng muốn bảo toàn gia đình và của cải trong lúc vẫn tham gia chiến đấu chống lại chúng ta... Đây là cuộc chiến chỉ có một kẻ thắng, một trò chơi một chiều và chúng ta... nhân hậu, công bằng và cao thượng... Không còn cái vớ nội bộ về những việc nhỏ nhặt như vậy. Cứ tiếp tục đánh bại kẻ thù, những trò cướp phá nhỏ nhỏ đó kẻ nổi loạn đáng phải chịu. Chúng đã buộc chúng ta phải tham chiến và chúng đáng phải chịu những gì ta ban cho chúng và cả những thứ còn tồi tệ hơn”. Chỉ thị cụ thể của ông cho một cấp dưới trong việc đối phó với những tay bắn tỉa, được ban bố trong những ngày đầu của chiến dịch Georgia, thậm chí còn quá khích như sau: “Sao anh không phá quân đội viễn chinh đến tận Faimouth hoặc Adaisville, đốt mười hoặc mười hai ngôi nhà của những kẻ chủ trương li khai mà ai cũng biết tiếng, giết vài tên tùy hứng và để cho chúng biết mỗi khi có tàu của ta phải hứng đạn của chúng, nói cho chúng biết chuyện như vậy sẽ còn lặp lại nhiều...”

Vô số người da đen hân hoan trong tự do cất bước theo quân đội Liên bang. Quân nhân không theo kịp đơn vị và đào ngũ tràn ngập khắp miền quê. Tất cả các nhóm này cùng chung tay cướp phá với quân đội miền Bắc. Một tiểu đoàn quân Liên minh trong nỗ lực “tiêu thổ” theo lệnh của cấp trên tại Richmond cũng tham gia việc đốt phá. Georgia quằn quại dưới làn roi của chiến tranh.

Khi tướng Sherman hành quân xuống phía Nam, tướng Hood hành quân lên phương Bắc. Ông hi vọng sẽ đè bẹp những đội quân kháng cự rải rác tại Tennessee trước khi tướng Thomas có thể tập trung quân bao vây Nashville. Tại Spring Hill đêm ngày 29 tháng 11, tướng Hood bao vây hai quân đoàn của Liên bang (khoảng 34 ngàn người), nhưng không hiểu sao tướng Hood lại để mặc cho họ bỏ đi mà không tấn công. Ngày kế tiếp ông lại đụng cánh quân này tại Franklin. Tại đây quân Liên bang triển khai trên một địa hình phòng thủ vững chắc. Tức giận và nôn nóng, ông ra lệnh khai hỏa cho cuộc tấn công được lên kế hoạch vội vàng tựa như một hành động tự sát. Cuộc tấn công này kéo dài từ cuối giờ chiều cho tới tận khuya. Con số thương vong của ông ta leo thang tới mức chóng mặt: trên 6 ngàn người. Quân Liên bang thương vong gấp ba lần. 6 tướng Liên minh, trong đó có cả tướng Cleburne, chết vì bị

thương quá nặng. Ngày hôm ấy thi thể của bốn viên tướng xếp thành hàng ngay lối ra vào đại sảnh Carton House, tại vị trí của quân Liên minh.

Khi rút quân về Nashville, tướng Hood theo sau tướng Schofield. Khi ông này tới nơi liền kết hợp với quân tiếp viện từ Missouri, khiến cho lực lượng của tướng Thomas lên tới 50 ngàn người. Trong nỗ lực lừa Thomas khiến ông này phải tấn công và chịu thương vong lớn, tướng Hood cố thủ tại một vị trí ở Nashville, đối diện với tướng Thomas qua con đường sắt chạy xuống miền Nam. Như thế ông ta sẽ chặn đường tiếp viện giữa tướng Thomas và Sherman. Nhưng tướng Hood thiếu sáng suốt khi để cánh quân mình bị yếu đi vì đã điều tướng Forrest cùng với hầu hết hai lữ đoàn kỵ binh tấn công một biệt đội của quân Liên bang vẫn còn cố thủ ở Murfreesboro cách đó 30 dặm về phía đông nam. Với số lượng quân ít hơn một nửa đối phương, tướng Hood buộc phải rải mỏng quân khiến phòng tuyến của ông ta cực kỳ mỏng. Ông định tránh việc bị bao vây và bị đánh bật ra khỏi vị trí cố thủ.

Trong lúc đó, tướng Grant chọc tức vẻ ngoài khoan thai của tướng Thomas, hai lần đánh điện trực tiếp ra lệnh phải tấn công. Nhưng tướng Thomas vẫn chần chừ vì lúc ấy có một cơn bão mùa đông dữ dội ập xuống chiến trường. Tướng Grant ra lệnh cho tướng John Logan tới Nashville để tước quyền chỉ huy của tướng Thomas. Cuối cùng, ngày 15 tháng 12, tướng Grant khởi hành từ Fredericksburg tới Nashville để chỉ huy quân đội ở đây. Nhưng tin tức từ Washington khiến ông phải dừng bước: tướng Thomas đã đánh bại được tướng Hood và giành được chiến thắng huy hoàng.

Vào ngày tướng Grant rời Fredericksburg, tướng Thomas giữ chân quân Liên minh bằng một cuộc tấn công dai dẳng vào bên sườn phải, đồng thời khai hỏa cuộc tấn công trên quy mô rộng lớn vào cánh quân bên trái đang rất sơ hở của Liên minh. Phòng thủ Liên minh xé nhỏ thành từng mảnh, bị đánh bật ra khỏi vị trí cố thủ. Ngày kế tiếp ông tiếp tục chiến thuật này đẩy lùi quân Liên minh ra khỏi vị trí ngừng nghỉ chưa ấm chân. Một đội kỵ binh dưới quyền chỉ huy của tướng Forrest kháng cự dai dẳng ở phía sau gờ đây không thể hoàn thành sứ mệnh. Họ trở về Murfreesboro. Tướng Hood đưa quân đội của mình băng ngược trở lại bờ bên kia sông Tennessee tiến tới Bắc Alabama và cuối cùng là tới Tupelo, Mississippi. Nhưng đó là một đoàn quân thất trận với quân số chỉ còn 15 ngàn người. Đây là những gì còn lại của đội quân Tennessee lấy lòng một thời. Về mặt chiến thuật cuộc chiến tại Nashville là một trong những trận đánh quyết định của nội chiến. Sự táo bạo dũng cảm tiến tới Tennessee đã kết thúc bằng thảm họa của quân Liên minh.

Tướng Hood, trong mắt mọi người, giờ đã khác xưa, ông là hiện thân của sự thất bại. Từ Tupelo, ngày 13 tháng 1 năm 1865, ông đánh điện về Richmond: "Tôi kính cần đề nghị được thôi nắm quyền chỉ huy quân đội này". Lời đề nghị của ông đã được chấp thuận.

Kết quả chiến thắng quân Liên minh ở Tennessee làm tướng Sherman bỏ dở cuộc hành quân lớn của mình. Có thể nói chắc rằng thất bại của tướng Hood ở Tennessee đã khẳng định thêm thắng lợi tướng Sherman. Ngày 13 tháng 12, hai ngày trước khi

tướng Jefferson mở cuộc tấn công vào Nashville, đội quân của tướng Sherman chiếm pháo đài McAlister tại sông Ogeechee, thiết lập đường liên lạc với hạm đội của Liên bang, và chào đón các con tàu chở đồ tiếp viện đến cho mình. Khi quân đội đến gần thành phố này, lực lượng quân cố thủ Liên minh khoảng 15000 người dưới quyền chỉ huy của tướng Hardee, hành quân lên phía Bắc để tránh bị đón lõng. Ngày hôm đó tướng Sherman đánh điện về cho Tổng thống Lincoln: “Tôi kính cẩn tặng ngài món quà giáng sinh: thành phố Savannah!”.

Đi về hướng bắc, từ Savannah tiến tới bang đầu tiên chủ trương li khai: Nam Carolina. Để mô tả tâm trạng của binh lính mình, tướng Sherman viết: “Toàn quân đội hùng hực sức chiến đấu, họ chỉ muốn ăn tươi nuốt sống vùng Nam Carolina để trả thù. Tôi gần như run sợ trước số phận không thể tránh khỏi của thành phố này nhưng tôi cảm giác rằng nó phải hứng chịu tất cả thứ gì người ta nhất định trút vào nó”. Với những màn nghi binh tài tình từ hướng Charleston cho tới hướng đông vùng này và cả Augusta, Georgia cho tới miền tây, tướng Sherman đã chia nhỏ và làm rối loạn toán quân kháng cự của miền Nam. Hầu hết đám lính này đều là dân quân. Ông tiến sâu vào vùng đất miền Nam nhằm chiếm Columbia, thủ phủ của bang này. Columbia thất thủ ngày 17 tháng 2.

Nam Carolina phải chịu đựng nhiều không sao kể xiết kiểu mà tướng Sherman gọi là những sự cướp bóc nhỏ. Một người lính Pennsylvania viết rằng: “Sau khi đơn vị của anh ta tràn ngập bang này, viên sĩ quan chỉ huy quân đoàn cưỡi ngựa dọc theo dãy hàng ngũ chỉnh tề và nói: Này các chàng trai, giờ đã đến Nam Carolina rồi, đã vợ vét đầy túi chưa đấy?” Người lính ấy viết: “Cuối cuộc hành quân xuyên qua bang này, chúng tôi đốt từng căn nhà, kho chứa, nhà máy trên con đường chúng tôi đi qua...”

Cái đêm Columbia thất thủ, cả thành phố chìm trong biển lửa. Tướng Liên minh Wade Hampton đốt vô số thùng bông để chúng không rơi vào tay kẻ thù. Lính Liên bang say rượu gây náo loạn trong thành phố. Cả hai quân đội Liên minh và Liên bang như kết hợp với nhau để hủy hoại thành phố này. Rất nhiều khu vực thuộc các thị trấn miền Nam Carolina phải chịu hậu quả tương tự. Nhiều tòa nhà lộng lẫy trong các đồn điền rộng lớn nhất của bang đã bị hủy hoại. Nói về biển lửa tại Columbia, một binh lính người Ohio viết thư về nhà như sau: “Lính tráng chúng tôi oán hận thành phố này và chúng tôi thề nếu đến được nơi đây sẽ dìm nó trong biển lửa. Và giờ đây chúng tôi đã thực hiện được lời thề của mình”. Một người lính Wisconsin viết: “Lửa và quân đội mặc sức hoành hành, càn quét lòng sục khắp mọi nơi và giành giật của cải với nhau bằng bạo lực. Chưa bao giờ trong thời văn minh này, những người lính lại có kiểu giải trí man rợ như vậy”. Những lời nhận xét này có thể đã được cường điệu để mua vui cho người thân của họ nơi quê nhà. Nhưng dù đúng dù sai, cuộc hành quân của tướng Sherman đã gây ra một cuộc phá hoại vô cùng bừa bãi để bia miệng đến muôn đời.

Chiến dịch lớn của Liên bang giờ đây đã lên tới cực điểm khi những đội quân hùng hậu tiếp tục hủy hoại các vùng lãnh thổ và nguồn lực nhằm làm quân Liên minh

suy yếu và giáng cho Liên minh những đòn chí tử. Điểm yếu của quân Liên minh ngày càng trầm trọng bởi hoạt động của hải quân Liên bang. Ngay từ đầu, hải quân Liên bang có 42 thuyền thực hiện nhiệm vụ phong tỏa.

Lúc trước Bộ trưởng Bộ hải quân Liên minh ông Stephen Mallory đối mặt với một nhiệm vụ bất khả thi trong việc khiêu chiến với hải quân Liên bang. Trong tay ông ta lực lượng hải quân thực sự không có. Ông chỉ có một lượng nguyên liệu sơ sài không đủ để tự đóng một con tàu. Năm 1860, các bang miền Nam hợp nhất dưới cờ Liên minh nhưng chỉ đủ đóng một lượng tàu bằng một phần mười số tàu thuyền được Liên bang sản xuất. Tướng Mallory giải quyết vấn đề này một cách hăng hái và với trí tưởng tượng phong phú, mặc dù dường như ông chưa bao giờ nhận thức đầy đủ về một nhu cầu cần có một hạm đội tàu chạy trên sông hoạt động hiệu quả. Ông và đối phương không cân sức về số lượng tàu. Như đã trình bày trước đây, ông thiết lập mối quan hệ thương mại với Anh quốc và dự định sẽ mua tàu chiến bọc thép của Anh. Ông cũng thuê nước ngoài sản xuất ngư lôi và thậm chí cả tàu ngầm.

Cuối cùng kế hoạch của ông Mallory không thể chặn được bước tiến của hải quân Liên bang hoặc phá vỡ vòng vây trên diện rộng. Nhưng cũng có nhiều nỗ lực đáng tuyên dương là Liên minh đã có một số tàu bọc thép và tàu ngầm thay thế cho những con tàu nhỏ cũ, mặc dù tàu chiến tự tạo hoạt động quá kém cỏi. Sức hoạt động của máy không cao nên chúng chủ yếu được sử dụng như những pháo hạm để bảo vệ cho các cảng và các con sông ở miền Nam. Hải quân Liên minh đã có thể rất hùng mạnh nếu như có những con tàu bọc thép đóng ở nước Anh dưới sự chỉ đạo của thuyền trưởng Bulloch. Hầu hết những tàu ngầm thì đều ở dạng thử nghiệm, mặc dù một trong những tàu ngầm ấy, tàu C. S. S. Hunley, tháng 2 năm 1864 đã đánh đắm một tàu chiến của Liên bang ngoài địa phận cảng Charleston. Đây là một sự kiện nổi bật trong các cuộc chiến trên biển. Phần thành công nhất trong kế hoạch của ông Mallory là vượt qua vòng phong tỏa bằng thuyền dân sự, tấn công và gây thiệt hại lớn cho những con tàu buôn của Liên bang. Hầu hết các chủ tàu ấy đều giao hàng cho tàu Anh quốc ở ngoài khơi.

Dù Liên minh có nỗ lực đến đâu, vòng vây phong tỏa của Liên bang càng lúc càng tỏ ra hiệu quả trong suốt cuộc chiến. Tháng 12 năm 1864, hải quân Liên bang có 671 tàu thuyền. Quân Liên minh cố thủ nhưng chỉ ở một cảng Wilmington, Bắc Carolina. Tuy nhiên chẳng bao lâu sau, cảng này cũng rơi vào tay Liên bang sau một cuộc tấn công của lính thủy đánh bộ. Một nửa các cuộc phá vòng vây đều dẫn tới hậu quả là bị bắt.

Liên minh còn thiệt hại nhiều hơn nữa trong việc mất những tàu dám phá vòng vây tại phần lớn các cảng chuyên chở hàng hóa tại miền Nam. Những cảng này trong chiến tranh luôn hoạt động. Một nhà nghiên cứu cuộc chiến đã viết: “Đánh giá tính hiệu quả của vòng vây phong tỏa... không ở những con số thuyền bị bắt mà ở những chuyến hàng nhu yếu phẩm thối rữa trên cầu cảng Liverpool và số lớn những tàu Anh không bao giờ có thể thực hiện được mục đích của mình (buôn bán với Liên minh). Chủ tàu thông thường lên hàng tại Carolina. Và thế là họ đã bị nản chí bởi cơn

ác mộng sẽ bị bắt giữ...” Như vậy, dù cho Liên minh có nói phải nói trái thế nào về vòng vây phong tỏa, có rêu rao rằng nó không hiệu quả, thì thật ra nó đã bóp nghẹt nền kinh tế của toàn miền Nam.

Giữa tháng 1, một cuộc tấn công kết hợp giữa hải quân và bộ binh Liên bang đã chiếm được pháo đài Fisher canh giữ cảng Wilmington, Bắc Carolina. Năm ngày sau, cuộc chiến thành phố Columbia miền Nam Carolina của tướng Sherman, tướng Schofield và lính của ông đi bằng các phương tiện như xe lửa và tàu biển rời Nashville tấn công áp đảo lực lượng quân của tướng Bragg và đã chiếm được Wilmington. Chiến thắng này đã đóng lại cánh cửa cuối cùng của Liên minh với thế giới bên ngoài.

Từ thành phố Columbia, tướng Sherman di chuyển theo hướng bắc tới trung tâm Bắc Carolina. Tiến trình của ông đã được đánh dấu bằng một cuộn khói cao ngút trời từ những khu rừng thông của bang bị quân lính ông phóng hoả. Ông đến được Fayetteville ngày 11 tháng 3 và dẫn quân tới thẳng Goldsboro trên tuyến đường sắt Weldon. Đây vẫn là con đường tiếp tế quan trọng của Liên minh cho vùng lãnh thổ Bắc Carolina. Theo lời tướng Sherman, cuộc tiến quân của ông là “một cuộc tấn công vào quân đội của tướng Lee khi mở chiến dịch ở vùng đất trong tầm có thể nghe được âm thanh từ đạn pháo của ông ta”. Đây là đánh giá rất chính xác. Cuộc hành quân này đã khiến hàng vạn quân bổ sung của Liên minh phải đào ngũ. Họ quyết định trở về bên gia đình đang cơ cực ở hậu phương. Có người ước tính con số đào ngũ của Liên minh vào mùa xuân năm 1865 có thể lên tới 40% toàn bộ quân số quân Liên minh có lúc bấy giờ.

Tướng Grant dự tính sử dụng Mobile như một bàn đạp cho những cuộc tấn công khác vào lãnh thổ Liên minh phía dưới. Tháng 1, ông ra lệnh cho tướng Edward Canby, lúc này chỉ huy khu vực vùng vịnh đánh chiếm thành phố Mobile từ New Orleans. Ông Canby di chuyển chậm nhưng đầu tháng 4 ông đã đưa được đội quân 45 ngàn người đến vịnh Mobile, đánh bật 10 ngàn quân cố thủ ở thành phố này dưới quyền chỉ huy của tướng Richard Taylor và chiếm Mobile.

Khi các sự kiện theo nhau diễn ra, một cuộc viễn chinh mà tướng Grant mong đợi nhằm hủy hoại đường tiếp tế từ các nhà máy và nơi sản xuất hàng hóa của Liên minh. Theo lệnh tướng Thomas, ngày 18 tháng 3 thiếu tướng James H. Wilson qua sông Tennessee tiến vào Bắc Alabama với lực lượng 14 ngàn quân kỵ binh và tấn công về hướng nam chiếm Selma một trung tâm quan trọng trong lãnh vực sản xuất đạn dược và vũ khí Liên minh.

Đối thủ của tướng Wilson là một lãnh đạo quân kị binh hàng đầu của Liên minh, tướng Nathan B. Forrest. Nhưng thậm chí cả tài năng và tinh thần bất khuất của ông này giờ đây cũng không mang lại tác dụng gì. Lính Liên bang nhiều hơn gấp bội, hầu hết được trang bị bằng súng Carbine. Còn lính của ông Forrest đang đói khát và mệt mỏi. Họ thoái chí bởi biết rõ rằng có chiến đấu hết mình thì sự nghiệp của Liên minh cũng sẽ không còn. Tướng Forrest lần đầu tiên bị đại bại thê thảm. Ngày 2 tháng 4,

tướng Wilson chiếm Selma sau đó đổ quân về phía đông tới Montgomery và tiến vào Georgia. Ông không chịu kém “tài” các đồng nghiệp kỳ cựu và nổi tiếng của mình là tướng Sherman và tướng Sheridan: ông đã tiêu hủy toàn bộ các nguồn lực của Liên minh.

Những cuộc tranh giành thời chiến thể hiện trong các sự kiện trên chiến trường. Việc tái đắc cử của Tổng thống Lincoln cho thấy sự mâu thuẫn sâu sắc giữa tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm ngày càng cao của quân dân miền Bắc với những mối bất đồng và sự chán nản ngày càng tăng tại miền Nam. Nếu vào mùa thu năm 1864, một cuộc bầu cử Tổng thống được tổ chức ở vùng đất của Liên minh, chắc chắn Tổng thống Davis sẽ thất bại thảm hại.

Tổng thống Lincoln với nội các được củng cố sau động thái từ chức của ông Chase, giờ đây lấy lại thế cân bằng khi ông Montgomery Blair lên giữ chức vụ của ông Chase trước kia. Tổng thống cũng giành được sự ủy thác của phần đông dân chúng chuẩn y những biện pháp do chính quyền của ông đưa ra. Lúc này quyền binh đều nằm gọn trong tay Tổng thống Lincoln. Nhưng ông không tỏ ra hả hê. Danh sách những con số thương vong tưởng chừng như vô tận là một nỗi đau như lưỡi dao khoét sâu vào tâm can ông. Ngoài ra, ông còn phải chịu thêm nỗi đau đớn không nguôi sau cái chết của con trai ông là Willie vào năm 1862. Về mặt của Lincoln, bình thường đã hốc hác, và sự xuất hiện trước công chúng của ông thông thường là rất nghiêm nghị, giờ càng thêm đau đớn.

Việc Tổng thống Lincoln giải quyết những lời đề xuất hòa bình phản ánh sự chuyển đổi của làn gió mới bằng việc ông tái đắc cử sau những thắng lợi quân sự liên tiếp của Liên bang. Ngày 3 tháng 2 năm 1865, Tổng thống Lincoln và ông Seward thảo luận với Phó tổng thống Liên minh, ông Stephens. Tổng thống Lincoln bày tỏ niềm hi vọng về tinh thần tự do thực sự trong việc giải quyết vấn đề của các bang li khai, thậm chí ông còn bày tỏ (theo lời của ông Stephens) mong muốn đền bù cho các chủ nô khi nô lệ của họ được giải phóng. Nhưng về vấn đề giải phóng nô lệ cũng như việc tuân phục Liên bang, Tổng thống Lincoln vẫn kiên định hơn bao giờ hết. Những điều khoản này chẳng khác nào những lời nguyện rửa tội đối với Tổng thống Davis. Và có lẽ là đối với phần đông dân chúng miền Nam. Thế nên chiến tranh cứ vẫn tiếp diễn.

Tối ngày 6 tháng 2, trước cuộc mít tinh đông đảo tại nhà thờ African ở Richmond, Tổng thống Davis phản ứng với sự thất bại của hội nghị hòa bình nói trên bằng một lời kêu gọi hòa bình. Ông hô hào dân chúng miền Nam hãy xả thân và tiếp tục hi sinh, nỗ lực hơn nữa. Ông tỏ ý lấy làm tiếc rằng bài diễn văn của ông không phải lời chúc mừng chiến thắng, ông nói rất biết ơn những công dân sẵn sàng xả thân để tôn vinh tổ quốc của mình. Ông nói Tổng thống Lincoln có đưa ra lời đề nghị hòa bình nhưng lại bác bỏ mọi đàm phán đáng được tôn trọng. Thế nên chiến tranh nhất định còn kéo dài. Ông Davis tuyên bố nếu những quân nhân đang vắng mặt quay về với các quân đoàn của mình, miền Nam sẽ được tự do trong vòng một năm nữa. “Hãy để chúng ta xiết chặt tay nhau bằng tâm hồn đồng điệu. Hãy cùng nhau cố thủ và ta có



thể tin rằng trước mùa hạ năm sau, chính kẻ thù sẽ phải đề nghị ta tổ chức hội nghị hòa bình và phải làm theo những yêu cầu của ta”.

Đó là một bài diễn văn hùng hồn nhất trong suốt sự nghiệp Tổng thống của ông Davis. Lời lẽ của ông đi thẳng vào tâm can người dân. Những lời nói ấy thẳng thắn và chân thành khiến cho những người thường xuyên chỉ trích ông nhất cũng phải thán phục. Ông Pollard của tờ Người điều tra Richmond viết rằng: “Nói về nghe diễn văn, chưa bao giờ ông cảm động như lúc nghe bài diễn văn của ông Davis”. Ông Alexander Stephens nói bài diễn văn này “là dũng cảm và ngoan cường. Mang đến cho người nghe những cảm xúc cao cả... Nó có một lực hấp dẫn tuyệt vời trong lời nói của Tổng thống...”. Ông so sánh nó với những lời hô hào của những nhà hùng biện lớn trong lịch sử như Rienzi và Demosthenes.

Chẳng bao lâu sau, Tổng thống Lincoln cũng đọc những bài diễn văn tuyệt vời không kém. Ngày 4 tháng 3, ông xuất hiện trước tòa nhà quốc hội. Mái vòm lớn của tòa nhà này đã hoàn tất nhờ Tổng thống Lincoln không ngừng thúc giục phải xây cho xong. Lần này Tổng thống Lincoln đọc bài diễn văn nhậm chức thứ hai. Nó biểu đạt sự hào phóng và sự ăn năn (chiến tranh được ông khắc họa như một đòn trừng phạt của đấng tối cao giáng xuống cả miền Bắc lẫn miền Nam vì tội lỗi của sự chiếm hữu nô lệ). Những lời lẽ mạnh mẽ mang màu sắc tôn giáo “tai ương đến với thế giới, các lực lượng siêu nhiên đã tấn công ta” và bằng những lời lẽ thương cảm “tôi không hề ác ý với ai và khoan dung với tất cả mọi người”. Bài diễn văn của Tổng thống biểu đạt lời thề quyết tâm tiếp tục cuộc chiến, nếu như chúa trời đã sẵn lòng “cho tới khi từng giọt máu nhỏ xuống trong cơn binh lửa đều bị đáp trả bằng một hành động rút gươm khỏi vỏ” và cho tới khi quốc gia này được thanh lọc và phục hưng. Tất cả những lời lẽ ấy kết hợp với nhau hình thành một bài diễn văn trịnh trọng. Bài diễn văn này có thể sánh với lời đề tặng trên tấm bia dựng ở nghĩa trang Gettysburg về năng lực gây nguồn cảm hứng và những lời tuyên bố về mục đích tối cao của quốc gia.

Tổng thống Lincoln có thể đã nói lên tấm lòng của mình và tấm lòng của hàng triệu người dân chiếm đa số dân cư miền Bắc. Nhưng ông không nói lên được tiếng nói đồng lòng của từng cá nhân trong đảng của ông. Sự hỗ trợ cho ông thật ít ỏi trong việc ông thông qua điều luật bổ sung thứ 13 của hiến pháp bãi bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ ở khắp mọi nơi trên nước Mỹ ông bày tỏ sự hài lòng với niềm hi vọng rằng nó sẽ được chuẩn y ở tất cả các bang. Nhưng ông vẫn phải đau lòng bởi những người cực đoan tiếp tục công kích kế hoạch cơ bản về quá trình tái thiết. Họ đã thành công khi nhiều đại biểu được bầu vào hạ viện phản đối kế hoạch tái thiết của ông. Họ nói rằng hiến pháp mới của bang Louisiana dù cho còn nhiều thiếu sót “vẫn còn tốt hơn cho người da đen là hiến pháp đang có ở Illinois”. Cuộc nội chiến kết thúc mà không có được giải pháp cho vấn đề này.

Hai biện pháp tuyệt vọng được Liên minh chuẩn y trong những tuần lễ đình hoãn cuộc chiến đã được đánh dấu bằng sự thù nghịch giữa Tổng thống Davis và Hạ viện của Liên minh. Hai biện pháp này đồng thuận cho nô lệ được tham gia vào quân đội

Liên minh và việc chỉ định tướng tổng tư lệnh cho quân đội Liên minh. Động thái trang bị vũ khí cho nô lệ là một trong những hành động mang tính cách mạng nhất của Liên minh với nỗ lực kéo dài cuộc chiến. Ý tưởng này đã được nhen nhóm từ đầu cuộc chiến và do tướng Cleburne đề xuất nhưng nó bị Tổng thống Davis bác bỏ bởi vì ông sợ sẽ làm nản lòng quân nhân da trắng và khuấy động mối bất đồng quan điểm trong dân chúng miền Nam. Thất bại đang treo lơ lửng trên đầu khiến ông phải cân nhắc lại vấn đề. Thống đốc William Smith của bang Virginia đưa ra sáng kiến bằng cách đề nghị luật pháp cho phép bang của ông trang bị vũ khí cho nô lệ. Tháng 1 năm 1865, để hồi âm bức thư của nhà lập pháp Virginia, tướng Lee đã viết những dòng thúc giục việc tuyển mộ dân da đen vào quân đội, đồng thời giải phóng họ lập tức khỏi những điều kiện về chiếm hữu nô lệ trước đây. Cùng lúc ông đệ trình một kế hoạch dần dần giải phóng toàn bộ nô lệ tại miền Nam.

Sự mỉa mai lớn cho động thái Liên minh này đối với việc giải phóng nô lệ là quá rõ ràng, thể hiện qua một quan điểm của một triết gia quân sự, ông Clausewitz, rằng: chiến tranh tự nó tạo ra sự năng động và nguồn lực cho mình. Nói rằng miền Nam mong muốn độc lập chỉ để bảo toàn chế độ chiếm hữu nô lệ là không thực tế. Nhưng ngay từ đầu không ai dám mơ một ngày nào đó liên minh lại cân nhắc tới việc bãi bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ như là một cái giá cho nền độc lập của mình. Sự trớ trêu này càng sâu sắc hơn bởi ý kiến cho rằng: vào mùa hè năm 1864, trước khi có những chiến thắng quân sự quyết định của Liên bang, đa số dân chúng của cả hai miền Bắc và Nam có lẽ cũng sẽ chấp thuận việc tái thống nhất mà không có việc bãi bỏ nô lệ như là một điều kiện của hòa bình.

Tổng thống Davis ủng hộ cho một điều luật trang bị vũ khí cho nô lệ và giải phóng họ. Cuối tháng 2 ông viết: “Giờ đây những người biết suy nghĩ đều thấy rõ rằng chúng ta buộc phải chọn cách làm này dù cho những nô lệ kia có chiến đấu vì chúng ta hay chiến đấu chống lại chúng ta. Mọi lời bàn tán về những lợi ích hoặc bất lợi trong việc tuyển dụng họ sẽ không còn là vấn đề nữa”. Ý lời tuyên bố này là: nó không ngăn chặn những ý kiến trái ngược về vấn đề giải phóng nô lệ nữa. Hai tướng Foote và Wigfall chủ trương chống lại điều luật này và tạo ra một cuộc xung đột gay gắt tại Hạ viện. Tờ báo Charleston Mercury chỉ trích điều luật là không công bằng thậm chí còn chỉ trích tướng Lee vì đã gợi ý “kế hoạch ủng hộ tuyển mộ lính da đen và giải phóng nô lệ”.

Đầu tháng 3, Hạ viện đã cho phép tuyển mộ 300 ngàn nô lệ vào quân đội Liên minh. Nhưng việc giải phóng họ tùy từng bang quyết định. Một số ít nhóm da đen đăng lính và theo nhau mặc quân phục diễu hành khắp Richmond. Không ai ra chiến trường cả. Phái viên Duncan Kenner của Louisiana, đã được cử tới châu Âu với hi vọng đáng thương rằng: lời hứa giải phóng nô lệ của Liên minh có thể khiến cho nước ngoài chú ý. Nhưng hi vọng đó sớm bị dập tắt trong những cuộc tiếp kiến với các ông Mason, Palmerston, Slidell và Napoleon III.

Thất bại ngoài chiến trường và sự nản chí ở hậu phương giờ đây nhóm lên một nhu cầu: Tổng thống Davis phải bị hạ bệ. Và tướng Lee chẳng khác nào tên độc tài

thời La Mã cổ đại. Ngược lại, Hạ viện thông qua một thỏa hiệp nhằm tạo ra một vị trí tổng tư lệnh, tin tưởng rằng tướng Lee sẽ được chỉ định vào vị trí này. Hiểu điều luật này như một lời chỉ trích tài lãnh đạo của chính mình, Tổng thống Davis cay đắng và đã định bác bỏ nó. Bà Davis nói “nếu tôi là ông ấy, tôi chỉ muốn chết đi hoặc treo cổ trước khi phải khuất phục sự sỉ nhục như vậy”. Cuối cùng, Tổng thống Davis đã kí phê chuẩn điều luật này. Ngày 6 tháng 2 khi tướng Grant xiết chặt vòng vây trên tuyến phòng thủ dưới Petersburg, khi tướng Sheridan theo đuổi sứ mệnh của mình tại vùng đất bỏ hoang Shenandoah Valley và khi các đội quân của tướng Sherman lũ lượt kéo về thành Columbia bất hạnh, Tổng thống Davis chỉ định tướng Lee là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang Liên minh.

Tướng Lee là một viên tổng tư lệnh hay do dự. Vì biết trước về những lời phản đối của Tổng thống Davis, ông đã kháng cự lại những lời đề nghị trước đây của Tổng thống Davis rằng: ông có thể giữ vị trí chỉ huy mọi chiến dịch của quân đội. Giờ đây tướng Lee mềm lòng khi giáng đòn chí tử vào lòng tự hào của Tổng thống Davis bằng cách nói rằng: “bản thân tôi nợ và biết ơn sự nhân hậu của ngài Tổng thống vì đã dành cho tôi vị trí cao cả và đầy khó khăn này”.

Khi tướng Grant quyết định ra trận với đội quân Potomac, tướng Lee quyết định vẫn chỉ huy đội quân Bắc Virginia. Lý do ông ta làm như vậy được tướng Joseph E. Johnston trình bày cho một người bạn “Đừng kỳ vọng nhiều ở tướng Lee trên vị trí tổng tư lệnh. Ông ta không thể từ bỏ quyền chỉ huy quân đoàn Bắc Virginia chỉ để trở thành một viên chức quèn”. Lời nhận xét của tướng Johnston rõ ràng xuất phát của sự oán hận đối với Tổng thống Davis. Nó tất nhiên cường điệu khả năng Tổng thống Davis sẽ can thiệp vào công việc của tướng Lee nếu tướng Lee chọn tổng hành dinh của mình là Richmond. Nhưng lời tuyên bố của tướng Johnston cũng chính xác chỉ ra sự ép buộc của Tổng thống Davis để cho thấy rằng ông ta vẫn đóng vai trò chủ động trong chỉ huy quân đội.

Tướng Lee chẳng thể làm gì để thay đổi tình thế lúc này. Ông bắt đầu suy tính đến một động thái mang tính chiến thuật cực đoan: bỏ trống các thành phố của Liên minh và kết hợp mọi đội quân bị đánh tơi tả của miền Nam để tấn công một đòn mạnh mẽ và phối hợp. Bước đầu tiên thực hiện dự án này là thúc giục Tổng thống Davis kết thúc kỳ nghỉ ngơi lâu dài của tướng Johnston, điều ông này chỉ huy các cánh quân chống lại tướng Sherman tại các mặt trận thuộc Carolina. Tổng thống Davis làm theo. Ông giải thích mình làm như vậy với niềm hy vọng rằng những khiếm khuyết ông đã nhận thấy ở tướng Johnston khi ở cương vị một chỉ huy độc lập sẽ được bù đắp và cải thiện dưới quyền kiểm soát của tướng Lee. Trong nỗ lực cản trở bước tiến của tướng Sherman, tướng Lee lệnh cho tướng Johnston tập hợp mọi binh lính Liên minh hiện có tại phía đông sông Mississippi ngoại trừ quân nhân thuộc quân đoàn Bắc Virginia. Hành động của tướng Johnston (trong việc di chuyển binh lính và đồ tiếp tế) thực sự gây ấn tượng. Trong vòng một tháng, ông đã tập hợp được khoảng 45 ngàn lính trong đó có cả những người dưới quyền chỉ huy của tướng Hardee từ Charleston và những gì còn lại của đội quân Tennessee hùng hậu

xưa kia. Đó là một chuyến đi đầy khó khăn bằng đường sắt và cả đi bộ suốt chặng đường từ Bắc Mississippi đến điểm tập kết. Tìm kiếm cách cản trở sự tập hợp của hai đội quân thuộc quyền chỉ huy của tướng Sherman và tướng Schofield tại Goldsboro, tướng Johnston để một đội quân nhỏ trì hoãn bước đi của tướng Schofield và tập trung khoảng 27 ngàn quân giáng một đòn mạnh mẽ vào cánh quân bên trái của tướng Sherman. Đội quân ấy dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Henry W. Slocum. Và vị trí tấn công là thị trấn Bentonville. Cuộc tấn công của Liên minh vào ngày 19 tháng 3 lúc đầu thắng lợi. Nhưng khi tướng Sherman nhanh chóng chỉnh đốn lại đội quân chủ lực, tướng Johnston buộc phải rút lui. Bốn ngày sau, tướng Sherman và Schofield gặp nhau tại Goldsboro. Nơi đây tướng Sherman để quân lính của mình nghỉ ngơi trong ba tuần nhằm chuẩn bị cho cuộc hành quân cuối cùng kết hợp với tướng Grant và siết chặt vòng vây quân đội của tướng Lee.

Dù các sự kiện thi nhau diễn ra dồn dập, cuộc hành quân của tướng Sherman khép chặt vòng vây đã không được thực hiện. Thực ra không cần thiết phải có cuộc hành quân này. Tướng Grant muốn đánh bại quân đội Bắc Virginia chỉ với đội quân Potomac mà thôi. Binh lính của quân đội phía Tây không có dịp được thực hiện nhiệm vụ này. Sự yếu kém của quân đội Liên minh đã trở nên quá rõ ràng, khi tướng Lee bắt đầu các chiến dịch thoát khỏi vòng vây Petersburg. Ngày 25 tháng 3, ông ta mở cuộc tấn công phối hợp vào pháo đài Stedman tại trung tâm phòng tuyến Petersburg dưới quyền chỉ huy của ông John B. Gordon, lúc này đã là thiếu tướng (bởi tướng Hill bị bệnh và tướng Longstreet đang hồi phục sau những vết thương nặng). Mục tiêu trước mắt là tiến sâu và nhanh buộc tướng Grant di chuyển quân đội tới đây đồng thời làm yếu đi vòng vây của ông này tại miền cực Tây trên vòng tuyến của ông ta. Như vậy sẽ khiến cho tướng Lee có thể giải thoát được đội quân chủ lực của mình.

Pháo đài Stedman bị đánh bất ngờ và thất thủ. Nhưng nỗ lực này vô dụng, tướng Grant có thể thành công và chiếm lại nó ngay lập tức, đồng thời làm tăng thêm áp lực lên vị trí cố thủ của quân Liên minh phía Tây Nam Petersburg. Canh bạc tuyệt vọng của tướng Lee đã kết thúc với cuộc đại bại của ông ta. Tướng Sheridan giờ đây đến trụ sở của tướng Grant với toàn bộ lực lượng kỵ binh của mình và một quân đoàn bộ binh đang trên đường tới nơi. Điều này cho tướng Grant sức mạnh giáng đòn chí tử vào đối phương vừa bị đánh tan tác. Tướng Grant nói với tướng Sheridan “giờ đây tôi cảm giác sẽ có thể kết thúc vấn đề này”. Đoán được nỗ lực chạy trốn của tướng Lee, tướng Grant ra lệnh cho quân kỵ binh của tướng Sheridan và toàn bộ quân đoàn sông James, lúc này dưới quyền chỉ huy của người kế nhiệm ông Butler, thiếu tướng Edward Ord, mở cuộc càn quét về phía nam của sông Appomattox và tấn công đường rút lui cũng như đường tiếp viện của quân Liên minh: tuyến đường sắt Southside.

Bị đại bại tại pháo đài Stedman, ngày 28 tháng 3 tướng Lee bắt đầu di chuyển. Để bảo vệ cho sườn phải đang sơ hở, ông rải mỏng phòng tuyến của mình thành một đội quân cơ động dưới quyền chỉ huy của tướng Fitzhugh Lee. Ông này sẽ đánh lạc

hướng mỗi đe dọa của Liên bang. Ông chỉ thị cho tướng George Pickett, viên tướng chỉ huy lữ đoàn bên trái cố thủ Five Folks, một vị trí quan trọng, bằng mọi giá để có thể ngăn chặn lực lượng Liên bang không đến được tuyến đường sắt Southside.

Có lẽ tới lúc này việc cố thủ Five Folks là ngoài khả năng của quân Liên minh. Nhưng cách thua của các vị tướng Liên minh chẳng mang lại chút vinh quang gì cho những người mang trách nhiệm phải cố thủ nó. Cuối giờ chiều ngày 01 tháng 4, trong lúc tướng Fitzhugh Lee và tướng Pickett đang nướng cá trích tại tổng hành dinh của tướng Thomas L. Rosser, một trong những sĩ quan chỉ huy kỵ binh của tướng Fitzhugh Lee, quân tướng Sheridan đã tấn công áp đảo quân Liên minh đang không kịp đối phó và chiếm lấy Five Folks. Sáng hôm sau, tướng Grant chọc thủng phòng tuyến quân Liên minh tại Petersburg với một trận tấn công giáp lá cà, toàn bộ vị trí của tướng Lee giờ đây đã không thể nào trụ vững. Quân đội của ông ta đã phải đối mặt với sự hủy diệt. Đêm đó, đội quân Bắc Virginia, giờ đây chỉ còn 35 ngàn quân lính dửng cảm nhưng áo quần đã sạm đen khói súng, rút khỏi tuyến phòng thủ của mình và hành quân về phía tây.

Những cảnh ấy đã diễn ra tại ngoại ô Richmond, những cảnh cuối cùng cũng đã được phô diễn tại các tòa nhà lớn ở Richmond, trước đây là tổng hành dinh của các đơn vị lập pháp và chính quyền Davis. Cuộc tranh cãi dữ dội về vấn đề trang bị vũ khí cho nô lệ là hoạt động đáng kể cuối cùng của Hạ viện Liên minh. Ngày 18 tháng 3, vấn đề này đã được hoãn lại không bàn tới và để rồi không biết bao giờ mới kết thúc. Trong vài ngày, Tổng thống Davis và nội các của ông ta tiếp tục hội họp. Họ giải quyết trò chơi đố chữ đang bày ra trước mắt với sự thận trọng. Sáng chủ nhật, ngày 02 tháng 4, Tổng thống Davis vẫn ở vị trí thường ngày của mình tại nhà thờ Tân giáo St. Paul. Tại đây ông nhận được thông điệp ngắn gọn của tướng Lee rằng thủ đô phải được bỏ trống ngay lập tức. Tổng thống Davis đứng lên ra khỏi nhà thờ, khuôn mặt của ông "bình thản như một mặt nạ bằng sắt". Đêm đó, ông cùng nội các rời thành phố đầy bất hạnh lên tàu hướng tới miền Nam. Chính phủ Liên minh đã từ bỏ quyền bính.

Ý định của tướng Lee trong việc rút lui khỏi thủ đô là nhằm chiếm được tuyến đường sắt Richmond - Danville Railroad và đi về hướng nam để kết hợp với tướng Johnston ở đây. Biết được mục đích này, tướng Grant tấn công thẳng tay vào hai đội quân bộ binh và đội kỵ binh của tướng Lee. Ông tấn công liên miên vào mỗi bước lùi của quân Liên minh. Tướng Lee đến được tuyến đường sắt này tại địa điểm Amelia Courthouse. Nhưng ông ta đã để mất một ngày quý báu bởi mệnh lệnh của ông đã không thích hợp với thời cuộc khi muốn vơ vét lương thực dự trữ ở đây. Ông cảm giác rằng bắt buộc phải cướp bóc để thỏa mãn cơn đói của binh lính mình. Sự chậm trễ này cho phép quân đoàn của tướng Ord bao vây tuyến đường sắt tại Burkeville, buộc tướng Lee phải tiếp tục cuộc hành quân về phía Tây với niềm hy vọng ảm đạm có thể kết hợp với tướng Johnston bằng cách đi đường vòng xuyên qua Lynchburg.

Giờ đây cuộc rút lui trở thành một cảnh tượng đói khát, mệt mỏi và tuyệt vọng. Chỉ có lòng tôn kính của quân lính với tướng chỉ huy của mình mới giữ được sự đoàn

kết trong quân đội Liên minh đang thiếu thốn. “Tướng Lee còn ở ngoài mặt trận, thế nên lính của ông vẫn cứ mãi theo ông”. Nhiều người lính không theo ông nữa. Họ đã bị cực khổ mang cho cảm giác rằng: chiến đấu nữa cũng không hiệu quả, nên đã bỏ quân ngũ. Số này lên tới vài trăm. Sau một tuần hành quân và giao tranh, một trận đánh lớn ngày 06 tháng 4 với quân của tướng Sheridan tại sông Creek Sayler, chỉ còn 3/4 lính Liên minh trụ lại với đội hình. Trong lúc đó, tướng Grant cưới ngựa và chỉ huy quân đội mình tấn công thẳng vào đội quân đang nản chí của tướng Lee. Ngày 08, tướng Sheridan đến được ga Appomattox trước quân Liên minh. Sáng hôm sau, quân bộ binh của tướng Ord cũng đến đây và chiếm cứ vị trí này.

Hai ngày trước đó, tướng Grant gửi cho tướng Lee lời đề nghị đầu hàng. Tướng Lee từ chối. Tin rằng chỉ có quân kỵ binh của tướng Sheridan đang chờ mình phía trước. Ngày 09, tướng Lee tấn công vào buổi sáng với hy vọng mở đường máu. Khi quân kỵ binh của Liên bang bị đánh bại, một đội quân hùng hậu bộ binh với quân phục màu xanh dương được triển khai ngay phía sau quân kỵ binh hiện ra. Lúc này tướng Lee phải khó khăn lắm mới đưa ra quyết định được - quyết định từ khi làm tổng tư lệnh quân đoàn Bắc Virginia: đầu hàng!

Không cần phải bàn, chỉ cần ông ra lệnh, rất nhiều binh lính dưới quyền ông sẽ nguyện hy sinh thân mình trong một trận chiến quyết tử cuối cùng chống lại phòng tuyến Liên bang. Tướng E. Porter Alexander, tướng chỉ huy pháo binh xuất sắc của tướng Longstreet, đưa ra sự lựa chọn: đầu hàng hoặc tấn công liều chết. Ông Alexander gợi ý, chỉ việc giải tán quân đội và để lính trình diện ra nộp vũ khí cho các thống đốc bang của mình là được. Nói cách khác, hãy để miền Nam tiếp tục cuộc chiến bằng lối đánh du kích.

Tướng Lee bác bỏ lời đề nghị này. Là người cơ đốc giáo, tướng chỉ huy phải cân nhắc về hậu quả của một quyết định như vậy đối với bức tranh toàn cảnh của cả nước. khắp miền Nam đã bị hủy diệt sau 4 năm giao chiến. Không có ai đứng ra kiểm soát và không có lương ăn, những quân nhân kia sẽ buộc phải trở thành kẻ cướp. Kỵ binh Liên bang sẽ truy sát và sẽ cào nát rất nhiều khu vực cho đến giờ này vẫn chưa bị chiếm đóng. Một hành động như vậy buộc nước Mỹ phải mất nhiều năm mới có thể phục hồi. Các sĩ quan trẻ hơn có thể thích giải quyết như vậy nhưng đối với ông chỉ có một con đường giữ lấy phẩm hạnh của mình là gặp tướng Grant, đích thân đầu hàng và chịu trách nhiệm về mọi hậu quả về hành động của mình.

Cao trào của cuộc nội chiến diễn ra vào chiều ngày hôm ấy ngay bậc thềm nhà tướng McLean tại ngôi làng Appomattox Courthouse. Đây có lẽ là một khung cảnh đáng nhớ nhất của lịch sử nước Mỹ, tướng Lee, một vị tướng con nhà dòng dõi đã phải tự mình nói lời đầu hàng, giao quân lính mình cho một người bình dân nhưng cao thượng, người đã đánh thắng họ. Tướng Grant cho phép mọi sĩ quan binh lính được cam kết về với mái ấm của mình. Sĩ quan Liên minh được giữ lại vũ khí đeo bên mình và cả ngựa nữa. Theo lời gợi ý khế khàng của tướng Lee, tướng Grant cũng cho mỗi người lính Liên minh con ngựa hoặc lừa để gây dựng đàn gia súc sau này, giúp cày cấy tại nông trại của họ. Tướng Lee nhận xét “điều này mang ý nghĩa nhiều nhất

đối với những người lính này. Đây là hành động cao thượng và đặc nhân tâm đối với lính của tôi”.

Binh lính Liên bang chiếm Richmond ngay sau khi quân Liên minh rút lui. Phần lớn thành phố này bị thiêu rụi trong lửa cháy lan ra từ những nhà kho cầu đường và các kho đạn dược. Tổng thống Lincoln thăm thành phố Richmond vào ngày 04 tháng 4. Ông ngồi vào ghế của Tổng thống Davis và đọc lời chúc mừng những người lính quả cảm của Liên bang. Hai tuần sau, tướng Lee cưỡi ngựa về nhà trong bão lửa. Cả binh lính Liên bang lẫn Liên minh đều ngả mũ chào ông.

Đêm 11 tháng 4, sau khi trở về từ Richmond với sự háo hức, Tổng thống Lincoln đứng trong Nhà trắng đọc diễn văn trước một rừng người tụ họp dưới bãi cỏ phía dưới. Ông chủ yếu nói về những khó khăn trong việc tái thiết: “Tái thiết chất chùng những khó khăn. Đó không phải là một tình thế tiến thoái lưỡng nan bình thường mà những người như chúng ta, trung thành với tổ quốc, lại đang có những ý kiến ngược nhau về hình thức, phương tiện và cách tổ chức tái thiết như thế nào”. Ông bình luận qua loa, coi đó “chỉ là một sự lơ đãng nguy hại” khi nói về lý thuyết của những người cực đoan liên quan tới tính chất hợp pháp của những bang li khai... Ông nhắc lại những lập luận trước đây để bảo vệ cho kế hoạch tái thiết của mình. Dù thú nhận rằng hiến pháp Louisiana chưa hoàn thiện, ông vẫn nói về nó như sau: “chúng ta sẽ có được gà sớm hơn bằng cách ấp trứng chứ không phải bằng cách đập trứng”.

Nhưng Tổng thống Lincoln cũng tuyên bố những câu cho thấy ông đang từng bước đến gần hơn với các quan điểm của những đối thủ chính trị của mình. Rằng ông sẵn sàng sửa đổi kế hoạch nếu như nó “đi ngược lại quyền lợi của dân chúng”. Ông kết thúc bằng cách nói rằng tình trạng hiện nay có thể tôi phải đưa ra một lời tuyên bố mới đối với người dân miền Nam đó là nghĩa vụ của tôi. Tôi đang cân nhắc và nhất định sẽ làm như vậy khi nào thích hợp”.

Tổng thống Lincoln tổ chức họp nội các buổi cuối cùng vào sáng ngày 14 tháng 4 với sự có mặt của tướng Grant. Khi bàn về tái thiết, Tổng thống Lincoln thú nhận có lẽ ông đã quá vội vàng. Ông chấp thuận lời đề nghị của tướng Stanton: tạm thời cứ để quân đội chiếm đóng miền Nam. Nhưng ông không chấp nhận lời đề nghị của tướng Stanton rằng: biên giới của các bang nên được xóa bỏ như là một phần của tiến trình tái thiết. Về vấn đề quyền bầu cử của người da đen lại không được bàn tới. Khi nói về hành động của Liên minh, Tổng thống Lincoln phát biểu đầy nhân từ về tướng Lee và những sĩ quan khác, về những người Liên minh khoác áo lính đã chiến đấu vô cùng anh dũng để bảo vệ sự nghiệp của mình. Ông nói ông không muốn trả đũa, không có tẩm máu hoặc thậm chí không hề tỏ thù nghịch với những nhân vật chủ trương li khai có nhiều tội nhất, mặc dù ông nói ông muốn thấy họ quá sợ hãi mà phải bỏ nước Mỹ ra đi. Nói đến đây bàn tay ông thực hiện một động tác như đuối đám gà con ra khỏi sân vậy.

Tổng thống Lincoln không còn cơ hội bày tỏ suy nghĩ của ông về những sự kiện và vấn đề quan trọng của thời bấy giờ nữa. Đêm đó tại nhà hát Ford, trong lúc đang

xem Laura Keene biểu diễn vai của mình trong vở kịch Người bà con Mỹ của chúng ta, ông đã bị John Wilkes Booth bắn gục. Cùng đêm đó, ông Seward bị thương nặng trong nỗ lực không thành nhằm cứu mạng cho Tổng thống. Tổng thống Lincoln qua đời ngay ngày hôm sau.

Ngay sau khi Tổng thống Lincoln qua đời, ông Stanton tuyên bố bên giường bệnh của Tổng thống rằng: “Giờ đây ông đã thuộc về lịch sử, tên ông sẽ được lưu danh muôn đời”. Những lời này còn vang vọng mãi trong trái tim của hàng triệu dân Mỹ. Ông George Templeton Strong đã viết trong nhật ký của mình: “TỔNG THỐNG LINCOLN VÀ ÔNG SEWARD BỊ ÁM SÁT ĐÊM QUA!!!... Miền Nam gần như đã gây tội ác đến tột cùng... Tôi sững sờ, như chính thảm họa ụp xuống đầu tôi... Chúng ta sẽ mãi mãi biết ơn Tổng thống Lincoln”.

Rõ ràng, rất nhiều đảng viên đảng Dân chủ miền Bắc không phải ào ào tuôn suối lệ lúc này. Tất nhiên họ ủng hộ cho Liên minh. Nhưng sự kiện này đã khiến hàng triệu đồng bào của Tổng thống Lincoln ở miền Bắc đau đớn và giận dữ. Trong số đó có cả những người trước đây từng chỉ trích và châm chọc ông. Lễ tang của ông diễn ra tại tòa nhà quốc hội. Tang lễ được cử hành bằng một toa xe lửa đi từ Washington băng ngang qua các vùng đông bắc tới tận Albany, sau đó sang phía tây tới Chicago và cuối cùng là đến quê hương ông, Springfield, Illinois. Ông được chôn cất ở đây dưới sự chứng kiến của cả rừng người thương tiếc.

Phản ứng của miền Nam đối với cái chết của Tổng thống Lincoln là những cảm xúc lẫn lộn. Nhiều người Liên minh tỏ ra vui mừng khi thấy kẻ thù cứng đầu của mình bị đốn hạ. Một người trong số họ, biểu đạt tâm trạng như sau “cái chết của Tổng thống Lincoln giống như... một tia nắng le lói trong một ngày mùa đông âm ảm”. Một cô gái tại đồn điền nói rằng (kẻ sát nhân) đáng được nhiều thế hệ người miền Nam hoan nghênh và rằng cô ta hy vọng ông này sẽ tìm được chốn nương náu tại miền Nam. Ngược lại, phần đông dân chúng ở hầu hết các thành phố miền Nam bày tỏ cảm xúc thương đau chỉ trích cuộc ám sát này. Một cô gái trẻ ở New Orleans đã chứng kiến: thành phố của cô đầy ắp những biểu hiện của đám tang và cô nhận xét mỉa mai “những người dân thành phố càng bạo lực để li khai bao nhiêu, họ càng biết ơn bấy nhiêu đối với cái chết của Tổng thống Lincoln. Các căn nhà mang những vật tượng trưng của niềm đau khổ... bởi vì đất đai bị sung công và họ bị bỏ tù... giờ đây cũng đã cột một dải lụa màu đen trên cửa nhà mình nhằm cứu lấy nhà cửa cho mình”.

Nhưng rất nhiều người miền Nam có sự cao thượng để không hằn thù trong kế hoạch tái thiết của Tổng thống Lincoln. Có lẽ họ cũng cảm động bởi những lời lẽ trong bài diễn văn nhậm chức lần thứ hai của ông. Đối với những người miền Nam này, ông trở thành một người bảo hộ của miền Nam chống lại những kẻ cực đoan đầy ác ý. Họ coi cái chết của ông như một đòn đau giáng vào khu vực miền Nam cũng như một tai ương đối với cả nước Mỹ. Rất nhiều lãnh đạo cao cấp quân sự cũng như dân sự của Liên minh bày tỏ sự thương tiếc sâu sắc và chân thành đối với sự kiện này. Tướng Joseph E. Johnston nói đó là “thảm họa lớn nhất đối với miền Nam”. Bà



Chesnut nói việc lên nắm quyền của ông Andrew Johnston, là “sự phản bội thô thiển” sẽ mang đau khổ đến cho miền Nam.

Một trong những lời nói đau đớn nhất của một người miền Nam khi bàn tới việc ám sát Tổng thống Lincoln là những dòng trong nhật ký của một chủ đồn điền. Ông này phản đối li khai, trung thành ủng hộ Liên bang. Ông viết: “Cái chết của Tổng thống Lincoln, theo nhận xét của tôi, là mất mát lớn nhất quốc gia này phải gánh chịu... Theo ý riêng tôi, đó là mất mát to lớn đối với cả nước Mỹ và đặc biệt là miền Nam. Bởi nhờ có ông, chúng ta có quyền kỳ vọng những điều khoản hòa bình có lợi hơn từ bất cứ người nào khác ngồi vào ghế Tổng thống sau ông. Ôi! Nước Mỹ đáng thương của tôi! Liệu còn có nỗi đau nào hơn thế này”.

Cái chết của Tổng thống Lincoln mặc dù xảy ra quá trễ để có thể gây ảnh hưởng đến toàn cục của cuộc nội chiến. Song ảnh hưởng của nó đến với thời kỳ hậu chiến là chủ đề của những cuộc tranh cãi không ngớt: tự Tổng thống có thể thành công trong việc duy trì một công trình tái thiết mang tính hòa giải đối với những bang li khai hay không? Liệu việc thay đổi một chương trình như vậy, giống như người kế nhiệm của ông, có chịu nổi những lời dèm pha bôi nhọ hay không? Hoặc cuối cùng liệu ông có đứng về phía những kẻ cực đoan để theo đuổi kế hoạch của họ hay không?

Những nhân vật cực đoan tin rằng cái chết của ông đã tháo gỡ một rào cản lớn cho kế hoạch của họ. Ngày ông qua đời, nhóm nhân vật cực đoan đã tổ chức họp kín. Một người trong số họ, hạ nghị sĩ George W. Julian của bang Indiana viết về cuộc họp này: “Trong lúc mọi người đều chấn động bởi vụ ám sát Tổng thống, cảm xúc chung là việc ông Johnston nhậm chức Tổng thống cho thấy một điều may mắn bất ngờ Chúa ban cho nước Mỹ. Không tính tới chính sách nổi tiếng của Tổng thống Lincoln về việc nhẹ tay đối với những kẻ nổi loạn... quan điểm của ông về vấn đề tái thiết là vô cùng khó chịu đối với các thành viên đảng Cộng hòa cực đoan”.

Trong những sự kiện hỗn loạn nơi chiến trường và tại Washington, Tổng thống Davis không chịu đầu hàng. Từ Danville, Virginia, ngày 05 tháng 4 ông tuyên bố rằng rất đau lòng đã để thủ đô Liên minh thất thủ. Nhưng ông kêu gọi một giai đoạn mới của chiến tranh và đưa ra kế hoạch dùng hình thức kháng chiến linh động. Ông nói rằng “không còn phải lo canh giữ những địa điểm cụ thể, quân đội chúng ta sẽ được tự do di chuyển từ địa điểm này đến địa điểm khác, tấn công kẻ thù từ những miền cách xa căn cứ của chúng”.

Một tuần sau, cùng tướng Joseph E. Johnston tại Greensboro, Bắc Carolina, Tổng thống Davis thúc giục rằng cuộc chiến phải được tiếp tục. Nhưng vì quân đội dưới quyền chỉ huy của tướng Lee đã đầu hàng và sự mệt mỏi cũng như chán nản của người dân miền Nam không muốn tham chiến khiến chẳng còn ai quan tâm đến việc kháng chiến thêm nữa. Tướng Johnston bác bỏ đề nghị của Tổng thống Davis. Ngày 18, tướng Johnston đầu hàng tướng Sherman với những điều khoản ưu đãi đối với miền Nam, những điều khoản như đã được đề nghị với tướng Lee. Thậm chí Liên bang còn chấp thuận việc công nhận chính quyền các bang hiện còn tồn tại nếu công

chức của những chính quyền này thề sẽ trung thành với Liên bang, đảm bảo cho từng công dân miền Nam quyền lợi về chính trị, đất đai và thân thể. Ngày 04 tháng 5 tại thị trấn Citronelle, Alabama, cách Mobile chỉ một quãng đường ngắn về phía Bắc, tướng Richard Taylor đầu hàng tướng Canby, cùng toàn bộ quân Liên minh ở Mississippi.

Nhưng Tổng thống Davis vẫn không chịu thua. Ông và vợ cùng với đoàn tùy tùng nhỏ nhoi theo đường sắt băng qua các bang của Carolina, đến vùng lãnh thổ Mississippi. Ở đây ông hy vọng sẽ làm sống lại chính quyền Liên minh dưới sự hỗ trợ của tướng Kirby Smith và một đội quân Liên minh vẫn còn có tổ chức. Hi vọng này đổ vỡ không lâu sau đó. Ngày 10 tháng 5, gần làng Irwinsville, Georgia, Tổng thống Davis và những người đi cùng ông đã bị phát giác và bị bắt. Chính kỵ binh Liên bang dưới quyền chỉ huy của tướng Wilson làm việc này. Ngày 26 tháng 5 tại Baton Rouge, tướng Kirby Smith đầu hàng tướng Canby. Nội chiến thế là kết thúc.

## 14. Nhận xét về các nhân vật chủ chốt và các biện pháp thời chiến

Hơn 125 năm đã qua đi kể từ khi nội chiến kết thúc, rất nhiều học giả, quân nhân và những người dân thường nỗ lực giải thích nguyên nhân chiến thắng của Liên bang và thất bại của Liên minh. Ông Grandy McWhiney và Perry D. Jamieson nhận xét rằng: mỗi nhà sử học về cuộc chiến này lại đưa ra lời giải thích khác nhau cho kết cục của nó. Có người tính toán rằng: mỗi một ngày qua đi từ khi cuộc chiến tranh kết thúc đến nay, lại có một cuốn sách ra đời viết về nội chiến. Hầu hết những tác phẩm này đều có những lời giải thích khác nhau, dù là thắng thắn, hay ngụ ý về kết quả của cuộc chiến.

Ông Robert E. Lee nói trong bài diễn văn cuối cùng của mình với binh lính của ông tại Appomattox rằng sau bốn năm nỗ lực không ngừng và chịu đựng ngoan cường, họ buộc phải thua vì đối phương áp đảo cả về số lượng lẫn về nguồn lực. Tổng thống Davis gắn bó một quãng đời với thăng trầm của chính phủ Liên minh, nói: cuộc chiến là một cuộc tranh tài giữa những lực lượng không cân sức và một cuộc chiến đấu không công bằng đối với người dân Liên minh. Lý do quân số và nguồn lực yếu hơn hẳn so với đối phương đã trở thành lời giải thích truyền thống của những người miền Nam về vấn đề miền Nam không thể thắng.

Người miền Bắc thuộc thế hệ tham chiến coi chiến thắng của Liên bang là một phần thưởng cho một phẩm chất vượt trội. Một người theo chủ nghĩa dân tộc và bài nô nhiệt thành, ông Henry Wilson tin rằng đáng tối cao đã can thiệp để hủy diệt cả chế độ nô lệ đầy tội lỗi cũng như nỗ lực tội lỗi không kém của miền Nam muốn rút chân ra khỏi Liên bang. Nhà sử học nổi tiếng James Ford Rhodes tin “uy lực về mặt đạo đức của Tổng thống Lincoln vượt trội hơn hẳn so với Tổng thống Davis” chính là nhân tố chính cho chiến thắng của Liên bang.

Những học giả của thế kỷ XX, cả miền Bắc lẫn miền Nam, là thế hệ sống ở thời điểm chiến tranh kết thúc đã rất lâu tự do hơn, không bị tình cảm và định kiến về cuộc chiến làm ảnh hưởng tới sự sáng suốt của mình. Họ thường có xu hướng giảm thiểu sức mạnh vượt trội của miền Bắc về quân số, nguồn lực khi cho rằng nó là một điều kiện quan trọng của Liên bang. Năm 1919, ông Nathaniel W. Stepheson viết rằng: mối bất hòa nội bộ của Liên minh và phòng tuyến Liên bang siết chặt hiệu quả góp phần chính yếu vào thất bại của miền Nam. Vài năm sau, ông Frank L. Owsley đưa ra lời giải thích về thất bại Liên minh như là một kết quả của thuyết chính trị về quyền các bang.

Những người khác nhấn mạnh tới những yếu kém về kinh tế và xã hội, họ coi đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại của miền Nam. Ông Bell Wiley ghi nhận rằng điểm bất lợi của miền Nam là xã hội nông nghiệp và có tác phong tỉnh lẻ “bị kiềm chế bởi lối suy nghĩ lạc hậu và những định kiến xưa cũ..., không đủ linh động để tiến hành chiến tranh hiện đại chống lại khu vực quốc gia hiện đại như đối thủ của mình lúc ấy”. Ông Peter J. Parish đưa ra một hệ luận cho lời giải thích này: “Trong tài lãnh đạo

về chính trị cũng như quân sự, miền Bắc dần cho thấy khả năng mau phục hồi và linh hoạt, cùng với sự hiểu biết sâu rộng. Điều này miền Nam không thể sánh kịp”. Công bằng mà nói Liên minh không có những phương pháp tiến hành một cuộc cách mạng để tương đương với Liên bang trong hành động dập tắt cách mạng bùng nổ.

Vài nhà nghiên cứu về thời chiến chỉ ra điểm yếu trong kết cấu của Liên minh, về quyền các bang, về sự yếu kém về mặt chính trị của chính quyền Liên minh. Ông McWhiney và ông Jamieson nói rằng: Liên minh chính là nạn nhân cho bản chất cục bộ của chính mình, bản chất này chủ yếu xuất phát từ tộc người Celtic, thúc ép binh lính tấn công liều chết một cách đại dột và liên tục không dùng những loại vũ khí hiệu quả, như súng hỏa mai và đạn cối mi ni. Những loại vũ khí này có lợi về chiến thuật tấn công khi đụng độ với vũ khí lỗi thời.

Giáo sư Wiley gợi ý rằng: sự đoàn kết của miền Nam bị yếu đi bởi họ quá đề cao chủ nghĩa cá nhân. Ông Davis Herbert Donald cũng có ý kiến tương tự khi kết luận rằng: Liên minh tự hủy diệt mình bằng việc áp dụng một nền dân chủ với những chính trị gia và quân nhân. Ông Wiley cũng tin rằng ý chí của miền Nam đã bị tê liệt bởi tội lỗi khi chấp nhận chế độ chiếm hữu nô lệ, chấp nhận hành vi dị giáo về chính trị đó là li khai. Ông Beringer, Hattaway, Jones và Still đặc biệt tâm đắc với ý kiến trong lời tuyên bố rằng: văn bia của Liên minh nên mang dòng chữ: “Chết vì tội lỗi và không có ý chí”. Giáo sư Drew Gilpin Faust cho rằng hệ tư tưởng của Liên minh “đại bại bởi những mối bất hòa nội bộ mà tình hình chiến sự khắc nghiệt khắc họa nó nổi bật, rõ nét hơn bao giờ”

Những giả thuyết như vậy không tồn tại lâu, chúng chỉ là những kết luận cá nhân do những học giả nghiên cứu về cuộc nội chiến đưa ra. Rõ ràng có những điểm chung trong kết luận này. Có nên bắt đầu từ những lý do gây ra hậu quả của cuộc chiến. Nhìn nhận rằng mọi lời nhận xét như vậy đều là phỏng đoán, dù ít dù nhiều là ý kiến cho ta biết thêm thông tin. Không có một lời giải thích nào trên đây sẽ là chân lý cuối cùng, không có lời giải thích nào phủ nhận cho những giải thích khác.

Một yếu tố được tất cả những nhà nghiên cứu biết tới là: Liên bang nắm giữ lợi thế lớn về quân số và sự hùng mạnh dồi dào nguồn lực vật chất. Những điểm chênh lệch này chứng tỏ những nhận xét của triết gia quân sự Clausewitz đủ để đảm bảo thắng lợi dưới bất kỳ hoàn cảnh nào. Tuy nhiên chiến thắng của Liên minh có thể xảy ra nếu Liên minh có vị thế về tài năng, sự đoàn kết và ý chí đủ lớn để vượt qua những lợi thế của Liên bang. Cần thấy ở đây, Liên minh thất bại trong việc tìm và gây dựng cho mình các kỹ năng quân sự cần thiết, sự đoàn kết và ý chí. Chiến thắng của Liên bang là kết quả của sự vượt trội về số lượng các sản phẩm sản xuất phục vụ chiến tranh, các nguồn lực nhiều vô kể về vật chất lẫn tinh thần. Còn có một bằng chứng buộc phải công nhận đó là tin rằng: cùng với những lợi thế về quân số và vật chất, Liên bang cuối cùng thắng lợi trong việc phát triển một chiến thuật hiệu quả hơn so với Liên minh để phát triển quốc gia; chiến thuật kết hợp tài tình những chính sách ngoại giao, cùng với các nguồn lực hỗ trợ cho nỗ lực chiến tranh. Liên bang cũng đã thắng lợi trong việc phát triển một chiến thuật quân sự hiệu quả, được

những người hiểu và làm theo. Những chiến thuật vượt trội ấy là một phần kết quả của sự vượt trội về công nghiệp, giao thông vận tải thương mại và nguồn lực vật chất cộng với những kinh nghiệm có được từ một nền kinh tế đang phát triển rực rỡ. Các chiến thuật này cũng là sản phẩm của các hệ thống xã hội và chính trị hiện đại hơn miền Nam. Họ cho thấy sự chính xác của những nguyên tắc tổng quát do chính trị gia quân sự Clausewitz đưa ra rằng: các xã hội có xu hướng tham chiến có cách thức nhất quán với tính chất cơ bản của chính xã hội đó.

Những chiến thuật của Liên bang cũng là kết quả của tài lãnh đạo nổi trội trong đó Tổng thống Lincoln nổi bật hơn tất cả. Mặc dù ông thiếu kinh nghiệm quân sự và quản trị, hoặc, như nhiều người khác đã từng nói, ông không có được sự tin tưởng nhờ kinh nghiệm, thế nên ông có thể nhìn nhận cuộc chiến như một bức tranh toàn cảnh và sáng tạo một chiến thuật áp dụng cho toàn quốc làm sao phù hợp với những nhu cầu của Liên bang. Sáng suốt hơn tất cả những cá nhân khác: ông nhận thấy việc bảo toàn Liên bang mới là nguyên nhân chính và chi phối toàn bộ cuộc chiến. Ông kiên định cho mục tiêu này với sự quyết tâm và gạt xuống dưới tầm mọi cân nhắc khác chỉ để đạt tới mục tiêu mình đã đặt ra.

Quan trọng hơn, Tổng thống Lincoln có được khả năng phi thường khi thông báo về mục tiêu và kế hoạch của mình với quần chúng nhân dân miền Bắc và thuyết phục họ nghe theo mình. Dù cho những ngôn từ được ca ngợi trong những bài diễn văn lớn của ông hoặc kiểu nói bình dân cho thấy sự thỏa mãn hoặc bất mãn của ông về xã hội hay về những viên tướng, chính trị gia, chủ bút các tờ báo, song lời ông nói đã ăn sâu vào tâm não của đại đa số dân chúng. Như một bậc thầy văn xuôi tiếng Anh, giống như Tổng thống Roosevelt và Churchill trong các cuộc chiến sau này, Tổng thống Lincoln đã thổi sức sống vào ngôn ngữ và tải nó đến tận các chiến trường xa xôi.

Tổng thống Lincoln rất có tài lãnh đạo, thuyết phục, tán dương hoặc ép buộc những nghị sĩ, thành viên nội các, tướng tá và những công dân hay chống đối. Ông khiến họ hợp tác với mình để thực hiện các kế hoạch do ông đưa ra. Ông có thể lý tưởng hóa hoặc thực dụng, có thể cứng nhắc hoặc linh hoạt, có thể khẳng khái theo ý mình hay chấp nhận đàm phán dễ dàng hoàn toàn dựa vào vấn đề nêu ra và hoàn cảnh khi xảy ra sự việc. Đôi khi ông phỏng đoán về hướng phát triển của các phong trào (ví dụ phong trào giải phóng nô lệ) trước những người khác. Nếu trong một số trường hợp ông theo những lời giáo huấn của Thánh Moses hoặc Chúa Giêsu, thì lại có những lúc khác ông hành động với tinh thần của Machiavelli và Bismarck.

Tổng thống Davis chứng tỏ không có khả năng giành độc lập cho miền Nam, bởi tính cách bản thân ông về sau càng mỗi mòn. Sau cuộc chiến ông bị coi như một tay đạo tặc cản trở quá trình tái thiết. Nhiều học giả vẫn nỗ lực châm biếm ông, coi ông như một lãnh đạo thời chiến bất tài và vụng về. Sử gia Davis M. Potter có lần đưa ra lời nhận xét khinh miệt về Tổng thống Davis: “Không có một bằng chứng thực sự nào cho thấy đã có lúc miền Nam làm những việc cần làm để giành chiến thắng trong

cuộc nội chiến... Cũng không có gì là thiếu thực tế nếu ta cho rằng: Liên minh và Liên bang nếu có đối Tổng chống cho nhau, Liên minh chắc sẽ giành được độc lập”.

Bản cáo trạng này là mục tiêu của nhiều tranh luận. Những nhà học giả đáng kính khác đã nêu ra những ý kiến thiên vị hơn về tài lãnh đạo của Tổng thống Davis. Ông Rembert Patrick có lý lẽ thuyết phục rằng: nói về điểm yếu của Liên minh và sự bất lực của chính quyền này, Tổng thống Davis điều hành chính phủ một cách hiệu quả nhất. Hai ông Hattaway và Jones thú nhận rằng: đứng về mặt chính trị Tổng thống Davis không bằng Tổng thống Lincoln. Nhưng họ kết luận rằng “lòng dũng cảm và sự thành công trong tài lãnh đạo của Tổng thống Davis ở lãnh vực quân sự cho thấy ông không hề có thiếu sót gì”. Họ còn đi xa tới độ đưa ra lời nhận xét rất dễ gây tranh cãi rằng: nỗ lực thời chiến của Liên minh dễ dàng vận động và dễ dàng dẫn dụ hơn là nỗ lực thời chiến của Liên bang.

Tổng thống Davis buộc phải làm việc với xã hội miền Nam bởi ông không còn con đường nào khác. Một xã hội mang trong mình rất nhiều yếu kém đặc biệt những yếu kém ấy đã không thể đứng vững trước những sức ép khủng khiếp của một cuộc chiến như cuộc nội chiến Hoa Kỳ. Những yếu kém này bao gồm học thuyết chính trị về quyền các bang, sự thù nghịch quē mùa đối với việc áp dụng thuế, sự bất mãn giữa dân nghèo đối với những người giàu có. Nền văn hóa quē kịch cục bộ, đề cao cá nhân đã đi ngược lại mọi nỗ lực kết hợp giữa những lãnh đạo và công dân miền Nam, đồng thời làm tăng thêm sự bất mãn đối với các nguyên tắc và những phương pháp tổ chức. Thêm vào đó là một nhân sinh quan đã phóng đại mức độ ảnh hưởng của miền Nam đối với nền kinh tế quốc tế.

Liên minh bị yếu đi cũng bởi việc chống lại chủ nghĩa hợp nhất một cách công khai giữa nhiều người miền Nam thiếu quyết đoán. Mọi nhân tố nói trên đều góp phần tạo nên thất bại chính của liên minh: không thể phát triển tinh thần ngoan cường của chủ nghĩa dân tộc miền Nam.

Rõ ràng, Tổng thống Davis là nhân vật trung tâm trong việc đưa ra một biện pháp đáng sợ nhằm gây dựng sức mạnh Liên minh. Ông kiên định và tận hiến cho hành động li khai của miền Nam cũng như Tổng thống Lincoln kiên định và tận hiến cho mục tiêu bảo toàn quốc gia của mình. Tổng thống Davis đưa quá nhiều tính cách cá nhân và quyết đoán của bản thân trong việc truyền đạt sự nghiệp của Liên minh tới công chúng. Ông hấp dẫn người dân miền Nam bằng những bài diễn văn hùng hồn mang đến cho họ bầu máu nóng là động cơ thúc đẩy để tham gia cuộc chiến giành độc lập cho miền Nam và tự do cá nhân.

Tổng thống Davis cho thấy mình đáng kính phục trong việc lãnh đạo một tiến trình để từ đó Liên minh có thể tự trang bị vũ khí và đứng vững trong một cuộc chiến lớn và kéo dài. Một nỗ lực đặc biệt ấn tượng khi cái giá quá đắt và thời gian kéo dài của cuộc nội chiến như càng trầm trọng thêm bởi những cuộc xung đột tại châu Âu trong cùng thời kỳ. Đó là chiến tranh Áo - Phổ kết thúc bằng chiến thắng của nước Phổ trong vòng bảy tuần. Chiến tranh Pháp - Phổ kết thúc bằng chiến thắng của

Phổ trong vòng sáu tháng. Liệu có một dân tộc nào chịu hiến dâng những người con ưu tú và nguồn lực của mình để phát huy lòng can đảm quân sự lớn hơn Liên minh lúc ấy chăng?

Mặc dù Tổng thống Davis hiểu sự cần thiết phải nhen nhóm và nuôi dưỡng một tinh thần bất khuất về chủ nghĩa dân tộc của Liên minh trong lòng người dân miền Nam, dù tận hiến rất nhiều nỗ lực của mình để lãnh đạo Liên minh, thì nỗ lực của ông cũng không thể đáp ứng nổi công việc to lớn này. Vì vậy thất bại của ông trên cương vị là một lãnh đạo chính trị góp phần vào thất bại của ông trên cương vị một lãnh tụ quân sự. Quan điểm độc đoán và việc vô cùng cứng rắn khi nhấn mạnh tới những đặc quyền khiến ông cao ngạo, hay cáu bẳn và cứng nhắc. Người ta nói rằng, có thể bẻ gãy ông nhưng không bao giờ bắt ông uyển chuyển được. Thiết lập mối quan hệ hòa hợp với rất nhiều những nhân vật thét ra lửa trong giới chính trị gia và tướng tá của Liên minh là chuyện khó lòng xảy ra. Cách hành xử của Tổng thống Davis đối với họ đã gây ra sự xung đột không thể tránh khỏi và mang tai họa khủng khiếp.

Mặc dù những lời tuyên bố của Tổng thống Davis là chân thành và can đảm, chúng vẫn không thể sánh với nỗ lực giao tiếp vĩ đại nhất của Tổng thống Lincoln. Người viết hồi ký của Tổng thống Davis, ông Clement Eaton, viết rằng: Cũng có thể Tổng thống Davis có tài hùng biện hơn Tổng thống Lincoln. Nhưng chính sự cao cả trong sự nghiệp của Liên bang đã khiến những bài diễn văn của Tổng thống Lincoln có sức thuyết phục hơn của Tổng thống Davis. Dù giải thích thế nào chăng nữa, Tổng thống Lincoln vẫn vượt xa Tổng thống Davis trong tài hùng biện chính trị. Việc giao tiếp của Tổng thống Davis với dân thường rõ ràng kém hiệu quả hơn. Giáo sư Wiley nói: Tổng thống Davis dường như quên sự cần thiết trong việc khẳng định và lấy lòng tin từ dân chúng với mình.

Điểm tương phản lớn giữa Tổng thống Lincoln và Tổng thống Davis trên cương vị tổng tư lệnh quân đội đó là sự kiên định trong việc chỉ định một viên tướng tổng tư lệnh của Tổng thống Lincoln và việc từ chối bổ nhiệm một chức vụ như vậy đối với Tổng thống Davis cho tới khi chuyện trở nên quá trễ. Tổng thống Lincoln cũng thấy được tướng Grant là người lý tưởng để giữ vị trí tổng tư lệnh quân đội Liên bang. Tướng Grant đã chỉ huy phối hợp nhịp nhàng các cánh quân và thực hiện được chiến thuật cần thiết để giành chiến thắng.

Viên tướng ưu việt của Liên minh, tướng Lee có lẽ phải được chỉ định làm tổng tư lệnh ngay từ đầu cuộc chiến. Trên cương vị một tổng chỉ huy quân đội, ông sẽ không còn bị kiềm chế bởi bất cứ ai, và cũng không ai ngang tài ngang sức với ông để giữ vị trí này. Hai ông Hattaway và Jones cũng phải kết luận rằng: về tài năng thực hiện các chiến dịch, tướng Lee nổi bật hơn tất cả vị tướng nào trong nội chiến. Dù tướng Lee có lên kế hoạch và thực hành một chiến thuật chung hiệu quả và mang tác dụng sâu rộng thì đó cũng là vấn đề gây tranh cãi giữa những người nghiên cứu cuộc chiến này. Nhưng việc chỉ định ông vào vị trí tổng tư lệnh cũng sẽ khiến cho quân đội Liên minh có được sự thống nhất về mệnh lệnh. Ông sẽ tạo lập được sự phối hợp và đoàn

kết ở mức độ cao hơn nhiều giữa ông và các tướng dưới quyền cũng như giữa ông và Tổng thống Davis.

Bởi vì chiến thuật thực sự của Liên minh không thể giành được chiến thắng, nên trở thành cái bưng xung cho những lời chỉ trích, đặc biệt là của những người đương thời. Những lời chỉ trích này thông thường phản ánh một mức độ đáng kể về tính trung thực của lịch sử. Các học thuyết về một chiến tranh toàn diện xuất hiện từ kinh nghiệm của Mỹ trong Thế chiến thứ II được củng cố bằng sự diễn giải theo lối Mỹ, những ghi chép của triết gia quân sự Clausewitz, đặc biệt là những lời nhấn mạnh của ông về sự hủy diệt của quân đội đối phương như là một phương tiện cuối cùng giành chiến thắng, đã mang lại niềm cảm hứng cho nhiều sử gia quân sự để xem xét cuộc nội chiến sâu sắc hơn.

Cũng vậy, Tổng thống Lincoln, tướng Grant, tướng Sherman cũng được coi là những người điều khiển cuộc chiến mang tư tưởng hiện đại. Tổng thống Davis, tướng Lee và tướng Jackson bị coi là các chiến binh lỗi thời.

Việc Liên minh chấp nhận một số hình thức chiến thuật quân sự khác với Liên minh thực sự được triển khai có thể là một động thái khôn ngoan. Tuy nhiên, “bất cứ chiến thuật nào đạt chiến thắng cho Liên minh đều phải kinh qua những cuộc cãi vã để đi đến quyết định trên chiến trường” là điều vẫn còn gây thắc mắc. Bên cạnh những bất lợi của Liên minh về quân số vũ khí, nguồn lực và cấu trúc xã hội, thì kinh tế chính trị của miền Nam có lẽ quá yếu ớt để duy trì một cuộc chiến kéo dài. Một cuộc chiến mà trong đó người miền Nam phải chịu đựng một gánh nặng không cân xứng về con số thương vong, về tình trạng chia rẽ và cả sự hủy diệt.

Những kinh nghiệm quân sự gần đây trên khắp thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm từ chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ, từ người Nga tại Afghanistan, cũng là một hình thức khác phải chịu chỉ trích như là chiến thuật của Liên minh. Là một bên tham chiến có phần yếu hơn, Liên minh có thể chấp nhận chiến thuật cổ điển của kẻ yếu. Đó là tránh những trận chiến quyết định, không khẳng khẳng đòi đất ngay lập tức, không áp dụng chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh, mà gây dựng một cuộc chiến tranh du kích trên quy mô lớn. Bằng cách đó ta có thể tin rằng ý chí của Liên bang cuối cùng cũng sẽ bị tiêu diệt vì vô số những lần tiêu hao sinh lực như vậy.

Lập luận ủng hộ cho kiểu chiến tranh du kích do Liên minh áp dụng không có gì mới mẻ. Tướng Alexander đã gợi ý một cuộc chiến tranh du kích đối với tướng Lee tại Appomattox. Tổng thống Davis cũng hình thành mô hình một cuộc chiến như vậy khi muốn tiếp tục nỗ lực kháng cự của Liên minh. Các nhà cầm quyền Liên bang lo sợ chuyện này xảy ra. Lập luận này rất xác đáng. Một dân tộc kiên định, cứng rắn duy trì một cuộc chiến tranh du kích có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị chinh phục. Người miền Nam trong cuộc cách mạng Mỹ đã cho thấy họ vừa có sự kiên định vững vàng vừa có những kỹ năng nổi bật trong việc tổ chức các chiến dịch ở phạm vi chiến tranh du kích, các hoạt động của dân quân thực sự đã được Liên minh thực hiện ở một phạm vi hạn hẹp cho thấy rằng người miền Nam vẫn có được những kỹ năng



quân sự hiệu quả cho một cuộc chiến tranh như vậy. Rõ ràng tướng Lee cũng rất hứng thú với một phong trào quân dân du kích. Rõ ràng, tướng Forrest, Morgan, Mosbys và các viên tướng Liên minh khác hoàn toàn có tài năng và thích hợp cho một chương trình quân sự như vậy.

Tuy nhiên còn một vấn đề quan trọng nữa là: liệu dựa vào một cuộc chiến tranh du kích ở mức độ sâu rộng có khả thi với những lãnh đạo Liên minh chẳng? Điều này có lẽ đã khó khăn khi mà hầu hết người miền Nam thực sự tin họ có khả năng chiến thắng bằng những cách thông thường. Và sau bốn năm phải chịu thiệt hại về của cải và đổ máu quá nhiều, kèm với thất bại quyết định trên chiến trường, đại đa số dân chúng miền Nam liệu có còn sẵn lòng thực hiện một cuộc chiến tranh không biết đến khi nào kết thúc hay không?

Hơn thế nữa, những rủi ro của một cuộc chiến tranh du kích lớn hơn rất nhiều những thiệt hại từ cuộc chiến thông thường. Người ta cũng gợi ý rằng: Liên minh có thể buộc phải thực hiện những chiến dịch lâu dài hàng thập kỷ để có thể giành được mục tiêu của mình. Điều này sẽ kích động quân chiếm đóng Liên bang, khiến họ sẽ ở lại miền Nam vĩnh viễn cộng với lệnh thiết quân luật chặt chẽ. Rõ ràng điều này chẳng khác nào việc cầm tù ở diện rộng, những cuộc xung đột dân sự giữa các tầng lớp và bè cánh miền Nam sẽ xảy ra như cơm bữa... Nói tóm lại, sẽ có một sự xấu xí ở diện rộng và kéo dài không dứt, sự phá hủy liên miên gây suy đồi lối sống của người miền Nam. Nếu như không giành được độc lập, chiến tranh du kích sẽ là thảm họa không thể đếm hết.

Tất nhiên, người ta còn không biết liệu những chính sách như vậy của Liên bang có làm kích động khơi lên trong số người da trắng miền Nam một tinh thần không thể kiềm nén được về sự đoàn kết và một lòng kháng chiến cần phải có để giành được độc lập. Nhưng thậm chí nếu như có, chiến tranh du kích cũng sẽ gây tai họa cho đất miền Nam. Triết gia quân sự Clausewitz nói “loại chiến tranh như vậy được coi là trực tiếp ban bố tình trạng hỗn loạn về mặt luật pháp trong cả nước, đe dọa trật tự xã hội trong nước, đồng thời biến quốc gia ấy thành miếng mồi ngon cho kẻ thù từ bên ngoài”.

Có thể hình thức kháng chiến này sẽ mang tới sự hủy diệt cho người miền Nam hơn là việc đối lấy hòa bình. Dù tuyên bố đầu hàng nhưng họ vẫn giữ được phẩm giá và danh dự, giữ được vị thế của mình trong hệ thống chính trị toàn quốc, giữ được mái ấm và của cải, ngoại trừ nô lệ. (Mà nô lệ chỉ có thiếu số người da trắng tại miền Nam sở hữu được mà thôi). Hầu như người miền Nam giữ lại được tất cả những thành tố của lối sống theo truyền thống của mình. Tướng Lee rõ ràng sẽ không nói rõ mọi nguyên nhân kể trên khi ông bác bỏ lời đề nghị khơi mào một cuộc chiến tranh du kích. Nhưng ý tưởng ấy có thể ông đã nghĩ tới.

Cuộc nội chiến kết thúc sau quá nhiều mất mát máu xương và của cải. Cả hai phe đều là tấm gương nổi bật về lòng dũng cảm, sự hy sinh. Đồng thời cả hai đều cho thấy mình có thể nhẫn tâm và tàn bạo tới chừng nào. Hồi ấy với số dân ít ỏi, mà con

số thương vong đã rất đáng sợ: Quân nhân Liên bang 260 ngàn người. Quân nhân Liên minh 258 ngàn người.

Nội chiến đã giúp giải quyết hai rắc rối lớn: vấn đề giải phóng nô lệ và sự trường tồn của Liên bang. Nó đã giúp cho nước Mỹ có được những phẩm chất còn tồn tại tới bây giờ. Hầu hết người Mỹ cả miền Bắc lẫn miền Nam, nhận thức cuộc chiến này như một bi kịch không thể tránh khỏi và là một thiên sử thi đầy chất anh hùng ca, ghi dấu ấn vĩnh viễn trong lịch sử của quốc gia. Nội chiến là câu chuyện về một thiên sử thi của người Mỹ.

HẾT.

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>